

KHÁI QUÁT VĂN HỌC VIỆT NAM TỪ CÁCH MẠNG THÁNG TÁM 1945 ĐẾN HẾT THẾ KỈ XX

A. VẤN ĐỀ CẦN GIẢI QUYẾT

***I. Tên bài học :* KHÁI QUÁT VĂN HỌC VIỆT NAM TỪ CÁCH MẠNG THÁNG TÁM 1945 ĐẾN HẾT THẾ KỈ XX**

***II. Hình thức dạy học :* DH trên lớp.**

III. Chuẩn bị của giáo viên và học sinh

1. Giáo viên:

- Phương tiện, thiết bị:
- + SGK, SGV, Tư liệu Ngữ Văn 11, thiết kế bài học.
- + Máy tính, máy chiếu, loa...
- PPDH: Phát vấn, thuyết trình, nêu vấn đề, thảo luận nhóm, trò chơi

2. Học sinh: Sách giáo khoa, bài soạn.

B. NỘI DUNG BÀI HỌC

KHÁI QUÁT VĂN HỌC VIỆT NAM TỪ CÁCH MẠNG THÁNG TÁM 1945 ĐẾN HẾT THẾ KỈ XX

C. MỤC TIÊU BÀI HỌC

I. Kiến thức :

a/ Nhận biết: Nêu được hoàn cảnh lịch sử xã hội văn hóa của giai đoạn VH- Nêu được chủ đề, những thành tựu của các thể loại qua các chặng đường phát triển.

b/ Thông hiểu: Ảnh hưởng của hoàn cảnh lịch sử xã hội văn hóa đến sự phát triển của văn học. Những đóng góp nổi bật của giai đoạn văn học 45-75,75 đến hết XX. Lý giải nguyên nhân của những hạn chế

c/ Vận dụng thấp: Lấy được những dẫn chứng để chứng minh.

d/ Vận dụng cao: - Vận dụng hiểu biết về hoàn cảnh lịch sử xã hội ra để lí giải nội dung, nghệ thuật của tác phẩm văn học.

II. Kỹ năng :

a/ Biết làm: bài đọc hiểu về văn học sử

b/ Thông thạo: sử dụng tiếng Việt khi trình bày một bài nghị luận về văn học sử

III. Thái độ :

a/ Hình thành thói quen: đọc hiểu văn bản

b/ Hình thành tính cách: tự tin khi trình bày kiến thức về văn học sử

c/ Hình thành nhân cách: có tinh thần yêu nước, yêu văn hoá dân tộc

IV. Những năng lực cụ thể học sinh cần phát triển:

- Năng lực thu thập thông tin liên quan đến giai đoạn văn học từ sau Cách mạng tháng Tám 1945 đến hết thế kỉ XX..
- Năng lực đọc – hiểu các tác phẩm văn học Việt Nam từ sau Cách mạng tháng Tám 1945 đến hết thế kỉ XX.
- Năng lực trình bày suy nghĩ, cảm nhận của cá nhân về giai đoạn văn học.
- Năng lực hợp tác khi trao đổi, thảo luận về thành tựu, hạn chế, những đặc điểm cơ bản, giá trị của những tác phẩm văn học của giai đoạn này
- Năng lực phân tích, so sánh đặc điểm của giai đoạn từ sau Cách mạng tháng Tám 1945 đến hết thế kỉ XX so với các giai đoạn khác.
- Năng lực tạo lập văn bản nghị luận.

D. TIẾN TRÌNH TỔ CHỨC BÀI HỌC

1. HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG (5 phút)

<i>Hoạt động của Thầy và trò</i>	<i>Nội dung cần đạt</i>
<ul style="list-style-type: none">- GV giao nhiệm vụ: GV hướng dẫn học sinh tìm hiểu về văn học văn học hiện đại Việt Nam từ năm 1945 đến hết thế kỉ XX bằng câu hỏi trắc nghiệm sau:<ul style="list-style-type: none">1. Ai là tác giả của bài thơ Đồng chí:<ul style="list-style-type: none">a/ Xuân Diệub/ Tố Hữuc/ Chính Hữud/ Phạm Tiến Duật2/ Nguyễn Duy là tác giả của bài thơ nào sau đây: a/ Mùa xuân nho nhỏb/ Ánh trăngc/ Đoàn thuyền đánh cád/ Viếng Lăng Bác- HS thực hiện nhiệm vụ:- HS báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ:- GV nhận xét và dẫn vào bài mới: trong chương trình Ngữ văn 9, các em đã học một số nhà thơ, nhà văn tiêu biểu trong văn học Việt Nam qua các thời kì kháng chiến chống Pháp (như Chính Hữu), chống Mĩ và sau 1975 (như bài Ánh trăng của Nguyễn Duy). Như vậy, văn học Việt Nam từ 1945 đến hết thế kỉ XX có gì nổi bật?	<p>HS suy nghĩ và trả lời chính xác câu hỏi: trả lời: 1d;2b</p>

2. HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

Hoạt động của GV - HS	Kiến thức cần đạt
1. Hướng dẫn HS tìm hiểu Khái quát văn học Việt Nam từ cách mạng tháng Tám 1945- 1975 (40 phút).	
<p>- B1: Cho HS tìm hiểu (qua trao đổi nhóm, hoặc cá nhân: HS thảo luận theo nhóm, chia thành 4 nhóm :(5-7 phút)</p> <p>Nhóm 1: <i>VHVN 1945 – 1975 tồn tại và phát triển trong hoàn cảnh lịch sử như thế nào? Văn học giai đoạn 1945 đến 1975 phát triển qua mấy chặng? Nêu chủ đề và thành tựu chủ yếu của từng chặng?</i></p> <p>Nhóm 2: <i>Từ HCLS đó, VH có những đặc điểm nào? Nêu và giải thích, chứng minh những đặc điểm thứ nhất và thứ hai của văn học giai đoạn này?</i></p> <p>Nhóm 3: <i>Thể nào là khuynh hướng sử thi? Điều này thể hiện như thế nào trong VH?</i></p> <p>Nhóm 4: <i>VH mang cảm hứng lãng mạn là VH như thế nào? Hãy giải thích phân tích đặc điểm này của VH 45-75 trên cơ sở hoàn cảnh XH?</i></p> <p>- B2: HS thực hiện nhiệm vụ</p> <p>- B3: HS báo cáo sản phẩm</p> <p>- B4: GV cho các nhóm khác nhận xét sau đó bổ sung và chốt lại kiến thức</p>	<p>I/ <u>Khái quát văn học Việt Nam từ cách mạng tháng Tám 1945- 1975:</u></p> <p><u>1. <i>Về i nét về ho à n cảnh lị ch s ử, xã hội, vă n</i></u></p> <p><u>hoá:</u></p> <ul style="list-style-type: none"> - Văn học vận động và phát triển dưới sự lãnh đạo sáng suốt và đúng đắn của Đảng - Cuộc chiến tranh giải phóng dân tộc vô cùng ác liệt kéo dài suốt 30 năm. - Điều kiện giao lưu văn hoá với nước ngoài bị hạn chế, nền kinh tế nghèo nàn chậm phát triển . <p><u>2.Quá trình phát triển và những thành tựu chủ yếu:</u></p> <p><u>a. <i>Chặng đường từ năm 1945 - 1954:</i></u></p> <ul style="list-style-type: none"> - VH tập trung phản ánh cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp của nhân dân ta - Thành tựu tiêu biểu: Truyện ngắn và kí. Từ 1950 trở đi xuất hiện một số truyện, kí khá dày dặn.(D/C SGK). <p><u>b. <i>Chặng đường từ 1955 -1964:</i></u></p> <ul style="list-style-type: none"> - Văn xuôi mở rộng đề tài. - Thơ ca phát triển mạnh mẽ. - Kịch nói cũng có một số thành tựu đáng kể.(D/C SGK). <p><u>c. <i>Chặng đường từ 1965 -1975:</i></u></p> <ul style="list-style-type: none"> - Chủ đề bao trùm là đề cao tinh thần yêu nước, ngợi ca chủ nghĩa anh hùng cách mạng. - Văn xuôi tập trung phản ánh cuộc sống chiến đấu và lao động, khắc hoạ thành

<p>- GV nói thêm về văn học vùng bị tạm chiếm</p> <p>GV: nêu ví dụ:</p>	<p>VN hiện đại</p> <ul style="list-style-type: none"> - Kịch cũng có những thành tựu đáng ghi nhận.(D/C SGK). <p>d. <u>Văn học vùng địch tạm chiếm:</u></p> <ul style="list-style-type: none"> - Xu hướng chính thống: Xu hướng phản động (Chống cộng, đòi truy bạo lực...) - Xu hướng VH yêu nước và cách mạng : <p>+ Nội dung phủ định chế độ bất công tàn bạo, lên án bọn cướp nước, bán nước, thức tỉnh lòng yêu nước và tinh thần dân tộc...</p> <p>+ Hình thức thể loại gọn nhẹ: Truyện ngắn, thơ, phóng sự, bút kí</p> <ul style="list-style-type: none"> - Ngoài ra còn có một sáng tác có nội dung lành mạnh, có giá trị nghệ thuật cao. Nội dung viết về hiện thực xã hội, về đời sống văn hoá, phong tục, thiên nhiên đất nước, về vẻ đẹp con người lao động... <p>3. <u>Những đặc điểm cơ bản của VHVN 1945-1975:</u></p> <p>a. <u>. Một nền VH chủ yếu vận động theo hướng cách mạng hoá, gắn bó sâu sắc với vận mệnh chung của đất nước.</u></p> <ul style="list-style-type: none"> - Văn học được xem là một vũ khí phục vụ đắc lực cho sự nghiệp cách mạng, nhà văn là chiến sĩ trên mặt trận văn hoá. - Văn học tập trung vào 2 đề tài lớn đó là Tổ quốc và Chủ nghĩa xã hội (thường gắn bó, hoà quyện trong mỗi tác phẩm)=> Tạo nên diện mạo riêng cho nền VH giai đoạn này. <p><i>“Người con gái Việt Nam – trái tim vĩ đại Còn một giọt máu tươi còn đập mãi Không phải cho em. Cho lẽ phải trên đời</i></p>
--	---

Ngữ văn 12

b. *Một nền văn học hướng về đại chúng*

- Đại chúng vừa là đối tượng phản ánh và phục vụ vừa là nguồn cung cấp bổ sung lực lượng sáng tác cho văn học.
- Nội dung, hình thức hướng về đối tượng quần chúng nhân dân cách mạng.

c. *Mô t nền văn học mang khuynh hướng*

s ử thi và cảm hứng lã

ng m an

- Khuynh hướng sử thi được thể hiện

<p><i>Cho quê hương em. Cho tổ quốc, loài người!”</i></p> <p>(Người con gái Việt Nam - Tố Hữu).</p> <p>Hay: <i>Người mẹ cầm súng</i> – chị Út Tịch ở xã Tam Ngãi, huyện Cầu Kè, tỉnh Trà Vinh, người mẹ của sáu đứa con, nổi tiếng với câu nói <i>Còn cái lai quần cũng đánh; Đất quê ta mệnh mông – Lòng mẹ rộng vô cùng...</i></p> <p>GV: Nói thêm:</p> <p>Họ ra trận, đi vào mưa bom bão đạn mà vui như trăng hội:</p> <p><i>“Xẻ dọc Trường Sơn đi cứu nước, Mà lòng phơi phới dậy tương lai”</i> (Tố Hữu).</p> <p><i>“Những buổi vui sao cả nước lên đường</i> <i>Xao xuyến bờ tre từng hồi trống giục”</i> (Chính Hữu).</p> <p><i>“Đường ra trận mùa này đẹp lắm, Trường Sơn Đông nhớ Trường Sơn Tây”</i> (Phạm Tiến Duật).</p>	<p>trong văn học ở các mặt sau:</p> <p>+ Đề tài: Tập trung phản ánh những vấn đề có ý nghĩa sống còn của đất nước: Tổ quốc còn hay mất, tự do hay nô lệ.</p> <p>+ Nhân vật chính: là những con người đại diện cho phẩm chất và ý chí của dân tộc; gắn bó số phận cá nhân với số phận đất nước; luôn đặt lẽ sống của dân tộc lên hàng đầu.</p> <p>+ Lời văn mang giọng điệu ngợi ca, trang trọng và đẹp tráng lệ, hào hùng.</p> <p>+ Người cầm bút có tầm nhìn bao quát về lịch sử, dân tộc và thời đại.</p> <p>- Cảm hứng lãng mạn:</p> <p>- Là cảm hứng khẳng định cái tôi dạt dào tình cảm hướng tới cách mạng</p> <p>- Biểu hiện:</p> <p>+ Ngợi ca cuộc sống mới, con người mới,</p> <p>+ Ca ngợi chủ nghĩa anh hùng CM và tin tưởng vào tương lai tươi sáng của dân tộc.</p> <p>☑Cảm hứng nâng đỡ con người vượt lên những chặng đường chiến tranh gian khổ, máu lửa, hi sinh.</p> <p>=> Khuynh hướng sử thi và cảm hứng lãng mạn kết hợp hoà quyện làm cho văn học giai đoạn này thấm đẫm tinh thần lạc quan, tin tưởng và do vậy VH đã làm tròn nhiệm vụ phục vụ đắc lực cho sự nghiệp đấu tranh giải phóng dân tộc thống nhất</p>
<p>3. GV hướng dẫn tìm hiểu Văn học VN từ sau 1975- hết thế kỉ XX</p>	
<p>- B1: Chuyển giao nhiệm vụ (HS làm việc cá nhân)</p> <p>-<i>Theo em hoàn cảnh LS của đất nước giai đoạn này có gì khác trước? Hoàn cảnh đó đã chi phối đến quá trình phát triển của VH như thế nào?</i></p>	<p>II/ Văn học VN từ sau 1975- hết thế kỉ XX.</p> <p>1/ Hoàn cảnh lịch sử, xã hội, văn hoá VN từ sau 1975:</p> <p>- Đại thắng mùa xuân năm 1975 mở ra</p>

<p>-<i>Những chuyển biến của văn học diễn ra cụ thể ra sao?</i></p> <p>-<i>Ý thức về quan niệm nghệ thuật được biểu hiện như thế nào?</i></p> <p>-<i>Theo em vì sao VH phải đổi mới? Thành tựu chủ yếu của quá trình đổi mới là gì? (Câu hỏi 4 SGK)</i></p> <p>-<i>Trong quan niệm về con người trong VH sau 1975 có gì khác trước?</i></p> <p><i>Hãy chứng minh qua một số tác phẩm mà em đã đọc?</i></p> <p>-B2: HS thực hiện nhiệm vụ: HS theo dõi SGK trình bày gọn những ý chính. Nêu D/C .</p> <p>- B3: HS báo cáo sản phẩm</p> <p>- B4: GV cho các HS còn lại nhận xét, sau đó bổ sung và chốt kiến thức</p>	<p>một thời kì mới-thời kì độc lập tự do thống nhất đất nước-mở ra vận hội mới cho đất nước</p> <p>- Từ năm 1975-1985 đất nước trải qua những khó khăn thử thách sau chiến tranh.</p> <p>- Từ 1986 Đất nước bước vào công cuộc đổi mới toàn diện, nền kinh tế từng bước chuyển sang nền kinh tế thị trường, văn hoá có điều kiện tiếp xúc với nhiều nước trên thế giới, văn học dịch, báo chí và các phương tiện truyền thông phát triển mạnh mẽ...</p> <p>=> Những điều kiện đó đã thúc đẩy nền văn học đổi mới cho phù hợp với nguyện vọng của nhà văn, người đọc cũng như phù hợp quy luật phát triển khách quan của nền văn học.</p> <p><u>2/Những chuyển biến và một số thành tựu ban đầu của văn học sau 1975 đến hết thế kỉ XX:</u></p> <p>- Từ sau 1975, thơ chưa tạo được sự lôi cuốn hấp dẫn như các giai đoạn trước. Tuy nhiên vẫn có một số tác phẩm ít nhiều gây chú ý cho người đọc (Trong đó có cả những cây bút thuộc thế hệ chống Mĩ và những cây bút thuộc thế hệ nhà thơ sau 1975).</p> <p>- Từ sau 1975 văn xuôi có nhiều thành tựu hơn so với thơ ca. Nhất là từ đầu những năm 80. Xu thế đổi mới trong cách viết cách tiếp cận hiện thực ngày càng rõ nét với nhiều tác phẩm của Nguyễn Mạnh Tuấn, Ma Văn Kháng, Nguyễn Khải.</p> <p>- Từ năm 1986 văn học chính thức bước vào thời kì đổi mới : Gắn bó với đời sống, cập nhật những vấn đề của đời sống hàng ngày. Các thể loại phóng sự, truyện ngắn, bút kí, hồi kí... đều có những thành tựu</p>
--	--

	<p>- Thể loại kịch từ sau 1975 phát triển mạnh mẽ (Lưu Quang Vũ, Xuân Trinh...)</p> <table border="1" data-bbox="862 268 1463 1465"> <thead> <tr> <th data-bbox="862 268 1065 352"><u>Trước 1975:</u></th><th data-bbox="1065 268 1463 352"><u>Sau 1975</u></th></tr> </thead> <tbody> <tr> <td data-bbox="862 352 1065 653"> <ul style="list-style-type: none"> - Con người lịch sử. - Nhân mạnh ở tính giai cấp. </td><td data-bbox="1065 352 1463 653"> <ul style="list-style-type: none"> - Con người cá nhân trong quan hệ đời thường. (<i>Mùa lá rụng trong vườn</i>- Ma Văn Kháng, <i>Thời xa vắng</i>- Lê Lưu, <i>Tướng về hưu</i> – Nguyễn Huy Thiệp...) - Nhân Mạnh ở tính nhân loại. (<i>Cha và con và...</i>- Nguyễn Khải, <i>Nỗi buồn chiến tranh</i> – Bảo Ninh...) </td></tr> <tr> <td data-bbox="862 653 1065 953"> <ul style="list-style-type: none"> - Chỉ được khắc hoạ ở phẩm chất chính trị, tinh thần cách mạng </td><td data-bbox="1065 653 1463 953"> <ul style="list-style-type: none"> - Còn được khắc hoạ ở phương diện tự nhiên, bản năng... </td></tr> <tr> <td data-bbox="862 953 1065 1297"> <ul style="list-style-type: none"> - Tình cảm được nói đến là t/c đồng bào, đồng chí, t/c con người mới </td><td data-bbox="1065 953 1463 1297"> <ul style="list-style-type: none"> - Con người được thể hiện ở đời sống tâm linh. (<i>Mảnh đất lắm người nhiều ma</i> của Nguyễn Khắc Trường, <i>Thanh minh trời trong sáng</i> của Ma Văn Kháng...) </td></tr> <tr> <td data-bbox="862 1297 1065 1465"> <ul style="list-style-type: none"> - Được mô tả ở đời sống ý thức </td><td data-bbox="1065 1297 1463 1465"></td></tr> </tbody> </table> <p>=><u>Nhìn chung về văn học sau 1975</u></p> <ul style="list-style-type: none"> - Văn học đã từng bước chuyển sang giai đoạn đổi mới và vận động theo hướng dân chủ hoá, mang tính nhân bản và nhân văn sâu sắc. - Văn cũng phát triển đa dạng hơn về đề tài, phong phú, mới mẻ hơn về bút 	<u>Trước 1975:</u>	<u>Sau 1975</u>	<ul style="list-style-type: none"> - Con người lịch sử. - Nhân mạnh ở tính giai cấp. 	<ul style="list-style-type: none"> - Con người cá nhân trong quan hệ đời thường. (<i>Mùa lá rụng trong vườn</i>- Ma Văn Kháng, <i>Thời xa vắng</i>- Lê Lưu, <i>Tướng về hưu</i> – Nguyễn Huy Thiệp...) - Nhân Mạnh ở tính nhân loại. (<i>Cha và con và...</i>- Nguyễn Khải, <i>Nỗi buồn chiến tranh</i> – Bảo Ninh...) 	<ul style="list-style-type: none"> - Chỉ được khắc hoạ ở phẩm chất chính trị, tinh thần cách mạng 	<ul style="list-style-type: none"> - Còn được khắc hoạ ở phương diện tự nhiên, bản năng... 	<ul style="list-style-type: none"> - Tình cảm được nói đến là t/c đồng bào, đồng chí, t/c con người mới 	<ul style="list-style-type: none"> - Con người được thể hiện ở đời sống tâm linh. (<i>Mảnh đất lắm người nhiều ma</i> của Nguyễn Khắc Trường, <i>Thanh minh trời trong sáng</i> của Ma Văn Kháng...) 	<ul style="list-style-type: none"> - Được mô tả ở đời sống ý thức 	
<u>Trước 1975:</u>	<u>Sau 1975</u>										
<ul style="list-style-type: none"> - Con người lịch sử. - Nhân mạnh ở tính giai cấp. 	<ul style="list-style-type: none"> - Con người cá nhân trong quan hệ đời thường. (<i>Mùa lá rụng trong vườn</i>- Ma Văn Kháng, <i>Thời xa vắng</i>- Lê Lưu, <i>Tướng về hưu</i> – Nguyễn Huy Thiệp...) - Nhân Mạnh ở tính nhân loại. (<i>Cha và con và...</i>- Nguyễn Khải, <i>Nỗi buồn chiến tranh</i> – Bảo Ninh...) 										
<ul style="list-style-type: none"> - Chỉ được khắc hoạ ở phẩm chất chính trị, tinh thần cách mạng 	<ul style="list-style-type: none"> - Còn được khắc hoạ ở phương diện tự nhiên, bản năng... 										
<ul style="list-style-type: none"> - Tình cảm được nói đến là t/c đồng bào, đồng chí, t/c con người mới 	<ul style="list-style-type: none"> - Con người được thể hiện ở đời sống tâm linh. (<i>Mảnh đất lắm người nhiều ma</i> của Nguyễn Khắc Trường, <i>Thanh minh trời trong sáng</i> của Ma Văn Kháng...) 										
<ul style="list-style-type: none"> - Được mô tả ở đời sống ý thức 											

<p>4. GV hướng dẫn học sinh tổng kết</p> <ul style="list-style-type: none"> - B1: Chuyển giao nhiệm vụ (làm việc cá nhân) <p>Câu hỏi: HS đọc phần ghi nhớ</p> <ul style="list-style-type: none"> - B2: HS thực hiện nhiệm vụ - B3: HS báo cáo sản phẩm - B4: GV nhận xét, chốt kiến thức 	<p>pháp, cá tính sáng tạo của nhà văn được phát huy .</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nét mới của VH giai đoạn này là tính hướng nội, đi vào hành trình tìm kiếm bên trong, quan tâm nhiều hơn đến số phận con người trong những hoàn cảnh phức tạp của đời sống. - Tuy nhiên VH giai đoạn này cũng có những hạn chế: đó là những biểu hiện quá đà, thiếu lành mạnh hoặc nảy sinh khuynh hướng tiêu cực, nói nhiều tới các mặt trái của xã hội... <p>III/ Tổng kết: (Ghi nhớ- SGK)</p> <ul style="list-style-type: none"> - VHVN từ CM tháng Tám 1945-1975 hình thành và phát triển trong một hoàn cảnh đặc biệt, trải qua 3 chặng, mỗi chặng có những thành tựu riêng, có 3 đặc điểm cơ bản... - Từ sau 1975, nhất là từ năm 1986, VHVN bước vào thời kì đổi mới, vận động theo hướng dân chủ hoá, mang tính nhân bản, nhân văn sâu sắc; có tính chất hướng nội, quan tâm đến số phận cá nhân trong hoàn cảnh phức tạp của cuộc sống đời thường, có nhiều tìm tòi đổi mới về nghệ thuật.
--	--

3.HOẠT ĐỘNG :LUYỆN TẬP

Hoạt động của GV - HS	Kiến thức cần đạt	
<p>-B1:GV giao nhiệm vụ: lập bảng so sánh Đổi mới trong quan niệm về con người trong văn học Việt Nam trước và sau năm 1975?</p> <p>- B2: HS thực</p>	<u>Trước 1975 :</u>	<u>Sau 1975</u>
	hiện nhiệm vụ:	<ul style="list-style-type: none"> - Con người lịch sử. - Nhấn mạnh ở tính giai cấp. - Chỉ được khắc họa ở

Ngũ văn 12

- Con người cá
nhân trong quan
hệ đời thường.

(*Mùa lá rụng
trong vườn*- Ma
Văn Kháng,
Thời xa vắng-
Lê Lưu, *Tướng
về hưu* –
Nguyễn Huy
Thiệp...)

- Nhân Mạnh ở
tính nhân loại.

(*Cha và con
và...*- Nguyễn
Khải,
*Nỗi buồn chiến
tranh* – Bảo
Ninh...)

Ngữ văn 12

<p>- B3: HS báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ:</p> <p>- B4: GV nhận xét, chốt kiến thức</p>	<p>phẩm chất chính trị, tinh thần cách mạng</p> <p>- Tình cảm được nói đến là t/c đồng bào, đồng chí, t/c con người mới</p> <p>- Được mô tả ở đời sống ý thức</p>	<p>- Còn được khắc hoạ ở phương diện tự nhiên, bản năng...</p> <p>- Con người được thể hiện ở đời sống tâm linh. (<i>Mảnh đất lắm người nhiều ma</i> của Nguyễn Khắc Trường, <i>Thanh minh trời trong sáng</i> của Ma Văn Kháng...)</p>
--	---	---

4. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG

Hoạt động của GV - HS	Kiến thức cần đạt
<p>- B1: GV giao nhiệm vụ: Tr/bày ngắn gọn về khuynh hướng sử thi và c/hứng lãng mạn của nền VHVN 1945 – 1975.</p> <p>- B2: HS thực hiện nhiệm vụ:</p> <p>- B3: HS báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ:</p> <p>- B4: GV nhận xét, chốt kiến thức</p>	<p>- <u>Khuynh hướng sử thi:</u> được thể hiện trong vh ở các mặt sau:</p> <p>+ Đề tài: Tập trung phản ánh những vấn đề có ý nghĩa sống còn của đất nước: Tổ quốc còn hay mất, tự do hay nô lệ.</p> <p>+ Nhân vật chính: là những con người đại diện cho phẩm chất và ý chí của dân tộc; gắn bó số phận cá nhân với số phận đất nước; luôn đặt lẽ sống của dân tộc lên hàng đầu.</p> <p>+ Lời văn mang giọng điệu ngợi ca, trang trọng và đẹp tráng lệ, hào hùng.</p> <p>+ Người cầm bút có tầm nhìn bao quát về lịch sử, dân tộc và thời đại</p> <p>- <u>Cảm hứng lãng mạn:</u> Tuy còn nhiều khó khăn gian khổ, nhiều mất mát, hy sinh nhưng lòng vẫn tràn đầy mơ ước, vẫn tin tưởng vào tương lai tươi sáng của đất nước. Cảm hứng lãng mạn đã nâng đỡ con người VN vượt lên mọi thử thách hướng tới chiến thắng.</p>

5. HOẠT ĐỘNG MỞ RỘNG VÀ SÁNG TẠO

Hoạt động của GV - HS	Kiến thức cần đạt
<p>- B1: GV giao nhiệm vụ: Trong bài <i>Nhận đường</i>, Nguyễn Đình Thi viết: “Văn nghệ phụng sự kháng chiến, nhưng chính kháng chiến</p>	<p>NĐT đề cập đến mối quan hệ giữa văn nghệ và kháng chiến:</p> <p>. Một mặt: Văn nghệ phụng sự kháng chiến. Đó là mục đích của nền văn nghệ mới trong hoàn cảnh đất nước có chiến tranh – Nhà văn là chiến sĩ trên mặt trận văn hoá.</p>

Ngữ văn 12

đem đến cho văn nghệ một sức sống mới. Sắt lửa mặt trận đang đúc nên văn nghệ mới của chúng ta.”

Hãy bày tỏ suy nghĩ của anh (chị) về ý kiến trên.

- **B2:** HS thực hiện nhiệm vụ:

- **B3:** HS báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ:

- **B4:** GV nhận xét, bổ sung

. Mặt khác, chính hiện thực phong phú , sinh động của cách mạng, kháng chiến đã đem đến cho văn nghệ một sức sống mới, khơi nguồn cảm hứng sáng tạo dồi dào cho văn nghệ.

Tuần

Ngày soạn:

Tiết 3

Ngày duyệt:.....

NGHỊ LUẬN VỀ MỘT TƯ TƯỞNG ,ĐẠO LÍ

A. VẤN ĐỀ CẦN GIẢI QUYẾT

I. Tên bài học : nghị luận về một tư tưởng, đạo lý

II. Hình thức dạy học : DH trên lớp.

III. Chuẩn bị của giáo viên và học sinh

1. Giáo viên:

- Phương tiện, thiết bị:

+ SGK, SGV, Tư liệu Ngữ Văn 11, thiết kế bài học.

+ Máy tính, máy chiếu, loa...

- PPDH: Phát vấn, thuyết trình, nêu vấn đề, thảo luận nhóm, trò chơi

2. Học sinh: Sách giáo khoa, bài soạn.

B. NỘI DUNG BÀI HỌC

Nghị luận về một tư tưởng, đạo lý

C. MỤC TIÊU BÀI HỌC

I. Kiến thức :

a/ Nhận biết: Nắm được khái niệm kiểu bài văn nghị luận về một tư tưởng, đạo lý;

b/ Thông hiểu: Xác định đúng vấn đề cần nghị luận trong văn bản nghị luận về một tư tưởng, đạo lý (luận đề)

Ngữ văn 12

c/Vận dụng thấp: Xây dựng được dàn ý cho bài văn nghị luận về một tư tưởng, đạo lý;

d/Vận dụng cao:Viết được bài văn nghị luận về một tư tưởng, đạo lý có bố cục mạch lạc, logic.

II. Kỹ năng :

a/ Biết làm: nghị luận về một tư tưởng, đạo lý

b/ Thông thạo: cấu trúc bài nghị luận xã hội

III.hái độ :

a/ Hình thành thói quen: phân tích đề, lập dàn ý

b/ Hình thành tính cách: tự tin khi trình bày một vấn đề về tư tưởng , đạo

lí c/Hình thành nhân cách: nhận thức và hành động đúng đắn

IV. Những năng lực cụ thể học sinh cần phát triển:

- Năng lực viết văn bản nghị luận xã hội ;
- Năng lực đọc – hiểu một văn bản nghị luận về một tư tưởng, đạo lý;hiện tượng đời sống
- Các năng lực chung như: thu thập kiến thức xã hội có liên quan; năng lực giải quyết vấn đề; năng lực sáng tạo; năng lực sử dụng, giao tiếp bằng tiếng Việt;
- Năng lực tạo lập văn bản nghị luận.

D. TIẾN TRÌNH TỔ CHỨC BÀI HỌC

1.HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG (5 phút)

<i>Hoạt động của Thầy và trò</i>	<i>Nội dung cần đạt</i>
<p>- B1: GV giao nhiệm vụ: hướng dẫn học sinh tìm hiểu bài học bằng câu hỏi trắc nghiệm sau:</p> <p>1/ Đề văn nào dưới đây không thuộc loại nghị luận về một tư tưởng đạo lý?</p> <p>a. Anh/ chị suy nghĩ như thế nào về câu nói: Cái nét đánh chết cái đẹp</p> <p>b. Anh/ chị suy nghĩ như thế nào về câu khẩu hiệu : Học để biết, học để làm, học để chung sống, học để tự khẳng định mình.</p> <p>c. Anh/ chị suy nghĩ như thế nào về câu nói : Làm người thì không nên có cái tôi...nhưng làm thơ thì không thể không có cái tôi.</p> <p>d. Qua bài thơ Vội vàng, anh(chị) có suy nghĩ như thế nào về quan niệm sống của nhà thơ Xuân Diệu?</p> <p>- B2: HS thực hiện nhiệm vụ:</p> <p>- B3: HS báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ:</p> <p>- B4: GV nhận xét và dẫn vào bài mới: Văn nghị luận</p>	<p>- HS suy nghĩ chọn câu trả lời đúng: c</p>

kiểu bài chúng ta thường gặp trong đời sống hằng ngày, trên báo chí và các phương tiện truyền thông đại chúng khác. Hơn nữa, ở bậc THCS, chúng ta cũng đã nghiên cứu khá kĩ kiểu bài này; vậy bây giờ em nào có thể nhắc lại những nội dung cơ bản đã học ở lớp 9?	
--	--

2. HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

Hoạt động của GV - HS	Kiến thức cần đạt
1. GIÁO VIÊN HƯỚNG DẪN HS TÌM HIỂU ĐỀ VÀ LẬP DÀN Ý(15 phút).	
<p>* GV hướng dẫn HS tìm hiểu đề</p> <p>- B1: GV chuyển giao nhiệm vụ: (HS làm việc theo nhóm- 4 nhóm) :</p> <p>? Đọc kĩ đề bài và câu hỏi sgk, trao đổi thảo luận, ghi kết quả vào phiếu học tập (ý khái quát, ngắn gọn) và đại diện nhóm trình bày (3-5 phút)</p> <p>- B2: HS thực hiện nhiệm vụ:</p> <p>- B3: HS báo cáo sản phẩm</p> <p>- B4: GV cho các nhóm nhận xét kết quả của nhau sau đó bổ sung và chốt kiến thức</p> <p>GV bổ sung:</p> <p>- Như vậy, bài làm có thể hình thành 4 nội dung để trả lời câu hỏi cả Tố Hữu: lí tưởng đúng đắn; tâm hồn lành mạnh; trí tuệ sáng suốt; hành động tích cực.</p> <p>- Với đề văn này, có thể sử dụng các thao tác lập luận như: giải thích (<i>sống đẹp</i>); phân tích (các khía cạnh biểu hiện của <i>sống đẹp</i>); chứng minh, bình luận (nêu những tấm gương người tốt, bàn cách thức rèn luyện để sống đẹp,; phê phán lối sống ích kỉ, vô trách nhiệm, thiếu ý chí, nghị lực,...).</p>	<p>I. <u>Tìm hiểu đề và lập dàn ý:</u></p> <p><i>Đề bài:</i> Em hãy trả lời câu hỏi sau của nhà thơ Tố Hữu: Ôi, <i>Sống đẹp là thế nào, hỡi bạn ?</i></p> <p>a. <u>Tìm hiểu đề:</u></p> <p>- Câu thơ viết dưới dạng câu hỏi, nêu lên vấn đề “sống đẹp” trong đời sống của mỗi người muốn xứng đáng là “con người” cần nhận thức đúng và rèn luyện tích cực.</p> <p>- Đề <i>sống đẹp</i>, mỗi người cần xác định: <i>lí tưởng</i> (mục đích sống) đúng đắn, cao đẹp; <i>tâm hồn</i>, <i>tình cảm</i> lành mạnh, nhân hậu; <i>trí tuệ</i> (kiến thức) mỗi ngày thêm mở rộng, sáng suốt; <i>hành động</i> tích cực, lương thiện... Với thanh niên, HS, muốn trở thành người <i>sống đẹp</i>, cần thường xuyên học tập và rèn luyện để từng bước hoàn thiện nhân cách.</p> <p>- Dẫn chứng chủ yếu dùng tư liệu thực tế, có thể lấy dẫn chứng trong thơ văn nhưng không cần nhiều.</p>

<ul style="list-style-type: none"> - B3: HS báo cáo sản phẩm - B4: GV nhận xét, chốt kiến thức 	<p>b. <u>Lập dàn n</u></p> <p>ý:</p> <p>A. <u>Mở bài:</u></p> <ul style="list-style-type: none"> - Giới thiệu về cách sống của thanh niên hiện nay. - Dẫn câu thơ của Tố Hữu. <p>B. <u>Thân bài:</u></p> <ul style="list-style-type: none"> - Giải thích thế nào là sống đẹp? - Các biểu hiện của sống đẹp: <ul style="list-style-type: none"> + <i>lí tưởng</i> (mục đích sống) đúng đắn, cao đẹp. + <i>tâm hồn, tình cảm</i> lành mạnh, nhân hậu. + <i>trí tuệ</i> (kiến thức) mỗi ngày thêm mở rộng, sáng suốt. + <i>hành động</i> tích cực, lương thiện... <p>Với thanh niên, HS, muốn trở thành người <i>sống đẹp</i>, cần thường xuyên học tập và rèn luyện để từng bước hoàn thiện</p>
<p>2. GV hướng dẫn HS rút ra cách làm bài nghị luận về một tư tưởng, đạo lí:(10 PHÚT)</p>	
<p>* GV hướng dẫn HS tìm hiểu cách nhận diện đề tài nghị luận về tư tưởng, đạo lí</p> <ul style="list-style-type: none"> - B1: chuyển giao nhiệm vụ (HS làm việc cá nhân) <p>? Nghị luận về một tư tưởng đạo lí thường bàn về những vấn đề gì</p> <ul style="list-style-type: none"> - B2: HS thực hiện nhiệm vụ - B3: HS trình bày sản phẩm - B4: GV nhận xét, chốt kiến thức <p>* GV hướng dẫn HS khái quát lại phương pháp làm bài qua phần luyện tập</p> <ul style="list-style-type: none"> - B1: Chuyển giao nhiệm vụ (HS làm việc cá nhân) <p>? Bài nghị luận về một tư tưởng đạo lí thường có những nội dung nào.</p> <ul style="list-style-type: none"> - B2: HS thực hiện nhiệm vụ 	<p>II. <u>Cách làm bài nghị luận về một tư tưởng, đạo lí:</u></p> <p>1. <u>Đề tài nghị luận về tư tưởng, đạo lí:</u></p> <p>vô cùng phong phú, bao gồm các vấn đề:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Về nhận thức (lí tưởng, mục đích sống). - Về tâm hồn, tính cách (lòng yêu nước, lòng nhân ái, vị tha, bao dung, độ lượng; tính trung thực, dũng cảm, chăm chỉ, cần cù, thái độ hoà nhã, khiêm tốn; thói ích kỉ, ba hoa, vụ lợi, ...). - Về các quan hệ gia đình (tình mẫu tử, tình anh em,...); về quan hệ xã hội (tình đồng bào, tình thầy trò, tình bạn,...). - Về cách ứng xử, những hành động của mỗi người trong cuộc sống,... <p>2. <u>Nội dung thường</u></p>

<p>- B3: HS báo cáo sản phẩm</p> <p>- B4: GV nhận xét, chốt kiến thức</p>	<p>b. <u>Thân bài:</u></p> <p>* <i>Giải thích</i>, nêu nội dung vấn đề cần bàn luận. Trong trường hợp cần thiết, người viết chú ý giải thích các khái niệm, các vế và rút ra ý khái quát của vấn đề.</p> <p>Lưu ý: Cần giới thiệu vấn đề một cách ngắn gọn, rõ ràng, tránh trình bày chung chung. Khâu này rất quan trọng, có ý nghĩa định hướng cho toàn bài.</p> <p>* <i>Phân tích</i> vấn đề trên nhiều khía cạnh, chỉ ra biểu hiện cụ thể.</p> <p>* <i>Chứng minh</i>: Dùng dẫn chứng để làm sáng tỏ vấn đề.</p> <p>* <i>Bàn bạc</i> vấn đề trên các phương diện, khía cạnh: đúng- sai, tốt- xấu, tích cực- tiêu cực, đóng góp- hạn chế,...</p> <p>Lưu ý: Sự bàn bạc cần khách quan, toàn diện, khoa học, cụ thể, chân thực, sáng tạo của người viết.</p> <p>* Khẳng định ý nghĩa của vấn đề trong lí luận và thực tiễn đời sống.</p> <p>c. <u>Kết bài:</u> Liên hệ, rút ra bài học nhận thức và hoạt động về tư tưởng đạo lí</p>
<p>*Hướng dẫn HS luyện tập củng cố kiến thức</p> <p>-B1: chuyển giao nhiệm vụ:</p> <p>+ Yêu cầu HS đọc kĩ bài tập trong SGK và thực hành theo các câu hỏi. (HS làm việc cá nhân)</p> <p>+ Bài 2: GV có thể đặt ra một số yêu cầu cụ thể cho HS:</p> <p>a.Lập dàn ý</p> <p>b.Viết thành bài văn nghị luận hoàn chỉnh</p> <p>+ GV cho HS chia nhóm thảo luận dàn ý sau đó định hướng trở lại để HS viết thành bài văn hoàn chỉnh</p> <p>- B2: HS thực hiện nhiệm vụ</p> <p>- B3: HS báo cáo sản phẩm</p> <p>- B4: GV kiểm tra, nhận xét, cho điểm một</p>	<p>II/ Luyện tập:</p> <p>1. Bài tập 1:</p> <p>+ Vấn đề mà Nê- ru bàn luận là phẩm chất văn hoá trong nhân cách của mỗi con người.</p> <p>+ Có thể đặt tiêu đề cho văn bản là: “<i>Thế nào là con người có văn hoá?</i>” Hay “<i>Một trí tuệ có văn hoá</i>”</p> <p>+ Tác giả đã sử dụng các thao tác lập luận: Giải thích (đoạn 1), phân tích (đoạn 2) , bình luận (đoạn 3)</p> <p>+ Cách diễn đạt rất sinh động: (GT: đưa ra câu hỏi và tự trả lời. PT: trực tiếp đối thoại với người đọc tạo sự gần gũi thân mật. BL: viện dẫn đoạn thơ của một nhà</p>

2. Bài 2/

<p>-B1: chuyển giao nhiệm vụ: a.Lập dàn ý b.Viết thành bài văn nghị luận hoàn chỉnh -> HS về nhà làm - B2: HS thực hiện nhiệm vụ - B3: HS báo cáo sản phẩm - B4: GV kiểm tra, nhận xét, cho điểm một số bài làm của HS</p>	<p>SGK/22: Dàn ý: - Mở bài: + Vai trò lí tưởng trong đời sống con người. + Có thể trích dẫn nguyên văn câu nói của Lep Tônxtôi - Thân bài: + Giải thích: lí tưởng là gì? + Phân tích vai trò, giá trị của lí tưởng: Ngọn đèn chỉ đường, dẫn lối cho con người. <i>Dẫn chứng: lí tưởng yêu nước của Hồ Chí Minh.</i> + Bình luận: Vì sao sông cần có lí tưởng? + Suy nghĩ của bản thân đối với ý kiến của nhà văn. Từ đó, lựa chọn và phân đấu cho lí tưởng sống. - Kết bài: + Lí tưởng là thước đo đánh giá con người. + Nhắc nhở thế hệ trẻ biết sống vì lí tưởng. b. Viết thành bài văn</p>
---	--

3. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP

Hoạt động của GV - HS	Kiến thức cần đạt
-----------------------	-------------------

Ngữ văn 12

<p>- B1: GV giao nhiệm vụ: Xác định 3 yêu cầu khi làm đề sau: phát biểu ý kiến về vai trò của tự học đối với học sinh hiện nay.</p> <p>- B2: HS thực hiện nhiệm vụ:</p> <p>- B3: HS báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ:</p>	<p>a. <i>Yêu cầu nội dung</i>: Tự học với học sinh hiện nay là rất cần thiết, bài văn cần có bốn ý sau:</p> <ol style="list-style-type: none">1. Giải thích về “học” và “tự học”.2. Đưa các lí lẽ, dẫn chứng để khẳng định tự học đối với học sinh hiện nay là rất cần thiết.3. Phê phán không tự học, dựa dẫm, ỷ lại,...4. Rút ra bài học nhận thức và hành động từ việc tìm hiểu về tự học. <p>b. <i>Yêu cầu về thao tác nghị luận</i>: Thường sử dụng kết hợp các thao tác sau:</p>
---	---

thức	<ul style="list-style-type: none"> - Thao tác trình bày luận điểm: Gồm hai thao tác diễn dịch và qui nạp (nên sử dụng diễn dịch). - Thao tác làm rõ luận điểm gồm: Thao tác giải thích để làm rõ nội dung ý kiến hay khái niệm ở đề bài. Thao tác phân tích để chia tách vấn đề thành nhiều khía cạnh, chỉ ra các biểu hiện cụ thể của vấn đề. Thao tác chứng minh để làm sáng tỏ vấn đề. Thao tác bình luận để khẳng định vấn đề. Thao tác bác bỏ để phê phán, phủ nhận khía cạnh sai lệch. <p>c. <i>Yêu cầu về phạm vi tư liệu</i> (dẫn chứng): Bài nghị luận xã hội chủ yếu lấy dẫn chứng trong thực tế đời sống.</p>
------	--

4.HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG

Hoạt động của GV - HS	Kiến thức cần đạt
<p>- B1:GV giao nhiệm vụ: Anh/chị hãy viết một bài văn ngắn (không quá 400 từ) phát biểu ý kiến về tác dụng của việc đọc sách.</p> <p>- B2: HS thực hiện nhiệm vụ:</p> <p>-B3: HS báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ:</p> <p>- B4: Gv nhận xét, chốt kiến thức</p>	<p>LẬP DÀN Ý</p> <p>I/. Mở bài:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nêu ý: Có người vào thư viện đọc sách, có người mua sách. Nhận định: Đọc sách có nhiều tác dụng. <p>II/. Thân bài:</p> <p>1/. Nêu ví dụ từ đó giải thích: “Sách” là kho tàng tri thức, kĩ năng. “Đọc sách” là hoạt động tiếp thu tri thức, kĩ năng.</p> <p>2/. Nêu các ví dụ và phân tích tác dụng của đọc sách:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Mở mang hiểu biết... - Bồi dưỡng tư tưởng, tình cảm... - Có thêm nhiều kĩ năng... - Có tác dụng giải trí... <p>3/. Phê phán người không quý trọng sách, lười đọc, đọc không lựa chọn, không đúng lúc.</p> <p>4/. Bài học:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nhận thức tầm quan trọng của đọc sách. - Hành động: Đọc sách liên quan đến học tập. Còn cần đọc thêm sách khác. Biết chọn sách, đọc đúng lúc. <p>III/. Kết bài: Đánh giá chung tác dụng của đọc sách, mọi người cần đọc sách.</p>

5. HOẠT ĐỘNG MỞ RỘNG VÀ SÁNG TẠO

Hoạt động của GV - HS	Kiến thức cần đạt
<p>- B1:GV giao nhiệm vụ:</p> <p>1. Sưu tầm một số câu châm ngôn thể hiện tư tưởng, đạo lí đúng;</p> <p>2. Chọn 1 trong những câu châm ngôn đó, phân tích đề và lập dàn ý chi tiết.</p> <p>- B2: HS thực hiện nhiệm vụ:</p> <p>- B3: HS báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ:</p> <p>- B4: GV nhận xét, chốt kiến thức</p>	<p>-Chọn đúng câu châm ngôn thể hiện tư tưởng đạo lí</p> <p>- Biết phân tích đề và lập dàn ý chi tiết.</p>

.....

.....

.....

Tuần

Ngày soạn:

Tiết 4

Ngày duyệt:.....

NGHỊ LUẬN VỀ MỘT HIỆN TƯỢNG ĐỜI SỐNG

A. VẤN ĐỀ CẦN GIẢI QUYẾT

I. Tên bài học : nghị luận về một hiện tượng đời sống

II. Hình thức dạy học : DH trên lớp.

III. Chuẩn bị của giáo viên và học sinh

1. Giáo viên:

- Phương tiện, thiết bị:

+ SGK, SGV, Tư liệu Ngữ Văn 11, thiết kế bài học.

+ Máy tính, máy chiếu, loa...

- PPDH: Phát vấn, thuyết trình, nêu vấn đề, thảo luận nhóm, trò chơi

2. Học sinh: Sách giáo khoa, bài soạn.

B. NỘI DUNG BÀI HỌC

Nghị luận về một hiện tượng đời sống

C. MỤC TIÊU BÀI HỌC

I. Kiến thức :

1/ Nhận biết: Nắm được khái niệm kiểu bài văn nghị luận về một hiện tượng đời sống;

b/ Thông hiểu: Xác định đúng vấn đề cần nghị luận trong văn bản nghị luận về một hiện tượng đời sống;

c/ Vận dụng thấp: Xây dựng được dàn ý cho bài văn nghị luận về một hiện tượng đời sống;

d/ Vận dụng cao: Viết được bài văn nghị luận về một hiện tượng đời sống có bố cục mạch lạc, logic.

II. Kỹ năng :

a/ Biết làm: nghị luận về một hiện tượng đời sống;

b/ Thông thạo: cấu trúc bài nghị luận xã hội

III. Thái độ :

a/ Hình thành thói quen: phân tích đề, lập dàn ý

b/ Hình thành tính cách: tự tin khi trình bày một vấn đề về một hiện tượng đời sống;

c/ Hình thành nhân cách: Biết đề ra biện pháp khắc phục cái xấu, có phương hướng phát huy cái tốt trong đời sống.

IV. Những năng lực cụ thể học sinh cần phát triển:

- Năng lực viết văn bản nghị luận xã hội ;

- Năng lực đọc – hiểu một văn bản nghị luận về một hiện tượng đời sống

- Các năng lực chung như: thu thập kiến thức xã hội có liên quan; năng lực giải quyết vấn đề; năng lực sáng tạo; năng lực sử dụng, giao tiếp bằng tiếng Việt;

- Năng lực tạo lập văn bản nghị luận.

D. Tổ chức dạy và học.

1. HOẠT ĐỘNG : KHỞI ĐỘNG (5 phút)

<i>Hoạt động của Thầy và trò</i>	<i>Nội dung cần đạt</i>

- **B1:** GV giao nhiệm vụ: Dễ bị hỏng mắt, mắc bệnh tâm

thần... vì nghiện chơi Pokemon Go

(Nguồn: <http://khampha.vn/tin-nhanh>)

Thông tin trên nêu ra hiện tượng gì?

- B2: HS thực hiện nhiệm

vụ:

- B3: HS báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ:

-B4: GV nhận xét và dẫn vào bài mới: Văn nghị luận nói chung, nghị luận về một hiện tượng đời sống nói riêng là kiểu bài chúng ta thường gặp trong đời sống hằng ngày, trên báo chí và các phương tiện truyền thông đại chúng khác. Hơn nữa, ở bậc THCS, chúng ta cũng đã nghiên cứu khá kĩ kiểu bài này; vậy bây giờ em nào có thể nhắc lại những nội dung cơ bản đã học ở lớp 9?

Chơi Pokemon Go để lại nhiều tác hại

2. HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

Hoạt động của GV - HS	Kiến thức cần đạt
1. GV hướng dẫn HS tìm hiểu đề và lập dàn ý: (15phút).	
<p>* GV hướng dẫn Hs tìm hiểu đề:</p> <p>- B1: GV chuyển giao nhiệm vụ (HS làm việc cá nhân)</p> <p>Đề bài yêu cầu bàn về hiện tượng gì?</p> <p>GV cho HS thực hiện yêu cầu của câu hỏi 2</p> <p>Hỏi: Nên chọn những dẫn chứng nào?</p> <p>Cần vận dụng những thao tác lập luận nào?</p> <p>HS đọc tư liệu tham khảo “<i>Chia chiếc bánh của mình cho ai?</i>” (SGK)</p> <p>- B2: HS thực hiện nhiệm vụ</p> <p>- B3: HS báo cáo sản phẩm kiến thức</p> <p>- B4: GV nhận xét, chốt kiến thức</p>	<p>I. Tìm hiểu đề và lập dàn ý:</p> <p>1. Tìm hiểu đề:</p> <p>- Đề bài yêu cầu bày tỏ ý kiến: việc làm của anh Nguyễn Hữu Ân - vì tình thương “<i>dành hết chiếc bánh thời gian của mình</i>” chăm sóc cho hai người mẹ bị bệnh hiểm nghèo.</p> <p>- Luận điểm:</p> <p>+ Việc làm của Nguyễn Hữu Ân: đã nêu một tấm gương về lòng hiếu thảo, vị tha, đức hi sinh của thanh niên.</p> <p>+ Hiện tượng Nguyễn Hữu Ân là một hiện tượng sống đẹp, thế hệ ngày nay cần có nhiều tấm gương như Nguyễn Hữu Ân.</p> <p>+ Bên cạnh đó, còn một số người có lối sống ích kỉ, vô tâm, đáng phê phán, “<i>lãng phí chiếc bánh thời gian vào những việc vô bổ</i>”.</p> <p>+ Bài học: Tuổi trẻ cần dành thời gian tu dưỡng, lập nghiệp, sống vị tha để cuộc đời ngày một đẹp hơn.</p> <p>2. Dẫn chứng:</p>

<p>* Gv hướng dẫn HS cách lập dàn ý dựa trên phần tìm hiểu đề</p> <ul style="list-style-type: none"> - SGK đã gợi ý, dẫn dắt cụ thể. Sử dụng các câu hỏi của SGK và dựa vào kết quả tìm hiểu đề ở trên, GV yêu cầu HS thảo luận để lập dàn ý. - B1: Gv chuyển giao nhiệm vụ <p>Nhóm 1: <i>Phần mở bài cần nêu lên những gì? Giới thiệu về hiện tượng như thế nào?</i></p> <p>Nhóm 2: <i>Phần thân bài có những ý chính nào? Tại sao?</i></p> <p>Nhóm 3: <i>Hiện tượng Nguyễn Hữu Ân có ý nghĩa gì, tiêu biểu cho phẩm chất nào của thanh niên ngày nay?</i></p> <p>Nhóm 4: <i>Em hãy đánh giá chung về những hiện tượng tương tự như hiện tượng Nguyễn Hữu Ân? Những hiện tượng nào cần phê phán</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - B2 : HS thực hiện nhiệm vụ - B3: HS báo cáo nhiệm vụ (đại diện nhóm trình bày) - B4: GV nhận xét, chốt kiến thức 	<p>niên ngày nay tương tự như Nguyễn Hữu Ân: dạy học ở các lớp tình thương, giúp đỡ người tàn tật có hoàn cảnh neo đơn, tham gia phong trào tình nguyện...</p> <ul style="list-style-type: none"> + Một số việc làm đáng phê phán của thanh niên học sinh: bỏ học ra ngoài chơi điện tử, đánh bi a, tham gia đua xe... - Thao tác nghị luận: phân tích, chứng minh, bình luận, bác bỏ. - Dẫn chứng: <p>2. Lập dàn ý:</p> <p>a. Mở bài:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Giới thiệu hiện tượng Nguyễn Hữu Ân - Trích dẫn đề văn, nêu vấn đề “<i>chia chiếc bánh mì của mình cho ai?</i>” <p>b. Thân bài:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tóm tắt hiện tượng: Nguyễn Hữu Ân đã dành hết thời gian của mình cho những người ung thư giai đoạn cuối. - Phân tích hiện tượng: Hiện tượng Nguyễn Hữu Ân có ý nghĩa giáo dục rất lớn đối với thanh niên, học sinh ngày nay: <ul style="list-style-type: none"> - Bình luận: + Đánh giá chung về hiện tượng: + Phê phán: + Kêu gọi: Thanh niên, học sinh ngày nay hãy noi gương Nguyễn Hữu Ân để thời gian của mình không trôi đi vô ích. <p>c. Kết bài:</p> <p>Bày tỏ suy nghĩ riêng của người viết đối với hiện tượng.</p> <p>Hiện tượng Nguyễn Hữu Ân có ý nghĩa giáo</p>
---	---

	<p>dục rất lớn đối với thanh niên, học sinh ngày nay</p> <p>:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Hiện tượng này chứng tỏ thanh niên Việt Nam đã và đang phát huy truyền thống <i>Lá lành đùm lá rách</i>, tinh thần tương thân tương ái, giúp đỡ lẫn nhau của cha ông xưa. + Hiện tượng Nguyễn Hữu Ân tiêu biểu cho lối sống đẹp, tình yêu thương con người của thanh niên ngày nay. + Một số tấm gương tương tự. <p>✉Đánh giá chung về hiện tượng: Đa số thanh niên Việt Nam có ý thức tốt với việc làm của mình, có hành vi ứng xử đúng đắn, có tấm lòng nhân đạo, bao dung. Không chỉ vì một số ít thanh niên có thái độ và việc làm không hợp lí mà đánh giá sai toàn bộ thanh niên.</p> <ul style="list-style-type: none"> + Phê phán: Một vài hiện tượng tiêu cực “<i>lãng phí chiếc bánh thời gian</i>” vào những việc vô bổ, không làm được gì cho bản thân, gia đình, bạn bè, những người cần được quan tâm, chia sẻ. + Kêu gọi:
<p>2. GV hướng dẫn HS rút ra cách làm bài nghị luận về hiện tượng đời sống:(10 PHÚT)</p>	
<p>- B1: GV chuyển giao nhiệm vụ Hướng dẫn HS trả lời câu hỏi 2 và ghi nhớ nội dung bài học qua phần Ghi nhớ trong SGK. GV nhấn mạnh 2 nội dung cơ bản. Nghị luận đời sống là gì? Cần đạt được những yêu cầu nào khi làm bài một bài văn nghị luận về một hiện tượng đời sống? (HS trả lời cá nhân)</p> <p>- B2: HS thực hiện nhiệm vụ</p> <p>- B3: HS báo cáo sản phẩm</p>	<p>II.. Cách làm bài nghị luận về hiện tượng đời sống:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nghị luận đời sống: là bàn về một hiện tượng có ý nghĩa trong xã hội. - Bài nghị luận cần: <ul style="list-style-type: none"> + Nêu rõ hiện tượng + Phân tích các mặt đúng – sai, lợi – hại + Chỉ ra nguyên nhân + Bày tỏ ý kiến, thái độ của người viết

<p>- B4 : GV nhận xét, chốt kiến thức</p>	<p>- Ngoài việc vận dụng các thao tác lập luận như phân tích, chứng minh, so sánh, bác bỏ, bình luận..., cần: diễn đạt sáng sủa, ngắn gọn, giản dị, nhất là phần nêu cảm nghĩ của riêng mình.</p>
<p>3: GV hướng dẫn HS làm bài tập phần luyện tập (10 PHÚT)</p>	
<p>- B1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập: GV hướng dẫn, gợi ý cho HS giải bài tập.</p> <p>- <i>Lãnh tụ NAQ bàn về hiện tượng gì trong đời sống?</i></p> <p>- <i>Tác giả đã sử dụng những thao tác lập luận nào? Nêu d.chứng và pt tác dụng của chúng?</i></p> <p>- <i>Nghệ thuật diễn đạt của văn bản?</i></p> <p>- <i>Rút ra bài học gì cho bản thân?</i></p> <p>Yêu cầu HS đọc lại văn bản trích của lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc và vận dụng các tri thức đã học để giải quyết các yêu cầu của bài tập</p> <p>- B2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập</p> <p>- B3: HS báo cáo sản phẩm</p> <p>- B4: GV nhận xét, chốt kiến thức</p>	<p>III. LUYỆN TẬP:</p> <p>Bài tập</p> <p>1:</p> <p>a. Trong văn bản trên, bàn về hiện tượng : Trong văn bản trên, bàn về hiện tượng nhiều thanh niên, sinh viên Việt Nam du học nước ngoài dành quá nhiều thời gian cho việc chơi bời, giải trí mà chưa chăm chỉ học tập, rèn luyện để khi trở về góp phần xây dựng đất nước.</p> <p>Hiện tượng ấy diễn ra vào những năm đầu của thế kỉ XX.</p> <p>b. Tác giả đã sử dụng các thao tác lập luận:</p> <p>+ Phân tích: Thanh niên du học mãi chơi bời, thanh niên trong nước “<i>không làm gì cả</i>”, họ sống “<i>già cỗi</i>”, thiếu tổ chức, rất nguy hại cho tương lai đất nước...</p> <p>+ So sánh: nêu hiện tượng thanh niên, sinh viên Trung Hoa du học chăm chỉ, cần cù.</p> <p>+ Bác bỏ: “<i>Thế thì thanh niên của ta đang làm gì? Nói ra thì buồn, buồn lắm: Họ không làm gì cả</i>”.</p> <p>c. Nghệ thuật diễn đạt của văn bản:</p> <p>- Dùng từ, nêu dẫn chứng xác đáng, cụ thể,</p> <p>- Kết hợp nhuần nhuyễn các kiểu câu trần thuật, câu hỏi, câu cảm thán.</p>

3. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP

Hoạt động của GV - HS	Kiến thức cần đạt
<p>-B1: GV giao nhiệm vụ: Đọc đoạn văn sau :</p> <p><i>Thanh niên ta ai cũng biết là hiện nay có hơn hai nghìn thanh niên Trung Quốc trên đất pháp và độ hơn năm vạn ở Châu Âu và Châu Mỹ. Hầu hết những thanh niên ấy đều đã tốt nghiệp Hán văn và tất cả đang là sinh viên-công nhân. Còn chúng ta, thì chúng ta có những sinh viên được học bổng và những sinh viên thường, nhờ ơn Nhà nước hay tiền của cha mẹ (hại thay, hai nguồn ấy lại không bao giờ cạn cả), mà đang giành một nửa thời giờ vào việc...chơi bi-a, một nửa của nửa thì giờ còn lại để đến các chốn ăn chơi; số thì giờ còn lại, mà ít khi làm lắm, thì để vào trường đại học hoặc trường trung học. Nhưng sinh viên-công nhân Trung Quốc thì lại không có mục đích nào khác hơn là nhằm sự chấn hưng nền kinh tế nước nhà và họ theo châm ngôn : "Sinh sống bằng lao động của bản thân và vừa học hỏi vừa lao động" (Nguyễn Ái Quốc)</i></p> <p>1. Trong đoạn văn trên, tác giả bàn luận vấn đề gì ?</p> <p>a. Thanh niên, sinh viên Việt Nam du học lãng phí thời gian vào những việc vô bổ</p> <p>b. Sinh viên -công nhân Trung Quốc với những nỗ lực tìm kiếm tri thức trên thế giới</p> <p>c.Hậu quả của sự lãng phí thời gian trong học tập của sinh viên Việt Nam</p> <p>d. Việc học tập và tu dưỡng của thanh niên Việt Nam khi đi du học ở nước ngoài</p> <p>2.Thái độ của tác giả khi bàn về hiện tượng trên như thế nào?</p> <p>a. Xót xa, tiếc thương</p> <p>b. Phê phán , lên án</p> <p>c. Tôn vinh,tự hào</p> <p>d. Đồng tình, ủng hộ</p>	<p>d. Việc học tập và tu dưỡng của thanh niên Việt Nam khi đi du học ở nước ngoài</p> <p>a. Xót xa, tiếc thương</p>

vụ: - B4: GV nhận xét, chốt kiến thức	
--	--

4. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG

Hoạt động của GV - HS	Kiến thức cần đạt
<p>- B1:GV giao nhiệm vụ: Viết một bài văn ngắn (khoảng 400 từ) trình bày suy nghĩ của anh (chị) về lối sống thực dụng đang làm băng hoại đạo đức của con người, đặc biệt là giới trẻ hiện nay.</p> <p>- B2: HS thực hiện nhiệm vụ:</p> <p>- B3: HS báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ:</p> <p>- B4: GV nhận xét, chốt kiến thức</p>	<p>a. Giải thích:</p> <p>- Lối sống thực dụng là lối sống coi nặng giá trị vật chất, chạy đua theo những nhu cầu trước mắt, đặt lợi ích của bản thân lên trên tất cả, gần với sự ích kỉ, trục lợi. Lối sống thực dụng là một căn bệnh nguy hiểm có thể làm băng hoại đạo đức con người.</p> <p>- Biểu hiện của lối sống thực dụng: sống buông thả, thờ ơ, hành xử thô bạo, vi phạm pháp luật nhà nước, coi trọng tiền bạc, xem nhẹ những giá trị đạo đức, nhân cách, tâm hồn. Ví dụ: hiện tượng chọn nghề theo thị hiếu xã hội mà không theo sở thích, khả năng của bản thân; bạo lực trong học đường...</p> <p>b. Phân tích, chứng minh tác hại, nguyên nhân của hiện tượng:</p> <p>- Tác hại của lối sống thực dụng: Lối sống thực dụng sẽ làm tha hóa con người, khơi dậy những ham muốn bản năng, cơ hội, chạy theo hưởng lạc, những lợi ích trực tiếp trước mắt, xa rời những mục tiêu phấn đấu. Trong quan hệ giữa người với người, những tình cảm lành mạnh bị thay thế bằng quan hệ vụ lợi, vật chất. Trong đời sống, họ vô trách nhiệm, bàng quan, vô cảm, không đấu tranh chống cái sai và cũng không ủng hộ cái đúng, cái tốt.</p> <p>- Nguyên nhân của lối sống thực dụng: do ý thức của bản thân; do môi trường giáo dục còn chưa chú trọng đến đạo đức, nhân cách, kĩ năng sống; do gia đình thiếu sát sao, quan tâm; do xã hội chưa tổ chức được những hoạt động hữu ích thu hút giới trẻ,...</p> <p>c. Biện pháp khắc phục:</p> <p>- Sống phải có khát vọng, lí tưởng, có hoài bão, mục đích sống, động lực để phấn đấu. Nhất là tuổi trẻ phải biết biến ước mơ thành hành động cụ thể, năng động, dám nghĩ, dám làm, không uổng phí thời gian,</p>

	tới giáo dục, tạo động lực phấn đấu và thu hút, trọng dụng giới trẻ vào những việc làm có ích.
--	--

5. HOẠT ĐỘNG MỞ RỘNG VÀ SÁNG TẠO

Hoạt động của GV - HS	Kiến thức cần đạt
<p>- B1: GV giao nhiệm vụ:</p> <ol style="list-style-type: none"> Viết một bài văn ngắn giới thiệu một tấm gương học giỏi- sống tốt ở trường em. Làm một video clip ngắn (khoảng 10 phút) về đề tài Tuổi trẻ học đường với an toàn giao thông <p>-B2:HS thực hiện nhiệm vụ:</p> <p>- B3: HS báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ:</p> <p>- B4: GV nhận xét, chốt kiến</p>	<p>1. Xác định đây là bài nghị luận về một hiện tượng đời sống tốt. Dựa vào cấu trúc để làm bài. Chú ý tìm tấm gương có thực trong lớp, trường đang học.</p> <p>Chú ý phải có lời bình đúng chủ đề về ATGT dành cho tuổi trẻ.</p>

.....

.....

.....

Tuần

Ngày soạn:

Tiết 5

Ngày duyệt:.....

BÀI VIẾT SỐ 1 : NGHỊ LUẬN XÃ HỘI

I. Mục đích:

- Kiểm tra: bài viết số 1

+ Thời gian: 45 phút

Ngữ văn 12

+ Đối tượng: HS k12

+ Hình thức tổ chức: HS viết bài trên lớp

- Đề ra đảm bảo:

+ Kiến thức: Vận dụng kiến thức và kỹ năng về văn nghị luận đã học để viết được bài nghị luận xã hội bàn về một vấn đề tư tưởng, đạo lý.

+ Kỹ năng: Tiếp tục rèn luyện các kỹ năng tìm hiểu đề và các thao tác lập luận trong bài nghị luận xã hội như giải thích, phân tích, bác bỏ, so sánh, bình luận ...

+ Thái độ: Nâng cao nhận thức về lý tưởng, cách sống của bản thân trong học tập và rèn luyện.

+ Năng lực : giúp HS hình thành năng lực giải quyết tình huống, sử dụng ngôn ngữ, trình bày suy nghĩ và tạo lập văn bản

II. Thiết lập ma trận:

Mức độ \ Chủ đề	Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng thấp	Vận dụng cao	Tổng
1.Văn học					
2.Tiếng việt					
3.Làm văn				HS vận dụng những kiến thức,kỹ năng đã học về NLXH để làm một đề bài cụ thể	
Số câu :				1	1
Số điểm :				10	10
Tỉ lệ :				100%	100%
Tổng					
Số câu :				1	1
Số điểm :				10	10
Tỉ lệ :				100%	100%

III. Thiết lập đề kiểm tra

Đề bài : Tình thương là hạnh phúc của con người

IV. Hướng dẫn chấm :

Ngữ văn 12

1. Hướng dẫn chung :

- GK nắm vững yêu cầu của hướng dẫn chấm
- Vận dụng linh hoạt đáp án và thang điểm, khuyến khích các bài có cảm xúc và sáng tạo.

2. Đáp án

1. Yêu cầu kỹ năng

- Đảm bảo kỹ năng viết NLXH

- Bố cục rõ ràng. Trình bày sạch sẽ, diễn đạt lưu loát, dùng từ chính xác, chữ viết cẩn thận...

2. Yêu cầu kiến thức ;

* MB : - Giới thiệu về tư tưởng nghị luận

* TB : Học sinh có thể trình bày theo nhiều cách nhưng cần đảm bảo những yêu cầu sau :

- Giải thích khái niệm : Tình thương là gì ? Hạnh phúc là gì ?
- Phân tích, chứng minh về tác dụng và ý nghĩa to lớn của tình thương :
 - + Mang hạnh phúc đến với người biết yêu thương người khác
 - + Người được yêu thương sẽ trở nên hạnh phúc
 - Phê phán những người sống ích kỉ lạnh lùng
 - Rút ra bài học : sống là phải biết yêu thương và chia sẻ

*KB : Khẳng định lại sức mạnh to lớn của tình yêu thương

Thang điểm:

- Điểm 10: Bài viết đáp ứng được tất cả các yêu cầu về kiến thức và kỹ năng
- Điểm 9: Bài viết đáp ứng được tất cả các yêu cầu kiến thức, có thể mắc vài sai sót nhỏ
- Điểm 7-8: Bài viết đáp ứng được phần lớn các yêu cầu về kiến thức và còn vài sai sót
- Điểm 5- 6: Bài viết đáp ứng được 2/3 yêu cầu về kiến thức , có nhiều sai sót
- Điểm 3-4: Bài viết đáp ứng được 1/2 yêu cầu kiến thức, có nhiều sai sót
- Điểm 1- 2: Bài viết sơ sài
- Điểm 0: Bài viết có suy nghĩ tiêu cực, lệch lạc hoặc để giấy trắng

.....
.....
.....

Tuần

Ngày soạn:

Tiết 6

Ngày kí:.....

TUYÊN NGÔN ĐỘC LẬP (PHẦN I – TÁC GIẢ)

A. VẤN ĐỀ CẦN GIẢI QUYẾT

I. Tên bài học : Tuyên ngôn độc lập

II. Hình thức dạy học : DH trên lớp.

III. Chuẩn bị của giáo viên và học sinh

1. Giáo viên:

- Phương tiện, thiết bị:

+ SGK, SGV, Tư liệu Ngữ Văn 11, thiết kế bài học.

+ Máy tính, máy chiếu, loa...

- PPDH: Phát vấn, thuyết trình, nêu vấn đề, thảo luận nhóm, trò chơi

2. Học sinh: Sách giáo khoa, bài soạn.

B. NỘI DUNG BÀI HỌC

Tuyên ngôn độc lập

C. MỤC TIÊU BÀI HỌC

I. Kiến thức :

a/ Nhận biết: Nêu thông tin về tác giả, sự nghiệp sáng tác

b/ Thông hiểu: Lý giải được mối quan hệ/ ảnh hưởng của hoàn cảnh lịch sử với cuộc đời và sự nghiệp sáng tác của tác giả

c/ Vận dụng thấp: Vận dụng hiểu biết về tác giả, tác phẩm để đọc hiểu văn bản liên quan đến tiểu sử HCM

d/ Vận dụng cao: Viết bài cảm nhận riêng (như chân dung văn học) về tác giả

II. Kỹ năng :

a/ Biết làm: bài thuyết minh về tác gia văn học

b/ Thông thạo: các bước thuyết minh tác gia văn học

III. Thái độ :

a/ Hình thành thói quen: đọc hiểu văn bản về tác gia văn học

b/ Hình thành tính cách: tự tin khi trình bày kiến thức về tác gia văn học

c/ Hình thành nhân cách: có tinh thần kính yêu , cảm phục, ngưỡng mộ lãnh tụ

IV. Những năng lực cụ thể học sinh cần phát triển:

Ngữ văn 12

- Năng lực thu thập thông tin liên quan đến văn bản
- Năng lực hợp tác để cùng thực hiện nhiệm vụ học tập
- Năng lực giải quyết những tình huống đặt ra trong các văn bản
- Năng lực đọc - hiểu các tác giả văn học
- Năng lực sử dụng ngôn ngữ, trình bày suy nghĩ, cảm nhận của cá nhân về tác giả Hồ Chí Minh.

D. Tổ chức dạy và học.

1. HẠT ĐÔNG KHỞI ĐỘNG (5 phút)

<i>Hoạt động của Thầy và trò</i>	<i>Nội dung cần đạt</i>
<ul style="list-style-type: none">- B1: GV giao nhiệm vụ: GV hướng dẫn học sinh tìm hiểu về HCM bằng cách cho HS:<ul style="list-style-type: none">- Xem chân dung- Xem một đoạn videoclip về HCM- Nghe một đoạn bài hát Viếng lăng Bác (phỏng thơ Viễn Phương)- B2: HS thực hiện nhiệm vụ:- B3: HS báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ:- B4: giáo viên giới thiệu <i>Vào bài</i>: Chủ tịch Hồ Chí Minh là người đặt nền móng, người mở đường cho văn học cách mạng. Sự nghiệp văn học của Người rất đặc sắc về nội dung tư tưởng, phong phú đa dạng về thể loại và phong cách sáng tác. Để thấy rõ hơn những điều đó, chúng ta cùng nhau tìm hiểu bài học hôm nay.	HS trình bày chính xác những quan sát của mình về Bác

2. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

Hoạt động của GV - HS	Kiến thức cần đạt
1. GV hướng dẫn HS tìm hiểu :Tiểu sử- Quan điểm sáng tác (10 phút).	
<p>* Thao tác 1 : Hướng dẫn HS tóm tắt những nét cơ bản nhất về tiểu sử. HS làm việc cá nhân HS đã đọc kĩ SGK và đã soạn bài dựa theo câu hỏi của phần Hướng dẫn học bài. - B1: GV chuyển giao nhiệm vụ: HS theo dõi SGK trả lời ngắn gọn (chú ý những điểm mốc lớn). <i>Những nét chính trong cuộc đời Hồ Chí Minh?</i> - B2: HS thực hiện nhiệm vụ: HS tóm tắt</p>	<p>I. <u>Vài nét về tiểu sử:</u> (SGK) 1. <i>Quê hương, gia đình, thời niên thiếu.</i> 2. <i>Quá trình hoạt động CM:</i></p> <p><i>* Hồ Chí Minh là nhà yêu nước, nhà CM vĩ đại, là anh hùng giải phóng dân tộc của nhân dân VN và là nhà hoạt động lỗi lạc của phong trào Quốc tế cộng sản, là</i></p>

<p>và tự ghi nhớ - B3: HS báo cáo kết quả: HS tái hiện kiến thức và trình bày. a. Thời kì từ năm 1911-1941: Hoạt động cách mạng ở nước ngoài: tìm đường cứu nước, thành lập Đảng CSVN, chuẩn bị cho CMT8 năm 1945. b. Từ năm 1941-1969 lãnh đạo nhân dân làm nên cuộc CMT8 thắng lợi- khai sinh ra Nước VN Dân chủ Cộng hòa. Lãnh đạo 2 cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, đế quốc Mỹ và công cuộc xây dựng XHCN ở miền Bắc với tư cách Chủ tịch Nước VN Dân chủ Cộng hòa. - B4: GV nhận xét, chốt kiến thức</p> <p><u>Thao tác 2:</u> Hướng dẫn HS tìm hiểu quan điểm sáng tác nghệ thuật của HCM - B1: GV chuyển giao nhiệm vụ: HS trao đổi nhóm (3 nhóm) và trả lời dựa theo mục a,b,c (SGK) - B2: HS thực hiện nhiệm vụ - B3: HS báo cáo nhiệm vụ - B4: Lớp trao đổi, bổ sung . GV nhận</p>	<p>II. Quan điểm sáng tác nghệ thuật - Hồ Chí Minh coi văn học là vũ khí chiến đấu lợi hại, phụng sự đắc lực cho sự nghiệp cách mạng. Nhà văn cũng phải có tinh thần xung phong như người chiến sĩ ngoài mặt trận. - Hồ Chí Minh luôn chú trọng tính chân thật và tính dân tộc của văn học. Nhà văn cần tránh lối viết cầu kì xa lạ, chú ý phát huy cốt cách dân tộc, ngôn từ phải chọn lọc. - Khi cầm bút, Người bao giờ cũng xuất phát từ đối tượng (<i>Viết cho ai?</i>) và mục đích tiếp nhận (<i>Viết để làm gì?</i>) để quyết định nội dung (<i>Viết cái gì?</i>) và hình thức (<i>Viết thế nào?</i>) của tác phẩm.</p>
<p>2. GV Hướng dẫn HS tìm hiểu di sản văn học(15 PHÚT)</p>	
<p>* <u>Thao tác 1:</u> Hướng dẫn tìm hiểu sự nghiệp văn học của HCM - B1: GV chuyển giao nhiệm vụ: Hs theo dõi SGK và dựa vào phần soạn bài trả lời ngắn gọn khái quát- chú ý làm rõ tính đa dạng phong phú trong sáng tác</p>	<p>III. Di sản văn học: Sự nghiệp chính là sự nghiệp CM nhưng Người đã để lại một sự nghiệp văn to lớn.</p>

<p>- <i>NAQ – HCM thường sáng tác theo những thể loại nào?</i></p> <p>- <i>Những tác phẩm tiêu biểu?</i></p> <p>- <i>Mục đích viết văn chính luận để làm gì?</i></p> <p>- <i>Dựa vào SGK hãy kể tên một số truyện và kí tiêu biểu của HCM?</i></p> <p>- <i>Tài năng nghệ thuật của HCM đối với thể loại này?</i></p> <p>- <i>Em hiểu biết gì về tập thơ NKTT của HCM? Nêu những nội dung chính của tập thơ?</i></p> <p><i>Em có nhận xét gì về thơ HCM trước và sau CMT8?</i></p> <p>- B2: HS thực hiện nhiệm vụ</p> <p>- B3: HS báo cáo sản phẩm</p> <p><i>1. Văn chính luận:</i></p> <p>- Tác phẩm: Bản án chế độ thực dân Pháp (1925); Tuyên ngôn độc lập (1945);Lời kêu gọi toàn quốc kháng chiến (1946)</p> <p>- Mục đích: đấu tranh chính trị nhằm tấn công trực diện kẻ thù , thể hiện những nhiệm vụ CM qua những chặng đường lịch sử .</p> <p>- Nghệ thuật: Lí lẽ vững vàng xác đáng đầy sức thuyết phục, ngôn từ giản dị</p> <p><i>2. Truyện và kí</i></p> <p>- Nội dung : Vạch trần bản chất của bọn thực dân cướp nước và bọn tay sai bán bước, ca ngợi những người chiến sĩ CM kiên cường đấu tranh vì độc lập tự do của dân tộc .</p> <p>- Nghệ thuật : Lối viết cô đọng, cộc truyện sáng tạo, kết cấu độc đáo, mang màu sắc hiện đại nhẹ nhàng trào lộng của văn thông tấn, vừa sâu sắc đầy tính chiến đấu vừa tươi tắn hóm hỉnh</p> <p><i>3. Thơ ca:</i> Được in trong các tập :</p>	<p>- Tập thơ NKTT bằng chữ Hán sáng tác từ tháng 1942 đến tháng 1943 xuất bản năm 1960</p> <p>- Thơ Hồ Chí Minh (xb 1967)</p> <p>- Thơ chữ Hán Hồ Chí Minh (xb 1990)</p>
---	---

1. Văn chính luận:

- Tác phẩm:
- Mục đích:
- Nghệ thuật:

2. Truyện và kí

- Nội dung :
- Nghệ thuật :

3. Thơ ca

U NHẬT KÍ TRONG TÙ

- Hoàn cảnh sáng tác:
- Nội dung :

U THƠ HỒ CHÍ MINH

- Trước CM tháng 8 :
- Sau CM tháng 8 :

=> *Vừa mang màu sắc cổ điển, vừa mang*

<p>U THƠ HỒ CHÍ MINH Trước CM tháng 8 : Sáng tác nhiều bài thơ mộc mạc , giản dị để tuyên truyền đường lối Sau CM tháng 8 : Bộc lộ nội niềm lo lắng về vận mệnh non sông, động viên sức mạnh nhân dân - B4: GV nhận xét, bổ sung, chốt kiến thức NHẬT KÍ TRONG TÙ - Hoàn cảnh sáng tác: Tập nhật kí bằng thơ được viết trong thời gian Bác bị giam cầm trong nhà tù Quốc dân đảng tại Quảng Tây Trung Quốc từ mùa thu năm 1942- mùa thu 1943 . Bác đã ghi lại những gì xảy ra trong nhà tù và trên đường áp giải từ nhà lao này đến nhà lao khác . - Nội dung : Tác phẩm thể hiện bức chân dung tt tự hoạ và tái hiện một cách chân thực và chi tiết bộ mặt tàn bạo của nhà tù Quốc dân đảng và một phần nào tình hình xã hội Trung Quốc những năm 1942-1943. Tác phẩm mang một giá trị phê phán sắc sảo , thâm thúy -Tập thơ sâu sắc về tư tưởng , độc đáo đa dạng về bút pháp kết tin giá trị tư tưởng và nghệ thuật thơ ca của HCM .</p>	<p><i>tinh thần hiện đại , hình ảnh nhân vật trữ tình yêu nước , phong thái ung dung tự tại.</i></p>
<p>3. GV hướng dẫn HS tìm hiểu về: phong cách nghệ thuật(10 PHÚT)</p>	
<p>* Thao tác 1 : Hướng dẫn HS tổng kết về phong cách nghệ thuật của tác giả HCM - B1: GV chuyển giao nhiệm vụ <i>Tại sao có thể nói phong cách văn của HCM vừa độc đáo vừa đa dạng?</i> - B2: HS thực hiện nhiệm vụ - B3: HS báo cáo kết quả - B4: GV nhận xét, bổ sung, chốt kiến thức</p>	<p>IV. Phong cách nghệ thuật: Sáng tác nhiều thể loại Văn học, mỗi thể loại có những nét phong cách riêng độc đáo và hấp dẫn - Văn chính luận : Ngắn gọn , tư duy sắc sảo , lập luận chặt chẽ , lý lẽ đanh thép , bằng chứng đầy sức thuyết phục , giàu tính luận chiến , đa dạng về bút pháp . - Truyện và ký :Trí tưởng tượng phong phú , sáng tạo độc đáo về tình huống</p>

Ngữ văn 12

GV: Độc đáo mà đa dạng :

Ngay từ nhỏ, HCM đã được sống trong không khí của văn chương cổ điển VN và TQ, của thơ Đường, thơ Tống... Trong thời gian hoạt động CM ở nước ngoài, sống ở Pa-ri, Luân Đôn, Oa-sinh-ton, Ca-li-phoóc-ni-a, Hồng Kông... tiếp xúc và chịu ảnh hưởng tư tưởng nghệ thuật của nhiều nhà văn Âu. Mĩ và nền văn học phương Tây hiện đại.

***Thao tác**

2:

Hướng dẫn HS tổng kết bài học

- **B1:** GV chuyển giao nhiệm vụ

Yêu cầu rút ra kết luận chung và đọc phần ghi nhớ .

- **B2:** HS thực hiện nhiệm vụ

- **B3:** HS báo cáo kết quả

- **B4:** GV nhận xét, bổ sung, chốt kiến thức

truyện, sự kết hợp hài hòa văn hóa phương Đông và phương Tây trong nghệ thuật trào phúng, giọng điệu lời văn linh hoạt hấp dẫn . Chất trí tuệ và tính hiện đại là nét đặc sắc trong truyện ngắn của Người .

- Thơ ca: Phong cách thơ đa dạng

Những bài thơ với mục đích tuyên truyền CM : Giản dị , mộc mạc, mang màu sắc dân gian vừa hiện đại. Nhiều bài thơ nghệ thuật : Viết theo hình thức cổ thi hàm súc, có sự kết hợp độc đáo giữa bút pháp cổ điển và bút pháp hiện đại, giữa trữ tình và chiến đấu

III. Kết luận:

- Văn thơ Hồ Chí Minh là di sản vô giá là một bộ phận gắn bó hữu cơ với sự nghiệp vĩ đại của Người. HCM quan niệm văn học là vũ khí sắc bén phục vụ cho sự nghiệp cách mạng .

- Phong cách nghệ thuật HCM độc đáo, đa dạng.

3.LUYỆN TẬP

Hoạt động của GV - HS	Kiến thức cần đạt
-----------------------	-------------------

Ngũ văn 12

<p>- B1:GV giao nhiệm vụ: Bài tập 1: Đọc bài thơ <i>Chiều tối</i>. Phân tích:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Bút pháp cổ điển - Tinh thần hiện đại <p>- B2: HS thực hiện nhiệm vụ:</p> <p>- B3: HS báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ:</p> <p>- B4: GV nhận xét, chốt kiến</p>	<p>- Bút pháp cổ điển được thể hiện qua cách miêu tả khung cảnh thiên nhiên, được miêu tả từ xa, được khắc hoạ bằng những nét chấm phá qua hình : cánh chim, chòm mây, không gian chiều tà, không nhằm ghi lại hình xác mà chỉ cốt truyền được linh hồn của tạo vật. Màu sắc cổ điển còn được thể ở phong thái ung dung của nhân vật trữ tình; ở thể thơ tứ tuyệt.</p> <p>- Tinh thần hiện đại: thiên nhiên trong bài thơ không tĩnh lặng mà vận động một cách khoẻ khoắn, hướng tới</p>
---	--

thức	sự sống, ánh sáng và tương lai. Nhân vật trữ tình không phải là ẩn sĩ mà là chiến sĩ.
------	---

4.VẬN DỤNG

Hoạt động của GV - HS	Kiến thức cần đạt
<p>- B1:GV giao nhiệm vụ: <i>Điền vào ô trống bảng sau liên quan đến bài học về tác giả HCM:</i></p> <p>- B2: HS thực hiện nhiệm vụ:</p> <p>- B3: HS báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ:</p> <p>- B4: GV nhận xét</p>	

TT	Loại tác phẩm	Tên tác phẩm chủ yếu	Thời điểm sáng tác	Giá trị cơ bản

Trả lời:

TT	Loại tác phẩm	Tên tác phẩm chủ yếu	Thời điểm sáng tác	Giá trị cơ bản
1	Văn chính luận	Các bài đăng trên các báo: Người cùng khổ, Nhân đạo, Đời sống thợ thuyền... Các tác phẩm: <i>Bản án chế độ thực dân Pháp (bằng tiếng Pháp); Tuyên ngôn Độc lập, Lời kêu gọi kháng chiến chống</i>	Những năm 20, 1925 1945 1966 1969	<p>Tố cáo tội ác và bản chất của chủ nghĩa thực dân Pháp, kêu gọi đấu tranh, vận động cách mạng;</p> <p>Tuyên ngôn khai sinh nước Việt Nam độc lập;</p> <p>Kêu gọi toàn quốc kháng chiến chống Pháp, chống Mĩ bảo vệ độc lập, tự do cho Tổ quốc;</p> <p>Những lời căn dặn cuối cùng để lại cho toàn Đảng, toàn dân.</p>

Ngữ văn 12

2	Truyện và kí	Viết bằng tiếng Pháp trong thời gian hoạt động cách mạng ở Pháp (Tập: Truyện và kí: Vi hành, Những trò lố...); bằng tiếng Việt (Nhật kí chìm tàu, Vừa đi đường vừa	Những năm 20 Những năm 30 Những năm 40, 50...	Cây bút văn xuôi tài năng, trí tưởng tượng phong phú, vốn văn hoá sâu rộng, trí tuệ sâu sắc và trái tim nồng nàn tình yêu nước và cách mạng. Chất trí tuệ và tính hiện đại. Ngòi bút châm biếm vừa đầy tính chiến đấu vừa hóm hỉnh, tươi tắn.
3	Thơ ca	Nhật kí trong tù Thơ Hồ Chí Minh Thơ chữ Hán Hồ Chí Minh	-1942-1943 - 1960 1967 1990	Tập thơ sâu sắc về tư tưởng, độc đáo và đa dạng về bút pháp, kết tinh giá trị tư tưởng và nghệ thuật thơ Hồ Chí Minh. Những bài thơ tuyên truyền giản dị, mộc mạc, đầy khí thế. Những bài thơ cảm hứng nghệ thuật vừa cổ điển vừa hiện đại.

5. HOẠT ĐỘNG MỞ RỘNG VÀ SÁNG TẠO

Hoạt động của GV - HS	Kiến thức cần đạt
<p>- B1: GV giao nhiệm vụ:</p> <p>Giáo viên chia các nhóm và giao bài tập về nhà theo các câu hỏi sau:</p> <p>1. <i>Thu thập tư liệu từ báo chí, phỏng vấn người thân, trải nghiệm thực tế... để viết bài thuyết minh về Hồ Chí Minh</i></p> <p>2. <i>Viết cảm nhận về ca từ một bài hát ca ngợi HCM</i></p> <p>3. <i>Viết bài văn ngắn để làm sáng tỏ câu nói của HCM: “Không có gì quý hơn độc lập tự do”.</i></p> <p>- B2: HS thực hiện nhiệm vụ:</p> <p>- B3: HS báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ:</p> <p>- B4: GV nhận xét, chốt</p>	<p>- Hoàn thành bài thuyết trình</p> <p>- Từ một bài hát ca ngợi HCM, viết một bài văn ngắn cảm nhận về ca từ trong bài hát đó</p> <p>- Phân tích đề, lập dàn ý về một tư tưởng đạo lí</p>

.....
.....
.....

Tuần

Ngày soạn:

Tiết 7-8

Ngày kí:.....

TUYÊN NGÔN ĐỘC LẬP (PHÂN II – TÁC PHẨM)

A. VẤN ĐỀ CẦN GIẢI QUYẾT

I. Tên bài học : Tuyên ngôn độc lập

II. Hình thức dạy học : DH trên lớp.

III. Chuẩn bị của giáo viên và học sinh

1. Giáo viên:

- Phương tiện, thiết bị:

+ SGK, SGV, Tư liệu Ngữ Văn 11, thiết kế bài học.

+ Máy tính, máy chiếu, loa...

- PPDH: Phát vấn, thuyết trình, nêu vấn đề, thảo luận nhóm, trò chơi

2. Học sinh: Sách giáo khoa, bài soạn.

B. NỘI DUNG BÀI HỌC

Tuyên ngôn độc lập

C. MỤC TIÊU BÀI HỌC

I. Kiến thức :

a/ Nhận biết:-Nhận biết một số đặc điểm cơ bản của văn nghị luận hiện đại.

b/ Thông hiểu:- Hiểu những đặc sắc về nội dung và nghệ thuật của văn bản nghị luận Tuyên ngôn Độc lập - Hồ Chí Minh: các luận điểm - tư tưởng, cách lập luận chặt chẽ, sắc bén, cách đưa dẫn chứng sinh động, thuyết phục, sử dụng ngôn ngữ chính.

c/Vận dụng thấp: Khái quát đặc điểm phong cách của tác giả từ tác phẩm

d/Vận dụng cao: Vận dụng tri thức đọc hiểu văn bản để kiến tạo những giá trị sống của cá nhân. Trình bày những giải pháp để giải quyết một vấn đề cụ thể đặt ra trong tác phẩm.

II. Kỹ năng :

a/ Biết làm: bài đọc hiểu về văn nghị luận

b/ Thông thạo: sử dụng tiếng Việt khi trình bày một văn bản nghị luận

III.hái độ :

Ngữ văn 12

a/ Hình thành thói quen: đọc hiểu văn bản nghị luận

b/ Hình thành tính cách: tự tin khi trình bày kiến thức về văn nghị luận

c/Hình thành nhân cách: có tinh thần yêu nước, yêu văn hoá dân tộc, học tập và làm theo tấm gương đạo đức HCM.

IV. Những năng lực cụ thể học sinh cần phát triển:

-Năng lực thu thập thông tin liên quan đến văn bản

-Năng lực hợp tác để cùng thực hiện nhiệm vụ học tập

-Năng lực giải quyết những tình huống đặt ra trong các văn bản

-Năng lực đọc - hiểu các tác phẩm Văn nghị luận hiện đại Việt Nam và nước ngoài

-Năng lực sử dụng ngôn ngữ, trình bày suy nghĩ, cảm nhận của cá nhân về các vấn đề xã hội được rút ra từ văn bản nghị luận.

- Năng lực tạo lập văn bản nghị luận.

D. TIỀN TRÌNH TỔ CHỨC BÀI HỌC

1. KHỞI ĐỘNG (5 phút)

<i>Hoạt động của Thầy và trò</i>	<i>Nội dung cần đạt</i>
<p>- B1: GV giao nhiệm vụ: GV hướng dẫn học sinh tìm hiểu bài học bằng câu hỏi sau:</p> <p>Những văn bản nào sau đây thuộc văn nghị luận mà em đã được học ở Ngữ văn 10 và 11:</p> <p>a/ Hiền tài là nguyên khí của quốc gia (Thân nhân Trung)</p> <p>b/ Tựa Trích diễm thi tập (Hoàng Đức Lương)</p> <p>c/Một thời đại trong thi ca (Hoài Thanh)</p> <p>d/Tôi yêu em (Puskin)</p> <p>- B2: HS thực hiện nhiệm vụ:</p> <p>- B3: HS báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ:</p> <p>- B4:GV nhận xét và dẫn vào bài mới: Bên cạnh những tác phẩm văn học nghệ thuật, trong chương trình ngữ văn chúng ta còn được tiếp xúc không ít những văn bản nghị luận được các tác giả trình bày bằng hệ thống lập luận chặt chẽ, lí lẽ đanh thép, luận cứ xác thực, mang tính truyền cảm và tính chiến đấu cao. Một trong những áng văn nghị luận giàu giá trị tư tưởng và</p>	<p>Gợi ý trả lời: a-b-c</p>

2. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

Hoạt động của GV - HS	Kiến thức cần đạt
1. GV hướng dẫn HS tìm hiểu chung về tác phẩm (10 phút).	

<p>* Thao tác 1 : Hướng dẫn HS tìm hiểu chung về tác phẩm - B1: GV chuyển giao nhiệm vụ (Làm việc cá nhân) <i>Bản tuyên ngôn ra đời trong hoàn cảnh của thế giới và Việt Nam như thế nào?</i> - B2: HS thực hiện nhiệm vụ - B3: HS báo cáo kết quả - Thế giới: + Chiến tranh thế giới thứ hai sắp kết thúc: Hồng quân Liên Xô tấn công vào sào huyệt của phát xít Đức, + Nhật đầu hàng Đồng minh - Trong nước: + CMTT thành công, cả nước giành chính quyền thắng lợi. + Ngày 26 tháng 8 năm 1945: Chủ tịch Hồ Chí Minh từ chiến khu Việt Bắc về tới Hà Nội + Ngày 28 tháng 8 năm 1945: Bác soạn thảo bản <i>Tuyên ngôn độc lập</i> tại tầng 2, căn nhà số 48, phố Hàng Ngang, Hà Nội. + Ngày 2 tháng 9 năm 1945: Bác đọc bản <i>Tuyên ngôn độc lập</i> tại quảng trường Ba Đình, Hà Nội, khai sinh nước VNDCCH. - B4: GV nhận xét, chốt kiến thức và bổ sung GV: Sự kiện này không chỉ là dấu mốc trọng đại trong trang sử đất nước mà còn trở thành nguồn cảm hứng dào dạt cho thơ ca: <i>Hôm nay sáng mừng hai tháng chín</i> <i>Thủ đô hoa vàng nắng Ba Đình</i> <i>Muôn triệu tim chờ chim cũng nín</i> <i>Bỗng vang lên tiếng hát ân tình</i> (Tố Hữu) Nói thêm về tình thế đất nước lúc bấy giờ: - Miền Bắc: quân Tưởng mà đứng sau</p>	<p>là Mĩ đang lăm le - Miền Nam: quan Anh cũng sẵn sàng nhảy vào</p>
---	---

Ngữ văn 12

I. Tìm hiểu chung:

1. Hoàn cảnh sáng tác:

- Thế giới:
- Trong nước:

<p>- Pháp: dã tâm xâm lược VN lần thứ 2.</p> <p>*Thao tác 2: GV hướng dẫn HS tìm hiểu đối tượng và mục đích sáng tác</p> <p>-B1: GV chuyển giao nhiệm vụ <i>Trước tình hình như thế, theo em, đối tượng mà bản tuyên ngôn hướng đến là những ai? Bản tuyên ngôn được viết ra nhằm mục đích gì?</i></p> <p>- B2: HS thực hiện nhiệm vụ</p> <p>- B3: HS báo cáo kết quả</p> <p>- B4: GV nhận xét, chốt kiến thức</p> <p>* Thao tác 3: Hướng dẫn HS đọc văn bản và tìm hiểu bố cục</p> <p>- B1: GV chuyển giao nhiệm vụ <i>GV gọi 1 HS đọc bản tuyên ngôn (Giọng hùng hồn, đanh thép)</i> <i>Phân chia bố cục</i></p> <p>- B2: HS thực hiện nhiệm vụ</p> <p>- B3: HS báo cáo kết quả</p> <p>- B4: GV nhận xét, chốt kiến thức</p>	<p>2. Mục đích sáng tác:</p> <p>* Đối tượng:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tất cả đồng bào Việt Nam - Nhân dân thế giới - Các lực lượng ngoại bang nhân danh đồng minh diệt phát xít Nhật (Pháp, Mỹ, Anh, Trung Quốc....) <p>* Mục đích:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Công bố nền độc lập của dân tộc, khai sinh nước Việt Nam mới trước quốc dân và thế giới - Cương quyết bác bỏ luận điệu và âm mưu xâm lược trở lại của các thế lực thực dân đế quốc. - Bày tỏ quyết tâm bảo vệ nền độc lập dân tộc. <p>3. Bố cục:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Phần 1: Từ đầu đến “...không ai chối cãi được” ✉ Nêu nguyên lí chung của bản tuyên ngôn độc lập. - Phần 2: “<i>Thế mà, phải được độc lập</i>” ✉ Tố cáo tội ác của thực dân Pháp, khẳng định thực tế lịch sử là nhân dân ta đấu tranh giành chính quyền, lập nên nước Việt Nam dân chủ cộng hòa. - Phần 3: Còn lại ✉ Lời tuyên bố độc lập và ý chí bảo vệ nền độc lập của dân tộc
<p>2. HƯỚNG DẪN HS ĐỌC HIỂU VĂN BẢN -</p>	
<p>* Thao tác 1 : Hướng dẫn HS tìm hiểu phần nguyên lí chung của bản tuyên ngôn</p> <p>- B1: GV chuyển giao nhiệm vụ (HS làm việc nhóm)</p> <p>Nhóm 1: Cơ sở pháp lí của bản Tuyên</p>	<p>II. Đọc – hiểu văn bản:</p> <p>1. Nguyên lí chung về quyền bình đẳng, tự do, quyền mưu cầu hạnh phúc của con người và các dân tộc.</p>

<p><i>ngôn độc lập này là gì?</i></p> <p>Nhóm 2: - Theo em, việc Bác trích dẫn lời của hai bản tuyên ngôn này thể hiện sự khôn khéo như thế nào?- Việc trích dẫn này cũng thể hiện được sự kiên quyết như thế nào?</p> <p>Nhóm 3: - Từ ý nghĩa trên, em hiểu được là Bác trích dẫn hai bản tuyên ngôn này nhằm mục đích gì?</p> <p>Nhóm 4: - Theo em, việc Bác trích dẫn như vậy để từ đó suy rộng ra điều gì?</p> <p>- B2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập</p> <p>- B3: HS báo cáo kết quả</p> <p>* Nhóm 1</p> <p>- Mở đầu bằng cách trích dẫn hai bản tuyên ngôn của Pháp và Mỹ làm cơ sở pháp lí:</p> <p>+ Tuyên ngôn độc lập của Mỹ:</p> <p>“Tất cả mọi người đều sinh ra có quyền bình đẳng. Tạo hoá cho họ những quyền không ai có thể xâm phạm được; trong những quyền ấy, có quyền được sống, quyền tự do và quyền mưu cầu hạnh phúc.”</p> <p>+ Tuyên ngôn Nhân quyền và Dân quyền của Cách mạng Pháp năm 1791:</p> <p>“Người ta sinh ra tự do và bình đẳng về quyền lợi; và phải luôn luôn được tự do và bình đẳng về quyền lợi.”</p> <p>* Nhóm 2</p> <p>Ý nghĩa:</p> <p>+ Vừa khôn khéo: Tỏ ra tôn trọng những tuyên ngôn bất hủ của cha ông kẻ xâm lược vì những điều được nêu là chân lí của nhân loại</p> <p>+ Vừa kiên quyết: Dùng lập luận Gậy ông đập lưng ông, lấy chính lí lẽ thiêng liêng của tổ tiên chúng để phê phán và ngăn chặn âm mưu tái xâm lược của chúng.</p>	<p>* Nhóm 3</p> <p>+ Ngâm gửi gắm lòng tự hào tự tôn dân</p>
---	---

- Mở đầu bằng cách trích dẫn hai bản tuyên ngôn của Pháp và Mỹ làm cơ sở pháp lí:

+ *Tuyên ngôn độc lập* của Mỹ:

+ Tuyên ngôn Nhân quyền và Dân quyền của Cách mạng Pháp năm 1791:

- Ý nghĩa:

+ Vừa khôn khéo:

+ Vừa kiên quyết:

- Trích dẫn sáng tạo:

<p>tộc: đặt ba cuộc cách mạng, ba bản tuyên ngôn, ba dân tộc ngang hàng nhau; đóng góp quan trọng nhất trong tư tưởng giải phóng dân tộc của Bác, là phát súng lệnh cho bão táp cách mạng ở các nước thuộc địa.</p> <p>* Nhóm 4</p> <p>+ Bác <i>suy rộng ra</i>, nâng lên thành quyền bình đẳng, tự do của các <i>dân tộc</i> trên thế giới</p> <p>✉ Đó là suy luận hợp lí, sáng tạo, là đóng góp quan trọng nhất trong tư tưởng giải phóng dân tộc của Bác, là phát súng lệnh cho bão táp cách mạng ở các nước thuộc địa.</p> <p>- B4: GV nhận xét, bổ sung và chốt kiến thức</p> <p>Khẳng định đóng góp lớn về tư tưởng của Bác ở phần này.</p> <p><i>Trích dẫn hai bản tuyên ngôn của Mỹ, Pháp nhằm đề cao giá trị tư tưởng nhân đạo và văn minh nhân loại, tạo tiền đề cho những lập luận tiếp theo. Từ quyền bình đẳng, tự do của con người, Hồ Chí Minh suy rộng ra về quyền đẳng, tự do của các dân tộc. Đây là một đóng góp riêng của Người vào lịch sử tư tưởng nhân loại.</i></p>	<p> Hồ Chí Minh mở đầu bản tuyên ngôn thật súc tích, ngắn gọn, lập luận chặt chẽ, cách trích dẫn sáng tạo để đi đến một bình luận khéo léo, kiên quyết: “Đó là những lẽ phải không ai chối cãi được”.</p>
<p>2. Gv hướng dẫn HS tìm hiểu cơ sở thực tế của bản tuyên ngôn</p>	
<p>* Thao tác 1:</p> <p>Hướng dẫn học sinh tìm hiểu về tội ác của thực dân pháp đã gây ra với dân tộc VN</p> <p>- B1: GV chuyển giao nhiệm vụ (HS làm</p>	<p>2. Cơ sở thực tế của bản tuyên ngôn độc lập:</p> <p>a. Tố cáo tội ác của thực dân Pháp:</p> <p>- Câu mở đầu đoạn 2:</p> <p>“<i>Thế mà hơn 80 năm nay, bọn thực dân</i></p>

<p>việc cá nhân)</p> <p>- <i>Câu văn chuyển tiếp mở đầu đoạn 2 có tác dụng gì?</i></p> <p>- B2: HS thực hiện nhiệm vụ</p> <p>vụ</p> <p>- B3: HS báo cáo sản phẩm</p> <p>Câu chuyển tiếp, tương phản với các lí lẽ của đoạn 1: thực dân Pháp đã phản bội lại tuyên ngôn thiêng liêng của tổ tiên chúng,</p> <p>phản bội lại tinh thần nhân đạo của nhân loại.</p> <p>- B4: GV nhận xét, chốt kiến thức</p> <p>- B1: GV chuyển giao nhiệm vụ</p> <p>Tổ chức cho HS thảo luận nhóm:</p> <p>Nhóm 1: - <i>Khi Pháp có luận điệu về công “khai hóa” nhân dân các nước thuộc địa, tác giả đã vạch rõ những tội ác nào mà thực dân Pháp đã gieo rắc trên đất nước ta suốt hơn 80 năm qua? - Nhà văn đã dùng những nghệ thuật nào để làm nổi bật những tội ác đó và để tăng cường sức mạnh tố cáo?</i></p> <p>Nhóm 2: - Khi Pháp kể công “bảo hộ”, bản tuyên ngôn lên án chúng điều gì?</p> <p>- <i>Những hành động này của Pháp đã gây nên hậu quả gì trên nhân dân ta?</i></p> <p>- <i>Còn ta, ta đối xử với người Pháp như thế nào?</i></p> <p>Nhóm 3: - Khi Pháp muốn nhân danh Đồng minh để vào chiếm lại Đông Dương, Bác đã vạch trần những tội trạng gì của chúng? Trong phần này, Bác còn nêu rõ quá trình nổi dậy giành chính quyền thắng lợi của nhân dân ta dưới sự lãnh đạo của Mặt trận Việt Minh như thế nào?</p>	<p>luận trong nhóm và ghi ra bảng phụ</p> <p>- B3: HS báo cáo sản phẩm</p> <p>* Nhóm 1</p> <p>- Pháp kể công “khai hóa”, Bác đã kể tội chúng trên mọi phương diện:</p>
---	---

- **B2:** HS thực hiện nhiệm vụ: HS thảo

Ngữ văn 12

*Pháp lợi dụng lá cờ tự do, bình đẳng,
bác ái, đến cướp đất nước ta, áp bức
đồng bào ta.”*

☑ *Liên kết đoạn*

☑ *Pháp đã chà đạp lên chính chân lý là
tô tiên chúng đã để lại*

- Pháp kẻ công “*khai hóa*”, Bác đã kể
tội chúng trên mọi phương diện:
- + Về chính trị:

<p>+ Về chính trị: <i>không cho nhân dân ta một chút tự do dân chủ nào, thi hành luật pháp dã man, chia rẽ dân tộc, tắm các cuộc khởi nghĩa của ta trong những bể máu</i></p> <p>+ Về kinh tế: Cướp không ruộng đất, hầm mỏ; độc quyền in giấy bạc, xuất cảng, nhập cảng; đặt ra hàng trăm thứ thuế vô lí</p> <p>+ Văn hóa – xã hội – giáo dục: <i>lập ra nhà tù nhiều hơn trường học, thi hành chính sách ngu dân, đầu độc dân ta bằng rượu cồn, thuốc phiện</i></p> <p>✉ Biệp pháp liệt kê + điệp từ <i>chúng</i> + lặp cú pháp + ngôn ngữ giàu hình ảnh + giọng văn hùng hồn, đánh thếp ✉ nổi bật những tội ác điển hình, toàn diện, thâm độc, tiếp nối, chồng chất, khó rửa hết của thực dân Pháp.</p> <p>* Nhóm 2: Pháp là những kẻ phi nghĩa và vô nhân đạo. chúng gây ra thảm họa chết đói cho hơn 2 triệu đồng bào, ta vẫn đối xử hết sức nhân đạo với Pháp</p> <p>* Nhóm 3:</p> <p>Pháp nhân danh Đồng minh tuyên bố Đồng minh đã thắng Nhật, chúng có quyền lấy lại Đông Dương, tuyên ngôn chỉ rõ:</p> <p>+ Chính pháp là kẻ phản bội lại Đồng minh, hai lần dâng Đông Dương cho Nhật.</p> <p>+ Không hợp tác với Việt Minh chống Nhật mà trước khi thua chạy, Pháp còn “<i>nhăn tâm giết nốt số đông tù chính trị ở Yên Bái và Cao Bằng.</i>”</p> <p>+ “<i>Sự thật là từ mùa thu năm 1940, nước ta đã thành thuộc địa của Nhật, chứ không phải thuộc địa của Pháp nữa.</i>”</p> <p>+ Nêu rõ thắng lợi của cách mạng Việt Nam:</p> <p>o “<i>Khi Nhật hàng Đồng minh thì nhân dân cả nước ta đã nổi dậy giành chính</i></p>	<p>+ Về kinh tế:</p> <p>+ Quân sự :</p> <p>✉Biệp pháp nghệ thuật:</p> <p>Biệp pháp liệt kê + điệp từ <i>chúng</i> + lặp cú pháp + ngôn ngữ giàu hình ảnh + giọng văn hùng hồn, đánh thếp ✉ nổi bật những tội ác điển hình, toàn diện, thâm độc, tiếp nối, chồng chất, khó rửa hết của thực dân Pháp.</p> <p>- Pháp kẻ công “bảo hộ”, bản tuyên ngôn lên án chúng:</p> <p>- Pháp nhân danh Đồng minh tuyên bố Đồng minh đã thắng Nhật, chúng có quyền lấy lại Đông Dương, tuyên ngôn chỉ rõ:</p>
--	---

<p><i>quyền, lập nên nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa.”</i></p> <p>o “<i>Sự thật là dân ta lấy lại nước Việt Nam từ tay Nhật, chứ không phải từ tay Pháp.</i>”</p> <p>✉ Bác bỏ luận điệu xảo trá, lên án tội ác dã man của Pháp, khẳng định vai trò của CM vô sản Việt Nam và lập trường chính nghĩa của dân tộc.</p> <p>- B4: GV nhận xét và chốt kiến thức</p> <p>* Thao tác 2: GV hướng dẫn HS tìm hiểu phần khẳng định quyền độc lập, tự do của dân tộc VN</p> <p>- B1: GV chuyển giao nhiệm vụ</p> <p>Từ những chứng cứ lịch sử hiển nhiên trên, bản tuyên ngôn nhấn mạnh các thông điệp quan trọng.</p> <p>- <i>Trong ba câu văn ngắn gọn này, Bác muốn khẳng định điều gì?</i></p> <p>- B2: HS thực hiện nhiệm vụ</p> <p>- B3: HS báo cáo sản phẩm</p> <p>Ba câu văn ngắn gọn vừa chuyển tiếp vừa khẳng định:</p> <p>+ Pháp chạy, Nhật hàng, vua Bảo Đại thoái vị</p> <p>+ Dân ta đánh đổ các xiềng xích thực dân gần 100 năm nay</p> <p>+ Dân ta lại đánh đổ chế độ quân chủ mấy mươi thế kỉ</p>	<p>b. Khẳng định quyền độc lập tự do của dân tộc:</p> <p>- Ba câu văn ngắn gọn vừa chuyển tiếp vừa khẳng định</p> <p>✉ Sự ra đời của nước Việt Nam mới như một tất yếu lịch sử.</p> <p>=> Kiểu câu khẳng định, điệp từ ngữ, song hành cú pháp... tạo nên âm hưởng hào hùng, đanh thép, trang trọng của đoạn khúc anh hùng ca.</p>
<p>3. GV hướng dẫn HS tìm hiểu phần cuối: Lời tuyên ngôn</p> <p>* Thao tác 1 :</p> <p>Hướng dẫn học sinh tìm hiểu phần tuyên bố cuối cùng.</p> <p>- B1: GV chuyển giao nhiệm vụ (HS làm việc cá nhân)</p> <p><i>Người tuyên bố với toàn thể nhân dân trên thế giới điều gì?</i></p>	<p>3. Lời tuyên bố độc lập và ý chí bảo vệ độc lập dân tộc:</p> <p>- Tuyên bố với thế giới về nền độc lập của dân tộc Việt Nam:</p> <p>- Bày tỏ ý chí bảo vệ nền độc lập của cả dân tộc:</p>

<p><i>Người còn nêu lên quyết tâm gì của dân tộc?</i></p> <p>- B2: HS thực hiện nhiệm vụ HS đọc dẫn chứng và phát biểu.</p> <p>- B3: HS báo cáo sản phẩm</p> <p>+ Tuyên bố với thế giới về nền độc lập của dân tộc Việt Nam: “<i>Nước Việt Nam có quyền hưởng tự do và độc lập, và sự thật đã thành một nước tự do độc lập.</i>”</p> <p>☑️ <i>Những từ ngữ trang trọng: “trình trọng tuyên bố”, “có quyền hưởng”, sự thật đã thành” vang lên mạnh mẽ, chắc nịch như lời khẳng định một chân lí.</i></p> <p>+ Bày tỏ ý chí bảo vệ nền độc lập của cả dân tộc: “<i>Toàn thể dân tộc Việt Nam quyết đem tất cả tinh thần và lực lượng, tính mạng và của cải để giữ vững quyền tự do, độc lập ấy.</i>”</p> <p>☑️ <i>Lời văn đanh thép như một lời thề, thể hiện ý chí, quyết tâm của cả dân tộc.</i></p> <p>- B4: GV nhận xét, bổ sung và chốt kiến thức</p> <p>GV: Lưu ý: trong bản tuyên ngôn, đây mới là đoạn văn tràn đầy khí phách dân tộc Việt Nam, thể hiện ý chí sắt đá nhất, yêu cầu hòa bình nhưng không sợ chiến</p>	<p>☑️ <i>Lời văn đanh thép như một lời thề, thể hiện ý chí, quyết tâm của cả dân tộc.</i></p>
<p>4. GV hướng dẫn HS tổng kết tác phẩm</p>	
<p>Hướng dẫn học sinh tìm hiểu những yếu tố thành công, mẫu mực của bản tuyên ngôn.</p> <p>- B1: GV chuyển giao nhiệm vụ (HS làm việc cá nhân)</p> <p>- <i>Giá trị cơ bản của bản tuyên ngôn</i></p> <p>- <i>Em hãy nhận xét về lập luận của bản tuyên ngôn?</i></p> <p>- <i>Bản tuyên ngôn được xây dựng bằng những lí lẽ như thế nào?</i></p> <p>- <i>Nhận xét về những dẫn chứng mà Bác</i></p>	<p><u>III. Tổ ng kết</u></p> <p>1. Nội dung:</p> <p>- <i>Tuyên ngôn Độc lập</i> là một văn kiện lịch sử vô giá tuyên bố trước quốc dân đồng bào và thế giới về quyền tự do, độc lập của dân tộc Việt Nam và khẳng định quyết tâm bảo vệ nền độc lập, tự do ấy.</p> <p>- Kết tinh lí tưởng đấu giải phóng dân tộc và tinh thần yêu chuộng độc lập, tự do.</p>

Ngữ văn 12

- *Ngôn ngữ của bản tuyên ngôn thể* mục
được những tình cảm gì của Bác?

<ul style="list-style-type: none"> - B2: HS thực hiện nhiệm vụ - B3: HS báo cáo sản phẩm <p>Là áng văn chính luận mẫu mực, thể hiện rõ phong cách nghệ thuật trong văn chính luận của Bác:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Lập luận: chặt chẽ, thống nhất từ đầu đến cuối (dựa trên lập trường quyền lợi tối cao của các dân tộc) + Lí lẽ: xuất phát từ tình yêu công lí, thái độ tôn trọng sự thật, dựa vào lẽ phải và chính nghĩa của dân tộc. + Dẫn chứng: xác thực, lấy ra từ sự thật lịch sử + Ngôn ngữ: đanh thép, hùng hồn, chan chứa tình cảm, cách xưng hô bộc lộ tình cảm gần gũi. <p>- B4: Gv nhận xét, chốt kiến thức</p>	<p>2.Nghệ thuật: Là áng văn chính luận mẫu mực, thể hiện rõ phong cách nghệ thuật trong văn chính luận của Bác:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Lập luận: - Lí lẽ: - Dẫn chứng: - Ngôn ngữ:
---	---

3.LUYỆN TẬP

Hoạt động của GV - HS	Kiến thức cần đạt
<p>- B1: GV giao nhiệm vụ:</p> <p>Câu hỏi 1: “Tuyên ngôn độc lập” cùng kiểu loại văn bản nào sau đây của văn học Việt Nam ?</p> <ol style="list-style-type: none"> Chiều dờn đô –Lý Công Uẩn Hịch tướng sỹ –Trần Quốc Tuấn Quân trung từ mệnh tập –Nguyễn Trãi Cả A, B và C. <p>Câu hỏi 2: Dòng nào chưa nói đúng về bối cảnh lịch sử khi Hồ Chí Minh viết “Tuyên ngôn Độc lập”?</p> <ol style="list-style-type: none"> Cả nước đang tổng khởi nghĩa giành chính quyền về tay nhân dân Thực dân Pháp đang rình rập muốn cướp nước ta một lần nữa. Phát xít Nhật đang thỏa thuận với thực dân Pháp để được trở lại thống trị Đông Dương. Các đế quốc Anh, Mĩ, Tầu Tưởng đều đang có ý định can thiệp vào Việt Nam 	<p>ĐÁP ÁN</p> <p>[1]='d' [2]='c' [3]='c' [4]='d' [5]='a'</p>

Câu hỏi 3: Hoàn cảnh ra đời cụ thể của “Tuyên ngôn Độc lập” là như thế nào?

a. Ngày 19-8-1945, khi chính quyền Hà Nội về tay nhân dân, Hồ Chí Minh viết bản “Tuyên ngôn Độc lập”?

b. Ngày 25-8-1945, Hồ Chí Minh từ chiến khu Việt Bắc về tới Hà Nội, Hồ Chí Minh đã viết bản “Tuyên ngôn Độc lập”.

c. Ngày 26-8-1945, Hồ Chí Minh từ chiến khu Việt Bắc về tới Hà Nội và tại căn nhà số 48 Hàng Ngang, Người đã soạn thảo bản “Tuyên ngôn Độc lập”.

d. Ngày 02-9-1945, Hồ Chí Minh đã viết và cùng ngay ngày đó Người đọc bản “Tuyên ngôn Độc lập” tại Quảng trường Ba Đình trước hàng chục vạn đồng bào.

Câu hỏi 4: Đối tượng mà bản “Tuyên ngôn Độc lập” hướng tới là ai?

a. Toàn thể nhân dân Việt Nam.

b. Nhân dân thế giới.

c. Các đế quốc thực dân đang âm mưu xâm lược nước ta.

d. Cả A, B và C.

Câu hỏi 5: Dòng nào không nói đúng mục đích của bản “Tuyên ngôn Độc lập”?

a. Ôn lại truyền thống quật cường chống ngoại xâm của dân tộc trong lịch sử mấy ngàn năm qua.

b. Tuyên bố với toàn thể giới về chủ quyền độc lập tự do của dân tộc Việt Nam.

c. Tranh luận nhằm bác bỏ lí lẽ xảo quyệt của bọn xâm lược trước dư luận quốc tế.

d. Tranh thủ sự đồng tình, ủng hộ của các dư luận thế giới đối với cách mạng Việt Nam.

- B2: HS thực hiện nhiệm vụ:

- B3: HS báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ:

- B4: GV nhận xét, chốt kiến thức

4. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG

Hoạt động của GV - HS	Kiến thức cần đạt
- B1: GV giao nhiệm vụ: Lí giải vì sao bản <i>Tuyên ngôn Độc lập</i> từ khi ra đời cho đến nay là một áng văn chính luận	Vì ngoài giá trị lịch sử lớn lao, bản TNĐL còn chứa đựng một tình cảm yêu nước thương dân nồng nàn của Chủ tịch Hồ Chí Minh. Tình cảm đó được bộc lộ qua các phương diện:

Ngữ văn 12

có sức lay động sâu sắc hàng chục triệu trái tim con người?

- B2: HS thực hiện nhiệm vụ:
- B3: HS báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ:
- B4: GV nhận xét, chốt kiến thức

- Về lập luận: Mọi cố gắng trong lập luận của tác giả đều chủ yếu dựa trên lập trường quyền lợi tối cao của các dân tộc nói chung của dân tộc ta nói riêng.

- Về lí lẽ: Sức mạnh của lí lẽ trong bản TN xuất phát từ tình yêu công lí, thái độ tôn trọng sự thật, và trên hết là dựa vào lẽ phải và chính nghĩa của dân tộc ta.

- Về bằng chứng: Những bằng chứng xác thực hùng hồn không thể chối cãi được cho thấy một sự quan tâm sâu sắc của Người đến vận mệnh dân tộc, hạnh phúc của nhân dân.

- Về ngôn ngữ: Cách sử dụng từ ngữ chan chứa tình

cảm yêu thương đối với nhân dân đất nước: ngay từ câu đầu tiên “Hỡi đồng bào cả nước!”, nhiều từ ngữ xung hô gần gũi thân thiết “đất nước ta”, “nhân dân

ta”, “nước nhà của ta”, “Những người yêu nước thương nòi của ta”...

5. HOẠT ĐỘNG MỞ RỘNG VÀ SÁNG TẠO

Hoạt động của GV - HS	Kiến thức cần đạt
<p>- B1: GV giao nhiệm vụ:</p> <p>1. So sánh điểm giống nhau và khác nhau về phần tuyên bố độc lập chủ quyền dân tộc giữa bài thơ <i>Nam quốc sơn hà</i> (<i>Lý Thường Kiệt</i>), <i>Bình Ngô Đại cáo</i> (<i>Nguyễn Trãi</i>) và <i>TNĐL</i> (<i>HCM</i>);</p> <p>2. Suru tầm đoạn Video clip HCM đọc TNĐL, viết bài văn ngắn trình bày cảm nghĩ cá nhân sau khi xem đọc video clip đó.</p> <p>- B2: HS thực hiện nhiệm vụ:</p> <p>- B3: HS báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ:</p> <p>- B4: GV nhận xét, chốt kiến thức</p>	<p>- Sử dụng thao tác lập luận so sánh để trình bày</p> <p>- Cảm nghĩ cần chân thành, xúc động.</p>

GIỮ GÌN SỰ TRONG SÁNG CỦA TIẾNG VIỆT

A. VẤN ĐỀ CẦN GIẢI QUYẾT

I. Tên bài học : giữ gìn sự trong sáng của tiếng Việt

II. Hình thức dạy học : DH trên lớp.

III. Chuẩn bị của giáo viên và học sinh

1. Giáo viên:

- Phương tiện, thiết bị:
- + SGK, SGV, Tư liệu Ngữ Văn 11, thiết kế bài học.
- + Máy tính, máy chiếu, loa...
- PPDH: Phát vấn, thuyết trình, nêu vấn đề, thảo luận nhóm, trò chơi

2. Học sinh: Sách giáo khoa, bài soạn.

B. NỘI DUNG BÀI HỌC

Giữ gìn sự trong sáng của tiếng Việt

C. MỤC TIÊU BÀI HỌC

I. Kiến thức :

a/ Nhận biết: Nhận thức được sự trong sáng của tiếng Việt biểu hiện ở một phương diện cơ bản và là một yêu cầu đối với việc sử dụng tiếng Việt.

b/ Thông hiểu: Có thói quen rèn luyện kỹ năng nói và viết nhằm đạt được sự trong sáng của Tiếng Việt.

c/Vận dụng thấp: Dùng từ đặt câu đúng chuẩn trong khi nói và viết

d/Vận dụng cao: Sử dụng TV theo đúng chuẩn để sáng tác hay viết hoàn chỉnh các văn bản trong cuộc sống

II. Kỹ năng :

a/ Biết làm: bài đọc hiểu về tiếng Việt

b/ Thông thạo: sử dụng tiếng Việt , giữ gìn sự trong sáng của tiếng Việt;

III. Thái độ :

a/ Hình thành thói quen: sử dụng tiếng Việt một cách trong sáng

b/ Hình thành tính cách: tự tin khi sử dụng tiếng Việt trong giao tiếp

c/Hình thành nhân cách: có tình yêu tiếng Việt

IV. Những năng lực cụ thể học sinh cần phát triển:

- Năng lực thu thập thông tin liên quan đến văn bản
- Năng lực hợp tác để cùng thực hiện nhiệm vụ học tập
- Năng lực giải quyết những tình huống đặt ra trong giao tiếp tiếng Việt
- Năng lực đọc - hiểu các văn bản liên quan đến nội dung giữ gìn sự trong sáng của tiếng Việt
- Năng lực sử dụng ngôn ngữ, trình bày suy nghĩ của cá nhân trong giao tiếp

D. TIẾN TRÌNH TỔ CHỨC BÀI HỌC

1. KHỞI ĐỘNG (5 phút)

<i>Hoạt động của Thầy và trò</i>	<i>Nội dung cần đạt</i>
<p>- B1: GV giao nhiệm vụ: GV hướng dẫn học sinh tìm hiểu về bài học bằng cách đưa ra các ví dụ sau để học sinh xác định cách dùng từ trong câu nào đúng/sai?</p> <p>1/Tổng thống và <i>phu nhân</i>. 2/Chị là <i>phu nhân</i> chiều chồng, chăm con. 3/Báo <i>Thiếu niên nhi đồng</i>. 4/<i>Thiếu niên nhi đồng</i> lang thang cơ nhỡ. 5/Tổng thống và <i>vợ</i>. 6/Chị là <i>một người vợ</i> chiều chồng, chăm con. 7/Báo <i>Trẻ em</i>. 8/Trẻ em lang thang cơ nhỡ.</p> <p>- B2: HS thực hiện nhiệm vụ: -B3: HS báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ: -B4: GV nhận xét và dẫn vào bài mới: Đã là người Việt Nam thì bất cứ ai trong chúng ta cũng biết sử dụng tiếng Việt trong công việc giao tiếp hàng ngày, nhưng sử dụng tiếng Việt như thế nào để đảm bảo sự trong sáng và đạt hiệu quả cao? Đó là điều chúng ta sẽ tìm hiểu trong bài học hôm nay.</p>	<p>trả lời: 1-3-6-8</p>

2. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

<i>Hoạt động của GV - HS</i>	<i>Kiến thức cần đạt</i>
1. GV hướng dẫn HS tìm hiểu sự trong sáng của tiếng Việt:(15 phút).	
<p>- B1: GV chuyển giao nhiệm vụ (HS làm việc nhóm) -HS trình bày suy nghĩ qua 1 số d/c cụ thể (Giải thích nên hay không nên sử dụng các yếu tố nước ngoài, vì sao?) -Có vay mượn -không lạm dụng Nhóm 1: Đọc và so sánh ba câu văn trong SGK, xác định câu nào trong sáng, câu nào không trong sáng? Vì sao? - Qua đó theo em biểu hiện thứ nhất của trong sáng tiếng Việt là gì? - Có trường hợp tiếng Việt được sử dụng linh hoạt, sáng tạo,</p>	<p>I. Sự trong sáng của tiếng Việt:</p> <p>“Trong”: có nghĩa là trong trẻo, không có chất tạp, không đục. “Sáng”: là sáng tỏ, sáng chiếu, sáng chói, nó phát huy cái trong, nhờ đó phản ánh được tư tưởng và tình cảm</p>

<p><i>câu văn của chủ tịch Hồ Chí Minh để trả lời câu hỏi trên.</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Các từ ngữ dùng sáng tạo trong câu thơ của Nguyễn Duy là những từ nào? Chúng có nét nghĩa mới nào? Chúng được dùng theo biện pháp tu từ nào? - Trong câu văn của Bác, từ “tắm” được dùng theo nghĩa mới là gì? Có phù hợp với quy tắc tiếng Việt hay không? <p><i>Nhận xét về các từ ngữ nước ngoài được sử dụng trong câu văn của SGK?</i></p> <p>Nhóm 2:</p> <p><i>Trong sáng thì không cho phép pha tạp, vẫn đục. Vậy sự trong sáng của tiếng Việt có cho phép pha tạp của yếu tố ngon ngữ khác không? Qua ví dụ trên, em rút ra biểu hiện thứ hai của sự trong sáng của tiếng Việt là gì?</i></p> <p>Nhóm 3:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Sự trong sáng của tiếng Việt có cho phép ta nói năng thô tục, bất lịch sự không? Phải nói năng, giao tiếp như thế nào? - Phân tích tính lịch sự, có văn hoá trong lời nói của các nhân vật trong đoạn hội thoại? - Vậy theo em, sự trong sáng của tiếng Việt còn thể hiện ở phương diện nào? <p>- B2: HS thực hiện nhiệm vụ HS đọc ví dụ và thảo luận</p> <p>- B3: HS báo cáo sản phẩm</p> <p>Nhóm 1:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Câu đầu: không trong sáng vì cấu tạo câu không đúng quy tắc (chuẩn mực) ngữ pháp tiếng Việt. + Hai câu sau: đạt được sự trong sáng vì cấu tạo câu theo chuẩn mực ngữ pháp của tiếng Việt. + Trong câu thơ của Nguyễn Duy, các từ “<i>lưng, áo, con</i>” được dùng theo nghĩa mới nhưng vẫn theo quy tắc ẩn dụ. + Trong câu văn của Bác, từ “<i>tắm</i>” được dùng theo nghĩa mới và đặc điểm ngữ pháp mới. Nhưng đó vẫn là sự chuyển nghĩa nghĩa và đặc điểm ngữ pháp theo quy tắc của tiếng Việt. <p>Trong cả hai trường hợp, việc sử dụng linh hoạt, sáng tạo vẫn đảm bảo sự trong sáng của tiếng Việt vì vẫn tuân theo quy tắc</p>	<p>(chuyển nghĩa, chuyển tiểu loại) của tiếng Việt.</p> <p>N h ó m</p> <p>2 :</p> <p>Câu văn có những từ ngữ nước ngoài được sử dụng không cần thiết vì tiếng Việt vẫn có những từ ngữ thay thế tương xứng.</p>
---	---

Ngữ văn 12

của người Việt Nam ta, diễn tả trung thành và sáng tỏ những điều chúng ta muốn nói

Biểu hiện của sự trong sáng của TV:

- Thể hiện ở chuẩn mực và việc tuân thủ đúng chuẩn mực của tiếng Việt
- + Phát âm theo chuẩn của một phương ngữ nhất định, chú ý cách phát âm ở phụ âm đầu, phụ âm cuối, thanh điệu.
- + Tuân theo quy tắc chính tả, viết đúng phụ âm đầu, cuối, thanh điệu các từ khó.
- + Khi nói viết phải dùng từ đúng nghĩa và đầy đủ các thành phần câu
- + Những sự chuyển đổi, sáng tạo vẫn đảm bảo sự trong sáng khi tuân thủ theo những quy tắc chung của tiếng Việt.
- Tiếng Việt không cho phép pha tạp, lai căng, sử dụng tùy tiện, không cần thiết những yếu tố của ngôn ngữ khác.
- Tính văn hóa, lịch sự của lời nói

<p>✉ Hiện tượng lạm dụng tiếng nước ngoài chỉ làm văn đục tiếng Việt.</p> <p>Nhóm 3: Tính lịch sự, có văn hoá trong lời nói thể hiện ở cách xưng hô, thưa gửi, cách sử dụng từ ngữ:</p> <ul style="list-style-type: none"> o Cách xưng hô: <p>Ông giáo: <i>Cụ với tôi, ông với con</i></p> <p>✉ thể hiện sự kính trọng, thân thiết gần gũi.</p> <p>Lão Hạc: <i>Ông giáo, chúng mình, tôi với ông</i></p> <p>✉ thể hiện sự tôn trọng của Lão Hạc đối với ông giáo</p> <ul style="list-style-type: none"> o Cách thưa gửi của Lão Hạc với ông giáo: “ <i>Vâng! Ông giáo dạy phải</i>” <p>✉ Sự trân trọng, tin tưởng và có phần ngưỡng mộ của lão Hạc với ông giáo</p> <ul style="list-style-type: none"> o Các từ ngữ: trong sáng, rõ ràng, nhã nhặn, lịch <p>sự HS: Nêu thêm ví dụ:</p> <ul style="list-style-type: none"> o Trong các trường hợp khác nhau, dùng từ <i>chết</i> có thể thay thế bằng: <i>khuất núi, quy tiên, từ trần, về cõi vĩnh hằng...</i> o Hoặc dùng các nói giảm: <ul style="list-style-type: none"> - Có lẽ chị không còn trẻ lắm. - Tôi hỏi thật không phải, chị đã có gia đình chưa? - Bạn đừng giận thì mình mới nói. - Mình hỏi câu này bạn đừng giận mình đây... <p>- B4: GV nhận xét, chốt kiến thức</p> <p>+ GV: Mở rộng vấn đề: Bên cạnh những lời văn mang tính lịch sự, có văn hoá, ta vẫn bắt gặp trong văn chương những lời nói không đảm bảo tính lịch sự, trong sáng của tiếng Việt. Ví dụ:</p> <p>“<i>Mẹ kiếp! Thế có phí rượu không? Thế thì có khổ hẩn không? Không biết đũa chết mẹ nào đã để ra thân hẩn cho hẩn khổ đến nông nổi này?</i>”</p> <p>(Chí Phèo – Nam Cao).</p> <p>Tại sao lại có điều đó? Bởi tác giả muốn nhân vật trực tiếp bộc lộ tính cách đối với người đọc qua chính những ngôn ngữ của mình. Lời nói của Chí Phèo trong trích đoạn trên là lời nói của Chí khi đã bị tha hoá trở thành một tên côn đồ, bặm trợn, một con quỷ dữ của làng Vũ Đại.</p>	
<p>2.GV Hướng dẫn HS tìm hiểu trách nhiệm giữ gìn sự trong sáng của tiếng Việt (20 Phút)</p>	
<p>- B1: GV chuyển giao nhiệm vụ (HS làm việc cá nhân)</p> <p>- <i>Muốn giữ gìn sự trong sáng của tiếng Việt, chúng ta phải</i></p>	<p>II. Trách nhiệm giữ gìn sự trong sáng của</p>

Ngữ văn 12

<p><i>có thái độ và tình cảm như thế nào đối với tiếng Việt?</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Để giữ gìn sự trong sáng của tiếng Việt, mỗi người cần có hiểu biết về tiếng Việt hay không? Và là thế nào để có những hiểu biết về tiếng Việt? - Về mặt hành động, để giữ gìn sự trong sáng của tiếng Việt, mọi người cần sử dụng tiếng Việt như thế nào? - B2: HS thực hiện nhiệm vụ - B3: HS báo cáo sản phẩm: <p>Học sinh thảo luận và nói lên ý kiến của mình</p> <ul style="list-style-type: none"> - Cần có ý thức tôn trọng và yêu quý tiếng Việt, xem đó là <i>"thứ của cải vô cùng lâu đời và quý báu của dân tộc"</i> - Để giữ gìn sự trong sáng của tiếng Việt, mỗi người cần có những hiểu biết về tiếng Việt (Cần có những hiểu biết cần thiết về các chuẩn mực của tiếng Việt: ngữ âm, chữ viết, từ ngữ, ngữ pháp) - Hiểu biết đó không chỉ qua học tập ở trường, mà còn bằng tự học hỏi. 	<p>tiếng Việt:</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Về thái độ, tình cảm: 2. Về nhận thức: 3. Về hành động:
<p>3. GV HƯỚNG DẪN HS TÌM HIỂU PHẦN LUYỆN TẬP (40 PHÚT)</p>	
<ul style="list-style-type: none"> - B1: GV chuyển giao nhiệm vụ (HS làm việc nhóm) <p>Nhóm 1: Bài tập 1- trang 33</p> <ul style="list-style-type: none"> - <i>Yêu cầu HS tìm những từ ngữ tiêu biểu mà tác giả dùng để miêu tả diện mạo hoặc tính cách nhân vật trong Truyện Kiều?</i> <p>Nhóm 2: Bài tập 2- trang 34</p> <p><i>Yêu cầu học sinh điền vào đoạn văn các dấu câu thích hợp để đoạn văn được trong sáng.</i></p> <p>Nhóm 3: Bài tập 1. trang 44</p> <ul style="list-style-type: none"> - Yêu cầu học sinh phân tích từng câu văn để tìm ra những câu văn <i>"trong sáng"</i> và những câu <i>"không trong sáng"</i>? <p>Nhóm 4: Bài tập 2. trang 45</p> <ul style="list-style-type: none"> - <i>Yêu cầu học sinh phân tích để tìm ra những từ nước ngoài nào không nên sử dụng và thay thế bằng từ khác để đảm bảo sự trong sáng của tiếng Việt.</i> - B2: HS thực hiện nhiệm vụ 	<p>III. Luyện tập</p> <p>Bài tập 1- trang 33</p>

Ngữ văn 12

chuẩn xác vì miêu tả đúng diện mạo hoặc lột tả được tính cách nhân vật.

- Kim Trọng: *rất mực chung tình*
- Thuý Vân: *cô em gái ngoan*
- Hoạn Thư: *người đàn bà bản lĩnh khác thường, biết điều mà cay nghiệt*
- Thúc Sinh: *sợ vợ*
- Từ Hải: *chợt hiện ra, chợt biến đi như một vì sao lạ*
- Tú Bà: *màu da “nhờn nhợt”*
- Mã Giám Sinh: *“mày râu nhẵn nhụi”*
- Sở Khanh: *chải chuốt dịu dàng*
- Bạc Bà, Bạc Hạnh: *miệng thề “xoen xoét”*

* **Nhóm 2:** Bài tập 2-trang 34

“ Tôi có lấy ví dụ về một dòng sông. Dòng sông vừa trôi chảy, vừa phải tiếp nhận – dọc đường đi của mình – những dòng nước khác . Dòng ngôn ngữ cũng vậy: một mặt nó phải giữ bản sắc cố hữu của dân tộc, nhưng nó không được phép gạt bỏ, từ chối những gì thời đại đem lại .”

(Chế Lan Viên)

* **Nhóm 3:** Bài tập 1. trang 44

- Câu a không trong sáng (có sự lẫn lộn giữa trạng ngữ *muốn xóa bỏ sự cách biệt giữa thành thị và nông thôn* và chủ ngữ) vì dùng thừa từ *đòi hỏi*.

- Các câu b, c, d viết đúng chuẩn ngữ pháp nên là những câu trong sáng.

* **Nhóm 4:** Bài tập 2. trang 45

- Dùng từ *Tình nhân* thì thiên về việc nói đến con người hơn là ngày lễ

- Dùng từ *Valentine* là từ vay mượn nên không cần thiết.

☑ Dùng từ (ngày) *Tình yêu* là đủ diễn đạt nội dung và sắc thái tình cảm. Không nhất thiết dùng từ nước ngoài.

Bài tập 2- trang 34

Bài tập 1- trang 44

Bài tập 2- trang 45

3. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP

Hoạt động của GV - HS	Kiến thức cần đạt
-----------------------	-------------------

Ngữ văn 12

<ul style="list-style-type: none">- B1: GV giao nhiệm vụ <i>Trình bày trách nhiệm của tuổi trẻ trong việc giữ gìn sự trong sáng của tiếng Việt.</i>- B2: HS thực hiện nhiệm vụ:- B3: HS báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ:	Nêu được <i>trách nhiệm của tuổi trẻ trong việc giữ gìn sự trong sáng của tiếng Việt.</i>
---	--

- B4: GV nhận xét, chốt kiến thức	
-----------------------------------	--

4. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG

Hoạt động của GV - HS	Kiến thức cần đạt
<p>- B1: GV giao nhiệm vụ: Giáo viên tổ chức cho học sinh thực hành các bài tập sau tại lớp: Chỉ ra chỗ sai và cách sửa trong việc dùng từ ở các câu văn sau:</p> <p style="padding-left: 40px;">- <i>Xoá đói giảm nghèo là nhiệm vụ bức tử của huyện ta!.</i></p> <p style="padding-left: 40px;">- <i>Gớm, lâu quá, hôm nay bác mới quá độ đến nhà em!</i></p> <p style="padding-left: 40px;">- <i>Hắn vốn có một thân nhân tốt, thế mà không hiểu tại sao lại bị vướng vào vòng lao lí</i></p> <p>- B2: HS thực hiện nhiệm vụ:</p> <p>- B3: HS báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ:</p> <p>- B4: Gv nhận xét, chốt kiến thức</p>	<p>Xoá đói giảm nghèo là nhiệm vụ <u>bức tử</u> của huyện ta!.</p> <p>- Gớm, lâu quá, hôm nay bác mới <u>quá độ</u> đến nhà em!</p> <p>- Hắn vốn có một <u>thân nhân</u> tốt, thế mà không hiểu tại sao lại bị vướng vào vòng lao lí</p>

5. HOẠT ĐỘNG MỞ RỘNG VÀ SÁNG TẠO

Hoạt động của GV - HS	Kiến thức cần đạt
<p>- B1: GV giao nhiệm vụ:</p> <p>1. <i>Viết bài văn ngắn bày tỏ suy nghĩ về văn hoá ứng xử trong giao thông.</i></p> <p>2. <i>Từ thực tế, từ những câu chuyện, những tình huống thật xảy ra trong cuộc sống em hãy chỉ ra các trường hợp không sử dụng đúng chuẩn mực của TV ...và nêu cách sửa chữa của bản thân.</i></p> <p>- B2: HS thực hiện nhiệm vụ:</p> <p>- B3: HS báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ</p>	<p>- Trước khi viết bài, HS phải lập dàn ý có đầu đủ mở-thân-kết</p> <p>- Vấn đề cần nghị luận: <i>văn hoá ứng xử trong giao thông.</i></p> <p>- chỉ ra các trường hợp không sử dụng đúng chuẩn mực của TV ...và nêu cách sửa chữa của bản thân.</p>

.....

.....

.....

Tuần

Ngày soạn:

Tiết 11

Ngày kí:.....

**NGUYỄN ĐÌNH CHIỂU,
NGÔI SAO SÁNG TRONG VĂN NGHỆ CỦA DÂN TỘC.**

- Phạm Văn Đồng

—

A. VẤN ĐỀ CẦN GIẢI QUYẾT

I. Tên bài học : NGUYỄN ĐÌNH CHIỂU, NGÔI SAO SÁNG TRONG VĂN NGHỆ CỦA DÂN TỘC

II. Hình thức dạy học : DH trên lớp.

III. Chuẩn bị của giáo viên và học sinh

1. Giáo viên:

- Phương tiện, thiết bị:
- + SGK, SGV, Tư liệu Ngữ Văn 11, thiết kế bài học.
- + Máy tính, máy chiếu, loa...
- PPDH: Phát vấn, thuyết trình, nêu vấn đề, thảo luận nhóm, trò chơi

2. Học sinh: Sách giáo khoa, bài soạn.

B. NỘI DUNG BÀI HỌC

NGUYỄN ĐÌNH CHIỂU, NGÔI SAO SÁNG TRONG VĂN NGHỆ CỦA DÂN TỘC

C. MỤC TIÊU BÀI HỌC

I. Kiến thức :

- a/ Nhận biết:- Nhận biết một số đặc điểm cơ bản của văn nghị luận hiện đại.
- b/ Thông hiểu:- Hiểu những đặc sắc về nội dung và nghệ thuật của văn bản nghị luận : các luận điểm - tư tưởng, cách lập luận chặt chẽ, sắc bén, cách đưa dẫn chứng sinh động, thuyết phục, sử dụng ngôn ngữ chính.
- c/Vận dụng thấp: Khái quát đặc điểm phong cách của tác giả từ tác phẩm
- d/Vận dụng cao: Vận dụng tri thức đọc hiểu văn bản để kiến tạo những giá trị sống của cá nhân. Trình bày những giải pháp để giải quyết một vấn đề cụ thể đặt ra trong tác phẩm.

II. Kỹ năng :

- a/ Biết làm: bài đọc hiểu về nghị luận văn học
- b/ Thông thạo: sử dụng tiếng Việt khi trình bày một bài nghị luận văn học

III. Thái độ :

- a/ Hình thành thói quen: đọc hiểu văn bản nghị luận văn học
- b/ Hình thành tính cách: tự tin khi trình bày kiến thức về văn nghị luận

Ngữ văn 12

c/Hình thành nhân cách: Cảm phục những tài năng, phẩm chất của những nhà văn lớn

IV. Thái độ: Giúp ta hiểu hơn và càng thêm yêu quý nhà thơ yêu nước Nguyễn Đình Chiểu.

IV. Những năng lực cụ thể học sinh cần phát triển:

- Năng lực thu thập thông tin liên quan đến văn bản
- Năng lực hợp tác để cùng thực hiện nhiệm vụ học tập
- Năng lực giải quyết những tình huống đặt ra trong các văn bản
- Năng lực đọc - hiểu các tác phẩm Văn nghị luận hiện đại Việt Nam và nước ngoài

- Năng lực sử dụng ngôn ngữ, trình bày suy nghĩ, cảm nhận của cá nhân về các vấn đề xã hội được rút ra từ văn bản nghị luận.

- Năng lực tạo lập văn bản nghị luận.

D. TIẾN TRÌNH TỔ CHỨC BÀI HỌC

1. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG (5 phút)

<i>Hoạt động của Thầy và trò</i>	<i>Nội dung cần đạt</i>
- B1: GV giao nhiệm vụ: Điền khuyết các câu sau: a/ Nhân dân Nam Bộ gọi Nguyễn Đình Chiểu bằng cái tên thân mật là:.....Chiểu b/ Chờ bao nhiêuthuyền..... Đâm.....bút..... - B2: HS thực hiện nhiệm vụ: - B3: HS báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ: - B4: GV nhận xét và dẫn vào bài mới: trong chương trình Ngữ văn 11, các em đã học về tác giả Nguyễn Đình Chiểu, bài <i>Văn tế nghĩa sĩ Cần Giuộc</i> , <i>Chạy giặc</i> ...Để có cái nhìn khoa học về cuộc đời và sự nghiệp sáng tác của ông, hôm nay chúng ta tìm hiểu	HS điền chính xác những thông tin trong phiếu học tập

2. HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

Hoạt động của GV - HS	Kiến thức cần đạt
1. GV Hướng dẫn HS tìm hiểu chung về tác giả và tác phẩm (15 phút).	
* Thao tác 1: Hướng dẫn HS tìm hiểu chung về tác giả và tác phẩm - B1: GV chuyển giao nhiệm vụ (HS làm việc cá nhân) - <i>Đọc tiểu dẫn và trình bày những nét chính về tác giả PVD</i>	I/ Tìm hiểu chung: 1/ Tác giả PVD: (1906-2000) - Nhà CM, CT, NG lỗi lạc của cách mạng VN thế kỉ XX - Nhà giáo dục, nhà lí luận vhoá vnghệ

Ngữ văn 12

<p>- Dựa vào phần tiểu dẫn, nêu những nét chính về tác giả?</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nêu hoàn cảnh ra đời của bài viết? - Bài viết ra đời trong bối cảnh lịch sử lúc bấy giờ như thế nào? Bài viết được viết nhằm mục đích gì? - B2: HS thực hiện nhiệm vụ - B3: HS báo cáo sản phẩm - B4: GV nhận xét, chốt kiến thức <p>* Thao tác 2: GV hướng dẫn HS đọc văn bản và chia bố cục</p> <ul style="list-style-type: none"> - B1: GV chuyển giao nhiệm vụ (HS làm việc cá nhân) - GV gọi 1 HS đọc văn bản - Bài nghị luận này có thể chia làm mấy phần? Nội dung chính của mỗi phần là gì? - Phần thân bài có bao nhiêu luận điểm? Tìm những câu chủ đề thể hiện luận điểm đó? - B2: HS thực hiện nhiệm vụ - B3: HS báo cáo sản phẩm + HS đọc + Bố cục: * Luận đề: NĐC, ngôi sao sáng trong bầu trời văn nghệ dân tộc. * Bố cục - Mở bài: NĐC, nhà thơ lớn của dân tộc cần 	<p>phải được nghiên cứu, tìm hiểu và đề cao hơn nữa</p> <p>- T h â n</p> <p>b à i</p> <p>+ Đoạn 1: NĐC – nhà thơ yêu nước</p> <p>+ Đoạn 2: Thơ văn yêu nước của NĐC- tấm gương phản chiếu ph phong trào chống TDP oanh liệt và bền bỉ của nhân dân Nam Bộ.</p>
--	--

Ngữ văn 12

2/ Văn bản:

a) Hoàn cảnh, mục đích sáng tác:

- 7/1963- Kỉ niệm 75 năm ngày mất NĐC.
- Hoàn cảnh năm 1963: Tình hình miền Nam có nhiều biến động lớn
- + Mỹ tài trợ và can thiệp sâu hơn vào cuộc chiến tranh
- + Phong trào đấu tranh chống Mỹ và tay sai nổi lên khắp nơi, tiêu biểu là phong trào Đồng Khởi.
- Đề tưởng nhớ NĐC; định hướng, điều chỉnh cách nhìn nhận, đánh giá về NĐC và thơ văn của ông; khơi dậy tinh thần yêu nước trong thời đại chống Mỹ cứu nước.

b) Bố cục:

* Luận đề:

* Bố cục

- Mở bài:

- Thân bài

+ Đoạn 1:

+ Đoạn 2:

+ Đoạn 3:

- Kết bài:

* *Nhận xét kết cấu của vb*

- Không kết cấu theo trình tự thời gian

- Lí giải (do mục đích sáng tác)

<p>+ Đoạn 3: LVT, tác phẩm lớn nhất của NĐC, có ảnh hưởng sâu rộng trong dân gian nhất là ở miền Nam</p> <p>- Kết bài: Cuộc đời và sự nghiệp thơ văn NĐC – tấm gương sáng của mọi thời đại.</p> <p>- B4: GV nhận xét, chốt kiến thức GV chốt lại:  Điều kiện để có một bài NLVH tốt:</p> <ul style="list-style-type: none"> o Có hiểu biết sâu rộng về văn học và các lĩnh vực khác o Có quan niệm đúng đắn về thế giới cũng như đời sống con người. 	
<p>2. GV hướng dẫn HS tìm hiểu nội dung và nghệ thuật của văn bản</p>	
<p>* Thao tác 1 : Hướng dẫn HS tìm hiểu phần mở đầu văn bản</p> <p>- B1: GV giao nhiệm vụ (HS làm việc nhóm)</p> <p>Nhóm 1: - <i>Tác giả mở đầu bằng một nhận định như thế nào, nêu lên điều gì?</i></p> <p>Nhóm 2: <i>Hiểu “lúc này” là thời điểm nào? Nhấn mạnh thời điểm ấy, Phạm Văn Đồng muốn nêu lên điều gì?</i></p> <p>Nhóm 3: <i>Sau đó, Phạm Văn Đồng đã dùng câu văn ẩn dụ để khẳng định điều gì về Nguyễn Đình Chiểu?</i></p> <p>- B2: HS thực hiện nhiệm vụ</p> <p>- B3: HS báo cáo sản phẩm:</p> <p>* Nhóm 1</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tác giả mở đầu bằng một nhận định khách quan có tính thời sự: “Ngôi sao Nguyễn Đình Chiểu, một nhà thơ lớn của nước ta, đáng lẽ phải sáng tỏ hơn nữa trong bầu trời văn nghệ của dân tộc, nhất là vào lúc này” <p>* Nhóm</p>	<p>II. Đọc – hiểu văn bản:</p> <p>1. Phần mở bài: Nguyễn Đình Chiểu – nhà thơ lớn của dân tộc</p> <p>- Tác giả mở đầu bằng một nhận định khách quan có tính thời sự...</p> <p> “Lúc này”: năm 1963,</p>

<p>nước Nguyễn Đình Chiểu để khẳng định truyền thống chống ngoại xâm, động viên nhân dân cả nước vùng lên.</p> <p>* Nhóm 3</p> <p>- Tác giả dùng nghệ thuật ẩn dụ để khẳng định tài năng và tấm lòng yêu nước của Nguyễn Đình Chiểu:</p> <p><i>“Trên trời có những vì sao có ánh sáng khác thường, nhưng con mắt của chúng ta phải chăm chú nhìn thì mới thấy, và càng nhìn thì càng thấy sáng. Văn thơ của Nguyễn Đình Chiểu cũng vậy”</i></p> <p>- B4: GV nhận xét, bổ sung, chốt kiến thức GV giải thích:</p> <p>o <i>Nguyễn Đình Chiểu là ngôi sao có ánh sáng khác thường:</i> Nguyễn Đình Chiểu là một hiện tượng độc đáo, thơ văn Nguyễn Đình Chiểu có vẻ đẹp riêng không dễ nhận ra.</p> <p>o <i>Phải chăm chú nhìn thì mới thấy:</i> phải cố gắng tìm hiểu và tìm hiểu kĩ, phải kiên trì nghiên cứu thì mới cảm nhận được vẻ đẹp riêng của nó.</p> <p>o <i>Càng nhìn càng thấy sáng:</i> càng nghiên cứu, càng tìm hiểu kĩ ta sẽ càng thấy được cái hay của nó và càng khám phá ra được những vẻ đẹp mới</p> <p>- B1: GV chuyển giao nhiệm vụ(HS làm việc cá nhân)</p> <p>- <i>Em có nhận xét gì về cách đặt vấn đề của tác giả?</i></p> <p>- <i>Theo tác giả, những lí do nào làm “ngôi sao Nguyễn Đình Chiểu” chưa sáng tỏ hơn trên bầu trời văn nghệ của dân tộc?</i></p> <p>- B2: HS thực hiện nhiệm vụ</p> <p>- B3: HS báo cáo sản phẩm</p> <p>- Tác giả nêu hai lí do khiến cho “ngôi sao Nguyễn Đình Chiểu” chưa sáng tỏ hơn trong bầu trời văn nghệ dân tộc:</p>	<p>+ Thứ nhất: Nhiều người chỉ biết Nguyễn Đình Chiểu là tác giả của truyện thơ <i>Lục Vân Tiên</i> và hiểu tác phẩm này khá thiên lệch về nội</p>
---	--

- Tác giả dùng nghệ thuật ẩn dụ để khẳng định tài năng và tấm lòng yêu nước của Nguyễn Đình Chiểu:

✉ Cách đặt vấn đề: đúng đắn, toàn diện và mới mẻ, như một định hướng để tìm hiểu về thơ văn Nguyễn Đình Chiểu.

- Tác giả nêu hai lí do khiến cho “ngôi sao Nguyễn Đình Chiểu” chưa sáng tỏ hơn trong bầu trời văn nghệ dân tộc:

⬆ *Cách đặt vấn đề độc đáo: nêu vấn đề, lí giải nguyên nhân, định hướng tìm hiểu...* ✉
phong phú,

<p>dụng và nghệ thuật.</p> <p>+ Thứ hai: Người đọc biết rất ít về thơ văn yêu nước - một bộ phận quan trọng trong sự nghiệp sáng tác của Nguyễn Đình Chiểu.</p>	<p>sâu sắc</p>
<p>2. GV Hướng dẫn HS tìm hiểu phần thân bài</p> <p>- B1: GV chuyển giao nhiệm vụ (HS làm việc nhóm)</p> <p>Nhóm 1:</p> <ul style="list-style-type: none"> - <i>Xđ các luận cứ của luận điểm 1; chỉ ra “ánh sáng khác thường” trong cuộc đời và quan niệm văn chương của NĐC; nhận xét về cách lập luận</i> - <i>Tác giả đã giới thiệu những gì về con người nhà thơ Nguyễn Đình Chiểu?</i> - <i>Tác giả đã nhấn mạnh vào đặc điểm nổi bật nào khi giới thiệu về con người Nguyễn Đình Chiểu?</i> <p>Nhóm 2 :</p> <ul style="list-style-type: none"> - <i>Xđ các luận cứ của luận điểm 2; lí giải cách triển khai luận điểm của tác giả.</i> - <i>Trong phần này, tác giả đã đưa ra những luận điểm và luận cứ như thế nào? Có tác dụng gì?</i> - <i>Trong phần đầu của luận điểm 2, Phạm Văn Đồng đã tái hiện lại thời kì Nguyễn Đình Chiểu sống. Đó là thời kì như thế nào?</i> - <i>Phạm Văn Đồng đã phân tích tác phẩm nào của Nguyễn Đình Chiểu để cho người đọc thấy được sự sáng tạo của Nguyễn Đình Chiểu? Sự sáng tạo đó là gì?</i> - <i>Tác giả đã so sánh bài Văn tế nghĩa sĩ Cần Giuộc với Bình Ngô đại cáo. So sánh như vậy để làm gì?</i> - <i>Phạm Văn Đồng đã dẫn thêm bài thơ Xúc cảnh của Nguyễn Đình Chiểu nhằm mục đích gì?</i> - <i>Trong luận điểm 2, Phạm Văn Đồng viết về</i> 	<p>2. Phần thân bài:</p> <p>a. Luận điểm 1: “<i>Ánh sáng khác thường</i>” trong con người và quan niệm sáng tác của Nguyễn Đình Chiểu</p> <ul style="list-style-type: none"> - Con người: <p>✉ Tác giả không viết lại tiểu sử Nguyễn Đình Chiểu mà nhấn mạnh vào đặc điểm nổi bật: <i>khí tiết của một người chí sĩ yêu nước, trọn đời phấn đấu hi sinh vì nghĩa lớn.</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Quan điểm sáng tác: <p>▲ Tác giả đã đưa ra luận điểm có tính khái quát cao, luận cứ bao gồm các lí lẽ và dẫn chứng tiêu biểu, cụ thể, giúp người đọc hiểu rõ và sâu sắc vấn đề.</p> <p>b. Luận điểm 2: “<i>Ánh sáng khác thường</i>” trong thơ văn yêu nước của Nguyễn Đình Chiểu</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nêu bối cảnh thời đại Nguyễn Đình Chiểu cầm bút: “<i>khó nhọc nhưng vĩ đại</i>”

tp LVT. Cách lập luận của tác giả

- Phạm Văn Đồng đã nêu lên lí do nào làm cho tác phẩm *Lục Vân Tiên* được xem là “lớn nhất” của Nguyễn Đình Chiểu và được phổ biến rộng rãi trong dân gian?

- Khi bàn luận về những điều mà nhiều người cho là hạn chế của tác phẩm, Phạm Văn Đồng thừa nhận điều gì?

- Tác giả cũng đã khẳng định đó là những hạn chế như thế nào của tác phẩm *Lục Vân Tiên*? Vì sao?

- Việc nêu lên hạn chế trước rồi sau đó lí giải có tác dụng gì?

- Phạm Văn Đồng đã xem xét giá trị của “*Truyện Lục Vân Tiên*” trong mối quan hệ nào? Đó là cách xem xét như thế nào?

- **B2:** HS thực hiện nhiệm vụ

vụ

Thảo luận , trao đổi trong nhóm rồi ghi ra bảng phụ

- **B3:** HS báo cáo sản phẩm:

phẩm:

* **Nhóm 1**

- Con người:

+ Sinh ra trên đất Đồng Nai hào phóng

+ Triều đình nhà Nguyễn cam tâm bán nước, nhân dân khắp nơi đứng lên đánh giặc cứu nước

+ Bị mù, Nguyễn Đình Chiểu dùng thơ văn phục vụ chiến

đấu

+ Thơ văn ông ghi lại tâm hồn trong sáng và cao quý của ông và thời kì *khổ nhục nhưng vĩ đại* của dân tộc.

☑ Tác giả không viết lại tiểu sử Nguyễn Đình Chiểu mà nhấn mạnh vào đặc điểm nổi bật: *khí tiết của một người chí sĩ yêu nước, trọn đời phấn đấu hi sinh vì nghĩa lớn.*

- *Quan điểm sáng*

tác:

+ Thơ Nguyễn Đình Chiểu là thơ văn mang tính chiến đấu, đánh thẳng vào giặc xâm lược

và tội tó của chúng.

+ Với Nguyễn Đình Chiểu,

cầm bút còn là

một thiên chức nên ông khinh miệt những kẻ lợi dụng văn chương để làm việc phi nghĩa.

Ngữ văn 12

- *Nêu nội dung chính thơ văn Nguyễn Đình Chiểu:*

o Phân tích một tác phẩm tiêu biểu: “*Văn tế nghĩa sĩ Cần Giuộc*”

✉ Ta thấy được *tính chiến đấu và sự sáng tạo* trong việc xây dựng

hình tượng *người anh hùng* hoàn toàn mới trong văn học – *nghĩa sĩ nông dân*

o So sánh với “*Bình Ngô đại cáo*” của Nguyễn Trãi: Bài cáo là khúc ca khải hoàn, bài văn tế là

khúc ca của những người anh hùng thất thế mà vẫn hiện ngang

✉ Khẳng định giá trị to lớn của bài văn tế.

o Trong thơ văn yêu nước của Nguyễn Đình Chiểu còn có những đoá hoa, hòn ngọc rất đẹp như “*Xúc cảnh*”

✉ Tác giả không phân tích mà chỉ gợi ra để người đọc cảm nhận được

sự phong phú trong thơ văn yêu nước Nguyễn Đình Chiểu

o Đặt tác phẩm của Nguyễn Đình Chiểu vào phong trào thơ văn kháng Pháp lúc bấy giờ với những

tên tuổi tài năng như Phan Văn Trị, Nguyễn Thông, Bùi Hữu Nghĩa...

✉ Thơ văn Nguyễn Đình Chiểu góp phần tạo nên diện mạo của văn

học thời kì này và Nguyễn Đình Chiểu là lá cờ đầu, là ngôi sao sáng nhất của thơ văn yêu nước chống Pháp cuối thế kỉ XIX.

=> Nhận xét:

+ Phạm Văn Đồng viết về Nguyễn Đình Chiểu bằng một *trí tuệ sáng suốt, hiểu biết sâu sắc* qua hệ thống *lập luận rõ ràng và chặt chẽ, dẫn chứng cụ thể và thuyết phục*

☑ Quan niệm sáng tác thống nhất với con người Nguyễn Đình Chiểu: văn thơ phải là vũ khí chiến đấu sắc bén.

* Nhóm 2

-Nguyễn Đình Chiểu xứng đáng là “ngôi sao sáng trong văn nghệ dân tộc”, vì thơ văn ông đã “làm sống lại phong trào kháng Pháp bền bỉ và oanh liệt của nhân dân Nam Bộ từ 1860 trở về sau” ☑ Vì nhà văn lớn, tác phẩm lớn khi phản ánh trung thành những đặc điểm bản chất

của một giai đoạn lịch sử trọng đại.

+ Là tấm gương phản chiếu thời đại nên sáng tác của Nguyễn Đình Chiểu là lời ngợi ca những nghĩa sĩ nông dân dũng cảm và cũng là lời khóc thương cho những anh hùng thất thế, bỏ mình vì dân vì nước

☑Phân lớn là những bài văn tế

+ Thơ văn Nguyễn Đình Chiểu mang tính chiến đấu vì đã xây dựng những hình tượng “sinh động và náo nức” về những con người “suốt đời tận trung với nước, trọng nghĩa với dân, giữ trọn khí phách hiên ngang cho dù chiến bại” và “ngòi bút, nghĩa là tâm hồn trung nghĩa của Nguyễn Đình Chiểu”:

o Phân tích một tác phẩm tiêu biểu: “Văn tế nghĩa sĩ Cần Giuộc”

o So sánh với “Bình Ngô đại cáo” của Nguyễn Trãi: Bài cáo là khúc ca khải hoàn, bài văn tế là khúc ca của những người anh hùng thất thế mà vẫn hiên ngang

o Trong thơ văn yêu nước của Nguyễn Đình Chiểu còn có những đoá hoa, hòn ngọc rất đẹp như “Xúc cảnh”

o Đặt tác phẩm của Nguyễn Đình Chiểu vào phong trào thơ văn kháng Pháp lúc bấy giờ với những tên tuổi tài năng như Phan Văn Trị, Nguyễn Thông, Bùi Hữu Nghĩa.

* Nhóm 3

- Nêu nguyên nhân làm cho tác phẩm được xem là “lớn nhất” của Nguyễn Đình Chiểu và được

phổ biến rộng rãi trong dân gian: “trường ca ca ngợi chính nghĩa, những đạo đức đáng quý

Ngữ văn 12

✉ Giọng văn nghị luận không khô khan mà thâm đậm cảm xúc

✉ Con người hôm nay có điều kiện để *đồng cảm* với một con

người đã sống hết mình vì dân tộc, thấu hiểu hơn những giá trị thơ văn của con người đó.

c. Luận điểm 3: “*Ánh sáng khác thường*” trong *truyện thơ Lục Vân Tiên*

- Nêu nguyên nhân làm cho tác phẩm được xem là “*lớn nhất*” của Nguyễn Đình Chiểu và được phổ biến rộng rãi trong dân gian

- Bàn luận về những điều mà nhiều người cho là hạn chế của tác phẩm:

=> Phạm Văn Đồng đã xem xét giá trị của “*Truyện Lục Vân Tiên*” trong mối quan hệ mật thiết với đời

sống nhân dân (quen thuộc với nhân dân, được nhân dân chấp nhận và yêu mến) ✉ Đó

là cơ sở

đúng đắn và quan trọng nhất để

đánh giá tác phẩm này.

trọng ở đời, ca ngợi những con người trung nghĩa”

- Bàn luận về những điều mà nhiều người cho là hạn chế của tác phẩm:

+ Thừa nhận sự thật: *“Những giá trị luân lí mà Nguyễn Đình Chiểu ca ngợi, ở thời đại chúng ta, theo quan điểm của chúng ta thì có phần đã lỗi thời”*, trong tác phẩm có những chỗ *“lời văn không hay lắm”* ➡ trung thực, công bằng khi phân tích.

+ Khẳng định bằng những lí lẽ và dẫn chứng xác thực: đó là những hạn chế *không thể tránh khỏi và không phải là chính yếu*:

o Hình tượng con người trong *“Lục Vân Tiên”* gần gũi với mọi thời, vấn đề đạo đức trong Lục Vân Tiên mang tính phổ quát xưa nay ➡ *“gần gũi với chúng ta”*, *“làm cho chúng ta cảm xúc và thích thú”*

o Lối kể chuyện *“nôm na”* dễ nhớ, dễ truyền bá trong dân gian ➡ người miền Nam say sưa nghe kể *“Lục Vân Tiên”*

➡ Thủ pháp *“đòn bẩy”*: nêu hạn chế để khẳng định giá trị trường tồn của tác phẩm *“Lục Vân Tiên”*

=> Phạm Văn Đồng đã xem xét giá trị của *“Truyện Lục Vân Tiên”* trong mối quan hệ mật thiết với đời sống nhân dân (quen thuộc với

nhân dân, được nhân dân chấp nhận và yêu mến) ➡ Đó là cơ sở đứng đắn và quan trọng nhất để đánh giá tác phẩm này.

- B4: GV nhận xét, chốt kiến thức

3. GV Hướng dẫn HS tìm hiểu phần kết bài:

- B1: GV chuyển giao nhiệm vụ (HS làm việc cá nhân)

- *Tác giả đã khẳng định những gì về Nguyễn Đình Chiểu?*

- *Qua lời tổng kết đó, tác giả muốn rút ra bài học gì?*

- B2: HS thực hiện nhiệm vụ

- B3: HS báo cáo sản phẩm

Khẳng định về đẹp nhân cách và vị trí của

3. Phần kết bài:

- Khẳng định về đẹp nhân cách và vị trí của Nguyễn Đình Chiểu trong nền văn học dân tộc

- Nhấn mạnh ý nghĩa và giá trị to lớn của cuộc đời và sự nghiệp văn chương của Nguyễn Đình Chiểu. Đó là bài học cho mỗi con người: *“Đời sống ... tư tưởng”*

<p>Nguyễn Đình Chiểu trong nền văn học dân tộc: <i>“Nguyễn Đình Chiểu là một chí sĩ yêu nước, một nhà thơ lớn của nước ta”</i>.</p> <p>- Nhấn mạnh ý nghĩa và giá trị to lớn của cuộc đời và sự nghiệp văn chương của Nguyễn Đình Chiểu. Đó là bài học cho mỗi con người: <i>“Đời sống ... tư tưởng”</i></p> <p>☑ Nguyễn Đình Chiểu là nhà thơ yêu nước, là cò đầu của thơ văn yêu nước, là người nêu cao sứ mạng của người chiến sĩ trên mặt trận văn hoá tư tưởng.</p> <p>- B4: GV nhận xét, chốt kiến thức</p> <p>GV chốt lại: o Vai trò của người chiến sĩ trên mặt trận văn hoá tư tưởng</p> <p>o Vai trò to lớn của văn học đối với đời sống</p> <p>o Tưởng nhớ đến Nguyễn Đình Chiểu, một con người anh dũng, một <i>“ngôi sao sáng trong văn nghệ dân tộc”</i></p>	<p>.</p>
<p>4. GV hướng dẫn HS tổng kết:(05 PHÚT)</p> <p>- B1: GV chuyển giao nhiệm vụ (HS làm việc cá nhân)</p> <p>- <i>Tóm lại, qua bài văn nghị luận này, Phạm Văn Đồng muốn chúng ta hiểu thật đúng và thật sâu sắc những gì về cuộc đời và sự nghiệp văn chương của Nguyễn Đình Chiểu?</i></p> <p>- <i>Đánh giá bài văn, có ý kiến cho rằng nó có cách lập luận thuyết phục nhưng hơi khô khan, ít hấp dẫn. Có đúng như vậy không? Vì sao?</i></p> <p>- B2: HS thực hiện nhiệm vụ</p> <p>- B3: HS báo cáo sản phẩm</p> <p>Bố cục chặt chẽ, các luận điểm triển khai bám sát vấn đề trung tâm..</p> <p>Cách lập luận từ khái quát đến cụ thể, kết hợp cả diễn dịch, quy nạp và hình thức “đòn bẩy”.</p> <p>- Lời văn có tính khoa học, vừa có màu sắc văn chương vừa khách quan; ngôn ngữ giàu hình ảnh.</p>	<p>III. Tổng kết:</p> <p>1) Nghệ thuật:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Bố cục : - Cách lập : - Lời văn : - Giọng điệu : <p>2) Ý nghĩa văn bản:</p> <p><i>Khẳng định ý nghĩa cao đẹp của cuộc đời và văn nghiệp của Nguyễn Đình Chiểu: cuộc đời của một chiến sĩ phấn đấu hết mình cho sự nghiệp đấu tranh giải phóng dân tộc; sự nghiệp thơ văn của ông là một minh chứng hùng hồn cho địa vị và tác dụng to lớn của văn học nghệ thuật cũng như trách nhiệm của người cầm bút đối với đất nước, dân tộc.</i></p>

3.HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP

Hoạt động của GV - HS	Kiến thức cần đạt
<p>- B1: GV giao nhiệm vụ:</p> <p>Câu hỏi 1: Trong phần mở đầu của bài văn “Nguyễn Đình Chiểu, ngôi sao sáng trong bầu trời văn nghệ dân tộc”, Phạm Văn Đồng đã ví Nguyễn Đình Chiểu và thơ văn của ông với hình ảnh nào?</p> <p>a. Ngôi sao chói sáng trong bầu trời văn nghệ dân tộc b. Ngôi sao lẻ loi trong bầu trời văn nghệ dân tộc c. Ngôi sao sáng cuối cùng trong bầu trời văn nghệ dân tộc thế kỉ XIX d. Ngôi sao có ánh sáng khác thường, càng nhìn càng thấy sáng</p> <p>Câu hỏi 2: Trong đoạn mở đầu bài văn, tác giả viết:” Ngôi sao Nguyễn Đình Chiểu, một nhà thơ lớn của nước ta đáng lẽ phải sáng tỏ hơn nữa trong bầu trời văn nghệ của dân tộc, nhất là trong lúc này”. ”Lúc này” được nói tới ở đây là thời điểm nào?</p> <p>a. Năm 1945 b. Năm 1954 c. Năm 1963 d. Năm 1975</p> <p>Câu hỏi 3: Theo tác giả, vì sao” ngôi sao Nguyễn Đình Chiểu” chưa sáng tỏ hơn trong bầu trời văn nghệ dân tộc?</p> <p>a. Phần lớn độc giả mới chỉ biết Nguyễn Đình Chiểu là tác giả của “Lục Vân Tiên” b. Còn hiểu “Lục Vân Tiên” khá thiên lệch về nội dung và về văn c. Còn ít biết tới thơ văn yêu nước của Nguyễn Đình Chiểu d. Cả A,B và C</p> <p>- B2: HS thực hiện nhiệm vụ: - B3: HS báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ:</p>	<p>ĐÁP ÁN [1]='d' [2]='c' [3]='d'</p>

4. VẬN DỤNG

Hoạt động của GV - HS	Kiến thức cần đạt
<p>- B1: GV giao nhiệm vụ: Trong phần mở đầu bài “Nguyễn Đình Chiểu, ngôi sao sáng trong văn nghệ của dân tộc”, ông Phạm Văn Đồng có viết : <i>“Trên trời có những vì sao có ánh sáng khác thường, nhưng con mắt thường của chúng ta phải nhìn chăm chú thì mới thấy và càng nhìn thì càng thấy sáng. Văn thơ của Nguyễn Đình Chiểu cũng vậy.”</i></p> <p>1. Xác định biện pháp tu từ và ý nghĩa biện pháp tu từ đó trong văn bản trên.</p> <p>3. Các từ ngữ: <i>ánh sáng khác thường, nhìn chăm chú, càng nhìn càng thấy sáng</i> có hiệu quả nghệ thuật như thế nào?</p> <p>- B2: HS thực hiện nhiệm vụ</p> <p>- B3: HS báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ:</p> <p>- B4: GV nhận xét , chốt kiến</p>	<p>1/ Tác giả dùng nghệ thuật ẩn dụ để khẳng định tài năng và tấm lòng yêu nước của Nguyễn Đình Chiểu</p> <p>2/ o <i>Nguyễn Đình Chiểu là ngôi sao có ánh sáng khác thường</i>: Nguyễn Đình Chiểu là một hiện tượng độc đáo, thơ văn Nguyễn Đình Chiểu có vẻ đẹp riêng không dễ nhận ra.</p> <p>o <i>Phải chăm chú nhìn thì mới thấy</i>: phải cố gắng tìm hiểu và tìm hiểu kỹ, phải kiên trì nghiên cứu thì mới cảm nhận được vẻ đẹp riêng của nó.</p> <p>o <i>Càng nhìn càng thấy sáng</i>: càng nghiên cứu, càng tìm hiểu kỹ ta sẽ càng thấy được cái hay của nó và càng khám phá ra được những vẻ đẹp mới</p>

5. HOẠT ĐỘNG MỞ RỘNG VÀ SÁNG TẠO

Hoạt động của GV - HS	Kiến thức cần đạt
<p>- B1: GV giao nhiệm vụ: Nhà thơ Nguyễn Đình Chiểu tuy bị mù khi còn trẻ nhưng ông đã làm tròn ba thiên chức: nhà giáo, thầy thuốc và nhà thơ. Em hãy bày tỏ suy nghĩ về bài học về ý chí, nghị lực rút ra qua vẻ đẹp từ cuộc đời Nguyễn Đình Chiểu bằng một đoạn văn ngắn.</p> <p>- B2: HS thực hiện nhiệm vụ</p>	<p>Bài văn cần trình bày các ý sau:</p> <p>- Trong cuộc sống có nhiều người có số phận bất hạnh biết vươn lên để học tập và cống hiến cho xã hội.</p> <p>- Những người có số phận bất hạnh là những người kém may mắn trong cuộc sống nhưng lại biết vươn lên để sống có ích, có ý nghĩa.</p> <p>- Biểu hiện:</p> <p>+ Những người sinh ra trong hoàn cảnh khó khăn: mồ côi cha mẹ, gia đình nghèo khó hoặc bố mẹ bị bệnh tật, bản thân phải lăn lóc, mưu sinh kiếm</p>

Ngữ văn 12

<p>- B3: HS báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ:</p> <p>- B4: GV nhận xét, chốt kiến thức</p>	<p>cảnh bằng cách tự lao động, mưu sinh, vừa học, vừa làm, tự mở cho mình con đường đến tương lai tốt đẹp.</p> <p>+ Những người bị bệnh tật hiểm nghèo hoặc bị khiếm khuyết trên thân thể: cố gắng tự chăm sóc cho bản thân, cố gắng tập luyện, làm những việc có ích (<i>thầy giáo Nguyễn Ngọc Kí, các vận động viên Para Games</i>).</p> <p>-Ý nghĩa, tác dụng: Thay đổi được hoàn cảnh số phận, cuộc sống có ích, có ý nghĩa. Là tấm gương về ý chí, nghị lực vượt lên số phận.</p> <p>-Phê phán: Những người có điều kiện đầy đủ nhưng không chịu học tập, sống buông thả, không nghĩ đến tương lai. Những người khi gặp khó khăn là buông xuôi, nản chí, phó mặc cho số phận.</p> <p>- Cần phải rèn luyện ý chí, nghị lực, luôn biết vươn lên, vượt qua những khó khăn trong cuộc sống. Biết chấp nhận những khó khăn, thử thách, xem khó khăn thử thách là môi trường để rèn luyện. Là học sinh, cần phải biết kiên trì nhẫn nại, vượt qua khó khăn trong học tập.</p>
--	--

Tuần

Ngày soạn:

Tiết 12

Ngày kí:.....

ĐỌC THÊM MÁY Ý NGHĨ VỀ THƠ – Nguyễn Đình Thi ĐÔ-XTÔI-ÉP-XKI - X. Xvai –gơ

A. VẤN ĐỀ CẦN GIẢI QUYẾT

I. Tên bài học : Máy ý nghĩ về thơ, Đô-xtôi- Ép- Xki

II. Hình thức dạy học : DH trên lớp.

III. Chuẩn bị của giáo viên và học sinh

1. Giáo viên:

- Phương tiện, thiết bị:

+ SGK, SGV, Tư liệu Ngữ Văn 11, thiết kế bài học.

+ Máy tính, máy chiếu, loa...

Ngữ văn 12

- PPDH: Phát vấn, thuyết trình, nêu vấn đề, thảo luận nhóm, trò chơi

2. *Học sinh*: Sách giáo khoa, bài soạn.

B. NỘI DUNG BÀI HỌC

Mấy ý nghĩ về thơ, Đô-xtôi- Ep- Xki

C. MỤC TIÊU BÀI HỌC

I. Kiến thức :

a/ Nhận biết:-Nhận biết một số đặc điểm cơ bản của văn nghị luận mang tính chất lí luận văn học và dạng bài chân dung văn học

b/ Thông hiểu:- Hiểu những đặc sắc về nội dung và nghệ thuật của văn bản : các luận điểm - tư tưởng, cách lập luận chặt chẽ, sắc bén, cách đưa dẫn chứng sinh động, thuyết phục, sử dụng ngôn ngữ chính.

c/Vận dụng thấp: Khái quát đặc điểm nghệ thuật viết văn của tác giả từ tác phẩm

d/Vận dụng cao: Vận dụng tri thức đọc hiểu văn bản để kiến tạo những giá trị sống của cá nhân. Trình bày những giải pháp đề giải quyết một vấn đề cụ thể đặt ra trong tác phẩm.

II. Kỹ năng :

a/ Biết làm: bài đọc hiểu về lí luận văn học, chân dung văn học

b/ Thông thạo: sử dụng tiếng Việt khi trình bày một bài lí luận văn học, chân dung văn học

III. Thái độ :

a/ Hình thành thói quen: đọc hiểu văn bản lí luận văn học, chân dung văn học

b/ Hình thành tính cách: tự tin khi trình bày kiến thức về lí luận văn học, chân dung văn học

c/Hình thành nhân cách: Cảm phục những tài năng, phẩm chất của những nhà văn lớn

IV. Những năng lực cụ thể học sinh cần phát triển:

-Năng lực thu thập thông tin liên quan đến văn bản

-Năng lực hợp tác để cùng thực hiện nhiệm vụ học tập

-Năng lực giải quyết những tình huống đặt ra trong các văn bản

-Năng lực đọc - hiểu các văn bản lí luận văn học và chân dung văn học

-Năng lực sử dụng ngôn ngữ, trình bày suy nghĩ, cảm nhận của cá nhân về các vấn đề xã hội được rút ra từ văn bản nghị luận.

- Năng lực tạo lập văn bản nghị luận.

D. TIẾN TRÌNH TỔ CHỨC BÀI HỌC

1. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG (5 phút)

<i>Hoạt động của Thầy và trò</i>	<i>Nội dung cần đạt</i>
- B1: GV giao nhiệm vụ: GV trình chiếu hình ảnh về	

Ngữ văn 12

nhà thơ Nguyễn Đình Thi, Bài thơ <i>Việt Nam đất nước ta ơi, Khúc hát ru những em bé trên lưng mẹ</i> , chân dung nhà văn Xvaigo, Dotx. Yêu cầu học sinh đọc một vài đoạn thơ của Nguyễn Đình Thi, nhận ra chân dung 2 tác giả;	- HS đọc chính xác một vài đoạn thơ của NĐT và nhận ra được chân dung Đxtioiepxki
<ul style="list-style-type: none"> - B2: HS thực hiện nhiệm vụ: - B3: HS báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ: - B4: GV nhận xét và dẫn vào bài mới: trong chương trình Ngữ văn 9, các em đã học bài thơ <i>Khúc hát ru những em bé trên lưng mẹ</i>. Nguyễn Đình Thi còn là nhà nghiên cứu phê bình văn học. Bên cạnh đó, SGK còn giới thiệu cho chúng ta đoạn trích về chân dung nhà văn nổi tiếng của nước Nga: Đxtioiepxki. Hôm nay chúng ta cùng đọc thêm hai tác giả này. 	

2. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

Hoạt động của GV - HS	Kiến thức cần đạt
1. GV HƯỚNG DẪN HS TÌM HIỂU VĂN BẢN MÃY Ý NGHĨ VỀ THƠ (20 phút).	
<p>* Thao tác 1 : Hướng dẫn HS tìm hiểu chung về tác giả và tác phẩm - B1: GV giao nhiệm vụ Yêu cầu HS đọc tiểu dẫn sgk rồi tóm tắt những nét cơ bản về tác giả, hoàn cảnh ra đời và mục đích sáng tác của tác phẩm - B2: HS thực hiện nhiệm vụ - B3: HS báo cáo sản phẩm - B4: GV nhận xét, chốt kiến thức</p>	<p>A. MÃY Ý NGHĨ VỀ THƠ I. Tiểu dẫn: 1. Tác giả:(SGK) 2. Tác phẩm: - <i>Hoàn cảnh ra đời:</i> Cuộc kháng chiến chống Pháp bước sang năm thứ 3 và thu được những thắng lợi quan trọng, trong đó có sự góp phần tích cực của văn nghệ. - <i>Mục đích sáng tác:</i> tác phẩm thể hiện một quan niệm đúng đắn về thơ nói chung, về thơ ca kháng chiến nói riêng; qua đó đáp ứng được yêu cầu thơ ca phục vụ kháng chiến, vừa nhấn mạnh và làm nổi bật đặc trưng bản chất của thơ ca. II. <u>Đọc- hiểu văn bản:</u></p>
<p>* Thao tác 2: GV hướng dẫn tìm hiểu nội dung và nghệ thuật đoạn trích</p>	<p>1. Đặc trưng cơ bản nhất của thơ: - Đặc trưng cơ bản nhất của thơ là</p>

<p>- Thế nào là “rung động thơ” và “làm thơ”?</p> <p>- Nêu ngắn gọn những đặc điểm cơ bản của ngôn ngữ - hình ảnh thơ.</p> <p>- Quan niệm về thơ của NĐT ngày nay còn giá trị không? Vì sao?</p> <p>- B2: HS thực hiện nhiệm vụ</p> <p>- B3: HS báo cáo sản phẩm</p> <p>+ Rung động thơ: là khi tâm hồn ra khỏi trạng thái bình thường do có sự va chạm với thế giới bên ngoài và bật lên những tình ý mới mẻ.</p> <p>+ Làm thơ: là thể hiện những rung động của tâm hồn con người bằng lời nói (hoặc chữ viết)</p> <p><u>Những đặc điểm của ngôn ngữ - hình ảnh thơ:</u> Gồm</p> <p>+ Phải gắn với tư tưởng - tình cảm</p> <p>+ Phải có hình ảnh.(Vừa là hình ảnh thực, sống động, mới lạ về sự vật vừa chứa đựng cảm xúc thành thực</p> <p>+ Phải có nhịp điệu (bên ngoài và bên trong, các yếu tố ngôn ngữ và tâm hồn)</p> <p>- B4: GV nhận xét, chốt kiến</p>	<p>-Quá trình ra đời của một bài thơ: Rung động thơ => Làm thơ + Rung động thơ: + Làm thơ:</p> <p>2. Những đặc điểm của ngôn ngữ - hình ảnh thơ:</p> <p>- Phải gắn với tư tưởng - tình cảm</p> <p>- Phải có hình ảnh</p> <p>- Phải có nhịp điệu .</p> <p>3. Nét đặc sắc về nghệ thuật:</p> <p>- Lập luận chặt chẽ.</p> <p>- Văn giàu hình ảnh, cảm xúc.</p> <p>4. Giá trị của bài tiểu luận:</p>
<p>2. GV hướng dẫn HS tìm hiểu đoạn trích Đô-xtôi-ép-xki</p>	
<p>* <u>Thao tác 1 :</u> Hướng dẫn HS tìm hiểu chung văn bản</p> <p>- B1: GV chuyển giao nhiệm vụ</p> <p>Yêu cầu HS đọc tiểu dẫn và trả lời các câu hỏi sau:</p> <p>-Nêu nhận xét khái quát nhất về cuộc đời và sự nghiệp của Đô-xtôi-ép-xki và X.Xvai-gơ?</p> <p>-Tóm tắt những ý chính của đoạn trích.</p> <p>-Thể loại văn bản và đặc trưng của thể loại đó?</p>	<p>B. ĐÔ - XTÔI - ÉP - XKI (TRÍCH):</p> <p>I. Tiểu hiểu chung:</p> <p>1. Tìm hiểu khái quát tiểu sử Đô-xtôi-ép-xki, X. Xvai-gơ:</p> <p>+ Đô-xtôi-ép-xki là nhà văn lớn của nước Nga. Cuộc đời ông có nhiều thăng trầm, thay đổi quan điểm trong quá trình sáng tác và chuyển biến tư tưởng tình cảm. Ông để lại nhiều tác</p>

<p>- B2: HS thực hiện nhiệm vụ</p> <p>- B3: HS báo cáo sản phẩm</p> <p>- B4: GV nhận xét, chốt kiến thức Hướng dẫn học sinh đọc văn bản</p> <p>* Thao tác 2: GV hướng dẫn HS đọc hiểu đoạn trích</p> <p>- B1: GV chuyển giao nhiệm vụ Tổ chức cho HS thảo luận nhóm:</p> <p>Nhóm 1: <i>Đô-xtôi-ép-ki qua nét vẽ của X. Vai gơ là một con người có những nét gì đặc biệt về tính cách và số phận?</i></p> <p>Nhóm 2: <i>Tìm dẫn chứng về số phận bị vùi dập và sức lao động phi thường của Đô-xtôi-ép-xki?</i></p> <p>Nhóm 3: <i>-Hiệu quả của lối cấu trúc những hình ảnh trái ngược khi thể hiện chân dung Đô-xtôi-ép-xki?</i> <i>- Từ câu “Cuối cùng ...” đến hết đoạn trích, các biện pháp so sánh, ẩn dụ đều quy tụ về một thế giới như thế nào? Qua đó, X.Vaigơ muốn nói lên những gì về sứ mạng, về tâm vóc của Đôx-xtôi-ép-xki?</i></p> <p>Nhóm 4: <i>Tìm những câu văn chứng tỏ sức hút của nhân vật với tác giả và với cả nước Nga.</i></p> <p>- B2: HS thực hiện nhiệm vụ</p> <p>- B3: HS báo cáo sản</p>	<p>phẩm</p> <p>* N</p> <p>h</p> <p>ó</p> <p>m</p> <p>1</p> <p>a. Hai thời điểm đối lập trong cuộc sống của Đô- xtôi-ép-xki:</p> <p>- Thời điểm thứ nhất: kiếp sống của kẻ lưu vong</p> <p>- Thời điểm thứ hai: trở về Tổ quốc.Sau đó là</p> <p>c</p> <p>á</p> <p>i</p> <p>c</p> <p>h</p> <p>é</p> <p>t</p> <p>b. Những nét mâu thuẫn trong thiên tài Đô-</p>
---	---

Ngữ văn 12

phẩm có giá trị..

+ **X. Xvai-gơ** (SGK)

2. Tóm tắt những ý chính của đoạn trích

- Kiếp sống lưu vong. (đoạn 1,2)

- Trở về Tổ quốc (phần còn lại)

3. **Thể loại:** chân dung văn học hay có thể gọi là truyện tiểu sử, truyện danh nhân.

- Đặc tính thể loại:

+ Dựa trên cuộc đời thực nhưng có phần tiểu thuyết hoá.

+ Chân dung văn học là một hình thức đứng giữa ba thể loại: tiểu sử- tiểu thuyết- phê bình văn học.

II. Đọc hiểu văn bản:

1. Chân dung Đô-xtôi-ép-xki:

a. Hai thời điểm đối lập trong cuộc sống của Đô-xtôi-ép-xki:

- Thời điểm thứ nhất:

- Thời điểm thứ hai:

b. Những nét mâu thuẫn trong thiên tài Đô-xtôi-ép-xki:

· Nơi tận cùng của bế tắc, Đô-xtôi-ép-xki đã tỏa sáng cho vinh quang của Tổ quốc và dân tộc.

2. Nghệ thuật viết chân dung văn học :

- Tương phản:

- So sánh, ẩn dụ:

- Bút pháp vẽ chân dung văn học :

xtôi-ép-xki:

- Những tình cảm mãnh liệt trong cơ thể yếu đuối của một con bệnh thần kinh.

- Con người mang trái tim vĩ đại phải tìm đến những cơ hội "thấp hèn" để làm tròn khát vọng.

- Số phận vùi dập thiên tài nhưng thiên tài tự cứu vãn bằng lao động và cũng tự đốt cháy trong lao

động- đó chính là sự hấp dẫn ở tính cách và số phận đầy ngang trái của Đô-xtôi-ép-xki.

*** Nhóm 2**

-tờ séc cuối cùng, hiệu cầm đồ, phòng làm việc, châu Âu như một nhà ngục, cơn động kinh, tiền nợ, sống giữa đám người chấy rận...

-*"sứ mệnh đã hoàn thành"*, trong *"tình cảm anh em của tất cả các giai cấp và tất cả các đẳng cấp của nước Nga"*.

- Người lao động bị lưu đày biệt xứ, *"đau khổ một mình"* trở thành *"sứ giả của xứ sở mình"*, con người đầy mâu thuẫn và cô đơn mang lại cho đất nước *"một sự hoà giải"* và *"kiềm chế một lần cuối sự cuồng nhiệt của các mâu thuẫn thời đại ông"*- dù chỉ là lần cuối.

*** Nhóm 3**

- **Tương phản:** cấu trúc câu, hoàn cảnh, tính cách ...

- **So sánh, ẩn dụ:** cấu trúc câu, hình ảnh so sánh ẩn dụ có tính hệ thống

· - **Bút pháp vẽ chân dung văn học** : Gắn hình tượng con người trên khung cảnh rộng lớn.

=>Thể loại đứng ở ngã ba : *Tiểu sử -tiểu thuyết -chân dung văn học*.

· Ngòi bút viết chân dung rất tài hoa giàu chất thơ trong văn xuôi chứng tỏ tâm lòng kính trọng của X.Xvai-gơ dành cho Đô-xtôi-ép-xki thật lớn lao biết chừng nào.

*** Nhóm 4**

+ Với sự thành kính xuất thần...ông báo trước sứ mệnh thiêng liêng của sự hòa giải nước Nga.

+ Sự hứng khởi thật không giới hạn ,một vòng

Ngữ văn 12

hào quang chói lọi bao quanh cái của người bị

<p>+...Giấc mơ thiêng liêng của Đô-xtôi-ép-xki được thực hiện trong đám tang của ông : sự đoàn kết của tất cả những người Nga .</p> <p>- B4: GV nhận xét, chốt kiến thức</p>	
---	--

3.HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP

Hoạt động của GV - HS	Kiến thức cần đạt
<p>- B1: GV giao nhiệm vụ: Đọc văn bản sau và trả lời các câu hỏi từ Câu 1 đến Câu 3:</p> <p><i>“Làm thơ, ấy là dùng lời và những dấu hiệu thay cho lời nói, tức là chữ – để thể hiện một trạng thái tâm lí đang rung chuyển khác thường. Làm thơ là đang sống, không phải chỉ nhìn lại sự sống, làm một câu thơ yêu, tâm hồn cũng rung động như khi có người yêu trước mặt. Bài thơ là những câu, những lời diễn lên, làm sống ngay lên một tình cảm, một nỗi niềm trong lòng người đọc. Ta nói truyền sang hình như người đọc chỉ đứng yên mà nhận. Nhưng kì thực, cái trạng thái tâm lí truyền sang ấy là người đọc tự tạo cho mình, khi nhìn những chữ, khi nghe những lời, khi mọi sợi dây của tâm hồn rung lên vì chạm thấy những hình ảnh, những ý nghĩa, những mong muốn, những tình cảm mà lời và chữ của bài thơ kéo theo đằng sau như vàng sáng xung quanh ngọn lửa.”</i></p> <p>(Nguyễn Đình Thi,Mấy ý nghĩ về thơ, Ngữ văn 12, tập một)</p> <p>Câu 1: Xác định phong cách ngôn ngữ chính của văn bản?</p> <p>Câu 2: Chỉ ra câu văn nêu nội dung chính của văn bản?</p> <p>Câu 3: Theo Nguyễn Đình Thi, nhà thơ dùng phương tiện/chất liệu nào để thể hiện tình cảm,cảm xúc của mình?</p> <p>- B2: HS thực hiện nhiệm vụ:</p> <p>- B3:HS báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ:</p> <p>- B4: GV nhận xét, chốt kiến</p>	<p>Câu 1: Phong cách ngôn ngữ nghệ thuật</p> <p>Câu 2: Câu: Làm thơ, ấy là dùng lời và những dấu hiệu thay cho lời nói, tức là chữ – để thể hiện một trạng thái tâm lí đang rung chuyển khác thường.</p> <p>Câu 3: Theo Nguyễn Đình Thi, nhà thơ dùng phương tiện/chất liệu là ngôn ngữ (lời và chữ) để thể hiện tình cảm,cảm xúc của mình</p>

4. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG

Hoạt động của GV - HS	Kiến thức cần đạt
<p>- B1: GV giao nhiệm vụ: <i>Qua văn bản của Xvai go, em hiểu thế nào là một nhà văn vĩ đại?</i></p> <p>- B2: HS thực hiện nhiệm vụ:</p> <p>- B3: HS báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ:</p> <p>- B4: GV nhận xét, chốt kiến thức</p>	<p>- Nhà văn vĩ đại có thể xét trên nhiều mặt nhưng những điểm chính là: tác phẩm phải đề cập được những vấn đề lớn lao của xã hội và thời đại tác động mạnh mẽ vào nhận thức và tình cảm của nhân dân, được nhân dân ngưỡng mộ, kính yêu.</p> <p>- Nhà văn vừa là nhà nghệ thuật, vừa là nhà tư tưởng nói lên được những khát khao chân chính của thời đại, vượt lên hoàn cảnh để cống hiến. Cho nên nhà văn vĩ đại còn là tấm gương sáng về tinh thần lao động không biết mệt mỏi.</p> <p>- Tác phẩm mang giá trị nhân đạo sâu sắc.</p>

5. HOẠT ĐỘNG MỞ RỘNG VÀ SÁNG TẠO

Hoạt động của GV - HS	Kiến thức cần đạt
<p>- B1: GV giao nhiệm vụ: <i>Thử viết mẫu truyện về một danh nhân Việt Nam.</i></p> <p>- B2: HS thực hiện nhiệm vụ:</p> <p>- B3: HS báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ:</p> <p>- B4: GV nhận xét, chốt kiến thức</p>	<p>Dựa vào cách viết của Xvai go, chọn một nhà văn Việt Nam để viết về chân dung đó.</p>

.....

.....

.....

Tuần

Ngày soạn:

Tiết 13

Ngày kí:.....

PHONG CÁCH NGÔN NGỮ KHOA HỌC

A. VẤN ĐỀ CẦN GIẢI QUYẾT

I. Tên bài học : Phong cách ngôn ngữ khoa học

II. Hình thức dạy học : DH trên lớp.

III. Chuẩn bị của giáo viên và học sinh

1. Giáo viên:

- Phương tiện, thiết bị:
- + SGK, SGV, Tư liệu Ngữ Văn 11, thiết kế bài học.
- + Máy tính, máy chiếu, loa...
- PPDH: Phát vấn, thuyết trình, nêu vấn đề, thảo luận nhóm, trò chơi

2. Học sinh: Sách giáo khoa, bài soạn.

B. NỘI DUNG BÀI HỌC

Phong cách ngôn ngữ khoa học

C. MỤC TIÊU BÀI HỌC

I. Kiến thức :

a/ Nhận biết: Biết đọc - hiểu và viết một văn bản khoa học phù hợp với đặc điểm phong cách ngôn ngữ khoa học.

b/ Thông hiểu:

Hiểu đặc điểm của phong cách ngôn ngữ khoa học ; biết so sánh, phân biệt phong cách ngôn ngữ khoa học và các phong cách ngôn ngữ khác.

c/Vận dụng thấp:Nêu được các đặc điểm, lấy được ví dụ minh họa.

d/Vận dụng cao:Tạo lập được văn bản thuộc lĩnh vực khoa học

II. Kỹ năng :

a/ Biết làm: bài thuyết minh về tác gia văn học

b/ Thông thạo: các bước thuyết minh tác gia văn học

III.hái độ :

a/ Hình thành thói quen: đọc hiểu văn bản khoa học

b/ Hình thành tính cách: tự tin , năng động, sáng tạo khi lĩnh hội và tạo lập văn bản khoa học;

c/Hình thành nhân cách: có ý thức nghiên cứu khoa học gắn liền với cuộc sống.

IV. Những năng lực cụ thể học sinh cần phát triển:

- Năng lực thu thập thông tin liên quan đến văn bản
- Năng lực hợp tác để cùng thực hiện nhiệm vụ học tập
- Năng lực giải quyết những tình huống đặt ra trong các văn bản
- Năng lực đọc - hiểu các văn bản thuộc phong cách ngôn ngữ khoa học ;
- Năng lực sử dụng ngôn ngữ, trình bày các văn bản thuộc phong cách ngôn ngữ khoa học

D. TIẾN TRÌNH TỔ CHỨC BÀI HỌC

1. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG (5 phút)

Hoạt động của Thầy và trò	Nội dung cần đạt
<p>- B1: GV giao nhiệm vụ: <i>Giải thích và sắp xếp các từ sau thuộc môn học nào trong chương trình phổ thông?</i></p> <p>a.Bادر: phân tử gồm có một nguyên tử kim loại liên kết với một hay nhiều nhóm hi-đrô-xít. (Dùng trong văn bản khoa học hoá học).</p> <p>b.Ẩn dụ: gọi tên sự vật, hiện tượng này bằng tên sự vật, hiện tượng khác có nét tương đồng với nó. (Dùng trong văn bản khoa học Ngữ văn).</p> <p>c.Phân số thập phân: phân số mà mẫu là lũy thừa của 10. (Dùng trong văn bản khoa học toán học).</p> <p>- B2: HS thực hiện nhiệm vụ:</p> <p>- B3: HS báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ:</p> <p>- B4: GV nhận xét từ đó giới thiệu <i>Vào bài: Trong cuộc sống thường ngày, ta được tiếp xúc và sử dụng nhiều phong cách ngôn ngữ khác nhau. Trong số đó có phong cách ngôn ngữ khoa học. Vậy phong cách ngôn ngữ khoa học là loại ngôn ngữ như thế nào? Nó có những đặc trưng gì? Tất cả sẽ được giải đáp trong bài</i></p>	

2.HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

Hoạt động của GV - HS	Kiến thức cần đạt
<p>1. GV hướng dẫn HS tìm hiểu văn bản khoa học và ngôn ngữ khoa học: (10 phút).</p> <p>-B1: GV chuyển giao nhiệm vụ</p> <p>Yêu cầu 3 học sinh lần lượt đọc 3 đoạn trích từ 3 văn bản khoa học.</p> <p>- Ba đoạn trích trên đều nói về những vấn đề khoa học. Nhưng khác nhau về mức độ và phạm vi sử dụng như thế nào?</p> <p>- Như vậy, các văn bản trên là thuộc những loại văn bản khoa học nào?</p> <p>- Qua các ngữ liệu đã phân tích, em hiểu thế nào là ngôn ngữ khoa học?</p> <p>- Ngôn ngữ khoa học tồn tại dưới những dạng nào? Nêu ví dụ một số loại văn bản khoa học của từng dạng?</p> <p>- B2: HS thực hiện, trả lời theo đúng khái niệm ngôn ngữ khoa học đã nêu trong SGK</p>	<p>I. Văn bản khoa học và ngôn ngữ khoa học:</p> <p>1. Tìm hiểu ngữ liệu:</p> <p>- Về mức độ:</p> <p>- Về phạm vi sử dụng:</p> <p>- Các loại văn bản khoa học:</p>

<ul style="list-style-type: none"> - Về mức độ: <ul style="list-style-type: none"> + Văn bản a: chuyên sâu + Văn bản b: phù hợp với học sinh THPT + Văn bản c: phổ cập - Về phạm vi sử dụng: <ul style="list-style-type: none"> + Văn bản a: những người có trình độ chuyên môn sâu + Văn bản b: trong nhà trường + Văn bản c: mọi người - Các loại văn bản khoa học: <ul style="list-style-type: none"> + Văn bản a: VBKH chuyên sâu + Văn bản b: VBKH giáo khoa + Văn bản c: VBKH phổ cập - Ngôn ngữ khoa học: Là ngôn ngữ dùng trong các văn bản khoa học, trong phạm vi giao tiếp về những vấn đề khoa học. - Các dạng: <ul style="list-style-type: none"> + Dạng viết: báo cáo khoa học, luận văn, luận án, SGK, sách phổ biến khoa học... + Dạng nói: giảng bài, nói chuyện khoa học, thảo luận – tranh luận khoa học... - B4: GV nhận xét, chốt kiến thức 	<p>2. Ngôn ngữ khoa học:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Ngôn ngữ khoa học: - Các dạng: + Dạng viết: + Dạng nói:
<p>2. GV hướng dẫn HS tìm hiểu đặc trưng của ngôn ngữ khoa học:(45 PHÚT)</p>	
<p>- B1: GV chuyển giao nhiệm vụ(Học sinh trao đổi nhóm)</p> <p>Nhóm 1: Dựa vào những tư liệu thực tế và nhận định trong SGK, cho biết tính khái quát trừu tượng của ngôn ngữ khoa học thể hiện qua các phương tiện ngôn ngữ như thế nào?</p> <p>GV cho ví dụ:</p> <p>Thạch nhũ: sản phẩm hình thành trong các hang động do sự nhỏ giọt của các dung dịch đá vôi hoà tan trong nước có chứa a-xít cac-bô-níc. (Dùng trong văn bản khoa học địa lí).</p> <p>Ấn dụ: gọi tên sự vật, hiện tượng này bằng tên sự vật, hiện tượng khác có nét tương đồng với nó. (Dùng trong văn bản khoa học Ngữ văn).</p> <p>Lực là tác dụng đẩy, kéo của vật này lên vật khác. (Vật lí)</p> <p>Nhóm 2: Qua tư liệu thực tế và nhận định trong SGK, em hiểu tính lí trí, logic của ngôn ngữ khoa học thể hiện qua các phương tiện ngôn ngữ như thế</p>	<p>II. Đặc trưng của ngôn ngữ khoa học:</p> <p>1. Tính khái quát, trừu tượng :</p> <ul style="list-style-type: none"> - Ngôn ngữ khoa học dùng nhiều thuật ngữ khoa học: từ chuyên môn dùng trong từng ngành khoa học và chỉ dùng để biểu hiện khái niệm khoa học. - Kết cấu văn bản: mang tính khái quát (các luận điểm khoa học trình bày từ lớn đến nhỏ, từ cao đến thấp, từ khái quát đến cụ thể)

<p>Nhóm 3: Qua tư liệu thực tế và nhận định trong SGK, em hiểu tính khách quan, phi cá thể hoá của ngôn ngữ khoa học thể hiện qua các phương tiện ngôn ngữ như thế nào?</p> <p>- B2: HS thực hiện nhiệm vụ</p> <p>- B3: HS báo cáo nhiệm vụ Đại diện HS trả lời</p> <p>* Nhóm 1</p> <p>Tính khái quát, trừu tượng</p> <p>Đặc trưng này biểu hiện rõ nhất ở các phương tiện ngôn ngữ, trước hết là các thuật ngữ khoa học.</p> <p>Thuật ngữ là một bộ phận quan trọng trong vốn từ vựng của mỗi ngôn ngữ; nó có các đặc điểm:</p> <p>Là lớp từ ngữ chuyên dùng để biểu thị các khái niệm khoa học, công nghệ và thường được dùng trong các văn bản khoa học, công nghệ.</p> <p>Thường mỗi thuật ngữ chỉ biểu thị một khái niệm và ngược lại, mỗi khái niệm chỉ được biểu thị bằng một thuật ngữ.</p> <p>Thuật ngữ có tính khái quát, trừu tượng cao và không có tính biểu cảm.</p> <p>Do đó, khi giải thích hoặc hiểu được một thuật ngữ có thể coi là đã nắm được một đơn vị tri thức khoa học nào đó.</p> <p>* Nhóm 2</p> <p>Việc dùng từ ngữ: các thuật ngữ đơn nghĩa</p> <p>Việc dùng câu: mỗi câu thường tương đương với một phán đoán lôgic, nghĩa là được xây dựng từ hai khái niệm khoa học trở lên theo một quan hệ nhất định. Ví dụ: <i>Dao động là chuyển động có giới hạn trong không gian, lặp đi lặp lại nhiều lần quanh một vị trí cân bằng.</i></p> <p>* Nhóm 3</p> <p>Về từ ngữ: dùng các thuật ngữ đơn nghĩa; không dùng các từ ngữ đa nghĩa, thông tục hoặc không dùng từ ngữ với nghĩa chuyển có sắc thái biểu cảm khác nhau.</p> <p>Về câu: thường chỉ mang thông tin khoa học thuần túy với nghĩa tường minh, không dùng nghĩa hàm ẩn; cấu trúc câu thường đơn giản, rõ ràng.</p>	<p>Về đoạn văn, văn bản: thường mạch lạc, lớp lang theo đúng trình tự của nhận thức lôgic; không đòi hỏi phải dùng liên tưởng, tưởng tượng, hư cấu.</p> <p>-</p> <p>B4</p> <p>:</p> <p>G</p> <p>V</p> <p>nh</p> <p>ận</p> <p>xét</p> <p>,</p> <p>ch</p> <p>ốt</p> <p>kiế</p> <p>n</p> <p>thứ</p> <p>c</p>
--	--

2. Tính lí trí, logic:

- Từ ngữ: chỉ dùng với một nghĩa, không dùng các biện pháp tu từ.
- Câu văn: chặt chẽ, mạch lạc, là 1 đơn vị thông tin, cú pháp chuẩn.
- Kết cấu văn bản: Câu văn liên kết chặt chẽ và mạch lạc. Cả văn bản thể hiện một lập luận logic.

3. Tính khách quan, phi cá thể:

- Câu văn trong văn bản khoa học: có sắc thái trung hoà, ít cảm xúc
- Khoa học có tính khái quát cao nên ít có những biểu đạt có tính chất cá nhân

3. GV hướng dẫn HS làm bài tập phần luyện tập(40 PHÚT)	
<p>- B1: GV chuyển giao nhiệm vụ Tổ chức cho HS thảo luận nhóm:</p> <p>Nhóm 1: Bài tập 1:</p> <ul style="list-style-type: none"> - <i>Nội dung thông tin là gì ?</i> - <i>Thuộc loại văn bản nào ?</i> - <i>Tìm các thuật ngữ khoa học được sử dụng trong văn bản ?</i> <p>Nhóm 2: Bài tập 2:</p> <p><i>Cho ví dụ về đoạn thẳng và chia nhóm cho học sinh thảo luận các từ còn lại</i></p> <p>Nhóm 3: Bài tập 3 :</p> <p><i>Tính lí trí và logic của văn bản được thể hiện ở những phương diện nào?</i></p> <p>Nhóm 4: Bài tập 4 :</p> <ul style="list-style-type: none"> - B2: HS thực hiện nhiệm vụ - B3: HS báo cáo sản phẩm <p>*Nhóm 1</p> <p><i>Bài Khái quát văn học Việt Nam từ Cách mạng tháng Tám 1945 đến hết thế kỉ XX</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Nội dung thông tin: <ul style="list-style-type: none"> + Hoàn cảnh lịch sử, xã hội và văn hoá + Quá trình phát triển và những thành tựu chủ yếu của từng giai đoạn + Những đặc điểm cơ bản của văn học giai đoạn từ 1945 đến 1975 và 1975 đến hết thế kỉ XX. - Thuộc loại văn bản: ngành Khoa học Xã hội và Nhân văn, hoặc chuyên ngành Khoa học Ngữ văn - Ngôn ngữ khoa học trong văn bản có nhiều đặc điểm: <ul style="list-style-type: none"> + Dùng nhiều thuật ngữ khoa học. + Kết cấu của văn bản mạch lạc, chặt chẽ: có hệ thống đề mục lớn nhỏ, các phần, các đoạn rõ ràng <p>* Nhóm 2</p> <p><i>Ví dụ: Đoạn thẳng</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Thông thường: là đoạn không cong queo, gãy khúc - Toán học: Đoạn ngắn nhất nối hai điểm với nhau <p>* Nhóm 3</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thuật ngữ: <i>khảo cổ, người vượn, hạch đá, mảnh tước, rìu tay, di chỉ, công cụ đá...</i> 	<p>III. Luyện tập:</p> <p>1. Bài tập 1:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nội dung thông tin: - Thuộc loại văn bản: - Ngôn ngữ khoa học trong văn bản có nhiều đặc điểm: <p>2. Bài tập 2:</p> <p>3. Bài tập 3 :</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thuật ngữ: - Tính lí trí và logic thể hiện ở lập luận: <p>4. Bài tập 4:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Lưu ý: Cần đảm bảo: <ul style="list-style-type: none"> + Nhất quán về nội dung: các câu đều tập trung vào chủ đề “sự

Ngữ văn 12

- Tính lí trí và logic thể hiện ở lập luận:

- + Câu đầu: nêu lên luận điểm
- + Các câu sau: nêu các luận cứ, cứ liệu thực tế

* **Nhóm 4** (trình bày đoạn văn)

- **B4:** GV nhận xét, chốt kiến thức

cần thiết của việc bảo vệ môi trường sống” và phát triển, làm rõ chủ đề đó.

+ Các câu liên kết với nhau và có quan hệ lập luận chặt chẽ.

+ Mỗi câu, mỗi từ cần đúng về nghĩa, về phong cách khoa học.

- Đoạn văn: (Hoàn thiện ở nhà).

3. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP

Hoạt động của GV - HS	Kiến thức cần đạt
<p>- B1: GV giao nhiệm vụ: Nêu những lỗi của cách diễn đạt không đúng phong cách khoa học trong các bài văn nghị luận:</p> <p>- B2: HS thực hiện nhiệm vụ:</p> <p>- B3: HS báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ:</p> <p>- B4: GV nhận xét, chốt kiến thức</p>	<p>1/Sự thiếu mạch lạc trong câu văn:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Câu què cụt, thiếu chủ ngữ hoặc lập, thừa chủ ngữ + Không biết chấm câu, câu văn dài lê thê, “ý nọ xọ ý kia” hoặc rời ý + Câu văn “đầu Ngô mình Sở”, không phát triển theo một chủ đề nhất định, đầu cuối không tương ứng. <p>✉ Yêu cầu của câu trong VBKH: mỗi câu tương ứng với một phán đoán logic, diễn đạt một ý; mỗi từ chỉ biểu hiện một nghĩa</p> <p>2/Sự thiếu mạch lạc trong đoạn văn, bài văn:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Ý của câu trước không ăn nhập với ý câu sau. Ý câu sau không phát triển được ý câu trước. + Ý của đoạn trước không liên kết với ý của đoạn sau + Bài văn: Phần mở đầu không định hướng cho phần lập luận. Phần lập luận không theo một trật tự logic nào. Luận điểm không rõ ràng, không được chứng minh; luận cứ không có cơ sở, phần lớn chỉ là bắt chước hoặc minh họa lẫn lộn. Phần kết luận không tóm tắt được những luận điểm đã trình bày. <p>✉ Do thói quen nghĩ gì viết nấy, nghĩ đến đâu viết đến đó, không có một dàn ý chung cho cả văn bản, không có một nội dung tổng thể trước khi viết văn bản. ✉ Trái với phong cách của ngôn ngữ</p>

4. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG

Hoạt động của GV - HS	Kiến thức cần đạt
<p>- B1: GV giao nhiệm vụ: Đọc văn bản sau và trả lời các câu hỏi:</p> <p><i>Về mặt thể loại văn học, ở nước ta, thơ có truyền thống lâu đời. Sử thi của các dân tộc ở Tây Nguyên, của dân tộc Mường..., truyện thơ dân gian của các dân tộc Thái, Tày, Nùng,..., còn lưu truyền nhiều thiên bất hủ. Ca dao, dân ca, thơ cổ điển của người Việt thời phong kiến cũng để lại nhiều viên ngọc quý. Thơ hiện đại, trước cũng như sau Cách mạng tháng Tám 1945, đã góp vào kho tàng văn học dân tộc biết bao kiệt tác. Văn xuôi tiếng Việt ra đời muộn, gần như cùng với thế kỉ XX, nhưng tốc độ phát triển và trưởng thành hết sức nhanh chóng. Với các thể bút kí, tùy bút, truyện ngắn, tiểu thuyết, văn xuôi Việt Nam đã có thể sánh cùng với nhiều nền văn xuôi hiện đại của thế giới.</i></p> <p>1. Hãy cho biết, đoạn văn trên thuộc phong cách ngôn ngữ gì? Căn cứ vào đâu để nhận biết điều ấy?</p> <p>2. Trong đoạn văn trên, tác giả đã sử dụng những thuật ngữ khoa học nào?</p> <p>3. Anh (chị) hiểu thế nào là kho tàng văn học dân tộc?</p> <p>4. Đặt nhan đề cho đoạn văn trên.</p> <p>- B2: HS thực hiện nhiệm vụ</p>	<p>1. Đoạn văn thuộc phong cách ngôn ngữ khoa học. Có hai dấu hiệu để nhận biết điều ấy: thứ nhất, nội dung của đoạn văn bàn về một vấn đề của văn học sử Việt Nam; thứ hai, trong đoạn văn, người viết sử dụng nhiều thuật ngữ khoa học.</p> <p>2. Các thuật ngữ khoa học xuất hiện trong đoạn văn: thể loại văn học, thơ, sử thi, truyện thơ dân gian, ca dao, dân ca, thơ cổ điển, văn xuôi, bút kí, tùy bút, truyện ngắn, tiểu thuyết.</p> <p>3. Kho tàng văn học dân tộc là tất cả các tác phẩm văn học thuộc mọi thể loại (kể cả văn học dân gian và văn học viết) có mặt trong nền văn học của nước ta từ xưa đến nay.</p> <p>4. Có thể đặt nhan đề cho đoạn văn là: vấn đề thể loại của nền văn học Việt Nam, hoặc Đặc điểm thể loại của nền văn học Việt Nam.</p>

5. HOẠT ĐỘNG MỞ RỘNG VÀ SÁNG TẠO

Hoạt động của GV - HS	Kiến thức cần đạt
<p>- B1:GV giao nhiệm vụ:</p> <p>1. Viết một văn bản khoa học phổ cập với nội dung PHÒNG TRÁNH TAI NẠN ĐIỆN</p> <p>2. Thuyết trình bằng .ppt (có đầy đủ hình ảnh, âm thanh, video clip...)</p>	<p>1. Cần tích hợp kiến thức Vật lí để trình bày đúng nội dung:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Điện là gì? - Nguyên nhân tai nạn điện. - Hậu quả? - Cách phòng tránh.

<p>về đề tài MẠNG XÃ HỘI.</p> <ul style="list-style-type: none"> - B2: HS thực hiện nhiệm vụ: - B3: HS báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ: - B4: GV nhận xét, chốt kiến thức 	<p>2. Dùng các thuật ngữ khoa học về mạng xã hội để diễn đạt.</p> <p>Năng lực sáng tạo</p>
---	--

.....

.....

.....

Tuần

Ngày soạn:

Tiết 14

Ngày kí:.....

TRẢ BÀI VIẾT SỐ 1

RA ĐỀ BÀI VIẾT SỐ 2 : NGHỊ LUẬN XÃ HỘI (BÀI LÀM Ở NHÀ)

A. Mục tiêu cần đạt:

I. Kiến thức: Củng cố những kiến thức và kỹ năng làm văn có liên quan đến bài làm

II. Kỹ năng: Nhận ra được những ưu điểm và thiếu sót trong bài làm của mình về các mặt kiến thức và kỹ năng viết bài văn nói chung.

III. Thái độ: Có định hướng và quyết tâm phấn đấu để phát huy ưu điểm, khắc phục các thiếu sót trong bài văn sau.

IV. Định hướng góp phần hình thành năng lực

Phát huy năng lực tự học và tự chủ, năng lực giao tiếp và hợp tác, năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo, năng lực ngôn ngữ, năng lực tìm hiểu tự nhiên và xã hội, năng lực thưởng thức văn học và cảm thụ thẩm mỹ...

B. Chuẩn bị của thầy và trò:

I. GV: SGK, SGV, bài soạn, bài viết của hs

II. HS: Vở soạn, sgk, bài viết của bản thân và của bạn

C. Tiến trình bài giảng:

<i>Hoạt động của thầy và trò</i>	<i>Kiến thức cơ bản</i>
<p>* GV Hướng dẫn học sinh phân tích đề.</p> <ul style="list-style-type: none"> - B1: GV chuyển giao nhiệm vụ - Khi phân tích một đề bài, ta cần phân tích những gì? - Bài viết cần theo thể loại nào, sử dụng những thao tác lập luận 	<p>A. Trả bài viết số 1:</p> <p><i>Đề bài : Tình thương là hạnh phúc của con người</i></p> <p>I. Phân tích đề:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nội dung vấn đề: Tác dụng, vai trò của tình thương - Thể loại và thao tác nghị luận: nghị luận xã hội: giải thích, phân tích, chứng minh, bình luận, bác

<p>nào?</p> <ul style="list-style-type: none"> - Dẫn chứng ta có thể lấy từ đâu? - B2: HS thực hiện nhiệm vụ - B3: HS báo cáo kết quả -B4: GV nhận xét, chốt kiến thức 	<p>bỏ...</p> <ul style="list-style-type: none"> - Phạm vi tư liệu: + Trong thực tế cuộc sống + Những danh ngôn, ca dao, tục ngữ... nói về ý nghĩa của lối sống có tình thương
<p>* GV Hướng dẫn học sinh lập dàn ý.</p> <ul style="list-style-type: none"> - B1: GV chuyển giao nhiệm vụ - <i>Mở bài ta có thể giới thiệu những ý nào?</i> - Luận điểm 1 là gì? - Thế nào là <i>tình thương</i>? - Thế nào là <i>Hạnh phúc</i>? - <i>Tình thương là hạnh phúc của con người?</i> - <i>Luận điểm 2 là gì?</i> - <i>Tình thương được biểu hiện như thế nào trong phạm vi gia đình?</i> - <i>Trong xã hội, lối sống có tình thương được biểu hiện như thế nào? Có những câu ca dao, tục ngữ nào nói về lối sống có tình thương?</i> - <i>Trong lịch sử, có những tấm gương tiêu biểu nào nêu cao lối sống có tình thương?</i> - <i>Luận điểm 3 là gì?</i> - <i>Ta cần phê phán lối sống như thế nào?</i> - <i>Luận điểm 4 là gì?</i> - <i>Qua câu nói, ta có thể rút ra bài học gì cho bản thân?</i> - <i>Phần kết bài ta có thể trình bày</i> 	<p>II. Xây dựng dàn ý:</p> <p>1. Mở bài:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Hạnh phúc là một khái niệm tinh thần trừu tượng. Tùy theo vai trò, vị trí của từng cá nhân, từ giai cấp trong xã hội mà có những quan niệm khác nhau về hạnh phúc. - Nhân dân ta quan niệm: <i>Tình thương là hạnh phúc của con người.</i> <p>2. Thân bài:</p> <p>a. Giải thích câu nói: <i>Tình thương là hạnh phúc của con người.</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - <i>Tình thương</i>: là tình cảm nồng nhiệt làm cho gần nhau để chia sẻ, thông cảm, đùm bọc lẫn nhau. + Như vậy là thỏa mãn mọi ý nguyện, đã được hưởng sung sướng, hạnh phúc mà tình thương mang lại. <p>b. Phân tích để khẳng định, chứng minh các biểu hiện, ý nghĩa của tình thương:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trong phạm vi gia đình: <ul style="list-style-type: none"> + Cha mẹ yêu thương con cái, chấp nhận bao vất vả, cực nhọc, hi sinh bản thân để nuôi dạy con cái nên người. Con cái ngoan ngoãn, trưởng thành, cha mẹ coi đó là hạnh phúc nhất của đời mình. + Trong đời người có nhiều nỗi khổ, nhưng con cái không nên danh nên phận hoặc hư hỏng là nỗi đau lớn nhất của cha mẹ. + Con cái biết nghe lời dạy bảo của cha mẹ, biết đem lại niềm vui cho cha mẹ, đó là hiếu thảo, là tình thương và hạnh phúc. + Tình thương yêu, sự hòa thuận giữa anh em, giữa cha mẹ và con cái tạo nên sự bền vững của hạnh phúc gia đình. - Trong phạm vi xã

<p>- B3: HS báo cáo kết quả -B4: GV nhận xét, chốt kiến thức</p>	<p>đôi lứa.</p> <p>+ Tình thương là truyền thống đạo lí: <i>Thương người như thể thương thân</i>; tạo nên sự gắn bó chặt chẽ trong quan hệ cộng đồng giai cấp, dân tộc.</p> <p><i>“Bầu ơi thương lấy bí cùng Tuy rằng khác giống nhưng chung một giàn”</i></p> <p><i>“Một miếng khi đói bằng một gói khi no”</i></p> <p><i>“Lá lành đùm lá rách”</i></p> <p><i>“Nhiều điều phủ lấy giá gương Người trong một nước phải thương nhau cùng”</i></p> <p>+ Tình thương mở rộng, nâng cao thành tình yêu nhân loại.</p> <p>- Những tấm gương sáng trong lịch sử coi <i>Tình thương là hạnh phúc của con người</i>:</p> <p>+ Vua Trần Nhân Tông trong một chuyến đi thăm quân sĩ đã cởi áo bào khoát cho một người lính giữa đêm đông lạnh giá.</p> <p>+ Hưng Đạo Đại Vương Trần Quốc Tuấn cùng chia sẻ ngọt bùi, cùng vào sinh ra tử với tướng sĩ dưới quyền trong ba cuộc kháng chiến chống quân xâm lược Nguyên – Mông, giành thắng lợi vẻ vang cho dân tộc.</p> <p>+ Người anh hùng dân tộc Nguyễn Trãi suốt đời đeo đuổi lí tưởng vì dân vì nước, gác sang một bên những oan ức, bất hạnh của riêng mình.</p> <p>+ Người thanh niên Nguyễn Tất Thành xuất phát từ lòng yêu nước thương dân trong tình cảnh nô lệ nên đã rời Tổ quốc ra đi tìm đường cứu nước, cứu dân. Phương châm sống đúng đắn của Người là: <i>Mình vì mọi người</i>. Bác luôn lấy tình yêu thương con người làm mục đích và hạnh phúc cao nhất của cuộc đời mình.</p> <p>c. Phê phán, bác bỏ:</p> <p>Lối sống thờ ơ, vô cảm, thiếu tình thương, không biết quan tâm, chia sẻ, đồng cảm và giúp đỡ người khác...</p> <p>d. Liên hệ bản thân:</p> <p>Rút ra bài học về phương châm sống xứng đáng là con người có đạo đức, có nhân cách và hành</p>
---	---

	<p>động vì tình thương.</p> <p>3. Kết bài:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tình thương là lẽ sống cao cả của con người. Tình thương vượt lên trên mọi sự khác biệt giữa các dân tộc trên thế giới. - Để tình thương thực sự trở thành hạnh phúc của con người, mỗi chúng ta phải vươn lên chống đói nghèo, áp bức bất công, chiến tranh phi nghĩa... để góp phần xây dựng một thế giới hòa bình thịnh vượng...
<p>* Giáo viên nhận xét về bài văn của học sinh.</p> <p>- B1: GV chuyển giao nhiệm vụ</p> <p><i>- Từ những yêu cầu của đề bài, các em hãy cho biết các em đã làm được những gì và những gì chưa làm được trong bài làm của mình?</i></p> <p>- B2: HS thực hiện nhiệm vụ</p> <p>- B3: HS báo cáo kết quả</p> <p>- B4: GV nhận xét, chốt kiến thức</p>	<p>III. Nhận xét chung:</p> <p>1. Ưu điểm:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Về kĩ năng: một số biết vận dụng kiểu văn nghị luận - Về kiến thức: xác định được các luận điểm cần thiết cho bài văn - Bố cục: rõ ràng, đủ 3 phần - Về diễn đạt: tương đối rõ ràng, biết vận dụng các phương tiện để liên kết câu và đoạn. <p>2. Nhược điểm:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đa số chưa xác định được các luận điểm cần thiết. - Bài viết thiếu dẫn chứng, chưa đủ sức thuyết phục. - Còn sai nhiều lỗi chính tả, trình bày bản
<p>* GV Hướng dẫn học sinh chữa những lỗi tiêu biểu trong bài viết.</p> <p>- B1: GV chuyển giao nhiệm vụ</p> <p>- Nêu các lỗi mà học sinh thường gặp trong bài văn của mình.</p> <p>- Đưa ra những câu văn sai phổ biến, yêu cầu học sinh sửa chữa.</p> <p>- B2: HS thực hiện nhiệm vụ</p> <p>- B3: HS báo cáo kết quả</p>	<p>IV. Sửa lỗi bài viết:</p> <p>1. Các lỗi thường gặp cần tránh:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thiếu ý, thiếu trọng tâm, ý không rõ, sắp xếp ý không hợp lí. - Sự kết hợp các thao tác lập luận chưa hài hoà, chưa phù hợp với từng ý. - Kĩ năng phân tích, cảm thụ còn kém. - Diễn đạt chưa tốt, còn dùng từ, viết câu sai, diễn đạt tối nghĩa, trùng lặp <p>2. Một số lỗi phổ biến:</p> <p><i>- Chẳng lẽ những việc như vậy chúng ta không làm được hay sao, có chăng là chúng ta không chịu làm.</i></p> <p>☑ Cách viết khẩu ngữ, đề nghị sửa lại: Những việc như vậy chúng ta có thể làm được.</p> <p><i>- Là một học sinh còn ngồi trên ghế nhà trường, em hứa sẽ cố gắng tu dưỡng đạo đức.</i></p>

<p>- B1: GV chuyển giao nhiệm vụ GV chọn 1 bài viết tốt nhất và kém nhất đọc cho HS nghe</p> <p>- B2: HS thực hiện nhiệm vụ: HS lắng nghe và tự rút kinh nghiệm</p> <p>- B1: GV trả bài viết cho HS xem -B2: HS xem lại bài viết và rút kinh nghiệm</p> <p>- B1: GV chuyển giao nhiệm vụ GV ra đề và yêu cầu HS về nhà viết hôm sau nộp - B2: HS thực hiện nhiệm vụ</p>	<p>✖ Cách diễn đạt không phù hợp với bài văn nghị luận. Đề nghị: bỏ cả câu. - <i>Luôn quan tâm chăm sóc em út.</i></p> <p>✖ Câu thiếu chủ ngữ. Đề nghị sửa lại: Chúng ta phải quan tâm chăm sóc em mình</p> <p>V. Đọc bài viết tiêu biểu</p> <p>VI. Trả bài viết</p> <p>B. Ra đề bài viết số 2: <i>Suy nghĩ của em về tấm lòng nhân hậu trong cuộc sống</i></p>
---	---

BÀI VIẾT SỐ 2

I. Mục đích:

- Kiểm tra: bài viết số

2

+ Thời gian: 2 ngày

+ Đối tượng: HS k12

+ Hình thức tổ chức: HS viết bài ở nhà

- Đề ra đảm bảo:

+ Kiến thức: Vận dụng kiến thức và kỹ năng về văn nghị luận đã học để viết được bài nghị luận xã hội bàn về một hiện tượng trong đời sống

+ Kỹ năng: Tiếp tục rèn luyện các kỹ năng tìm hiểu đề và các thao tác lập luận trong bài nghị luận xã hội như giải thích, phân tích, bác bỏ, so sánh, bình luận ...

+ Thái độ: Nâng cao nhận thức về lí tưởng, cách sống của bản thân trong học tập

Ngữ văn 12
và rèn luyện.

Ngữ văn 12

+ Năng lực : giúp HS hình thành năng lực giải quyết tình huống, sử dụng ngôn ngữ, trình bày suy nghĩ và tạo lập văn bản

II) Thiết lập ma trận:

Mức độ Chủ đề	Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng thấp	Vận dụng cao	Tổng
1.Văn học					
2.Tiếng việt					
3.Làm văn				HS vận dụng những kiến thức,kĩ năng đã học về NLXH để làm một đề bài cụ thể	
Số câu :				1	1
Số điểm :				10	10
Tỉ lệ :				100%	100%
Tổng					
Số câu :				1	1
Số điểm :				10	10
Tỉ lệ :				100%	100%

III) Thiết lập đề kiểm tra

Đề bài : Suy nghĩ của anh(chị) về tấm lòng nhân hậu trong cuộc sống

IV. Hướng dẫn chấm

1. Hướng dẫn chung :

- GK nắm vững yêu cầu của hướng dẫn chấm
- Vận dụng linh hoạt đáp án và thang điểm, khuyến khích các bài có cảm xúc và sáng tạo.

2. Đáp án

- *Giải*

thích:

Nhân hậu là lòng tốt của con người đối với nhau. Là biểu hiện của những đức tính

Ngữ văn 12

tốt đẹp, thương yêu giúp đỡ nhau giữa người với người trong cuộc sống. Lòng nhân hậu là một phẩm chất cần thiết ở một con người chân chính

-Biểu hiện:

Ngữ văn 12

+ Người có tấm lòng nhân hậu là người giàu lòng vị tha.

+ Người có tấm lòng nhân hậu là người biết làm việc thiện, sẵn lòng giúp đỡ, sẵn lòng chia sẻ với người khốn khó

d/c: các tình nguyện viên, chiến sĩ biên phòng giúp bà con vùng cao xóa đói giảm nghèo...

+ Người có tấm lòng nhân hậu sẵn lòng tha thứ lỗi lầm của người khác, kể cả những người không thân thuộc.

+ Người có lòng nhân hậu biết chấp nhận con người không hoàn hảo, cái riêng của người khác như chấp nhận chính bản thân mình, biết dùng tình thương yêu, chia sẻ để cảm hóa.

-Tác dụng:

+ Trong cuộc sống rất cần những người có tấm lòng nhân hậu. Chính điều ấy sẽ tạo nên một cuộc sống xã hội, gia đình tràn ngập hạnh phúc, tình thương yêu, nhân ái. Mọi người sống hiền hòa, vui vẻ, bao dung, hiểu nhau.

+ Lòng nhân hậu khiến ta nghĩ đến điều thiện, giúp đỡ, làm vơi nhẹ gánh nặng của nhiều người

+ Nếu cuộc sống thiếu tấm lòng nhân hậu thì trong xã hội sẽ chỉ còn những mưu toan, tính toán, những hằn học, bon chen và sự vô cảm thiếu tình người.

- Phê phán những người ích kỉ, sống bon chen, vụ lợi

- Bài học nhận thức và hành động:

+ Cần có tấm lòng nhân hậu trong cuộc sống. Mọi người trong gia đình, xã hội cần biết quan tâm, đối xử tốt với nhau, giúp đỡ nhau trong những tình huống cuộc sống.

+ Tuy nhiên lòng nhân hậu cũng cần đặt đúng chỗ để tránh những kẻ xấu lợi dụng làm điều sai trái

***Thang điểm:**

- Điểm 10: Bài viết đáp ứng được tất cả các yêu cầu về kiến thức và kĩ năng

- Điểm 9: Bài viết đáp ứng được tất cả các yêu cầu kiến thức, có thể mắc vài sai sót nhỏ

- Điểm 7-8: Bài viết đáp ứng được phần lớn các yêu cầu về kiến thức và còn vài sai sót

- Điểm 5- 6: Bài viết đáp ứng được 2/3 yêu cầu về kiến thức, có nhiều sai sót

- Điểm 3-4: Bài viết đáp ứng được 1/2 yêu cầu kiến thức, có nhiều sai sót

- Điểm 1- 2: Bài viết sơ sài

- Điểm 0: Bài viết có suy nghĩ tiêu cực, lệch lạc hoặc để giấy trắng

.....
.....
.....

Ngữ văn 12
Tuần
Ngày soạn:
Tiết 15-16

Ngày kí:.....

THÔNGIỆP NHÂN NGÀY THẾ GIỚI PHÒNG CHỐNG AIDS,1.12.2003

(Cô - phi – An – na)

A. VẤN ĐỀ CẦN GIẢI QUYẾT

I. Tên bài học : THÔNGIỆP NHÂN NGÀY THẾ GIỚI PHÒNG CHỐNG AIDS,1.12.2003

II. Hình thức dạy học : DH trên lớp.

III. Chuẩn bị của giáo viên và học sinh

1. Giáo viên:

- Phương tiện, thiết bị:
- + SGK, SGV, Tư liệu Ngữ Văn 11, thiết kế bài học.
- + Máy tính, máy chiếu, loa...
- PPDH: Phát vấn, thuyết trình, nêu vấn đề, thảo luận nhóm, trò chơi

2. Học sinh: Sách giáo khoa, bài soạn.

B. NỘI DUNG BÀI HỌC

THÔNGIỆP NHÂN NGÀY THẾ GIỚI PHÒNG CHỐNG AIDS,1.12.2003

C. MỤC TIÊU BÀI HỌC

- a/ Nhận biết: Nêu thông tin về tác giả, tác phẩm
- b/ Thông hiểu: Hiểu những đặc sắc về nội dung và nghệ thuật của văn bản nhật dụng : các luận điểm - tư tưởng, cách lập luận chặt chẽ, sắc bén, cách đưa dẫn chứng sinh động, thuyết phục, sử dụng ngôn ngữ chính
- c/Vận dụng thấp: Vận dụng hiểu biết về tác giả, tác phẩm để phân tích lý giải giá trị nội dung nghệ thuật của tác phẩm
- d/Vận dụng cao: Vận dụng tri thức đọc hiểu văn bản để kiến tạo những giá trị sống của cá nhân. Trình bày những giải pháp để giải quyết một vấn đề cụ thể đặt ra trong tác phẩm.
- Chuyển thể văn bản: vẽ tranh, đóng kịch...

II. Kỹ năng :

- a/ Biết làm: đưa ra thông điệp về một vấn đề xã hội mang tính thời sự diễn ra trong cuộc sống;
- b/ Thông thạo: các bước tìm hiểu một văn bản nhật dụng

III.hái độ :

- a/ Hình thành thói quen: đọc hiểu văn bản nhật dụng
- b/ Hình thành tính cách: tự tin, quyết đoán trong đấu tranh phòng chống AIDS

Ngữ văn 12

c/Hình thành nhân cách: có tinh thần sống vì cộng đồng, không phân biệt kì thị với người bị AIDS.

IV. Những năng lực cụ thể học sinh cần phát triển:

- Năng lực thu thập thông tin liên quan đến văn bản
- Năng lực hợp tác để cùng thực hiện nhiệm vụ học tập
- Năng lực giải quyết những tình huống đặt ra trong các văn bản
- Năng lực đọc - hiểu các tác phẩm Văn bản nhật dụng
- Năng lực sử dụng ngôn ngữ, trình bày suy nghĩ, cảm nhận của cá nhân về các vấn đề xã hội được rút ra từ văn bản nghị luận.

D. TIỀN TRÌNH TỔ CHỨC BÀI HỌC

1. KHỞI ĐỘNG (5 phút)

<i>Hoạt động của Thầy và trò</i>	<i>Nội dung cần đạt</i>
<p>- B1: GV giao nhiệm vụ:</p> <p>1/GV hướng dẫn học sinh tìm hiểu về văn bản nhật dụng bằng cách nhắc lại các văn bản nhật dụng đã học ở THCS.</p> <p>2/ Trình chiếu một vài hình ảnh về tranh cổ động tuyên truyền phòng chống AIDS ở Việt Nam và thế giới</p> <p>- B2: HS thực hiện nhiệm vụ:</p> <p>- B3: HS báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ:</p> <p>- B4: GV nhận xét từ đó, giáo viên giới thiệu <i>Vào bài</i>:</p>	<p>- HS nhắc lại được chính xác các văn bản nhật dụng đã học</p> <p>- Quan sát tranh</p>

2. HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

Hoạt động của GV - HS	Kiến thức cần đạt
1. GV hướng dẫn HS tìm hiểu chung về tác giả và tác phẩm (15 phút).	
<p>* Thao tác 1: GV hướng dẫn tìm hiểu khái quát về tác giả</p> <p>- B1: GV chuyển giao nhiệm vụ</p> <p><i>Hãy nêu được những nét chính về tác giả.</i></p> <p><i>Qua đó em hãy cho biết phẩm chất, vị trí, vai trò và thái độ của Cô-phi An-nan đối với công cuộc chống đại dịch hiểm họa cho loại người?</i></p> <p>-B2: HS thực hiện nhiệm vụ</p> <p>- B3: HS báo cáo sản</p>	<p>I. <u>Tìm hiểu chung</u>:</p> <p>1. <u>Tác giả</u>: Cô-phi An-nan.</p>

<p>Phi, da đen được bầu vào chức vụ Tổng thư kí. Đó không chỉ là chiến thắng của tinh thần bình đẳng, bình quyền giữa các dân tộc trên trái đất mà còn là sự thừa nhận những phẩm chất ưu tú của cá nhân Cô-phi An-nan.</p> <p>- Được trao giải thưởng Nô- ben Hoà bình năm 2001 là sự ghi nhận những đóng góp to lớn của ông đối với việc xây dựng "<i>một thế giới được tổ chức tốt hơn và hoà bình hơn</i>". Giữa bề bộn những lo toan nhiều mặt cho đời sống nhân loại, ông vẫn không quên dành sự ưu tiên đặc biệt cho cuộc chiến chống đại dịch HIV/AIDS.</p> <p>Em hãy nêu vài nét về tác phẩm?</p> <p>HIV/AIDS là gì? HIV với AIDS khác nhau và liên quan với nhau như thế nào? Vì sao gọi HIV/AIDS là đại dịch, là hiểm họa cho đời sống dân tộc và nhân loại? Tình hình phòng chống đại dịch ở địa phương em, ở đất nước ta và trên toàn thế giới như thế nào?</p> <p>- B4: GV nhận xét, chốt kiến</p> <p>* Thao tác 2: GV hướng dẫn tìm hiểu khái quát tác phẩm</p> <p>- B1: GV chuyển giao nhiệm vụ <i>Hãy cho biết hoàn cảnh ra đời của văn bản</i> <i>Thể loại văn bản</i></p> <p>- B2: HS thực hiện nhiệm vụ</p>	<p>2. Tác phẩm:</p> <p>- Thông điệp này công bố hơn hai năm sau khi ông ra Lời kêu gọi hành động trước hiểm họa HIV/AIDS và tiến hành vận động thành lập Quỹ sức khỏe và AIDS toàn cầu => Chứng tỏ quyết tâm bền bỉ của ông trong việc theo đuổi công cuộc đấu tranh chống lại mối hiểm nguy đang đe dọa toàn nhân loại.</p>
<p>2. GV hướng dẫn HS đọc hiểu văn bản</p>	
<p>* Thao tác 1 :</p> <p>Hướng dẫn HS tìm hiểu nội dung khái quát bản thông điệp</p> <p>B1: GV giao nhiệm vụ <i>Nội dung khái quát của bản thông điệp là gì?</i></p> <p>- B2: HS thực hiện nhiệm vụ</p> <p>- B3: HS báo cáo sản phẩm</p>	<p>II. Đọc- hiểu văn bản:</p> <p>1. Nội dung bản thông điệp:</p> <p>- HIV/ AIDS là nạn đại dịch gây tỉ lệ tử vong cao, tốc độ lây lan nhanh và chưa tìm ra thuốc đặc hiệu điều</p>

<p>- B4: GV nhận xét, chốt kiến thức</p> <p>* Thao tác 2: GV hướng dẫn HS im hiểu cách tác giả tổng kết tình hình phòng chống AIDS, nêu nhiệm vụ, kết thúc bản tuyên ngôn</p> <p>- B1: GV chuyển giao nhiệm vụ Thảo luận về cách tổng kết tình hình phòng chống AIDS.</p> <p>Nhóm 1: <i>Tổng kết tình hình phòng chống HIV/AIDS được thể hiện như thế nào qua bức thông điệp?</i></p> <p>Gợi ý:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Điểm tình hình ngắn gọn, đầy đủ, bao quát như thế nào? - Cách đưa ra những dữ kiện, những con số của tác giả có khả năng tác động tới người nghe ra sao? <p>Nhóm 2: <i>Nhiệm vụ cấp bách, quan trọng hàng đầu trong việc phòng chống AIDS.</i></p> <p>* Nhóm 3</p> <ul style="list-style-type: none"> - <i>Kết thúc bản thông điệp, tác giả đặt ra vấn đề gì?</i> <p>* Nhóm 4</p> <p><i>Trong lời kêu gọi mọi người phải nỗ lực ... tg đặc biệt nhấn mạnh đến điều gì? Từ đó em cảm nhận gì về con người tg, về đặc sắc của bài văn?</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - B2: HS thực hiện nhiệm vụ - B3: HS báo cáo sản phẩm <p>Đại diện nhóm trình bày, các nhóm khác theo dõi, góp ý.</p> <p>Nhóm 1:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nhìn lại tình hình thực hiện phòng chống 	<p>AIDS: đã có dấu hiệu về nguồn lực, ngân sách, chiến lược quốc gia về phòng chống AIDS song hành động của chúng ta còn quá ít so với yêu cầu thực tế.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Cách tổng kết tình hình có trọng tâm: dịch HIV/AIDS vẫn đang hoành hoành khắp thế giới “có rất ít dấu hiệu suy giảm” do chúng ta chưa
--	---

Ngữ văn 12

nhân loại.

- Là người đứng đầu tổ chức quốc tế lớn nhất, Cô- phi An- nan kêu gọi các quốc gia và toàn thể nhân dân thế giới nhận thấy sự nguy hiểm của đại dịch này và tích cực chung tay góp sức ngăn chặn, đẩy lùi hiểm hoạ.

2. Tổng kết tình hình phòng chống HIV/AIDS:

-Phần điểm tình hình: phân tích những mặt đã làm được, chưa làm được của quốc gia trong việc phòng chống đại dịch HIV/AIDS. Tác giả nêu cụ thể những mặt chưa làm được để gióng lên hồi chuông báo động về nguy cơ đại dịch HIV/AIDS.

-Phần điểm tình hình không dài nhưng giàu sức thuyết phục và lay động bởi tầm bao quát lớn, những số liệu cụ thể (mỗi phút có khoảng 10 người bị nhiễm HIV), chỉ ra những nguy cơ và nhất là bởi sự bộc lộ những tiếc nuối của tác giả vì có những điều lẽ ra phải làm được thì thực tế chúng ta chưa làm được,...

3. Phần nêu nhiệm vụ cấp bách, quan trọng hàng đầu trong việc phòng chống AIDS

- Phải nỗ lực thực hiện cam kết của mình bằng những nguồn lực và hành động cần thiết.

- Phải đưa vấn đề AIDS lên vị trí hàng đầu trong chương trình nghị sự về chính trị và hành động.

- Phải công khai lên tiếng về AIDS.

- Không được kì thị và phân biệt đối xử đối với những người sống chung với HIV/AIDS.

- Đừng để một ai có ảo tưởng rằng chúng ta có thể bảo vệ được chính

<p>hoàn thành mục tiêu đề ra trong cam kết và với tiến độ như hiện nay chúng ta sẽ không đạt bất cứ mục tiêu nào vào năm 2005.</p> <p>+ Mỗi phút đồng hồ có 10 người nhiễm HIV/AIDS.</p> <p>+ Đại dịch lây lan với tốc độ báo động ở phụ nữ, đang lan rộng ở khu vực Đông Âu, toàn châu Á, từ dãy Uran đến Thái Bình Dương...</p> <p>-> bài văn có sự kết hợp nhuần nhuyễn giữa yếu tố chính luận với giọng văn trữ tình thấm đượm tình cảm, cảm xúc của tác giả.</p> <p>* Nhóm 2</p> <p>- Phải nỗ lực nhiều hơn nữa để thực hiện cam kết của mình bằng nguồn lực và hành động cần thiết.</p> <p>- Đừng có ai ảo tưởng rằng chúng ta có thể bảo vệ được chính mình bằng cách dựng lên bức rào ngăn cách giữa “chúng ta” với “họ”.</p> <p>- Hãy sát cánh cùng tôi...</p> <p>* Nhóm 3</p> <p><i>Tôi cùng các bạn hãy đánh đổ các thành lũy của sự im lặng, thờ ơ hoặc né tránh, sự kì thị và phân biệt đối xử đang vây quanh bệnh này để nói to lên lời tâm huyết, quyết tâm, để sát cánh chiến đấu đến cùng chống lại và chiến thắng hiểm họa HIV/AIDS.</i></p> <p>* Nhóm 4</p> <p>- Tôi kêu gọi các bạn hãy cùng với tôi lên tiếng thật to và hãy đồng dục về HIV/AIDS.</p> <p>- Hãy cùng tôi giật đổ các thành lũy của sự im lặng, kì thị và phân biệt đối xử đang vây quanh bệnh dịch này.</p>	<p>mình bằng cách dựng lên các bức tường rào ngăn cách giữa “chúng ta” và “họ”.</p> <p>- Trong thế giới AIDS khốc liệt này không có khái niệm “chúng ta” và “họ”. Trong thế giới đó, im lặng đồng nghĩa với cái chết. Có nghĩa là phải hành động để chống lại đại dịch AIDS đang đe dọa mọi người trên hành tinh này, không trừ một ai.</p> <p>4. Kết thúc: Lời kêu gọi phòng chống AIDS</p> <p>► <i>Chúng ta hãy tránh xa AIDS!</i></p> <p><i>“Thậm chí ...những người bị HIV/AIDS” -> con người có trái tim nhân hậu, chan chứa yêu thương, một tấm lòng nhân đạo sâu sắc, ở ông có tầm nhìn sâu rộng đối với sự vận động không ngừng của sự sống, luôn quan tâm đến vận mệnh của loài người, là con người sống vì công việc, vì sự ổn định của toàn nhân loại</i></p>
<p>3. Gv hướng dẫn HS tổng kết (10 PHÚT)</p> <p>- B1: GV chuyển giao nhiệm vụ</p> <p>Hướng dẫn học sinh dựa vào bài học và phần ghi nhớ trong SGK để tổng kết theo hai khía cạnh: Nội dung, Nghệ thuật</p> <p><i>-Trước và sau khi có bản thông điệp, theo em thái độ của em, và mỗi người về HIVS có điều gì</i></p>	<p>III. Tổng kết</p> <p>1. Ý nghĩa văn bản: Bản thông điệp là tiếng nói kịp thời trước một nguy cơ đe dọa cuộc sống của loài người, thể hiện thái độ sống tích</p>

Ngữ văn 12

không?

- Bản thông điệp ra đời cách đây 5 năm, theo em nội dung của nó còn có giá trị không?

HS dựa vào bài học và phần ghi nhớ trong SGK để tổng kết : Nội dung .

- Giải thích vì sao bài văn có sức thuyết phục mạnh mẽ người đọc?

- Bản thông điệp có ý nghĩa như thế nào?

B2: HS thực hiện nhiệm

vụ

HS dựa vào bài học và phần ghi nhớ trong SGK để tổng kết : nội dung, Nghệ thuật

B3: HS báo cáo sản

phẩm

- Cách trình bày chặt chẽ, lô gích cho thấy ý nghĩa bức thiết và tầm quan trọng đặc biệt của cuộc chiến chống lại HIV/AIDS;

- Bên cạnh những câu văn truyền thông điệp trực tiếp, có rất nhiều câu văn giàu hình ảnh, cảm xúc. Do đó, tránh được lối “hô hào” sáo mòn, truyền được tâm huyết của tác giả đến với người nghe, người đọc.

B4: GV nhận xét, chốt kiến thức

tình yêu thương nhân loại sâu sắc. Thông điệp giúp mọi người biết quan tâm tới hiện tượng đời sống đang diễn ra; biết chia sẻ, không vô cảm trước nỗi đau của con người.

2. Nghệ thuật:

- Cách trình bày chặt chẽ, lô gích ...

- Bên cạnh những câu văn truyền thông điệp trực tiếp, có rất nhiều câu văn giàu hình ảnh, cảm xúc. ...

3. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP

Hoạt động của GV - HS	Kiến thức cần đạt
<p>- GV giao nhiệm vụ:</p> <p>Đọc văn bản sau và trả lời câu hỏi phía dưới:</p> <p>... “Đó là lý do chúng ta phải công khai lên tiếng về AIDS. Dè dặt, từ chối đối mặt với sự thật không mấy dễ chịu này, hoặc vội vàng phán xét đồng loại của mình, chúng ta sẽ không đạt được tiến độ hoàn thành các mục tiêu đề ra, thậm chí chúng ta còn bị chậm hơn nữa, nếu sự kỳ thị và phân biệt đối xử vẫn</p>	<p>a. Nêu nội dung chính của đoạn văn?</p> <p>- Tác giả nêu nhiệm vụ, đề nghị mọi người phải nỗ lực phòng chống HIV/AIDS nhiều hơn nữa:</p> <p>+ Ai cũng phải phòng chống HIV/AIDS.</p> <p>+ Phòng chống HIV/AIDS là nhiệm vụ của chúng ta.</p> <p>- Tác giả đề nghị mọi người không lẫn tránh trách nhiệm phòng chống HIV/AIDS ; không vội vàng phán xét đồng loại, không kì thị và phân biệt đối xử với những người đã mắc bệnh HIV/AIDS.</p>

tiếp tục diễn ra đối với những người bị HIV/AIDS. Hãy đừng để một ai có ảo tưởng rằng chúng ta có thể bảo vệ được chính mình bằng cách dựng lên các bức rào ngăn cách giữa “chúng ta” và “họ”. Trong thế giới khốc liệt của AIDS, không có khái niệm chúng ta và họ. Trong thế giới đó, im lặng đồng nghĩa với cái chết.”...

(Trích *Thông điệp nhân Ngày Thế giới phòng chống AIDS, 1-12-2003* – Cô-phi An-nan)

a. Nêu nội dung chính của đoạn văn trên?

b. Đọc đoạn văn trên em hiểu “chúng ta” là đối tượng nào, “họ” là đối tượng nào?

c. Đọc đoạn văn trên em hiểu “im lặng” có nghĩa là gì? “công khai lên tiếng về AIDS” có nghĩa là gì?

d. Phân tích ý nghĩa của câu văn sau trong đoạn trên: *Trong thế giới đó, im lặng đồng nghĩa với cái chết.*

e. Xét về phương thức biểu đạt đoạn văn trên thuộc loại văn bản nào? Vì sao?

g. Theo anh (chị) thông điệp mà tác giả muốn nói với người đọc trong đoạn văn trên là gì?

- **B2:** HS thực hiện nhiệm vụ:

- **B3:** HS báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ:

- **B4:** GV nhận xét, chốt kiến thức

b. Đọc đoạn văn trên em hiểu “chúng ta” là đối tượng nào “họ” là đối tượng nào?

Đọc văn bản cần hiểu *chúng ta* là từ chỉ những người hiện chưa bị lây nhiễm HIV ; *họ* là từ chỉ những bệnh nhân bị nhiễm HIV / AIDS.

c. Đọc đoạn văn trên em hiểu “im lặng” có nghĩa là gì? “công khai lên tiếng về AIDS” có nghĩa là gì?

- Đọc văn bản cần hiểu *im lặng* là từ chỉ thái độ bàng quan, thờ ơ, vô cảm của con người trước đại dịch HIV/AIDS.

- *Công khai lên tiếng về AIDS* là từ chỉ những thái độ và hành động tích cực của con người trong việc phòng chống HIV/AIDS.

d. Phân tích ý nghĩa của câu văn sau trong đoạn trên: Trong thế giới đó, im lặng...

- Câu văn tạo ra mối tương quan giữa một bên là sự thờ ơ trước dịch HIV/AIDS và một bên là cái chết, để qua đó cho thấy sự tích cực chống lại HIV/AIDS, với loài người, là vấn đề có ý nghĩa sinh tử, tồn vong, sống hay không sống.

- Tác giả so sánh: Nếu ta thờ ơ trước đại dịch HIV/AIDS cũng có nghĩa là ta chấp nhận cái chết, sự hủy diệt sẽ đến với loài người.

e. Xét về phương thức biểu đạt đoạn văn trên thuộc loại văn bản nào? Vì sao?

- Đây là văn bản nghị luận. Vì nội dung đề cập đến thái độ, quan điểm trước một vấn đề xã hội, cách lập luận chặt chẽ, có sức thuyết phục.

- Đây là văn bản nghị luận về vấn đề xã hội. Vì nội dung đề cập đến thái độ, quan điểm rõ ràng trước đại dịch HIV/AIDS, suy luận lô gic, chặt chẽ.

g. Theo anh (chị) thông điệp mà tác giả muốn nói với người đọc trong đoạn văn trên là gì?

- Tác giả cảnh báo các nguy cơ của thái độ xa lánh, chia rẽ, phân biệt đối xử với những người nhiễm HIV/AIDS dẫn tới mục tiêu phòng chống HIV/AIDS của chúng ta sẽ không thể hoàn thành. Và chính bằng cách đó, C. An-

	<p>nan đã cổ động nhiệt tình cho sự đối xử ấm áp, gần gũi đối với những người bị nhiễm HIV/AIDS.</p> <p>- C. An-nan đã kêu gọi mọi người hãy đối xử bình đẳng, gần gũi đối với những người bị nhiễm HIV/AIDS vì đó là cách mà con người có thể chủ động phòng chống căn bệnh này có hiệu quả.</p>
--	---

4. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG

Hoạt động của GV - HS	Kiến thức cần đạt
<p>- GV giao nhiệm vụ: <i>Em có cho rằng khi đại dịch HIV/AIDS đã qua đi thì bản thông điệp này cũng không còn giá trị nữa không? Vì sao?</i></p> <p>- B2: HS thực hiện nhiệm vụ:</p> <p>- B3: HS báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ:</p> <p>- B4: GV nhận xét, chốt kiến thức</p>	<p>Vẫn còn nguyên giá trị: vì nó mang giá trị cuộc sống cao:</p> <p>- Ở bất kì thời đại nào, ở đâu, vấn đề sức khỏe con người vẫn được đặt lên hàng đầu.</p> <p>- Bản thông điệp mãi là bài học nhắc nhở con người ta phải sống sao cho lành mạnh, không sa ngã vào các tệ nạn xã hội.</p> <p>- Đề phòng là yếu tố quan trọng hơn chống HIV/AIDS qua ®i nhưng nó vẫn có thể quay trở lại.</p> <p>- Bản thông điệp còn có giá trị nhân văn sâu sắc, nhắc nhở mỗi con người về đạo làm người là phải biết yêu thương, quan tâm giúp đỡ lẫn nhau.</p>

5. HOẠT ĐỘNG MỞ RỘNG VÀ SÁNG TẠO

Hoạt động của GV - HS	Kiến thức cần đạt
<p>- B1:GV giao nhiệm vụ: 1. Vẽ tranh cổ động tuyên truyền phòng chống AIDS.</p> <p>2. Sáng tác thơ ca, hò về phòng chống AIDS</p> <p>3. Tích hợp bài PHÒNG VẤN (<i>Ngữ văn 11</i>), làm một video ngắn phản ánh tình hình phòng chống AIDS ở địa phương em.</p> <p>- B2: HS thực hiện nhiệm vụ:</p> <p>- B3: HS báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ:</p> <p>- B4: GV nhận xét , chốt kiến thức</p>	<p>-Vẽ tranh cổ động tuyên truyền phòng chống AIDS.</p> <p>- Sáng tác thơ ca, hò về phòng chống AIDS</p> <p>- Chú ý phần viết lời bình</p>

Tuần

Ngày soạn:

Tiết 17

Ngày kí:.....

NGHỊ LUẬN VỀ MỘT BÀI THƠ, ĐOẠN THƠ

A. VẤN ĐỀ CẦN GIẢI QUYẾT

I. Tên bài học :

II. Hình thức dạy học : DH trên lớp.

III. Chuẩn bị của giáo viên và học sinh

1. Giáo viên:

- Phương tiện, thiết bị:

+ SGK, SGV, Tư liệu Ngữ Văn 11, thiết kế bài học.

+ Máy tính, máy chiếu, loa...

- PPDH: Phát vấn, thuyết trình, nêu vấn đề, thảo luận nhóm, trò chơi

2. Học sinh: Sách giáo khoa, bài soạn.

B. NỘI DUNG BÀI HỌC

C. MỤC TIÊU BÀI HỌC

I. Kiến thức :

a/ Nhận biết: Nắm được khái niệm kiểu bài văn nghị luận về một bài thơ, đoạn thơ;

b/ Thông hiểu: Xác định đúng vấn đề cần nghị luận trong văn bản nghị luận về một bài thơ, đoạn thơ;

c/Vận dụng thấp: Xây dựng được dàn ý cho bài văn nghị luận về một bài thơ, đoạn thơ;

d/Vận dụng cao: Sử dụng đúng phong cách ngôn ngữ văn học, diễn đạt trôi chảy để tạo lập văn bản nghị luận về một bài thơ, đoạn thơ;

II. Kỹ năng :

a/ Biết làm: bài nghị luận về một đoạn thơ, bài thơ

b/ Thông thạo: các bước phân tích đề, lập dàn ý bài nghị luận về một đoạn thơ, bài thơ

III. Thái độ :

a/ Hình thành thói quen: phân tích đề, lập dàn ý bài nghị luận về một đoạn thơ, bài thơ

b/ Hình thành tính cách: tự tin khi trình bày kiến thức về một đoạn thơ, bài thơ

c/Hình thành nhân cách:

Ngữ văn 12

-Biết nhận thức được ý nghĩa của việc thực hiện các thao tác nghị luận trong bài văn nghị luận văn học

-Có ý thức tìm tòi về kiểu bài nghị luận văn học .

IV. Những năng lực cụ thể học sinh cần phát triển:

- Năng lực thu thập thông tin liên quan đến các kiểu bài nghị luận văn học

- Năng lực hợp tác khi trao đổi, thảo luận về các kiểu bài nghị luận văn học

- Năng lực phân tích, so sánh điểm giống nhau và khác nhau giữa các kiểu bài nghị luận văn học

- Năng lực tạo lập văn bản nghị luận văn học.

D. TIẾN TRÌNH TỔ CHỨC BÀI HỌC

1. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG (5 phút)

<i>Hoạt động của Thầy và trò</i>	<i>Nội dung cần đạt</i>
<p>- B1: GV giao nhiệm vụ: GV hướng dẫn học sinh tìm hiểu bài bằng câu hỏi trắc nghiệm sau:</p> <p><i>Đề bài nào sau đây thuộc kiểu bài nghị luận về đoạn thơ, bài thơ?</i></p> <p>a. Suy nghĩ về câu tục ngữ : "Lá lành đùm lá rách"</p> <p>b. Lòng nhân ái</p> <p>c. Cảm nhận của anh/ chị về bài thơ Đồng Chí (Chính Hữu)</p> <p>d. Về những dòng sông bị ô nhiễm hiện nay.</p> <p>- B2: HS thực hiện nhiệm vụ:</p> <p>- B3: HS báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ:</p> <p>- B4: GV nhận xét từ đó, giáo viên giới thiệu <i>Vào bài:</i> Ở chương trình Ngữ văn 9,10,11, các em đã từng nắm lí thuyết và thực hành những bài làm văn mà đối tượng chính là nghị luận về một bài thơ, đoạn thơ . Qua bài trắc nghiệm trên, chúng ta sẽ tìm hiểu kĩ hơn dạng bài nghị luận văn học này.</p>	<p>trả lời: c</p>

2. HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

Hoạt động của GV - HS	Kiến thức cần đạt
1. GV hướng dẫn HS tìm hiểu đề và lập dàn ý (10 phút).	
<p>- B1: GV chuyển giao nhiệm vụ</p> <p>Tổ chức cho HS thảo luận nhóm:</p> <p>Nhóm 1,3:</p> <p>Tìm hiểu đề và lập dàn ý cho đề 1</p> <p>- <i>Khi tìm hiểu đề, ta cần xác định những vấn đề gì?</i></p> <p>- <i>Bài thơ ra đời trong hoàn cảnh như thế nào?</i></p> <p>- <i>Vấn đề cần giải quyết, làm rõ trong bài viết là gì?</i></p>	<p>I. Tìm hiểu đề và lập dàn ý:</p> <p>Đề 1: Phân tích bài thơ "Cảnh khuya" của Hồ Chí Minh.</p> <p>a. Tìm hiểu đề:</p>

<p>- <i>Phần mở bài ta cần giới thiệu những gì?</i></p> <p>- <i>Phần thân bài ta cần làm rõ điều gì trước tiên?</i></p> <p>- <i>Vẻ đẹp của núi rừng trong đêm trăng khuya được miêu tả qua những thủ pháp nghệ thuật nào? Gọi lên những điều gì?</i></p> <p>- <i>Hình ảnh nổi bật nhất trong bài thơ là hình ảnh gì?</i></p> <p>- <i>Nhân vật trữ tình trong bài thơ có gì khác hình ảnh ẩn sĩ trong thơ cổ?</i></p> <p>- <i>Vì sao lại nói bài thơ vừa có tính chất cổ điển, vừa hiện đại?</i></p> <p>- <i>Nêu nhận định chung về giá trị tư tưởng và nghệ thuật bài thơ?</i></p> <p>- <i>Khẳng định lại những giá trị bài thơ?</i></p> <p>Nhóm 2,4: Tìm hiểu đề và lập dàn ý cho đề bài 2 Gọi ý:</p> <p>- <i>Khi tìm hiểu đề trong đề bài này, ta cần xác định những vấn đề gì?</i></p> <p>- <i>Mở bài, ta cần giới thiệu điều gì? Có gì khác với cách giới thiệu về một bài thơ?</i></p> <p>- <i>Khí thế dũng mãnh của cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp ở Việt Bắc được miêu tả qua những thủ pháp nghệ thuật nào trong 8 câu thơ đầu?</i></p> <p>- <i>Khí thế hiện lên như thế nào?</i></p> <p>- <i>Khí thế chiến thắng ở các chiến trường khác (4 câu sau) được diễn đạt bởi những thủ pháp nghệ thuật nào?</i></p> <p>- <i>Khí thế đó tạo nên điều gì cho bức tranh công cuộc kháng chiến chống Pháp?</i></p> <p>- <i>Hệ thống từ ngữ nào đã được vận dụng trong đoạn thơ?</i></p> <p>- <i>Nhà thơ còn vận dụng những biện pháp tu từ nào?</i></p> <p>- <i>Giọng thơ của đoạn thơ có âm hưởng như thế nào?</i></p> <p>- <i>Hãy nêu ý để chốt lại đoạn thơ?</i></p>	<p>- B2: HS thực hiện nhiệ m vụ: - B 3: H S bá o cá o sả n p hầ m Đại diện nhóm trình bày, các nhóm khác theo dõi, góp ý. N h ó m 1 , 3 : a. T ì m h ì ể u đ ề</p>
---	---

- Hoàn cảnh ra

đời:

- Yêu cầu đề bài và định hướng giải quyết:

b. Lập dàn ý:

* Mở bài:

* Thân bài:

- Phân tích, chứng minh vẻ đẹp của đêm trăng khuya nơi núi rừng Việt Bắc

- Phân tích nghệ thuật bài thơ: vừa có tính chất cổ điển vừa hiện đại:

+ Tính cổ điển:

+ Tính hiện đại: hình tượng nhân vật trữ tình:

- Nhận định giá trị tư tưởng và nghệ thuật bài thơ:

+ Tư tưởng:

+ Nghệ thuật:

* Kết bài:

- Hoàn cảnh ra

đời:

+ Những năm đầu của cuộc kháng chiến chống

Pháp

+ Địa điểm là vùng chiến khu Việt Bắc.

+ Lúc này, Chủ tịch Hồ Chí Minh đang trực tiếp lãnh đạo cuộc kháng chiến đầy gian khổ nhưng vô cùng oanh liệt của nhân dân ta.

- Yêu cầu đề bài và định hướng giải quyết:

+ Từ phân tích vẻ đẹp của bức tranh phong cảnh Việt Bắc thấy được vẻ đẹp tâm hồn thi nhân, vẻ đẹp của thơ ca Hồ Chí Minh.

+ Từ vẻ đẹp tâm hồn thi nhân, vị lãnh tụ tối cao của dân tộc, của cuộc kháng chiến để thấy được vẻ đẹp tâm hồn Việt Nam – sự tất thắng của cuộc kháng chiến.

b. Lập dàn ý:

* Mở

bài:

- Giới thiệu bài thơ (hoàn cảnh sáng tác)

- Nhận định chung về bài thơ (Định hướng giải quyết)

* Thân bài:

- Phân tích, chứng minh vẻ đẹp của đêm trăng khuya nơi núi rừng Việt Bắc:

+ Thủ pháp so sánh: *Tiếng suối trong như tiếng hát xa*

☑tiếng suối cộng hưởng với tiếng người, tiếng đời tươi trẻ, vang vọng tràn đầy niềm tin

+ Hình ảnh: *Trăng lồng cổ thụ bóng lồng hoa*

☑Điệp từ *lồng*: tạo nên hình ảnh huyền ảo, lung linh, thơ mộng

=> Cảnh vật mang vẻ đẹp hùng vĩ, thơ mộng ☑tâm hồn yêu thiên nhiên của Bác.

- Phân tích, chứng minh vẻ đẹp tâm hồn thi nhân qua hình ảnh nhân vật trữ tình:

+ Nổi bật giữa bức tranh thiên nhiên là người chiến sĩ nặng lòng lo *nỗi nước nhà*.

☑tâm lòng yêu nước sâu sắc của Bác.

+ Khác với hình ảnh người ẩn sĩ lánh mình chốn thiên nhiên, xa lánh cõi

trần

☑Tinh thần ung dung tự tại lo việc nước, tràn đầy sự lạc quan, kiên định và tất thắng

- Phân tích nghệ thuật bài thơ: vừa có tính chất cổ

2. Thực hành đề 2 :

Phân tích đoạn thơ trong bài "*Việt Bắc*" của Tố Hữu

a. Tìm hiểu đề:

- Yêu cầu kiểu đề:

điển vừa hiện đại:

+ Tính cổ điển: thể thơ Đường luật, những hình ảnh thiên nhiên *tiếng suối, trăng, cỏ thụ, hoa*.

+ Tính hiện đại: hình tượng nhân vật trữ tình: thi sĩ - chiến sĩ, *lo nỗi nước nhà*, sự phá cách trong hai câu cuối (không tuân thủ luật đối)

- Nhận định giá trị tư tưởng và nghệ thuật bài thơ:

+ Tư tưởng: Tình yêu thiên nhiên, đất nước sâu đậm

+ Nghệ thuật: cổ điển và hiện đại

* Kết

bài:

- Sự hài hoà giữa tâm hồn nghệ sĩ và ý chí chiến sĩ: Mang cốt cách thanh cao, tấm lòng vì nước vì dân, khí chất ung dung của vị lãnh tụ

- Đây là một trong những bài thơ hay của Bác

Nhóm 2,4:

a. Tìm hiểu

đề:

- Yêu cầu kiểu đề: phân tích một đoạn thơ.

- Yêu cầu về nội dung: Làm rõ hai vấn đề:

+ Khí thế dũng mãnh và khí thế chiến thắng của quân ta trên khắp chiến trường

+ Nghệ thuật sử dụng ngôn ngữ độc đáo của đoạn thơ

b. Lập dàn ý:

* Mở bài:

- Nêu hoàn cảnh sáng tác, giới thiệu khái quát bài thơ.

- Nêu xuất xứ đoạn trích

- Trích dẫn nguyên văn đoạn trích

* Thân bài:

- Phân tích khí thế dũng mãnh của cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp ở Việt Bắc (8 câu đầu):

+ Nghệ thuật: Sử dụng từ láy (*rầm rập, điệp điệp trùng trùng*), so sánh (*Đêm đêm rầm rập như là đất*

rung), hoán dụ (*mũ nan*), cường điệu (*bước chân nát đá*), đối lập (*Nghìn đêm thăm thẳm sương dày >< Đèn pha bật sáng như ngày mai lên*)

+ Nội dung: Khí thế chiến đấu sôi động, hào hùng với nhiều lực lượng tham gia (dân công, bộ đội, binh chủng cơ giới), hình ảnh con đường bộ đội hành quân, dân công đi tiếp viện, đoàn quân ô tô quân sự

Ngữ văn 12

- Yêu cầu về nội dung:

b. Lập dàn ý:

* Mở bài:

- Nêu hoàn cảnh sáng tác, giới thiệu khái quát bài thơ.

- Nêu xuất xứ đoạn trích

- Trích dẫn nguyên văn đoạn trích

* Thân bài:

- Phân tích khí thế dũng mãnh của cuộc kháng chiến

chống thực dân Pháp ở Việt Bắc (8 câu đầu):

+ Nghệ thuật:

+ Nội dung:

- Phân tích khí thế chiến thắng ở các chiến trường khác

(4 câu sau):

+ Nghệ thuật:

+ Nội dung:

- Phân tích đặc điểm nổi bật về nghệ thuật:

c. Kết bài:

<p>nối tiếp nhau...</p> <p>- Phân tích khí thế chiến thắng ở các chiến trường khác (4 câu sau):</p> <p>+ Nghệ thuật: Điệp từ <i>vui</i>, biện pháp liệt kê các địa danh của mọi miền đất nước</p> <p>+ Nội dung: Tin vui chiến thắng đồn dập bay về, vì Việt Bắc là thủ đô, là đầu não của cuộc kháng chiến. Niềm vui của đất nước hoà cùng Việt Bắc tạo nên bức tranh kháng chiến thắng lợi toàn diện và toàn vẹn.</p> <p>- Phân tích đặc điểm nổi bật về nghệ thuật:</p> <p>Rất điêu luyện trong việc sử dụng thể thơ lục bát</p> <p>+ Các từ láy, động từ (<i>rầm rập, rung, nát đá, lửa bay</i>), tính từ gợi tả (<i>Quân đi điệp điệp trùng trùng, Ánh sao đầu súng bạn cùng mũ nan, Dân công đỏ đuốc từng đoàn, Nghìn đêm thăm thẳm sương dày, Đèn pha bật sáng</i>)...</p> <p>+ Các biện pháp tu từ: so sánh, hoán dụ, cường điệu, trùng điệp...</p> <p>+ Giọng thơ: âm vang, sôi nổi, hào hùng</p>	
<p>2. GV HƯỚNG DẪN TÌM HIỂU PHƯƠNG PHÁP LÀM BÀI(10 PHÚT)</p>	
<p>- B1: GV chuyển giao nhiệm vụ</p> <p>Tìm hiểu đối tượng và nội dung của bài nghị luận về một bài thơ, đoạn thơ</p> <p>- <i>Thế nào là nghị luận về một bài thơ, đoạn thơ ?</i></p> <p>- <i>Em có nhận xét gì về đối tượng nghị luận về thơ? Xuất phát từ điều này, chúng ta cần phải thao tác như thế nào khi nghị luận?</i></p> <p>- <i>Nội dung cơ bản của một bài nghị luận về một bài thơ, đoạn thơ ?</i></p> <p>- B2: HS thực hiện nhiệm vụ</p> <p>- B3: HS báo cáo sản phẩm</p> <p>- Đặc điểm : Nghị luận về một bài thơ, đoạn thơ là trình bày ý kiến, nhận xét, đánh giá về nội dung và nghệ thuật của bài thơ, đoạn thơ đó.</p> <p>- Đối tượng: bài thơ, đoạn thơ, hình tượng thơ...</p>	<p>II. Đối tượng và nội dung của bài nghị luận về một bài thơ, đoạn thơ:</p> <p>- Đặc điểm :</p> <p>- Đối tượng:</p> <p>- Nội dung:</p> <p>+ Giới thiệu khái quát bài thơ, đoạn thơ</p> <p>+ Bàn luận về những giá trị nội dung và nghệ thuật của bài thơ, đoạn thơ</p> <p>+ Đánh giá chung bài thơ, đoạn thơ</p>

<p>- Nội dung: + Giới thiệu khái quát bài thơ, đoạn thơ + Bàn luận về những giá trị nội dung và nghệ thuật của bài thơ, đoạn thơ + Đánh giá chung bài thơ, đoạn thơ.</p>	
<p>3. GV Hướng dẫn HS làm bài tập phần luyện tập (15 PHÚT)</p>	
<p>- B1: GV: Chia lớp làm 4 nhóm . - Các nhóm thảo luận làm bài tập trong 15 phút. - B2: HS thực hiện nhiệm vụ - B3: HS báo cáo sản phẩm - B4: GV: Chốt lại các ý đúng. * Mở bài: - Giới thiệu hoàn cảnh sáng tác bài thơ - Giới thiệu xuất xứ đoạn thơ - Nhận xét chung về khổ thơ - Dẫn văn bản khổ thơ * Thân bài: - Nhận xét tổng quát bài thơ, phân tích chung ba khổ thơ đầu để thấy mối liên hệ, thống nhất với khổ thơ cuối - Phân tích hai câu thơ đầu - Phân tích hai câu thơ cuối - Một vài nét về nghệ thuật + Thôi Hiệu: <i>Quê hương khuất bóng hoàng hôn Trên sông khói sóng cho</i></p>	<p>II. Luyện tập <i>1. Mở bài:</i> - Giới thiệu hoàn cảnh sáng tác bài thơ: Từ cảm hứng trước một buổi chiều đìu hiu, vắng lặng buồn, khi lặng ngấm sông Hồng ngoại thành Hà Nội - Giới thiệu xuất xứ đoạn thơ: Khổ cuối trong bài thơ <i>Tràng giang</i> - Nhận xét chung về khổ thơ: Một bài thơ buồn – đẹp vào bậc nhất của Huy Cận, của văn học lãng mạn Việt Nam - Dẫn văn bản khổ thơ <i>2. Thân bài:</i> - Nhận xét tổng quát bài thơ, phân tích chung ba khổ thơ đầu để thấy mối liên hệ, thống nhất với khổ thơ cuối: + Nhận xét: Thơ Huy Cận trước CMTT là nỗi buồn của thế hệ thanh niên mất nước, tương lai mờ mịt. Bài thơ mở vào khoảng trời đất cao rộng, vắng lặng để nỗi buồn thấm sâu tận cõi lòng + Phân tích ba khổ đầu bài thơ: . Cảnh buồn mênh mang, tâm hồn cô đơn không nguồn san sẻ (<i>sóng gợn tràng giang, sông dài trời rộng, mênh mang</i> sông nước với tâm trạng, tâm tình <i>sầu trăm ngả, cô liêu, không chút niềm thân mật</i>) - Phân tích hai câu thơ đầu: Trong ba khổ thơ trước: buồn trải ra xa, trong khổ cuối: buồn lên cao trong cánh chim nhỏ và dường như nhiều bơ vơ, không tìm ra phương hướng trong buổi chiều tắt nắng - Phân tích hai câu thơ cuối: + Cảnh hoàn toàn không còn dấu người. Ở thời điểm này, quê hương là nơi neo đậu của lòng người.</p>

	<p>o Các hình ảnh: <i>mây cao đùn núi bạc, chim nghiêng cánh nhỏ, bóng chiều, con nước, nhớ nhà...</i> đậm chất thơ Đường</p> <p>o Nét riêng: cách dùng từ láy (<i>lóp lóp, dọn dọn</i>), cảm xúc lãng mạn tinh tế (<i>chim nghiêng cánh nhỏ bóng chiều sa</i>), cách nói ngược so với thơ Đường (<i>Không khỏi hoàng hôn cũng nhớ nhà</i>)</p> <p>+ Âm hưởng Đường thi cộng với những hình ảnh cô đơn, nỗi buồn thế hệ tạo nên vẻ đẹp cổ điển, hiện đại của khổ thơ, bài thơ.</p> <p>3. <i>Kết bài:</i></p> <p>Tổng hợp chung:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đoạn thơ có nét cổ kính, trang nghiêm, đậm chất Đường thi nhưng vẫn giữ được cái hồn Việt Nam - Thể hiện tình yêu quê hương đất nước sâu đậm của tác giả.
--	--

3. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP

Hoạt động của GV - HS	Kiến thức cần đạt
<p>-B1: GV giao nhiệm vụ:</p> <p>Câu hỏi 1: Dòng nào dưới đây nêu không đúng nội dung thường có của một bài văn nghị luận về thơ?</p> <p>a. Giới thiệu khái quát về bài thơ, đoạn thơ.</p> <p>b. Bàn về những giá trị nội dung và nghệ thuật của bài thơ, đoạn thơ.</p> <p>c. Những sự kiện xung quanh sự ra đời của bài thơ</p> <p>d. Đánh giá chung về bài thơ, đoạn thơ.</p> <p>Câu hỏi 2: Thao tác nào dưới đây ít được sử dụng trong khi nghị luận về thơ?</p> <p>a. Thao tác phân tích</p> <p>b. Thao tác bình luận</p> <p>c. Thao tác chứng minh</p> <p>d. Thao tác bác bỏ.</p> <p>Câu hỏi 3: Trong phần mở đầu của bài nghị luận về một bài thơ, cần phải đạt được yêu cầu gì?</p>	<p>c. Những sự kiện xung quanh sự ra đời của bài thơ</p> <p>d. Thao tác bác bỏ.</p> <p>a. Giới thiệu một cách khái quát về</p>

<p>a. Giới thiệu một cách khái quát về bài thơ, đoạn thơ</p> <p>b. Trình bày được hoàn cảnh ra đời của bài thơ, đoạn thơ</p> <p>c. Nêu đánh giá của mình về bài thơ, đoạn thơ.</p> <p>d. Chỉ ra thành công nghệ thuật của mình về bài thơ, đoạn thơ.</p> <p>- B2: HS thực hiện nhiệm vụ:</p> <p>- B3: HS báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ:</p> <p>- B4: GV nhận xét, chốt kiến thức</p>	bài thơ, đoạn thơ
--	-------------------

4.VẬN DỤNG

Hoạt động của GV - HS	Kiến thức cần đạt
<p>-B1: GV giao nhiệm vụ: <i>Phân tích bài thơ “Tự tình” (II) của nữ sĩ Hồ Xuân Hương.</i></p> <p>- B2: HS thực hiện nhiệm vụ</p> <p>- B3: HS báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ:</p> <p>- B4: GV nhận xét, chốt kiến thức</p>	<p>Tìm hiểu đề</p> <p>1. Dạng đề : Phân tích một bài thơ.</p> <p>2. Yêu cầu của đề:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Yêu cầu về nội dung : Làm rõ nội dung, nghệ thuật của bài thơ. - Yêu cầu về thao tác : Phân tích là thao tác chính, cần kết hợp các thao tác khác như: chứng minh, bình luận, so sánh... - Yêu cầu về tư liệu : Tư liệu chính là những câu thơ trong bài thơ đã cho, tư liệu có liên quan để bổ sung cho ý phân tích. <p>-</p> <p>Lập dàn ý</p> <p>I. Mở bài : Giới thiệu tác giả Hồ Xuân Hương, dẫn vào bài thơ “Tự tình” (II). Nêu vấn đề: Bài thơ có giá trị sâu sắc về nội dung và nghệ thuật, trích bài thơ.</p> <p>II. Thân bài :</p> <p>1. Khái quát : Nêu xuất xứ, thể loại, hoàn cảnh sáng tác, bố cục bài thơ, nội dung chính của bài thơ.</p> <p>2. Phân tích nội dung, nghệ thuật bài thơ : Các ý chính cần phân tích</p> <p>a. Hai câu đề : * Phân tích:</p>

	<p>“đêm khuya”; từ láy “văng vẳng”; nghệ thuật lấy động tả tĩnh.</p> <p>- Câu 2 : Đảo ngữ nhấn mạnh từ “trơ”; kết hợp từ độc đáo “cái hồng nhan”; đối lập cái cá nhân nhỏ bé với cái rộng lớn (“cái hồng nhan” đối với “nước non”).</p> <p>* Làm rõ : Bối cảnh không gian, thời gian và tâm trạng cô đơn, buồn tủi, bề bàng về duyên phận của nhân vật trữ tình.</p> <p>b. Hai câu thực :</p> <p>* Phân tích : Phép đối (câu 3 với câu 4); cụm từ “say lại tỉnh”; nghệ thuật tả cảnh ngụ tình (sự tương quan giữa hình ảnh vầng trăng và thân phận nữ sĩ).</p> <p>* Làm rõ : Gợi lên hình ảnh người phụ nữ trong đêm khuya vắng lặng với bao xót xa, cay đắng, với nỗi chán chường, đau đớn, ê chề.</p> <p>c. Hai câu luận:</p> <p>* Phân tích : Phép đối (câu 5 với câu 6); phép đảo; động từ mạnh (“xiên ngang”, “đâm toạc”); nghệ thuật tả cảnh ngụ tình.</p> <p>* Làm rõ : cảnh thiên nhiên trong cảm nhận của người mang sẵn nỗi niềm phẫn uất và sự bộc lộ cá tính, bản lĩnh không cam chịu, như muốn thách thức số phận của Hồ Xuân Hương.</p> <p>d. Hai câu kết:</p> <p>* Phân tích : Ngôn ngữ đời thường giản dị, tự nhiên; lặp từ; nghệ thuật tăng tiến.</p> <p>* Làm rõ : Tâm trạng chán chường, buồn tủi mà cháy bỏng khát vọng hạnh phúc – cũng là nỗi lòng của người phụ nữ trong xã hội phong kiến xưa.</p> <p>e. Nghệ thuật cả bài thơ : Sử dụng từ ngữ độc đáo, sắc nhọn; tả cảnh ngụ tình; phép đối, đảo; đưa ngôn ngữ đời thường vào thơ.</p> <p>III. Kết bài:</p> <p>Kết luận về nội dung, nghệ thuật và nêu ý</p>
--	---

--	--

5. MỞ RỘNG VÀ SÁNG TẠO

Hoạt động của GV - HS	Kiến thức cần đạt
<p>- B1: GV giao nhiệm vụ:</p> <p>1. Phân tích đề, lập dàn ý cho đề bài: Vẽ đẹp bài thơ <i>Từ ấy</i> của Tố Hữu.</p> <p>2. Tóm tắt cấu trúc dàn ý nghị luận về một bài thơ, đoạn thơ.</p> <p>- B2: HS thực hiện nhiệm vụ:</p> <p>- B3: HS báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ:</p> <p>- B4: GV nhận xét, chốt kiến thức</p>	<p>1. Biết cách tìm hiểu đề và lập dàn ý. Trọng tâm là vẽ đẹp nội dung và vẽ đẹp nghệ thuật của bài thơ;</p> <p>2. Cấu trúc 3 phần</p>

.....

.....

.....

Tuần

Ngày soạn:

Tiết 18-19

Ngày duyệt:.....

TÂY TIẾN

(Quang Dũng)

A. VẤN ĐỀ CẦN GIẢI QUYẾT

I. Tên bài học : Tây Tiến

II. Hình thức dạy học : DH trên lớp.

III. Chuẩn bị của giáo viên và học sinh

1. Giáo viên:

- Phương tiện, thiết bị:
- + SGK, SGV, Tư liệu Ngữ Văn 11, thiết kế bài học.
- + Máy tính, máy chiếu, loa...
- PPDH: Phát vấn, thuyết trình, nêu vấn đề, thảo luận nhóm, trò chơi

B. NỘI DUNG BÀI HỌC

Tây Tiến

C. MỤC TIÊU BÀI HỌC

I. Kiến thức :

- a/ Nhận biết: Nêu thông tin về tác giả, sự nghiệp sáng tác
- b/ Thông hiểu: Lý giải được mối quan hệ/ ảnh hưởng của hoàn cảnh lịch sử với cuộc đời và sự nghiệp sáng tác của tác giả
- c/ Vận dụng thấp: Phân tích được nội dung nghệ thuật của bài thơ
- d/ Vận dụng cao: So sánh nét tương đồng và dị biệt giữa các chi tiết, hình ảnh thơ trong các đoạn thơ cùng chủ đề.

II. Kỹ năng :

- a/ Biết làm: bài nghị luận về một đoạn thơ, bài thơ Tây Tiến
- b/ Thông thạo: đọc diễn cảm, cảm nhận một tác phẩm trữ tình

III. Thái độ :

- a/ Hình thành thói quen: đọc hiểu văn bản trữ tình
- b/ Hình thành tính cách: tự tin khi trình bày kiến thức về tác giả, tác phẩm văn học
- c/ Hình thành nhân cách: có tinh thần cảm phục, ngưỡng mộ người lính; ý thức trách nhiệm công dân trong công cuộc xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

IV. Những năng lực cụ thể học sinh cần phát triển:

- + Năng lực thu thập thông tin liên quan đến văn bản.
- + Năng lực giải quyết những tình huống đặt ra trong văn bản.
- + Năng lực đọc – hiểu thơ hiện đại Việt Nam theo đặc điểm thể loại.
- + Năng lực trình bày suy nghĩ, cảm nhận của cá nhân về ý nghĩa của văn bản.
- + Năng lực hợp tác khi trao đổi, thảo luận về nội dung và nghệ thuật của văn bản.

D. TIẾN TRÌNH TỔ CHỨC BÀI HỌC

1. KHỞI ĐỘNG (5 phút)

<i>Hoạt động của Thầy và trò</i>	<i>Nội dung cần đạt</i>
<ul style="list-style-type: none">- B1: GV giao nhiệm vụ: GV hướng dẫn học sinh tìm hiểu về tác giả, tác phẩm Tây Tiến bằng cách cho HS:<ul style="list-style-type: none">- Xem chân dung Quang Dũng- Xem một đoạn bài hát Tây Tiến (nhạc Phạm Duy), bài hát Đồng chí (thơ Chính Hữu)- B2: HS thực hiện nhiệm vụ:- B3: HS báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ:- B4: GV nhận xét, chốt kiến thức từ đó, giáo viên giới thiệu <i>Vào bài:</i> Thơ kháng chiến chống Pháp 1946-1954 đã để lại	<ul style="list-style-type: none">- HS quan sát tranh- Nghe bài hát

Ngữ văn 12

người lính. Bên cạnh bài Đồng chí của nhà thơ Chính Hữu mà các em đã học trong chương trình Ngữ văn 9, ta thấy còn có một bài thơ rất thành công với cảm hứng lãng mạn và tinh thần bi tráng. Đó là bài thơ *Tây tiến* của Quang Dũng. Để thấy rõ hơn những điều đó, chúng ta cùng nhau tìm hiểu bài học hôm nay.

2. HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

Hoạt động của GV - HS	Kiến thức cần đạt
1. GV hướng dẫn HS tìm hiểu chung về tác giả và tác phẩm (10 phút).	
<p>* Thao tác 1: GV hướng dẫn tìm hiểu tác giả</p> <ul style="list-style-type: none"> - B1: GV chuyển giao nhiệm vụ: Dựa vào phần tiểu dẫn, hãy nêu những nét khái quát về nhà thơ Quang Dũng và bài thơ <i>Tây Tiến</i>? - B2: HS thực hiện nhiệm vụ - B3: HS báo cáo sản phẩm - B4: GV nhận xét, chốt kiến thức <p>* Thao tác 2: GV hướng dẫn tìm hiểu chung về văn bản</p> <ul style="list-style-type: none"> - B1: GV chuyển giao nhiệm vụ (HS làm việc cá nhân) <i>Nêu HCST bài thơ</i> <i>Đặc điểm binh đoàn TT</i> <i>Đọc bài thơ chú ý âm hưởng, sắc thái tình cảm, cảm xúc từng đoạn.</i> <i>Phân chia bố cục bài thơ</i> - B2: HS thực hiện nhiệm vụ - B3: HS báo cáo sản phẩm <i>Đặc điểm đoàn quân Tây Tiến :</i> - Thành lập năm 1947, Quang Dũng là đại đội trưởng. - Nhiệm vụ : Phối hợp với bộ đội Lào bảo vệ biên giới Việt – Lào. - Địa bàn : Đồi núi Tây Bắc Bộ Việt Nam và Thượng Lào. - Thành phần : Sinh viên, học sinh, dân lao động thành thị thuộc mọi ngành 	<p>I. Tìm hiểu chung:</p> <p>1. Tác giả:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tên thật : Bùi Đình Diệm (1921 – 1988). - Quê hương: Phượng Trì - Đan Phượng – Hà Tây. - Cuộc đời : + Là người đa tài: Làm thơ, viết văn, vẽ tranh ... + Được biết nhiều với tư cách là nhà thơ. + Phong cách sáng tác: vừa hồn nhiên vừa tinh tế, lãng mạn và hào hoa. - Sáng tác chính: <i>Mây đầu ô</i> (1968), <i>Thơ văn Quang Dũng</i> (1988) <p>2. Văn bản:</p> <p>a. <u>Hoàn cảnh sáng tác</u></p> <p>tác :</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trích tác phẩm “<i>Mây đầu ô</i>”. - Viết vào năm 1948 ở Phù Lưu Chanh (Hà Tây), khi Ông đã chuyển sang đơn vị khác và nhớ về đơn vị cũ là đoàn quân Tây Tiến. - Đặc điểm đoàn quân Tây Tiến <p>b. <u>Bố cục</u></p> <p>:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Phần 1: ☑ Nhớ con đường hành quân trên cái nền thiên nhiên Tây Bắc hùng vĩ. - Phần 2: ☑ Nhớ kỉ niệm âm áp

<p>nghề khác nhau.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Điều kiện sống :Gian khổ, thiếu thốn. -Tinh thần: Hào hùng, lãng mạn – lạc quan, yêu đời. - B4: GV nhận xét, chốt kiến thức GV nói thêm về số phận bài thơ 	
<p>2. GV hướng dẫn HS đọc đoạn 1 (15 phút)</p>	
<p>* GV Hướng dẫn HS tìm hiểu 2 câu đầu</p> <ul style="list-style-type: none"> - B1: GV chuyển giao nhiệm vụ <i>Hai câu thơ mở đầu đã mở ra tâm trạng gì của tác giả</i> <i>Những đối tượng nào được tác giả hướng đến</i> <i>Nhận xét về cách dung từ “ chơi vơi”</i> - B2: HS thực hiện nhiệm vụ - B3: HS báo cáo sản phẩm - B4: GV nhận xét, chốt kiến thức <p>* GV hướng dẫn HS tìm hiểu bức tranh thiên nhiên Tây Bắc</p> <ul style="list-style-type: none"> - B1:GV chuyển giao nhiệm vụ Đọc đoạn 1 của bài thơ và nêu câu hỏi: <i>Bức tranh thiên nhiên và hình ảnh đoàn quân Tây Tiến hiện ra như thế nào ở đoạn mở đầu?</i> - Cho HS trao đổi nhóm, trình bày - B2: HS thực hiện nhiệm vụ - B3: HS báo cáo sản phẩm - B4: GV theo dõi HS trả lời, định hướng tiếp cận và khắc sâu kiến thức - Gọi mở cho HS phân tích làm rõ giá 	<p>II. Đọc–hiểu:</p> <p>1. <u>Đoạn 1</u> : Nỗi nhớ về những chặng đường hành quân của bộ đội Tây Tiến và khung cảnh núi rừng miền Tây.</p> <p>a. <u>Haicâuthomởđầu</u>:</p> <p>“ Sông Mã xa rồi Tây Tiến ơi! Nhớ về rừng núi nhớ chơi vơi...”</p> <ul style="list-style-type: none"> - Hình ảnh “Sông Mã” như gợi thức nỗi nhớ ủa về trong tâm hồn nhà thơ. - Nhớ “Chơi vơi” (2 thanh bằng, nhẹ, lan toả, không hình không khối) <p>b. <u>Bức tranh thiên nhiên miền Tây vừa hùng vĩ, hiểm trở , hoang vu, nghiệt ngã vàđôcđáothúvì</u>:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Cảnh vật hiện ra hùng vĩ, hiểm trở (Mở ra trong nhiều chiều không gian, thời gian) + Nhiều tên đất lạ lẫm, gọi 1 vùng xa xôi, hẻo lánh: + Nhiều đèo dốc hiểm trở: “ <i>Đốc mưa xa khơi...</i>” => Sử dụng từ láy giàu chất tạo hình, gợi tả, gợi cảm, những câu thơ toàn thanh trắc ...=> Một bức tranh hoành tráng với tất cả sự hiểm trở và dữ dội, hoang vu và heo hút của núi rừng miền Tây + Nhiều vẻ hoang dại, bí ẩn, khắc nghiệt: Với mưa rừng, “Sương lấp đoàn quân mỏi”, “Thác gầm thét”, “Cọp kêu người.” - <u>Hình ảnh đoàn quân Tây Tiến trong đoạnthơ</u> :

<p><i>Gọi tả mặt dốc lời lồm, nhấp nhô, khúc khuỷu, càng lên cao càng dựng đứng hun hút, thăm thẳm như lên đến đỉnh trời, chót vót chênh vênh giữa mây trời, như sắp chạm đến đỉnh trời!-> Gọi bao nỗi vất vả nhọc nhằn nhưng cũng không kém phần thú vị, tinh nghịch)</i></p> <p>(Tác giả tả thực về sự hi sinh mất mát: Gọi cảm giác cái chết như lặn vào bức tranh chung của những gian khổ nhọc nhằn. Người chiến sĩ như đột ngột dừng chân trong cuộc hành trình của đơn vị. Câu thơ gọi một kí ức buồn trên những chặng đường hành quân của bộ đội TT)</p>	<p>+ Đó là những chiến sĩ anh hùng bất khuất không quản ngại vượt qua bao chặng đường gian khổ , bao nhiêu hi sinh mất mát lớn lao:</p> <p>“ Anh bạn dãi dầu không bước nữa Gục lên súng mũ bỏ quên đời...”</p> <p>=> Nổi bật chất bi tráng</p> <p>+ Nhưng đó còn là những chàng trai hào hoa lãng mạn tinh nghịch với bao hăm hở khám phá, chinh phục.</p> <p>- Hai câu kết đoạn thơ : “ Nhớ ôi...nếp xôi”=> Gọi không khí đầm ấm tình quân dân, như xua đi bao mệt mỏi của cuộc hành trình,tạo cảm giác êm dịu, ấm áp, chuẩn bị tâm thế cho đoạn sau</p>
--	--

3: Gv hướng dẫn HS đọc hiểu đoạn 2 (15 PHÚT)

<p>* Thao tác 1 :</p> <p>-Hướng dẫn HS tiếp cận và cảm thụ 4 câu đầu</p> <p>- B1: GV chuyển giao nhiệm vụ</p> <p><i>Đoạn thơ thứ 2 mở ra một thế giới thiên nhiên và con người khác với đoạn 1. Hãy phân tích làm rõ?</i></p> <p>- Cho HS thảo luận nhóm, gọi đại diện trả lời.</p> <p>- B2: HS thực hiện nhiệm vụ</p> <p>Hs thảo luận nhóm, ghi lại kết quả vào phiếu học tập</p> <p>- B3: HS báo cáo sản phẩm.Lớp theo dõi, đàm thoại</p> <p>- B4: GV nhận xét, chốt kiến thức</p> <p>GV: Những cô gái Thái: dáng điệu e ấp, tình tứ trong bộ xiêm áo uốn lượn  như cô dâu trong tiệc cưới, là nhân vật trung tâm, là linh hồn của đêm văn nghệ.</p> <p>- Những người lính:</p> <p>+ <i>Kìa em:</i> ngỡ ngàng, ngạc nhiên cả sự hân hoan, vui sướng trước vẻ đẹp của</p>	<p>2. Đoạn 2:Nhớ về tình kỉ niệm quân dân:</p> <p>* 4 câu đầu: Gọi nhớ lại đêm liên hoan văn nghệ của đơn vị.</p> <p>- “ <i>bừng</i>”: bừng tỉnh, bừng sáng: cả doanh trại bừng dậy, qua rồi cuộc sống gian khổ. Đó còn là sự bừng sáng của tâm hồn.</p> <p>- "<i>hội đuốc hoa</i>":</p> <p> đêm liên hoan văn nghệ như một ngày hội.</p> <p> đuốc hoa :hoa chúc (T.Hán) :tiệc cưới Đêm liên hoan văn nghệ qua cái nhìn trẻ trung, tinh nghịch, yêu đời của người lính như một tiệc cưới.</p> <p>- Những cô gái Thái:</p> <p>- Những người lính:</p> <p>=> Bằng những nét bút mềm mại, tinh tế,</p>
---	---

<p>cô gái Tây Bắc</p> <p>+ Say mê âm nhạc với vũ điệu mang màu sắc của xứ lạ  Tâm hồn lãng mạn dễ kích thích, hấp dẫn.</p> <p>* Thao tác 2: GV hướng dẫn tìm hiểu 4 câu sau</p> <p>- B1: GV chuyên giao nhiệm vụ (Thảo luận nhóm)</p> <p><i>Nhận xét về hình ảnh thiên nhiên và con người được tác giả miêu tả trong 4 câu sau</i></p> <p><i>Nhận xét về nghệ thuật? Tác dụng?</i></p> <p>- B2: HS thực hiện nhiệm vụ</p> <p>Hs thảo luận nhóm, ghi lại kết quả vào phiếu học tập</p> <p>- B3: HS báo cáo sản phẩm. Lớp theo dõi, đàm thoại</p> <p>- B4: GV nhận xét, chốt kiến thức</p>	<p>tung bừng, nhộn nhịp có ánh sáng, màu sắc. Gọi nét lãng mạn, tình quân dân thấm thiết.</p> <p>* 4 câu sau:</p> <p>- Dòng sông đậm màu sắc cổ tích, huyền thoại nổi bật lên dáng hình mềm mại của cô gái Thái trên chiếc thuyền độc mộc. Và như hoà hợp với con người, những bông hoa rừng cũng "đong đưa" làm duyên trên dòng nước lũ.</p> <p>- Nghệ thuật: lấy vấp dòng  câu thơ trở nên mềm mại, uyển chuyển, níu kéo nhau.</p> <p> Thiên nhiên và con người như hoà vào nhau tạo thành bức tranh hữu tình.</p> <p>* Tóm lại: Bốn câu thơ đầu ngân nga như tiếng hát, như nhạc điệu cất lên từ tâm hồn ngây ngất, say mê của những người lính. Trong đoạn thơ sau, chất thơ và chất nhạc hoà quyện với nhau đến mức khó tách biệt.</p> <p>HẾT TIẾT I</p>
<p>4. GV hướng dẫn tìm hiểu đoạn 3 (20 PHÚT)</p>	
<p>- B1: GV chuyên giao nhiệm vụ</p> <p>- Nêu vấn đề cho HS thảo luận : (Câu hỏi 4 SGK).</p> <p>* Nhóm 1,3: Bốn câu đầu</p> <p><i>-Hình ảnh đối lập quân xanh màu lá dữ oai hùm cho người đọc thấy phẩm chất gì của người lính Tây Tiến?</i></p> <p><i>- Hai câu thơ Mắt trừngkiêu thom</i></p> <p><i>cần được hiểu như thế nào? Vì sao có thời người ta phê phán ý thơ này, cho là buồn rớt, mộng rớt hoặc cường điệu thiếu tự nhiên?</i></p> <p>* Nhóm 2,4:</p> <p>HS theo dõi đoạn</p>	<p>3. <u>Chân dung người lính Tây Tiến</u></p> <p>Tiến: a/ 4 câu đầu:</p> <p>- Bên ngoài: có vẻ kì dị, lạ thường: không mọc tóc, da xanh màu lá  chiến trường khắc nghiệt vì thiếu thốn, vì bệnh sốt rét</p> <p>đang hoành hành.=>GIAN KHỔ.</p> <p>- Bên trong: dữ oai hùm, mắt trừng thậm xưng thể hiện sự dũng mãnh. Bên ngoài thì lạ thường nhưng bên trong không hề yếu đuối, vẫn oai phong凛冽 ở tư thế “ dữ oai hùm”=>Ý CHÍ.</p> <p>- Người lính Tây Tiến là những chàng trai lãng mạn, hào hoa với trái tim rạo rực, khao khát yêu đương: gởi mộng, mắt trừng=>LÃNG MẠN.</p>

-Hình ảnh những nắm mồ lính nằm rải rác nơi biên cương gợi cho em suy nghĩ gì?

-Hai câu thơ:Áo bào ... độc hành

mang lại ấn tượng gì cho người đọc?

Hình ảnh dòng sông Mã ở đây có gì khác với hình ảnh dòng sông Mã ở câu đầu bài thơ?

- B2: HS thực hiện nhiệm vụ.Hs thảo luận nhóm, ghi lại kết quả vào phiếu học tập

- B3: HS báo cáo sản phẩm

Gọi đại diện 2 nhóm trả lời, các nhóm khác theo dõi góp ý nhận xét

Lớp theo dõi, đàm thoại

*** Nhóm 1,3:**

- Hình ảnh đối lập giữa vật chất và tinh thần, bên ngoài và bên trong cho ta thấy một mặt tình trạng sức khỏe tồi tệ của lính Tây Tiến vì sốt rét, vì thiếu đói, mặt khác càng cho thấy phẩm chất tinh thần phi thường của họ. Cách nói thậm xưng *dữ oai hùng* có phần cường điệu nhưng lại rất phù hợp với cảm hứng lãng mạn ngợi ca, phi thường hoá nhân vật trữ tình của tác giả.

-2 câu thơ tiếp theo tả tâm trạng của người lính Tây Tiến trong những đêm xa nhà, xa quê, xa nước trên đất bạn Lào. Trong giấc mơ, trong nỗi nhớ của những chàng trai thủ đô đầy mơ mộng, đa tình thì chuyện gửi mộng qua biên giới, chuyên mơ về một bóng hồng (kiều thơm) Hà Nội quê xa, cũng chẳng có gì lạ.

- Mất trùng là cách nói cường điệu của bút pháp lãng mạn để chỉ tâm trạng bồn chồn, trăn trọc, khó ngủ vì nhớ quê, nhớ nhà, nhớ Hà Nội, nhớ người

thương của họ.

- là tâm trạng chân thật của người lính xa nhà. Họ nghĩ và mộng lung, quay

Ngũ văn 12

người lính vẫn sống, vẫn tồn tại trong
đạn bom khắc nghiệt.

Mã.

* Cả đoạn thơ là cảm hứng bi tráng về
cuộc đời chiến đấu gian khổ, tư tưởng lạc
quan và sự hi sinh gian khổ, anh dũng

b/ 4 câu

sau:

- “ *Chiến trường....đời xanh*”: thái độ dứt
khoát ra đi với tất cả ý thức trách nhiệm,
không tính toán. Sẵn sàng hiến dâng tuổi
thanh xuân cho đất
nước

- “ *mồ viễn xứ*”, “ *áo bào thay chiếu*”: từ
Hán Việt: nắm mồ của người chiến sĩ trở
thành mộ chí tôn nghiêm.

“áo bào”: cái chết sang
trọng.

- Cái bi nâng lên thành hùng tráng bởi lí
tưởng của người nằm xuống. Cái chết
bi hùng, có bi nhưng không lụy.

- Sông Mã: gợi điển tích Kinh
Khá  khí khái của người lính. Cái
chết đậm chất sử

thi bi hùng bởi tiếng gầm của sông

<p>quất nhớ như vậy nhưng không hề nản chí, để rồi sáng ngày mai lại tiếp tục lao vào trận mới, sẵn sàng đón nhận hi sinh, chẳng hề tiếc tuổi thanh xuân (đời xanh) của mình.</p> <p>* Nhóm 2,4:</p> <p>-Hình ảnh những năm mồ lính nằm rải rác dọc biên giới hai nước cho thấy sự hi sinh thầm lặng và to lớn như thể nào của các tình nguyện quân Việt Nam vì độc lập, tự do của đất nước Lào.</p> <p>-Hai câu thơ cuối, bằng bút pháp lãng mạn, bằng cảm hứng bi tráng đã dựng lại cái chết, sự hi sinh oanh liệt của các chiến sĩ Tây Tiến. Hình ảnh áo bào thay chiếu cũng gần gũi với hình ảnh điển tích da ngựa bọc thây nhưng lại nói lên sự thật đau lòng. Người lính ra đi trong hoàn cảnh chiến trường khắc nghiệt, thiếu thốn đến mức không có nổi một cỗ quan tài, một tấm chăn, manh chiếu bọc thi hài. Lúc sống mặc như thế nào thì lúc anh về đất dành vên nguyên quần áo ấy mà chôn.</p> <p>- B4: GV nhận xét, chốt kiến</p>	<p>của người lính.</p>
<p>5.TÌM HIỂU ĐOẠN CUỐI VÀ TỔNG KẾT (15 PHÚT)</p>	
<p>* Thao tác 1 :</p> <p>-Hướng dẫn Hs đọc, cảm nhận đoạn kết</p> <p>- B1: GV chuyển giao nhiệm vụ</p> <p>Nêu câu hỏi 5, yêu cầu HS suy nghĩ , trả lời (HS làm việc cá nhân)</p> <p>? <i>Nhận xét âm điệu của 4 câu thơ cuối? nội dung ?</i></p> <p>? <i>Cảm xúc của tác giả bộc lộ như thế nào qua bốn câu thơ cuối ?</i></p> <p>?<i>Tình cảm của tác giả như thế nào?</i></p> <p><i>“Ai lên...về xuôi”:</i> Kỷ niệm không thể</p>	<p>4. Đoạn 4: Lời thề gắn bó với Tây Tiến và đồng đội:</p> <p>- “Ai lên Tây Tiến <u>mùa xuân ấy</u> ...”=>thời điểm mơ mộng hào hùng một đi không trở lại.</p> <p>- Câu kết “ Hồn về Sầm Nứa chẳng về xuôi” thể hiện tinh thần “ một đi không trở lại” => Gọi không khí một thời đại ra đi kháng chiến “thà chết chứ lui” của tuổi trẻ VN trong cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc,</p>

<p>nào quên.</p> <ul style="list-style-type: none"> - B2: HS thực hiện nhiệm vụ - B3: HS báo cáo sản phẩm <p>-Bài thơ kết thúc bằng 4 câu thơ nói lời nhắn gửi mà như lời thề son sắt. Lời thề của những người lính Tây Tiến sau khi đã hoàn thành nhiệm vụ, trở về đất nước quê hương; thề với những đồng đội đã hi sinh trên đất bạn, thề với lòng mình, với quá khứ hào hùng.</p> <p>-Cách nói <i>người đi không hẹn ước, hồn về Sầm Nưa chẳng về xuôi, mùa xuân chia phôi thăm thẳm, "lên Tây Tiến..."</i> chính là thể hiện tâm trạng buồn thương, luyến nhớ, băng khuâng khi nghĩ về một khoảng thời gian ăm ắp kỉ niệm, về những địa danh, về cuộc hành quân tiến về phía Tây lịch sử... giờ đây và mãi mãi suốt đời không thể nào quên.</p> <ul style="list-style-type: none"> - B4: GV nhận xét, chốt kiến thức <p>* Thao tác 2 :</p> <ul style="list-style-type: none"> - Hướng dẫn HS tổng kết dựa theo phần ghi nhớ trong SGK HS làm việc cá nhân , trả lời HS suy nghĩ trả lời HS ghi phần ghi nhớ vào vở 	<p>III. Tổng kết:</p> <p>1/ Nghệ thuật:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Cảm hứng và bút pháp lãng mạn. - Cách sử dụng ngôn từ đặc sắc: các từ chỉ địa danh, từ tượng hình, từ Hán Việt,... - Kết hợp chất hợp và chất họa. <p>2) Ý nghĩa văn bản :</p> <p>Bài thơ đã khắc họa thành công hình tượng người lính Tây Tiến trên nền cảnh núi rừng miền Tây hùng vĩ, dữ dội. Hình tượng người lính Tây Tiến mang vẻ đẹp lãng mạn, đậm chất bi tráng sẽ luôn đồng hành trong trái tim và trí óc mỗi chúng ta.</p>
--	---

3.LUYỆN TẬP

Hoạt động của GV - HS	Kiến thức cần đạt
<p>-B1: GV giao nhiệm vụ:</p> <p><u>Câu hỏi 1:</u> Câu thơ : “Dốc lên khúc khuỷu dốc thăm thẳm“ ngắt nhịp thế nào là phù hợp nhất với ý thơ?</p> <p>a. Nhịp 4/1/2</p>	<p>b. Nhịp 2/2/1/2</p>

<p>b. Nhịp 2/2/1/2 c. Nhịp 2/2/3 d. Nhịp 4/3</p> <p><u>Câu hỏi 2:</u> Hai câu thơ “ Mất trùng gửi mộng qua biên giới/<i>Đêm mơ Hà Nội dáng kiều thơm</i>”</p> <p>a. Chí khí của người lính Tây Tiến b. Đời sống tình cảm của lính Tây Tiến c. Cái chí và cái tình của người lính d. Lòng căm thù quân giặc và nỗi buồn nhớ về Hà Nội</p> <p><u>Câu hỏi 3:</u> Dòng nào chưa nói đúng về nội dung chính ở đoạn thơ thứ 3 của bài Tây Tiến ?</p> <p>a. Ngoại hình và đời sống nội tâm của người lính b. Cái tình và cái chí của người lính c. Sự giằng xé giữa lí tưởng cao đẹp và tình cảm sâu nặng của người lính d. Sự hi sinh kiêu hùng của người lính</p> <p><u>Câu hỏi 4:</u> Dòng nào không đúng nói về nội dung bốn câu thơ cuối đoạn ba của bài thơ Tây Tiến ?</p> <p>a. Nói về cái cốt cách đa tình của người lính Tây Tiến b. Thể hiện lí tưởng sống cao đẹp của người lính c. Diễn tả sự hi sinh cao cả , lẫm liệt của người lính d. Khẳng định sự bất tử của người lính đã hi sinh.</p> <p>- B2: HS thực hiện nhiệm vụ: - B3: HS báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ: - B4: Gv nhận xét, chốt kiến thức</p>	<p>c. Cái chí và cái tình của người lính</p> <p>c. Sự giằng xé giữa lí tưởng cao đẹp và tình cảm sâu nặng của người lính</p> <p>a. Nói về cái cốt cách đa tình của người lính Tây Tiến</p>
--	--

4.VẬN DỤNG

Hoạt động của GV - HS	Kiến thức cần đạt
<p>- B1: GV giao nhiệm vụ: <i>“Doanh trại bừng lên hội đuốc hoa, Kìa em xiêm áo tự bao giờ Khèn lên man điệu nàng e ấp Nhạc về Viên Chăn xây hồn thơ</i></p> <p><i>Người đi Châu Mộc chiều sương ấy</i></p>	<p>1. Đoạn thơ trên thể hiện tâm trạng của tác giả : đó là nỗi nhớ những kỉ niệm về tình quân dân trong đêm liên hoan văn nghệ và cảnh sông nước miền Tây thơ mộng.</p> <p>2/ Các từ “<i>xiêm áo</i>”, “<i>khèn</i>”, “<i>man điệu</i>”, “<i>e ấp</i>” có vai trò trong việc thể hiện những hình ảnh về đẹp văn hoá miền núi và tâm trạng người lính Tây Tiến :</p>

<p><i>Có thấy hồn lau nẻo bến bờ</i> <i>Có nhớ dáng người trên độc mộc</i> <i>Trôi dòng nước lũ hoa đong đưa”.</i></p> <p>Đọc đoạn thơ trên và thực hiện các yêu cầu sau:</p> <p>1. Đoạn thơ trên thể hiện tâm trạng gì của tác giả?</p> <p>2. Các từ “<i>xiêm áo</i>”, “<i>khèn</i>”, “<i>man điệu</i>”, “<i>e ấp</i>” có vai trò gì trong việc thể hiện những hình ảnh về đẹp văn hoá miền núi và tâm trạng người lính Tây Tiến?</p> <p>3. Câu thơ <i>Trôi dòng nước lũ hoa đong đưa</i> được sử dụng nghệ thuật gì? Nêu hiệu quả nghệ thuật của biện pháp tu từ đó.</p> <p>- B2: HS thực hiện nhiệm vụ:</p> <p>- B3: HS báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ:</p> <p>- B4: GV nhận xét, chốt kiến thức</p>	<p>nhất là văn hoá miền núi. Đó là vẻ đẹp của các cô gái Tây Bắc trong trang phục lạ: <i>xiêm áo</i>, vừa e thẹn, vừa tình tứ trong một vũ điệu lạ: <i>man điệu</i>, nhạc cụ lạ : <i>khèn</i>, dáng điệu lạ: <i>e ấp</i>.</p> <p>b/ Tâm trạng người lính: vừa ngạc nhiên, vừa đắm say trong tiếng khèn, điệu múa. Tâm hồn các anh vẫn phơi phới niềm lạc quan yêu đời, đầy ắp niềm vui và mộng mơ, quên đi bao nỗi nhọc nhằn, gian khổ.</p> <p>3/ Câu thơ <i>Trôi dòng nước lũ hoa đong đưa</i> được sử dụng nghệ thuật đối lập. Hiệu quả nghệ thuật của biện pháp tu từ : gợi vẻ đẹp hoang sơ, vừa dữ dội, vừa thơ mộng của núi rừng, đồng thời thể hiện bút pháp “<i>thi trung hữu hoạ</i>” (trong thơ có hoạ) của Qung Dũng.</p>
--	--

5. MỞ RỘNG VÀ SÁNG TẠO

Hoạt động của GV - HS	Kiến thức cần đạt
<p>- B1: GV giao nhiệm vụ:</p> <p>1. <i>Vẽ bản đồ tư duy bài thơ Tây Tiến.</i></p> <p>2. <i>Phác hoạ bằng hình ảnh đoàn quân Tây Tiến</i></p> <p>- B2: HS thực hiện nhiệm vụ:</p> <p>- B3: HS báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ:</p> <p>- B4: GV nhận xét, chốt kiến thức</p>	<p>1. Sử dụng phần mềm Imindmap để vẽ</p> <p>2. Vẽ hình ảnh</p>

Ngữ văn 12
Ngày soạn:

Ngày kí:.....

NGHỊ LUẬN VỀ MỘT Ý KIẾN BÀN VỀ VĂN HỌC

A. VẤN ĐỀ CẦN GIẢI QUYẾT

I. Tên bài học : nghị luận về một ý kiến bàn về văn học

II. Hình thức dạy học : DH trên lớp.

III. Chuẩn bị của giáo viên và học sinh

1. Giáo viên:

- Phương tiện, thiết bị:
- + SGK, SGV, Tư liệu Ngữ Văn 11, thiết kế bài học.
- + Máy tính, máy chiếu, loa...
- PPDH: Phát vấn, thuyết trình, nêu vấn đề, thảo luận nhóm, trò chơi

2. Học sinh: Sách giáo khoa, bài soạn.

B. NỘI DUNG BÀI HỌC

Nghị luận về một ý kiến bàn về văn học

C. MỤC TIÊU BÀI HỌC

I. Kiến thức :

a/ Nhận biết: Nắm được khái niệm kiểu bài văn nghị luận về một ý kiến bàn về văn học;

b/ Thông hiểu: Xác định đúng vấn đề cần nghị luận trong văn bản nghị luận về một ý kiến bàn về văn học

c/Vận dụng thấp: Xây dựng được dàn ý cho bài văn nghị luận về một ý kiến bàn về văn học

d/Vận dụng cao: Sử dụng đúng phong cách ngôn ngữ văn học, diễn đạt trôi chảy để tạo lập văn bản nghị luận về một ý kiến bàn về văn học

II. Kỹ năng :

a/ Biết làm: bài nghị luận về một ý kiến bàn về văn học

b/ Thông thạo: các bước phân tích đề, lập dàn ý bài nghị luận về một ý kiến bàn về văn học

III. Thái độ :

a/ Hình thành thói quen: phân tích đề, lập dàn ý bài nghị luận về một ý kiến bàn về văn học

b/ Hình thành tính cách: tự tin khi trình bày kiến thức về một ý kiến bàn về văn học

c/Hình thành nhân cách:

-Biết nhận thức được ý nghĩa của việc thực hiện các thao tác nghị luận trong bài văn nghị luận văn học

-Có ý thức tìm tòi về kiểu bài nghị luận văn học .

IV. Những năng lực cụ thể học sinh cần phát triển:

- Năng lực thu thập thông tin liên quan đến các kiểu bài nghị luận văn học

Ngữ văn 12

- Năng lực hợp tác khi trao đổi, thảo luận về các kiểu bài nghị luận văn học
- Năng lực phân tích, so sánh điểm giống nhau và khác nhau giữa các kiểu bài nghị luận văn học
- Năng lực tạo lập văn bản nghị luận văn học.

D. TIỀN TRÌNH TỔ CHỨC BÀI HỌC

1. KHỞI ĐỘNG (5 phút)

<i>Hoạt động của Thầy và trò</i>	<i>Nội dung cần đạt</i>
<p>- B1: GV giao nhiệm vụ: GV hướng dẫn học sinh tìm hiểu bài bằng cách so sánh 2 đề bài sau</p> <p>1. Đề bài: Cảm nhận của em về bài thơ Tây Tiến (Quang Dũng)</p> <p>2. Có ý kiến cho rằng thành công của bài thơ Tây Tiến là thể hiện cảm hứng lãng mạn. Hãy bình luận.</p> <p>- B2: HS thực hiện nhiệm vụ:</p> <p>- B3: HS báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ: đề 1: chủ yếu cảm nhận nội dung và nghệ thuật bài thơ. Đề 2: chủ yếu bình luận cảm hứng lãng mạn của bài thơ.</p> <p>- B4: GV nhận xét câu trả lời từ đó, giáo viên giới thiệu <i>Vào bài</i>: Như vậy, cùng ngữ liệu là bài thơ Tây Tiến nhưng yêu cầu của đề lại khác nhau nên cách làm bài cũng khác nhau. Với đề 2, chúng ta sẽ tìm hiểu dạng bài nghị luận về 1 ý kiến bàn về văn</p>	<p>Đề 1: chủ yếu cảm nhận nội dung và nghệ thuật bài thơ.</p> <p>Đề 2: chủ yếu bình luận cảm hứng lãng mạn của bài thơ.</p>

2. HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

Hoạt động của GV - HS	Kiến thức cần đạt
1. Hướng dẫn học sinh tìm hiểu đề và lập dàn ý (10 phút).	
<p>- B1: GV chuyển giao nhiệm vụ</p> <p>GV chia lớp thành 4 nhóm và tiến hành thảo luận các yêu cầu:</p> <p>+ Nhóm 1, 3 : Tìm hiểu đề 1 , lập dàn ý</p> <p>Đề 1: Nhà nghiên cứu Đặng Thai Mai cho rằng: “<i>Nhìn chung văn học Việt Nam phong phú, đa dạng; nhưng nếu cần xác định một chủ lưu, một dòng chính, quán thông kim cổ, thì đó là văn học yêu nước</i>”</p> <p>Hãy trình bày suy nghĩ của anh (chị) đối với ý kiến trên</p> <p>+ Nhóm 2, 4 : Tìm hiểu đề 2, lập dàn ý</p>	<p>I. Tìm hiểu đề - lập dàn ý:</p> <p>1. Đề 1:</p> <p>a. Tìm hiểu đề</p> <ul style="list-style-type: none">- Tìm hiểu nghĩa của các từ :<ul style="list-style-type: none">+ <i>Phong phú, đa dạng</i>:+ <i>Chủ lưu</i>:+ <i>Quán thông kim cổ</i>:- Tìm hiểu ý nghĩa của câu:

<p>“<i>Tuổi trẻ đọc sách như nhìn trăng qua kẽ, lớn tuổi đọc sách như ngắm trăng ngoài sân, tuổi già đọc sách như thưởng trăng trên đài.</i>”</p> <p>Anh (chị) hiểu ý kiến trên như thế nào?</p> <p>-B2: HS thực hiện nhiệm vụ</p> <p>- B3: HS báo cáo nhiệm vụ</p> <p>+ Nhóm 1, 3 : Tìm hiểu đề 1, lập dàn ý</p> <p>1. <i>Tìm hiểu đề:</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Tìm hiểu nghĩa của các từ : <ul style="list-style-type: none"> + <i>Phong phú, đa dạng:</i> có nhiều tác phẩm với nhiều hình thức thể loại khác nhau + <i>Chủ lưu:</i> dòng chính (bộ phận chính), khác với phụ lưu, chi lưu + <i>Quán thông kim cổ:</i> thông suốt từ xưa đến nay. - Tìm hiểu ý nghĩa của câu: <ul style="list-style-type: none"> + Văn học VN rất đa dạng, phong phú + Văn học yêu nước là chủ lưu - Thao tác: Giải thích, bình luận, chứng minh... - Phạm vi tư liệu: Các tác phẩm tiêu biểu có nội dung yêu nước của VHVN qua các thời kỳ. <p>2. <i>Lập dàn ý:</i></p> <ul style="list-style-type: none"> * Mở bài: Giới thiệu câu nói của Đặng Thai Mai * Thân bài: <ul style="list-style-type: none"> - Giải thích ý nghĩa của câu nói: <ul style="list-style-type: none"> + Văn học Việt Nam rất phong phú và đa dạng (Đa dạng về số lượng tác phẩm, đa dạng về thể loại, đa dạng về phong cách tác giả). + Văn học yêu nước là một chủ lưu, xuyên suốt. - Bình luận, chứng minh về ý nghĩa câu nói: <ul style="list-style-type: none"> + Đây là một ý kiến hoàn toàn đúng + Văn học yêu nước là chủ lưu xuyên suốt lịch sử VH 	<p>Việt Nam: Văn học trung đại ; Văn học cận – hiện đại.</p> <p>+</p> <p>N g u y ê n n h â n :</p> <ul style="list-style-type: none"> • Đời sống tư tưởng con người Việt Nam phong phú đa dạng • Do hoàn cảnh đặc biệt của lịch sử VN thường xuyên phải chiến đấu chống ngoại xâm để bảo vệ đất nước. <p>+ Nêu và phân tích một số dẫn chứng: <i>Nam quốc sơn hà, Cáo bình Ngô, Văn tế nghĩa sĩ Cần Giuộc, Tuyên ngôn độc lập ...</i></p> <p>* Kết bài: Khẳng định giá trị của ý kiến trên.</p>
---	--

Ngữ văn 12

- Thao tác: Giải thích, bình luận, chứng minh...
- Phạm vi tư liệu:

b. Lập dàn ý:

- * Mở bài:
- * Thân bài:
 - Giải thích ý nghĩa của câu nói:
 - Bình luận, chứng minh về ý nghĩa câu nói:
- * Kết bài: Khẳng định giá trị của ý kiến trên.

Ngữ văn 12

<ul style="list-style-type: none"> - Giúp đọc hiểu hoàn cảnh lịch sử và đặc điểm văn học dân tộc. - Biết ơn, khắc sâu công lao của cha ông trong cuộc đấu tranh bảo vệ đất nước. - Giữ gìn, yêu mến, học tập những tác phẩm văn học có nội dung yêu nước của mọi thời đại. 	
<p>Nhóm 2,4</p> <p>* Thể loại: Nghị luận (giải thích – bình luận) một ý kiến bàn về văn học.</p> <p>* Nội dung:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tìm hiểu nghĩa của các hình ảnh ẩn dụ trong ý kiến của Lâm Ngữ Đường. + <i>Tuổi trẻ đọc sách như nhìn trăng qua kẽ</i>: chỉ hiểu trong phạm vi hẹp + <i>Lớn tuổi đọc sách như ngắm trăng ngoài sân</i>: khi kinh nghiệm, vốn sống nhiều hơn theo thời gian thì tầm nhìn được mở rộng hơn khi đọc sách. + <i>Tuổi già đọc sách như thưởng trăng trên đài</i>: Theo thời gian, con người càng giàu vốn sống, kinh nghiệm và vốn văn hóa thì khả năng am hiểu khi đọc sách sâu hơn, rộng hơn. - Tìm hiểu nghĩa của câu nói: Càng lớn tuổi, có vốn sống, vốn văn hoá và kinh nghiệm... càng nhiều thì đọc sách càng hiệu quả hơn. <p>* Phạm vi tư liệu: Thực tế cuộc sống</p> <p>2. Lập dàn ý:</p> <p>* Mở bài: Giới thiệu ý kiến của Lâm Ngữ Đường.</p> <p>* Thân bài:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Giải thích hàm ý của ba hình ảnh so sánh ẩn dụ trong ý kiến của Lâm Ngữ Đường. <p>Khả năng tiếp nhận khi đọc sách (tác phẩm văn học) tùy thuộc vào điều kiện, trình độ, và năng lực chủ quan của người đọc.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Bình luận và chứng minh những khía cạnh đúng của vấn đề: + Đọc sách tùy thuộc vào vốn sống, vốn văn hóa, kinh nghiệm, tâm lý, của người đọc. - Bình luận và bổ sung những khía cạnh chưa đúng của vấn đề: + Không phải ai cũng trải cũng hiểu sâu sắc tác phẩm khi đọc. Ngược lại, có những người trẻ tuổi nhưng vẫn hiểu 	<p>2. Đề 2</p> <p>a. Tìm hiểu đề :</p> <p>* Thể loại:</p> <p>* Nội dung:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tìm hiểu nghĩa của các hình ảnh ẩn dụ trong ý kiến của Lâm Ngữ Đường. + <i>Tuổi trẻ đọc sách như nhìn trăng qua kẽ</i>: + <i>Lớn tuổi đọc sách như ngắm trăng ngoài sân</i>: + <i>Tuổi già đọc sách như thưởng trăng trên đài</i>: - Tìm hiểu nghĩa của câu nói: Càng lớn tuổi, có vốn sống, vốn văn hoá và kinh nghiệm... càng nhiều thì đọc sách càng hiệu quả hơn. <p>* Phạm vi tư liệu: Thực tế cuộc sống.</p> <p>b. Lập dàn ý:</p> <p>* Mở bài:</p> <p>* Thân bài:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Giải thích hàm ý của ba hình ảnh so sánh ẩn dụ trong ý kiến của Lâm Ngữ Đường. - Bình luận và chứng minh những khía cạnh đúng của vấn đề: - Bình luận và bổ sung những khía cạnh chưa đúng của vấn đề:

Ngữ văn 12

<p>sâu sắc tác phẩm (do tự nâng cao vốn sống, trình độ văn hóa, trình độ lý luận, ham học hỏi,...)</p> <p>+ Ví dụ: Những bài luận đạt giải cao của các học sinh giỏi về tác phẩm văn học (tự học, ham đọc, sưu tầm sách, nâng cao kiến thức).</p> <p>* Kết bài: Tác dụng, giá trị của ý kiến trên đối với người đọc:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Muốn đọc sách tốt, tự trang bị sự hiểu biết về nhiều mặt - Đọc sách phải biết suy ngẫm, tra cứu. <p>+ Ví dụ: Đọc <i>Truyện Kiều</i> của Nguyễn Du:</p> <ul style="list-style-type: none"> • Tuổi thanh niên: Có thể xem là câu chuyện về số phận đau khổ của con người. • Lớn hơn: Hiểu sâu hơn về giá trị hiện thực và nhân đạo của tác phẩm, hiểu được ý nghĩa xã hội to lớn của <i>Truyện Kiều</i> <p>*Người lớn tuổi: Cảm nhận thêm về ý nghĩa triết học của <i>Truyện Kiều</i>.</p> <p>- B4: GV nhận xét, chốt kiến thức</p>	
<h3>3. RÚT RA BÀI HỌC-LUYỆN TẬP (20 PHÚT)</h3>	
<p>* GV hướng dẫn rút ra bài học</p> <p>- B1: GV chuyển giao nhiệm vụ (HS làm việc cá nhân)</p> <p>Hướng dẫn học sinh tìm hiểu về đối tượng nghị luận về một ý kiến bàn về văn học và cách làm kiểu bài này.</p> <p>+ <i>Từ các đề bài và kết quả thảo luận trên, đối tượng của bài nghị luận về một ý kiến bàn về văn học là gì?</i></p> <p>+ <i>Theo em, đối với kiểu bài đó, cách làm như thế nào?</i></p> <p>- B2: HS thực hiện nhiệm vụ</p> <p>- B3: HS báo cáo sản phẩm</p> <p>1. Đối tượng của một bài nghị luận về một ý kiến bàn về văn học rất đa dạng: về văn học lịch sử, về lí luận văn học, về tác phẩm văn học...</p> <p>2. Cách làm: Tùy từng đề để vận dụng thao tác một cách hợp lí nhưng thường tập trung vào:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Giải thích + Chứng minh + Bình luận 	<p>II. Bài học:</p> <p>1. Đối tượng của một bài nghị luận về một ý kiến bàn về văn học rất đa dạng</p> <p>2. Cách làm: Tùy từng đề để vận dụng thao tác một cách hợp lí nhưng thường tập trung vào:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Giải thích + Chứng minh + Bình luận <p>III. Luyện tập: Bài tập</p>

Ngữ văn 12

<p><i>khí giới thanh cao và đặc lực mà chúng ta có, để vừa tố cáo và thay đổi một thế giới giả dối và tàn ác, vừa làm cho lòng người thêm trong sạch và phong phú hơn"</i></p> <p>- B2: HS thực hiện nhiệm vụ</p> <p>- B3: HS báo cáo sản phẩm</p> <p>1. <i>Tìm hiểu</i></p> <p>đề:</p> <p>a. Thể loại: Nghị luận (Giải thích, bình luận, chứng minh) một ý kiến bàn về một vấn đề văn học.</p> <p>b. Nội dung:</p> <p>+ Thạch Lam không tán thành quan điểm văn học thoát li thực tế: Thế giới dối trá và tàn ác</p> <p>+ Khẳng định giá trị cải tạo xã hội và giá trị giáo dục của văn học</p> <p>c. Phạm vi tư liệu:</p> <p>- Tác phẩm Thạch Lam</p> <p>- Những tác phẩm văn học tiêu biểu khác.</p> <p>2. <i>Lập dàn ý:</i></p> <p>a. Mở bài:</p> <p>- Giới thiệu tác giả Thạch Lam.</p> <p>- Trích dẫn ý kiến của Thạch Lam về chức năng của văn học.</p> <p>b. Thân bài:</p> <p>- Giải thích về ý nghĩa câu nói: Thạch Lam nêu lên chức năng to lớn và cao cả của văn học.</p> <p>- Bình luận và chứng minh ý kiến:</p> <p>+ Đó là một quan điểm rất đúng đắn về giá trị văn học:</p> <ul style="list-style-type: none"> • Trước CM Tháng Tám: quan điểm tiến bộ. • Ngày nay: vẫn còn nguyên giá trị. <p>+ Chọn và phân tích một số dẫn chứng (Truyện Kiều, Số đỏ, Chí Phèo, Hai đứa trẻ, Nhật ký trong tù...) để chứng minh 2 nội dung:</p> <ul style="list-style-type: none"> • Tác dụng cải tạo xã hội của văn học. • Tác dụng giáo dục con người của văn học 	<p>c : K ề t b à i : - Khẳng định sự đúng đắn và tiến bộ trong quan điểm sáng tác của Thạch Lam. - Nêu tác dụng của ý kiến trên đối với người đọc: + Hiểu và thẩm định đúng giá trị của tác phẩm văn học. + Trân trọng, yêu quý và giữ gìn những tác phẩm văn học tiến bộ của từng thời kỳ. - B4: GV nhậ n xét ' chố t kiế n thứ c</p>
--	---

Ngữ văn 12

- a. Thể loại: b.Nội dung:
c.Phạm vi tư liệu:

2. *Lập dàn ý:*

a. Mở bài:

- Giới thiệu tác giả Thạch Lam.
- Trích dẫn ý kiến của Thạch Lam về chức năng của văn học.

b.Thân bài:

- Giải thích về ý nghĩa câu nói:
- Bình luận và chứng minh ý kiến:

c: Kết bài:

3. LUYỆN TẬP

Hoạt động của GV - HS	Kiến thức cần đạt
<p>- B1: GV giao nhiệm vụ:</p> <p>Cho đề văn:</p> <p>Có ý kiến cho rằng: ”tâm hồn Nguyễn Trãi rất nhạy cảm, rất tinh tế. Ông nhìn ra cái đẹp ở những sự vật rất đỗi bình thường, từ đó làm nên những câu thơ hay, bất ngờ về cảnh vật quê hương”</p> <p>Anh chị hãy làm sáng tỏ ý kiến trên</p> <p>Sau đây là một số cách lập ý để triển khai đề bài trên. Anh chị thấy cách lập ý nào phù hợp nhất?</p> <p>a. Dàn ý 1</p> <p>1. Tâm hồn thơ Nguyễn Trãi rất nhạy cảm, tinh tế, luôn dạt dào cảm xúc trước những vẻ đẹp của thế giới xung quanh.</p> <p>2. Thi hứng của Nguyễn Trãi còn bắt nguồn từ những cái nhỏ nhặt bình dị, phát hiện ra cái đẹp ở những chỗ tưởng như bình thường</p> <p>3. Tâm hồn nhạy cảm tinh tế của Nguyễn Trãi đã làm nên những câu thơ hay lạ, bất ngờ về cảnh vật quê hương</p> <p>4. Những vần thơ hay, lạ bất ngờ về cảnh vật quê hương ấy càng cho ta hiểu sâu sắc hơn về đại thi hào dân tộc Nguyễn Trãi.</p> <p>b. Dàn ý 2</p> <p>1. Tâm hồn thơ Nguyễn Trãi rất nhạy cảm, rất tinh tế...</p> <p>a. Luôn dạt dào cảm xúc trước những vẻ đẹp, nét thơ mộng của thế giới xung quanh</p> <p>b. Đặc biệt thi hứng của Nguyễn Trãi còn bắt nguồn từ những cái nhỏ nhặt bình dị, phát hiện ra cái đẹp ở những chỗ tưởng như bình thường</p> <p>2. Tâm hồn nhạy cảm tinh tế của Nguyễn Trãi đã làm nên những câu thơ hay lạ, bất ngờ về cảnh vật quê hương</p> <p>3. Những vần thơ hay, lạ bất ngờ về cảnh vật quê hương ấy càng cho ta hiểu sâu sắc hơn về đại thi hào dân tộc Nguyễn Trãi</p>	<p>b. Dàn ý 2</p>

Ngữ văn 12
tế...

a. Luôn dạt dào cảm xúc trước những vẻ đẹp, nét

thơ mộng của thế giới xung quanh

b. Đặc biệt thi hứng của Nguyễn Trãi còn bắt nguồn từ những cái nhỏ nhặt bình dị, phát hiện ra cái đẹp ở những chỗ tưởng như bình thường

2. Những vần thơ hay, lạ bắt ngờ về cảnh vật quê hương ấy càng cho ta hiểu sâu sắc hơn về đại thi hào dân

tộc Nguyễn Trãi

3. Tâm hồn nhạy cảm tinh tế của Nguyễn Trãi đã làm nên những câu thơ hay lạ, bất ngờ về cảnh vật quê hương

d. **Dàn ý 4**

1. Thi hứng của Nguyễn Trãi còn bắt nguồn từ những cái nhỏ nhặt bình dị, phát hiện cái đẹp ở những chỗ tưởng như bình thường

2. Tâm hồn thơ Nguyễn Trãi rất nhạy cảm, rất tinh tế, luôn dạt dào cảm xúc trước những vẻ đẹp, nét thơ mộng của thế giới xung quanh

3. Tâm hồn nhạy cảm tinh tế của Nguyễn Trãi đã làm nên những câu thơ hay lạ, bất ngờ về cảnh vật quê hương

4. Những vần thơ hay, lạ bắt ngờ về cảnh vật quê hương

- B2: HS thực hiện nhiệm vụ:

- B3: HS báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ:

- B4: GV nhận xét, chốt kiến thức

4. VẬN DỤNG

Hoạt động của GV - HS	Kiến thức cần đạt
<p>- B1: GV giao nhiệm vụ:</p> <p>Bàn về lao động nghệ thuật của nhà văn, Mác-xen Pruxst cho rằng:</p> <p><i>“Một cuộc thám hiểm thực sự không phải ở chỗ cần một vùng đất mới mà cần một đôi mắt mới”.</i></p> <p>Anh (chị) hiểu ý kiến trên như thế nào? Bằng hiểu biết về bài thơ “Tây Tiến” của Quang Dũng, hãy làm rõ quan niệm nghệ thuật của Mác-xen Pruxst. 128</p> <p>- B2: HS thực hiện nhiệm vụ:</p>	

- HS báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ:	
- B4: GV nhận xét, chốt kiến thức	

	Nội dung
1	Giới thiệu được vấn đề nghị luận và bài thơ “Tây Tiến” của Quang Dũng.
2	<p>Giải thích ý kiến</p> <p>- Giải thích từ ngữ</p> <ul style="list-style-type: none"> + “<i>Cuộc thám hiểm thực sự</i>”: Quá trình lao động nghệ thuật nghiêm túc, gian khổ và đầy bản lĩnh của nhà văn để sáng tạo nên tác phẩm đích thực. + “<i>Vùng đất mới</i>”: Hiện thực đời sống chưa được khám phá (đề tài mới). + “<i>Đôi mắt mới</i>”: Cái nhìn, cách cảm thụ con người và đời sống mới mẻ. <p>→ Hàm ý câu nói: Trong quá trình sáng tạo nghệ thuật, điều cốt yếu là nhà văn phải có cái nhìn và cách cảm thụ độc đáo, giàu tính phát hiện về con người và đời sống.</p> <p>- Bàn luận</p> <ul style="list-style-type: none"> + Để tạo nên tác phẩm nghệ thuật đích thực, nhà văn phải có tài năng, tâm huyết, có bản lĩnh và phải biết lao động nghệ thuật nghiêm túc, gian khổ giống như “<i>cuộc thám hiểm thực sự</i>”. Nếu dấn thân vào “<i>vùng đất mới</i>” mà nhà văn không có cách nhìn, cách cảm thụ đời sống mới mẻ thì cũng không thể tạo nên tác phẩm nghệ thuật có giá trị đích thực. + Dù viết về đề tài đã cũ nhưng bằng cái nhìn độc đáo, giàu tính khám phá, phát hiện, nhà văn vẫn thấu suốt bản chất đời sống, mang lại cho tác phẩm giá trị tư tưởng sâu sắc. + Nếu nhà văn có “<i>đôi mắt mới</i>”, biết nhìn nhận con người và đời sống giàu tính khám phá, phát hiện lại tiếp cận với một “<i>vùng đất mới</i>”, thì sức sáng tạo của nhà văn và giá trị của tác phẩm càng độc đáo, càng cao. Vì thế, coi trọng vai trò quyết định của “<i>đôi mắt mới</i>” nhưng cũng không nên phủ nhận ý nghĩa của “<i>vùng đất mới</i>” trong thực tiễn sáng tác. + Để có cái nhìn và cách cảm thụ độc đáo nhà văn phải bám sát vào hiện thực đời sống; trau dồi tài năng, bản lĩnh (sự tinh tế, sắc sảo...); bồi dưỡng tâm hồn (tâm lòng, tình cảm đẹp với con người và cuộc đời...); xác lập một tư tưởng, quan điểm đúng đắn, tiến bộ.
4.	<p>Phân tích, chứng minh</p> <p>- Bài thơ “Tây Tiến” của Quang Dũng</p> <p>Khác với các thi sĩ cùng thời, khi viết về đề tài người lính (anh bộ đội Cụ Hồ) thời kỳ đầu cuộc kháng chiến chống Pháp, Quang Dũng thể hiện một cách nhìn mới, một “<i>đôi mắt mới</i>”:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Nhà thơ không né tránh hiện thực mà nhìn thẳng vào cuộc chiến khốc liệt để làm nổi bật những hi sinh, mất mát. + Con đường Tây Tiến hiện ra vừa dữ dội, hùng vĩ vừa thơ mộng, mỹ lệ một thời. + Bức tượng đài người lính Tây Tiến (xuất thân từ tầng lớp trí thức Hà Nội) hào hoa, lãng mạn, đậm tính thần bí tráng. <p>- Đánh giá khái quát</p> <p>Nếu có “<i>đôi mắt mới</i>”, cách nhìn mới thì cho dù có viết về “<i>vùng đất cũ</i>” nhà văn vẫn tạo ra được những áng thơ, thiên truyện độc đáo, có giá trị, có phẩm chất và cốt cách văn học, có sức lay động lòng người, có khả năng sống mãi với thời gian.</p>

5.	Kết luận vấn đề
-----------	------------------------

5. MỞ RỘNG VÀ SÁNG TẠO

Hoạt động của GV - HS	Kiến thức cần đạt
<p>- B1: GV giao nhiệm vụ:</p> <p>1. <i>Tìm đọc những bài phê bình của các nhà phê bình văn học về Tuyên ngôn Độc lập, bài thơ Tây Tiến để ghi lại các ý kiến mang tầm khái quát.</i></p> <p>2. <i>Từ đó, tự phân tích đề, lập dàn ý bình luận ý kiến bàn về văn học.</i></p> <p>- B2: HS thực hiện nhiệm vụ:</p> <p>- B3: HS báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ:</p> <p>- B4: GV nhận xét, chốt kiến thức</p>	<p>- Ghi lại các ý kiến mang tầm khái quát</p> <p>-Phân tích đề, lập dàn ý bình luận ý kiến bàn về văn học.</p>

.....

.....

.....

Tuần

Ngày soạn:

Tiết 21

Ngày kí:.....

VIỆT BẮC (Phần I: Tác giả)

A. VẤN ĐỀ CẦN GIẢI QUYẾT

I. Tên bài học : Việt Bắc

II. Hình thức dạy học : DH trên lớp.

III. Chuẩn bị của giáo viên và học sinh

1. *Giáo viên:*

- Phương tiện, thiết bị:

+ SGK, SGV, Tư liệu Ngữ Văn 11, thiết kế bài học.

+ Máy tính, máy chiếu, loa...

- PPDH: Phát vấn, thuyết trình, nêu vấn đề, thảo luận nhóm, trò chơi

2. *Học sinh:* Sách giáo khoa, bài soạn.

B. NỘI DUNG BÀI HỌC

Việt Bắc

C. MỤC TIÊU BÀI HỌC

I. Kiến thức :

a/ Nhận biết: Hiểu được những nét khái quát về sự nghiệp, văn học, quan điểm sáng tác và những đặc điểm cơ bản của phong cách nghệ thuật Tố Hữu.

b/ Thông hiểu: Lý giải được mối quan hệ/ ảnh hưởng của hoàn cảnh lịch sử với cuộc đời và sự nghiệp sáng tác của tác giả

c/ Vận dụng thấp: Chỉ ra các biểu hiện của quan điểm sáng tác, phong cách nghệ thuật của Tố Hữu trong các tác phẩm đã học và sẽ học

d/ Vận dụng cao: Viết bài cảm nhận riêng (như chân dung văn học) về tác giả

II. Kỹ năng :

a/ Biết làm: bài nghị luận về ý kiến bàn về phong cách thơ Tố Hữu;

b/ Thông thạo: đọc hiểu, thuyết minh về một tác gia văn học

III. Thái độ :

a/ Hình thành thói quen: đọc hiểu văn bản về tác giả văn học

b/ Hình thành tính cách: tự tin khi trình bày kiến thức về tác gia, tác phẩm văn học

c/ Hình thành nhân cách: có tinh thần lạc quan, yêu đời , say mê lí tưởng, có ước mơ, khát vọng cao đẹp của tuổi trẻ;

IV. Những năng lực cụ thể học sinh cần phát triển:

+ Năng lực thu thập thông tin liên quan đến văn bản.

+ Năng lực giải quyết những tình huống đặt ra trong văn bản.

+ Năng lực đọc – hiểu văn bản tác gia văn học;

+ Năng lực trình bày suy nghĩ, cảm nhận của cá nhân về một nhà thơ đã từng xem là lá cờ đầu của thơ ca cách mạng Việt nam hiện đại.

+ Năng lực hợp tác khi trao đổi, thảo luận về một tác gia văn học.

D. TIẾN TRÌNH TỔ CHỨC BÀI HỌC

1. KHỞI ĐỘNG (5 phút)

<i>Hoạt động của Thầy và trò</i>	<i>Nội dung cần đạt</i>
- B1: GV giao nhiệm vụ: GV hướng dẫn học sinh tìm hiểu về Tố Hữu bằng cách cho học sinh tìm hiểu: 1/ Ai là tác giả bài thơ Từ ấy? a/ Chế Lan Viên b/ Xuân Diệu c/ Tố Hữu d/ Hồ Chí Minh. 2/ Điền khuyết đoạn thơ sau trong bài Lượm của Tố Hữu: Chú bé.....xinh xinh Cái chân.....ngheh ngheh - B2: HS thực hiện nhiệm vụ:	Trả lời: 1c; 2: loắt choắt- cái xắc- thoăn thoắt- cái đầu

<p>- B3: HS báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ:</p> <p>Từ đó, giáo viên giới thiệu <i>Vào bài</i>: So với các nhà thơ trước 1945 (Huy Cận, Hàn Mặc Tử...), Tố Hữu đã sớm bắt gặp lí tưởng của Đảng. Để rồi <i>Từ ấy</i> cho đến khi tạ thế ở tuổi 82, ông trở thành lá cờ đầu của thơ ca cách mạng VN hiện đại. Hôm nay chúng ta cùng tìm hiểu về cuộc đời và sự nghiệp thơ ca của ông.</p>	
--	--

2. HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

Hoạt động của GV - HS	Kiến thức cần đạt
1.GV HƯỚNG DẪN HS TÌM HIỂU CHUNG (10 phút).	
<p>* <u>Thao tác 1</u> :</p> <p>Hướng dẫn HS tìm hiểu về tiểu sử tác giả.</p> <p>- B1: GV cho HS đọc lướt để có ấn tượng chung, ghi nhớ những ý chính</p> <p><i>Cuộc đời của Tố Hữu có thể chia làm mấy giai đoạn?</i></p> <p>- B2: HS thực hiện nhiệm vụ</p> <p>- B3: HS báo cáo sản phẩm Ba giai đoạn:</p> <p>+ Thời thơ ấu: Tố Hữu sinh ra trong một gia đình Nho học ở Huế - mảnh đất thơ mộng, trữ tình còn lưu giữ nhiều nét văn hoá dân gian.</p> <p>+ Thời thanh niên: Tố Hữu sớm giác ngộ cách mạng và hăng say hoạt động, kiên cường đấu tranh trong các nhà tù thực dân</p> <p>+ Thời kỳ sau CM tháng Tám: Tố Hữu đảm nhiệm những cương vị trọng yếu trên mặt trận văn hoá văn nghệ, trong bộ máy lãnh đạo của Đảng và nhà nước.</p> <p>Thao tác 2: Hướng dẫn HS tìm hiểu Đường cách mạng, đường thơ của Tố Hữu.</p> <p>- B1: GV chuyển giao nhiệm vụ</p> <p>GV cần nhấn mạnh bảy chặng đường đời của TH gắn liền với bảy chặng đường cách mạng và bảy tập thơ của TH (nhất là 5 tập thơ đầu)</p> <p>GV chia lớp thành 5 nhóm, hướng dẫn HS thảo luận: <i>Về nội dung chính của 5 tập thơ đầu.</i></p>	<p>I. <u>Vài nét về tiểu sử</u>:</p> <p>- Thời thơ ấu:</p> <p>- Thời thanh niên:</p> <p>- Thời kỳ sau CM tháng Tám:</p> <p>II. <u>Đường cách mạng, đường thơ</u>:</p>

<p>- Nhóm 5: <u>Một tiếng đờn</u> (1992), <u>Ta với ta</u></p> <p>- B2: HS thực hiện nhiệm vụ</p> <p>- B3: HS báo cáo sản phẩm</p> <p>-Nhóm 1: Tập <i>Từ ấy</i></p> <p>1. <u>Từ ấy:</u> (1937- 1946)</p> <p>- Niềm hân hoan của tâm hồn trẻ đang gặp ánh sáng lý tưởng cách mạng, tìm thấy lẽ sống và quyết tâm đi theo ngọn cờ của Đảng.</p> <p>- Gồm có 3 phần: <i>Máu lửa, Xiềng xích, Giải phóng.</i></p> <p>Nhóm 2: Tập <i>Việt Bắc</i></p> <p>2. <u>Việt Bắc:</u> (1946- 1954)</p> <p>- Tiếng hùng ca thiết tha về cuộc kháng chiến chống Pháp và con người kháng chiến.</p> <p>- Thể hiện những tình cảm lớn.</p> <p>Nhóm 3: Tập <i>Gió lộng</i></p> <p>3. <u>Gió lộng:</u> (1955- 1961)</p> <p>- Hướng về quá khứ để ghi sâu ân tình cách mạng- ngợi ca cuộc sống mới trên miền Bắc.</p> <p>- Tình cảm thiết tha, sâu đậm với miền Nam ruột thịt.</p> <p>-Nhóm 4: Tập <u>Ra trận</u>, <u>Máu và hoa</u></p> <p>4. <u>Ra trận</u> (1962- 1971), <u>Máu và hoa</u> (1972- 1977):</p> <p>- Bản hùng ca về “Miền Nam trong lửa đạn sáng ngời”.</p> <p>- Ghi lại chặng đường cách mạng đầy gian khổ, hi sinh, khẳng định niềm tin, niềm tự hào phơi phới khi “toàn thắng về ta”.</p> <p>Nhóm 5:</p> <p>5. <u>Một tiếng đờn</u> (1992), <u>Ta với ta</u> (1999):</p> <p>- Những suy tư, chiêm nghiệm mang tính phổ quát về con người, cuộc đời.</p> <p>- Niềm tin vào lý tưởng và con đường cách mạng, tin vào chữ nhân luôn tỏa sáng trong mỗi tâm hồn con người.</p> <p>- B4: GV nhận xét, chốt kiến thức</p> <p>Sau khi HS trình bày, GV nhấn mạnh Từ ấy là chất men say lý tưởng, chất lãng mạn trong trẻo, tâm hồn nhạy cảm, sôi nổi của cái tôi trữ tình</p> <p>- GV chốt lại <i>các tập thơ của TH là sự vận động của cái tôi trữ</i></p>	<p>1. <u>Từ ấy:</u> (1937- 1946)</p> <p>2. <u>Việt Bắc:</u> (1946- 1954)</p> <p>3. <u>Gió lộng:</u> (1955- 1961)</p> <p>4. <u>Ra trận</u> (1962- 1971), <u>Máu và hoa</u> (1972- 1977):</p> <p>5. <u>Một tiếng đờn</u> (1992), <u>Ta với ta</u> (1999):</p>
---	---

<p><i>tình, là cuốn biên niên sử ghi lại đời sống dân tộc, tâm hồn dân tộc trong sự vận động của tiến trình lịch sử.</i></p>	
<p>3. GV hướng dẫn HS tìm hiểu phong cách thơ Tố Hữu (30 PHÚT)</p>	
<p>Thao tác 1: Hướng dẫn HS tìm hiểu phong cách thơ Tố Hữu.</p> <ul style="list-style-type: none"> - B1: GV chuyển giao nhiệm vụ - <i>Phong cách thơ TH thể hiện ở những mặt nào?</i> - <i>Tại sao nói thơ Tố Hữu mang phong cách trữ tình chính trị?</i> - <i>Em chứng minh thơ Tố Hữu mang phong cách dân tộc đậm đà?</i> <ul style="list-style-type: none"> - B2: HS thực hiện nhiệm vụ - B3: HS báo cáo kết quả <p>HS trả lời ở 2 mặt về nội dung và nghệ thuật HS trả lời</p> <ul style="list-style-type: none"> - B4: GV nhận xét, chốt kiến thức <p>Sau khi HS trả lời GV giải thích trữ tình chính trị thể hiện ở những điểm nào.</p> <p>* Thao tác 2: Hướng dẫn HS kết luận</p> <ul style="list-style-type: none"> - B1: Cảm nhận chung của em về nhà thơ Tố Hữu? <p>Định hướng và lưu ý HS phần ghi nhớ SGK</p> <ul style="list-style-type: none"> - B2: HS thực hiện nhiệm vụ - B3: HS báo cáo kết quả - B4: GV nhận xét , chốt kiến thức 	<p>II. Phong cách thơ Tố Hữu:</p> <p>1. Về nội dung: Thơ Tố Hữu mang phong cách trữ tình chính trị sâu sắc.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trong việc biểu hiện tâm hồn, thơ Tố Hữu luôn hướng tới cái ta chung - Trong việc miêu tả đời sống, thơ Tố Hữu mang đậm tính sử thi. - Những điều đó được thể hiện qua giọng thơ mang tính chất tâm tình, tự nhiên, đầm thắm, chân thành <p>2. Về nghệ thuật: Thơ Tố Hữu mang phong cách dân tộc đậm đà.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Về thể thơ: <ul style="list-style-type: none"> + Vận dụng thành công thể thơ lục bát truyền thống của dân tộc + Thể thất ngôn trang trọng mà tự nhiên - Về ngôn ngữ: Dùng từ ngữ và cách nói dân gian, phát huy tính nhạc phong phú của tiếng Việt. <p>IV. Kết luận:</p> <p>Thơ Tố Hữu là bằng chứng sinh động về sự kết hợp hài hoà hai yếu tố cách mạng và dân tộc trong sáng tạo nghệ thuật, sáng tạo thi ca.</p>

3. LUYỆN TẬP

Hoạt động của GV - HS	Kiến thức cần đạt
<p>- B1: GV giao nhiệm vụ:</p> <p><u>Câu hỏi 1:</u> Thông tin nào sau đây về <u>Tố Hữu</u> là chưa chính xác?</p> <p>a. Trong giai đoạn 1930- 1935 ông từng là</p>	<p>ĐÁP ÁN</p> <p>[1]='a' [2]='d' [3]='b' [4]='d' [5]='c'</p>

thành viên của phong trào Thơ mới

- b. Năm 1938 ông trở thành đảng viên của Đảng cộng sản và năm 1939 bị bắt giam ở nhiều nhà tù ở miền Trung.
- c. Nhiều năm liền ông phụ trách công tác văn hóa văn nghệ của Đảng và từng là Ủy viên Bộ chính trị Đảng cộng sản Việt Nam.
- d. Ông qua đời năm 2002.

Câu hỏi 2: “Máu lửa”, “Xiềng xích”, “Giải phóng” là:

- a. Tên ba bài thơ của Tố Hữu.
- b. Tên ba phần trong tập thơ Máu và hoa.
- c. Tên ba phần trong tập thơ Ra trận.
- d. Tên ba phần trong tập thơ Từ ấy

Câu hỏi 3: Bài thơ nào sau đây của Tố Hữu không nằm trong tập thơ Việt Bắc?

- a. Cá nước.
- b. Mẹ Tơm.
- c. Lên Tây Bắc
- d. Lượm

Câu hỏi 4: Nội dung chính của tập thơ Việt Bắc là:

- a. Bản hùng ca của cuộc kháng chiến chống Pháp.
- b. Kết tinh những tình cảm lớn của con người Việt Nam kháng chiến.
- c. Ngợi ca công cuộc xây dựng xã hội chủ nghĩa ở Miền Bắc
- d. Cả A và B.

Câu hỏi 5: Cảm xúc nổi bật nhất của tập thơ “Gió lộng” của Tố Hữu là:

- a. Tiếng hát say mê lí tưởng cách mạng, sự xả thân vì lí tưởng của người chiến sĩ cộng sản.
- b. Ca ngợi hình ảnh nhân dân trong cuộc kháng chiến chống Pháp.
- c. Niềm vui, tự hào, tin tưởng ở công cuộc xây dựng cuộc sống mới xã hội chủ nghĩa ở miền Bắc và tình cảm với miền Nam, ý chí

Ngữ văn 12
thống nhất Tổ quốc.

d.Ca ngợi chủ nghĩa anh hùng cách mạng.	
- B2: HS thực hiện nhiệm vụ: - B3: HS báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ: - B4: gv nhận xét, chốt kiến thức	

4.VẬN DỤNG

Hoạt động của GV - HS	Kiến thức cần đạt
<p>- B1: GV giao nhiệm vụ: Đọc văn bản sau và trả lời các câu hỏi:</p> <p><i>Tố Hữu là nhà thơ có vị trí rất quan trọng trong nền văn học cách mạng Việt Nam. Trong thơ Tố Hữu, cái Tôi trữ tình, trẻ trung, sôi nổi và đầy nhiệt huyết là cái Tôi gắn với cách mạng, cái Tôi mang trong mình lí tưởng cộng sản. Với tập thơ Từ ấy, Tố Hữu đã bắc chiếc cầu nối giữa hình thức thơ mới với thơ ca yêu nước và cách mạng. Giữa lúc các nhà thơ mới còn băn khoăn, còn đắm mình trong nỗi buồn đau, cô đơn tuyệt vọng, thì Tố Hữu với Từ ấy đã cất lên khúc hát ngợi ca lí tưởng cách mạng và tự tin khẳng định sự đúng đắn của con đường mình đã chọn. Từ ấy thể hiện tâm trạng hào hứng, tràn đầy niềm tin và hi vọng của người cộng sản trẻ tuổi.</i></p> <p><i>Đặt bài thơ vào hoàn cảnh xã hội, chính trị, văn hoá thời điểm nó ra đời mới hiểu và lí giải được những cung bậc cảm xúc mãnh liệt của nhân vật trữ tình. Bài thơ ra đời vào thời kì cách mạng Dân tộc dân chủ 1936- 1939. Năm 1930, Đảng Cộng sản ra đời, lãnh đạo nhân dân thực hiện cuộc đấu tranh giành độc lập dân tộc. Tố Hữu thuộc lớp thanh niên sớm được giác ngộ cách mạng. Và người thanh niên với trái tim tuổi hai mươi đang căng đầy sự sống đã đến với cách mạng bằng niềm phấn khích của người vừa tìm thấy con đường lí tưởng</i></p>	<p>1/ Nội dung chính của văn bản : Vị trí của nhà thơ Tố Hữu trong thơ ca yêu nước và cách mạng, đồng thời lí giải sự tác động của lịch sử, văn hoá, xã hội đã làm nên hồn thơ Tố Hữu trong tập thơ <i>Từ ấy</i>.</p> <p>2/Biện pháp tu từ về từ trong câu văn: <i>ân dụ (bắc chiếc cầu nối gọi sự gắn kết)</i></p> <p>Hiệu quả nghệ thuật của biện pháp tu từ đó: Tạo hình ảnh cụ thể để khẳng định đóng góp của Tố Hữu qua tập thơ <i>Từ ấy</i>, nhất là đóng góp về hình thức nghệ thuật.</p> <p>3/<i>Nhân vật trữ tình</i> là hình tượng người trực tiếp thổ lộ suy nghĩ, cảm xúc, tâm trạng trong tác phẩm. Nhân vật trữ tình không có diện mạo, hành động, lời nói, quan hệ cụ thể như nhân vật tự sự và kịch. Nhưng nhân vật trữ tình cụ thể trong giọng điệu, cảm xúc, trong cách cảm cách nghĩ. Qua những trang thơ, ta như gặp tâm hồn người, tấm lòng người.</p> <p>4/ Đoạn văn đảm bảo các yêu cầu :</p> <p>-Hình thức : đảm bảo về số câu, không được gạch đầu dòng, không mắc lỗi chính tả, ngữ pháp. Hành văn trong sáng, cảm xúc chân thành ;</p> <p>-Nội dung : từ <i>quan niệm cao đẹp về lí tưởng sống</i> của nhà thơ Tố</p>

Ngữ văn 12

là người cộng sản trẻ tuổi với quan niệm cao đẹp về lí tưởng sống, lí tưởng cộng sản.

(Trích Đọc hiểu văn bản Ngữ văn 11- Nguyễn Trọng Hoàn)

1/ Nêu nội dung chính của văn bản trên ?

2/ Xác định biện pháp tu từ về từ trong câu văn *Với tập thơ Từ ấy, Tố Hữu đã bắc chiếc cầu nối giữa hình thức thơ mới với thơ ca yêu nước và cách mạng.* Hiệu quả nghệ thuật của biện pháp tu từ đó là gì?

3/ Văn bản trên nhiều lần nhắc đến *nhân vật trữ tình*. *Nhân vật trữ tình* là gì ?

4/ Viết đoạn văn ngắn (5 đến 7 dòng) bày tỏ suy nghĩ về *lí tưởng sống* của tuổi trẻ trong cuộc sống.

- B2: HS thực hiện nhiệm vụ:

- B3: HS báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ:

- B4: GV nhận xét, chốt kiến thức

của tuổi trẻ: Lí tưởng sống là mục đích tốt đẹp mà mỗi con người muốn hướng tới và mong mỏi đạt được. Người có lí tưởng sống cao đẹp sẽ luôn suy nghĩ và hành động đúng để hoàn thiện mình hơn, đóng góp công sức bản thân, đem lại hạnh phúc cho mình, gia đình, xã hội, đất nước. Phê phán những người không có lí tưởng sống. Rút ra bài học nhận thức và hành động cho bản thân.

5. MỞ RỘNG VÀ SÁNG TẠO

Hoạt động của GV - HS	Kiến thức cần đạt
<p>- B1: GV giao nhiệm vụ:</p> <ol style="list-style-type: none"> Vẽ bản đồ tư duy về bài Tác giả Tố Hữu Sưu tầm thêm mỗi chặng đường thơ gồm 2 bài thơ của Tố Hữu. <p>- B2: HS thực hiện nhiệm vụ:</p> <p>- B3: HS báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ:</p> <p>- B4: GV nhận xét, chốt kiến thức</p>	<p>- Vẽ đúng sơ đồ tư duy</p> <p>Chọn và ghi lại ít nhất 2 bài thơ/ 1 tập thơ.</p>

.....

.....

.....

Tuần

Ngày soạn:

Tiết 22-23

Ngày kí:.....

ĐỌC VĂN

VIỆT BẮC (trích)

(Tố Hữu)

A. VẤN ĐỀ CẦN GIẢI QUYẾT

I. Tên bài học : Việt Bắc

II. Hình thức dạy học : DH trên lớp.

III. Chuẩn bị của giáo viên và học sinh

1. Giáo viên:

- Phương tiện, thiết bị:
- + SGK, SGV, Tư liệu Ngữ Văn 11, thiết kế bài học.
- + Máy tính, máy chiếu, loa...
- PPDH: Phát vấn, thuyết trình, nêu vấn đề, thảo luận nhóm, trò chơi

2. Học sinh: Sách giáo khoa, bài soạn.

B. NỘI DUNG BÀI HỌC

Việt Bắc

C. MỤC TIÊU BÀI HỌC

I. Kiến thức :

a/ Nhận biết: Nêu thông tin về tác giả, hoàn cảnh sáng tác, Kết cấu và sắc thái tâm trạng của bài thơ; sáng tác

b/ Thông hiểu: Lý giải được mối quan hệ/ ảnh hưởng của hoàn cảnh lịch sử với giá trị nội dung và nghệ thuật của bài thơ;

c/Vận dụng thấp: Phân tích được nội dung nghệ thuật của bài thơ

d/Vận dụng cao: So sánh nét tương đồng và dị biệt giữa các đoạn thơ cùng chủ đề trong thơ kháng chiến chống Pháp.

II. Kỹ năng :

a/ Biết làm: bài nghị luận về một đoạn thơ Việt Bắc.

Ngữ văn 12

b/ Thông thạo: đọc diễn cảm , cảm nhận một tác phẩm trữ tình

III. Thái độ :

a/ Hình thành thói quen: đọc hiểu văn bản trữ tình

b/ Hình thành tính cách: tự tin khi trình bày kiến thức về tác gia, tác phẩm văn học

c/ Hình thành nhân cách: có tinh thần lạc quan , niềm tin vào ngày mai, tình yêu thiên nhiên, tấm lòng thủy chung cách mạng.

IV. Những năng lực cụ thể học sinh cần phát triển:

- + Năng lực thu thập thông tin liên quan đến văn bản.
- + Năng lực giải quyết những tình huống đặt ra trong văn bản.
- + Năng lực đọc – hiểu thơ hiện đại Việt Nam theo đặc điểm thể loại.
- + Năng lực trình bày suy nghĩ, cảm nhận của cá nhân về ý nghĩa của văn bản.
- + Năng lực hợp tác khi trao đổi, thảo luận về nội dung và nghệ thuật của văn bản.

D. TIẾN TRÌNH TỔ CHỨC BÀI HỌC

1. KHỞI ĐỘNG (5 phút)

<i>Hoạt động của Thầy và trò</i>	<i>Nội dung cần đạt</i>
- B1: GV giao nhiệm vụ: GV hướng dẫn học sinh tìm hiểu về tác phẩm Việt bắc bằng cách cho HS: 1. Xem hình ảnh về Việt Bắc (cây đa Tân Trào, mái đình Hồng Thái , chiến dịch Điện Biên Phủ...) 2. Nghe một đoạn bài hát đối giao duyên trong dân ca tình yêu Yêu cầu HS đoán hình biết nội dung, nghe nhạc biết hình thức đối đáp trong dân ca tình yêu. - B2: HS thực hiện nhiệm vụ: - B3: HS báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ:	HS quan sát tranh và nghe đoạn bài hát

2. HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

Hoạt động của GV - HS	Kiến thức cần đạt
1. GV HƯỚNG DẪN HS TÌM HIỂU CHUNG (10 phút).	

<p>- B1: GV chuyển giao nhiệm vụ</p> <p>- Em cho biết hoàn cảnh ra đời của bài thơ Việt Bắc của Tố Hữu? Theo em hoàn cảnh ra đời đã chi phối đến sắc thái tâm trạng âm hưởng giọng điệu trong bài thơ như thế nào?</p> <p>- Vị trí đoạn trích?</p> <p>- Gọi HS đọc diễn cảm bài thơ, dựa theo kết cấu đối đáp, tìm bố cục?</p> <p>- B2: HS thực hiện nhiệm vụ</p> <p>HS dựa vào SGK nêu hoàn cảnh ra đời, căn cứ vào mạch cảm xúc lối kết cấu, nhận xét</p> <p>1-2 HS đọc diễn cảm bài thơ, xác định bố cục</p> <p>- B3: HS báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ</p> <p>- B4: GV nhận xét, chốt lại kiến thức</p>	<p>Phần hai: Tác Phẩm (2 tiết)</p> <p><u>I. Tìm hiểu chung:</u></p> <p><u>1. Hoàn cảnh sáng tác:</u> (SGK)</p> <p>=> Chính hoàn cảnh sáng tác đã chi phối tạo nên một sắc thái tâm trạng đặc biệt đầy xúc động, băng khuâng da diết trong bài thơ. Cách chọn kết cấu theo lối đối đáp cũng là để thể hiện sắc thái đó.</p> <p><u>2. Vị trí:</u> Thuộc phần I (Bài thơ gồm 2 phần:</p> <p>- Phần 1: Tái hiện những kỉ niệm cách mạng và kháng chiến.</p> <p>- Phần 2: Gọi viễn cảnh tươi sáng của đất nước và ca ngợi công ơn của đảng Bác Hồ đối với dân tộc.</p> <p><u>3. Bố cục đoạn trích:</u> 2 phần</p> <p>+ Lời nhắn gửi của người ở lại</p> <p>+ Lời đáp của người ra đi – ân tình sâu nặng với Việt Bắc.</p> <p><u>4. Sắc thái tâm trạng:</u></p> <p>- Hoàn cảnh sáng tác tạo nên một sắc thái tâm trạng đặc biệt:</p> <p>“<i>Cầm tay nhau biết nói gì hôm nay</i>”</p> <p>☑ đầy xúc động, băng khuâng không nói nên lời.</p> <p>- Đây cũng là cuộc chia tay của những người từng gắn bó:</p> <p>“<i>Mười lăm năm ấy, thiết tha mặn nồng</i>”</p> <p>☑ có biết bao kỷ niệm ân tình thủy chung.</p> <p>- Chuyện ân tình cách mạng được Tố Hữu thể hiện khéo léo như tâm trạng của tình yêu đôi lứa.</p> <p><u>5. Kết cấu :</u></p> <p>- Diễn biến tâm trạng được tổ chức theo lối đối đáp giao duyên trong ca dao - dân ca: bên hỏi, bên đáp, người bày tỏ, người hô ứng.</p> <p>- Hỏi và đáp điều mở ra bao nhiêu kỷ niệm về cách mạng và kháng chiến gian khổ</p>
---	--

Ngũ văn 12
mà anh hùng, bao nỗi niềm nhớ
thương.

- Thực ra, bên ngoài là đối đáp,
còn

	<p>bên trong là lời độc thoại, là biểu hiện tâm tư tình cảm của chính nhà thơ, của những người tham gia kháng chiến.</p>
<p>*GV Hướng dẫn HS đọc - hiểu văn bản</p> <p>Thao tác 1: Gv hướng dẫn HS tìm hiểu 8 câu thơ đầu</p> <p>-B1 : GV chuyển giao nhiệm vụ Tổ chức cho HS thảo luận nhóm: Nhóm 1+2: Tìm hiểu nội dung, nghệ thuật 4 câu đầu. Nhóm 3+4: Tìm hiểu nội dung, nghệ thuật 4 câu sau. <i>Lời hỏi của người ở lại gợi lên những kỉ niệm gì?</i> <i>? Hãy tìm những chi tiết gợi nhớ một thời gian khổ? Phân tích.</i> <i>? Theo em chọn chi tiết nào để gợi nhớ đến tình đồng bào?</i> <i>? Nghệ thuật của câu thơ bên ?</i></p> <p>- B2: HS thực hiện nhiệm vụ</p> <p>- B3: HS báo cáo kết quả</p> <p>* Nhóm 1+2 4 câu đầu: Lời của nhân dân VBắc:</p> <p>- Minh- ta: hai đại từ, hai cách xưng hô quen thuộc của ca dao như một khúc giao duyên đậm thắm 𠄎𠄎𠄎 tạo không khí trữ tình cảm xúc.</p> <p>- Minh- ta đặt ở đầu câu thơ tạo cảm giác xa xôi, cách biệt, ở giữa là tâm trạng băn khoăn của người ở lại.</p>	<p>II. Đọc–hiểu:</p> <p>1. Tám câu thơ đầu: Khung cảnh chia tay và tâm trạng của con người.</p> <p>a. Bốn câu trên: Lời ước hỏi, khơi gợi kỉ niệm về một giai đoạn đã qua, về không gian nguồn cội, tình nghĩa; qua đó, thể hiện tâm trạng của người ở lại.</p> <p>- Câu hỏi ngọt ngào, khéo léo “mười lăm năm” cách mạng gian khổ hào hùng, cảnh và người VB gắn bó nghĩa tình với những người kháng chiến; đồng thời khẳng định tấm lòng thủy chung của mình: Tổ Hữu đã khơi rất sâu vào nguồn mạch đạo lý ân nghĩa thủy chung của dân tộc để thể hiện tình cảm cách mạng. Mười lăm năm ấy là trở về với cội nguồn những năm tiền khởi nghĩa sâu nặng biết bao ân tình.</p> <p>- Nghĩa tình của kẻ ở- người về được biểu hiện qua các đại từ mình- ta quen thuộc trong thơ ca dân gian gắn liền với tình yêu đôi lứa, cách xưng hô: mình- ta tạo nên sự thân mật, gần gũi. Điệp từ nhớ, lấy đi, lấy lại cùng với lời nhắn nhủ “mình có nhớ ta”, “mình có nhớ không” vang lên day dứt khôn nguôi.</p> <p>- Các từ thiết tha, mặn nồng thể hiện bao ân tình gắn bó.</p> <p>b. Bốn câu thơ tiếp: Tiếng lòng người về xuôi băng khuâng lưu luyến.</p> <p>- Tuy không trả lời trực tiếp câu hỏi của người ở lại nhưng tâm trạng băng khuâng, bồn chồn, cùng với cử chỉ ‘cầm tay nhau” xúc động bồi hồi đã nói lên tình cảm : chưa xa đã nhớ, sự bịn rịn lưu luyến của người cán bộ với cảnh và người Việt Bắc.</p> <p>- Lời hỏi của người ở lại đã khéo nhưng câu</p>

<p>hỏi về thời gian, gói gọn một thời cách mạng, một vùng cách mạng.</p> <p>* Nhóm 3+4 : Tiếng lòng người ra đi:</p> <p>- Người Việt Bắc hỏi "<i>thiết tha</i>", người ra đi nghe là "<i>tha thiết</i>" => sự hô ứng về ngôn từ tạo nên sự đồng vọng trong lòng người.</p> <p>- "<i>bâng khuâng</i>", "<i>bồn chồn</i>" => tâm trạng vẩn vơ, không nói nên lời vì có nhiều kỉ niệm với Việt Bắc.</p> <p>- " <i>Áo chàm đưa buổi phân li</i> <i>Cầm tay nhau /biết/ nói gì hôm nay</i>"</p> <p>+ Nhịp thơ đang đều đặn, uyển chuyển đến đây thay đổi ngập ngừng thể hiện tâm trạng bối rối.</p> <p>+ Hoán dụ gợi hình ảnh quen thuộc người dân VB và diễn tả tình cảm tha thiết sâu nặng của đồng bào Việt Bắc đối với cán bộ về xuôi.</p> <p>- B4: GV nhận xét, chốt lại kiến thức</p> <p>* Thao tác 2: GV hướng dẫn tìm hiểu 12 câu thơ tiếp</p> <p>- B1: GV chuyển giao nhiệm vụ HS trả lời cá nhân <i>Tìm những hình ảnh chi tiết gợi lên một thời gian khổ, gợi nhớ tình đồng bào và phân tích</i></p> <p>- B2: HS thực hiện nhiệm vụ</p> <p>- B3: HS báo cáo kết quả - Những hình ảnh: "<i>suối lũ</i>", "<i>mưa nguồn</i>", "<i>mây mù</i>", "<i>miếng cơm chấm muối</i>"▲ Đây là những hình ảnh rất</p>	<p>thực gợi được sự gian khổ của cuộc kháng chiến, vừa cụ thể hoá mối thù của cách mạng đối với thực dân.</p> <p>- Chi tiết "<i>Trám bùi....để già</i>"  diễn tả cảm giác trông vắng gợi nhớ quá khứ sâu nặng. Tác giả mượn cái thừa để nói cái thiếu.</p>
--	---

Ngữ văn 12

câu trả lời có hay không mà là những cử chỉ. Câu thơ bỏ lửng “cầm tay...” diễn tả thái độ ghen ngào không nói lên lời của người cán bộ già từ Việt Bắc về xuôi.

- Hình ảnh “áo chàm”- nghệ thuật hoán dụ, trang phục quen thuộc của người dân Việt Bắc. Rất có thể đó là hình ảnh thực, nhưng cũng có thể là hình ảnh trong tưởng tượng của người cán bộ kháng chiến để rồi mỗi lần hình ảnh áo chàm bay về trong tâm trí của người cán bộ là mỗi lần bao nỗi nhớ thân thương lại dội về.

=> khúc dạo đầu của bản tình ca về nỗi nhớ.

- “*Hắt hieu...lòng son*”



- “*Mình đi, mình có nhớ mình*”

c. 12 câu

tiếp:

* *Vì ết Bắc gọi nhớ m ô t t*

hời gì an khổ:

-Những hình ảnh: “suối lũ”, “mưa nguồn”,
“mây mù”, “miếng cơm chấm muối...”

* *Gọi nhớ tình đồng*

ng bào:

- Chi tiết “*Trám bụi....để già*”

<p>- “<i>Hắt hiu...lòng son</i>” 𠄎 phép đối gọi nhớ đến mái tranh nghèo. Họ là những người nghèo nhưng giàu tình nghĩa, son sắt, thuỷ chung với cách mạng.</p> <p>- “<i>Mình đi, mình có nhớ mình</i>” 𠄎 ý thơ đa nghĩa một cách thú vị. Cả kẻ ở, người đi đều gói gọn trong chữ “mình” tha thiết. Mình là một mà cũng là hai, là hai nhưng cũng là một bởi sự gắn kết của cách mạng, của kháng chiến.</p> <p>=> Chân dung một Việt Bắc gian nan mà nghĩa tình, thơ mộng, rất đỗi hào hùng trong nỗi nhớ của người ra đi.</p>	<p>HẾT TIẾT I</p>
<p>3. GV hướng dẫn HS tìm hiểu nỗi nhớ thiên nhiên và con người (20 PHÚT)</p> <p>* Thao tác 1: Hướng dẫn HS tìm hiểu lời của người ra đi - B1: GV chuyển giao nhiệm vụ <i>-Câu thơ đầu sử dụng biện pháp nghệ thuật gì? Tác dụng?</i> <i>-Người ra đi đáp lại lời băn khoăn của người Việt Bắc như thế nào?</i> - B2: HS thực hiện nhiệm vụ - B3: HS báo cáo kết quả - Phép điệp mình- ta: xoắn xuýt hoà quyện vào nhau 𠄎 tình cảm thuỷ chung, sâu nặng, bền chặt. - Đáp lại lời băn khoăn của người việt Bắc: “<i>Mình đi, mình lại nhớ mình</i>” ... - Khẳng định tình nghĩa dạt dào không bao giờ vơi cạn: “<i>Nguồn bao nhiêu nước nghĩa tình bấy nhiêu</i>” - B4: GV nhận xét, chốt lại kiến thức <i>GV bổ sung:</i> Mình: bản thân, chúng ta, người khác (người thân thiết). Anh đi anh có nhớ tôi không? có nhớ những kỉ niệm của</p>	<p>2. Phần còn lại: Lời của người cán bộ về xuôi:</p> <p>a. <u>Lời đáp lại của người ra đi:</u> Mình- ta đã có sự chuyển hoá. - Phép điệp mình- ta: xoắn xuýt hoà quyện vào nhau. - Đáp lại lời băn khoăn của người việt Bắc: “<i>Mình đi, mình lại nhớ mình</i>” một câu trả lời chắc nịch. - Khẳng định tình nghĩa dạt dào không bao giờ vơi cạn: “<i>Nguồn bao nhiêu nước nghĩa tình bấy nhiêu</i>” => Tình nghĩa của người cán bộ về xuôi đối với nhân dân Việt Bắc sâu đậm, không phai nhạt theo thời gian.</p> <p>b. <u>Nhớ cả nh và nhớ ng</u></p>

<p>nhiên 4 mùa- trong nỗi nhớ của người về xuôi.</p> <p>- B1: GV chuyển giao nhiệm vụ HS thảo luận nhóm: <i>Nhóm 1 cảm nhận về mùa đông.</i> <i>Nhóm 2 cảm nhận về mùa xuân.</i> <i>Nhóm 3 cảm nhận về mùa hạ.</i> <i>Nhóm 4 cảm nhận về mùa thu.</i> HS trả lời cá nhân <i>Hình ảnh con người hiện nên trong 4 mùa ấy ra sao?</i> <i>Em có cảm nhận gì về cách miêu tả giữa thiên nhiên và con người?</i></p> <p>- B2: HS thực hiện nhiệm vụ - B3: HS báo cáo kết quả Nhóm 1 trình bày: • Mùa đông: màu xanh bạt ngàn của núi rừng, điểm lên nét đỏ tươi của hoa chuối. Nhóm 2 trình bày: • Mùa xuân với hoa mơ trắng xoá. Nhóm 3 trình bày: • Mùa hè với màu vàng của rừng phách: Ve kêu trong rừng phách đổ lá, Ve kêu là cho rừng phách trút lá. Nhóm 4 trình bày:</p>	<p>* Nhớ day dứt, cồn cào như nhớ người yêu: nhớ khoảnh khắc thiên nhiên đẹp, nhớ những bếp lửa nhà sàn đón đợi người thương, nhớ những nẻo đường kháng chiến, nhớ đời sống cần lao, nhớ những sinh hoạt kháng chiến, những lớp bình dân học vụ, nhớ những âm thanh rất đặc trưng của miền núi.</p> <p>* Bộ tranh tứ bình về 4 mùa Việt Bắc: có lẽ đẹp nhất trong nỗi nhớ về Việt Bắc.</p> <p>- Thiên nhiên: + Chữ "<i>rừng</i>" xuất hiện trong tất cả các dòng lục  cảnh thiên nhiên chôn núi rừng Việt Bắc. + Mỗi bức tranh vẽ một mùa với màu sắc chủ đạo. => Bức tranh thiên nhiên tươi sáng, phong phú, sinh động, thay đổi theo thời tiết, theo mùa.</p> <p>- Con người bình dị, cần cù: <i>người đi làm nương rẫy, người đan nón, người hái măng, ấn tượng nhất là tiếng hát ân tình, thủy chung...</i> bằng những công việc tưởng chừng nhỏ bé của mình nhưng họ đã góp phần tạo nên sức mạnh vĩ đại của cuộc kháng chiến. + Từ nhớ, lặp lại  giọng thơ ngọt ngào, sâu lắng. => Ứng với mỗi bức tranh thiên nhiên là hình ảnh con người làm cho bức tranh âm áp hẳn lên. Tất cả ngời sáng trong tâm trí nhà thơ.</p>
<p>4. GV hướng dẫn HS tìm hiểu về Việt Bắc anh hùng (20 PHÚT)</p> <p>- B1: GV chuyển giao nhiệm vụ HS đọc diễn cảm 4 đoạn còn lại với giọng điệu phù hợp: nhanh hơn, chắc khỏe, hào sảng, ngẫm nghĩ, tự hào (đoạn cuối).HS thảo luận nhóm (4 nhóm) <i>Nhận xét về vai trò của VB?</i></p>	
<p>- B1: GV chuyển giao nhiệm vụ HS đọc diễn cảm 4 đoạn còn lại với giọng điệu phù hợp: nhanh hơn, chắc khỏe, hào sảng, ngẫm nghĩ, tự hào (đoạn cuối).HS thảo luận nhóm (4 nhóm) <i>Nhận xét về vai trò của VB?</i></p>	<p>c. <u>Khung cảnh và vai trò của Việt Bắc</u> <u>tro ng cách m a ng và k háng chi ến:</u> * Hai mươi hai câu tiếp theo nói về cuộc kháng chiến anh hùng: “Nhớ khi giặc đến giặc lùng Vui lên Việt Bắc, đèo De, núi Hồng” - Trong hoài niệm bao trùm có ba mảng</p>

<p><i>Những địa danh được nêu lên liên tiếp trong những câu cuối đoạn nói lên điều gì?</i></p> <p>- B2: HS thực hiện nhiệm vụ</p> <p>- B3: HS báo cáo kết quả</p> <p>- B4: GV nhận xét, chốt lại kiến thức</p> <p>Theo dòng hồi tưởng, người đọc được sống lại những giây phút của cuộc kháng chiến với không gian rộng lớn, những hoạt động tấp nập, sôi động được vẽ bằng bút pháp của những tráng ca. Cảnh Việt Bắc đánh giặc được miêu tả bằng những bức tranh rộng lớn, kì vĩ.</p> <p>.</p> <p>- B1: GV chuyển giao nhiệm</p>	<p>vụ</p> <p><i>Trong đoạn thơ cuối, hình ảnh và vai trò lịch sử của Việt Bắc đã được khắc</i></p>
--	---

nhiên- nổi nhớ con người cuộc sống
ở Việt Bắc- nổi nhớ về cuộc chiến
đấu anh hùng chống TDP xâm lược.

+ Rừng núi mệnh mông hùng vĩ trở thành bạn của ta, chở che cho bộ đội ta, cùng quân và dân ta đánh giặc.

+ Chiến khu là căn cứ vững chắc, đầy nguy

hiểm với

quân thù.

+ Nghệ thuật so sánh, nhân hoá:
núi

giăng...luỹ sắt, rừng che, rừng
vây...

+ Những cái tên, những địa danh ở chiến

khu Việt Bắc: **phủ Thông, đèo Giàng, sông Lô, Cao- Lạng...** vang lên đây mền yêu, tự hào, cũng trở thành nổi nhớ của người cán bộ kháng chiến về xuôi.

- Không khí chiến đấu sôi nổi hào hùng, khí thế hùng hục trào sôi:

+ Sức mạnh của quân ta với các lực lượng bộ đội, dân công... sự hợp lực của nhiều thành phần tạo thành khối đoàn kết vững

c

h

ă

,

c

.

+ Các từ: **Rầm rập, điệp điệp, trùng trùng...** thể hiện khí thế dồn dập.

+ Hình ảnh người chiến sĩ được gọi lên qua chi tiết giàu chất tạo hình:

“ánh sao đầu mũ bạn cùng mũ nan” -> ánh sáng của

sao dẫn đường, ánh sáng của niềm tin, của lí tưởng.

+ Thành ngữ **“Chân cứng đá**

mềm” đã được nâng lên thành một bước cao hơn **“bước chân nát đá muôn tàn lửa bay”**.

+ Chiến công tung bừng vang dội khắp nơi:

Hoà Bình, Tây Bắc, Điện Biên, đèo De, núi Hồng... Niềm vui chiến thắng chan hoà bốn phương: **Vui từ...vui về...vui lên...**

+ Đoạn thơ ngập tràn ánh sáng: **ánh sao, ánh đuốc, ánh đèn pha...** như ánh sáng của niềm tin tưởng, niềm vui tràn ngập.

+ Nhịp thơ dồn dập gấp gáp, âm hưởng hào hùng náo nức tạo thành khúc ca chiến thắng

* **Mười sáu câu cuối đoạn:** Vai trò của

<p><i>sâu như thế nào?</i></p> <p><i>Hình ảnh Cự Hồ và mái đình Hồng Thái, cây đa Tân Trào được nhắc lại nhằm dụng ý nghệ thuật gì?</i></p> <p>HS trả lời cá nhân</p> <p>- B2: HS thực hiện nhiệm vụ</p> <p>- B3: HS báo cáo kết quả</p> <p>+ Việt Bắc là quê hương của cách mạng, là căn cứ địa vững chắc, là đầu não của cuộc kháng chiến, nơi hội tụ tình cảm, suy nghĩ, niềm tin và hi vọng của mọi người Việt Nam yêu nước..</p> <p>+ Việt Bắc là chiến khu kiên cường, nơi nuôi dưỡng bao sức mạnh đấu tranh, nơi khai sinh những địa danh mãi mãi đi vào lịch sử dân tộc.</p> <p>- “Ở đâu u ám quân thù, Quê hương Cách mạng dựng nên cộng hoà”</p> <p>+ Khẳng định Việt Bắc là nơi có “Cụ Hồ sáng soi”, có “Trung ương chính phủ luận bàn việc công”</p> <p>+ Khẳng định niềm tin yêu của cả nước với Việt Bắc bằng những vần thơ mộc mạc, giản dị mà thấm thiết nghĩa tình.</p> <p>Hình ảnh cuối đoạn: Cự Hồ, mái đình Hồng Thái, cây đa Tân Trào được nhắc lại để hồi đáp câu hỏi cuối cùng của người ở lại; mặt khác, khẳng định vai trò vị trí lịch sử của chiến khu Việt Bắc, quê hương cách mạng dựng nên nhà nước dân chủ cộng hoà đầu tiên ở Việt Nam và Đông Nam Á; vị trí và vai trò lịch sử không nơi nào thay</p>	<p>Việt Bắc trong cách mạng và kháng chiến:</p> <p>+ Việt Bắc là quê hương của cách mạng, là căn cứ địa vững chắc, ...</p> <p>+ Việt Bắc là chiến khu kiên cường....</p> <p>- “Ở đâu u ám quân thù, Quê hương Cách mạng dựng nên cộng hoà”</p> <p>+ Khẳng định Việt Bắc là nơi có “Cụ Hồ sáng soi”, có “Trung ương chính phủ luận bàn việc công”</p> <p>+ Khẳng định niềm tin yêu của cả nước với Việt Bắc ...</p>
<p>5. GV HƯỚNG DẪN TỔNG KẾT (10 PHÚT)</p>	
<p>- B1: GV chuyển giao nhiệm vụ</p> <p>GV đặt câu hỏi HS tổng kết trên hai</p>	<p>III. Tổng kết</p> <p>1) <i>Nghệ thuật:</i></p>

Ngữ văn 12

mặt nghệ thuật và nội dung

Em hãy chứng minh đoạn trích thể hiện nghệ thuật đậm đà tính dân tộc?

?Sau khi học xong về nội dung và nghệ thuật, em rút ra chủ đề đoạn trích?

HS trình bày cá nhân

- B2: HS thực hiện nhiệm vụ

- B3: HS báo cáo kết quả

- Thẻ thơ lục bát:

- Lối đối đáp, cách xưng hô *mình – ta*
tao nên sự phân đôi – thống nhất trong tâm trạng của chủ thể trữ tình:

+ Trong tiếng Việt, từ “mình”: chỉ bản thân (ngôi thứ nhất) hoặc chỉ đối tượng giao tiếp (ngôi thứ hai). Trong đoạn thơ, chủ thể được dùng ở ngôi thứ hai phân đôi. Nhưng cũng có lúc chuyển hóa: Vừa là chủ thể (bản thân), vừa là đối tượng giao tiếp (người khác) Thống nhất:

“Mình đi, mình có nhớ mình. .

. Mình đi, mình lại nhớ mình.
..”

+ Như vậy, **lời hỏi, lời đáp trong đoạn thơ thực chất là lời độc thoại của tâm trạng** (phân thân) Tác dụng: Tâm trạng của chủ thể trữ tình được bộc lộ đầy đủ hơn.,

- Ngôn từ mộc mạc, giàu sức gợi,

...

-- B4: GV nhận xét, chốt lại kiến thức

Bài thơ đậm đà tính dân tộc, tiêu biểu cho phong cách thơ Tố Hữu:

2) Ý nghĩa văn bản:

Bản anh hùng ca về cuộc kháng chiến; bản tình ca về nghĩa tình cách mạng và kháng chiến.

3. LUYỆN TẬP

Hoạt động của GV - HS	Kiến thức cần đạt
<p>- B1: GV giao nhiệm vụ:</p> <p><u>Câu hỏi 1:</u> Thông tin nào sau đây đây là đúng về bài thơ "<u>Việt Bắc</u>"?</p> <p>a. Là bài thơ mở đầu của tập thơ "Việt Bắc".</p> <p>b. Là bài thơ nằm ở phần mở đầu của tập thơ "Việt Bắc".</p> <p>c. Nằm ở phần giữa của tập thơ "Việt Bắc".</p>	<p>d. Nằm ở phần cuối của tập thơ "Việt Bắc".</p>

<p>d. Nằm ở phần cuối của tập thơ "Việt Bắc".</p> <p><u>Câu hỏi 2:</u> Bài thơ "Việt Bắc" có đặc điểm gì? .</p> <p>a. Là bài thơ dài nhất trong tập thơ "Việt Bắc"</p> <p>b. Là bài thơ lục bát duy nhất trong tập thơ "Việt Bắc"</p> <p>c. Là bài thơ duy nhất trong tập thơ "Việt Bắc" viết về hình ảnh Bác Hồ</p> <p>d. Là bài thơ thể hiện rõ nhất cái tôi nhân danh cộng đồng, dân tộc, cách mạng trong thơ Tố Hữu.</p> <p><u>Câu hỏi 3:</u> Bài "Việt Bắc" mang đặc điểm nào sau đây?</p> <p>a. Trữ tình-đạo đức</p> <p>b. Sử thi-trữ tình</p> <p>c. Sử thi-đạo đức</p> <p>d. Cả A, B và C</p> <p><u>Câu hỏi 4:</u> Nội dung chính của bài thơ "Việt Bắc" là gì?</p> <p>a. Ca ngợi cuộc kháng chiến hào hùng của dân tộc.</p> <p>b. Khúc hát ca ngợi tình cảm, ân tình, thủy chung của các chiến sĩ ta đối với nhân dân Việt Bắc.</p> <p>c. Khúc hát ngợi ca tình đồng chí, đồng đội trong kháng chiến.</p> <p>d. Khúc hát ngợi ca con người và cảnh sắc núi rừng Việt Bắc.</p> <p><u>Câu hỏi 5:</u> Dòng nào sau đây chưa đúng với bài thơ "Việt Bắc"?</p> <p>a. Bài thơ sử dụng lối kết cấu quen thuộc của ca dao dân ca – theo lối đối đáp của mình – ta.</p> <p>b. Hình thức là đối thoại, nhưng là sự phân thân của cái "tôi" trữ tình để bộc lộ tâm trạng đầy đủ sâu sắc.</p> <p>c. Giọng thơ có nét gần với hát ru – ngọt ngào, nhịp nhàng, thấm đượm nghĩa tình.</p> <p>d. Các hình ảnh thơ đầy tính sáng tạo, mới lạ và đậm chất triết lý.</p> <p>- B2: HS thực hiện nhiệm vụ:</p> <p>- B3: HS báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ:</p> <p>- B4: GV nhận xét, chốt lại kiến thức</p>	<p>a. Là bài thơ dài nhất trong tập thơ "Việt Bắc"</p> <p>b. Sử thi-trữ tình</p> <p>b. Khúc hát ca ngợi tình cảm, ân tình, thủy chung của các chiến sĩ ta đối với nhân dân Việt</p> <p>d. Các hình ảnh thơ đầy tính sáng tạo, mới lạ và đậm chất triết lý.</p>
--	--

4.VẬN DỤNG

Hoạt động của GV - HS	Kiến thức cần đạt
<p>- B1: GV giao nhiệm vụ: <i>“Mình về mình có nhớ ta Mười lăm năm ấy thiết tha mặn nồng Mình về mình có nhớ không Nhìn cây nhớ núi, nhìn sông nhớ nguồn? Tiếng ai tha thiết bên cồn Bâng khuâng trong dạ, bồn chồn bước đi Áo chàm đưa buổi phân li Cầm tay nhau biết nói gì hôm nay...”</i> Đọc đoạn thơ trên và thực hiện các yêu cầu sau:</p> <p>1. Đoạn thơ trên thể hiện tâm trạng gì của <i>mình</i> và <i>ta</i>? <i>Mười lăm năm ấy</i> là khoảng thời gian nào ? Tại sao gọi nhớ <i>Mười lăm năm ấy</i> ?</p> <p>2. Nêu ý nghĩa tu từ của các từ láy trong đoạn thơ?</p> <p>3. Hình ảnh <i>áo chàm</i> sử dụng biện pháp tu từ gì? Nêu hiệu quả nghệ thuật của biện pháp đó ?</p> <p>4. Cách ngắt nhịp của câu thơ <i>Cầm tay nhau biết nói gì hôm nay</i> có gì lạ? Nêu hiệu quả nghệ thuật của cách ngắt nhịp đó.</p> <p>- B2: HS thực hiện nhiệm vụ: - B3: HS báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ: - B4: GV nhận xét, chốt lại kiến thức</p>	<p>1. Đoạn thơ trên thể hiện tâm trạng nhớ thương, lưu luyến, bồi hồi xúc động của <i>mình</i> và <i>ta</i>. <i>Mười lăm năm ấy</i> là khoảng thời gian kể từ khởi nghĩa Bắc Sơn năm 1940 đến chiến thắng Điện Biên Phủ năm 1954. Gọi nhớ <i>Mười lăm năm ấy</i> vì đó là khoảng thời gian Việt Bắc là căn cứ cách mạng, thời gian gắn bó lâu dài, có tình cảm tha thiết, sâu nặng giữa nhân dân Việt bắc với cán bộ kháng chiến.</p> <p>2. Ý nghĩa tu từ của từ láy <i>thiết tha</i> gợi tâm trạng thương nhớ của người ở lại. Các từ láy <i>tha thiết</i> , <i>bâng khuâng</i> , <i>bồn chồn</i> gợi tâm trạng tả tâm trạng của người cán bộ: nhớ, buồn vì phải chia tay với Việt Bắc, nơi đã gắn bó suốt “<i>mười lăm năm</i>” với bao “<i>đắng cay ngọt bùi</i>”. Những người cán bộ cũng hồi hộp, không yên trong lòng vì sắp được trở về quê hương sau thời gian dài xa cách.</p> <p>3. Hình ảnh <i>áo chàm</i> sử dụng biện pháp tu từ hoán dụ để chỉ người Việt Bắc. Hiệu quả nghệ thuật của biện pháp hoán dụ: gợi tâm trạng lưu luyến trong giây phút chia tay giữa nhân dân Việt Bắc với cán bộ kháng chiến.</p> <p>4. Cách ngắt nhịp của câu thơ <i>Cầm tay nhau biết nói gì hôm nay</i> lạ ở chỗ từ nhịp bình thường 2/2/2/2, Tố Hữu chuyển sang nhịp 3/3/2. Hiệu quả nghệ thuật của cách ngắt nhịp : gợi tâm trạng bịn rịn, xúc động đến nghẹn ngào không nói nên lời trong giây phút chia tay của người cán bộ kháng chiến.</p>

5. MỞ RỘNG VÀ SÁNG TẠO

Hoạt động của GV - HS	Kiến thức cần đạt
<p>- B1: GV giao nhiệm vụ:</p> <p>1. Vẽ sơ đồ tư duy Đọc văn đoạn trích Việt Bắc.</p> <p>2. Phác hoạ bằng tranh bức tranh tứ bình (bốn mùa Đông-Xuân-Hè-Thu) trong đoạn trích Việt Bắc.</p> <p>- B2:HS thực hiện nhiệm vụ:</p>	<p>- Vẽ chính xác bản đồ tư duy</p> <p>Vẽ bằng tranh theo trí tưởng tượng.</p>

.....

.....

.....

Tuần

Ngày soạn:

Tiết 24

Ngày kí:.....

LUẬT THƠ

A. VẤN ĐỀ CẦN GIẢI QUYẾT

I. Tên bài học :

II. Hình thức dạy học : DH trên lớp.

III. Chuẩn bị của giáo viên và học sinh

I/Thầy

-Giáo án

-Phiếu bài tập, trả lời câu hỏi

-Toàn bộ văn bản thơ đã học

-Bảng phân công nhiệm vụ cho học sinh hoạt động trên lớp

-Bảng giao nhiệm vụ học tập cho học sinh ở

nhà II/Trò

-Đọc trước các ngữ liệu trong SGK

-Các sản phẩm thực hiện nhiệm vụ học tập ở nhà (do giáo viên giao từ tiết trước)

-Đồ dùng học tập , mô hình thơ Đường luật

B. NỘI DUNG BÀI HỌC

C. MỤC TIÊU BÀI HỌC

I. Kiến thức :

Ngữ văn 12

a/ Nhận biết: Nắm được một số kiến thức ban đầu về luật thơ như: quy tắc về câu, tiếng, vần, nhịp, thanh... của một số thể thơ truyền thống (lục bát, song thất lục bát, ngũ ngôn và thất ngôn luật Đường)

b/ Thông hiểu: Hiểu các nhân tố chi phối luật thơ tiếng Việt và luật thơ của một số thể thơ tiêu biểu đã học.

c/Vận dụng thấp: Biết vận dụng hiểu biết về thi luật vào việc đọc - hiểu văn bản thơ.

d/Vận dụng cao: Phân tích được thi luật của một số bài thơ đã học (về vần, nhịp, thanh điệu).

II. Kỹ năng :

a/ Biết làm: bài xác định luật thơ trong bất cứ bài thơ nào.

b/ Thông thạo: các bước tìm hiểu luật thơ

III. Thái độ :

a/ Hình thành thói quen: đọc diễn cảm thơ theo luật thơ.

b/ Hình thành tính cách: tự tin, sáng tạo khi lĩnh hội và tạo lập văn bản thơ

c/Hình thành nhân cách: có tinh thần dân tộc. giữ gìn sự trong sáng của tiếng Việt khi tìm hiểu luật thơ.

IV. Những năng lực cụ thể học sinh cần phát triển:

- Năng lực thu thập thông tin liên quan đến văn bản
- Năng lực hợp tác để cùng thực hiện nhiệm vụ học tập
- Năng lực giải quyết những tình huống đặt ra trong quá trình xác định luật thơ
- Năng lực sử dụng ngôn ngữ, trình bày suy nghĩ của cá nhân về luật thơ.

D. TIẾN TRÌNH TỔ CHỨC BÀI HỌC

1. KHỞI ĐỘNG (5 phút)

<i>Hoạt động của Thầy và trò</i>	<i>Nội dung cần đạt</i>
<p>- B1:GV giao nhiệm vụ: GV hướng dẫn học sinh tìm hiểu bài bằng câu hỏi sau:</p> <p>Qua các bài học về thơ từ trước đến nay, anh/chị hãy cho biết một số thể thơ truyền thống của dân tộc, một số thể thơ Đường luật và một số thể thơ hiện đại? Mỗi thể thơ cho 1 ví dụ.</p> <p>- B2: HS thực hiện nhiệm vụ:</p> <p>- B3: HS báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ:</p> <p>a. Thơ dân tộc: Lục bát, song thất lục bát, hát nói (Ví dụ:...)</p> <p>b. Đường luật: Ngũ ngôn, thất ngôn (Ví dụ:...)</p> <p>c. Hiện đại: Năm tiếng, bảy tiếng, tám tiếng, hỗn hợp, tự do, thơ - văn xuôi,...(Ví dụ:...)</p> <p>- B4: GV nhận xét từ đó giới thiệu vào bài: Ở chương trình Ngữ</p>	<p>a. Thơ dân tộc: Lục bát, song thất lục bát, hát nói (Ví dụ:...)</p> <p>b. Đường luật: Ngũ ngôn, thất ngôn (Ví dụ:...)</p> <p>c. Hiện đại: Năm tiếng, bảy tiếng, tám tiếng, hỗn</p>

Văn THCS và THPT, các em đã từng học nhiều văn bản thơ. Như vậy, cơ sở nào để xác định thể thơ? Việc xác định đó có tác dụng gì trong quá trình làm bài nghị luận về một bài thơ? Hôm nay chúng ta sẽ tìm hiểu về Luật thơ để làm sáng tỏ điều đó.	hợp, tự do, thơ - văn xuôi,...(Ví dụ:...)
--	--

2. HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

Hoạt động của GV - HS	Kiến thức cần đạt
1: GV hướng dẫn tìm hiểu về luật thơ (10 phút).	
<p>- B1: GV chuyển giao nhiệm vụ Cho học sinh dựa vào SGK nêu khái niệm luật thơ. Nêu ngắn gọn lí thuyết dựa theo SGK</p> <p>- <i>Nêu các thể thơ được sử dụng trong văn chương Việt Nam?</i></p> <p>- <i>Luật thơ hình thành trên cơ sở nào?</i></p> <p>- <i>Yếu tố nào đóng vai trò quan trọng trong sự hình thành luật thơ?</i></p> <p>- <i>Vì sao “tiếng” có vai trò quan trọng trong sự hình thành luật thơ?</i></p> <p>- B2: HS thực hiện nhiệm vụ - HS đọc SGK - HS Tái hiện kiến thức và trình bày.</p> <p>- B3: HS báo cáo kết quả Luật thơ là toàn bộ những qui tắc về số câu, số tiếng, cách hiệp vần, phép hài thanh, ngắt nhịp... trong các thể thơ được khái quát theo những kiểu mẫu nhất định - HS quan sát đoạn thơ của Thâm Tâm, nhận xét: Thanh điệu, vần, ngắt nhịp... HS theo dõi và ghi vở nội dung <i>Sự hình thành luật thơ:</i> Dựa trên các đặc trưng ngữ âm của tiếng Việt: * Tiếng là đơn vị có vai trò quan trọng: - Số tiếng trong câu tạo nên thể thơ - Vần của tiếng → hiệp vần (mỗi thể thơ có vị trí hiệp vần khác nhau). - Thanh của tiếng → hài thanh - Tiếng là cơ sở để ngắt nhịp (mỗi thể thơ có cách ngắt nhịp khác nhau).</p>	<p>I. Khái quát về luật thơ 1. Khái niệm: Luật thơ là toàn bộ những qui tắc về số câu, số tiếng, cách hiệp vần, phép hài thanh, ngắt nhịp... trong các thể thơ được khái quát theo những kiểu mẫu nhất định</p> <p>2. Các thể thơ: a. Thơ dân tộc: Lục bát, song thất lục bát, hát nói b. Đường luật: Ngũ ngôn, thất ngôn c. Hiện đại: Năm tiếng, bảy tiếng, tám tiếng, hỗn hợp, tự do, thơ - văn xuôi,...</p> <p>3. Sự hình thành luật thơ: Dựa trên các đặc trưng ngữ âm của tiếng Việt: * Tiếng là đơn vị có vai trò quan trọng: - Số tiếng : - Vần của tiếng : - Thanh của tiếng : - Tiếng là cơ sở để ngắt nhịp (mỗi thể thơ có cách ngắt nhịp khác nhau). * Số dòng trong bài thơ, quan hệ của các dòng thơ về kết cấu, về ý nghĩa cũng là yếu tố hình thành luật thơ</p>

<p>=> Số tiếng, vần, thanh của tiếng và ngắt nhịp là cơ sở để hình thành luật thơ</p> <p>* Số dòng trong bài thơ, quan hệ của các dòng thơ về kết cấu, về ý nghĩa cũng là yếu tố hình thành luật thơ</p> <p>- B4: GV nhận xét, chốt kiến</p>	
<p>2. GV hướng dẫn HS tìm hiểu một số thể thơ truyền thống</p>	
<p>- B1: GV chuyển giao nhiệm vụ</p> <p>Tổ chức cho HS thảo luận nhóm:</p> <p>Nhóm 1: Thể lục bát</p> <p>“ Trăm năm/ trong cõi/ người <u>ta</u> Chữ tài/ chữ mệnh/ khéo <u>là</u>/ghét <u>nhau</u> Trải qua/ một cuộc /bể <u>dâu</u> Những điều/ trông thấy/ mà <u>đau</u>/ đón lòng”</p> <p>- Gọi hs đọc, nhận xét cách đọc, cho hs nhận xét về số tiếng trong câu, hiệp vần, nhịp, hài thanh</p> <p>Nhóm 2: Thể song thất lục bát:</p> <p>Cho hs rút ra luật thơ của thể song thất lục bát qua 4 dòng thơ sau:</p> <p>“ Ngòi <u>đầu</u> <u>câu</u>/ nước trong như <u>lọc</u>, Đường <u>bên</u> <u>câu</u>/ cỏ <u>mọc</u> còn non. Đưa chàng/ lòng <u>dặc</u>/ <u>dặc</u> <u>buồn</u>, Bộ <u>khôn</u>/ bằng ngựa, thủy <u>khôn</u>/ bằng thuyền”</p> <p>Nhóm 3: Các thể ngũ ngôn Đường luật</p> <p>Cho học sinh tự rút ra luật thơ của thể thơ ngũ ngôn bát cú qua bài thơ sau:</p> <p>MẶT TRẮNG</p> <p>Vàng <u>vạc</u>/ bóng thuyền <u>quyên</u> Mây <u>quang</u>/ gió bốn <u>bên</u> Nè cho/ trời đất <u>trắng</u> Quét <u>sạch</u>/ núi sông <u>đen</u> Có <u>khuyết</u>/ nhưng tròn mãi Tuy già/ vẫn trẻ <u>lên</u> Mảnh <u>gương</u>/ chung thể <u>giới</u> Soi rõ:/ mặt hay, <u>hèn</u></p> <p>Cho hs tự rút ra luật thơ của thể thơ thất ngôn tứ tuyệt qua bài thơ sau:</p> <p>ÔNG PHỒNG ĐÁ</p> <p>Ông <u>đứng</u> làm <u>chi</u>/ đó <u>hồi</u> ông?</p>	<p>II. Luật thơ của một số thể thơ truyền thống</p> <p>1. Thể lục bát:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Số tiếng: - Vần: - Nhịp: - Hài thanh: <p>2. Thể song thất lục bát:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Số tiếng: - Vần: - Nhịp: - Hài thanh:

<p><i>Trơ trơ như đá/, vững như <u>đồng</u></i> <i>Đêm ngày gìn giữ/ cho ai <u>đó</u>?</i> <i>Non nước đầy vui/ có biết</i> <i><u>không</u>?</i></p> <p>Nhóm 4: <i>Các thể thất ngôn Đường luật:</i> + GV: Cho hs tự rút ra luật thơ của thể thất ngôn bát cú qua bài thơ sau: QUA ĐÈO NGANG <i>Bước tới Đèo Ngang/ bóng xế <u>tà</u></i> <i>Cỏ cây chen đá/, lá chen <u>hoa</u></i> <i>Lom khom dưới núi/, tiều vài</i> <i>chú, Lác đác bên sông/, chợ <u>mấy</u></i> <i><u>nhà</u>.</i> <i>Nhớ nước đau lòng/, con quốc quốc,</i> <i>Thương nhà mỏi miệng/ cái gia <u>gia</u>.</i> <i>Dừng chân đứng lại/, trời, non, nước,</i> <i>Một mảnh tình riêng/, ta với <u>ta</u></i></p> <p>TIẾNG THU <i>Em không nghe mùa thu</i> <i>Dưới trăng mờ thốn thức?</i> <i>Em không nghe rạo rục</i> <i>Hình ảnh kẻ chinh phu</i> <i>Trong lòng người cô phụ?</i> <i>Em không nghe rừng thu</i> <i>Lá thu rơi xào xạc,</i> <i>Con nai vàng ngơ</i> <i>ngác, Đạp trên lá vàng</i> <i>khô?</i></p> <p>- B2: HS thực hiện nhiệm vụ - B3: HS báo cáo kết quả HS đại diện nhóm trả lời</p> <p>* Nhóm 1 <i>Thể lục bát:</i> - Số tiếng: Câu 6 - câu 8 liên tục - Vần: + Tiếng thứ 6 hai dòng + Tiếng thứ 8 dòng bát với tiếng thứ 6 dòng lục - Nhịp: Chẵn, dựa vào tiếng có thanh</p>	<p>không đối (2, 4, 6 → 2/2/2) - Hải thanh: + Tiếng 2 (B), tiếng 4 (T), tiếng 6 (B). + Đối lập âm vực trầm bổng ở tiếng 6,</p>
---	---

3. Các thể ngũ ngôn Đường luật

a. Ngũ ngôn tứ tuyệt:

b. Ngũ ngôn bát cú:

- Số tiếng:

- Vận:

- Nhịp: 2/3

- Hải thanh:

4. Các thể thất ngôn Đường luật:

a. Thất ngôn tứ tuyệt:

- Số tiếng:

- Vận:

- Nhịp:

- Hải thanh:

b. Thất ngôn bát cú:

- Số tiếng:

- Vận:

- Nhịp:

- Hải thanh:

Ngũ ngôn 12

<p>8 dòng bát</p> <p>* Nhóm 2</p> <p><i>Thể song thất lục bát:</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Số tiếng: 2 dòng 7, dòng 6 - dòng 8 liên tục - Vần: <ul style="list-style-type: none"> + Cặp song thất: tiếng 7 - tiếng 5 hiệp vần vần T + Cặp lục bát hiệp vần B, liền - Nhịp: 2 câu thất 3/4 ; lục bát 2/2/2 - Hải thanh: song thất: tiếng 3 linh hoạt B/T <p>* Nhóm 3</p> <p><i>Các thể ngũ ngôn Đường luật</i></p> <ol style="list-style-type: none"> Ngũ ngôn tứ tuyệt: <ul style="list-style-type: none"> - Số tiếng: 5, số dòng: 8 - Vần: độc vận, vần cách - Nhịp: 2/3 - Hải thanh: Có sự luân phiên B-T hoặc niêm B - B, T - T ở tiếng thứ 2,4 <p>* Nhóm 4</p> <ol style="list-style-type: none"> Thất ngôn tứ tuyệt: <ul style="list-style-type: none"> - Số tiếng: 7, số dòng: 4 - Vần: vần chân, độc vận, vần cách - Nhịp: 4/3 - Hải thanh: theo mô hình trong sgk. Thất ngôn bát cú: <ul style="list-style-type: none"> - Số tiếng: 7, số dòng: 8 (4 phần: đề, thực, luận, kết). - Vần: vần chân, độc vận ở các câu 1, 2, 4, 6, 8 - Nhịp: 4/3 - Hải thanh: theo mô hình trong sgk. <ul style="list-style-type: none"> - B4: GV nhận xét, chốt kiến thức , chuyển giao nhiệm vụ mới - B1: GV chuyển giao nhiệm vụ - Yêu cầu cho biết nguồn gốc của thơ mới 	<p>Cho hs xác định thể thơ, số dòng, gieo</p>
---	---

Ngữ văn 12

5. Các thể thơ hiện đại:

- Ảnh hưởng của thơ Pháp
- Vừa tiếp nối luật thơ trong thơ truyền thống vừa có sự cách tân

<p>vần từ đó rút ra mối quan hệ giữa thơ truyền thống và thơ hiện đại <i>HS trả lời cá nhân</i></p> <p>- B2: HS thực hiện nhiệm vụ - B3: HS báo cáo kết quả - Ảnh hưởng của thơ Pháp - Vừa tiếp nối luật thơ trong thơ truyền thống vừa có sự cách tân - B4: GV nhận xét, chốt kiến thức</p>	
3. GV HƯỚNG DẪN LUYỆN TẬP (35 PHÚT)	
<p>- B1: GV chuyển giao nhiệm vụ - GV: Yêu cầu hs chia thành 4 nhóm + Nhóm 1, 2: Làm câu a. + Nhóm 3, 4: Làm câu b.</p> <p>-B2: HS thực hiện nhiệm vụ HS: Tiến hành thảo luận trong 3 phút - B3: HS báo cáo kết quả Đại diện từng nhóm lên bảng viết lại</p> <p>Nhóm 1, 2: a. Hai câu song thất: - Gieo vần: “<i>Nguyệt, mị</i>”: Tiếng thứ 7 và tiếng thứ 5 → vần lưng - Ngắt nhịp: 3/4 - Hai thanh: Tiếng thứ 3: “ <i>thành, Tuyền</i>”: đều là tiếng B</p> <p>Nhóm 3, 4 Thể thất ngôn Đường luật: - Gieo vần: “<i>xa, hoa, nhà</i>”: Tiếng cuối câu 1, 2, 4 → vần chân, vần cách (hoa –</p>	<p>III. Luyện tập Phân biệt cách gieo vần, ngắt nhịp, hài thanh:</p> <p>a. Hai câu song thất:</p> <p>b. Thể thất ngôn Đường luật:</p> <p>- Gieo vần: - Ngắt nhịp: - Hài thanh:</p>

<p>như, thụ, vẽ, lo B T T B</p> <p>+ Tiếng thứ 6 các dòng: hát, lòng, chưa, nước T B B T</p> <p>- B4 : GV Nhận xét, bổ sung, cho hs rút ra sự khác nhau về gieo vần, ngắt nhịp, hài thanh của 2 câu thơ 7 tiếng trong thể song thất lục bát với thể</p>	
--	--

3.LUYỆN TẬP

Hoạt động của GV - HS	Kiến thức cần đạt
<p>- B1:GV giao nhiệm vụ:</p> <p>Câu hỏi 1: Luật thơ không được biểu hiện ở quy tắc nào sau đây ?</p> <p>a. Quy tắc gieo vần b. Quy tắc ngắt nhịp c. Quy tắc tu từ d. Quy tắc hài thanh.</p> <p>Câu hỏi 2: Các thể thơ Việt Nam được phân chia thành mấy loại lớn?</p> <p>a. Hai loại. b. Ba loại c. Bốn loại d. Năm loại</p> <p>Câu hỏi 3: Thể thơ nào sau đây không phải là thể thơ dân tộc truyền thống?</p> <p>a. Thể thơ văn xuôi b. Thể lục bát c. Thể song thất lục bát d. Thể hát nói</p> <p>Câu hỏi 4: Thể thơ nào sau đây thể hiện sự Việt hoá thể thơ luật Đường?</p> <p>a. Thể thất ngôn xen lục ngôn b. Thể ngũ ngôn bát cú</p>	<p>c. Quy tắc tu từ</p> <p>b. Ba loại</p> <p>a. Thể thơ văn xuôi</p>

Ngữ văn 12

c. Thể thất ngôn tứ tuyệt

d. Thể ngũ ngôn tứ tuyệt

Câu hỏi 5: Thể thơ nào sau đây được coi là thể thơ hoàn toàn mới ở Việt Nam ?

a. Thể thơ hai tiếng

b. Thể thơ bốn tiếng

c. Thể thơ tám tiếng

d. **Thể thơ tự do và thơ văn xuôi**

- B2: HS thực hiện nhiệm vụ:

- B3: HS báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ:

- B4: GV nhận xét, chốt kiến thức

a. Thể thất ngôn xen lục ngôn

d. Thể thơ tự do và thơ văn xuôi

4. VẬN DỤNG

Hoạt động của GV - HS	Kiến thức cần đạt
<p>- B1:GV giao nhiệm vụ: Phân tích Luật thơ đoạn thơ thứ ba “Tây tiến đoàn binh...khúc độc hành” trong bài thơ Tây Tiến của Quang Dũng.</p> <p>- B2: HS thực hiện nhiệm vụ:</p> <p>- B3: HS báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ:</p> <p>- B4: GV nhận xét, chốt kiến thức</p>	<p>Biết vận dụng luật thơ để phân tích</p>

5. MỞ RỘNG VÀ SÁNG TẠO

Hoạt động của GV - HS	Kiến thức cần đạt
<p>-B1:GV giao nhiệm vụ:</p> <ol style="list-style-type: none"> Lập bảng niêm luật bài thơ Độc Tiểu Thanh kí của Nguyễn Du Phân tích luật thơ qua bài thơ Đây thôn Vĩ Dạ của Hàn Mặc Tử. <p>- B2: HS thực hiện nhiệm vụ:</p> <p>- B3: HS báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ:</p> <p>- B4: GV nhận xét, chốt kiến thức</p>	<p>- Lập bảng niêm luật đúng theo luật thơ quy định</p> <p>Biết vận dụng luật thơ để phân tích</p>

.....
.....
.....

Tuần

Ngày soạn:.....

Tiết 25

Ngày kí:.....

TRẢ BÀI VIẾT SỐ 2

A. VẤN ĐỀ CẦN GIẢI QUYẾT

I. Tên bài học : Trả bài viết số 2

II. Hình thức dạy học : DH trên lớp.

III. Chuẩn bị của giáo viên và học sinh

1. *Giáo viên*: Bài kiểm tra của HS

2. *Học sinh*: Sách giáo khoa, bài soạn.

B. NỘI DUNG BÀI HỌC

C. MỤC TIÊU BÀI HỌC

I. Kiến thức: củng cố những kiến thức và kỹ năng làm văn có liên quan đến bài làm

II. Kỹ năng: Nhận ra được những ưu điểm và thiếu sót trong bài làm của mình về các mặt kiến thức và kỹ năng viết bài văn nói chung.

III. Thái độ: Có định hướng và quyết tâm phấn đấu để phát huy ưu điểm, khắc phục các thiếu sót trong bài văn sau.

IV. Định hướng góp phần hình thành năng lực

Ngữ văn 12

Phát huy năng lực tự học và tự chủ, năng lực giao tiếp và hợp tác, năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo, năng lực ngôn ngữ, năng lực tìm hiểu tự nhiên và xã hội, năng lực thưởng thức văn học và cảm thụ thẩm mỹ...

D. TIỀN TRÌNH BÀI GIẢNG:

<i>Hoạt động của thầy và trò</i>	<i>Kiến thức cơ bản</i>
<p>* GV Hướng dẫn học sinh phân tích đề.</p> <ul style="list-style-type: none"> - B1: GV chuyển giao nhiệm vụ - <i>Khi phân tích một đề bài, ta cần phân tích những gì?</i> - <i>Bài viết cần theo thể loại nào, sử dụng những thao tác lập luận nào?</i> - <i>Dẫn chứng ta có thể lấy từ đâu?</i> - B2: HS thực hiện nhiệm vụ - B3: HS báo cáo kết quả - B4: GV nhận xét, chốt kiến thức 	<p><i>Đề bài : Suy nghĩ của em về tấm lòng nhân hậu trong cuộc sống</i></p> <p>I. Phân tích đề:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nội dung vấn đề: Tấm lòng nhân hậu trong cuộc sống - Thể loại và thao tác nghị luận: nghị luận xã hội: giải thích, phân tích, chứng minh, bình luận, bác bỏ... - Phạm vi tư liệu: <ul style="list-style-type: none"> + Trong thực tế cuộc sống + Những danh ngôn, ca dao, tục ngữ... nói về ý nghĩa của tấm lòng nhân hậu
<p>* GV Hướng dẫn học sinh lập dàn ý.</p> <ul style="list-style-type: none"> - B1: GV chuyển giao nhiệm vụ - <i>Mở bài ta có thể giới thiệu những ý nào?</i> - Luận điểm 1 là gì? - <i>Thể nào là người có tấm lòng nhân hậu?</i> - Biểu hiện cụ thể của tấm lòng nhân hậu trong cuộc sống? - Vai trò, tác dụng của tấm lòng nhân hậu - <i>Luận điểm 3 là gì?</i> - <i>Ta cần phê phán những người sống không có tấm lòng nhân hậu như thế nào?</i> - <i>Luận điểm 4 là gì?</i> - <i>Ta có thể rút ra bài học gì cho</i> 	<p>II. Xây dựng dàn ý:</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Mở bài: <ul style="list-style-type: none"> Dẫn dắt giới thiệu về tấm lòng nhân hậu trong cuộc sống 2. Thân bài: <ul style="list-style-type: none"> - Người có tấm lòng nhân hậu : - Biểu hiện: - Phê phán: - Bài học: 3. KB: Khẳng định, ca ngợi lại những người có tấm lòng nhân hậu

<p><i>bản thân?</i></p> <p>- Phần kết bài ta có thể trình bày những ý nào?</p> <p>- B2: HS thực hiện nhiệm vụ - B3: HS báo cáo kết quả - B4: GV nhận xét, chốt kiến thức</p>	
<p>* Giáo viên nhận xét về bài văn của học sinh.</p> <p>- B1: GV chuyển giao nhiệm vụ</p> <p>- <i>Từ những yêu cầu của đề bài, các em hãy cho biết các em đã làm được những gì và những gì chưa làm được trong bài làm của mình?</i></p> <p>- B2: HS thực hiện nhiệm vụ - B3: HS báo cáo kết quả - B4: GV nhận xét, chốt kiến thức</p>	<p>III. Nhận xét chung:</p> <p>1. Ưu điểm:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Về kĩ năng: một số biết vận dụng kiểu văn nghị luận - Về kiến thức: xác định được các luận điểm cần thiết cho bài văn - Bố cục: rõ ràng, đủ 3 phần - Về diễn đạt: tương đối rõ ràng, biết vận dụng các phương tiện để liên kết câu và đoạn. <p>2. Nhược điểm:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đa số chưa xác định được các luận điểm cần thiết. - Bài viết thiếu dẫn chứng, chưa đủ sức thuyết phục. - Còn sai nhiều lỗi chính tả, trình bày bản
<p>* GV Hướng dẫn học sinh chữa những lỗi tiêu biểu trong bài viết.</p> <p>- B1: GV chuyển giao nhiệm vụ</p> <p>- Nêu các lỗi mà học sinh thường gặp trong bài văn của mình. Yêu cầu HS sửa lại</p> <p>- B2: HS thực hiện nhiệm vụ - B3: HS báo cáo kết quả - B4: GV nhận xét, chốt kiến thức</p>	<p>IV. Sửa lỗi bài viết:</p> <p>* Các lỗi thường gặp cần tránh:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thiếu ý, thiếu trọng tâm, ý không rõ, sắp xếp ý không hợp lí. - Sự kết hợp các thao tác lập luận chưa hài hoà, chưa phù hợp với từng ý. - Kĩ năng phân tích, cảm thụ còn kém. - Diễn đạt chưa tốt, còn dùng từ, viết câu sai, diễn đạt tối nghĩa, trùng lặp <p>* Một số lỗi phổ biến:</p> <ul style="list-style-type: none"> - <i>Chẳng lẽ những việc như vậy chúng ta không làm được hay sao, có chẳng là chúng ta không chịu làm.</i> <p>✉ Cách viết khẩu ngữ, đề nghị sửa lại: Những việc như vậy chúng ta có thể làm được.</p> <ul style="list-style-type: none"> - <i>Là một học sinh còn ngồi trên ghế nhà trường,</i>

<p>- B1: : GV chuyển giao nhiệm vụ</p> <p>GV chọn hai bài viết tốt nhất và kém nhất để đọc cho cả lớp nghe</p> <p>- B2: HS lắng nghe, rút kinh nghiệm</p> <p>- B1: GV trả bài viết cho HS xem</p> <p>-B2: HS xem lại bài viết và rút kinh nghiệm</p>	<p><i>em hứa sẽ cố gắng tu dưỡng đạo đức.</i></p> <p>☑ Cách diễn đạt không phù hợp với bài văn nghị luận. Đề nghị: bỏ cả câu.</p> <p><i>- Luôn quan tâm chăm sóc em út.</i></p> <p>☑ Câu thiếu chủ ngữ. Đề nghị sửa lại: Chúng ta phải quan tâm chăm sóc em mình</p> <p>V. Đọc bài viết</p> <p>VI. Trả bài viết</p>
---	--

Tuần

Ngày soạn:.....

Tiết 26

Ngày kí:.....

PHÁT BIỂU THEO CHỦ ĐỀ

A. VẤN ĐỀ CẦN GIẢI QUYẾT

I. Tên bài học : Phát biểu theo chủ đề

II. Hình thức dạy học : DH trên lớp.

III. Chuẩn bị của giáo viên và học sinh Thầy

- Giáo án
- Phiếu bài tập, trả lời câu hỏi
- Những tình huống được đưa ra để HS phát biểu...
- Bảng phân công nhiệm vụ cho học sinh hoạt động trên lớp
- Bảng giao nhiệm vụ học tập cho học sinh ở nhà

Trò

- Đọc trước các ngữ liệu trong SGK

-Các sản phẩm thực hiện nhiệm vụ học tập ở nhà (do giáo viên giao từ tiết trước)

-Đồ dùng học tập **B. NỘI DUNG BÀI HỌC**

Phát biểu theo chủ đề

C. MỤC TIÊU BÀI HỌC

I. Kiến thức :

a/ Nhận biết: Biết chuẩn bị đề cương để diễn thuyết một vấn đề trước tập thể ; biết phát biểu một vấn đề theo chủ đề .

b/ Thông hiểu:Hiểu ý kiến của những người tham gia, biết điều chỉnh, bổ sung ý kiến của mình, biết cách biểu thị sự tán đồng hay tranh luận, bác bỏ một cách co' văn hoá

c/Vận dụng thấp:Vận dụng được những hiểu biết xã hội và những kĩ năng đã được rèn luyện trong hệ thống các bài nghị luận xã hội đã học để chủ động trình bày ý kiến về một vấn đề mang tính thời sự liên quan thiết thực đến đời sống của cộng đồng

d/Vận dụng cao:Vận dụng, tích hợp bài học đặc điểm ngôn ngữ nói, hoạt động giao tiếp bằng ngôn ngữ; ngôn ngữ cá nhân để trình bày , phát biểu

II. Kĩ năng :

a/ Biết làm: đề cương và phát biểu miệng theo chủ đề trước tập thể

b/ Thông thạo: các bước chuẩn bị và thực hiện phát biểu miệng theo chủ đề trước tập thể

III.hái độ :

a/ Hình thành thói quen: phát biểu theo chủ đề, thể hiện được văn hoá khi phát biểu

b/ Hình thành tính cách: tự tin khi trình bày trước tập thể về chủ đề cho trước.

c/Hình thành nhân cách: có ý thức gắn bó với tập thể, thể hiện quan điểm, lập trường vững vàng.

IV. Những năng lực cụ thể học sinh cần phát triển:

-Năng lực thu thập thông tin liên quan đến văn bản

-Năng lực hợp tác để cùng thực hiện nhiệm vụ học tập

-Năng lực giải quyết những tình huống đặt ra trong quá trình phát biểu

-Năng lực sử dụng ngôn ngữ, trình bày suy nghĩ của cá nhân về vấn đề cần phát biểu

D. TIẾN TRÌNH TỔ CHỨC BÀI HỌC

1. KHỞI ĐỘNG (5 phút)

<i>Hoạt động của Thầy và trò</i>	<i>Nội dung cần đạt</i>
- B1: GV giao nhiệm vụ: GV hướng dẫn học sinh tìm hiểu về bài học bằng câu hỏi sau:	phát biểu theo chủ đề hậu quả của nghiện trò

<p>Anh/ chị hãy phát biểu ý kiến của mình sau khi đọc văn bản sau:</p> <p><i>Người nghiện Pokemon Go hay bất kỳ game online nào lâu ngày sẽ làm đầu óc hỏng dần, giống như ổ cứng máy vi tính đã lưu hết dữ liệu thì không còn khả năng lưu thêm để tiếp tục làm việc. Không chỉ ảnh hưởng đến sức khỏe, người nghiện game còn dễ trở thành gánh nặng cho xã hội nếu sa đà vào các trò chơi mà không chịu làm việc, kéo theo đó là nảy sinh các tệ nạn xã hội. Trò chơi không phải là xấu, mà trách nhiệm đầu tiên là người chơi phải biết có chừng mực, tỉnh táo, đừng để trò chơi đó làm ảnh hưởng đến sức khỏe của bản thân.</i></p> <p>(Ý kiến của Bác sĩ Thái Duy Thành (Khoa Thần kinh, Bệnh viện Bạch Mai - Hà Nội)(http://laodongthudo.vn/pokemon-go-tro-choi-ao-tac-hai-that-11-8-2016)</p> <p>- B2: HS thực hiện nhiệm vụ:</p> <p>- B3: HS báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ:</p> <p>- B4: Sau khi học sinh phát biểu, giáo viên nhận xét, giới thiệu vào bài: Trong cuộc sống, chúng ta thường phát biểu theo chủ đề cho trước hoặc phát biểu theo kiểu ngẫu hứng nhằm thể hiện nhận thức, tư tưởng, tình cảm, quan điểm của cá nhân trước những vấn đề mang tính xã hội, văn học... Để cho việc phát biểu đạt kết quả tốt đẹp, hôm nay chúng ta chuyển sang tìm hiểu chủ đề về PHÁT BIỂU THEO CHỦ ĐỀ</p>	<p>chơi Pokemon Go</p>
---	------------------------

2. HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

Hoạt động của GV - HS	Kiến thức cần đạt
<p>Hoạt động 1: Các bước chuẩn bị phát biểu(15 phút).</p> <p>* Thao tác 1 : HD hs các bước chuẩn bị phát biểu. - B1: GV chuyển giao nhiệm vụ Đọc kỹ chủ đề cần phát biểu và thực hiện các yêu cầu của GV. - Những nguyên nhân của TNGT. - TNGT và những hậu quả nghiêm trọng của nó. - Những giải pháp góp phần giảm thiểu TNGT...</p>	
	<p>I. Các bước chuẩn bị phát biểu 1. Xác định nội dung cần phát biểu. * Chủ đề phát biểu: - Những hậu quả nghiêm trọng của tai nạn giao thông đối với cs con người - Nguyên nhân gây ra tai nạn giao thông - Những giải pháp góp phần giảm thiểu tai nạn giao thông: * Nên phát biểu tập trung vào nội dung thứ ba vì đó là trọng tâm của chủ đề</p>

<p>Cho HS đọc lại chủ đề phát biểu trong SGK và hướng dẫn học sinh thực hiện các bước:</p> <p>-Em hãy xác định chủ đề phát biểu, các nội dung cần phát biểu theo chủ đề đó?</p> <p>-Theo em, nên tập trung nội dung nào nhiều hơn? Vì sao?</p> <p>- Dự kiến đề cương gồm mấy phần?</p> <p>- Hãy lập đề cương với nội dung: “Khắc phục tình trạng đi ẩu, nguyên nhân chủ yếu của TNGT” ?</p> <p>- Ngoài việc chuẩn bị đề cương, còn phải làm gì để có thể phát biểu theo chủ đề một cách chủ động và hiệu quả?</p> <p>- B2: HS thực hiện nhiệm vụ:</p> <p>- B3: HS Tái hiện kiến thức và trình bày.</p> <p>* Chủ đề phát biểu:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Những hậu quả nghiêm trọng của tai nạn giao thông đối với cs con người - Nguyên nhân gây ra tai nạn giao thông - Những giải pháp góp phần giảm thiểu tai nạn giao thông: <ul style="list-style-type: none"> + Tuyên truyền ý thức tự giác chấp hành luật giao thông cho mọi người. + Phối kết hợp các cấp chính quyền trong việc xử lí những người cố tình vi phạm luật giao thông + Tăng cường công tác gd về luật ATGT trong nhà trường. <p>* Nên phát biểu tập trung vào nội dung thứ ba vì đó là trọng tâm của chủ đề được mọi người chú ý và bộc lộ những suy nghĩ riêng của người phát biểu.</p> <p>* Đề cương gồm 3 phần.</p> <p>* Đề cương:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Phần mở đầu: Giới thiệu tình trạng gia tăng TNGT hiện nay và hậu quả nghiêm 	<p>trọng của nó. Trong đó đi ẩu là một trong những nguyên nhân gây TNGT.</p> <p>- Nội dung:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Thế nào là đi ẩu. + Những biểu hiện của đi ẩu.
---	---

Ngữ văn 12

được mọi người chú ý và bộc lộ những suy nghĩ riêng của người phát biểu.

* Chuẩn bị nội dung:

2. Dự kiến đề cương phát biểu.

* Chọn nội dung phát biểu phù hợp.

* Lập đề cương theo nội dung đã chọn:

“Khắc phục tình trạng đi ầu, nguyên nhân chủ yếu của TNGT”

* Bố cục đề cương:

- Mở bài: Giới thiệu khái quát nội dung.

- Thân bài: Trình bày hệ thống ý trong nội dung.

- Kết bài: Lời kết thúc và cảm ơn.

Ngoài ra người phát biểu còn phải:

- Tìm hiểu thêm về đối tượng tham gia hội thảo.

- Lắng nghe và học tập phong cách của những người đã phát biểu trước đó.

- Dự kiến giọng điệu, cử chỉ khi phát biểu.

- Hình dung trước một số tình huống để chủ động giải quyết.

<p>+ Những TNGT do đi ẩu. + Các biện pháp chống hành vi đi ẩu. - Kết luận: + Đi ẩu là nguyên nhân gây ra nhiều vụ TNGT. + Kêu gọi mọi người hãy chấp hành đúng luật GT, chấm dứt hành vi phóng nhanh vượt ẩu nhằm bảo đảm ATGT. - Giáo viên giảng thêm: + Đề cương chỉ là hệ thống ý, không viết thành văn, sắp xếp thật lôgích. + Nội dung phát biểu phải đúng trọng tâm, không lặp lại ý của người khác. + Thái độ, cử chỉ đúng mực, lịch sự; giọng nói phải phù hợp với nội dung và cảm xúc. - B4: GV nhận xét, chốt kiến thức, chuyển giao nhiệm vụ mới</p> <p>- B1: GV chuyển giao nhiệm vụ <i>Các bước để chuẩn bị phát biểu theo chủ đề?</i></p> <p>- B2: HS thực hiện nhiệm vụ</p> <p>- B3: HS báo cáo kết quả - Xác định đúng nội dung cần phát biểu: + Chủ đề của buổi hội thảo. + Những nd chính của chủ đề + Lựa chọn nd cần phát biểu - Dự kiến đề cương phát</p>	<p>3. Các bước chuẩn bị phát biểu - Xác định đúng nội dung cần phát biểu: - Dự kiến đề cương phát biểu:</p>
<p>2. GV hướng dẫn HS phát biểu ý kiến.(10 PHÚT)</p>	
<p>- B1: GV chuyển giao nhiệm vụ Cho HS trình bày bài phát biểu trước lớp. Cho cả lớp nhận xét, bổ sung và rút ra cách phát biểu theo chủ đề. (Phần ghi nhớ trong SGK)</p>	<p>II. Phát biểu ý kiến. - Giới thiệu khái quát nội dung sẽ phát biểu, - Trình bày nội dung theo đề cương đã dự kiến. - Kết thúc và nói lời cảm ơn. * Cách phát biểu theo chủ đề:</p>

Ngữ văn 12

<ul style="list-style-type: none"> - Giới thiệu khái quát nội dung sẽ phát biểu, - Trình bày nội dung theo đề cương đã dự kiến. - Kết thúc và nói lời cảm ơn. <p>* Cách phát biểu theo chủ đề:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Lựa chọn nội dung phát biểu phù hợp với chủ đề. - Dự kiến nội dung chi tiết và sắp xếp thành đề cương. - Có thái độ, cử chỉ, giọng nói: đúng mực, lịch sự, phù hợp với nội dung và cảm xúc. <p>- B4: GV nhận xét, chốt kiến thức</p>	
3. GV hướng dẫn HS làm bài tập phần luyện tập(15 PHÚT)	
<p>- B1: GV chuyển giao nhiệm vụ Tổ chức cho HS thảo luận nhóm: Nhóm 1,3: Bài tập 1: HS xác định trong 4 ý kiến theo chủ đề, những ý kiến nào chưa phù hợp và nêu ý kiến phản bác. Nếu tán đồng với ý kiến nào thì hãy phân tích sâu sắc ý kiến đó đồng thời trình bày quan niệm riêng của mình về hạnh phúc Nhóm 2, 4: Bài tập 2 - B2: HS thực hiện nhiệm vụ - B3: HS báo cáo kết quả . Nhóm 2,4: - Vào đại học là ước mơ, là nguyện vọng chính đáng của HS, thanh niên. - Tuy nhiên không phải vào đại học là cách lập thân duy nhất. Sau khi tốt nghiệp THPT, HS có thể không theo học đại học mà có thể theo học ở các trường dạy nghề, tùy theo năng lực, sở trường của mình. - Điều đáng nói là trong xã hội ngày nay, mọi người sẽ luôn luôn được học tập suốt đời. Vì vậy học sinh, thanh niên sẽ có nhiều cơ hội tiếp tục học tập để nâng cao trình độ,</p>	<p>III. Luyện tập Bài tập 1:</p> <p>Bài tập 2: Dựa vào gợi ý trong sgk và hướng dẫn của GV, HS chọn nội dung cần trình bày và lập đề cương phát biểu.</p>

3. LUYỆN TẬP

Hoạt động của GV - HS	Kiến thức cần đạt
<p>- B1: GV giao nhiệm vụ:</p> <p>Câu hỏi 1: Để chuẩn bị cho bài phát biểu theo chủ đề, cần chú ý điểm nào sau đây?</p> <p>a. Lựa chọn nội dung phát biểu phù hợp với chủ đề chung</p> <p>b. Cần phải dự kiến được nội dung chi tiết bài phát biểu</p> <p>c. Nội dung bài phát biểu phải sắp xếp thành đề cương</p> <p>d. Cả 3 ý trên đều đúng</p> <p>Câu hỏi 2: Dòng nào chưa chính xác khi nói về những điều cần chú ý trong khi tiến hành bài phát biểu theo chủ đề?</p> <p>a. Cần có thái độ lịch sự .</p> <p>b. Cần có cử chỉ đúng mực</p> <p>c. Cần chú ý tới nội dung bài phát biểu là có thể thành công</p> <p>d. Điều khiển giọng nói phù hợp với nội dung và cảm xúc</p> <p>Câu hỏi 3: Theo em nên chọn dàn ý nào sau đây để phát biểu trong buổi thảo luận về chủ đề : "Tuổi trẻ phải sống đẹp"</p> <p>a. Dàn ý I :</p> <ul style="list-style-type: none"> -Sống như thế nào là sống đẹp -Vì sao tuổi trẻ phải biết sống đẹp -Tuổi trẻ hôm nay nên sống đẹp như thế nào <p>b. Dàn ý II:</p> <ul style="list-style-type: none"> -Vì sao tuổi trẻ phải biết sống đẹp -Sống như thế nào là sống đẹp -Tuổi trẻ hôm nay nên sống đẹp như thế nào <p>c. Dàn ý III:</p> <ul style="list-style-type: none"> -Tuổi trẻ hôm nay nên sống đẹp như thế nào -Vì sao tuổi trẻ phải biết sống đẹp -Sống như thế nào là sống đẹp <p>d. Dàn ý IV:</p> <ul style="list-style-type: none"> -Nêu những quan niệm sống không đẹp -Vì sao tuổi trẻ phải biết sống đẹp -Tuổi trẻ hôm nay nên sống đẹp như thế nào 	<p>d. Cả 3 ý trên đều đúng</p> <p>c. Cần chú ý tới nội dung bài phát biểu là có thể thành công</p> <p>b. Dàn ý II:</p> <ul style="list-style-type: none"> -Vì sao tuổi trẻ phải biết sống đẹp -Sống như thế nào là sống đẹp -Tuổi trẻ hôm nay nên sống đẹp

<p>phát biểu theo chủ đề sau: <i>Sức hấp dẫn của bản Tuyên ngôn Độc lập (Hồ Chí Minh).</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - B2: HS thực hiện nhiệm vụ: - B3: HS báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ: - B4: GV nhận xét, cho điểm 	<p>HS tham khảo một số ý cụ thể sau đây để triển khai bài viết:</p> <p>I/Mở bài</p> <ul style="list-style-type: none"> -Giới thiệu về hoàn cảnh ra đời của Tuyên ngôn Độc lập. -Nêu vấn đề: Tuyên ngôn Độc lập có sức hấp dẫn đặc biệt bởi ý nghĩa lịch sử và giá trị văn học của nó. <p>II/Thân bài</p> <p>1.Về ý nghĩa lịch sử của Tuyên ngôn Độc lập:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Là một văn kiện lịch sử quan trọng, Tuyên ngôn Độc lập đã tổng kết một thời kì đau thương nhưng vô cùng anh dũng trong cuộc đấu tranh giành độc lập và khẳng định mạnh mẽ quyền độc lập, tự do của nước Việt Nam mới. + Tuyên ngôn Độc lập đã khẳng định được vị thế của dân tộc Việt Nam - một dân tộc nhỏ bé nhưng có lòng yêu nước, ý chí tự cường và tinh thần chiến đấu ngoan cường trước toàn thế giới. + Tuyên ngôn Độc lập là niềm tự hào, khích lệ đối với toàn thể nhân dân Việt Nam lúc bấy giờ và các thế hệ mai sau về quyền tự do, độc lập và tinh thần sẵn sàng chiến đấu, hi sinh để bảo vệ quyền tự do, độc lập ấy. <p>2.Về giá trị văn học: Tuyên ngôn Độc lập là áng văn nghị luận bất hủ với lập luận chặt chẽ, lí lẽ đanh thép, ngôn ngữ hùng hồn.</p> <ul style="list-style-type: none"> + Mở đầu bản tuyên ngôn, Chủ tịch Hồ Chí Minh trích dẫn những "lời bất hủ" trong bản Tuyên ngôn Độc lập của Mỹ năm 1776 và Tuyên ngôn Nhân quyền và Dân quyền của cách mạng Pháp năm 1791, tạo căn cứ pháp lí vững chắc về quyền độc lập của dân tộc Việt Nam. + Để đập tan những luận điệu của thực dân Pháp về việc Việt Nam là thuộc địa và Pháp có quyền quay trở lại Việt Nam, bản tuyên ngôn đã đưa ra những lí lẽ đanh thép, những bằng chứng không thể chối cãi để tố cáo tội ác xâm lược của thực dân Pháp, khẳng định bản chất phản động, đi ngược lại với chủ trương chống phát xít của thực dân Pháp ở Đông Dương, đồng thời khẳng định vai trò của Việt Minh trong cuộc chiến đấu chống phát xít Nhật.
---	---

	<p>+ Bản tuyên ngôn vang lên với giọng điệu hào sảng, tràn đầy niềm tin, thể hiện ý chí, quyết tâm bảo vệ quyền độc lập, tự do của cả một dân tộc.</p> <p>III/Kết bài</p> <p>-Khẳng định tác động lớn lao của bản Tuyên ngôn Độc lập đối với lịch sử Việt Nam thế kỉ XX và vị trí của tác phẩm trong di sản văn học dân tộc.</p> <p>-Nêu những ấn tượng sâu sắc của bản thân về tác phẩm.</p>
--	---

5. MỞ RỘNG VÀ SÁNG TẠO

Hoạt động của GV - HS	Kiến thức cần đạt
<p>- B1GV giao nhiệm vụ:</p> <p>1. Làm đề cương và phát biểu theo chủ đề về 1 hiện tượng đời sống mà anh/chị quan tâm.</p> <p>2. Làm đề cương và phát biểu theo chủ đề về 1 nhà thơ mà anh/chị ngưỡng mộ.</p> <p>- B2: HS thực hiện nhiệm vụ:</p> <p>- B3: HS báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ:</p> <p>- B4: GV nhận xét, cho điểm</p>	<p>Học sinh vận dụng lí thuyết đã học để lập 02 đề cương</p>

.....

.....

.....

.....

Tuần

Ngày soạn:.....

Tiết 27-28

Ngày kí:.....

Đất nước (Trích Mặt đường khát vọng). Đọc thêm: Đất nước (Nguyễn Đình Thi)

A. VẤN ĐỀ CẦN GIẢI QUYẾT

I. Tên bài học : Đất nước

II. Hình thức dạy học : DH trên lớp.

III. Chuẩn bị của giáo viên và học sinh

I/Thầy

-Giáo án

-Phiếu bài tập, trả lời câu hỏi

Ngữ văn 12

- Ảnh chân dung Nguyễn Khoa Điềm, Nguyễn Đình Thi (phóng to); tập trường ca *Mặt đường khát vọng* và một số tập thơ của Nguyễn Khoa Điềm.

- Suu tầm một số câu ca dao, tục ngữ, thành ngữ có liên quan đến những câu thơ của Nguyễn Khoa Điềm.

-Bảng phân công nhiệm vụ cho học sinh hoạt động trên lớp

-Bảng giao nhiệm vụ học tập cho học sinh ở nhà

II/Trò

-Đọc trước ngữ liệu trong SGK để trả lời câu hỏi tìm hiểu bài

-Các sản phẩm thực hiện nhiệm vụ học tập ở nhà (do giáo viên giao từ tiết trước)

-Đồ dùng học tập

B. NỘI DUNG BÀI HỌC

Đất nước

C. MỤC TIÊU BÀI HỌC

I. Kiến thức :

a/ Nhận biết:

-Tác giả, hoàn cảnh sáng tác ,xuất xứ ...

- Xác định thể loại thơ

- Xác định bố cục bài thơ .

- Phát hiện các chi tiết, biện pháp nghệ thuật đặc sắc trong văn bản.

b/ Thông hiểu:

-Hiểu được đặc trưng thể loại thơ, trường ca

-Hiểu được mạch cảm xúc của đoạn trích

-Lý giải ý nghĩa, tác dụng của từng biện pháp nghệ thuật.

c/Vận dụng thấp:

-Phân tích cảm xúc chủ đạo của tác giả ;

-Đánh giá nét đặc sắc về phương diện nghệ thuật.

d/Vận dụng cao:Viết bài cảm nhận riêng về đoạn thơ hoặc ý kiến bàn về đoạn thơ. So sánh điểm tương đồng và dị biệt về những đoạn thơ có cùng chủ đề.

II. Kỹ năng :

a/ Biết làm: bài nghị luận về một đoạn thơ, một ý kiến bàn về đoạn thơ

b/ Thông thạo: các bước tìm hiểu đề, lập dàn ý để phân tích đoạn trích theo đặc trưng thể loại.

III.hái độ :

a/ Hình thành thói quen: đọc hiểu văn bản về tác giả, tác phẩm văn học

b/ Hình thành tính cách: tự tin , sáng tạo khi cảm nhận tác phẩm trữ

tình c/Hình thành nhân cách:

-Biết nhận thức được ý nghĩa của thơ ca về chủ đề Đất nước

-Biết trân quý những giá trị văn hóa truyền thống mà thơ ca kháng chiến đem lại

-Có ý thức tìm tòi về thể loại, từ ngữ, hình ảnh trong thơ ca kháng chiến .

IV. Những năng lực cụ thể học sinh cần phát triển:

Ngữ văn 12

- Năng lực thu thập thông tin liên quan đến thơ kháng chiến chống Pháp (1946-1954), chống Mỹ 1965-1975.

- Năng lực đọc – hiểu các tác phẩm thơ Việt Nam trong kháng chiến.

- Năng lực trình bày suy nghĩ, cảm nhận của cá nhân về chặng đường văn học.

- Năng lực hợp tác khi trao đổi, thảo luận về những giá trị thơ kháng chiến

- Năng lực phân tích, so sánh đặc điểm của thơ chống Mỹ với giai đoạn trước đó (chống Pháp và xây dựng CNXH)

- Năng lực tạo lập văn bản nghị luận.

D. TIỀN TRÌNH TỔ CHỨC BÀI HỌC

1. KHỞI ĐỘNG (5 phút)

<i>Hoạt động của Thầy và trò</i>	<i>Nội dung cần đạt</i>
<p>- B1: GV giao nhiệm vụ: GV hướng dẫn học sinh tìm hiểu bài bằng cách tổ chức điền khuyết các câu thơ đã được học và làm bài trắc nghiệm nhanh:</p> <p>1. Mặt trời của.....thì nằm trên..... Mặt trời của.....em nằm trên.....</p> <p>2. Nguyễn Khoa Điềm là tác giả của bài thơ nào sau đây?</p> <p>a/ Vội vàng b/ Mẹ và quả c/ Đò Lèn d/ Theo chân Bác.</p> <p>- B2: HS thực hiện nhiệm vụ:</p> <p>- B3: HS báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ:</p> <p>- B4: GV nhận xét, từ đó giới thiệu Vào bài: 30 năm kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ đã trở thành nguồn cảm hứng vô tận cho các nhà thơ Việt Nam hiện đại sáng tác. Cùng viết về chủ đề Đất nước, thơ chống Pháp có bài Đất nước của Nguyễn Đình Thi; thơ chống Mỹ tiêu biểu có Trường ca <i>Mặt đường khát vọng</i> của Nguyễn Khoa Điềm. Hôm nay, chúng ta cùng tìm hiểu 2 tác phẩm này.</p>	<p>1. Bấp-đồi-Mẹ-Lung 2. Phương án b.</p>

2. HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

Hoạt động của GV - HS	Kiến thức cần đạt
1. GV HƯỚNG DẪN HS TÌM HIỂU CHUNG (10 phút).	

*** GV Hướng dẫn HS tìm hiểu phần Tiểu dẫn.**

- B1: GV chuyển giao nhiệm vụ

- Gọi 1 HS đọc TD.

- Phần TD trình bày những nội dung chính nào?

- B2: HS thực hiện nhiệm vụ

- B3: HS báo cáo kết quả

- B4: GV nhận xét, chốt kiến thức

- GV nhận xét sau đó nhấn mạnh những thông tin chủ yếu về tiểu sử, phong cách thơ.

****GV Tích hợp kiến thức lịch sử để hướng dẫn học sinh tìm hiểu quê hương nhà thơ, chiến trường Trị Thiên năm 1971.***

- Kiến thức lịch sử: Để phát triển phong trào cách mạng ở Quảng Trị và Thừa Thiên Huế, tháng 4 năm 1966, Bộ Chính trị và Quân ủy Trung ương quyết định tách Trị - Thiên ra khỏi khu V, thành lập Khu ủy Trị - Thiên - Huế bao gồm Đảng bộ tỉnh Quảng Trị, Thừa Thiên và thành phố Huế đặt dưới sự lãnh đạo của Ban chấp hành Trung ương và Bộ Chính trị.

**GV Tích hợp kiến thức Lí luận văn học để hướng dẫn học sinh tìm hiểu phong cách sáng tác của nhà thơ, thể loại Trường ca*

****GV đọc cho HS đoạn văn ghi lại lời của nhà thơ Nguyễn Khoa Điềm để hướng dẫn HS tìm hiểu cảm hứng sáng tác:** Tôi viết chương này trong những ngày mưa triền miên sau Tết. Đó là thời kỳ máy bay Mỹ đánh phá dữ dội. B52 dội bom liên tục, làm cho mọi thứ tối tăm mù mịt. Chúng tôi ngồi trong*

bởi tiếng bom nổ, bởi khói bom và mưa rừng. Có khi viết xong, một trận bom làm cho bản

hầm và viết, cảm xúc được cộng hưởng

Ngữ văn 12

I. Tìm hiểu chung:

1. Tiểu sử tác giả :

a. Cuộc đời:

- Sinh ra trong một gia đình trí thức, giàu truyền thống yêu nước và tinh thần cách mạng.
- Học tập và trưởng thành trên miền Bắc, tham gia chiến đấu và hoạt động văn nghệ ở miền Nam.

b. Tác phẩm chính: (SGK)

c. Phong cách sáng tác :

- Giàu chất suy tư , xúc cảm dồn nén .
- Giọng thơ trữ tình chính luận .

<p><i>thảo bay tung tóe, lượm lại trang còn trang mất, lại ngồi viết tiếp. Tôi viết rất nhanh, như cảm xúc đã dồn tụ một cách mãnh liệt giờ chỉ việc tuôn chảy ra thôi. Tôi viết về những điều giản dị của chính tôi, về tuổi trẻ và các bạn bè đang tranh đấu ở trong thành phố. Nên nhân vật của tôi là anh và em. Đó là lời đảm thắm của một người con trai nói với một người con gái. Chúng tôi, mỗi người có một số phận khác nhau nhưng đều gắn kết trong một số phận chung là số phận Đất nước. Đất nước với các nhà thơ khác là của những huyền thoại của những anh hùng, nhưng với tôi là của những con người vô danh, của nhân dân.</i></p> <p>* GV Hướng dẫn tìm hiểu khái quát văn bản.</p> <p>- B1: GV chuyển giao nhiệm vụ</p> <ul style="list-style-type: none"> - Hoàn cảnh sáng tác -GV đọc VB và gọi một HS đọc lại VB - Hãy chia bố cục? - HS đọc văn bản chú ý thể hiện giọng thơ trữ tình-chính luận. - HS phân chia bố cục theo nội dung <p>- B2: HS thực hiện nhiệm vụ</p> <p>- B3: HS báo cáo kết quả</p> <p>- B4: GV nhận xét, chốt kiến thức</p>	<p>2. “Trường ca mặt đường khát vọng”:</p> <p>a. Hoàn cảnh sáng tác: Hoàn cảnh sáng tác : Hoàn thành ở chiến khu Trị -Thiên 1971 .</p> <p>b. Đoạn trích:</p> <p>- Xuất xứ: “Đất nước” Trích chương V của trường ca.</p> <p>- Bố cục văn bản : Hai phần</p> <ul style="list-style-type: none"> + Phần I : 42 câu đầu : Đất nước được cảm nhận từ nhiều phương diện lịch sử văn hoá dân tộc, chiều sâu của không gian, chiều dài của thời gian. + Phần II: 47 câu cuối : Tư tưởng cốt lõi, cảm nhận về đất nước : Đất nước của Nhân dân . <p>- Thể loại :Trường ca</p> <p>(Trường ca là một tác phẩm được viết bằng thơ trên phương thức kết hợp nhuần nhuyễn hai yếu tố tự sự và trữ tình, có tính hoành tráng về cả phương diện nội dung, tư tưởng và cấu trúc nghệ thuật tác phẩm, được nhà thơ viết nên bằng một dung lượng cảm hứng mạnh mẽ, cảm xúc tuôn trào gắn liền với những chấn động lớn lao của lịch sử, của dân tộc và thời đại.)</p>
<p>2. GV HƯỚNG DẪN HS ĐỌC HIỂU VĂN BẢN (30 PHÚT)</p>	
	<p>II. Đọc hiểu văn bản :</p>

<p>- B1: GV chuyển giao nhiệm vụ <i>- ĐN gắn liền với những văn hoá gì của dân tộc?</i></p> <p>- <i>ĐN trưởng thành như thế nào?</i></p> <p>- B2: HS thực hiện nhiệm vụ</p> <p>- B3: HS báo cáo kết quả</p> <p>- B4: GV nhận xét, chốt kiến thức</p> <p>- B1: GV chuyển giao nhiệm vụ <i>- Nhận xét về cách sử dụng những chất liệu văn hóa, văn học dân gian của Nguyễn Khoa Điềm?</i></p> <p>- B2: HS thực hiện nhiệm vụ</p> <p>- HS dựa vào phần đầu của đoạn trích để xác định các phương diện cảm nhận ĐN.</p> <p>- HS chú ý 2 câu đầu của đoạn trích để xác định.</p> <p>- B3: HS báo cáo kết quả Kiến thức văn hoá dân gian:</p> <p>- Truyện cổ dân gian: Cổ tích Trầu cau, truyền thuyết Thánh Gióng;</p> <p>- Tục ngữ: miếng trầu là đầu câu chuyện; Miếng trầu nên dâu nhà người</p> <p>- Ca dao: Muối ba năm...Gừng chín tháng...</p> <p>-Thành ngữ: Một nắng hai sương</p> <p>- HS Tìm những chi tiết, hình ảnh thể hiện nền văn hóa của dân tộc.</p> <p>- HS dựa vào lịch sử <i>thời Vua Hùng</i> để trả lời: Ăn trầu là phong tục cổ truyền của người Việt. Tương truyền có từ thời Hùng Vương và gắn liền với một câu</p>	<p>chuyện cổ tích nổi tiếng: Chuyện Trầu Cau.</p> <p>- B4: GV nhận xét, chốt kiến thức <i>*GV Tích hợp kiến thức Văn học dân gian, lịch sử thời Vua Hùng, phong tục của dân tộc để hướng dẫn học sinh tìm hiểu 9 câu thơ đầu.</i></p>
--	---

Ngữ văn 12

1. Đất nước được cảm nhận bằng chiều dài của thời gian, chiều rộng của không gian và chiều sâu của lịch sử văn hoá dân tộc.

a. Cội nguồn đất nước :

- “Khi ta lớn lên”- “Đất nước đã có rồi”

(Quá khứ) (Hiện tại)

=> Giọng thơ nhẹ nhàng, âm hưởng đầy quyền rũ đã đưa ta về với cội nguồn của

đất nước : Một đất nước vừa cụ thể vừa

huyền ảo đã có từ rất lâu đời.

b. Sự cảm nhận đất nước ở phương diện lịch sử - văn hoá :

- Đất nước được cảm nhận gắn liền với

nền văn hoá lâu đời của dân tộc:

+ Câu chuyện cổ tích, ca dao.

+ Phong tục của người Việt: ăn trầu, bới tóc(nét đẹp tình nghĩa, vẻ đẹp thuần phong, mỹ tục; Vẻ đẹp nhân hậu của người phụ nữ VN.)

- Đất nước lớn lên đau thương vất vả

cùng với cuộc trường chinh không nghỉ ngơi của con người:

+ Cuộc kháng chiến chống ngoại xâm, gắn với hình ảnh cây tre- biểu tượng cho sức sống bất diệt của dân tộc.

+ Cái kèo, cái cột, hạt gạo: Biểu tượng cho c/s giản dị, gắn liền với nền văn minh lúa nước, lao động vất vả.

- Đất nước gắn liền với những con người sống ân tình thủy chung. (Gừng cay, muối mặn: -> Lối sống thủy chung, đậm tình nghĩa.)

=> Hình ảnh, từ ngữ giàu sức liên

tưởng, gợi cảm. Ngôn từ đậm chất

d/gian, sử dụng nhiều thành ngữ, ca dao.

- Từ ngữ “ĐN” được viết hoa -> Tình cảm yêu thương, trân trọng.

- Giọng thơ: thâm trầm, trang nghiêm, tha thiết trữ tình, gợi quá trình sinh ra và lớn lên, trưởng thành của ĐN.

=> ĐN gắn liền với nền văn hóa lâu đời.

<p>- B1: GV chuyển giao nhiệm vụ Tổ chức thảo luận nhóm</p> <p><u>Nhóm 1:</u> <i>Xác định không gian nghệ thuật để cảm nhận về ĐN thể hiện trong đoạn thơ: Đất là nơi anh...nỗi nhớ thẳm.</i>Tác giả sử dụng nghệ thuật như thế nào trong 4 câu thơ?</p> <p><u>Nhóm 2:</u> <i>Xác định không gian nghệ thuật để cảm nhận về ĐN thể hiện trong đoạn thơ: Đất là nơi con chim...dân mình đoàn tụ.</i>Tác giả sử dụng nghệ thuật như thế nào trong đoạn thơ?</p> <p><u>Nhóm 3:</u> <i>Xác định thời gian nghệ thuật để cảm nhận về ĐN thể hiện trong đoạn thơ: Lạc Long Quân...Mai này..mơ mộng..</i>Tác giả sử dụng nghệ thuật như thế nào trong đoạn thơ?</p> <p><u>Nhóm 4:</u> <i>Phân tích 4 câu cuối: Em ơi em...muôn đời.</i>- Tác giả suy nghĩ như thế nào về trách nhiệm của mình đối với ĐN?</p> <p>- B2: HS thực hiện nhiệm vụ</p> <p>- B3: HS báo cáo kết quả Đại diện nhóm 1 trả lời:</p> <p>- Không gian gần gũi (sinh hoạt, học tập và làm việc ..)(Nơi anh đến trường,.. nơi em tắm)</p> <p>- Tình yêu đôi lứa: kỉ niệm hò hẹn, nhớ nhung“..đánh rơi chiếc khăn... nhớ thẳm”</p> <p>(Lỗi chiết tự đầy ý nhị vừa mang tính cá thể vừa hết sức táo bạo, tác giả đã định nghĩa đất nước thật độc đáo). => Là sự thống nhất giữa cá nhân với cộng đồng.</p> <p>Đại diện nhóm 2 trả lời:</p> <p>- không gian rộng lớn, tráng lệ hùng vĩ</p> <p>của núi cao, biển cả. (Thiên nhiên: Núi sông, rừng biển hùng vĩ, tráng lệ “hòn</p>	<p>núi bạc,.. Nước, ..biển khơi)</p>
---	--------------------------------------

Ngữ văn 12

ĐN gắn gũi thân thương gắn bó với đời sống c/ng VN.

*Đất nước được hình thành từ những gì bé nhỏ, gần gũi, riêng tư trong cuộc sống của mỗi con người.

truyền thuyết Hùng Vương và ngày giỗ Tổ .

c. Sự cảm nhận đất nước ở phương diện chiều sâu của không gian:

- Không gian gần gũi (sinh hoạt, học

tập và làm việc ..)(Nơi anh đến trường,.. nơi em tắm)

- Tình yêu đôi lứa: kỉ niệm hò hẹn, nhớ

nhưng“..đánh rơi chiếc khăn... nhớ thăm”

(Lời chiết tự đầy ý nhị vừa mang tính cá

thể vừa hết sức táo bạo , tác giả đã định nghĩa đất nước thật độc đáo).

=> Là sự thống nhất giữa cá nhân với cộng đồng.

- Đất nước còn là không gian rộng lớn, tráng lệ hùng vĩ của núi cao, biển cả. (Thiên nhiên:Núi sông, rừng biển hùng

vĩ, tráng lệ “hòn núi bạc,.. Nước, ..biển khơi)

- Không gian sinh tồn của dân tộc qua nhiều thế hệ “..nơi dân mình đoàn tụ”

=> ĐN là những gì gần gũi thân quen gắn bó với cuộc sống mỗi người lại vừa

mênh mông rộng lớn.

d. Sự cảm nhận ĐN ở phương diện chiều dài thời gian : ĐN được cảm nhận từ quá khứ với huyền thoại “ Lạc Long Quân và Âu Cơ” cho đến hiện tại với những con người không bao giờ quên nguồn cội dân tộc,

<p>- Không gian sinh tồn của dân tộc qua nhiều thế hệ “..nơi dân mình đoàn tụ”</p> <p>Đại diện nhóm 3 trả lời:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thời gian quá khứ: <ul style="list-style-type: none"> + Nhớ Lạc Long Quân.. + Cúi đầu nhớ ngày giỗ Tổ - Thời gian hiện tại: <ul style="list-style-type: none"> + Trong anh và em hôm nay... + Sự gắn bó giữa cá nhân với cộng đồng - Thời gian tương lai: <ul style="list-style-type: none"> + Mai này con ta lớn lên... + Tháng ngày mơ mộng: hi vọng về một ngày nước nhà thống nhất, hoà bình <p>Đại diện nhóm 4 trả lời:</p> <ul style="list-style-type: none"> . Điệp ngữ “<i>phải biết</i>” => giọng thơ chính luận. . Âm điệu “<i>em ơi em</i>”=> trữ tình thiết tha. . Dùng từ “<i>hoá thân</i>”(# hi sinh): hiến dâng, hoà nhập, sống còn vì đất nước => sâu sắc, giàu ý nghĩa. - giọng thơ lại chân thành, tha thiết, là sự tự ý thức về trách nhiệm của mình với đất nước: phải yêu thương, san sẻ, và khi cần phải biết hi sinh cho đất nước <p>Tích hợp GDCD: Suy ngẫm của tác giả về trách nhiệm của thế hệ mình với ĐN, bản thân thấy được trách nhiệm của cá nhân với đất nước trong giai đoạn hiện nay...</p> <ul style="list-style-type: none"> - B4: GV nhận xét, chốt kiến thức - Nguyễn Đình Thi cảm nhận đất nước ở những đường nét hoành 	<p>trắng của không gian, với giọng điệu ngợi ca đầy tự hào</p> <p>-GV trích hai đoạn thơ của Nguyễn Đình Thi và Chế Lan Viên để HS so sánh nhận ra điểm mới trong cách tiếp cận đất nước của Nguyễn Khoa Điềm</p>
--	---

e. Suy ngẫm của tác giả về trách nhiệm của thế hệ mình với ĐN :
phải biết hi sinh để bảo vệ đất nước.

- ĐN hiện lên vừa thiêng liêng sâu xa , lớn lao vừa gần gũi thân thiết với sự sống mỗi người. Đất nước là sự hòa quyện không thể tách rời giữa cá nhân và cộng đồng dân tộc. Vì thế mỗi người phải có trách nhiệm với đất nước.

- Nghệ thuật:

. Điệp ngữ “*phải biết*” => giọng thơ

chính

luân.

. Âm điệu “*em ơi em*”=> **trữ tình** thiết tha.

. Dùng từ “*hoá thân*”(# hi sinh): hiến dâng, hoà nhập, sống còn vì đất nước => sâu sắc, giàu ý nghĩa.

. Lời thơ giản dị nhưng mang ý nghĩa sâu

xa

.

=> Ý thơ mang tính chất tâm sự nhiều hơn là kêu gọi, giáo huấn nên sức truyền cảm rất mạnh.

<p>GV Tích hợp kiến thức Tiếng Việt (chiết tự, liệt kê), vận dụng ca dao... để</p> <p>hướng dẫn HS tìm hiểu ĐN được cảm nhận trên phương diện không gian và thời gian</p> <p>GV Tích hợp kiến thức Tiếng Việt (phép điệp, giọng thơ chính luận và trữ tình), để hướng dẫn HS tìm hiểu trách nhiệm đối với Đất Nước</p> <p>GV Tích hợp kiến thức Giáo dục công dân lớp 10(bài CÔNG DÂN VỚI SỰ NGHIỆP XÂY DỰNG VÀ BẢO VỆ TỔ QUỐC) để hướng dẫn học sinh tìm</p>	
<p>2. GV hướng dẫn tìm hiểu phần 2 (35 PHÚT)</p>	
<p>*GV Tích hợp kiến thức địa lí, văn học dân gian để hướng dẫn học sinh tìm hiểu danh lam thắng cảnh trải dài từ Bắc và Nam nhằm khẳng định sự hoá thân của Nhân dân vào dáng hình Đất nước</p> <p>- B1: gv chuyển giao nhiệm vụ:</p> <p>- Phần sau của đoạn thơ tập trung làm nổi bật tư tưởng ĐN của nhân dân. Tư tưởng ấy đã quy tụ mọi cách nhìn nhận và đưa đến những phát hiện và mới của tg về địa lí lịch sử và văn hoá của ĐN như thế nào?</p> <p>+ Tg đã cảm nhận đất nước qua những địa danh , thắng cảnh nào?</p> <p>+ Những địa danh gắn với cái gì , của ai?</p> <p>- Vì sao có thể nói qua cách cảm nhận ấy, ĐN vừa thiêng liêng vừa gần gũi?</p> <p>+ Vì sao khi nói về bốn nghìn năm lịch sử của ĐN, tác giả không điểm tên các triều đại cùng bao nhân vật anh hùng trong sử sách (như Nguyễn Trãi trong</p>	<p>2. Phần 2: tư tưởng “Đất nước của Nhân dân” được thể hiện qua ba chiều cảm nhận về đất nước.</p> <p>a. Đất nước do nhân dân sáng tạo ra :</p> <p>Tg cảm nhận ĐN qua những địa danh thắng cảnh gắn với cuộc sống tính cách số phận của nhân dân. (Từ không gian địa lí)</p> <p>- Tình nghĩa thuỷ chung thắm thiết (núi Vọng Phu, hòn trống mái)</p> <p>+ Vợ nhớ chồng núi vọng phu</p> <p>+ Vợ chồng yêu nhau hòn trống mái</p> <p>- Sức mạnh bất khuất (Chuyện Thánh Gióng) : Gót ngựa ThánhGióng Ao đầm để lại</p> <p>- Cội nguồn thiêng liêng (hướng về đất Tổ Hùng Vương): Chín mươi chín con voi dựng đất tổ Hùng Vương</p> <p>- Truyền thống hiếu học (Cách cảm nhận về núi Bút non nghiêng)</p> <p>- Hình ảnh đất nước tươi đẹp (Cách nhìn dân dã về núi con Cóc, con Gà , dòng sông)</p>

<p>Triệu, Đinh, Lí, Trần...)? Đối tượng mà tác giả muốn nhắc đến là ai? Vì sao tác giả lại nhắc đến họ? (Họ là những con người như thế nào?)</p> <p>- B2: HS thực hiện nhiệm vụ</p> <p>- B3: HS báo cáo kết quả</p> <p>Tích hợp kiến thức địa lí, HS trả lời :</p> <ul style="list-style-type: none"> - Hòn Vọng Phu: ở Đồng Đăng, Lạng Sơn, Thanh Hoá... - Hòn Trống Mái là núi đá nhỏ trên biển Sầm Sơn thuộc tỉnh Thanh Hoá -Chín mươi chín con voi : đứng từ trên núi Hi Cương- nơi có đền thờ các vua Hùng- trông ra có những quả đồi thấp hơn như chín mươi chín con voi quây quần hướng về núi Hi Cương. - Núi Bút non Nghiên : Là núi có hình cây bút và nghiên mực ở Quảng Ngãi - Những con rồng ...dòng sông xanh thẳm : là truyền thuyết về sông Cửu Long với 9 cửa sông đổ ra biển trên 2 nhánh sông Tiền và sông Hậu - Con cóc, con gà...: Là tên của một trong vô số hòn núi nổi lên trên mặt biển có hình con cóc, con gà,... ở Vịnh Hạ Long - Ông Đốc, Ông Trang, Bà Đen, Bà Điểm : Là tên những người có công với dân, với nước dẫn thành những sơn danh, địa danh ở Nam bộ : + Bà Đen : Tên ngọn núi Bà Đen ở Tây Ninh +Bà Điểm : Tên một địa danh ở Hóc Môn - thành phố HCM- HS liên hệ, phát hiện các danh lam, thắng cảnh. - Lối sống, cội nguồn, truyền thống. - HS liên hệ với tác phẩm “ Bình Ngô đại cáo” để lí giải. 	<p>- HS trả lời.</p> <p>+Nhìn vào bốn nghìn năm ĐN , tác giả không kể các triều đại mà nhấn mạnh đến những con người vô danh</p>
---	---

b. Đất nước là do nhân dân chiến đấu

=> ĐN hiện lên vừa gần gũi vừa thiêng liêng.

✉ Cảnh quan thiên nhiên gắn liền với đời sống, tâm hồn, lịch sử dân tộc.

- Từ đó, tác giả đi đến một kết luận mang tính khái quát:

“ Và ở đâu trên khắp ruộng đồng gò bãi

...

Những cuộc đời đã hoá núi sông ta.”

✉ Theo tác giả: Những thắng cảnh đẹp, những địa danh nổi tiếng khắp mọi miền

của đất nước đều do nhân dân tạo ra, đều kết tinh của bao công sức và khát vọng của nhân dân, của những con người bình thường, vô danh.

- Nghệ thuật liệt kê, điệp từ đã khẳng định nhân dân là đối tượng quan trọng nhất tạo nên dáng hình đất

+ Đây là điểm mới mẽ của NKĐ

- HS trả lời.

+một mặt tiếp tục thể hiện sự khám phá mới mẻ, độc đáo của nhà thơ về Đất Nước trong bề rộng không gian địa lí và tầng sâu của những truyền thống văn hoá, tạo nên sự thống nhất trong cách thể hiện Đất Nước

- mặt khác còn khẳng định nhân dân chính là lực lượng đông đảo vừa kiến tạo bảo tồn, lưu giữ truyền thống giàu tình nghĩa, giàu tình yêu thương, cần cù lao động- đó là những giá trị văn hoá tinh thần cao quý của Đất Nước

- B4: GV nhận xét, chốt kiến thức, chuyển giao nhiệm vụ mới

- B1: GV chuyển giao nhiệm

vũ

-Tổ chức thảo luận nhóm

Nhóm 1: Chỉ ra các bài ca dao được sử dụng trong 2 câu thơ: Dạy anh biết...lặn lội.

Nhóm 2: Chỉ ra các bài ca dao được sử dụng trong 2 câu thơ:Biết trồng tre...dài lâu

Nhóm 3: *Phân tích nội dung, nghệ thuật 4 câu thơ cuối*

Tích hợp kiến thức văn hoá dân gian, nhất là ca dao

- B2: HS thực hiện nhiệm

vũ

- B3: HS báo cáo kết quả

Đại diện nhóm 1 trả lời:

- Tác giả vận dụng 2 bài ca dao :

+Yêu em từ thuở trong nôi

Ngữ văn 12

và bảo vệ : Nhìn vào bốn nghìn năm ĐN mà nhấn mạnh đến những con người vô danh (Từ thời gian lịch sử)

- Họ đã sống và đã chết / giản dị và bình tâm ...

- Họ đã làm nên đất nước => Họ chính là nhân dân, những người anh hùng vô danh , bình dị...

- Đại từ “Họ” đặt đầu câu + nhiều động từ “giữ, truyền, gánh”

☑ Vai trò của nhân dân trong việc giữ gìn và lưu truyền văn hoá qua các thế hệ.

c. Đất nước là do nhân dân gìn giữ và lưu truyền

- Nhân dân đã gìn giữ và lưu truyền cho

thế hệ sau mọi giá trị tinh thần và vật chất => Nhân dân chính là người làm nên đất nước

=>Đất nước là của nhân dân, của ca dao thần thoại=> Đây là một định nghĩa giản

dị mà độc đáo.

d. Đóng góp của nhân dân : Tg chọn 3 dẫn chứng để nói về truyền thống của nhân dân (Từ bản sắc văn hóa).

+ Lãng mạn, chung thủy say đắm trong

tình yêu. (Yêu em từ thuở trong nôi .

)

+ Quý trọng tình nghĩa(Biết quý công...)

+ Quyết liệt trong căm thù và sẵn sàng chiến đấu (biết trồng tre ...)

=> Sự phát hiện thú vị, cái nhìn mới mẻ và độc đáo của tg về ĐN trên các

phương diện địa lí, lịch sử, văn hoá

với

nhiều ý nghĩa mới : Muôn vàn vẻ đẹp của ĐN đều là kết tinh của bao công sức và khát vọng của nhân dân , của những con người vô danh , bình dị. Khẳng định đất nước của nhân dân.

- Kết thúc đoạn thơ là hình ảnh dòng sông với những điệu

hò:

“Ơi những dòng sông bắt nước từ đâu

<p>+Cầm vàng mà lội qua sông</p> <p>Đại diện nhóm 2 trả lời:</p> <p>- Tác giả vận dụng 2 bài ca dao : Thù này ắt hẳn còn lâu/ Trồng tre nên gậy gập đầu đánh què.</p> <p>Đại diện nhóm 3 trả lời:</p> <p>- Nhiều yếu tố ngoại lai đã được Việt hoá để góp phần xây đắp nên nền văn hoá Việt Nam (Ôi những dòng sông bắt nước từ đâu / Mà khi về Đất Nước mình thì bắt lên câu hát) và văn hoá Việt Nam luôn có sự thống nhất trong sự đa dạng (Người đến hát khi chèo đò, kéo thuyền vượt thác / Gội trăm màu trên trăm dáng</p>	<p>.....</p> <p><i>Gội trăm màu trên trăm dáng sông xuôi”</i>  như muốn kéo dài thêm giai điệu ngân nga với nhiều cung bậc của bản trường ca về Đất Nước.</p>
<p>4. GV hướng dẫn tổng kết (10 PHÚT)</p>	
<p>- B1: GV chuyển giao nhiệm vụ <i>-Cách cảm nhận về đất nước có gì mới mẻ?</i> <i>-Về ngôn ngữ, đoạn thơ chủ yếu khai thác chất liệu nào?</i> <i>Em hãy nêu chủ đề của đoạn trích?</i></p> <p>- B2: HS thực hiện nhiệm vụ - B3: HS báo cáo kết quả - B4: GV nhận xét, chốt kiến thức</p>	<p>III. Tổng kết:</p> <p>1/ Nghệ thuật :</p> <p>- Sử dụng chất liệu văn hóa dân gian: ngôn từ, hình ảnh bình dị, dân dã, giàu sức gợi.</p> <p>- Giọng điệu thơ biến đổi linh hoạt.</p> <p>- Sức truyền cảm lớn từ sự hòa quyện của chất chính luận và chất trữ tình.</p> <p>2/ Ý nghĩa văn bản:</p> <p>Một cách cảm nhận mới về đất nước, qua đó khơi dậy lòng yêu nước, tự hào dân tộc, tự hào về nền văn hóa đậm</p>

<p><u>Đo c</u> <u>thêm :</u></p>	<p>ĐẤT NƯỚC (Nguyễn Đình Thi).</p>
--	--

<p>Hoạt động của GV - HS</p>	<p>Kiến thức cần đạt</p>
-------------------------------------	---------------------------------

1. GV hướng dẫn HS tìm hiểu chung (5 PHÚT)	
<p>- B1: GV chuyển giao nhiệm vụ <i>Em hãy sơ lược vài nét về tác giả Nguyễn Đình Thi ?</i> <i>(trình bày nét chủ yếu)</i></p> <p>- B2: HS thực hiện nhiệm vụ</p> <p>- B3: HS báo cáo kết quả * HS trả lời cá nhân</p> <p>Bố cục :</p> <p>a. Phần 1 (7 câu) : Tâm trạng đầy băng khuâng lưu luyến khi nhớ về mùa thu ở Hà Nội.</p> <p>b. Phần 2 (8 câu ☒ câu 2) Cảm xúc về mùa thu, suy nghĩ về đất nước, con người VN.</p> <p>c. Phần 3 (còn lại) Nhận thức tình yêu quê hương – đất nước. Ý thức căm thù và quật khởi quật cường.</p> <p>- B4: GV nhận xét, chốt kiến thức</p>	<p>I/ Giới thiệu chung :</p> <p>1. Tác giả : Tìm hiểu trong SGK (tr124)</p> <p>2. Xuất xứ: SGK</p> <p>3. Bố cục :</p> <p>a. Phần 1 (7 câu) :</p> <p>b. Phần 2 (8 câu ☒ câu 2)</p> <p>c. Phần 3 (còn lại) .</p>
2. Hướng dẫn HS đọc - hiểu văn bản	
<p>- B1: GV chuyển giao nhiệm vụ</p> <p>- Đoạn đầu thể hiện điều gì ? Nghệ thuật thể hiện qua câu, chữ tiêu biểu?</p> <p>- Các em hãy chỉ ra các biện pháp nghệ thuật đặc sắc trong từng khổ thơ ? Biện pháp nghệ thuật ấy nhằm biểu đạt nội dung gì ?</p> <p>- Em thích nhất những câu thơ nào ? Lý giải vì sao em yêu thích nó ?</p> <p>- Bằng cảm nhận riêng của bản thân, em khai thác giá trị đặc sắc trong 4 câu thơ cuối của bài thơ.</p> <p>(</p>	<p>II/ Đọc hiểu văn bản</p> <p>:</p> <p>1. 7 câu đầu : (Thu Hà Nội)</p> <p>a. Hình ảnh thiên nhiên: mát trong, gió, hương cốm... => mùa thu đặc trưng HN</p> <p>b. Hình ảnh con người “Người ra đi / đầu không ngoảnh lại => thể hiện ý chí quyết tâm.</p> <p>2. 14 câu tiếp theo : (Thu chiến khu)</p> <p>a. Cảm nhận về sự thay đổi của mùa thu: Câu thơ 5 chữ “mùa thu nay khác rồi”</p> <p>b. Nhịp thơ: Lời thơ ngắn gọn, chắc khỏe nhằm khẳng định sự thay đổi của hoàn cảnh xã hội, trong nhận thức của con người.</p> <p>c. Chú ý các biện pháp nghệ thuật tu từ, ngôn ngữ thơ.</p>

<p>- B4: GV nhận xét, chốt kiến thức</p> <p>Người giảng dạy nhấn mạnh giá trị to lớn của tác phẩm thơ ĐẤT NƯỚC trong nền văn chương dân tộc)</p> <p>*GV hướng dẫn HS tổng kết bài học</p> <p>- B1: GV chuyển giao nhiệm vụ</p> <p>Lần tìm cái hay trong từng khổ thơ, chỉ ra các biện pháp nghệ thuật thơ đặc sắc. Nghệ thuật ấy đã thể hiện nội dung cần thiết nhất.</p> <p>- B2: HS thực hiện nhiệm vụ</p> <p>- B3: HS báo cáo kết</p>	<p>quả</p> <p>- B4: GV nhận xét, chốt kiến thức</p>
--	---

Ngữ văn 12

- Nghệ thuật nhân hoá, lời nói **ẩn dụ**

- Sự phối hợp thanh **trắc** thanh **bằng**

=> Bức tranh thu đẹp, lóng lánh niềm vui sướng, tự hào.

- Cụm từ “Nước chúng ta” – trang nghiêm, trang trọng.

- Lặp từ “Những” – hình ảnh đất nước trù phú, mệnh mệnh.

- Tự láy “đêm đêm”, “rì rầm” – sự liên tưởng về mối quan hệ giữa hiện tại và quá khứ.

3. Những câu thơ còn lại :

a. Đất nước trong đau thương :

- Cánh đồng quê – chảy máu.

- Dây thép gai – đâm nát trời chiều.

- Bát cơm chan đầy nước mắt.

- Đứa đề cổ – đứa lột da.

b. Đất nước quật khởi :

- Sức mạnh quật khởi:

+ Yêu nước.

+ Căm thù.

+ Lạc quan CM.

- Hình ảnh quật khởi: (khô cuối)

+ Hình thức thể hiện : thơ 6 chữ cô đúc, rắn rỏi.

+ Bút pháp nhân hoá, kết hợp với sự linh hoạt, nhuần nhị trong việc đưa thành ngữ “tức nước vỡ bờ” vào thơ.

=> Tạo nên vẻ đẹp hào hùng, tráng lệ về con người Việt Nam, dân tộc Việt Nam. Đoạn thơ đã khái quát được sức vươn dậy thần kỳ của dân tộc Việt Nam chúng ta.

Tóm lại, Đất Nước là một tác phẩm thơ gây một ấn tượng mạnh nhờ vào chất chính luận – trữ tình hoà quyện tự nhiên, uyển chuyển.

Tác phẩm đã khắc chạm thành công một tượng đài kỳ vĩ bằng thơ về con người Việt Nam. Tổ quốc Việt Nam.

--	--

3. LUYỆN TẬP

Hoạt động của GV - HS	Kiến thức cần đạt
<p>- B1: GV giao nhiệm vụ:</p> <p><u>Câu hỏi 1:</u> Khổ thơ sau gợi ra điều gì?</p> <p style="padding-left: 40px;"><i>“Ôi ! Những cánh đồng quê chảy máu Dây thép gai đâm nát trời chiều Những đêm dài hành quân nung nấu Bỗng bồn chồn nhớ mắt người yêu”</i></p> <p>a. Hình ảnh Đất nước bị giặc tàn phá về đời sống vật chất. b. Hình ảnh Đất nước bị giặc chà đạp về đời sống tinh thần. c. Hình ảnh Đất nước kiên cường và nghĩa tình. d. Cả A, B và C</p> <p><u>Câu hỏi 2:</u> Ý kiến nào sau đây về bài thơ “Đất nước” là chưa chính xác?</p> <p>a. Bài thơ đã dựng lên một tượng đài Đất nước gắn liền với lịch sử cách mạng Việt Nam. b. Ngôn ngữ trong bài thơ rất giàu tính truyền thống, gần gũi với ca dao dân ca. c. Hình ảnh thơ vừa cụ thể vừa khái quát cao, mang đậm lối tư duy và màu sắc hiện đại. d. Tác phẩm như một bản giao hưởng với tiết tấu từ khoan thai dịu dặt đến hối hả trào sôi.</p> <p><u>Câu hỏi 3:</u> Với câu thơ “ <i>Đất Nước bắt đầu với miếng trầu bây giờ bà ăn</i> ” Nguyễn Khoa Điềm chủ yếu muốn thể hiện điều gì?</p> <p>a. Ca ngợi những người bà nhân từ mang hồn của dân tộc. b. Thể hiện hình ảnh bà c. Nhắc lại truyện cổ tích trầu cau. d. Gợi ra một phong tục đẹp – một nét văn hóa đẹp của Đất Nước.</p> <p><u>Câu hỏi 4:</u> Dòng nghĩa chủ yếu của câu thơ “ Cha</p>	<p>d. Cả A, B và C</p> <p>b. Ngôn ngữ trong bài thơ rất giàu tính truyền thống, gần gũi với ca dao dân ca.</p>

Ngữ văn 12

<p>a. Ca ngợi tình yêu chung thủy của cha mẹ.</p> <p>b. Thể hiện một nét đẹp của đạo lí dân tộc là tình nghĩa thủy chung.</p> <p>c. Thể hiện niềm biết ơn sâu sắc đối với người cha, người mẹ..</p> <p>d. Nhắc nhở về những câu ca dao yêu thương tình nghĩa:</p> <p style="text-align: center;">“Muối ba năm muối đang còn mặn Gừng chín tháng gừng hãy còn cay Đôi ta nghĩa nặng tình dày Có xa nhau đi nữa cũng ba vạn sáu ngàn ngày mới xa”...</p> <p style="text-align: center;">Và “Tay nâng chén muối đĩa gừng Gừng cay muối mặn xin đừng quên nhau”</p> <p>- B2: HS thực hiện nhiệm vụ:</p> <p>- B3: HS báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ:</p> <p>- B4: GV nhận xét, chốt kiến thức</p>	<p>d. Gợi ra một phong tục đẹp – một nét văn hóa đẹp của Đất Nước.</p> <p>b. Thể hiện một nét đẹp của đạo lí dân tộc là tình nghĩa thủy chung.</p>
--	--

4. VẬN DỤNG

Hoạt động của GV - HS	Kiến thức cần đạt
<p>- B1:GV giao nhiệm vụ: <i>Súng nổ rung trời giận dữ Người lên như nước vỡ bờ Nước Việt Nam từ máu lửa Rũ bùn đứng dậy sáng loà./</i> (Đất nước - Nguyễn Đình Thi, Ngữ văn 12,</p> <p style="text-align: right;">Tập một,</p> <p>Đọc đoạn thơ trên và thực hiện các yêu cầu sau:</p> <p>1. Nêu ý chính của đoạn thơ trên ?</p> <p>2. Tại sao trong đoạn thơ, tác giả sử dụng mỗi câu thơ đều 6 tiếng ?</p> <p>3. Viết đoạn văn ngắn bày tỏ suy nghĩ về bức tượng đài của</p>	<p>1. Ý chính của đoạn thơ trên : Bức tượng đài về đất nước</p> <p>2. Trong đoạn thơ, tác giả sử dụng mỗi câu thơ đều 6 tiếng với cách ngắt nhịp đều đặn, dồn dập tạo bức tượng đài đất nước cân đối, hài hoà, chắc chắn, bền vững với thời gian.</p> <p>3. Viết đoạn văn ngắn bày tỏ suy nghĩ về bức tượng đài của đất nước qua đoạn thơ.</p> <p>Đảm bảo các nội dung :</p> <p>-Đất nước có lòng căm thù giặc sâu sắc (câu 1)</p> <p>-Đất nước có sức mạnh đoàn kết của toàn dân tộc (câu 2)</p> <p>-Đất nước đau thương (câu 3)</p> <p>-Đất nước đi từ bóng tối ra ánh sáng, từ nô lệ đến tự do (câu 4)</p>

- B2: HS thực hiện nhiệm vụ: - B3: HS báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ: - B4: GV nhận xét, chốt kiến thức	
--	--

5. MỞ RỘNG VÀ SÁNG TẠO

Hoạt động của GV - HS	Kiến thức cần đạt
- B1: GV giao nhiệm vụ: 1. Phân tích và so sánh nét tương đồng và khác biệt trong cảm nhận về Đất nước qua tác phẩm cùng tên của Nguyễn Đình Thi và Nguyễn Khoa Điềm; 2. Vẽ sơ đồ tư duy 2 tác phẩm đã học. - B2: HS thực hiện nhiệm vụ: - B3: HS báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ: - B4: GV nhận xét, chốt kiến thức	- Chỉ ra được điểm giống nhau và khác nhau trong nội dung và nghệ thuật về cảm hứng Đất Nước ở 2 văn bản Vẽ đúng sơ đồ tư duy.

.....

.....

.....

.....

Tuần

Ngày soạn:....

Tiết 29

Ngày kí:.....

LUẬT THƠ (Tiếp theo)

A. VẤN ĐỀ CẦN GIẢI QUYẾT

I. Tên bài học : Luật thơ

II. Hình thức dạy học : DH trên lớp.

III. Chuẩn bị của giáo viên và học sinh

1. Giáo viên:

Ngữ văn 12

- Phương tiện, thiết bị:
 - + SGK, SGV, Tư liệu Ngữ Văn 11, thiết kế bài học.
 - + Máy tính, máy chiếu, loa...
- PPDH: Phát vấn, thuyết trình, nêu vấn đề, thảo luận nhóm, trò chơi

2. *Học sinh*: Sách giáo khoa, bài soạn.

B. NỘI DUNG BÀI HỌC

Luật thơ

C. MỤC TIÊU BÀI HỌC

I. Kiến thức: Thấy rõ sự giống và khác nhau của các thể thơ hiện đại qua việc phân tích các yếu tố ; tiếng, vần, nhịp, thanh của một số đoạn thơ

II. Kỹ năng: phân biệt các thể thơ

III. Về thái độ, phẩm chất.

1. Về thái độ: yêu thích bộ môn văn, tích cực học tập, sáng tạo.
2. Về phẩm chất: Sống yêu thương, sống tự chủ, sống trách nhiệm.

IV. Về phát triển năng lực:

Hướng tới hình thành và phát triển ở học sinh:

1. Năng lực chung: năng lực tự học; năng lực tự giải quyết vấn đề và sáng tạo; năng lực thẩm mỹ; năng lực hợp tác; năng lực tính toán; năng lực công nghệ thông tin và truyền thông.
2. Năng lực riêng: Năng lực tự học, năng lực năng lực tự giải quyết vấn đề và sáng tạo sáng tạo; năng lực hợp tác.

D. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

1. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG

Hoạt động của GV-HS

Nội dung cần đạt

- **B1: GV chuyển giao nhiệm vụ**

HS nghe và chỉ ra được sự khác nhau trong giọng ngâm của mỗi bài

GV cho HS nghe ngâm thơ sau đó nêu nhận xét về giọng ngâm của mỗi bài

- **B2: HS thực hiện nhiệm vụ**

- **B3: HS báo cáo nhiệm vụ**

- **B4: GV nhận xét và dẫn vào bài mới**: sở dĩ có sự khác nhau giữa giọng ngâm của các bài thơ như vậy là do luật thơ quy định. Hôm nay chúng ta tiếp tục tìm hiểu kĩ hơn về luật thơ qua một số bài thơ cụ thể

2. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS	NỘI DUNG BÀI HỌC	
<p>- B1 : GV chuyển giao nhiệm vụ HS thảo luận nhóm Nhóm 1 : Bài 1 Nhóm 2 : Bài 2 Nhóm 3 : Bài 3 Nhóm 4 : Bài 4</p> <p>- B2 : HS thực hiện nhiệm vụ HS trao đổi, thảo luận trong nhóm rồi ghi ra bảng phụ</p> <p>- B3 : HS báo cáo kết quả</p> <p>- B4 : GV nhận xét, chốt kiến thức</p>	<p>1. Bài tập 1: Những nét giống nhau và khác nhau về cách gieo vần, ngắt nhịp, hài thanh (bài <i>Mặt trăng</i> và bài <i>Sóng</i>):</p> <p>* Giống nhau: gieo vần cách</p>	
	<p>* Khác nhau:</p> <p>Ngữ ngôn truyền thống</p> <p>(Mặt trăng)</p> <p>- Vần: độc vận (bên, đen, lên, hèn) - Ngắt nhịp lẻ: 2/3 - Hài thanh: Luân phiên ở tiếng 2 và 4</p>	<p>Thơ hiện đại: năm chữ (Sóng)</p> <p>- Vần: 2 vần (thế, trẻ, em, lên) - Nhịp chẵn: 3/2 - Thanh của tiếng thứ 2 và 4 linh hoạt</p>
	<p>2. Bài tập 2: Sự đổi mới, sáng tạo trong thể thơ 7 tiếng hiện đại so với thơ thất ngôn truyền thống:</p> <p>* Gieo vần:</p> <p>- Vần chân, vần cách: lòng - trong (giống thơ truyền thống) - Vần lưng: lòng - không (sáng tạo) - Nhiều vần ở các vị trí khác nhau: sông- sóng- trong lòng – không (3)- không (5)- trong (5)-trong (7) → sáng tạo</p> <p>* Ngắt nhịp:</p> <p>- Câu 1 : 2/5 → sáng tạo - Câu 2, 3, 4: 4/3→giống thơ truyền thống</p>	
	<p>3. Bài tập 3:</p> <p>Mô hình âm luật bài thơ <i>Mời trầu</i>:</p>	
	<div><div><div>→</div><div>Đ</div></div><div><div>→</div><div>Đ</div></div></div> <div><p>Quả cau nho nhỏ / miếng trầu hôi</p><p>Này của Xuân Hương / mới quệt rồi</p><p>Có phải duyên nhau / thì thắt lại</p><p>Đừng xanh như lá / bạc như vôi</p></div> <div><p>B T B Bv</p><p>T B T Bv</p><p>T B T</p><p>B T B Bv</p></div>	

	<p>4. Bài tập 4:</p> <p>Ảnh hưởng của thơ thất ngôn Đường luật đối với thơ mới:</p> <ul style="list-style-type: none"> * Gieo vần: sông - dòng: vần cách * Nhịp: 4/3 * Hài thanh: <ul style="list-style-type: none"> - Tiếng 2: gọn, thuyền, về, một: T – B – B – T - Tiếng 4: giang, mái, lại, khô: B – T – T – B - Tiếng 6: điệp, song, trăm, mấy: T – B – B – T <p>✉ Vần, nhịp, hài thanh đều giống thơ thất ngôn tứ tuyệt</p>
--	---

3. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP

Hoạt động của GV-HS

- B1: GV chuyển giao nhiệm vụ

Giáo viên tổ chức cho học sinh thực hành bài tập sau tại lớp:

Áo chàm đưa buổi phân li

Cầm tay nhau biết nói gì hôm nay...

1. Xác định thể thơ trong 2 câu thơ trên trong bài thơ Việt Bắc của Tố Hữu.

2. Cách ngắt nhịp của câu thơ *Cầm tay nhau biết nói gì hôm nay có gì lạ?* Nêu hiệu quả nghệ thuật của cách ngắt nhịp đó.

- B2: HS thực hiện nhiệm vụ

- B3: HS báo cáo kết quả

- B4: GV nhận xét, chốt kiến thức

4. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG

Hoạt động của GV-HS

- B1: GV chuyển giao nhiệm vụ

Phân tích Luật thơ trong bài thơ *Xúc cảnh* của Nguyễn

Nội dung cần đạt

Trả lời:

1. Thể thơ lục bát

2. Cách ngắt nhịp của câu thơ *Cầm tay nhau biết nói gì hôm nay* lạ ở chỗ từ nhịp bình thường 2/2/2/2, Tố Hữu chuyển sang nhịp 3/3/2. Hiệu quả nghệ thuật của cách ngắt nhịp : gợi tâm trạng bịn rịn, xúc động đến nghẹn ngào không nói nên lời trong giây phút chia tay của người cán bộ kháng chiến.

Nội dung cần đạt

HS phân tích chính xác luật thơ

Ngữ văn 12
Đình Chiểu.

- B2: HS thực hiện nhiệm vụ
- B3: HS báo cáo kết quả
- B4: GV nhận xét, chốt kiến thức

5. HOẠT ĐỘNG MỞ RỘNG VÀ SÁNG TẠO

Hoạt động của GV-HS

Nội dung cần đạt

- B1: GV chuyển giao nhiệm vụ

Giáo viên chia các nhóm và giao bài tập về nhà theo các câu hỏi sau:

1. Chọn 1 đoạn thơ lục bát, song thất lục bát (khoảng 4 câu), 1 bài thơ thất ngôn tứ tuyệt, thất ngôn bát cú Đường luật. Phân tích nhịp, hài thanh, luật, niêm, vần (Bảng bảng biểu)
2. Sáng tác 1 bài thơ theo thể lục bát, 1 bài thơ theo thể thơ tự do. Chủ đề: Nhà trường.

- B2: HS thực hiện nhiệm vụ
- B3: HS báo cáo kết quả
- B4: GV nhận xét, chốt kiến thức

.....
.....
.....

Tuần
Ngày soạn:
Tiết 30

Ngày kí:.....

THỰC HÀNH MỘT SỐ PHÉP TU TỪ NGỮ ÂM

A. VẤN ĐỀ CẦN GIẢI QUYẾT

I. Tên bài học : Thực hành một số phép tu từ ngữ âm

II. Hình thức dạy học : DH trên lớp.

III. Chuẩn bị của giáo viên và học sinh

1. Giáo viên:

- Phương tiện, thiết bị:
- + SGK, SGV, Tư liệu Ngữ Văn 11, thiết kế bài học.
- + Máy tính, máy chiếu, loa...

Ngữ văn 12

- PPDH: Phát vấn, thuyết trình, nêu vấn đề, thảo luận nhóm, trò chơi

2. *Học sinh*: Sách giáo khoa, bài soạn.

B. NỘI DUNG BÀI HỌC

Thực hành một số phép tu từ ngữ âm

C. MỤC TIÊU BÀI HỌC

I. Kiến thức :

a/ Nhận biết: Biết phép tu từ ngữ âm trong văn bản .

b/ Thông hiểu: Phương thức cơ bản trong một số phép tu từ ngữ âm

c/ Vận dụng thấp: Phân tích tác dụng của phép tu từ ngữ âm trong văn bản

d/ Vận dụng cao: Cảm nhận và phân tích tác dụng tu từ của các phép tu từ ngữ âm trong văn xuôi, thơ trữ tình

II. Kỹ năng :

a/ Biết làm: nhận diện được biện pháp tu từ ngữ âm trong văn bản

b/ Thông thạo: các bước phân tích hiệu quả biện pháp tu từ ngữ âm

III. Thái độ :

a/ Hình thành thói quen: đọc hiểu văn bản có sử dụng biện pháp tu từ ngữ âm

b/ Hình thành tính cách: tự tin , sáng tạo khi lĩnh hội và tạo lập văn bản có sử dụng biện pháp tu từ ngữ âm

c/ Hình thành nhân cách: có ý thức giữ gìn sự trong sáng của tiếng Việt

IV. Những năng lực cụ thể học sinh cần phát triển:

- Năng lực thu thập thông tin liên quan các biện pháp tu từ ngữ âm;

- Năng lực đọc – hiểu các tác phẩm văn học có sử dụng các biện pháp tu từ ngữ âm;

- Năng lực trình bày, phân tích hiệu quả nghệ thuật của các biện pháp tu từ ngữ âm;

- Năng lực hợp tác khi trao đổi, thảo luận về các biện pháp tu từ ngữ âm;

- Năng lực tạo lập văn bản nghị luận có sử dụng các biện pháp tu từ ngữ âm;

D. TIẾN TRÌNH TỔ CHỨC BÀI HỌC

1. KHỞI ĐỘNG (5 phút)

<i>Hoạt động của Thầy và trò</i>	<i>Nội dung cần đạt</i>
- B1: GV giao nhiệm vụ: GV hướng dẫn học sinh tìm hiểu bài học bằng câu hỏi trải nghiệm sau: Trong bài thơ <i>Đây mùa thu tới</i> , nhà thơ Xuân Diệu có viết: <i>Những luồng run rẩy rung rinh lá</i> . Trong bài thơ <i>Việt bắc</i> , nhà thơ Tố Hữu có viết: <i>Nhớ cô em gái hái măng một mình</i> .	+ <i>Những luồng run rẩy rung rinh lá</i> : phụ âm r được điệp lại 4 lần + <i>Nhớ cô em gái hái măng một mình</i> : phụ âm m được điệp lại 3 lần

<p>Em hãy chỉ ra tài năng sử dụng phụ âm của các nhà thơ trong các câu thơ trên</p> <p>- B2: HS thực hiện nhiệm vụ:</p> <p>- B3: HS báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ:</p> <p>- B4: GV nhận xét.Từ đó, giáo viên giới thiệu vào bài: Chúng ta đã thực hành biện pháp tu từ ẩn dụ, hoán dụ (Ngữ văn 10). Trong bài học hôm nay, chúng ta tiếp tục thực hành một số phép tu từ ngữ âm, như 2 câu thơ trên đã thể hiện phép tu từ ngữ âm (điệp âm) nhằm tạo hiệu quả nghệ thuật .</p>	
--	--

2. HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

Hoạt động của GV - HS	Kiến thức cần đạt
1. GV hướng dẫn HS thực hành về phép tu từ tạo nhịp điệu và âm hưởng thích hợp.(10 phút).	
<p>Giáo viên hướng dẫn học sinh làm bài tập:</p> <p>Thực hành về phép tu từ tạo nhịp điệu và âm hưởng thích hợp.</p> <p>- B1: GV chuyển giao nhiệm vụ HS hoạt động nhóm</p> <p>Nhóm 1, 3: Bài tập 1</p> <p>NHóm 2,4: Bài tập 2</p> <p>- B2: HS thực hiện nhiệm vụ</p> <p>- B3: HS báo cáo kết quả</p> <p>Đại diện nhóm trả lời, nhóm khác nhận xét bổ sung.</p> <p><u>Bàitập1:</u></p> <p>-Đoạn văn gồm bốn nhịp (hai nhịp dài trước, hai nhịp ngắn sau) phối hợp với nhau để diễn tả nội dung của đoạn:</p> <p>+Hai nhịp dài thể hiện lòng kiên trì và ý nghĩa quyết tâm của dân tộc ta trong việc</p>	<p>I. Tạo nhịp điệu và âm hưởng thích hợp.</p> <p>Bài tập 1:</p> <p>-Đoạn văn gồm bốn nhịp (hai nhịp dài trước, hai nhịp ngắn sau) phối hợp với nhau để diễn tả nội dung của đoạn:</p> <p>+Hai nhịp dài</p> <p>:</p> <p>+Hai nhịp ngắn</p> <p>:</p> <p>-Kết thúc ba nhịp đầu :</p> <p>-Nhịp điệu và sự phối hợp âm thanh cùng với phép lặp cú pháp (một dân tộc đó...), lặp từ ngữ (dân tộc đã gan góc, nay phải được) :</p> <p><u>2. Bài tập 2:</u></p> <p>Để tạo nên sắc thái hùng hồn, thiêng liêng, đoạn văn phối hợp:</p> <p>- Phép điệp (lặp từ ngữ, kết cấu ngữ pháp và nhịp điệu 4/2/4/2) + phép đối (đối xứng từ ngữ, về nhịp điệu, về kết cấu ngữ pháp)</p> <p>- Câu văn xuôi + có vần (Câu 1,2: bà / già, sủng / sủng)</p>

Ngữ văn 12

<p>không dấu với ba âm tiết mở (nay, nay, do) tạo ra âm hưởng ngân vang, lan xa. Kết thúc nhịp thứ bốn là một thanh trắc với một âm tiết kép (lập) tạo ra sự lắng đọng trong lòng người đọc (người nghe).</p> <p>-Nhịp điệu và sự phối hợp âm thanh cùng với phép lặp</p> <p><u>Bài tập 2:</u></p> <p>Để tạo nên sắc thái hùng hồn, thiêng liêng, đoạn văn phối hợp:</p> <p>- Phép điệp (lặp từ ngữ, kết cấu ngữ pháp và nhịp điệu 4/2/4/2) + phép đối (đối xứng từ ngữ, về nhịp điệu, về kết cấu ngữ pháp)</p> <p>- Câu văn xuôi + có vần (Câu 1,2: bà / già, sủng / sủng)</p> <p>- Nhịp ngắn, nhịp dài: câu 1, 4.</p> <p>☑Tạo âm hưởng khi khoan thai, khi mạnh mẽ, thích hợp với lời kêu gọi cứu nước.</p> <p>phép lặp cú pháp (một dân tộc đó...), lặp từ ngữ (dân tộc đã gan góc, nay phải được) đã tạo ra âm hưởng hùng hồn đánh thép cho lời tuyên ngôn.</p>	<p>mạnh mẽ, thích hợp với lời kêu gọi cứu nước.</p>
<p>2. GV hướng dẫn HS thực hành về phép tu từ: Điệp âm, điệp vần, điệp thanh.(35 PHÚT)</p>	
<p>- B1: GV chuyển giao nhiệm vụ Tổ chức cho HS thảo luận nhóm: Nhóm 1: Bài tập 1a. Nhóm 2: Bài tập 1b Nhóm 3: Bài tập 2 Nhóm 4: Bài tập 3.</p> <p>- B2: HS thực hiện nhiệm vụ - B3: HS báo cáo kết quả. HS đại diện nhóm trả lời * Nhóm 1 <i>"Dưới yên trắng yên đã gọi hè Đầu tường lửa lựu lập loè đơm bông"</i> Âm đầu (l) được lặp lại bốn lần gọi ra</p>	<p>II. Điệp âm, điệp vần, điệp thanh.</p> <p>1. Bài tập 1:</p> <p>a. <i>"Dưới yên trắng yên đã gọi hè Đầu tường lửa lựu lập loè đơm bông"</i> Âm đầu (l) được lặp lại bốn lần :</p> <p>b. " Làn ao long lánh bóng trắng loe"</p> <p>2. Bài tập 2: Trong đoạn thơ của Tố Hữu, vần "ang" xuất hiện 7 lần. ...</p> <p>3. Bài tập 3:</p>

Ngữ văn 12

<p>những hình tượng bông hoa lựu đỏ lấp ló trên cành những đốm lửa lập loè. ánh lửa đỏ như đang phát sáng lung linh lập loè trên ngọn cây.</p> <p>* Nhóm 2</p> <p>"Làn ao long lánh bóng trăng loe"</p> <p>- Câu thơ cũng xuất hiện 4 lần phụ âm đầu "l" - Sự cộng hưởng của 4 lần lặp lại tạo nên hình tượng bóng trăng lấp lánh và phát tán cả không gian rộng lớn trên mặt ao phản chiếu của mặt nước ...</p> <p>* Nhóm 3</p> <p>Trong đoạn thơ của Tố Hữu, vần "ang" xuất hiện 7 lần. Đây là vần chứa một nguyên âm rộng và âm tiết thuộc loại nửa mở (kết thúc bằng phụ âm mũi). Vần "ang" vì vậy gợi cảm giác rộng mở và chuyển động thích hợp với sắc thái miêu tả sự chuyển động mùa (từ mùa đông sang mùa xuân).</p> <p>* Nhóm</p>	<p>Khung cảnh hiem trở và sự gian lao vất vả được gợi ra nhờ:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nhịp điệu: 4/3 ở 3 câu đầu. - Sự phối hợp: B – T ở 3 câu đầu + Câu 1: Thiên về vần T ☑ Gợi không gian hiem trở, mang màu sắc hùng tráng, mạnh mẽ. + Câu 4: Thiên về vần B ☑ Gợi không khí rộng lớn, thoáng đãng trước mắt khi vượt qua con đường gian lao, vất vả. - Từ láy gợi hình, phép đối, phép lặp, phép nhân hoá (<i>súng gửi trời.</i>) - Lặp cú pháp: câu 1 và 3.
<p>3. GV hướng dẫn HS tổng kết:(5 PHÚT)</p>	
<ul style="list-style-type: none"> - B1: GV chuyển giao nhiệm vụ <p>Giáo viên hướng dẫn học sinh rút ra nhận xét về phạm vi sử dụng của các phép tu từ ngữ âm đã thực hành.</p> <ul style="list-style-type: none"> - B2: HS thực hiện nhiệm vụ - B3: HS báo cáo kết quả - B4: GV nhận xét, chốt lại kiến thức 	<p>III. Tổng kết:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Phép tu từ tạo nhịp điệu và âm hưởng thường được dùng trong văn xuôi nhất là văn chính luận. - Phép tu từ tạo nhịp điệu điệp thanh thường được sử dụng nhiều trong thơ ca.

3. LUYỆN TẬP

Hoạt động của GV - HS	Kiến thức cần đạt
<p>- B1: GV giao nhiệm vụ:</p> <p>Câu hỏi 1: Phép tu từ ngữ âm chủ yếu nào đã được tác giả sử dụng ở hai dòng thơ sau:</p> <p style="text-align: center;">“Sương nương theo trăng ngừng lưng trời Tương tư nâng lòng lên chơi vơi...”</p> <p style="text-align: right;">(Xuân Diệu)</p> <p>a. Điệp phụ âm đầu.</p>	

<p>b. Điệp văn.</p> <p>c. Điệp thanh.</p> <p>d. Biện nhíp.</p> <p>Câu hỏi 2: Nhà thơ Tố Hữu đã sử dụng phép điệp phụ âm đầu ở câu thơ nào sau đây?</p> <p>a. “Nắng chói sông Lô hò ô tiếng hát/Chuyến phà dào dạt bến nước Bình Ca”.</p> <p>b. “Thông reo bờ suối rì rào/Chim chiều chiu chít ai nào kêu ai”</p> <p>c. “Lá vàng đang đỏ ngọn cây/Sếu giang mang lạnh đang bay ngang trời”</p> <p>d. “Chân trời lui mãi lan lan rộng/Hi vọng tràn lên đồng mênh mông...”</p> <p>Câu hỏi 3: Trích dẫn thơ nào sau đây sử dụng biện pháp tu từ ngữ âm?</p> <p>a. “lơ thơ tơ liễu buông mành/ Con oanh học nói trên cành mĩa mai”</p> <p>b. “Tài cao phận thấp chí khí uất/Giang hồ mê chơi quên quê hương”</p> <p>c. Nỗi niềm chi rứa Huế ơi!/ Mà mưa xối xả trắng trời Thừa Thiên...”.</p> <p>d. Cả A, B và C.</p> <p>Câu hỏi 4: Biện pháp tu từ ngữ âm chủ yếu nào được sử dụng ở đoạn thơ sau:</p> <p style="padding-left: 40px;">“Trên dòng Hương Giang Em buông mái chèo... Trời trong veo Nước trong veo...”</p> <p style="text-align: right;">(Tố Hữu)</p> <p>a. Điệp phụ âm đầu.</p> <p>b. Điệp văn.</p> <p>c. Biện nhíp.</p> <p>d. Điệp thanh.</p> <p>Câu hỏi 5: Cho 2 câu thơ: <i>Dưới trăng quỳên đã gọi hè/ Đâu tường lửa lựu lập loè đơm bông</i> được tác giả sử dụng hình thức nghệ thuật gì ?</p> <p>a. Điệp văn</p> <p>b. Điệp âm</p> <p>c. Điệp thanh</p> <p>d. Cả 3 ý kiến trên.</p>	<p>c. Điệp thanh.</p> <p>b. “Thông reo bờ suối rì rào/Chim chiều chiu chít ai nào kêu ai”</p> <p>d. Cả A, B và C.</p> <p>b. Điệp văn.</p>
---	---

- B2: HS thực hiện nhiệm vụ: - B3: HS báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ: - B4: GV nhận xét, chốt kiến thức	b. Điệp âm
--	------------

4. VẬN DỤNG

Hoạt động của GV - HS	Kiến thức cần đạt
- B1: GV giao nhiệm vụ: Chỉ ra và nêu hiệu quả nghệ thuật phép tu từ ngữ âm đoạn thơ sau: <p style="text-align: center;"><i>Em ơi Ba Lan mùa tuyết tan</i> <i>Đường bạch dương sương trắng</i> <i>nắng tràn</i> <i>Anh đi nghe tiếng người xưa</i> <i>vọng</i> <i>Một giọng thơ ngâm một giọng</i> <i>đàn</i> (Tố Hữu)</p> - B2: HS thực hiện nhiệm vụ: - B3: HS báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ:	Điệp vần: Đoạn thơ tạo ra một âm hưởng du dương, thanh thoát bởi một loạt các tiếng (có chứa vần) như "tan, tràn, đàn" đều có âm chính là nguyên âm "a" bổng/sáng (vang sáng).

5. TÌM TÒI, MỞ RỘNG.

Hoạt động của GV - HS	Kiến thức cần đạt
- B1: GV giao nhiệm vụ: 1. Chỉ ra một số câu thơ đã học trong chương trình Ngữ văn THPT có sử dụng biện pháp tu từ ngữ âm. 2. Sáng tác một bài thơ về chủ đề Mừng ngày Nhà giáo Việt Nam (có sử dụng phép tu từ ngữ âm) - B2: HS thực hiện nhiệm vụ: - B3: HS báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ: - B4: GV nhận xét, chốt kiến thức	<ul style="list-style-type: none"> - Chép lại các câu thơ, chỉ ra cho đúng biện pháp tu từ ngữ âm trong câu đó. - Vận dụng luật thơ để sáng tác. Chú ý đúng chủ đề và có dùng tu từ ngữ âm.

Tuần

Ngày soạn:

Tiết 31-32

Ngày duyệt:.....

BÀI VIẾT SỐ 3 : NGHỊ LUẬN VĂN HỌC

I. Mục đích:

- Kiểm tra: bài viết số 3

+ Thời gian: 90 phút

+ Đối tượng: HS k12

+ Hình thức tổ chức: HS viết bài trên lớp

- Đề ra đảm bảo:

+ Kiến thức: Vận dụng kiến thức và kỹ năng về văn nghị luận đã học để viết được bài nghị luận văn học về một ý kiến bàn về văn học

+ Kỹ năng: Tiếp tục rèn luyện các kỹ năng tìm hiểu đề và các thao tác lập luận trong bài nghị luận văn học như giải thích, phân tích, so sánh, bình luận ...

+ Thái độ: Nâng cao nhận thức về lí tưởng, cách sống của bản thân trong học tập và rèn luyện.

+ Năng lực : giúp HS hình thành năng lực giải quyết tình huống, sử dụng ngôn ngữ, trình bày suy nghĩ và tạo lập văn bản

II)Thiết lập ma trận:

Mức độ \ Chủ đề	Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng thấp	Vận dụng cao	Tổng
1.Văn học					
2.Tiếng việt					
3.Làm văn				HS vận dụng những kiến thức đã học về bài thơ « Việt Bắc » để làm một đề bài	

Ngữ văn 12

				thể	
Số câu :				1	1
Số điểm :				10	10
Tỉ lệ :				100%	100%
Tổng					
Số câu :				1	1
Số điểm :				10	10
Tỉ lệ :				100%	100%

III) hiết lập đề kiểm tra:

*Ta về mình có nhớ ta
 Ta về ta nhớ những hoa cùng người
 Rừng xanh hoa chuối đỏ tươi
 Đèo cao nắng ánh dao gài thắt
 lưng Ngày xuân mơ nở trắng rừng
 Nhớ người đan nón chuốt từng sợi giang
 Ve kêu rừng phách đổ vàng
 Nhớ cô em gái hái măng một mình
 Rừng thu trăng dọi hòa bình
 Nhớ ai tiếng hát ân tình thủy
 chung.*

Có ý kiến cho rằng bài thơ VB là khúc tình ca về thiên nhiên và con người trong kháng chiến. Hãy phân tích đoạn thơ trên để làm sáng tỏ nhận định này.

IV) ướng dẫn chấm và thang điểm:

1) Hướng dẫn chung:

- GV nắm vững yêu cầu của hướng dẫn chấm
- Vận dụng linh hoạt đáp án và thang điểm, khuyến khích những bài có cảm xúc và sáng tạo.

2) Đáp án và thang điểm:

	Đáp án
--	--------

	<p>1) Yêu cầu kĩ năng:</p> <ul style="list-style-type: none">- Đảm bảo kĩ năng viết NLVH- Bố cục rõ ràng, trình bày sạch sẽ, diễn đạt lưu loát, dùng từ chính xác, chữ viết cẩn thận, đúng chính tả... <p>2) Yêu cầu kiến thức :</p> <p>a. Mở bài : Giới thiệu khái quát về tác giả TH, hoàn cảnh sáng tác bài thơ</p>
--	---

	<p>và ý kiến đánh giá</p> <p>b. Thân bài:</p> <p>* Giải thích ý kiến: Khúc tình ca là bài ca trữ tình đạt dào yêu thương, chan chứa ân tình của nhân vật trữ tình dành cho thiên nhiên và con người VB trong kháng chiến ➡ đây là ý kiến đánh giá đúng đắn.</p> <p>* Phân tích, chứng minh</p> <p>- Hai câu đầu: Khái quát chung về nỗi nhớ</p> <p>- Cảnh mùa đông:</p> <p>+ Ấn tượng về những bông hoa chuối rừng như những đuốc lửa rực sáng trên nền xanh thẫm của núi rừng</p> <p>+ Con người hiện ra với vẻ đẹp khỏe khoắn trên nương rẫy</p> <p>- Mùa xuân:</p> <p>+ Núi rừng ngập tràn màu trắng của hoa mơ tạo vẻ đẹp thơ mộng</p> <p>+ Con người hiện ra trong công việc lao động cần mẫn, tỉ mỉ</p> <p>- Mùa hạ:</p> <p>+ Âm thanh rộn rã của tiếng ve khiến không gian trở nên sôi động</p> <p>+ Những cô gái VB lặng lẽ lao động</p> <p>- Mùa thu:</p> <p>+ Ánh trăng dịu dàng lan tỏa gợi vẻ thanh bình</p> <p>+ Nhớ tiếng hát ân tình</p> <p>- Đoạn thơ thể hiện rõ phong cách nghệ thuật thơ TH: Trữ tình, sâu lắng, thiết tha</p> <p>C. Kết bài: Đánh giá chung</p>
--	---

***Thang điểm:**

- Điểm 10: Bài viết đáp ứng được tất cả các yêu cầu về kiến thức và kỹ năng
- Điểm 9: Bài viết đáp ứng được tất cả các yêu cầu kiến thức, có thể mắc vài sai sót nhỏ
- Điểm 7-8: Bài viết đáp ứng được phần lớn các yêu cầu về kiến thức và còn vài sai sót
- Điểm 5- 6: Bài viết đáp ứng được 2/3 yêu cầu về kiến thức, có nhiều sai sót
- Điểm 3-4: Bài viết đáp ứng được 1/2 yêu cầu kiến thức, có nhiều sai sót
- Điểm 1- 2: Bài viết sơ sài
- Điểm 0: Bài viết có suy nghĩ tiêu cực, lệch lạc hoặc để giấy trắng

Tuần

Ngày soạn:.....

Tiết 33-34

Ngày kí:.....

Đọc thêm

- **Dọn về làng (Nông Quốc Chấn).**
- **Tiếng hát con tàu (Chế Lan Viên)**
- **Đò Lèn (Nguyễn Duy)**

A. VẤN ĐỀ CẦN GIẢI QUYẾT

I. Tên bài học :

- **Dọn về làng (Nông Quốc Chấn).**
- **Tiếng hát con tàu (Chế Lan Viên)**
- **Đò Lèn (Nguyễn Duy)**

II. Hình thức dạy học : DH trên lớp.

III. Chuẩn bị của giáo viên và học sinh

I/Thầy

- Giáo án
- Phiếu bài tập, trả lời câu hỏi
- Hình ảnh , phim ảnh về Nông Quốc Chấn, Chế Lan Viên, Nguyễn Duy. Tranh ảnh về các vùng đất Cao-Bắc -Lạng trong kháng chiến chống Pháp, Tây Bắc trong những năm 1960; Thanh Hoá sau giải phóng 30-4;
- Bảng phân công nhiệm vụ cho học sinh hoạt động trên lớp
- Bảng giao nhiệm vụ học tập cho học sinh ở nhà

II/Trò

- Đọc trước văn bản về 3 bài thơ
- Các sản phẩm thực hiện nhiệm vụ học tập ở nhà (do giáo viên giao từ tiết trước)
- Đồ dùng học tập

B. NỘI DUNG BÀI HỌC

- **Dọn về làng (Nông Quốc Chấn).**
- **Tiếng hát con tàu (Chế Lan Viên)**
- **Đò Lèn (Nguyễn Duy)**

C. MỤC TIÊU BÀI HỌC

I. Kiến thức :

- a/ Nhận biết: Nêu thông tin về tác giả, sự nghiệp sáng tác
- b/ Thông hiểu:Lý giải được mối quan hệ/ ảnh hưởng của hoàn cảnh lịch sử với cuộc đời và sự nghiệp sáng tác của tác giả
- c/Vận dụng thấp: Vận dụng hiểu biết về tác giả, tác phẩm để đọc hiểu văn bản liên quan

Ngữ văn 12

d/Vận dụng cao:Viết bài cảm nhận riêng về vẻ đẹp của mỗi bài thơ

II. Kỹ năng :

a/ Biết làm: bài nghị luận về một đoạn thơ, bài thơ

b/ Thông thạo: các bước đọc hiểu về văn bản thơ.

III.hái độ :

a/ Hình thành thói quen: đọc hiểu văn bản thơ, có tư duy so sánh để tìm ra nét tương đồng và khác biệt giữa các tác phẩm.

b/ Hình thành tính cách: tự tin , sáng tạo khi viết văn nghị luận văn học;

c/Hình thành nhân cách: có tinh thần yêu nước, có khát vọng lên đường xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, có tình cảm với người thân yêu.

IV. Những năng lực cụ thể học sinh cần phát triển:

-Năng lực thu thập thông tin liên quan đến 03 văn bản

-Năng lực hợp tác để cùng thực hiện nhiệm vụ học tập

-Năng lực giải quyết những tình huống đặt ra trong các văn bản

-Năng lực đọc - hiểu các văn bản văn học (thơ trữ tình)

-Năng lực sử dụng ngôn ngữ, trình bày suy nghĩ, cảm nhận của cá nhân về tác giả , tác phẩm

D. TIỀN TRÌNH TỔ CHỨC BÀI HỌC

1. KHỞI ĐỘNG (5 phút)

<i>Hoạt động của Thầy và trò</i>	<i>Nội dung cần đạt</i>
- B1: GV giao nhiệm vụ: * GV: + Trình chiếu tranh ảnh, cho hs xem tranh ảnh (CNTT) + Chuẩn bị bảng lắp ghép * HS: + Nhìn hình đoán tác giả + Lắp ghép tác phẩm với tác giả +Đọc, ngâm thơ liên quan đến tác giả - B2: HS thực hiện nhiệm vụ: - B3: HS báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ: - B4: GV nhận xét sau đó giáo viên giới thiệu Vào bài: Để minh chứng cho đặc điểm cơ bản của trước và sau năm 1975, hôm nay chúng ta cùng đọc thêm 3 bài thơ: Dọn về làng- Tiếng hát con tàu- Đò Lèn.	HS lắp ghép chính xác tác giả và tác phẩm

2. HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

Hoạt động của GV - HS	Kiến thức cần đạt
1. GV hướng dẫn tìm hiểu bài "Dọn về làng". (10 phút).	

*** Thao tác 1 :**

Hướng dẫn HS tìm hiểu chung về tác giả và tác phẩm

- B1: GV giao nhiệm vụ

Học sinh đọc SGK.

- Phần Tiểu dẫn trình bày nội dung gì?

Nêu tóm tắt những điều cần lưu ý

- B2: HS thực hiện nhiệm vụ

H/s tự tham khảo.

- B3: HS báo cáo kết quả

Đại diện nhóm phát biểu, bổ sung HS Tái hiện kiến thức và trình bày.

- Nông Quốc Chấn (tên khai sinh là Nông Văn Quỳnh).

- Sinh năm:1923 Quê: Cốc Đán - Ngân

Sơn- Bắc Cạn. Là nhà thơ dân tộc Tày.

- Từng giữ nhiều chức vụ quan trọng: Chủ tịch Hội văn học khu Việt Bắc, Thứ trưởng Bộ Văn Hoá thông tin - Hiệu trưởng Trường Đại học Văn hoá Hà Nội.

* Sự nghiệp: Tiếng ca người Việt Bắc(1959). Suối và biên(1984)...

*Tác phẩm: - Viết về quê hương tác giả trong những năm đầu kháng chiến chống thực dân Pháp đau thương mà anh dũng. Bài thơ được trao giải nhì tại Đại hội liên hoan Thanh niên sinh viên thế giới tại Béc-lin.

- B4: GV nhận xét, chốt kiến thức

*** Thao tác 2: GV hướng dẫn đọc –hiểu tác phẩm**

- B1: GV chuyển giao nhiệm vụ

Xác định chủ đề của bài thơ?

Nêu những nội dung cơ bản của tác phẩm?

giấc?

Niềm vui của dân khi được giải phóng thể hiện qua những chi tiết nào?

Nhận xét chung về nghệ thuật?

- B2: HS thực hiện nhiệm vụ

- B3: HS báo cáo kết quả

Đại diện nhóm trả lời theo sự chuẩn bị ở

Nhận xét gì về tội ác của

Ngữ văn 12

A. Bài "Dọn về làng".

I. Tìm hiểu chung.

1. Tác giả:

2. Tác phẩm:

II. Đọc hiểu văn bản:

1. Chủ đề: Miêu tả cuộc sống gian khổ của nhân dân Cao Bắc Lạng và tội ác dã man của giặc Pháp Đồng thời thể hiện niềm vui khi quê hương được giải phóng.

2. Nội dung:

a Nỗi thống khổ của nhân dân và tội ác của giặc

b. Niềm vui của dân khi được giải phóng:

- Hôm naycười vang

.....

Mờ mờ khói bếp bay lên mái nhà lá

-> Niềm vui ấy không của riêng ai (nhân dân, bộ đội, tất cả mọi người... và nhất là

<p>nhà</p> <p>- B4: GV nhận xét, chốt kiến thức</p>	<p>nhân vật trữ tình).</p> <p>3. Nghệ thuật:</p> <p>- Cách nói sinh động cụ thể- hình ảnh gần gũi...</p>
<p>2. GV hướng dẫn tìm hiểu bài “ Tiếng hát con tàu”</p>	
<p>* Thao tác 1 :</p> <p>Hướng dẫn HS tìm hiểu chung</p> <p>- B1: GV chuyển giao nhiệm vụ</p> <p>HS đọc tiểu dẫn nêu vài nét chính về tác giả Chế Lan Viên?</p> <p>Lưu ý phong cách nghệ thuật Chế lan Viên.</p> <p>Nêu hoàn cảnh sáng tác bài thơ?</p> <p>Bài thơ mang đậm phong cách sáng tác của Chế Lan Viên.</p> <ul style="list-style-type: none"> - B2: HS thực hiện nhiệm vụ - B3: HS báo cáo kết quả - B4: GV nhận xét, chốt kiến thức <p>*Thao tác 2: Hướng dẫn HS đọc- hiểu văn bản</p> <p>- B1: GV chuyển giao nhiệm vụ</p> <p>Em hiểu như thế nào về nhan đề bài thơ? Thực tế có con tàu đi Tây Bắc không? Vậy con tàu có ý nghĩa như thế nào? Tây Bắc có ý nghĩa gì? Từ đó rút ra ý nghĩa của lời đề từ.</p> <ul style="list-style-type: none"> - B2: HS thực hiện nhiệm vụ - B3: HS báo cáo kết quả <p>* HS trả lời cá nhân</p> <p>- Thơ Chế Lan Viên nóng hổi tính thời sự, giàu chất sử thi, chất anh hùng ca và chất chính luận, có vẻ đẹp trí tuệ độc đáo.</p> <p>- Phong cách thơ Chế Lan Viên độc đáo: có vẻ đẹp trí tuệ, khai thác triệt để những</p>	<p>B. Bài TIẾNG HÁT CON TÀU</p> <p>I. <u>Tìm hiểu chung:</u></p> <p>1. <u>Tác giả:</u> Chế Lan Viên (1920 - 1989):</p> <p>2. <u>Tác phẩm:</u> Rút từ tập “<i>Ánh sáng và phù sa</i>”.</p> <p>- Bài thơ được gợi cảm hứng từ một sự kiện lịch sử những năm 1958- 1960: cuộc vận động đồng bào miền xuôi xây dựng kinh tế ở miền núi Tây Bắc.</p> <p>II. <u>Hướng dẫn đọc thêm:</u></p> <p>1. <u>Lời đề từ:</u></p> <p>- Con tàu: biểu tượng cho khát vọng ra đi.</p> <p>- Tây Bắc:vừa có ý nghĩa tả thực vừa có ý nghĩa biểu tượng cho miền đất xa xôi của Tổ quốc.</p> <p>=> Đến với nhân dân, với Tây Bắc chính là trở về với lòng mình, với tình cảm sâu nặng, gắn bó.</p> <p>-</p> <p>2. Sự trần trở và lời mời gọi lên đường (Hai khổ đầu)</p> <p>3. Kỉ niệm về với nhân dân trong 10 năm kháng chiến (Chín khổ thơ tiếp):</p>

<p>- B1: GV chuyển giao nhiệm vụ</p> <p>Nhóm 1: Hai khổ đầu tác giả thể hiện nội dung gì? Biện pháp nghệ thuật nào được sử dụng?</p> <p>* Nhóm 2</p> <p>Nét độc đáo của khổ 5 là gì? Biện pháp nghệ thuật gì?</p> <p>Ý nghĩa của khổ 5?</p> <p>* Nhóm 3</p> <p>Những con người Tây Bắc hiện lên như thế nào?</p> <p>Tình quân dân được thể hiện trong đoạn thơ như thế nào?</p> <p>* Nhóm 4</p> <p>Phân tích những câu thơ mang đậm tính triết lí trong bài thơ?</p> <ul style="list-style-type: none"> - <i>Khi ta ở chỉ là nơi đất ở</i> <i>Khi ta đi đất đã hóa tâm hồn.</i> - <i>Tình yêu làm đất lạ hóa quê hương</i> <ul style="list-style-type: none"> - B2: HS thực hiện nhiệm vụ - B3: HS báo cáo kết quả <p>* HS đại diện nhóm trả lời</p> <p>Nhóm 1:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thủ pháp phân thân, hàng loạt câu hỏi tu từ róng riết: <p>... <i>Anh đi chẳng? Anh có nghe...? Tàu gọi anh đi sao chưa ra đi?</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Nhiều hình ảnh đối lập, giọng thơ giục giã, hối thúc, trăn trở - Tác giả vừa kêu gọi mọi người vừa tự phê, tự vấn trên con đường về với tổ quốc, nhân dân, về với cội nguồn sáng tạo của người nghệ sĩ. <p>* Nhóm 2</p> <p>* Viết về kháng chiến, về nhân dân bằng lòng biết ơn sâu xa:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Hàng loạt hành ảnh so sánh: <ul style="list-style-type: none"> - <i>“Kháng chiến 10 năm qua // ngọn lửa...nghìn năm sau...soi đường”</i> 	
--	--

Ngũ văn 12

- “*Con gặp lại ND// nai về suối
cũ*

// cỏ đón giêng hai

// chim én gặp mùa

<p style="text-align: center;"><i>// trê thơ...gặp sữa</i> <i>// chiếc nôi...tay đưa..."</i></p> <p>→Về với nhân dân là về với những gì thân thuộc, gần gũi nhất, về với ngọn nguồn thiết yếu của sự sống trong sự che chở cưu mang,về với niềm vui, niềm hạnh phúc từng khao khát chờ mong.(<i>Trong trẻo, ngọt lành,ấm áp, bình yên</i>)</p> <p>* Gợi kỷ niệm với nhân dân trong kháng chiến:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chi tiết cụ thể chân thực, gợi cảm + những hình ảnh liên tưởng bất ngờ gợi bao hình ảnh đẹp mới lạ - Cách xưng hô thân thiết ruột thịt, ấm áp tình cảm. - Những từ nữ chỉ thời gian gợi sự hi sinh thầm lặng, lớn lao <p>→Lòng biết ơn sâu sắc gắn bó chân thành với những xúc động thấm thía của những người kháng chiến đối với nhân dân, đất nước.</p> <p>* Nhóm 4</p> <ul style="list-style-type: none"> -TY là kết tinh cao độ của những kỉ niệm và sự gắn bó máu thịt với Tây Bắc cũng là với kháng chiến, với đất nước. - Những câu thơ cô đúc như những châm ngôn,triết lí nhưng không khô khan mà từ quy luật của tình cảm, của trái tim, được cảm nhận bằng trái tim. - Kết hợp cảm xúc và suy tưởng, nâng cảm xúc suy tưởng lên thành những suy ngẫm triết lí- đó là thành công của đoạn thơ, cũng là nét đặc sắc trong thơ CLV. <p>B4: GV nhận xét, chốt kiến thức, chuyển giao nhiệm vụ</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV diễn giảng bốn khổ cuối - HS chú ý lắng nghe, theo dõi 	<p>- B1: GV chuyển giao nhiệm vụ</p> <p>Nhận xét khái quát về nghệ thuật và rút ra ý nghĩa văn bản</p> <p>- B2: HS thực hiện nhiệm vụ</p>
---	---

- Đoạn thơ kết lại bằng những câu thơ đậm chất triết lí và những kỉ niệm về tình yêu, về người con gái Tây bắc: Không chỉ thể hiện nỗi nhớ về một tình yêu mà còn là những suy ngẫm triết lí về quy luật của tình yêu:

4. Khúc hát lên đường sôi nổi, mê say (Bốn khổ cuối):

- Điệp từ., điệp ngữ, láy lại... Âm hưởng sôi nổi.

- Hình ảnh thơ phong phú, biến hóa sáng tạo, chủ yếu là những hình ảnh ẩn dụ, biểu tượng

→ Khao khát, bồn chồn, giục giã lên đường sôi nổi, mê say đáp lại lời mời gọi của hai khổ thơ đầu.

III. Tổng kết:

1. Nghệ thuật :

2. Ý nghĩa văn bản :

<p>- B3: HS báo cáo kết quả * HS trả lời cá nhân - Nghệ thuật : bài thơ thể hiện những nét chính trong phong cách thơ CLV: sự sáng tạo hình ảnh mới lạ, liên tưởng phong phú bất ngờ, cảm xúc gắn với suy tưởng triết lí Tổng kết: - Ý nghĩa văn bản : Bài thơ thể hiện khát vọng, niềm hân hoan trong tâm hồn nhà thơ khi trở về với nhân dân với đất nước cũng là tìm về với ngọn nguồn nuôi dưỡng sự sáng tạo nghệ thuật của hồn thơ. - B4: GV nhận xét, chốt kiến</p>	
<p>3. GV HƯỚNG DẪN ĐỌC THÊM BÀI ĐỒ LÈN(10 PHÚT)</p>	
<p>* Thao tác 1 : Hướng dẫn HS tìm hiểu chung về văn bản - B1: GV chuyển giao nhiệm vụ - Đọc tiểu dẫn và tóm tắt ý chính. - Những nét chính về tác giả? - Đặc điểm thơ Nguyễn Duy? - Hoàn cảnh sáng tác bài thơ? Chủ đề, bố cục? - B2: HS thực hiện nhiệm vụ * 1 HS đọc, cả lớp theo dõi. - B3: HS báo cáo kết quả * HS trả lời cá nhân - Nguyễn Duy Nhuệ (1948-), quê :Đông Vẽ – Tp Thanh Hoá - Từng trải qua tuổi thơ lam lũ, sớm mồ côi và thiếu tình mẹ nhưng bù lại cậu bé được sống trong tình yêu thương của bà ngoại. - Nguyễn Duy nhập ngũ, tham gia kháng</p>	<p>C. BÀI ĐỒ LÈN I. Tìm hiểu chung: 1. Tác giả. 2. Tác phẩm. a. Hoàn cảnh sáng tác. b. Bố cục: 2 phần. - Phần 1. 5 khổ đầu- Kỉ niệm về tuổi thơ</p>

<p>những buồn, vui, nhọc nhằn của người dân, đặc biệt là người thân bởi ông ít có điều kiện đền đáp họ.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thơ ông mang hơi hướng ca dao, thâm trầm trong triết lí, hồn nhiên và hóm hỉnh, khoẻ khoắn của người lao động. - Viết tháng 9-1983, khi ông có dịp trở về quê, sống trong những kí ức buồn vui thời thơ ấu. - Đò Lèn là địa danh, quê ngoại ông. <p>* Thao tác 2: GV hướng dẫn HS đọc- hiểu văn bản</p> <p>- B1: GV chuyển giao nhiệm vụ</p> <p>vụ</p> <ul style="list-style-type: none"> -Chia nhóm thảo luận. - Nhóm 1 thảo luận phần 1. - Kỉ niệm về tuổi thơ bên bà ntn? - Nhận xét về tính cách nhân vật trữ tình? - Ý nghĩa “ trong suốt, hư- thực”? <p>Nhóm 2 thảo luận về hình ảnh của bà ngoại?</p> <ul style="list-style-type: none"> - Liên hệ với hình ảnh bà trong những bài thơ mà em biết? <p>Vd: + Bên kia sông Đuống- Hoàng Cầm.</p> <p>+ Bếp lửa- Bằng Việt.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nhận xét về từ thập thững? <p>-Nhóm 3. Thảo luận về sự thức tỉnh khi đã trưởng thành của nhân vật trữ tình?</p> <ul style="list-style-type: none"> - Ý nghĩa khổ thơ cuối? - Bài thơ này có ý nghĩa ntn? <p>- B2: HS thực hiện nhiệm vụ</p> <p>- B3: HS báo cáo kết quả</p> <p>* Nhóm 1</p> <p>Kí ức tuổi thơ của tác giả.</p> <ul style="list-style-type: none"> -Thời thơ ấu hiện lên sinh động, chân 	<p>thực.Tác giả không che giấu sự hiều động của mình qua những trò tình nghịch của đứa trẻ vùng nông thôn nghèo. + Say mê với trò chơi con trẻ:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Câu cá ở cổng Na, bắt chim sẻ trên vành <p>tai tượng Phật, theo bà đi chợ nín váy bà sợ lạc, ăn trộm nhãn chùa Trần.</p>
--	--

Ngữ văn 12

bên bà ngoại.

- Phần 2. còn lại - nỗi đau khi bà qua đời và sự thức tỉnh của cháu.

II/ Đọc – hiểu

1/ Kí ức tuổi thơ của tác giả.

=> Tất cả đều gắn với từng địa danh cụ thể, kỉ niệm ngọt ngào và hạnh phúc biết bao.

2. Kỉ niệm về người bà & sự hối hận chân thành, sâu sắc nhưng muộn màng.

3. Những đặc sắc trong cách thể hiện của ND trong thi đề viết về tình bà cháu:

- Sử dụng thủ pháp đối lập :

+ Đối lập giữa cái tình nghịch vô tư của người cháu với cái cơ cực, tàn tạ của người bà.

+ Đối lập giữa hoàn cảnh đói kém, chiến tranh ác liệt, hoàn cảnh gia đình đau thương với cái đơn chiếc, già nua tội nghiệp của người bà.

+ Đối lập giữa cái vĩnh hằng của vũ trụ với cái ngắn ngủi, hữu hạn của cuộc đời con người.

- Sử dụng phép so sánh đối chiếu :

+ Giữa cái hư và cái thực; giữa bà với Tiên , Phật, thánh thần => tương đồng

+ Giữa thần thánh với bà đặt trong một

<p>- Thích chơi đèn cây Thị, chân đất đi đêm xem lễ đèn Sòng.</p> <p>* Nhóm 2</p> <p>-Hình ảnh Bà ngoại: Bà hiện về cùng khung cảnh thân thiết của quê hương.</p> <p>+ Mò cua xúc tép, đi gánh chè xanh Ba Trại, buôn bán ngược xuôi.</p> <p>+ Khi Quán Cháo, khi Đồng Giao: những miền đất xa xôi, hẻo lánh, đò gánh trên vai, bà tần tảo buôn bán ngược xuôi, nơi đâu cũng in dấu chân bà.</p> <p>- “Thập thưng”: là từ láy vừa tạo hình vừa biểu cảm diễn tả sự khó nhọc, bước đi xiêu vẹo, không tự chủ, đường gập ghềnh mà sức người đã kiệt, đêm đông gió rét.</p> <p>* Nhóm 3</p> <p>- Tác giả lẫn lộn giữa hai bờ hư- thực, bởi hư là tiên, phật, thánh, thần (thế giới cổ tích) , thực là sự vất vả, lam lũ, khổ cực của bà.</p> <p>+ 2 từ “trong suốt” biểu hiện sự thơ ngây, trong trẻo của trẻ thơ.Yêu bà nhưng không thương bà, vô tâm trước vất vả của bà bởi thơ ngây, hồn nhiên.</p> <p>- Chiến tranh, nhà bà bay mất, quê hương bị tàn phá: Đèn Sòng bay, bay tuốt cả hội.</p> <p>Nuối tiếc đến xót xa, cay đắng.</p> <p>- Tình cảm của nhà thơ khi nghĩ về bà ngoại:</p> <p>+ Thấu hiểu nỗi cơ cực, tần tảo, tình yêu thương của bà .Thể hiện tình yêu thương, sự tôn kính, lòng tri ân sâu sắc đối với bà.</p> <p>+ Sự ân hận, ngậm ngùi , xót đau muộn màng :</p> <p>“Khi tôi biết thương bà thì đã muộn Bà chỉ còn một nắm cỏ thôi”</p> <p>- Khổ thơ cuối đánh dấu bước trưởng thành của người cháu. ý thức cá nhân bộc lộ chân thành, tha thiết vừa là sợi dây vô</p>	<p>hình nổi quá khứ với hiện tại, nỗi con người đang sống hôm nay với người đã</p>
---	--

Ngũ văn 12

bối cảnh chiến tranh

- Giọng điệu: thành thực, thẳng thắn.

4. Ý nghĩa văn bản : Bài thơ để lại nhiều dư vị trong tâm hồn, chạm đến cõi sâu kín và thường nhật trong cuộc sống tình cảm của mỗi con người. Dường như ND vừa nói hộ vừa nhắc nhở cho nhiều người về lẽ sống ở đời, đặc biệt là thái độ sống của mỗi người trong hiện tại đối với những gì gần gũi nhất trong cuộc sống của mình.

Ngữ văn 12

khuất, nổi cá nhân với cội nguồn của mình. - Khổ thơ là bài học thấm thía: đừng tự ru mình trong những ảo ảnh ngọt ngào, sống giữa cuộc đời hãy tỉnh táo, không thể thơ ngây. - B4: GV nhận xét, chốt kiến thức	
--	--

3. LUYỆN TẬP

Hoạt động của GV - HS	Kiến thức cần đạt
- B1:GV giao nhiệm vụ: Giáo viên tổ chức cho học sinh thực hành bài tập sau tại lớp: Điền vào ô trống: - B2: HS thực hiện nhiệm vụ: - B3: HS báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ: - B4: GV nhận xét, chốt kiến thức	Điền đúng các nội dung đã yêu cầu

Tên tác phẩm	Đề tài	Chủ đề	Giá trị nội dung	Giá trị nghệ thuật
<i>Dọn về làng</i>				
Tiếng hát con tàu				
Đò Lèn				

4. VẬN DỤNG

Hoạt động của GV - HS	Kiến thức cần đạt
- B1:GV giao nhiệm vụ: <i>Trên Tây Bắc! Ôi mười năm Tây Bắc</i> <i>Xứ thiêng liêng rừng núi đã anh hùng</i> <i>Nơi máu rỏ tâm hồn ta thấm đất</i> <i>Nay rạt rào đã chín trái đầu xuân.</i> <i>Ôi kháng chiến! Mười năm qua như</i>	1. Ý chính của đoạn thơ : Về với Tây Bắc là về với kỉ niệm kháng chiến. Đó là niềm khát khao mãnh liệt và niềm hạnh phúc lớn lao khi trở về với nhân dân cùng với những kỉ niệm sâu nặng đầy tình nghĩa trong những năm kháng chiến. 2. Ý nghĩa từ “máu rỏ” : gọi giá trị to

Nghìn năm sau, còn đủ sức soi

*đường, Con đã đi nhưng con cần vượt
nữa Cho con về gặp lại mẹ yêu
thương.*

Đọc đoạn thơ trên và thực hiện các yêu cầu sau:

1. Nêu ý chính của đoạn thơ?
2. Nêu ý nghĩa từ “máu đỏ”, “chín trái đầu xuân” trong đoạn thơ.
3. Nêu hiệu quả nghệ thuật của biện pháp tu từ so sánh ở đoạn thơ thứ 2 ?

- B2: HS thực hiện nhiệm vụ:
- B3: HS báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ:
- B4: GV nhận xét, chốt kiến thức

lớn của đau thương, mất mát, hi sinh thầm lặng của bao người, “chín trái đầu xuân”

gợi thành quả lao động. Nơi máu đỏ là nơi trái chín, nơi đau thương, hi sinh là nơi sự sống sinh sôi, nảy nở nhờ quá trình lao động bền bỉ, hăng say. Điều đó gợi sức sống bất diệt của vùng đất kháng chiến, của con người Việt Nam.

3. Hiệu quả nghệ thuật của biện pháp tu từ so sánh ở đoạn thơ thứ 2: Nhà thơ so sánh kháng chiến như ngọn lửa. Cuộc kháng chiến đã đi qua Mười năm nhưng sức ấm nóng vẫn còn lan toả đến Nghìn năm sau. Kháng chiến trở thành ngọn đuốc soi đường đi cho dân tộc và cho Con- nhà thơ cách mạng.- tìm về lại với Mẹ-Nhân dân.

5.MỞ RỘNG VÀ SÁNG TẠO

Hoạt động của GV - HS	Kiến thức cần đạt
<p>- B1: GV giao nhiệm vụ:</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Từ 3 bài thơ đọc thêm, rút ra phong cách sáng tác của mỗi tác giả. 2. So sánh sự khác nhau giữa thơ trước và sau 1975 qua bài thơ của Nông Quốc Chấn, Chế Lan Viên với Nguyễn Duy? <p>- B2: HS thực hiện nhiệm vụ:</p> <p>- B3: HS báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ:</p> <p>- B4: GV nhận xét, chốt kiến thức</p>	<ol style="list-style-type: none"> 1.Xác định đúng phong cách của mỗi nhà thơ 2. Chỉ ra sự khác nhau giữa thơ trước và sau 1975 qua bài thơ của Nông Quốc Chấn, Chế Lan Viên với Nguyễn Duy (dựa vào bài khái quát và căn cứ vào văn bản các tác phẩm)

.....

.....

.....

.....

THỰC HÀNH MỘT SỐ PHÉP TU TỪ CÚ PHÁP

A. VẤN ĐỀ CẦN GIẢI QUYẾT

I. Tên bài học : Thực hành một số phép tu từ cú pháp

II. Hình thức dạy học : DH trên lớp.

III. Chuẩn bị của giáo viên và học sinh

1. Giáo viên:

- Phương tiện, thiết bị:

+ SGK, SGV, Tư liệu Ngữ Văn 11, thiết kế bài học.

+ Máy tính, máy chiếu, loa...

- PPDH: Phát vấn, thuyết trình, nêu vấn đề, thảo luận nhóm, trò chơi

2. Học sinh: Sách giáo khoa, bài soạn.

B. NỘI DUNG BÀI HỌC

Thực hành một số phép tu từ cú pháp

C. MỤC TIÊU BÀI HỌC

I. Kiến thức :

a/ Nhận biết: Biết phép tu từ cú pháp trong văn bản .

b/ Thông hiểu: Phương thức cơ bản trong một số phép tu từ cú pháp

c/ Vận dụng thấp: Phân tích tác dụng của phép tu từ cú pháp trong văn bản

d/ Vận dụng cao: Cảm nhận và phân tích tác dụng tu từ của các phép tu từ cú pháp trong văn xuôi, thơ trữ tình

II. Kỹ năng :

a/ Biết làm: nhận diện được biện pháp tu từ cú pháp trong văn bản

b/ Thông thạo: các bước phân tích hiệu quả biện pháp tu từ cú pháp

III. Thái độ :

a/ Hình thành thói quen: đọc hiểu văn bản có sử dụng biện pháp tu từ cú pháp

b/ Hình thành tính cách: tự tin , sáng tạo khi lĩnh hội và tạo lập văn bản có sử dụng biện pháp tu từ cú pháp

c/ Hình thành nhân cách: có ý thức giữ gìn sự trong sáng của tiếng Việt

IV. Những năng lực cụ thể học sinh cần phát triển:

- Năng lực thu thập thông tin liên quan các biện pháp tu từ cú pháp;

- Năng lực đọc – hiểu các tác phẩm văn học có sử dụng các biện pháp tu từ cú pháp;

- Năng lực trình bày, phân tích hiệu quả nghệ thuật của các biện pháp tu từ cú pháp;

Ngữ văn 12

- Năng lực hợp tác khi trao đổi, thảo luận về các biện pháp tu từ cú pháp;
- Năng lực tạo lập văn bản nghị luận có sử dụng các biện pháp tu từ cú pháp

D. TIỀN TRÌNH TỔ CHỨC BÀI HỌC

1. KHỞI ĐỘNG (5 phút)

<i>Hoạt động của Thầy và trò</i>	<i>Nội dung cần đạt</i>
<p>- B1: GV giao nhiệm vụ: GV hướng dẫn học sinh tìm hiểu bài học bằng cách cho HS nhận xét biện pháp tu từ trong đoạn thơ sau trong bài thơ Vội vàng của Xuân Diệu:</p> <p><i>Của ong bướm này đây tuần tháng mật</i> <i>Này đây hoa của đồng nội xanh rì</i> <i>Này đây lá của cành tơ phơ phất</i> <i>Của yến anh này đây khúc tình si.</i></p> <p>- B2: HS thực hiện nhiệm vụ:</p> <p>- B3: HS báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ:</p> <p>- B4: GV nhận xét sau đó giáo viên giới thiệu <i>Vào bài</i>: Như vậy, ngoài biện pháp tu từ ngữ âm mà chúng ta đã thực hành tiết trước, còn có biện pháp tu từ cú pháp. Chúng ta cùng thực</p>	<p>Đoạn thơ sử dụng phép liệt kê: tuần tháng mật- hoa của đồng nội- lá của cành tơ- khúc tình si</p>

2. HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

Hoạt động của GV - HS	Kiến thức cần đạt
1. GV hướng dẫn HS tìm hiểu phép lặp cú pháp (10 phút).	
<p>- B1: GV chuyển giao nhiệm vụ HS thảo luận nhóm</p> <p>Nhóm 1: Bài thực hành 1 Dựa vào ngữ liệu đưa ra trong SGK, HS cho biết những câu nào có phép lặp cú pháp ? Kết cấu cú pháp đó là như thế nào ? Tác dụng (hiệu quả nghệ thuật) như thế nào ?</p> <p>Nhóm 2. Bài thực hành 2 :</p> <p>GV yêu cầu HS so sánh hiện tượng lặp kết cấu cú pháp ở những ngữ liệu trong bài thực hành 1 và bài thực hành 2 để chỉ ra điểm giống và khác nhau về hiện tượng lặp cú pháp.</p> <p>Nhóm 3. Bài thực hành 3 :</p> <p>Tìm 3 câu văn hoặc thơ có dùng phép lặp cú pháp trong văn học lớp 12</p> <p>- B2: HS thực hiện nhiệm vụ</p>	<p>I. Phép lặp cú pháp</p> <p>1. Bài thực hành 1</p> <p>a) Bốn câu vừa lặp từ ngữ, vừa lặp cú pháp là :</p> <p>- “<i>Sự thật là từ mùa thu năm 1940, nước ta đã thành thuộc địa của Nhật chứ không phải thuộc địa của Pháp</i>”..</p> <p>b) Đoạn thơ</p> <p>+ Câu 1 và 2 :</p> <p>+ Câu 3, 4, 5 :</p> <p>c) Đoạn thơ :</p> <p>2. Bài thực hành 2</p> <p>+ Giống nhau :</p> <p>+ Khác nhau :</p> <p>- Ngữ liệu 1 :</p>

<p>HS đại diện nhóm trả lời, nhóm còn lại góp ý bổ sung</p> <p>* Nhóm 1:</p> <p>1. Bài thực hành 1</p> <p>a) Bốn câu vừa lập từ ngữ, vừa lập cú pháp là :</p> <p>- “<i>Sự thật là từ mùa thu năm 1940, nước ta đã thành thuộc địa của Nhật chứ không phải thuộc địa của Pháp</i>”..</p> <p>Hiệu quả nghệ thuật : mang tính khẳng định, nhấn mạnh, lời văn hài hoà, nhịp nhàng, bổ sung cho nhau.</p> <p>b) Đoạn thơ</p> <p>+ Câu 1 và 2 : CN - là - của chúng ta</p> <p>+ Câu 3, 4,5 : CN - Vn</p> <p>c) Đoạn thơ : Câu 1-3-5 Nhấn mạnh nỗi nhớ và kỷ niệm.</p> <p>Nhóm 2:</p> <p>Bài thực hành 2</p> <p>+ Giống nhau : đối xứng, nhịp nhàng, cân xứng.</p> <p>+ Khác nhau :</p> <p>- Ngữ liệu 1 : Lập giữa những câu khác nhau.</p> <p>- Ngữ liệu 2 : Lập cú pháp ngay trong một câu tạo sự đối lập.</p> <p>Nhóm 3:</p>	<p>- Ngữ liệu 2 :</p> <p>3. Bài thực hành 3</p>
<p>2. GV hướng dẫn HS thực hành về phép liệt kê</p>	
<p>- B1: GV chuyển giao nhiệm vụ</p> <p>HS đọc các ngữ liệu, phân tích hiệu quả của phép lập cú pháp phối hợp với phép liệt kê trong 2 đoạn văn.</p> <p>- B2: HS thực hiện nhiệm vụ</p> <p>- B3: HS báo cáo kết quả</p> <p>Hiệu quả của phép lập cú pháp phối hợp với phép liệt kê trong 2 đoạn văn :</p>	<p>II. Phép liệt kê</p> <p>Bài thực hành :</p> <p>Hiệu quả của phép lập cú pháp phối hợp với phép liệt kê trong 2 đoạn văn...</p>

<ul style="list-style-type: none"> - Lời văn nhịp nhàng <ul style="list-style-type: none"> - Chỉ ra từng biểu hiện cụ thể, sự tiếp nối liên tục tạo sức lôi cuốn, hấp dẫn. - B4: GV nhận xét, chốt kiến thức 	
3. GV hướng dẫn HS thực hành về phép chêm xen	
<ul style="list-style-type: none"> - B1: GV chuyên giao nhiệm vụ HS đọc 4 ngữ liệu và nhận biết bộ phận in đậm về - Vị trí và vai trò ngữ pháp trong câu. - Dấu câu tách biệt bộ phận đó. - Tác dụng đối với việc bổ sung thông tin, tình cảm. - B2: HS thực hiện nhiệm vụ - B3: HS báo cáo kết quả - Vị trí : nằm giữa hoặc cuối - Vai trò ngữ pháp : chú giải (phụ chú). - Dấu ngoặc đơn hoặc dấu phẩy. - Nói rõ thêm bổ sung thông tin, bộc lộ một thái độ, cảm xúc - B4: GV nhận xét, chốt kiến thức, chuyển giao nhiệm vụ mới - B1: GV chuyển giao nhiệm vụ HS viết đoạn văn (từ 3 đến 5 câu) theo yêu cầu trong SGK. Sau đó cho 1 Hs trình bày, cả lớp tham gia nhận xét, thảo luận. Đoạn văn cần đảm bảo : <ul style="list-style-type: none"> - Nội dung ý nghĩa. - Các câu có liên kết chặt chẽ. <ul style="list-style-type: none"> - Sử dụng câu có thành phần chêm xen. - B2: HS thực hiện nhiệm vụ - B3: HS báo cáo kết quả - B4: GV nhận xét, chốt kiến thức 	<p>III. Phép chêm xen</p> <p>1. Bài thực hành 1</p> <ul style="list-style-type: none"> - Vị trí : - Vai trò ngữ pháp : - Dấu ngoặc đơn hoặc dấu phẩy. - Nói rõ thêm bổ sung thông tin, bộc lộ một thái độ, cảm xúc <p>2. Bài thực hành 2</p> <p>Đoạn văn cần đảm bảo :</p>

3.LUYỆN TẬP

Hoạt động của GV - HS	Kiến thức cần đạt
<ul style="list-style-type: none"> - B1:GV giao nhiệm vụ: Câu hỏi 1: Các biện pháp tu từ cú pháp chủ yếu tạo hiệu quả gì sau đây ? a. Nhấn mạnh ý nghĩa một thông báo 	

b. Nhấn mạnh một phần trong thông báo

c. Thể hiện các tình thái khác nhau

d. **Cả A , B và C**

Câu hỏi 2: Các trích dẫn sau chủ yếu sử dụng biện pháp tu từ cú pháp nào ?

“Ăn thì ăn những miếng ngon

Làm thì chọn việc con con mà làm”

(Ca dao)

“Đau lòng kẻ ở , người đi
Lệ rơi thấm đá , tơ chia rũ tằm” (Nguyễn

Du)

“Người đi một nửa hồn tôi
mất Một nửa hồn tôi bỗng đại
khờ”

(Hàn Mặc Tử)

a. Phép liệt kê .

b. **Phép lặp cú pháp**

c. Phép dùng câu bị động

d. Cả A ,B và C

Câu hỏi 3: Các trích dẫn sau đây chủ yếu sử dụng biện pháp tu từ cú pháp nào ?

- Đến rừng . Gió hôm nay đứng hẳn , chỉ có bóng cây che một chút mát trên những bộ mặt bết tro đen và mồ hôi .(Lê Khâm)

- Tôi nghĩ đến sức mạnh của thơ . Chức năng và vinh dự của thơ (Phạm Hồ)

- Hắn không còn kinh rượu nhưng cố uống cho thật ít . Để cho khỏi tốn tiền ...(Nam Cao)

- Huân đi về trạm máy . Một mình , trong đêm . (Nguyễn Thị Ngọc Tú)

a. Dùng câu bị động .

b. Phép lặp cú pháp .

c. **Tách bộ phận của câu ra thành câu riêng .**

d. Cả A ,B và C.

Câu hỏi 4: Các trích dẫn sau đều cùng sử dụng biện pháp tu từ cú pháp nào ?

“Thánh thót tàu tiêu mấy hạt

mưa” “Khen ai khéo vẽ cảnh tiêu

sở” “Xanh om cỏ thụ tròn xoe tán”

“Trắng xoá tràng giang phẳng lặng

tò ...”

Hương)

d. Cả A , B và C

b. Phép lặp cú pháp

Ngũ văn 12

(Hồ
Xuân

“Đã tan tác những bóng thù hắc
ám Đã sáng lại trời thu tháng
Tám”

(Tố Hữu)

“ Vinh quang thay sự điên cuồng
của

những người dũng cảm”!

(Gorki)

a. Nhấn mạnh các thành phần câu (đảo ngữ)

b. Dùng câu đặc biệt .

c. Phép liệt kê

d. Phép điệp ngữ.

- B2: HS thực hiện nhiệm vụ:

- B3: HS báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ:

- B4: GV nhận xét, chốt kiến thức

c. Tách bộ phận của câu ra
thành câu riêng .

a. Nhấn mạnh các thành phần
câu (đảo ngữ)

4.VẬN DỤNG

Hoạt động của GV - HS	Kiến thức cần đạt
<p>- B1:GV giao nhiệm vụ: <i>Chỉ ra và nêu hiệu quả nghệ thuật phép liệt kê trong đoạn thơ sau trích từ bài thơ Đò Lèn (Nguyễn Duy)</i> <i>Thuở nhỏ tôi ra cống Na câu cá</i> <i>Nú váy bà đi chợ Bình Lâm</i> <i>bắt chim sẻ ở vành tai Phật</i> <i>và đôi khi ăn trộm nhãn chùa Trần</i></p> <p>- B2: HS thực hiện nhiệm vụ:</p> <p>- B3: HS báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ:</p> <p>- B4: GV nhận xét, chốt kiến thức</p>	<p>- Chỉ ra phép liệt kê: câu cá, đi chợ. bắt chim sẻ, trộm nhãn Hiệu quả: làm sống lại thế giới tuổi thơ tình nghịch, hồn nhiên, vô tư.</p>

TÌM TÒI, MỞ RỘNG.

Hoạt động của GV - HS	Kiến thức cần đạt
<p>- B1:GV giao nhiệm vụ: 1. Ghi lại những đoạn thơ đã học có sử dụng phép tu từ cú pháp 2. Phân tích hiệu quả nghệ thuật của phép tu từ cú pháp đó.</p> <p>- B2:HS thực hiện nhiệm vụ:</p>	<p>--Ghi lại chính xác một vài đoạn thơ có sử dụng phép tu từ cú pháp - Phân tích đúng hiệu quả nghệ thuật.</p>

B3: HS báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ: - B4: GV nhận xét, chốt kiến thức	
---	--

.....
.....
.....

Tuần

Ngày soạn:.....

Tiết 36-37

Ngày kí:.....

SÓNG (Xuân Quỳnh)

Đọc thêm: Bác ơi ! (Tố Hữu)

A. VẤN ĐỀ CẦN GIẢI QUYẾT

I. Tên bài học : sóng, Bác ơi

II. Hình thức dạy học : DH trên lớp.

III. Chuẩn bị của giáo viên và học sinh

1/Thầy

- Giáo án

-Phiếu bài tập, trả lời câu hỏi

-Hình ảnh về Biển, về nhà thơ Xuân Quỳnh , video ngâm bài thơ Sóng

-Hình ảnh , phim ảnh về đám tang của Hồ Chí Minh

-Bảng phân công nhiệm vụ cho học sinh hoạt động trên lớp

-Bảng giao nhiệm vụ học tập cho học sinh ở nhà

2/Trò

-Đọc trước văn bản Sóng , Bác ơi

-Các sản phẩm thực hiện nhiệm vụ học tập ở nhà (do giáo viên giao từ tiết trước)

-Đồ dùng học tập

-Sưu tầm thêm những bài thơ của Xuân Quỳnh.

B. NỘI DUNG BÀI HỌC

Sóng, Bác ơi

C. MỤC TIÊU BÀI HỌC

I. Kiến thức :

a/ Nhận biết: Nêu thông tin về tác giả, sự nghiệp sáng tác, phong cách nghệ thuật

b/ Thông hiểu:

-Lý giải được mối quan hệ/ ảnh hưởng của hoàn cảnh lịch sử với cuộc đời và sự nghiệp sáng tác của tác giả:

Ngữ văn 12

- Hiểu được nỗi đau đớn, tiếc thương vô hạn của nhà thơ của nhân dân khi Chủ tịch Hồ Chí Minh qua đời.

c/Vận dụng thấp: - Nắm được những nét đặc sắc về nghệ thuật kết cấu, xây dựng hình ảnh, nhịp điệu và ngôn từ của 2 bài thơ.

d/Vận dụng cao:- Cảm nhận được vẻ đẹp tâm hồn và niềm khát khao của người phụ nữ về một tình yêu thủy chung, bất diệt.

II. Kỹ năng :

a/ Biết làm: bài nghị luận về một đoạn thơ hoặc ý kiến bàn về bài thơ Sóng;

b/ Thông thạo: các bước đọc hiểu một bài thơ trữ tình hiện đại Việt Nam

III. Hái độ :

a/ Hình thành thói quen: đọc hiểu văn bản theo đặc trưng thể loại

b/ Hình thành tính cách: tự tin , sáng tạo khi cảm thụ văn học

c/Hình thành nhân cách: có tình yêu trong sáng, chân thành và khát vọng lớn lao.

IV. Những năng lực cụ thể học sinh cần phát triển:

-Năng lực thu thập thông tin liên quan đến 2 bài thơ

-Năng lực hợp tác để cùng thực hiện nhiệm vụ học tập (thảo luận nhóm, trình bày 1 phút...)

-Năng lực giải quyết những tình huống đặt ra trong văn bản

-Năng lực đọc - hiểu tác phẩm trữ tình;

-Năng lực sử dụng ngôn ngữ, trình bày suy nghĩ, cảm nhận của cá nhân về vẻ đẹp của bài thơ.

D. TIẾN TRÌNH TỔ CHỨC BÀI HỌC

1. KHỞI ĐỘNG (5 phút)

<i>Hoạt động của Thầy và trò</i>	<i>Nội dung cần đạt</i>
- B1: GV giao nhiệm vụ: * GV: +Trình chiếu tranh ảnh, cho hs xem tranh ảnh (CNTT) + Chuẩn bị bảng lắp ghép + Nghe 1 đoạn trong bài hát <i>Thuyền và biển</i> liên quan đến tác giả - B2: HS thực hiện nhiệm vụ: - B3: HS báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ: * HS: +Nhìn hình đoán tác giả + Lắp ghép tác phẩm với tác giả	HS lắp ghép chính xác

2. HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

Hoạt động của GV - HS	Kiến thức cần đạt
1. GV hướng dẫn hs tìm hiểu chung về tác giả và tác phẩm	
<p>* Thao tác 1 : Hướng dẫn HS tìm hiểu chung về tác giả và tác phẩm - B1: GV chuyển giao nhiệm vụ ? Dựa vào Tiểu dẫn, hãy giới thiệu đôi nét về tác giả XQ ? <i>Trình chiếu các đoạn clip về XQ</i> ? Nêu hoàn cảnh sáng tác của bài thơ? ? Hãy xác định đề tài của bài thơ? ? Bài thơ của Xuân Quỳnh có phải chỉ nói về sóng biển ? - B2: HS thực hiện nhiệm vụ - B3: HS báo cáo kết quả HS Tái hiện kiến thức và trình bày. + HS đọc mục Tiểu dẫn, nêu cảm nhận về cuộc đời và phong cách thơ Xuân Quỳnh. Xuân Quỳnh là một trong những nhà thơ tiêu biểu nhất của thế hệ các nhà thơ trẻ thời chống Mỹ... thơ Xuân Quỳnh... về văn học nghệ thuật.</p>	<p>I. Tìm hiểu chung: 1. Tác giả: - Cuộc đời bất hạnh; luôn khao khát tình yêu, mái ấm gia đình và tình mẫu tử. - Đặc điểm hồn thơ: tiếng nói của người phụ nữ giàu yêu thương, khao khát hạnh phúc đời thường, bình dị; nhiều âu lo, day dứt, trăn trở trong tình yêu. 2. Tác phẩm: a. Hoàn cảnh sáng tác : - Được viết tại biển Diêm Điền (Thái Bình) năm 1967. b. Đề tài và chủ đề: - Đề tài: Tình yêu. - Chủ đề: Mượn hình tượng sóng để diễn tả tình yêu của người phụ nữ. Sóng là ẩn dụ cho tâm hồn người phụ nữ đang yêu.</p>
<p>* Thao tác 2 : Hướng dẫn HS đọc - hiểu văn bản - B1: GV chuyển giao nhiệm vụ GV yêu cầu HS đọc toàn văn bản +GV lưu ý khi đọc: nhịp thơ khá đều đặn</p>	<p>II. Đọc - hiểu văn bản : 1/Sóng và em – những nét tương đồng: a. Sóng là đối tượng để nhận thức tình yêu: - Khổ 1: + Tiểu đối: <i>Dữ dội - dịu êm; ồn ào -</i></p>

<p>và biến đổi: 3/ 2; 2/1/2, 2/3... giọng thơ suy tư, chiêm nghiệm và không kém phần bản khoăn, day dứt và nồng nhiệt, chân thành.</p> <p>- B2: HS thực hiện nhiệm vụ: HS đọc</p> <p>- B4: GV cùng 3- 4 HS đọc toàn bài; nhân xét kết quả đọc.</p> <p>*Thao tác 2: Tổ chức cho HS tìm hiểu khổ 1 và 2</p> <p>- B1: GV chuyển giao nhiệm vụ</p> <p>+ HS đọc diễn cảm lại 2 khổ thơ đầu.</p> <p>+ GV hỏi:</p> <p>Những tính từ <i>dữ dội</i> và <i>dịu êm, ồn ào</i> và <i>lặng lẽ</i> nói lên điều gì? của cái gì? nghĩa đen và nghĩa bóng (ẩn dụ)?</p> <p>Vì sao câu trên là sông? câu dưới là sóng?</p> <p>Quan niệm về tình yêu gắn liền với sông và sóng có ý nghĩa gì?</p> <p>Khổ thơ thứ hai, nêu nhận xét gì mới về sóng và về tình yêu tuổi trẻ?</p> <p>- B2: HS thực hiện nhiệm vụ</p> <p>- B3: HS báo cáo kết quả</p> <p>* HS trả lời cá nhân</p> <p>-Các đặc điểm trái ngược và thống nhất của sóng theo không gian, theo thời gian.</p> <p>- Đó cũng là tính khí thất thường, rắc rối của những cô gái mới lớn khi sắp bắt đầu một mối tình. Đó là quy luật của sóng nước, sóng biển cũng là quy luật tâm lí của thiếu nữ.</p> <p>-Cách mở đầu bài thơ bằng nhận xét mô tả trực tiếp những đặc tính của thiên nhiên - những phẩm chất và quy luật của con người khiến người đọc ngỡ ngàng, ngạc nhiên và thú vị.</p> <p>+ Sông và sóng chứ không phải sóng và sóng vì đó là nguyên bản của tác giả.</p>	<p>-Hơn nữa, sóng sông khác sóng biển. Có ra đến biển, có gặp sóng trên biển lớn mới trải hết mọi cung bậc của sóng .</p> <p>* HS trả lời cá nhân</p>
---	--

Ngữ văn 12

lặng

lẽ

☑mở đầu bằng 4 tính từ: Miêu tả trạng thái đôi lập của sông và liên tưởng đến

tâm lí phức tạp của người phụ nữ khi yêu (khi sôi nổi, mãnh liệt khi dịu dàng, sâu lắng).

+ Phép nhân

hoá:

“Sông - không hiểu

mình” “Sông - tìm ra bể”

☑Con sông mang khát vọng lớn lao: Nếu “sông không hiểu nổi mình” thì sông dứt khoát từ bỏ nơi chật hẹp để “tìm ra tận bể”, tìm đến nơi cao rộng, bao dung.

=> Hành trình “tìm ra tận bể” của sông cũng chính là quá trình tự khám phá, tự nhận thức, chính bản thân, khát khao sự đồng cảm, đồng điệu, chủ động trong tình yêu.

- Khô

2:

+ Quy luật của sông: *Sông: ngày xưa, ngày sau: vẫn thế*

☑sự trường tồn của sông trước thời gian: vẫn dạt dào, sôi nổi.

+ Quy luật của tình

cảm:

“Khát vọng tình yêu - bồi hồi trong ngực trẻ”

☑Tình yêu, là khát vọng lớn lao, vĩnh hằng của tuổi trẻ và nhân loại.

=> Xuân Quỳnh đã liên hệ tình yêu tuổi trẻ với con sông đại dương. Cũng như sông, con người đã đến và mãi mãi đến với tình yêu. Đó là quy luật muôn đời.

=>Yêu là tự nhận thức, là vươn tới miền bao la,vô tận.

<p>- Nhận xét về sóng: đó là quy luật vận động của tình yêu, của muôn đời, vĩnh hằng.</p> <p>- Cũng như khát vọng tình yêu mãi mãi rung động, xao xuyến, bồi hồi trái tim tuổi trẻ. Nhận xét được nói lên thẳng thắn, mạnh bạo và chân thành.</p> <p>- B4: GV nhận xét, chốt kiến thức</p>	
<p>*Thao tác 3 : Gv hướng dẫn HS tìm hiểu các khổ thơ 3,4,5,6,7</p> <p>- B1: GV chuyển giao nhiệm vụ</p> <p>Tổ chức cho HS thảo luận nhóm:</p> <p>+ Nhóm 1, 2 thảo luận khổ 3, 4 ?</p> <p>GV: Cái hay của đoạn thơ là sự đầu hàng của nhận thức, là sự bất lực của lí trí: <i>em cũng.....ta yêu nhau.</i></p> <p>GV: Thơ Xuân Diệu: “<i>Làm sao cắt nghĩa được tình yêu</i>”</p> <p>Nhà toán học Pascan: “<i>trái tim có những lí lẽ riêng mà lí trí không thể nào hiểu nổi</i>”</p> <p>? Nỗi nhớ trong tình yêu được diễn tả như thế nào?</p> <p>+ Nhóm 3, 4 thảo luận khổ 5, 6, 7</p> <p>GV: Nỗi nhớ trong tình yêu là cảm xúc tự nhiên của con người, đã được miêu tả rất nhiều trong thơ ca xưa cũng như nay:</p> <p style="text-align: center;"><i>Nhớ ai bồi hồi bồi hồi</i> <i>Như đứng đống lửa, như ngồi đống than</i> (Ca dao)</p> <p><i>Nhớ chàng đằng đẵng đường lên bằng trời</i> (Chinh phụ ngâm)</p> <p><i>Anh nhớ tiếng, anh nhớ hình, anh nhớ ảnh. Anh nhớ em, anh nhớ lắm. Em ơi!</i> (Xuân Diệu)</p> <p>? Tìm các biện pháp tu từ được sử dụng để tác giả thể hiện nỗi nhớ?</p>	<p>b. Sóng là đối tượng để suy tư về nguồn gốc và nỗi nhớ trong tình yêu đôi lứa:</p> <p>- Khổ 3: Suy tư về tình yêu</p> <p>✉ quay về lòng mình, nhu cầu tìm hiểu, phân tích, khám phá tình yêu</p> <p>- Khổ 4: Đi tìm câu hỏi tu từ cho câu hỏi ở khổ 3:</p> <p>=> Đây là cách cắt nghĩa tình yêu rất chân thành và đầy nữ tính.</p> <p>- Khổ 5: Nỗi nhớ của sóng và em</p> <p>+ Bao trùm cả không gian : <i>dưới lòng sâu, sóng trên mặt nước</i></p> <p>+ Thao thức trong mọi thời gian: <i>ngày đêm không ngủ được</i></p> <p>✉ Phép đối, phép điệp, nhân hóa, giọng thơ dào dạt, náo nức, mãnh liệt: diễn tả nỗi nhớ da diết, không thể nào nguôi, cứ cuộn cuộn, dào dạt như sóng biển triền miên.</p>

<p>Hai khổ 3, 4: Nghĩ về sóng và cội nguồn tình yêu lứa đôi. +Diệp từ: “em nghĩ” và câu hỏi: “Từ nơi nào sóng lên” ☑quay về lòng mình, nhu cầu tìm hiểu, phân tích, khám phá tình yêu - Khổ 4: Đi tìm câu hỏi tu từ cho câu hỏi ở khổ 3: Câu hỏi tu từ: <i>Gió bắt đầu từ đâu?</i> <i>Khi nào ta yêu nhau?</i> ☑XQ dựa vào quy luật tự nhiên để truy tìm khởi nguồn của tình yêu nhưng nguồn gốc của sóng cũng như tình yêu đều bất ngờ, đầy bí ẩn, không thể lí giải. Nhóm 3, 4 : -Vẫn bắt đầu cảm xúc và suy nghĩ từ hình tượng sóng để nói về em. -Tình yêu bao giờ cũng được thử thách trong sự xa cách trong không gian và trong thời gian. Và nỗi nhớ thương, trăn trở, khao khát được gặp gỡ là phẩm chất đặc biệt thường trực của tình yêu. -Cái hay của khổ thơ là lại liên hệ đến sóng, nhân hoá sóng: con sóng nào cũng thao thức vỗ mãi suốt đêm ngày vì nhớ bờ không nguôi, không ngủ. -Còn nỗi nhớ của em còn hơn thế: cả trong mơ còn thức. -Nỗi nhớ thường trực, không khi nào chịu yên. Cách nói nhấn mạnh đến cái phi lí trong tâm lí mà có lí trong tình em: nhớ cả trong mơ, càng trong mơ càng dậy lên nỗi nhớ. -Nhớ và hướng về anh, thuỷ chung như nhất với anh. Phẩm chất tình cảm này của em được diễn tả bằng cách nói tưởng chừng phi lí: xuôi bắc, ngược nam và cái phương anh đã chứng minh tấm lòng son</p>	<p>sắt của trái tim cô gái đang yêu thời hiện đại..</p>
---	---

Ngữ văn 12

em nhớ anh đắm say hơn bội phần
:

*Lòng em nhớ đến
anh Cả trong mơ còn
thức*

☑ Cách nói cường điệu nhưng hợp lí:
nhằm tô đậm nỗi nhớ (choáng ngợp cõi
lòng không chỉ trong ý thức mà thấm sâu
vào trong tiềm thức).

=> Bày tỏ tình yêu một cách chân
thành,
tha thiết mà mạnh dạn, mãnh
liệt.

- Khổ 6: Lòng chung
thủy

+ Cách nói khẳng định

:

++em : dẫu xuôi - phương bắc;

dẫu ngược - phương nam,

++em : vẫn *Hướng về anh một
phương*

→ Lời thề thủy chung tuyệt đối
trong tình yêu : dù đi đâu về đâu vẫn
hướng về

người mình đang thương nhớ đợi
chờ.

+ Các điệp ngữ : *dẫu xuôi về, dẫu ngược
về* + điệp từ *phương*, cách nói ngược
xuôi Bắc, ngược Nam

☑ Diễn tả hành trình vất vả của sóng
nhằm khẳng định niềm tin đợi chờ
trong

tình

yêu.

- Khổ 7 : Bến bờ hạnh phúc

.

+ Mượn hình ảnh của sóng

:

« Ở ngoài kia đại dương » - « Con nào
chẳng tới bờ »

☑ quy luật tất yếu.

+ Sóng tới bờ dù cách trở: Tình yêu
là

sức mạnh giúp em và anh vượt qua gian

lao, thử thách để đạt đến bến bờ hạnh
phúc.

=> XQ thể hiện **cái tôi** của một con
người luôn có niềm tin mãnh liệt vào tình
yêu.

<p>-Sóng nào chẳng cố hướng vào bờ để tìm sự ngơi nghỉ, dùng chân? cũng như tình em chỉ hướng về anh, chỉ nghĩ về anh, không biết mệt mỏi, không nghĩ về mình, đây sự chia sẻ, hi sinh.</p> <p>- B4: GV nhận xét, chốt kiến thức, chuyển giao nhiệm vụ mới</p> <p>*Thao tác 4: GV hướng dẫn hs tìm hiểu khổ 8,9</p> <p>- B1: GV chuyển giao nhiệm vụ cảm nhận vẻ đẹp tâm hồn của người phụ nữ trong tình yêu khổ 8, 9? ? Em hiểu như thế nào về khổ thơ này? <i>Cuộc đời tuy dài thế</i> <i>Mây vẫn bay về xa</i> ? Lo âu, trăn trở tất yếu dẫn đến khát khao gì ở XQ?</p> <p>- B2: HS thực hiện nhiệm vụ</p> <p>- B3: HS báo cáo kết quả</p> <p>- Từ những suy nghĩ về tình yêu, hi sinh, và chung thủy suốt đời, nhà thơ mở rộng hơn, nghĩ về mối quan hệ giữa cái hữu hạn và cái vô hạn, giữa cuộc đời mỗi người, tình yêu mỗi lứa đôi và cuộc đời chung, và thiên nhiên vũ trụ và thời gian vô cùng.</p> <p>- Câu hỏi day dứt thể hiện khao khát tình yêu cao cả và bất tử và tìm cách thực</p>	<p>3. Những suy tư, lo âu, trăn trở trước cuộc đời và khát vọng tình yêu:</p> <p>- cuộc đời tuy dài >< năm tháng vẫn đi qua.</p> <p>- Biển dẫu rộng >< mây vẫn bay về xa.</p> <p>-> Đó là sự nhạy cảm và lo âu, trăn trở của XQ về sự hữu hạn của đời người và sự mong manh của hạnh phúc.</p> <p>+ <i>Làm sao</i> }... khao khát sẻ chia và hòa nhập</p> <p><i>Thành trăm</i> } vào cuộc đời.</p> <p>+ <i>Giữa biển</i> }... khát vọng được sống mãi</p> <p><i>Để ngàn</i> trong TY, bất tử với TY</p> <p>=> khát vọng khôn cùng về tình yêu bất diệt</p>
<p>* Thao tác 5 : Hướng dẫn HS tổng kết bài học</p> <p>- B1: GV chuyển giao nhiệm vụ</p> <p>? Hãy chỉ ra ý nghĩa của văn bản?</p> <p>? Đánh giá về nghệ thuật của bài thơ ?</p> <p>Nhận xét về thể thơ, nhịp thơ và hình</p>	<p>III. Tổng kết:</p> <p>1. Nghệ thuật :</p> <p>- Thể thơ 5 chữ truyền thống; cách ngắt nhịp, gieo vần độc đáo, giàu sức liên tưởng.</p>

<p>tượng “sóng” ?</p> <ul style="list-style-type: none"> - B2: HS thực hiện nhiệm vụ - B3: HS báo cáo kết quả - B4: GV nhận xét, chốt kiến thức 	<p>tha thiết.</p> <p>2. Ý nghĩa văn bản:</p> <p>Vẻ đẹp tâm hồn của người phụ nữ trong tình yêu hiện lên qua hình tượng sóng: tình yêu thiết tha, nồng nàn, đầy khát vọng và sắt son chung thủy, vượt lên mọi giới hạn của đời người.</p>
--	---

Đọc thêm:

Bác ơi!

Hoạt động của GV- HS

Nội dung cần đạt

*Thao tác 1 :

Hướng dẫn HS tìm hiểu chung về tác giả và tác phẩm

- B1: GV chuyển giao nhiệm vụ:
- Em hãy cho biết hoàn cảnh ra đời của bài thơ?
- Phân chia bố cục?
- B2: HS thực hiện nhiệm vụ
- B3: HS báo cáo kết quả:
- HS đọc tiểu dẫn SGK/167 và trả lời
- HS căn cứ vào văn bản, chia bố cục, và nêu đại ý từng phần.
- Các HS khác theo dõi và nêu cách chia của mình
- B4: GV nhận xét, chốt ý

I. Tìm hiểu khái quát:

1. Hoàn cảnh ra đời:

Ngày 02/9/1969, Bác Hồ từ trần, để lại niềm tiếc thương vô hạn cho cả dân tộc Việt Nam. Trong hoàn cảnh ấy, Tô Hữu đã sáng tác bài thơ “Bác ơi”.

2. Bố cục: chia 3 phần:

- *Bốn khổ đầu:* Nỗi đau xót trước sự kiện Bác qua đời.
- *Sáu khổ tiếp:* Hình tượng Bác Hồ.
- *Ba khổ cuối:* Cảm nghĩ khi Bác qua đời.

*Thao tác 2 :

Hướng dẫn HS đọc văn bản

- 1 HS đọc bài thơ, các HS khác đọc thầm, theo dõi
- B1: GV chuyển giao nhiệm vụ

Nhóm 1:

HS tìm hiểu 4 khổ thơ đầu

+ Nỗi đau xót lớn lao khi Bác qua đời được thể hiện như thế nào? (Cảnh vật?)

II/ Đọc – hiểu văn bản:

1) Bốn khổ đầu: Nỗi đau xót lớn lao trước sự kiện Bác qua đời.

a. Lòng người:

- Xót xa, đau đớn: chạy về, lần theo lối sỏi quen thuộc, bơ vơ đứng nhìn lên

Ngũ văn 12
thăng gác.

- Bàng hoàng không tin vào sự thật:

Ngữ văn 12

Lòng người?) Giữa cảnh vật và con người có gì tương đồng?

+ Nhận xét, khái quát ý cho HS nắm

quả

- B4: GV nhận xét, chốt ý

Nhóm

2:

HS tìm hiểu 6 khổ tiếp theo

+ Hình tượng Bác Hồ được thể hiện như thế nào?

(GV gợi mở: về tình thương yêu, lý tưởng, lẽ sống...)

+ Nhận xét, khái quát ý

Nhóm

3:

HS tìm hiểu 3 khổ cuối

+ Hãy cho biết cảm nghĩ của mọi người khi Bác ra đi?

+ Nhận xét, khái quát ý

- B2: HS thực hiện nhiệm vụ

- B3: HS báo cáo kết quả

- Trên cơ sở những gợi ý và phân công về nhà, dưới sự hướng dẫn của GV, trình bày ý kiến theo nhóm

- B4: GV nhận xét, chốt ý

*** Thao tác**

3:

Hướng dẫn HS tổng kết về tác phẩm đã học.

B1: GV chuyển giao nhiệm vụ

Yêu cầu HS đọc lại bài thơ, tổng hợp kiến thức để đưa ra nhận xét chung

- B2: HS thực hiện nhiệm vụ

- B3: HS báo cáo kết

Ngữ văn 12

“Bác đã đi rồi sao Bác
ơ!”

b. Cảnh

vật:

- Hoang vắng, lạnh lẽo, ngơ ngác
(phòng im lặng, chuông không reo,
rèm không cuốn, đèn không sáng...)

- Thừa thãi, cô đơn, khi không
còn bóng dáng của Người.

c. Không gian thiên nhiên và con
người như có sự đồng điệu. 
tuôn nước mắt/ trời tuôn mưa.
Cùng khóc
thương trước sự ra đi của
Bác.

▲ Nỗi đau xót lớn lao bao trùm cả
thiên nhiên đất trời và lòng người.

2) **Sáu khổ tiếp:** Hình tượng Bác
Hồ.

a. Giàu tình yêu thương đối với
mọi người.

b. Giàu đức hy

sinh.

c. Lễ sống giản dị, tự nhiên, khiêm tốn.

▲ Hình tượng Bác Hồ cao cả, vĩ đại
mà giản dị, gần gũi.

3) **Ba khổ cuối:** Cảm nghĩ của mọi
người khi Bác ra đi:

a. Bác ra đi để lại sự thương nhớ vô bờ

b. Lý tưởng, con đường cách mạng của
Bác sẽ còn mãi soi đường cho con cháu.

c. Yêu Bác  quyết tâm vươn lên
hoàn thành sự nghiệp CM.

▲ Lời tâm nguyện của cả dân tộc
Việt Nam.

III/ **Tổng
kết:**

1. Bài thơ là tình cảm ngời ca Bác, đau
xót, tiếc thương khi Bác qua đời. Đó
cũng là tâm lòng kính yêu Bác Hồ của
Tô Hữu, cũng là của cả dân tộc Việt
Nam

2. Bài thơ tiêu biểu cho giọng thơ tâm
tình, ngọt ngào, tha thiết của thơ Tô
Hữu.

3. LUYỆN TẬP

Hoạt động của GV - HS	Kiến thức cần đạt
<p>- B1:GV giao nhiệm vụ:</p> <p><u>Câu hỏi 1:</u> Tập thơ nào dưới đây không phải của <u>Xuân Quỳnh</u>?</p> <p>a. Tơ tằm - Chồi biếc b. Hoa dọc chiến hào c. Bài thơ cuộc đời d. Lời ru trên mặt đất.</p> <p><u>Câu hỏi 2:</u> Bài thơ <u>Sóng</u> được in trong tập thơ nào ?</p> <p>a. Gió Lào cát trắng . b. Hoa dọc chiến hào c. Lời ru trên mặt đất. d. Tơ tằm - Chồi biếc</p> <p><u>Câu hỏi 3:</u> Qua bài thơ <u>Sóng</u>, nhà thơ <u>Xuân Quỳnh</u> muốn bày tỏ điều gì ?</p> <p>a. Đời sống nội tâm phong phú và đa dạng của người phụ nữ b. Âm điệu dữ dội và sự phong phú của những con sóng trên biển cả. c. Những trạng thái tâm trạng, những cung bậc tình cảm khác nhau trong trái tim người phụ nữ đang rạo rực yêu đương. d. Những cung bậc đa dạng, phong phú của tình yêu.</p> <p><u>Câu hỏi 4:</u> Yếu tố nào dưới đây làm nên nét độc đáo trong âm điệu bài thơ?</p> <p>a. Thể thơ năm chữ b. Cách ngắt nhịp, phối âm linh hoạt, phóng túng. c. Phương thức tổ chức ngôn từ, hình ảnh d. Cả 3 ý trên.</p> <p><u>Câu hỏi 5:</u> Dòng nào dưới đây chưa nói đúng về ý nghĩa của hình ảnh <u>Sóng</u> trong bài thơ <u>Sóng</u>?</p> <p>a. Là hình ảnh tả thực trong tự nhiên. b. Là hình ảnh ẩn dụ cho tâm trạng người con gái đang yêu. c. Là hình ảnh về người yêu của người con gái đang yêu.</p>	<p>ĐÁP ÁN</p> <p>[1]='c' [2]='b' [3]='c' [4]='d' [5]='c'</p>

d. Là hình ảnh so sánh với người con gái đang yêu.	
<ul style="list-style-type: none"> - B2: HS thực hiện nhiệm vụ: - B3: HS báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ: - B4: GV nhận xét, chốt kiến thức 	

4.VẬN DỤNG

Hoạt động của GV - HS	Kiến thức cần đạt
<p>GV giao nhiệm vụ: <i>Dữ dội và dịu êm</i> <i>Ồn ào và lặng lẽ</i> <i>Sông không hiểu nổi mình</i> <i>Sóng tìm ra tận bể</i></p> <p><i>Ôi con sóng ngày xưa</i> <i>Và ngày sau vẫn thế</i> <i>Nỗi khát vọng tình</i> <i>yêu Bồi hồi trong</i> <i>ngực trẻ</i></p> <p>(Ngữ Văn 12 Nâng cao, Tập một, tr.122 – 123, NXB Giáo Dục – 2008)</p> <p>Đọc đoạn thơ trên và thực hiện các yêu cầu sau:</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Nêu ý chính của đoạn thơ. 2. Nêu hiệu quả nghệ thuật của biện pháp tu từ đối lập, nhân hoá, ẩn dụ trong đoạn thơ. 3. Đoạn thơ thể hiện quan niệm gì về tình yêu của nhà thơ Xuân Quỳnh ? <ul style="list-style-type: none"> - B2: HS thực hiện nhiệm vụ: - B3: HS báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ: - B4: GV nhận xét, chốt kiến thức 	<ol style="list-style-type: none"> 1. Ý chính của đoạn thơ : <ul style="list-style-type: none"> - Từ việc khám phá các trạng thái khác nhau của sóng, tác giả diễn tả các cung bậc của người phụ nữ đang yêu và thể hiện một quan niệm mới mới về tình yêu . - Mượn quy luật muôn đời của sóng, tác giả khẳng định khát vọng của tình yêu thường trực trong trái tim tuổi trẻ. 2. Hiệu quả nghệ thuật của biện pháp tu từ đối lập : <i>dữ dội</i> hoà quyện với <i>dịu êm, ồn ào</i> đan xen với <i>lặng lẽ; ngày xưa-ngày nay</i> , nhân hoá : <i>Sông không hiểu nổi mình-Sóng tìm ra tận bể</i> , ẩn dụ : sóng chính là em : <ul style="list-style-type: none"> -Tình yêu tha thiết, chân thành không chịu chấp nhận sự tầm thường, nhỏ hẹp, đơn điệu, một chiều mà nó phải là sự hoà hợp, sự đan xen của nhiều yếu tố, thậm chí là những yếu tố đối cực nhau: vừa mâu thuẫn, vừa thống nhất, vừa xung đột, vừa hài hoà. -Tình yêu của con người, luôn khao khát vươn tới sự lớn lao đích thực. - Khẳng định một điều có tính quy luật về sự tồn tại bất diệt của khát vọng tình yêu trong trái tim người con gái 3. Đoạn thơ thể hiện quan niệm về tình yêu của nhà thơ Xuân Quỳnh : <ul style="list-style-type: none"> – Yêu là tự nhận thức, là vươn tới cái cao rộng, lớn lao... - Tình yêu mãi là khát vọng muôn đời của con người, nhất là đối với tuổi trẻ.

5. MỞ RỘNG VÀ SÁNG TẠO

Hoạt động của GV - HS	Kiến thức cần đạt
<p>- B1:GV giao nhiệm vụ:</p> <p>1.. Sưu tầm thêm một số bài thơ hay viết về tình yêu của Xuân Quỳnh.</p> <p>2. Vẽ sơ đồ tư duy sau khi đã đọc hiểu bài thơ.</p> <p>3. Ngâm bài thơ Sóng. Hát bài thơ Thuyền và biển.</p> <p>4. Sưu tầm và ghi lại ít nhất 02 bài thơ viết về Bác;</p> <p>5. Tìm xem đoạn phi đám tang Hồ Chí Minh. Viết cảm nhận sau khi xem phim</p> <p>- B2:HS thực hiện nhiệm vụ:</p> <p>- B3: HS báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ:</p> <p>- B4: GV nhận xét, chốt kiến thức</p>	<p>1.Ví dụ bài: Tự hát; Mẹ của anh...</p> <p>2.Vẽ đúng sơ đồ tư duy</p> <p>Nghe ngâm và hát tìm trên youtube.com</p> <p>4. Viếng lăng Bác- Đêm nay Bác không ngủ</p> <p>5. Tìm trên youtube. Cảm nhận phải chân thành, xúc động.</p>

Tuần

Ngày soạn:.....

Ngày kí:.....

Tiết 38

LUYỆN TẬP VẬN DỤNG KẾT HỢP CÁC PHƯƠNG THỨC BIỂU ĐẠT TRONG BÀI VĂN NGHỊ LUẬN.

A. VẤN ĐỀ CẦN GIẢI QUYẾT

I. Tên bài học :

LUYỆN TẬP VẬN DỤNG KẾT HỢP CÁC PHƯƠNG THỨC BIỂU ĐẠT TRONG BÀI VĂN NGHỊ LUẬN

II. Hình thức dạy học : DH trên lớp.

III. Chuẩn bị của giáo viên và học sinh

1. Giáo viên:

- Phương tiện, thiết bị:

Ngữ văn 12

+ SGK, SGV, Tư liệu Ngữ Văn 11, thiết kế bài học.

+ Máy tính, máy chiếu, loa...

- PPDH: Phát vấn, thuyết trình, nêu vấn đề, thảo luận nhóm, trò chơi

2. *Học sinh*: Sách giáo khoa, bài soạn.

B. NỘI DUNG BÀI HỌC

LUYỆN TẬP VẬN DỤNG KẾT HỢP CÁC PHƯƠNG THỨC BIỂU ĐẠT TRONG BÀI VĂN NGHỊ LUẬN

C. MỤC TIÊU BÀI HỌC

I. Kiến thức :

a/ Nhận biết: Xác định các phương thức biểu đạt trong văn bản

b/ Thông hiểu: Giải thích được khái niệm về phương thức biểu đạt

c/Vận dụng thấp: Nhận diện được tính phù hợp và hiệu quả của việc vận dụng kết hợp các phương thức biểu đạt trong một số văn bản.

d/Vận dụng cao: Vận dụng kết hợp các phương thức biểu đạt để viết bài văn nghị luận về một vấn đề tư tưởng, đạo lí, về một hiện tượng đời sống, về một tác phẩm văn học và về một ý kiến bàn về văn học.

II. Kỹ năng :

a/ Biết làm: bài văn nghị luận có kết hợp các phương thức biểu đạt

b/ Thông thạo: kết hợp các phương thức biểu đạt trong bài văn nghị luận

III. Thái độ :

a/ Hình thành thói quen: sử dụng kết hợp các phương thức biểu đạt trong bài văn nghị luận

b/ Hình thành tính cách: tự tin khi lĩnh hội và tạo lập văn bản thông qua kết hợp các phương thức biểu đạt

c/Hình thành nhân cách: có tinh thần giữ gìn sự trong sáng của tiếng Việt

IV. Những năng lực cụ thể học sinh cần phát triển:

- Năng lực thu thập thông tin liên quan các phương thức biểu đạt

- Năng lực đọc – hiểu các văn bản để phát hiện các phương thức biểu đạt .

- Năng lực trình bày suy nghĩ, cảm nhận của cá nhân có sử dụng các phương thức biểu đạt.

- Năng lực hợp tác khi trao đổi, thảo luận những vấn đề trong cuộc sống

- Năng lực phân tích, so sánh các phương thức biểu đạt.

- Năng lực tạo lập văn bản nghị luận.

D. TIẾN TRÌNH TỔ CHỨC BÀI HỌC

1. KHỞI ĐỘNG (5 phút)

<i>Hoạt động của Thầy và trò</i>	<i>Nội dung cần đạt</i>
- B1: GV giao nhiệm vụ: Từ bậc THCS, chúng ta đã học những phương thức biểu đạt nào? Phân biệt sự khác nhau của các kiểu văn bản trên? Các kiểu văn	HS kể 6 phương thức biểu đạt; -Các kiểu văn bản trên khác nhau ở hai điểm chính là: Thứ nhất, khác nhau về

Ngữ văn 12

<p>bản trên có thể thay thế cho nhau được không? Tại sao? Các phương thức biểu đạt trên có thể được phối hợp với nhau trong một văn bản cụ thể hay không? Tại sao? Nêu một ví dụ để minh họa.</p> <p>- B2: HS thực hiện nhiệm vụ:</p> <p>- B3: HS báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ:</p> <p>- B4: GV nhận xét, giới thiệu <i>Vào bài</i>: Trong một văn bản nghị luận, người viết tùy theo yêu cầu mà có thể kết hợp nhiều phương thức biểu đạt. vậy sự kết hợp này thể hiện như thế nào?</p>	<p>phương thức biểu đạt. Thứ hai, khác nhau về hình thức thể hiện.</p> <p>- Các kiểu văn bản trên không thể thay thế cho nhau được, vì: Phương thức biểu đạt khác nhau; Hình thức thể hiện khác nhau; Mục đích khác nhau..</p> <p>Các phương thức biểu đạt trên có thể phối hợp với nhau trong một văn bản cụ thể, vì: Trong văn bản tự sự có thể sử dụng phương thức miêu tả, thuyết minh, nghị luận... và ngược lại.</p>
--	--

2. HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

Hoạt động của GV - HS	Kiến thức cần đạt
1. GV hướng dẫn HS luyện tập trên lớp (25 phút).	
<p>- B1: GV giao nhiệm vụ</p> <p>* Nhóm 1</p> <p>Vì sao trong một bài văn nghị luận chúng ta có những lúc cần vận dụng kết hợp các phương thức biểu đạt : tự sự, miêu tả, biểu cảm ?</p> <p>* Nhóm 2</p> <p>Muốn cho việc vận dụng các phương thức biểu đạt có kết quả cao thì chúng ta cần chú ý điều gì ? Cho ví dụ ?</p> <p>* Nhóm 3</p> <p>Đọc đoạn trích trong SGK để trả lời câu hỏi.</p> <p>* Nhóm 4</p> <p>Viết bài nghị luận ngắn theo chủ đề SGK nêu ra (chú ý thực hiện theo những gợi ý trong SGK).</p>	<p>I. Luyện tập trên lớp</p> <p><i>Bài tập 1</i></p> <p>a) Trong bài văn nghị luận có lúc cần vận dụng kết hợp các phương thức biểu đạt tự sự, miêu tả và biểu cảm</p> <p>b) Yêu cầu của việc kết hợp các phương thức biểu đạt trong văn nghị luận:</p> <p><i>Bài tập 2</i></p> <p>Vận dụng kết hợp phương thức biểu đạt thuyết minh trong văn nghị luận</p> <p>- Thuyết minh là thao tác giới thiệu, trình bày chính xác, khách quan về tính chất, đặc điểm của sự vật, hiện tượng.</p> <p>- Tác dụng, ý nghĩa của việc sử dụng thao tác thuyết minh.</p> <p>+ Hỗ trợ đắc lực cho sự bàn luận của tác giả, đem lại những hiểu biết thú vị .</p>

Ngữ văn 12

<p>Trong bài văn nghị luận có lúc cần vận dụng kết hợp các phương thức biểu đạt tự sự, miêu tả và biểu cảm vì :</p> <ul style="list-style-type: none"> - Khắc phục hạn chế của văn nghị luận đó là sự khô khan, thiên về lý tính khó đọc. + Yếu tố tự sự, miêu tả, biểu cảm đem lại sự cụ thể, thuyết phục cho văn nghị luận . <p>Tạo sự hấp dẫn cho văn nghị luận.</p> <p>* Nhóm 2</p> <p>Yêu cầu của việc kết hợp các phương thức biểu đạt trong văn nghị luận:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Bài văn phải thuộc một kiểu văn bản chính, ở đây kiểu văn bản chính dứt khoát phải là văn nghị luận. - Kể, tả, biểu cảm chỉ là những yếu tố kết hợp. Chúng không được làm mất làm mờ đi đặc trưng nghị luận của bài văn. - Các yếu tố kể, tả, biểu cảm trong bài văn nghị luận phải chịu sự chi phối và phải phục vụ quá trình nghị luận, bàn bạc <p>* Nhóm 3</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trong đoạn trích, người viết muốn khẳng định về sự cần thiết của chỉ tiêu GNP (bên cạnh GDP) . <p>Để làm làm cho bài viết của mình thuyết phục ngoài việc sử dụng các thao tác lập luận, người viết còn vận dụng thao tác thuyết minh, giới thiệu một cách rõ ràng, chính xác về chỉ số GDP và GNP ở Việt Nam.</p> <p>* Nhóm 4</p> <p>Chủ đề : Nhà văn mà tôi hâm mộ.</p> <p>(Văn bản mẫu : tham khảo bài viết về nhà văn Thạch Lam của Nguyễn Tuân).</p>	<p>+ Giúp người đọc hình dung vấn đề một cách cụ thể và hình dung về mức độ nghiêm túc của vấn đề.</p> <p><i>Bài tập 3 : Viết bài văn nghị luận</i></p>
<p>2. GV hướng dẫn HS Luyện tập ở nhà (15 PHÚT)</p>	
<p>-B1: GV chuyển giao nhiệm vụ</p> <p>Yêu cầu HS về nhà viết bài nghị luận theo chủ đề : Gia đình trong thời hiện đại.</p> <p>Yêu cầu : bài viết phải vận dụng kết hợp ít nhất là một trong 4 phương thức biểu</p>	<p>I. II. Luyện tập ở nhà</p> <p><i>Bài tập 1:</i></p> <p>Cả 2 nhận định đều đúng vì :</p> <ul style="list-style-type: none"> - Một bài văn nghị luận chỉ hấp dẫn khi sử dụng kết hợp các phương thức biểu đạt nếu không nó rất dễ xa vào trừu

<p>- B2: HS thực hiện nhiệm vụ HS về nhà viết bài nghị luận theo chủ đề</p> <p>- B3: HS báo cáo kết quả</p> <p>- B4: GV nhận xét, chốt kiến thức</p>	<p>tượng, khô khan....</p> <p>- Tác phẩm nghị luận chỉ vận dụng một phương pháp sẽ rơi vào đơn điệu, nhàm chán, khô cứng.</p> <p><i>Bài tập 2 :</i></p> <p><i>Viết bài theo chủ đề : Gia đình trong thời hiện đại.</i></p>
---	--

3.LUYỆN TẬP

Hoạt động của GV - HS				Kiến thức cần đạt
- B1:GV giao nhiệm vụ: Lập bảng tổng hợp về các phương thức biểu đạt:				
STT	Kiểu văn bản	Phương thức biểu đạt	Ví dụ về hình thức văn bản cụ thể	
1	Văn bản tự sự			
2	Văn bản miêu tả			
3	Văn bản biểu cảm			
4	Văn bản thuyết t			
5	Văn bản nghị luận			
6	Văn bản điều hành (hành chính - công vụ)			
- B2: HS thực hiện nhiệm vụ: - B3: HS báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ:				

- B4: GV nhận xét, chốt kiến thức	
-----------------------------------	--

4.VẬN DỤNG

Hoạt động của GV - HS	Kiến thức cần đạt					
- B1:GV giao nhiệm vụ: Nêu khả năng kết hợp giữa các phương thức: - B2: HS thực hiện nhiệm vụ: - B3: HS báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ: - B4: GV nhận xét, chốt kiến thức	Tự sự	Miêu tả	Biểu cảm	Nghị luận	Thuyết	
	Có sử dụng bốn phương thức còn lại Ngoài ra, tự sự còn có thể kết hợp với miêu tả nội tâm, đối thoại và độc thoại nội tâm (có vai trò quan trọng của người kể và ngôi kể)	Có sử dụng các phương thức tự sự, miêu tả, biểu cảm, thuyết minh	Có sử dụng các phương thức tự sự, miêu tả, nghị luận	Có sử dụng các phương thức tự sự, miêu tả, biểu cảm, thuyết minh	Có sử dụng các phương thức miêu tả, nghị luận	

5.MỞ RỘNG VÀ SÁNG TẠO

Hoạt động của GV - HS	Kiến thức cần đạt
- B1:GV giao nhiệm vụ: Viết đoạn văn ngắn bày tỏ vẻ đẹp tâm hồn người phụ nữ trong tình yêu qua bài thơ <i>Sóng</i> của Xuân Quỳnh (có sử dụng kết hợp các phương thức biểu đạt) - B2:HS thực hiện nhiệm vụ: - B3: HS báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ: - B4: GV nhận xét, chốt kiến	- Nắm vững các phương thức biểu đạt - Vận dụng để phân tích theo yêu cầu đề ra.

.....
.....
.....

Tuần:

Ngày soạn:.....

Tiết 39-40

Ngày kí:.....

ĐÀN GHI TA CỦA LORCA (THANH THẢO)

A. VẤN ĐỀ CẦN GIẢI QUYẾT

I. Tên bài học :

ĐÀN GHI TA CỦA LORCA

II. Hình thức dạy học : DH trên lớp.

III. Chuẩn bị của giáo viên và học sinh

I/Thầy

-Giáo án

-Phiếu bài tập, trả lời câu hỏi

- Suu tầm tranh, ảnh về Thanh Thảo, đàn ghi ta, đấu bò tót, băng bài hát:

Tiếng đàn ghi-ta của Lor-ca (phổ thơ Thanh Thảo);

-Bảng phân công nhiệm vụ cho học sinh hoạt động trên lớp

-Bảng giao nhiệm vụ học tập cho học sinh ở nhà

II/Trò

-Đọc trước ngữ liệu trong SGK để trả lời câu hỏi tìm hiểu bài

-Các sản phẩm thực hiện nhiệm vụ học tập ở nhà (do giáo viên giao từ tiết trước)

-Đồ dùng học tập

B. NỘI DUNG BÀI HỌC

C. MỤC TIÊU BÀI HỌC

I. Kiến thức :

a/ Nhận biết: Nêu thông tin về tác giả, sự nghiệp sáng tác

b/ Thông hiểu:Lý giải được mối quan hệ/ ảnh hưởng của hoàn cảnh lịch sử với cuộc đời và sự nghiệp sáng tác của tác giả

c/Vận dụng thấp: Vận dụng hiểu biết về tác giả, tác phẩm để đọc hiểu văn

d/Vận dụng cao:Viết bài cảm nhận riêng về bài thơ

II. Kỹ năng :

a/ Biết làm: bài nghị luận văn học (nghị luận đoạn thơ, bài thơ hoặc ý kiến bàn về văn học)

b/ Thông thạo: các bước làm bài đọc hiểu và nghị luận văn học về thơ

III. hái độ :

a/ Hình thành thói quen: đọc hiểu văn bản về tác gia, tác phẩm văn học
b/ Hình thành tính cách: tự tin khi trình bày kiến thức về tác gia , tác phẩm văn học

c/Hình thành nhân cách: có tinh thần cảm phục, ngưỡng mộ những nghệ sĩ tài năng và đạo đức.

IV. Những năng lực cụ thể học sinh cần phát triển:

- Năng lực thu thập thông tin liên quan thơ hiện đại Việt Nam sau 1975
- Năng lực đọc – hiểu các tác phẩm thơ hiện đại Việt Nam từ sau 1975
- Năng lực trình bày suy nghĩ, cảm nhận của cá nhân về thơ hiện đại Việt Nam
- Năng lực hợp tác khi trao đổi, thảo luận về thành tựu, hạn chế, những đặc điểm cơ bản, giá trị của những tác phẩm văn học của giai đoạn này.
- Năng lực phân tích, so sánh đặc điểm của thơ hiện đại Việt Nam từ sau 1975 so với các giai đoạn trước đó; so sánh thơ siêu thực Việt Nam với thơ siêu thực nước ngoài.
- Năng lực tạo lập văn bản nghị luận.

D. TIẾN TRÌNH TỔ CHỨC BÀI HỌC

1. KHỞI ĐỘNG (5 phút)

<i>Hoạt động của Thầy và trò</i>	<i>Nội dung cần đạt</i>
<ul style="list-style-type: none"> - B1: GV giao nhiệm vụ: GV hướng dẫn học sinh tìm hiểu về bài thơ bằng cách cho HS: <ul style="list-style-type: none"> - Xem chân dung Lor-ca, nhà thơ Thanh Thảo - Xem một đoạn videoclip về văn hoá Tây Ban Nha (đấu bò tót, đàn Tây Ban Cầm) - Nghe một đoạn bài hát <i>Nếu tôi chế hãy chôn tôi với cây đàn ghi ta</i> - B2: HS thực hiện nhiệm vụ: - B3: HS báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ: - B4: GV nhận xét, giới thiệu <i>Vào bài</i>: Mỗi dân tộc trên thế giới có một nền văn hoá riêng. Với đất nước Tây Ban Nha xa xôi, bản sắc văn hoá của họ chính là tiếng đàn ghi ta, cảnh đấu bò tót ...Hôm nay, chúng ta sẽ được học một bài thơ liên quan đến điều 	

2. HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

Hoạt động của GV - HS	Kiến thức cần đạt

1. GV HƯỚNG DẪN TÌM HIỂU CHUNG (10 phút).	
<p>- B1: GV chuyển giao nhiệm vụ ? Nêu những nét chính về nhà thơ Thanh Thảo? ? Nêu những đặc điểm thơ Thanh Thảo? ? Nêu xuất xứ của bài thơ và những hiểu biết về Lorca?</p> <p>- B2: HS thực hiện nhiệm vụ + HS đọc kĩ và tự tóm tắt mục Tiểu dẫn trong SGK, tr.162 - 163. Tập thơ Khối vuông ru bích (1985) với bài thơ Đàn ghi-ta của Lor-ca. + HS đọc chú thích (1), (2), SGK tr.162 để hiểu về cây đàn ghi-ta; con người và sự nghiệp của nhà thơ - nhạc sĩ Tây Ban Nha.</p> <p>- B3: HS báo cáo kết quả <i>HS trả lời cá nhân</i> Tác giả Thanh Thảo (1946): Hồ Thành Công (Quảng Ngãi)- một trong những nhà thơ nổi tiếng thời chống Mỹ với các tập trường ca và tập thơ có những khám phá đổi mới trong tư duy thơ và hình thức thể loại.</p> <p>- B4: GV nhận xét, chốt kiến</p>	<p>I- Tìm hiểu chung: 1- Tác giả: - Thanh Thảo là một trong những gương mặt tiêu biểu cho các nhà thơ trưởng thành trong k/c chống Mỹ. - Ngôi bút hướng nội giàu suy tư, trăn trở về cuộc sống của nhân dân, đất nước và thời đại; luôn tìm tòi những hình thức biểu đạt mới.</p> <p>2- Tác phẩm: - In trong tập “Khối vuông ru bích”- 1985, là một trong những sáng tác tiêu biểu cho kiểu tư duy thơ tượng trưng. - Đàn ghi ta (Tây Ban Cầm) có 6 dây, một nhạc cụ truyền thống của Tây Ban Nha. - Lor-ca (1898 - 1936): nhà thơ thiên tài của TBN, người có khát vọng tự do và cách tân nghệ thuật mãnh liệt, bị chính quyền phản động thân phát xít bắt giam và giết hại.</p>
2. GV hướng dẫn đọc – hiểu văn bản	
<p>*Thao tác 1: Hướng dẫn HS đọc văn bản: - B1: GV chuyển giao nhiệm vụ Yêu cầu HS đọc văn bản + Chú ý giọng điệu phóng khoáng, khi cô đơn, khi đau đớn, khi tha thiết, câu thơ mô phỏng tiếng hát, tiếng đàn: li-la-li- la-li-la cần đọc nhanh, âm thanh riu rít.</p> <p>- B2: HS thực hiện nhiệm vụ + GV cùng HS đọc toàn văn bài thơ.</p>	<p>II- Đọc- hiểu văn bản: 1. Hình tượng Lor-ca qua cảm nhận của nhà thơ a. Người nghệ sĩ tự do với khát vọng cách tân nghệ thuật: * Với những hình ảnh tượng trưng: - Tiếng đàn bọt nước. - Áo choàng đỏ gắt -> gọi không gian đậm chất văn hoá Tây Ban Nha. + Khát vọng dân chủ của công dân Lor-ca >< nền chính trị độc tài TBN.</p>

<p>- B4: GV nhận xét cách đọc và kết quả đọc.</p> <p>* Thao tác 2: Tìm hiểu Hình tượng Lor-ca qua cảm nhận của nhà thơ</p> <p>- B1: GV chuyển giao nhiệm vụ</p> <p>+ GV hỏi:</p> <p>Hình ảnh Lor-ca nhà thơ - nhạc sĩ - nghệ sĩ Tây Ban Nha hiện lên như thế nào trong tưởng tượng của Thanh Thảo?</p> <p>Tiếng đàn ghi-ta li-la-li-la và được ví như bọt nước, hình ảnh áo choàng đỏ gắt, vàng trắng chénh choáng, yên ngựa mỗi mồn... gọi cho em những liên tưởng gì?</p> <p>- B2: HS thực hiện nhiệm vụ</p> <p>+ HS suy nghĩ, liên tưởng, trả lời.</p> <p>+ HS đọc diễn cảm 6 câu đầu.</p> <p>- B3: HS báo cáo kết quả</p> <p>* HS trả lời cá nhân</p> <p>-Hình ảnh so sánh ẩn dụ mới mẻ: tiếng đàn bọt nước thể hiện sự tinh tế mong manh của tiếng đàn mới mẻ, của ước vọng đổi mới nền âm nhạc Tây Ban Nha của nhà nghệ sĩ thiên tài.</p> <p>-Hình ảnh <i>áo choàng đỏ gắt</i> mang ý nghĩa khái quát biểu tượng một trong những đặc điểm văn hoá đặc trưng của đất nước này: những lễ hội, phong tục đấu bò tót trong những đấu trường đầm máu với những dũng sĩ, đấu sĩ anh hùng khoác tấm choàng đỏ thắm để dụ và kích thích con bò.</p> <p>-Câu thơ mô phỏng tiếng đàn ghi-ta vang lên như điệp khúc rộn ràng mà du dương. Trên cái nền âm thanh đặc biệt quyến rũ ấy là hình ảnh người nghệ sĩ một mình một ngựa đi về những miền cô đơn. Trong</p>	<p>con say chénh choáng của khát vọng đổi mới, nhà thơ đã có những sáng tạo vượt thoát ra khỏi nền nghệ thuật già nua đương thời.</p> <p>- B4: GV nhận xét, chốt kiến thức,</p>
--	--

Ngữ văn 12

+ Khát vọng cách tân nghệ thuật >< nền nghệ thuật già nua TBN.

- Li-la li-la li-la.

- Vàng trắng chénh choáng.

- Trên yên ngựa mỗi mòn.

-> Người nghệ sĩ - chiến sĩ tự do và cô đơn trong cuộc chiến đấu chống lại chế độ độc tài.

-> Hình ảnh Lor-ca được giới thiệu chỉ bằng vài nét chấm phá -> ảnh hưởng của trường phái ấn tượng.

<p>chuyển giao nhiệm vụ mới</p> <p>- B1: GV chuyển giao nhiệm vụ</p> <p>+ GV hỏi:</p> <p>-Cái chết của người anh hùng đấu tranh cho tự do trong cảm nhận và suy tư của nhà thơ Việt nửa thế kỉ sau được diễn tả như thế nào?</p> <p>-Những hình ảnh nào được nhắc lại và phát triển thêm? Dụng ý nghệ thuật của tác giả?</p> <p>-Em hình dung những hình ảnh ẩn dụ tả tiếng đàn: <i>tiếng đàn nâu, tiếng đàn xanh, tiếng đàn tròn bọt nước vỡ tan...</i> như thế nào?</p> <p>- B2: HS thực hiện nhiệm vụ</p> <p>+ HS đọc 12 câu tiếp.</p> <p>+ HS suy nghĩ, liên tưởng, trả lời.</p> <p>- B3: HS báo cáo kết quả</p> <p><i>* HS trả lời cá nhân</i></p> <p>-Cái chết của nhạc sĩ thật đột ngột, đau đớn. Chàng bị nhà cầm quyền giết hại. Hình ảnh chiếc áo choàng bê bết đỏ gợi liên hệ đến những cuộc đấu bò đẫm máu mà đôi khi những đấu sĩ anh hùng cũng bị thương hoặc thiệt mạng dưới cặp sừng của con súc sinh.</p> <p>-Hình ảnh Lor-ca đi ra bãi bắn như người mộng du trong tiếng ghi ta nâu, xanh, vỡ tan bọt nước, rùng rùng máu chảy là cách thể hiện mới mẻ, ấn tượng, chuyển đổi màu sắc - âm thanh trong cảm xúc và tưởng tượng của nhà thơ, gây ấn tượng mới và mạnh nơi người đọc.</p> <p>+ Tiếng ghi ta nâu -> trầm tĩnh, nghĩ suy.</p> <p>+ Tiếng ghi ta lá xanh -> thiết tha, hy</p>	<p>vọng.</p> <p>+ Tiếng ghi ta tròn bọt nước vỡ tan -> bàng hoàng, tức tưởi.</p> <p>+ Tiếng ghi ta rùng rùng máu chảy -> đau đớn, nghẹn ngào.</p> <p>* Thao tác 3 :</p>
--	--

Ngữ văn 12

b- Cái chết bất ngờ với Lor-ca:

- Lor-ca bị bắt và hành hình:
- + Áo choàng bê bết đỏ.
- + Lor-ca bị điệu về bãi bắn.
- + Chàng đi như người mộng du.
- > Lor-ca đến với cái chết một cách hiên ngang và bình thản.
- Hình ảnh tượng trưng diễn tả nỗi lòng của Lor-ca:
- => Hình ảnh Lor-ca với cái chết bất ngờ, oan khuất, bị phản bội những thế lực tàn ác.
- Nghệ thuật khắc họa tiếng đàn:
- + Phép điệp: “tiếng ghi ta” và nâng cấp độ âm thanh bằng những thanh T gieo vào tiếng cuối.
- + Ấn dụ chuyển đổi cảm giác qua hệ thống âm thanh (ghi ta) vỡ ra thành màu sắc (nâu, xanh) thành hình khối (tròn bọt nước vỡ tan) thành hình ảnh động (ròng ròng máu chảy).
- => Tiếng đàn là nỗi lòng, là tình yêu đối với cái đẹp của Lor-ca. Cái chết đã biến Lor-ca thành hình tượng bất tử, là lời tuyên chiến mạnh mẽ của người nghệ sĩ chân chính trong môi trường bạo lực thống trị.

2- Tâm trạng của tác giả:

- Đồng cảm với nguyện vọng của Lor-ca (Qua lời di chúc của Lor-ca)
- Câu thơ: *“không ai chôn cất tiếng đàn, tiếng đàn như cỏ mọc hoang”*:

<p>Hướng dẫn HS đọc - hiểu Tâm trạng của tác giả:</p> <p>- B1: GV chuyển giao nhiệm vụ Tổ chức cho HS thảo luận nhóm:</p> <p>Nhóm 1: Tại sao Thanh Thảo lại viết: “Không ai chôn cất tiếng đàn /tiếng đàn như cỏ mọc hoang”?</p> <p>Nhóm 2: Theo em, Lor-ca muốn nhắn gửi thông điệp gì qua câu nói “<i>khi tôi chết hãy chôn tôi với cây đàn</i>”?</p> <p>Nhóm 3: Giải mã các h/ả “giọt nước mắt , đường chỉ tay, dòng sông, lá bùa, chiếc ghi ta màu bạc...”.</p> <p>Nhóm 4: Suy nghĩ về cách giải thoát và giã từ của Lor-ca? Tiếng “Li la- li la- li la” trong bài thơ có ý nghĩa gì?</p> <p>- B2: HS thực hiện nhiệm vụ</p> <p>- B3: HS báo cáo kết quả</p> <p><i>* HS đại diện nhóm trả lời, nhóm còn lại góp ý bổ sung</i></p> <p>* Nhóm 1</p> <p>+ Nỗi xót thương cho cái chết của một thiên tài</p> <p>+ Là nỗi xót tiếc hành trình cách tân dang dở không chỉ của Lor-ca mà còn với nền văn chương TBN.</p> <p>* Nhóm 2</p> <p>-chính nhà thơ, trong câu thơ đề từ lại mong muốn hậu thế sẽ vượt qua mình.</p> <p>-Chôn tôi với cây đàn không chỉ là vì không thể thiếu được, xa được cây đàn ngay cả khi đã chết mà còn hàm ý nghệ thuật của Lor-ca sẽ nhất định được phát triển và thay thế bằng nghệ thuật mới của lớp trẻ, hay hơn, giá trị hơn, hiện đại</p>	<p>hơn...</p> <p>* Nhóm 3</p> <p>giọt nước mắt: sự thương tiếc , đường chỉ tay, dòng sông, lá bùa, chiếc ghi ta màu bạc...: gọi số mệnh đã an bài.</p> <p>* Nhóm 4</p> <p>-Lor-ca cười trên chiếc ghi-ta màu bạc,</p>
---	---

Ngữ văn 12

-> Nghệ thuật thành thứ cỏ mọc hoang -
Cái đẹp không thể huỷ diệt, sẽ sống
truyền lan giản dị mà kiên cường.

- Trân trọng Lor-ca và đã hoàn thành
tâm nguyện của ông: để Lor-ca thực sự
được giải thoát:

+ *Lor-ca bơi sang ngang.*

+ *ném lá bùa.*

+ *ném trái tim vào xoáy nước, vào cõi
lặng yên*

-> đều mang ý nghĩa tượng trưng cho
sự giã từ và giải thoát, chia tay thực sự
với những ràng buộc và hệ lụy trần gian.

=> Cái chết không thể tiêu diệt được
tâm hồn và những sáng tạo nghệ thuật
của Lor-ca. Nhà cách tân vĩ đại của đất
nước TBN đã trở thành bất tử trong
chính cuộc giã từ này.

Ngữ văn 12

<p>ném lá bùa vào xoáy nước, ném trái tim mình vào lặng yên bất chợt, bơi qua dòng sông mệnh mông - biên giới của 2 cõi - thanh thân, vĩnh biệt những hệ lụy trần gian, trong tiếng đàn ghi-ta vẫn văng vẳng li-la-li-la... gọi cho người đọc nỗi buồn và tình yêu, ngưỡng vọng thăm thía.</p> <p>- B4: GV nhận xét, chốt kiến</p>	
<p>3. GV hướng dẫn HS tổng kết:(5 PHÚT)</p>	
<p>- B1: GV chuyển giao nhiệm vụ Yêu cầu hs tự tổng kết bài học về phương diện nội dung và nghệ thuật.</p> <p>- B2: HS thực hiện nhiệm vụ</p> <p>- B3: HS báo cáo kết quả * <i>HS trả lời cá nhân</i></p> <p>- B4: GV nhận xét, chốt kiến thức</p>	<p>III. Tổng kết:</p> <p>1/ Nghệ thuật: Thể thơ tự do, không dấu câu, không dấu hiệu mở đầu, kết thúc sử dụng hình ảnh, biểu tượng - siêu thực có sức chứa lớn về nội dung; tạo ra màu sắc Tây Ban Nha rất đậm nét trong bài thơ ; kết hợp hai yếu tố thơ và nhạc.</p> <p>2) Ý nghĩa văn bản: <i>Ngợi ca vẻ đẹp nhân cách, tâm hồn và tài năng của Lor-ca – nhà thơ, nhà cách tân vĩ đại của văn học Tây Ban</i></p>

3.LUYỆN TẬP

Hoạt động của GV - HS	Kiến thức cần đạt
<p>- B1:GV giao nhiệm vụ: Câu hỏi 1: <i>Nỗi đau xót sâu sắc trước cái chết bi thảm của Lor – ca được thể hiện rõ nét và ấn tượng nhất ở hình ảnh thơ nào?</i></p> <p>a. Áo choàng bê bết đỏ. b. Giọt nước mắt vàng trắng – long lanh trong đáy giếng. c. Lor- ca bơi sang ngang. d. Chàng ném lá bùa cô gái Di – gan vào xoáy nước</p> <p>Câu hỏi 2: <i>Hình ảnh tiếng đàn trong bài thơ có nét gần gũi với cách thể hiện của văn học thời kì nào?</i></p> <p>a. Văn học dân gian. b. Văn học cổ điển Việt Nam. c. Văn học hiện đại phương Tây. d. Văn học cổ điển Trung hoa.</p>	<p>ĐÁP ÁN</p> <p>[1]='b' [2]='c' [3]='d' [4]='a'</p>

<p>Câu hỏi 3: Nhân vật trữ tình hiện lên trong bài thơ có đặc điểm như thế nào?</p> <p>a. Là một nghệ sĩ tài hoa, lãng mạng. b. Một con người yêu tự do. c. Một tráng sĩ dũng cảm d. Cả A, B và C.</p> <p>Câu hỏi 4: Ý kiến nào về bài thơ <i>Đàn ghi ta của Lor</i> – ca là chưa chính xác?</p> <p>a. Đậm đà màu sắc Đường thi. b. Chịu ảnh hưởng mạnh của thuyết tương giao. c. Nhuộm màu sắc tượng trưng và siêu thực. d. Ngôn từ hết sức mới mẻ hiện đại.</p> <p>- B2: HS thực hiện nhiệm vụ: - B3: HS báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ: - B4: GV nhận xét, chốt kiến thức</p>	
--	--

4. VẬN DỤNG

Hoạt động của GV - HS	Kiến thức cần đạt
<p>- B1:GV giao nhiệm vụ: <i>những tiếng đàn bọt nước</i> <i>máu chảy</i> Đọc đoạn thơ trên và thực hiện các yêu cầu sau:</p> <p>1. Nêu ý chính của đoạn thơ?</p> <p>2. Nêu hiệu quả nghệ thuật các từ láy “đơn độc”, “chénh choáng”, “mỏi mòn” trong đoạn thơ?</p> <p>3. Nêu hiệu quả nghệ thuật của phép điệp cấu trúc: “tiếng ghi-ta” trong đoạn thơ.</p> <p>- B2: HS thực hiện nhiệm vụ: - B3: HS báo cáo kết quả</p>	<p>1. Ý chính của đoạn thơ :</p> <p>- Hình ảnh của Lorca, chàng nghệ sĩ, người chiến sĩ cách mạng có lí tưởng cao đẹp nhưng số phận bất hạnh.</p> <p>- Cái chết đầy bi phần của Lor-ca, người nghệ sĩ đấu tranh cho tự do đã bị bọn phát xít Phrăng-cô dẫn ra pháp trường sát hại</p> <p>2. Hiệu quả nghệ thuật các từ láy “đơn độc”, “chénh choáng”, “mỏi mòn” trong đoạn thơ : Lor-ca hiện ra như một ca sĩ dân gian cô đơn , một kị sĩ lãng du phóng khoáng yêu tự do nhưng thâm lặng, Anh là người tiên phong trong cuộc đấu tranh cách tân nghệ thuật và khát vọng tự do.</p> <p>3. Hiệu quả nghệ thuật của phép điệp cấu trúc : “tiếng ghi-ta” trong đoạn thơ: Thanh Thảo đã lặp lại 4 lần cụm từ <i>tiếng ghi ta</i> thể hiện cảm xúc mãnh liệt và cảm nhận đa chiều của tác giả về cái chết của Lor-ca. Thủ pháp chuyển đổi cảm giác góp phần tạo nên những cảm nhận rất mới, phù hợp với những nỗ lực và khát vọng cách tân của người nghệ sĩ Lor-ca.</p>

kiến thức	
------------------	--

5.MỞ RỘNG VÀ SÁNG TẠO

Hoạt động của GV - HS	Kiến thức cần đạt
- B1:GV giao nhiệm vụ: - Tìm hiểu và ghi lại một số lời phê bình hay về bài thơ - Tập hát bài <i>Nếu tôi chết hãy chôn tôi với cây đàn</i> .Viết bài cảm nhận sau khi nghe bản nhạc. - B2: HS thực hiện nhiệm vụ: - B3: HS báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ: - B4: GV nhận xét, chốt kiến thức	-Biết chọn những lời phê bình có giá trị. - Cảm nhận chân thành, cảm xúc. Năng lực tự học.

.....

Tuần

Ngày soạn:.....

Tiết 41

Ngày kí:.....

Đọc thêm: *Tự do* (P.Ê –luy- a)

A. VẤN ĐỀ CẦN GIẢI QUYẾT

I. Tên bài học :

II. Hình thức dạy học : DH trên lớp.

III. Chuẩn bị của giáo viên và học sinh

1. Giáo viên:

- Phương tiện, thiết bị:
- + SGK, SGV, Tư liệu Ngữ Văn 11, thiết kế bài học.
- + Máy tính, máy chiếu, loa...
- PPDH: Phát vấn, thuyết trình, nêu vấn đề, thảo luận nhóm, trò chơi

2. Học sinh: Sách giáo khoa, bài soạn.

B. NỘI DUNG BÀI HỌC

C. MỤC TIÊU BÀI HỌC

I. Kiến thức :

a/ Nhận biết: Nêu thông tin về tác giả, sự nghiệp sáng tác

Ngữ văn 12

b/ Thông hiểu; giá trị của tự do

c/Vận dụng thấp: Vận dụng hiểu biết về tác giả, tác phẩm để đọc hiểu văn bản .

d/Vận dụng cao:Viết bài cảm nhận riêng về tác giả, tác phẩm

II. Kỹ năng :

a/ Biết làm: bài nghị luận văn học (nghị luận đoạn thơ, bài thơ hoặc ý kiến bàn về văn học)

b/ Thông thạo: các bước làm bài đọc hiểu và nghị luận văn học về thơ III.Thái độ :

a/ Hình thành thói quen: đọc hiểu văn bản về tác gia, tác phẩm văn học

b/ Hình thành tính cách: tự tin khi trình bày kiến thức về tác gia , tác phẩm văn học

c/Hình thành nhân cách: có tinh thần cảm phục, ngưỡng mộ những nghệ sĩ tài năng và đạo đức.

IV. Những năng lực cụ thể học sinh cần phát triển:

-Năng lực thu thập thông tin liên quan đến văn bản

-Năng lực hợp tác để cùng thực hiện nhiệm vụ học tập

-Năng lực giải quyết những tình huống đặt ra trong các văn bản

-Năng lực đọc - hiểu các tác giả văn học

-Năng lực sử dụng ngôn ngữ, trình bày suy nghĩ, cảm nhận của cá nhân về bài thơ

D. TIỀN TRÌNH TỔ CHỨC BÀI HỌC

1. KHỞI ĐỘNG (5 phút)

<i>Hoạt động của Thầy và trò</i>	<i>Nội dung cần đạt</i>
- B1: GV giao nhiệm vụ: GV hướng dẫn học sinh tìm hiểu về bài thơ bằng cách cho HS: Xem chân dung nhà thơ P.Eluya và đoán tác giả - B2: HS thực hiện nhiệm vụ: - B3: HS báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ: - B4: GV nhận xét, giới thiệu <i>Vào bài</i> : Hôm nay chúng ta sẽ tìm hiểu dưới dạng đọc thêm 2 bài thơ: Tự do(P.Eluya)	HS đoán chính xác chân dung nhà thơ

2. HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

Hoạt động của GV-HS	Nội dung cần đạt
* Thao tác 1 : Hướng dẫn HS tìm hiểu chung về văn bản - B1: GV chuyển giao nhiệm vụ:	I. <u>Tiểu dẫn.</u> 1. Tác giả: - Pôn Ê-luy-a (1895-1952) là nhà thơ lớn nước Pháp.

<p>Dựa vào TD, em hãy tóm lược những nét cơ bản nhất về tác giả và tác phẩm ?</p> <p>- B2: HS thực hiện nhiệm vụ</p> <p>- B3: HS báo cáo kết quả</p> <p>- B4: GV nhận xét phần trả lời của HS và chốt kiến thức</p> <p>Lưu ý hs: nguyên tác bài thơ có 21 khổ thơ (không kể dòng cuối cùng: Tự Do), không vần, không dấu chấm câu- trừ dòng cuối cùng. Bản dịch có 12 khổ thơ.</p> <p>*Thao tác 2 :</p> <p>Hướng dẫn HS đọc - hiểu văn bản</p> <p>- B1: GV chuyển giao nhiệm vụ:</p> <p>+ Yêu cầu HS đọc toàn bộ bài thơ</p> <p>- Hướng dẫn cách đọc: giọng tha thiết, bồi hồi; nhấn giọng ở câu kết mỗi khổ thơ và từ TỰ DO.</p> <p>+ Em hãy nêu ngắn gọn ấn tượng chung nhất của mình sau khi đọc bài thơ ? (Về hình thức, về nhân vật <i>em</i>, về tứ thơ ?)</p> <p>+ Dựa vào đặc điểm hình thức và nội dung bài thơ, em hãy chia đoạn và gọi tên các đoạn thơ ?</p> <p>- B2: HS thực hiện nhiệm vụ</p> <p>- B3: HS báo cáo kết quả</p> <p>- B4: GV nhận xét phần trả lời của HS và chốt kiến thức</p> <p><i>* Diễn giảng thêm: Bài thơ trữ tình chính trị, khắc họa không khí thời đại - mang đậm PC của tác giả.</i></p> <p>- B1: GV chuyển giao nhiệm vụ:</p> <p>Nhóm 1,2: Thảo luận câu 2,3</p> <p>Nhóm 3,4: Thảo luận câu 4</p> <p>- B2: HS thực hiện nhiệm vụ</p> <p>- B3: HS báo cáo kết</p>	<p>quả</p> <p>- B4: GV nhận xét, chốt kiến thức cơ bản, chuyển giao nhiệm vụ mới</p> <p>- B1: GV chuyển giao nhiệm vụ</p>
---	--

Ngữ văn 12

- Từng tham gia trào lưu siêu thực. Trong chiến tranh thế giới lần thứ 2, ông thoát ly chủ nghĩa siêu thực, cùng nhân dân Pháp kháng chiến chống chủ nghĩa phát xít.

- Thơ ông mang đậm chất trữ tình chính trị, hơi thở của thời đại

cháy bỏng của nhà thơ

2. Bài thơ "Tự do":

- Hoàn cảnh sáng tác: Được viết vào mùa hè 1941, lúc nước Pháp đang bị phát xít Đức xâm lược.

- Xuất xứ: Bài thơ được in trong tập "Thơ ca và chân lý, 1942" (1942).

II. Hướng dẫn đọc hiểu.

Em = TỰ DO (nhân hóa)

Tứ thơ bao trùm: **Khát vọng tự do.**

1. Nội dung.

a, 11khổđầu: Tôi viết tên em- Tự Do.

- Từ "trên" thể hiện cả không gian và thời gian:

+ Chỉ địa điểm - không gian(tôi viết Tự Do ở đâu, vào đâu)

+ Chỉ thời gian (tôi viết Tự Do khi nào)

- Tôi viết tên em lên mọi không gian bao la, lên mọi thời gian; Viết tên em lên những vật cụ thể hữu hình và cả những cái vô hình.

 Hình ảnh được liên tưởng ngẫu hứng. Tình yêu, khát vọng tự do

Ngữ văn 12

- Tự Do có ý nghĩa như thế nào đối với tác giả và mọi người ?

- **B2: HS thực hiện nhiệm vụ**
- **B3: HS báo cáo kết quả**
- **B4: GV nhận xét, chốt kiến thức cơ bản, chuyển giao nhiệm vụ mới**

- **B1: GV chuyển giao nhiệm vụ**
Yêu cầu hs tóm tắt những đặc sắc về nghệ thuật bài thơ.

- **B2: HS thực hiện nhiệm vụ**

- **B3: HS báo cáo kết quả:**

HS trả lời được:

- Hình thức: điệp
- Tự Do được nhân hóa thành *em*.
- Dựa vào HCRĐ rút ra tứ thơ.

HS chia bài thơ làm 2 đoạn, dùng điệp khúc để gọi tên.

- **B4: GV nhận xét, chốt kiến thức cơ bản, chuyển giao nhiệm vụ mới**

***GV hướng dẫn HS tổng kết:**

- **B1: GV chuyển giao nhiệm vụ**

Hãy rút ra chủ đề và ý nghĩa văn bản

- **B2: HS thực hiện nhiệm vụ**

- **B3: HS báo cáo kết quả:**

- **B4: GV nhận xét, chốt kiến thức cơ bản, chuyển giao nhiệm vụ mới**

b, ~~Khôcuối: Tôi gọi tên em - Tự Do.~~

- Tự do- sức mạnh nhiệm màu.

- Tự do- tái sinh những cuộc đời

 Tình yêu tự do cũng là lời kêu gọi hy sinh vì tự do.

2. Nghệ thuật:

- Trùng điệp thủ pháp liệt kê, nhân hóa, lặp từ ngữ, cấu trúc ... qua các khổ thơ.

- Hiệu quả: Nhạc điệu thơ gợi mạch cảm xúc hướng về tự do tuôn trào, triền miên, mạnh mẽ.

III. Kết luận.

- Chủ đề: Khát vọng tự do cũng là lời kêu gọi hành động vì tự do của nhà thơ (và của cả dân tộc Pháp) khi đất nước bị phát xít xâm lăng.

- Không thể sống trong nô lệ, Tự Do trở thành mệnh lệnh của cuộc sống, là lương tâm của thời đại. Vì thế, bài thơ được xem là thánh ca của thơ kháng chiến Pháp

3. LUYỆN TẬP

Hoạt động của GV - HS	Kiến thức cần đạt
<p>- B1:GV giao nhiệm vụ: <i>Đọc đoạn thơ trong bài “Tự do” SGK ngữ văn 12 và trả lời các câu hỏi:</i> Trên những trang vở học sinh Trên bàn học trên cây xanh</p>	<p>Câu 1. Đoạn thơ trên thuộc thể thơ tự do</p> <p>Câu 2. Hai biện pháp tu từ: điệp từ (trên, tôi, em); lặp cấu trúc (ở hai dòng thơ Tôi viết tên em...) hoặc nhân hóa</p>

Ngữ văn 12

Trên đất cát và trên

(gọi tự do là em)

tuyết Tôi viết tên em

...Trên sức khỏe được phục
hồi Trên hiểm nguy đã tan biến
Trên hi vọng chẳng vẩn vương
Tôi viết tên em

Và bằng phép màu một
tiếng Tôi bắt đầu lại cuộc
đời

Tôi sinh ra để biết

em Để gọi tên em

TỰ DO

(Tự do – Pôn Ê-luy-a – SGK Ngữ văn 12,
cơ bản, tập 1, tr. 120)

Câu 1. Cho biết đoạn thơ trên thuộc thể thơ
nào?

Câu 2. Xác định 02 biện pháp tu từ được tác
giả sử dụng trong đoạn thơ trên .

Câu 3. Nêu nội dung chính của đoạn thơ
trên .

Câu 4. Anh/chị hãy giải thích ngắn gọn
mục đích của tác giả khi viết từ TỰ DO ở
cuối bài thơ bằng chữ in hoa?.

- B2: HS thực hiện nhiệm vụ:

- B3: HS báo cáo kết quả thực hiện
nhiệm vụ:

- B4: GV nhận xét, chốt kiến thức

...

Câu 3. Đoạn thơ bộc lộ tình yêu Tự do
tham thiết, mãnh liệt của tác giả

Câu 4. Tác giả viết hoa từ TỰ DO ở
cuối bài nhằm mục đích:

-Thể hiện sự thiêng liêng, cao cả của
hai tiếng TỰ DO

- Nhấn mạnh đề tài của bài thơ, giải
thích tình cảm gắn bó, khao khát, tôn
thờ, ... của tác giả dành trọn cho TỰ
DO. TỰ DO là tất cả những gì ông
mong mỏi, mơ ước mọi lúc, mọi nơi

3. VẬN DỤNG

Hoạt động của GV-HS	Nội dung cần đạt
<p>- B1:GV giao nhiệm vụ: Hãy sưu tầm ít nhất 2 bài thơ có chủ đề thể hiện khát vọng tự do của dân tộc</p> <p>- B2: HS thực hiện nhiệm vụ:</p> <p>- B3: HS báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ:</p> <p>- B4: GV nhận xét, chốt kiến thức</p>	

. 5.MỞ RỘNG VÀ SÁNG TẠO

Hoạt động của GV - HS	Kiến thức cần đạt
<ul style="list-style-type: none"> - B1:GV giao nhiệm vụ: Hãy viết bài văn nêu suy nghĩ của em về sự tự do - B2:HS thực hiện nhiệm vụ: - HS báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ: - B4: GV nhận xét, cho điểm 	<p>HS viết được bài văn thể hiện suy nghĩ của mình về ý nghĩa của sự tự do (Tự do của dân tộc và tự do của cá nhân)</p>

.....

.....

.....

Tuần

Ngày soạn:.....

Ngày kí:.....

Tiết 42

LUYỆN TẬP VẬN DỤNG KẾT HỢP CÁC THAO TÁC LẬP LUẬN TRONG BÀI VĂN NGHỊ LUẬN.

A. VẤN ĐỀ CẦN GIẢI QUYẾT

I. Tên bài học :

LUYỆN TẬP VẬN DỤNG KẾT HỢP CÁC THAO TÁC LẬP LUẬN TRONG BÀI VĂN NGHỊ LUẬN

II. Hình thức dạy học : DH trên lớp.

III. Chuẩn bị của giáo viên và học sinh

1. Giáo viên:

- Phương tiện, thiết bị:
- + SGK, SGV, Tư liệu Ngữ Văn 11, thiết kế bài học.
- + Máy tính, máy chiếu, loa...
- PPDH: Phát vấn, thuyết trình, nêu vấn đề, thảo luận nhóm, trò chơi

2. Học sinh: Sách giáo khoa, bài soạn.

B. NỘI DUNG BÀI HỌC

C. MỤC TIÊU BÀI HỌC

I. Kiến thức :

- a/ Nhận biết: Xác định các thao tác lập luận trong văn bản
- b/ Thông hiểu: Giải thích được khái niệm các thao tác lập luận

Ngữ văn 12

c/Vận dụng thấp: Nhận diện được tính phù hợp và hiệu quả của việc vận dụng kết hợp các thao tác lập luận trong một số văn bản.

d/Vận dụng cao: Vận dụng kết hợp các thao tác lập luận để viết bài văn nghị luận về một vấn đề tư tưởng, đạo lý, về một hiện tượng đời sống, về một tác phẩm văn học và về một ý kiến bàn về văn học.

II. Kỹ năng :

a/ Biết làm: bài văn nghị luận có kết hợp các thao tác lập luận

b/ Thông thạo: kết hợp các thao tác lập luận trong bài văn nghị luận

III. Hái độ :

a/ Hình thành thói quen: sử dụng kết hợp các thao tác lập luận trong bài văn nghị luận

b/ Hình thành tính cách: tự tin khi lĩnh hội và tạo lập văn bản thông qua kết hợp các thao tác lập luận

c/Hình thành nhân cách: có tinh thần giữ gìn sự trong sáng của tiếng Việt

IV. Những năng lực cụ thể học sinh cần phát triển:

- Năng lực thu thập thông tin liên quan các thao tác lập luận
- Năng lực đọc – hiểu các văn bản để phát hiện các thao tác lập luận .
- Năng lực trình bày suy nghĩ, cảm nhận của cá nhân có sử dụng các thao tác lập luận
- Năng lực hợp tác khi trao đổi, thảo luận những vấn đề trong cuộc sống
- Năng lực phân tích, so sánh các thao tác lập luận
- Năng lực tạo lập văn bản lập luận.

D. TIẾN TRÌNH TỔ CHỨC BÀI HỌC

1. KHỞI ĐỘNG (5 phút)

<i>Hoạt động của Thầy và trò</i>	<i>Nội dung cần đạt</i>
<p>- B1: GV giao nhiệm vụ: Từ bậc THCS, chúng ta đã học những phương thức biểu đạt nào? Phân biệt sự khác nhau của các kiểu văn bản trên? Các kiểu văn bản trên có thể thay thế cho nhau được không? Tại sao? Các phương thức biểu đạt trên có thể được phối hợp với nhau trong một văn bản cụ thể hay không? Tại sao? Nêu một ví dụ để minh họa.</p> <p>- B2: HS thực hiện nhiệm vụ:</p> <p>- B3: HS báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ:</p> <p>- B4: GV nhận xét, giới thiệu <i>Vào bài</i>: Trong một văn bản nghị luận, người viết tùy theo yêu cầu mà có thể kết hợp nhiều phương thức biểu đạt. vậy sự</p>	<p>HS kể 6 phương thức biểu đạt;</p> <p>-Các kiểu văn bản trên khác nhau ở hai điểm chính là: Thứ nhất, khác nhau về phương thức biểu đạt. Thứ hai, khác nhau về hình thức thể hiện.</p> <p>-Các kiểu văn bản trên không thể thay thế cho nhau được, vì: Phương thức biểu đạt khác nhau; Hình thức thể hiện khác nhau; Mục đích khác nhau..</p> <p>Các phương thức biểu đạt trên có thể phối hợp với nhau trong</p>

	một văn bản cụ thể, vì: Trong văn bản tự sự có thể sử dụng phương thức miêu tả, thuyết minh, nghị luận... và ngược lại.
--	---

2. HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

Hoạt động của GV - HS	Kiến thức cần đạt
1. GV hướng dẫn luyện tập trên lớp (15 phút).	
<p>- B1: GV chuyển giao nhiệm vụ Yêu cầu HS trả lời các câu hỏi, bài tập trong SGK. HS có thể hoạt động tập thể theo nhóm, tổ hoặc cá nhân. Một số gợi ý :</p> <ul style="list-style-type: none"> - Hãy nhắc lại những thao tác lập luận mà anh (chị) đã học cùng những đặc trưng cơ bản của từng thao tác. - Đối với các yếu tố tự sự, miêu tả, biểu cảm, GV cần có những giải thích thật thấu đáo. Vì những yếu tố này tưởng là xa lạ với văn nghị luận nhưng kỳ thực nếu biết vận dụng hợp lý chúng sẽ làm văn nghị luận bớt khô khan, trừu tượng. <p>- B2: HS thực hiện nhiệm vụ HS Tái hiện kiến thức và trình bày.</p> <p>- B3: HS báo cáo kết quả HS trả lời: 6 thao tác. (giải thích, chứng minh, bình luận, phân tích, so sánh, bác bỏ).</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thao tác lập luận phân tích: chia đối tượng ra thành nhiều yếu tố, bộ phận nhỏ để có thể nhận biết đối tượng một cách cặn kẽ, thấu đáo. - Thao tác lập luận so sánh : Làm rõ thông tin về sự vật bằng cách đem nó đối chiếu với đối tượng sự vật khác quen thuộc hơn, 	<p>I. Luyện tập trên lớp 1. Ôn tập về các thao tác lập luận và những đặc trưng cơ bản của thao tác lập luận</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thao tác lập luận phân tích : - Thao tác lập luận so sánh : - Thao tác lập luận giải thích : - Thao tác lập luận chứng minh : - Thao tác lập luận bác bỏ :

<ul style="list-style-type: none"> - Thao tác lập luận chứng minh : Mục đích của chứng minh là làm người ta tin tưởng về những ý kiến, nhận xét có đầy đủ căn cứ từ trong những sự thật hoặc chân lý hiển nhiên - Thao tác lập luận bác bỏ : Chính là dùng lý lẽ và chứng cứ để gạt bỏ những quan điểm, ý kiến sai lệch hoặc thiếu chính xác từ đó nêu ý kiến đúng của mình để thuyết phục người nghe. - Thao tác lập luận bình luận : Nhằm đề xuất và thuyết phục người đọc tán đồng với nhận xét đánh giá, bàn luận của mình về một hiện tượng trong đời sống hoặc trong văn học. - B4: GV nhận xét, chốt kiến 	<ul style="list-style-type: none"> - Thao tác lập luận bình luận : - Tự sự, miêu tả, biểu cảm, thuyết minh : những yếu tố này có thể đem lại sự cụ thể, sống động cho văn nghị luận.
2. GV tổ chức luyện tập vận dụng tổng hợp các thao tác lập luận	
<p><u>-B1: GV giao nhiệm vụ</u></p> <ul style="list-style-type: none"> - GV yêu cầu HS xem xét một đoạn văn bản trong SGK và trả lời câu hỏi, yêu cầu chỉ ra cụ thể từng thao tác, đưa ra dẫn chứng cho từng thao tác (không phải trả lời một cách chung chung). - B2: HS thực hiện nhiệm vụ - B3: HS báo cáo kết quả * HS trả lời cá nhân - Các thao tác lập luận trong đoạn trích <i>Tuyên ngôn độc lập</i> + Thao tác lập luận phân tích. + Thao tác lập luận chứng minh. + Thao tác lập luận bình luận. + Thao tác tự sự miêu tả, biểu cảm. - Các thao tác này được vận dụng tổng hợp, kết hợp rất linh hoạt trong đoạn trích. -B4: GV nhận xét, chốt kiến thức - B1: GV chuyển giao nhiệm vụ GV hướng dẫn HS thực hành, viết văn bản có sự kết hợp các thao tác nghị luận. -B2: HS thực hiện nhiệm vụ - HS đọc kỹ đề bài 	<p>2. Luyện tập vận dụng tổng hợp các thao tác lập luận.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Các thao tác lập luận trong đoạn trích Tuyên ngôn độc lập - Các thao tác này được vận dụng tổng hợp, kết hợp rất linh hoạt trong đoạn trích. <p>3. Viết bài văn nghị luận vận dụng tổng hợp các thao tác lập luận Tham khảo bài viết trong SGK</p>

Ngữ văn 12

<p>(trong khoảng 15 - 20 phút).</p> <p>-B3: HS báo cáo nhiệm vụ</p> <p>HS trình bày bài làm trước lớp. (tùy theo lượng thời gian mà GV yêu cầu số lượng HS trình bày nhiều hay ít)</p> <p>- HS chỉ ra trong bài đã sử dụng thao tác lập luận nào.</p> <p>- HS khác sẽ nhận xét, bổ sung hoặc điều chỉnh, hoàn thiện các văn bản đã được trình bày.</p> <p>-B4: GV nhận xét, chốt kiến</p>	
<p>3. GV HƯỚNG DẪN LUYỆN TẬP Ở NHÀ (15 PHÚT)</p>	
<p>- B1: GV chuyển giao nhiệm vụ</p> <p>Bài tập 1 : Suy tầm 2 đoạn văn (hoặc bài văn hay) trong đó tác giả đã sử dụng kết hợp các thao tác lập luận.</p> <p>Bài tập 2 : Viết bài văn nghị luận có vận dụng tổng hợp ít nhất 3 thao tác lập luận khác nhau theo chủ đề : Một tác phẩm văn học mới ra đời và đang được nhiều người quan tâm bàn luận.</p> <p>Bài tập 3 : Đọc văn bản đọc thêm <i>Mấy nhận xét nhỏ về nghệ thuật viết tiểu thuyết (Nguyễn Đình Thi)</i> để nắm về việc vận dụng tổng hợp các thao tác lập luận.</p> <p><i>-Bài tập 1 : Suy tầm trong sách báo nhất là các sách nghiên cứu, phê bình văn học.</i></p> <p><i>-Bài tập 2 : HS tự viết ở nhà</i></p> <p><i>-Bài tập 3 : Đọc và phân tích, rút ra bài học kinh nghiệm.</i></p> <p>- B2: HS thực hiện nhiệm vụ</p>	<p>II. Luyện tập ở nhà</p>

3.LUYỆN TẬP

Hoạt động của GV - HS	Kiến thức cần đạt
<p>- B1:GV giao nhiệm vụ:</p> <p><u>Câu hỏi 1:</u> Chia vấn đề cần bàn luận ra thành các</p>	<p>ĐÁP ÁN</p>

<p>bộ phận (các phương tiện các nhân tố), để có thể xem xét một cách cặn kẽ và kĩ càng là thuộc thao tác nào?</p> <ol style="list-style-type: none"> So sánh Phân tích. Tổng hợp Giải thích. <p>Câu hỏi 2: Kết hợp các phần (bộ phận), các mặt (phương diện), các nhân tố của vấn đề cần bàn luận thành một chỉnh thể thống nhất để xem xét là thuộc thao tác nào?</p> <ol style="list-style-type: none"> Bình luận. Nêu phản đề. Tổng hợp. Vấn đáp. <p>Câu hỏi 3: Hãy chọn phương án điền vào chỗ trống sao cho phù hợp:</p> <p>...là từ cái riêng suy ra cái chung, từ những sự vật cá biệt suy ra nguyên lý phổ biến.</p> <ol style="list-style-type: none"> Diễn dịch. Quy nạp. Giải thích. Tổng hợp. <p>Câu hỏi 4: Từ tiền đề chung suy ra kết luận về những sự vật, hiện tượng riêng.</p> <p>Đó là thao tác nghị luận nào?</p> <ol style="list-style-type: none"> Chứng minh. Bình Luận. Quy nạp Diễn Dịch. <p>Câu hỏi 5: Ý kiến nào sau đây là chính xác nhất?</p> <ol style="list-style-type: none"> Một bài văn nghị luận thường có sự kết hợp sử dụng nhiều thao tác nghị luận. Một bài văn Nghị luận thường có sự kết hợp sử dụng nhiều thao tác nghị luận ,trong đó có một số thao tác chính yếu. Một bài văn nghị luận chỉ sử dụng một thao tác nghị luận nhất định. Một bài văn nghị luận thường chỉ sử dụng từ một đến hai thao tác nghị luận nhất định, trong đó có 	<p>một thao tác đóng vai trò là thao tác nghị luận chính.</p>
---	---

Ngũ văn 12

[1]='b'

[2]='c'

[3]='b'

[4]='d'

[5]='b'

<p>- B2: HS thực hiện nhiệm vụ:</p> <p>- B3: HS báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ:</p> <p>- B4: GV nhận xét, chốt kiến thức</p>	
---	--

4.VẬN DỤNG

Hoạt động của GV - HS	Kiến thức cần đạt
<p>- B1: GV giao nhiệm vụ:</p> <p>Xác định các thao tác lập luận trong văn bản sau:</p> <p style="text-align: center;">BÀI TOÁN TỔNG HỢP CỦA CUỘC ĐỜI</p> <p>(1)Nguyên tố cơ bản của sinh mệnh là thời gian. Thời gian là một chuỗi con số khô khan đơn điệu nhưng lại thần kì. Muốn đem chuỗi số này đến một môi trường tốt để phát huy tới cực điểm, đòi hỏi phải học được cách giải tổng hợp.</p> <p>Từ phép cộng trừ nhân chia bậc tiểu học tới phép phân giải nhân thức bậc trung học, lại tới phép hàm số và vi tích phân của bậc đại học, khái niệm toán học đã được thăng cấp, tuổi tác của bản thân cũng tăng lên, sự lí giải cuộc đời cũng dần dần phức tạp. Hằng số và biến số của cuộc đời dù khó giải và nắm vững, nhưng con đường đời nói chung đều phải dựa vào việc vận dụng phép giải tổng hợp bốn phép tính cộng trừ nhân chia.</p> <p>(2) Chúng ta hãy suy nghĩ nghiêm túc về biểu thức toán học sau:</p> $[80 \times 365 - (15 + 15) \times 365] \times \frac{1}{3}$ <p>= 6083 (ngày).</p> <p>Ý nghĩa của biểu thức này là: giả dụ một người có thể sống tới 80 tuổi, trừ đi 15 năm chưa hiểu biết gì và 15 năm già nua cuối đời, lại trừ đi khoảng $\frac{2}{3}$ thời gian phải dùng vào việc ăn, ngủ, sinh hoạt... thì thời gian của một đời người thực sự có ích, thực sự học tập và</p>	<p>- Đoạn văn (1) dùng lập luận phân tích;</p> <p>- Đoạn văn (2) dùng lập luận chứng minh.</p>

Ngữ văn 12

<p>mỗi đời người là rất ngắn! Một nhân vật dù kiệt xuất đến đâu chẳng nữa cũng bị câu thúc bởi khoảng thời gian có hạn này. Vì vậy, ai nhận thức được điều này thì người ấy có cơ hội thành công và ngược lại, kẻ nào đứng đĩnh rong chơi thì đó chính là hành động tự vứt bỏ những cơ hội trời cho! Một gợi ý khác của biểu thức này là, trong khoảng thời gian hữu hạn này, một người không thể thành công trong nhiều lĩnh vực, mà nhất thiết phải biết lựa chọn những lĩnh vực hoặc nghề nghiệp thích hợp và phải biết loại bỏ những sở đoản. Chỉ có như vậy, con người mới thành công.</p> <p>- B2: HS thực hiện nhiệm vụ: - B3: HS báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ: - B4: GV nhận xét, chốt kiến thức</p>	
---	--

5. MỞ RỘNG VÀ SÁNG TẠO

Hoạt động của GV - HS	Kiến thức cần đạt
<p>- B1:GV giao nhiệm vụ: +Xác định các thao tác lập luận trong phần đầu của Tuyên ngôn Độc lập. + Viết đoạn văn nêu tác hại của trò chơi Pokemon Go hiện nay (chỉ ra các thao tác lập luận) - B2:HS thực hiện nhiệm vụ: - B3: HS báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ: - B4: GV nhận xét, chốt kiến thức</p>	<p>-Xác định đúng và đầy đủ các thao tác nghị luận; - Sử dụng các thao tác nghị luận để triển khai đoạn văn theo đúng vấn đề đã yêu cầu.</p>

.....

.....

Tuần

Ngày soạn:.....

Tiết 43-44

Ngày kí:.....

QUÁ TRÌNH VĂN HỌC VÀ PHONG CÁCH VĂN HỌC

A. VẤN ĐỀ CẦN GIẢI QUYẾT

I. Tên bài học :

QUÁ TRÌNH VĂN HỌC VÀ PHONG CÁCH VĂN HỌC

II. Hình thức dạy học : DH trên lớp.

III. Chuẩn bị của giáo viên và học sinh

1. Giáo viên:

- Phương tiện, thiết bị:

+ SGK, SGV, Tư liệu Ngữ Văn 11, thiết kế bài học.

+ Máy tính, máy chiếu, loa...

- PPDH: Phát vấn, thuyết trình, nêu vấn đề, thảo luận nhóm, trò chơi

2. Học sinh: Sách giáo khoa, bài soạn.

B. NỘI DUNG BÀI HỌC

QUÁ TRÌNH VĂN HỌC VÀ PHONG CÁCH VĂN HỌC

C. MỤC TIÊU BÀI HỌC

I. Kiến thức :

a/ Nhận biết: Một số khái niệm về quá trình VH, trào lưu VH, phong cách nghệ thuật.

b/ Thông hiểu: Hiểu nội dung cụ thể của quá trình VH, trào lưu VH, phong cách nghệ thuật.

c/Vận dụng thấp: Vận dụng hiểu biết về quá trình VH, trào lưu VH, phong cách nghệ thuật để đọc hiểu văn bản liên quan lí luận văn học

d/Vận dụng cao: Viết bài nghị luận về một ý kiến bàn về văn học (dạng bài lí luận văn học)

II. Kỹ năng :

a/ Biết làm: bài bài nghị luận về một ý kiến bàn về văn học

b/ Thông thạo: các bước bài nghị luận về một ý kiến bàn về văn học mang tính lí luận văn học.

III. Thái độ :

Ngữ văn 12

a/ Hình thành thói quen: đọc hiểu văn bản khoa học xã hội, trong đó cần nắm vững thuật ngữ văn học.

b/ Hình thành tính cách: tự tin khi trình bày một bài lí luận văn học

c/Hình thành nhân cách: có ý thức tìm hiểu về những vấn đề liên quan đến lí luận văn học.

IV. Những năng lực cụ thể học sinh cần phát triển:

-Năng lực thu thập thông tin liên quan đến văn bản

-Năng lực hợp tác để cùng thực hiện nhiệm vụ học tập

-Năng lực giải quyết những tình huống đặt ra trong văn bản thuộc lí luận văn học.

-Năng lực đọc - hiểu các văn bản khoa học xã hội.

-Năng lực sử dụng ngôn ngữ, trình bày suy nghĩ, cảm nhận của cá nhân về lí luận văn học.

D. TIẾN TRÌNH TỔ CHỨC BÀI HỌC

1. KHỞI ĐỘNG (5 phút)

<i>Hoạt động của Thầy và trò</i>	<i>Nội dung cần đạt</i>
<p>- B1: GV giao nhiệm vụ: GV hướng dẫn học sinh tìm hiểu bài bằng cách cho HS: ôn lại một số kiến thức văn 11, 12 liên quan đến bài học</p> <p>1. Tác phẩm nào được xếp vào trào lưu lãng mạn? a/ Chí Phèo (Nam Cao) b/ Vội vàng (Xuân Diệu) c/ Chữ người tử tù(Nguyễn Tuân) d/ Từ ấy (Tố Hữu)</p> <p>2. Tác phẩm nào sau đây thể hiện phong cách thơ có bút pháp cổ điển và tinh thần hiện đại? a/ Chân quê(Nguyễn Bính) b/ Vội vàng (Xuân Diệu) c/ Chiều tối(Hồ Chí Minh) d/ Từ ấy (Tố Hữu)</p> <p>- B2: HS thực hiện nhiệm vụ:</p> <p>- B3: HS báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ:</p> <p>- B4: GV nhận xét, giới thiệu Vào bài: Bài thơ Vội vàng của Xuân Diệu được xếp vào trào lưu văn học lãng mạn; bài thơ</p>	<p>Trả lời: 1b;2c</p>

2. HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

Hoạt động của GV - HS	Kiến thức cần đạt
1. GV hướng dẫn tìm hiểu quá trình văn học(45 phút).	
<p>- B1: GV chuyển giao nhiệm vụ</p> <p>1. Hướng dẫn HS tìm hiểu khái niệm quá trình văn học. (Trước khi yêu cầu Hs đưa ra khái niệm : Quá trình văn học, GV yêu cầu HS nhắc lại các khái niệm : văn học là gì ? và tiến trình phát triển của văn học có mối quan hệ như thế nào với các thời kỳ lịch sử, lấy ví dụ cụ thể về mối quan hệ giữa tiến trình phát triển văn học và các thời kỳ lịch sử, sau đó yêu cầu HS rút ra khái niệm: Quá trình văn học).</p> <p>- Quá trình văn học luôn tuân theo những quy luật chung nào?</p> <p>- B2: HS thực hiện nhiệm vụ: Đọc sgk và tái hiện kiến thức, trả lời</p> <p>- B3: HS báo cáo kết quả</p> <p><i>* HS trả lời cá nhân</i></p> <p>- Quá trình văn học luôn tuân theo những quy luật chung.</p> <p>+ Thứ nhất : văn học gắn bó với đời sống, thời đại nào văn hoá ấy, những chuyển biến của lịch sử xã hội thường kéo theo những biến động trong lịch sử phát triển của văn học.</p> <p>+ Thứ hai : Văn học phát triển trong sự kế thừa và cách tân : văn học dân gian là cội nguồn của văn học viết, người sau kế thừa giá trị văn học của người trước và tạo nên giá trị mới.</p> <p>+ Thứ ba : Văn học một dân tộc tồn tại vận động trong sự bảo lưu và tiếp biến. Là một dòng chảy của văn học thế giới.</p> <p>- B4: GV nhận xét, chốt kiến thức, chuyển giao nhiệm vụ mới</p>	<p>I. Quá trình văn học</p> <p>1. Khái niệm quá trình văn học</p> <p>- Văn học là một ngoại hình nghệ thuật, một hình thái ý thức xã hội đặc thù luôn vận động biến chuyển.</p> <p>- Tiến trình phát triển văn học như một hệ thống chỉnh thể với sự hình thành, tồn tại, thay đổi có mối quan hệ khăng khít, chặt chẽ, hữu cơ với thời kỳ lịch sử.</p> <p>- Quá trình văn học là diễn biến hình thành tồn tại, phát triển, thay đổi của văn học qua các thời kỳ lịch sử.</p> <p>- Quá trình văn học luôn tuân theo những quy luật chung.</p> <p>+Văn học gắn bó với đời sống.</p> <p>+Kế thừa và cách tân.</p> <p>+Bảo lưu và tiếp biến.</p>
2. Trào lưu văn	

<p>và tái hiện kiến thức, trả lời</p> <p>- B3: HS báo cáo kết quả</p> <p>* HS trả lời cá nhân</p> <p>-Hoạt động nổi bật của quá trình văn học.</p> <p>-Hiện tượng văn học có tính chất lịch sử ra đời và mất đi trong một khoảng thời gian nhất định.</p> <p>-Một phong trào sáng tác văn học, tập hợp những tác giả, tác phẩm gần gũi nhau về cảm hứng, đề tài, chủ đề, nguyên tắc và phương pháp sáng tác, tạo thành một dòng rộng lớn trong đời sống văn học của một dân tộc, một thời đại.</p> <p>Ví dụ: văn học Phục hưng, văn học Ánh sáng, chủ nghĩa cổ điển, chủ nghĩa lãng mạn...</p> <p>- B4: GV nhận xét, chốt kiến thức, chuyển giao nhiệm vụ mới</p> <p>- B1: GV chuyển giao nhiệm vụ</p> <p>Thảo luận nhóm</p> <p>* Nhóm</p> <p>1:</p> <p>-VH thời phục hưng</p> <p>- Chủ nghĩa cổ điển</p> <p>* Nhóm 2 : Chủ nghĩa lãng mạn.</p> <p>* Nhóm 3</p> <p>:</p> <p>- Chủ nghĩa hiện thực phê phán</p> <p>- Chủ nghĩa hiện thực XHCN</p> <p>* Nhóm</p> <p>4 :</p> <p>- Chủ nghĩa siêu thực</p> <p>- Chủ nghĩa hiện thực huyền ảo</p> <p>(Yêu cầu HS xác định đặc trưng cơ bản của văn học phục hưng chủ nghĩa cổ</p>	<p>điển, lãng mạn, hiện thực phê phán, chủ nghĩa hiện thực XHCN - những tác giả và tác phẩm tiêu biểu của mỗi trào lưu, khuynh hướng)</p> <p>- GV có thể nói thêm một số trào lưu văn học nổi bật trên thế giới như : Chủ nghĩa siêu thực, chủ nghĩa hiện thực huyền ảo,...</p>
---	---

Ngữ văn 12

là các trào lưu văn học

- Trào lưu văn học là một hiện tượng có tính chất lịch sử, ra đời và mất đi trong một khoảng thời gian nhất định. Đó là một phong trào sáng tác tập hợp những tác giả, tác phẩm gần gũi nhau về cảm hứng, tư tưởng tạo thành một dòng rộng lớn có bề thế trong đời sống văn học của một dân tộc.

- Chủ nghĩa hiện thực XHCN

:

+ Thời điểm ra đời

:

+ Đặc trưng :

- Văn học thời phục hưng

:

+ Xuất phát

:

+ Đặc trưng

- Chủ nghĩa lãng mạn

:

+ Hình thành

:

+ Đặc trưng:

- Chủ nghĩa hiện thực phê phán

+ Thời điểm ra đời

:

+ Đặc trưng

:

<p>- B2: HS thực hiện nhiệm vụ: Đọc sgk và tái hiện kiến thức, trả lời</p> <p>- B3: HS báo cáo kết quả</p> <p><i>* HS đại diện nhóm trả lời, nhóm còn lại góp ý bổ sung</i></p> <p>* Nhóm</p> <p>1:</p> <p>Văn học thời phục hưng :</p> <p>+ Xuất phát : Châu Âu thế kỷ XV,XVI</p> <p>+ Đặc trưng : coi văn hoá cổ đại là hình mẫu lý tưởng, luôn đề cao lý trí, sáng tác theo quy luật chặt chẽ</p> <p>* Nhóm 2</p> <p>:</p> <p>Chủ nghĩa lãng mạn</p> <p>:</p> <p>+ Hình thành : ở các nước Tây Âu sau cách mạng 1789.</p> <p>+ Đặc trưng : đề cao những nguyên tắc chủ quan, lấy đề tài trong thế giới tưởng tượng của nhà văn.</p> <p>* Nhóm 3</p> <p>:</p> <p>-Chủ nghĩa hiện thực phê phán</p> <p>+ Thời điểm ra đời : Thế kỷ XIX</p> <p>+ Đặc trưng : Thiên về những nguyên tắc khách quan, đề tài lấy từ cuộc sống hiện thực.</p> <p>- Chủ nghĩa hiện thực XHCN</p> <p>:</p> <p>+ Thời điểm ra đời : Thế kỷ XX.</p> <p>+ Đặc trưng : miêu tả cuộc sống trong quá trình phát triển cách mạng, đề cao vai trò lịch sử của nhân dân.</p> <p>* Nhóm 4 :</p> <p>- Chủ nghĩa siêu thực: thế giới trên hiện</p>	<p>sĩ.</p> <p>- Chủ nghĩa hiện thực huyền ảo : coi thực tại bao gồm cả đời sống tâm linh, niềm tin tôn giáo, các huyền thoại, truyền thuyết .</p> <p>- HS nói tóm tắt về các trào lưu văn học ở Việt Nam, ở mỗi trào lưu kể ra các tác giả tiêu biểu.</p> <p>(ở Việt Nam, trào lưu đầu tiên xuất hiện khoảng từ những năm 30 của thế kỷ XX.</p> <p>+ Trào lưu lãng mạn</p>
---	---

thực mới là mảnh đất sáng tạo của nghệ

- Chủ nghĩa siêu thực:
- Chủ nghĩa hiện thực huyền ảo :
- ở Việt Nam, trào lưu đầu tiên xuất hiện khoảng từ những năm 30 của thế kỷ XX.
- + Trào lưu lãng mạn
- + Trào lưu hiện thực phê phán
- + Trào lưu văn học hiện thực XHCN

<p>+ Trào lưu hiện thực phê phán + Trào lưu văn học hiện thực XHCN) B4: GV nhận xét, chốt kiến thức, chuyển giao nhiệm vụ mới</p>	<p>HẾT TIẾT I</p>
<p>2. GV hướng dẫn tìm hiểu phong cách văn học (35 PHÚT)</p>	
<p>* Thao tác 1 : GV hướng dẫn HS tìm hiểu về khái niệm phong cách văn học. - B1: GV chuyển giao nhiệm vụ Chúng ta vẫn thường nói phong cách Nguyễn Trãi, Nguyễn Du, Nguyễn Đình Chiểu, Nguyễn Khuyến, Hồ Chí Minh, phong cách Tố Hữu, Nguyễn Tuân; phong cách Lí Bạch, Đỗ Phủ, Puskin, Sêxpia...Vậy, phong cách nghệ thuật của một nhà văn là gì? Có phải đã là nhà văn là có phong cách nghệ thuật? - B2: HS thực hiện nhiệm vụ - B3: HS báo cáo kết quả * HS trả lời cá nhân Phong cách nghệ thuật bắt nguồn từ : -Nảy sinh do chính những nhu cầu của cuộc sống: luôn đòi hỏi những nhân tố mới mẻ, không lặp lại. - Do nhu cầu sáng tạo nghệ thuật, nhu cầu khẳng định bản lĩnh, nhu cầu tìm tòi cái mới của nhà văn. - Tìm hiểu lí do nào khiến cho phong cách văn học xuất hiện nảy sinh ? - Nêu mối quan hệ của phong cách văn học và quá trình văn học? Lấy ví dụ cụ thể. - B4: GV nhận xét, chốt kiến thức</p>	<p>II. Phong cách văn học 1. Khái niệm phong cách văn học - Phong cách văn học là sự độc đáo, riêng biệt của các nghệ sĩ biểu hiện trong các tác phẩm của họ. - Phong cách văn học nảy sinh do chính những nhu cầu của cuộc sống, vì cuộc sống luôn đòi hỏi sự xuất hiện những cái mới, những cái không lặp lại bao giờ, nảy sinh do nhu cầu của quá trình sáng tạo văn học. - Quá trình văn học được đánh dấu bằng những nhà văn kiệt xuất với phong cách độc đáo của họ. - Phong cách in đậm dấu ấn dân tộc và thời đại. 2. Những biểu hiện của phong cách văn học. - Biểu hiện ở cách nhìn, cách cảm thụ có</p>

<p>Nêu biểu hiện của phong cách văn học (GV yêu cầu HS khi nêu mỗi biểu hiện cần lấy ví dụ cụ thể)</p> <p>Ví dụ: giọng thơ triết lí của Chế lan Viên trong <i>Tiếng hát con tàu</i>.</p> <p>Ví dụ: Ngô Tất Tố và Nam Cao, Vũ Trọng Phụng và Nguyên Hồng, Vũ Bằng và Thạch Lam, Nguyễn Tuân và Băng Sơn trong cách lựa chọn các đề tài chung: nông dân, thành thị, ẩm thực...</p> <p>Ví dụ: so sánh câu văn của Nguyễn Công Hoan, Nguyễn Tuân, Kim Lân, Nguyễn Khải, Nguyễn Huy Thiệp, thể thơ và câu thơ: Tố Hữu, Chế Lan Viên, Huy Cận, Xuân Diệu, Hàn Mặc Tử, Nguyễn Bính, Nguyễn Đình Thi, Nguyễn Duy...</p> <p>- Ví dụ: Nguyễn Tuân từ Chữ người tử tù đến Người lái đò sông Đà. Tố Hữu từ Từ ấy, Việt Bắc qua Gió lộng, Ra trận, Máu và hoa đến Một tiếng đờn, ...</p> <p>- B2: HS thực hiện nhiệm vụ</p> <p>- B3: HS báo cáo kết quả</p> <p>* HS trả lời cá nhân</p> <p>Đặc điểm chủ yếu của phong cách nghệ thuật:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Cách nhìn, cách cảm thụ mang tính khám phá, giọng điệu riêng: là biểu hiện đầu tiên, quan trọng nhất. - Sự sáng tạo các yếu tố' thuộc nội dung tác phẩm: chọn đề tài, chủ đề, xây dựng nhân vật, cốt truyện, tứ thơ, cốt kịch,... - Hệ thống các phương thức biểu hiện, các thủ pháp kĩ thuật mang dấu ấn riêng. - Thống nhất trong bản chất cốt lõi nhưng triển khai lại đa dạng, đổi mới. 	<p>biệt của tác giả.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Biểu hiện ở hệ thống hình tượng. - Thể hiện ở các phương diện nghệ thuật
---	--

Ngữ văn 12

- Có tính thẩm mỹ cao, giàu tính nghệ thuật .

- **B4: GV nhận xét, chốt kiến thức**

3. LUYỆN TẬP

Hoạt động của GV - HS	Kiến thức cần đạt
<p>- B1:GV giao nhiệm vụ:</p> <p>Câu hỏi 1: <i>Khái niệm quá trình văn học được hiểu như thế nào là đúng nhất?</i></p> <p>a. Là diễn tiến hình thành, tồn tại, thay đổi của văn học qua một thời kì lịch sử.</p> <p>b. Là diễn tiến phát triển của văn học qua các thời kì lịch sử.</p> <p>c. Là diễn tiến hình thành, tồn tại, thay đổi, phát triển của văn học qua các thời kì lịch sử.</p> <p>d. Là diễn tiến hình thành, tồn tại, thay đổi, phát triển của văn học một thời kì lịch sử.</p> <p>Câu hỏi 2: <i>Quá trình văn học là để chỉ phương diện nào sau đây?</i></p> <p>a. Gồm tất cả các tác phẩm văn học.</p> <p>b. Gồm tất cả các hình thức tồn tại của văn học từ truyền miệng, đến chép tay, in ấn.</p> <p>c. Gồm tất cả các thành tố của đời sống văn học.</p> <p>d. Cả A, B và C.</p> <p>Câu hỏi 3: <i>Quá trình văn học tuân theo quy luật nào sau đây?</i></p> <p>a. Văn học gắn bó với đời sống, thời đại nào văn học ấy.</p> <p>b. Văn học phát triển trong sự kế thừa và cách tân.</p> <p>c. Văn học tồn tại, vận động trong sự bảo lưu và tiếp biến: giữ gìn, phát huy tinh hoa của truyền thống và tiếp thu cải biến cho phù hợp những tinh hoa của văn học thế giới.</p> <p>d. Cả A, B và C.</p> <p>Câu hỏi 4: <i>Ý nào sau đây chưa nói đúng về trào lưu văn học?</i></p> <p>a. Đó là một phong trào sáng tác tập hợp những tác giả, tác phẩm gần gũi nhau về cảm hứng, tư tưởng, nguyên tắc miêu tả hiện thực, tạo thành một dòng rộng lớn trong đời sống văn học của một dân tộc.</p> <p>b. Một trào lưu văn học có thể có nhiều khuynh</p>	<p>ĐÁP ÁN</p> <p>[1]='c'</p> <p>[2]='d'</p> <p>[3]='d'</p> <p>[4]='c'</p> <p>[5]='b'</p>

<p>c. Cũng có khi trào lưu văn học lại là sự tập hợp các tác phẩm, tác giả hoàn toàn đối lập nhau về mọi mặt.</p> <p>d. Cũng có khi nền văn học của một dân tộc không có trào lưu văn học mà chỉ có các khuynh hướng,</p> <p>trường phái văn học khác nhau.</p> <p>Câu hỏi 5: Kiệt tác “Đôn Ki-hô-tê” của Xéc-van- tec là thuộc trào lưu văn học nào sau đây?</p> <p>a. Chủ nghĩa cổ điển.</p> <p>b. Văn học thời Phục hưng.</p> <p>c. Chủ nghĩa hiện thực.</p> <p>d. Chủ nghĩa lãng mạn</p> <p>- B2: HS thực hiện nhiệm vụ:</p> <p>- B3: HS báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ:</p> <p>- B4: GV nhận xét, chốt kiến thức</p>	
--	--

4. VẬN DỤNG

Hoạt động của GV - HS	Kiến thức cần đạt
<p>- B1:GV giao nhiệm vụ:</p> <p>Trình bày phong cách sáng tác của Hồ Chí Minh, Tố Hữu?</p> <p>- B2: HS thực hiện nhiệm vụ:</p> <p>-B3: HS báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ:</p> <p>- B4: GV nhận xét, chốt kiến thức</p>	<p>+ Dựa vào bài Tác giả HCM-Tố Hữu để nêu phong cách</p>

TÌM TÒI, MỞ RỘNG.

Hoạt động của GV - HS	Kiến thức cần đạt
<p>- B1:GV giao nhiệm vụ:</p> <p>Giải thích ý kiến sau của Sê-khốp: “Nếu tác giả không có lối đi riêng thì người đó không bao giờ là nhà văn cả...Nếu anh không có giọng riêng, anh ta khó trở thành nhà văn thực thụ”.</p>	<p>- Lối đi riêng: Hướng khai thác, phản ánh đời sống in đậm dấu ấn cá nhân của mỗi một tác giả. Có thể là nét riêng trong phạm vi đề tài, chủ đề, cách tiếp cận, cái nhìn riêng biệt.....</p> <p>- Giọng điệu riêng: Giọng điệu là một yếu tố quan trọng trong việc xác định phong cách của một tác giả. Một nhà văn muốn có phong cách riêng nhất thiết phải có một “giọng điệu” riêng. Theo “Từ điển thuật</p>

<p>- B2: HS thực hiện nhiệm vụ:</p> <p>- B3: HS báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ:</p> <p>- B4: GV nhận xét, chốt kiến thức</p>	<p><i>ngữ văn học” thì “Giọng điệu phản ánh lập trường xã hội, thái độ tình cảm và thị hiếu thẩm mỹ của tác giả, có vai trò rất lớn tạo nên phong cách nhà văn và tác dụng truyền cảm cho người đọc.”</i></p> <p>- Ý kiến của Sê-khốp thực chất bàn về phong cách nghệ thuật với các cấp độ khác nhau. Để trở thành một nhà văn, người cầm bút cần tìm ra cho mình một hướng tiếp cận, khai thác, phản ánh đời sống một cách độc đáo, còn để trở thành một nhà văn tài năng, người cầm bút cần tạo ra cho mình một giọng điệu riêng không lẫn với bất cứ nhà văn nào khác.</p>
--	--

.....

.....

.....

.....

Tuần

Ngày soạn:.....

Tiết 45

Ngày kí:.....

TRẢ BÀI VIẾT SỐ 3

A. VẤN ĐỀ CẦN GIẢI QUYẾT

I. Tên bài học : TRẢ BÀI VIẾT SỐ 3

II. Hình thức dạy học : DH trên lớp.

III. Chuẩn bị của giáo viên và học sinh

1. Giáo viên:

Bài kiểm tra của học sinh

2. Học sinh: Sách giáo khoa, bài soạn.

B. NỘI DUNG BÀI HỌC

TRẢ BÀI VIẾT SỐ 3

C. MỤC TIÊU BÀI HỌC

I. Kiến thức: củng cố những kiến thức và kỹ năng làm văn có liên quan đến bài làm

II. Kỹ năng: Nhận ra được những ưu điểm và thiếu sót trong bài làm của mình về các mặt kiến thức và kỹ năng viết bài văn nói chung.

III. Thái độ: Có định hướng và quyết tâm phấn đấu để phát huy ưu điểm, khắc phục các thiếu sót trong bài văn sau.

IV. Định hướng góp phần hình thành năng lực

Ngữ văn 12

Phát huy năng lực tự học và tự chủ, năng lực giao tiếp và hợp tác, năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo, năng lực ngôn ngữ, năng lực tìm hiểu tự nhiên và xã hội, năng lực thưởng thức văn học và cảm thụ thẩm mỹ...

D. TIỀN TRÌNH BÀI GIẢNG:

<i>Hoạt động của thầy và trò</i>	<i>Kiến thức cơ bản</i>
<p>* GV Hướng dẫn học sinh phân tích đề.</p> <ul style="list-style-type: none"> - B1: GV chuyển giao nhiệm vụ - <i>Khi phân tích một đề bài, ta cần phân tích những gì?</i> - <i>Bài viết cần theo thể loại nào, sử dụng những thao tác lập luận nào?</i> - <i>Dẫn chứng ta có thể lấy từ đâu?</i> - B2: HS thực hiện nhiệm vụ - B3: HS báo cáo kết quả - B4: GV nhận xét, chốt kiến thức 	<p>Đề bài:</p> <p style="text-align: center;"> <i>Ta về mình có nhớ ta</i> <i>Ta về ta nhớ những hoa cùng người</i> <i>Rừng xanh hoa chuối đỏ tươi</i> <i>Đèo cao nắng ánh dao gài thắt lưng</i> <i>Ngày xuân mơ nở trắng rừng</i> <i>Nhớ người đan nón chuốt từng sợi giang</i> <i>Ve kêu rừng phách đổ vàng</i> <i>Nhớ cô em gái hái măng một mình</i> <i>Rừng thu trăng dọi hòa bình</i> <i>Nhớ ai tiếng hát ân tình thủy chung.</i> </p> <p>Có ý kiến cho rằng bài thơ VB là khúc tình ca về thiên nhiên và con người trong kháng chiến. Hãy phân tích đoạn thơ trên để làm sáng tỏ nhận định này.</p> <p>I. Phân tích đề:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nội dung vấn đề: Phân tích đoạn thơ để chứng minh VB là khúc tình ca về thiên nhiên và con người trong kháng chiến - Thể loại và thao tác nghị luận: nghị luận về ý kiến bàn về văn học <p>giải thích, phân tích, chứng minh, bình luận, bác bỏ...</p>
<p>* GV Hướng dẫn học sinh lập dàn ý.</p> <ul style="list-style-type: none"> - B1: GV chuyển giao nhiệm vụ - <i>Mở bài ta có thể giới thiệu những ý nào?</i> - <i>Thân bài triển khai ra sao?</i> - <i>Phần kết bài ta có thể trình bày những ý nào?</i> - B2: HS thực hiện nhiệm vụ 	<p>II. Xây dựng dàn ý:</p>

<p>- B3: HS báo cáo kết quả - B4: GV nhận xét, chốt kiến thức</p>	
<p>* Giáo viên nhận xét về bài văn của học sinh. - B1: GV chuyển giao nhiệm vụ - <i>Từ những yêu cầu của đề bài, các em hãy cho biết các em đã làm được những gì và những gì chưa làm được trong bài làm của mình?</i> - B2: HS thực hiện nhiệm vụ - B3: HS báo cáo kết quả - B4: GV nhận xét, chốt kiến thức</p>	<p>III. Nhận xét chung: <i>1. Ưu điểm:</i> - Về kĩ năng: một số biết vận dụng kiểu văn nghị luận - Về kiến thức: xác định được các luận điểm cần thiết cho bài văn - Bố cục: rõ ràng, đủ 3 phần - Về diễn đạt: tương đối rõ ràng, biết vận dụng các phương tiện để liên kết câu và đoạn. <i>2. Nhược điểm:</i> - Đa số chưa xác định được các luận điểm cần thiết. - Bài viết thiếu dẫn chứng - Còn sai nhiều lỗi chính tả, trình bày bản</p>
<p>* GV Hướng dẫn học sinh chữa những lỗi tiêu biểu trong bài viết. - B1: GV chuyển giao nhiệm vụ - Nêu các lỗi mà học sinh thường gặp trong bài văn của mình. Yêu cầu HS sửa lại - B2: HS thực hiện nhiệm vụ - B3: HS báo cáo kết quả - B4: GV nhận xét, chốt kiến thức - B1: : GV chuyển giao nhiệm vụ GV chọn hai bài viết tốt nhất và kém nhất để đọc cho cả lớp nghe - B2: HS lắng nghe, rút kinh nghiệm - B1: GV trả bài viết cho HS xem - B2: HS xem lại bài viết và rút</p>	<p>IV. Sửa lỗi bài viết: * Các lỗi thường gặp cần tránh: - Thiếu ý, thiếu trọng tâm, ý không rõ, sắp xếp ý không hợp lí. - Sự kết hợp các thao tác lập luận chưa hài hoà, chưa phù hợp với từng ý. - Kĩ năng phân tích, cảm thụ còn kém. - Diễn đạt chưa tốt, còn dùng từ, viết câu sai, diễn đạt tối nghĩa, trùng lặp * Một số lỗi phổ biến: - V. Đọc bài viết VI. Trả bài viết</p>

Tiết 46-47

Tuần: 16

Người lái đò sông Đà

Trích)

- Nguyễn Tuân -

Ngày soạn:

Ngày thực

hiện:

A. VẤN ĐỀ CẦN GIẢI QUYẾT

I. Tên bài học : Người lái đò sông Đà

II. Hình thức dạy học : DH trên lớp.

III. Chuẩn bị của giáo viên và học sinh

1. Giáo viên:

- Phương tiện, thiết bị:

+ SGK, SGV, Tư liệu Ngữ Văn 11, thiết kế bài học.

+ Máy tính, máy chiếu, loa...

- PPDH: Phát vấn, thuyết trình, nêu vấn đề, thảo luận nhóm, trò chơi

2. Học sinh: Sách giáo khoa, bài soạn.

B. NỘI DUNG BÀI HỌC

Những đặc sắc về nội dung và nghệ thuật của đoạn trích tác phẩm kí *Người lái đò Sông Đà* - Nguyễn Tuân,

Một số đặc điểm và sự đóng góp của thể loại kí Việt Nam từ sau Cách mạng tháng Tám 1945 đến hết thế kỉ XX.

C. MỤC TIÊU BÀI HỌC

1. Kiến thức :

a/ Nhận biết: HS nhận biết, nhớ được tên tác giả và hoàn cảnh ra đời của các tác phẩm.

b/ Thông hiểu: HS hiểu và lí giải được hoàn cảnh sáng tác có tác động và chi phối như thế nào tới nội dung tư tưởng của tác phẩm.

c/Vận dụng thấp: Khái quát được đặc điểm phong cách tác giả từ tác phẩm.

d/Vận dụng cao:

- Vận dụng hiểu biết về tác giả, hoàn cảnh ra đời của tác phẩm để phân tích giá trị nội dung, nghệ thuật của tác phẩm kí.

2. Kỹ năng :

Ngữ văn 12

a/ Biết làm: bài nghị luận về một đoạn trích văn xuôi, về 1 ý kiến bàn về văn học;

Ngữ văn 12

b/ Thông thạo: các bước làm bài nghị luận

3. Thái độ :

a/ Hình thành thói quen: đọc hiểu văn bản tùy bút

b/ Hình thành tính cách: tự tin , sáng tạo khi tìm hiểu văn bản tùy

bút c/Hình thành nhân cách:

-Biết nhận thức được ý nghĩa của kí hiện đại Việt Nam trong lịch sử văn học dân tộc

-Biết trân quý những giá trị văn hóa truyền thống mà kí hiện đại đem lại

-Có ý thức tìm tòi về thể loại, từ ngữ, hình ảnh trong kí hiện đại Việt Nam .

4. Những năng lực cụ thể học sinh cần phát triển:

- Năng lực thu thập thông tin liên quan đến kí hiện đại Việt Nam.

- Năng lực đọc – hiểu các tác phẩm kí hiện đại Việt Nam.

- Năng lực trình bày suy nghĩ, cảm nhận của cá nhân về kí văn học.

- Năng lực hợp tác khi trao đổi, thảo luận về thành tựu, hạn chế, những đặc điểm cơ bản, giá trị của những tác phẩm kí văn học .

- Năng lực phân tích, so sánh đặc điểm của các thể loại tùy bút-bút kí-hồi kí

- Năng lực tạo lập văn bản nghị luận.

D. TIẾN TRÌNH TỔ CHỨC BÀI HỌC

1. KHỞI ĐỘNG (5 phút)

<i>Hoạt động của Thầy và trò</i>	<i>Chuẩn kiến thức kĩ năng cần đạt, năng lực cần phát triển</i>
<ul style="list-style-type: none"> - GV giao nhiệm vụ: GV hướng dẫn học sinh tìm hiểu về HCM bằng cách cho HS: <ul style="list-style-type: none"> - Xem chân dung Nguyễn Tuân - Xem một đoạn videoclip về Sông Đà - HS thực hiện nhiệm vụ: - HS báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ: <p>Từ đó, giáo viên giới thiệu <i>Vào bài: Có một nhà văn từng quan niệm:</i></p>	<ul style="list-style-type: none"> - Nhận thức được nhiệm vụ cần giải quyết của bài học. - Tập trung cao và hợp tác tốt để giải quyết nhiệm vụ. - Có thái độ tích cực, hứng thú.

2. HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

Hoạt động của GV - HS	Kiến thức cần đạt
<p>* Thao tác 1 : Hướng dẫn HS tìm hiểu chung về tác giả và tác phẩm</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV tổ chức cho HS nhớ lại và trình bày những nét cơ bản về tác giả NT (đã được học ở CTNV 11) - Gọi 1 HS đọc phần TD. 	<p>I/ Tìm hiểu chung:</p> <p>1. Tác giả NT: (Xem lại phần TD bài <i>Chữ người tử tù</i>, SGK Ngữ văn 11, tập I, tr 107).</p> <p>2. Tùy bút “Sông Đà”</p> <p>a. Hoàn cảnh sáng tác: ra đời năm 1960, gồm 15 tùy bút, là kết quả chuyến đi thực tế của tác giả năm 1958 ở vùng Tây Bắc.</p> <p>b. Xuất xứ: Bài tùy bút được in trong tập <i>Sông</i></p>

Ngữ văn 12

<p>- Cho biết thể loại và xuất xứ tác phẩm?</p> <p>- <i>Người lái đò sông Đà</i> được sáng tác trong hoàn cảnh nào?</p> <p>HS Tái hiện kiến thức và trình bày.</p> <p>- Nguyễn Tuân(1910-1987) là người trí thức, giàu lòng yêu nước và tinh thần dân tộc</p> <p>- Ông là nhà văn tài hoa và uyên bác</p> <p>-Nguyễn Tuân là người có cá tính mạnh mẽ và phóng khoáng. Với cá tính của mình, ông tìm đến thể tùy bút như một thể tất yếu.</p> <p>*GV Tích hợp kiến thức Địa lí, Lịch sử Việt Nam những năm 60 hướng dẫn học sinh tìm hiểu tên gọi Sông Đà và hoàn cảnh ra đời tùy bút của Nguyễn Tuân</p> <p>Tích hợp kiến thức địa lí:</p> <p>- Sông Đà (còn gọi là sông Bờ hay Đà Giang) là <u>phụ lưu</u> lớn nhất của <u>sông Hồng</u>. Sông bắt nguồn từ tỉnh <u>Vân Nam</u>, <u>Trung Quốc</u> chảy theo hướng tây bắc - đông nam để rồi nhập với sông Hồng ở Phú Thọ.</p> <p>Tích hợp kiến thức lịch sử:</p> <p>- Năm 1960 là thời kì miền Bắc xây dựng CNXH. Vì thế, nhà văn rất quan tâm đến người lao động</p> <p>*GV Tích hợp kiến thức Lí luận văn học hướng dẫn học sinh tìm hiểu đặc điểm thể loại tùy bút của Nguyễn Tuân</p> <p>- Tùy bút là gì?</p>	<p>Đà (1960).</p> <p>c. Thể loại Tùy bút:</p> <p>- Tùy bút thuộc thể kí</p> <p>-Thể hiện tính chủ quan, chất trữ tình rất đậm. Nhân vật chính là <i>cái tôi</i> của nhà văn;</p> <p>-Ngôn ngữ giàu hình ảnh và chất thơ.</p> <p>d. Nội dung:</p> <p>- Phong cảnh Tây Bắc vừa hung bạo hùng vĩ, vừa thơ mộng trữ tình.</p> <p>- Con người Tây Bắc dũng cảm, cần cù.</p>
<p>* Thao tác</p> <p>1:</p> <p>Hướng dẫn HS đọc - hiểu văn bản</p> <p>-Gv hướng dẫn HS cần đọc kĩ, vừa đọc vừa suy ngẫm và cảm nhận mạch văn, giọng điệu, ngôn ngữ cực kì biến hoá của Nguyễn Tuân</p> <p>- Sau khi đọc, GV gọi 1 vài HS phát biểu cảm nhận chung về các hình tượng nổi bật trong đoạn trích, về văn phong Nguyễn Tuân.</p>	<p>II/ Đọc - hiểu văn bản:</p> <p>A. Nội dung:</p> <p>1. Hình tượng con sông Đà:</p>

<p><i>học sinh tìm hiểu đặc điểm độc đáo của con sông Đà.</i> Hướng dẫn HS tìm hiểu hình tượng con sông Đà hung bạo: Gọi HS đọc các đoạn văn ở trang 186,187.</p> <p>Thao tác 2: Tổ chức cho HS thảo luận nhóm: Nhóm 1: Tìm những dẫn chứng tiêu biểu liên quan đến hình ảnh con sông Đà hung bạo?</p> <p>Nhóm 2: Trong thiên tùy bút, tác giả đã dùng những biện pháp nghệ thuật nào để khắc họa một cách ấn tượng hình ảnh con sông Đà hung bạo?</p> <p>*GV Tích hợp kiến thức âm nhạc, hội họa, quân sự, Tiếng Việt (biện pháp tu từ về từ), hướng dẫn học sinh tìm hiểu đặc điểm độc đáo trong tài năng nghệ thuật của tác giả qua một đoạn văn tiêu biểu: ...Còn xa lắm mới đến cái thác dưới. ...hòn nào cũng nhún nhúm méo mó hơn cả cái mặt nước chỗ này.</p> <p>Hướng dẫn HS tìm hiểu hình tượng con sông Đà trữ tình: Gọi 1 HS đọc các đoạn văn ở trang 190, 191. Nhóm 3: Cách viết của nhà văn đã thay đổi thế nào khi chuyển sang biểu hiện sông Đà như một dòng chảy trữ tình? Dẫn chứng minh họa? (Câu 3, SGK)</p> <p>*GV Tích hợp kiến thức thơ Đường(bài Hoàng hạc Lâu tổng Mạnh Hạo Nhiên của Lí Bạch đã học ở Văn 10) để hướng dẫn HS tìm hiểu về cái năng Đường thi của sông Đà; tích hợp kiến thức Lịch sử 10 để nói về đời Lí đời Trần đời Lê liên quan đến con sông</p> <p>*_GV chốt lại : Trong đoạn này, tác giả đã khéo dùng cái động để tả cái tĩnh và mỗi câu văn viết ra nghe có âm hưởng như thơ. Sự ví von ở đoạn này cũng có những nét đặc biệt. Tác giả ví một cái vốn đã trù tượng với một cái còn trù tượng hơn nữa (hoang đại - bờ tiền sử; hồn nhiên - nỗi niềm cổ tích tuổi xưa) khiến đoạn văn có sức hấp dẫn của một bài thơ siêu thực.</p>	<p>Tuân thể hiện tình cảm gì đối với thiên nhiên đất nước ?</p>
---	---

Nhóm 4: Qua hình tượng sông Đà, Nguyễn

a. Lai lịch con

sông:

- “Chung thủy giai Đông tẩu; Đà giang độc Bắc

lưu” (mọi con sông đều chảy theo hướng Đông, chỉ có sông Đà theo hướng Bắc)

- Thơ Ba Lan: Đẹp vậy thay tiếng hát dòng sông

- Ý nghĩa: Sông Đà như một nhân vật có diện mạo, có cá tính độc đáo.

b. Một con sông hung bạo, dữ

dẫn:

- *Quan sát công phu, tìm hiểu kĩ càng để khắc*

họa sự hung bạo trên nhiều dạng vẽ:

- + Trong phạm vi 1 lòng sông hẹp, như chiếc yết hầu bị đá bờ sông chẹt cứng.

- + Trong khung cảnh mênh mông hàng cây số của một thế giới đầy gió gùn ghè, đá giăng đến chân trời và sóng bọt tung trắng xóa đòi nợ xuyết(từ độc đáo)

- + Những cái hút nước xoáy tít lõi tuột mọi vật xuống đáy sâu.

- + Những tròng vi thạch trận sẵn sàng nuốt chết con thuyền và người lái.

- + Âm thanh luôn thay đổi: oán trách nỉ non



khiêu khích, chế nhạo  rống lên.

- *Vận dụng ngôn ngữ , kiến thức của các ngành,*

các bộ môn trong và ngoài nghệ thuật để làm nên hàng loạt so sánh liên tưởng, tưởng tượng kì lạ, bất ngờ.

- + Hình dung một cảnh tượng rất đồi hoang sơ bằng cách liên tưởng đến hình ảnh của chốn thị thành, có hệ phố, có khung cửa sổ trên “cái tầng nhà thứ mấy nào vừa tắt phụt đèn điện”.

- + Tả cái hút nước quăng Tà Mường

Vát:

- nước thở và kêu như cửa cống cái bị sặc.
- **ặc ặc** lên như vừa rót dầu sôi vào. (

âm thanh-âm nhạc độc đáo)

- + Lấy hình ảnh “ô tô sang số nhả ga” trên “quãng đường mượn cạp ra ngoài bờ vực” để ví von với cách chèo thuyền ...

- + Tưởng tượng về cú lia ngược của chiếc máy quay từ đáy cái hút nước  cảm thấy có một cái thành giếng xây toàn bằng nước sông xanh ve

một áng thủy tinh khối đúc dày. (ngôn ngữ điện ảnh)

- + Dùng lửa để tả nước.

Ngữ văn 12

<p>* 1-2 HS đọc, cả lớp theo dõi.</p> <p>HS phát biểu cảm nhận chung:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Con sông Đà hung bạo và trữ tình - Người lái đò tài trí, dũng cảm - Văn NT đa dạng, biến hoá... <p>HS phát biểu</p> <ul style="list-style-type: none"> - Giải thích câu thơ chữ Hán của Nguyễn Quang Bích (tích hợp TV) - Ngay trong câu thơ, ta đã nhận ra con sông Đà có dòng chảy khác-dòng chảy nghịch ngược-những con sông trên đất Việt(<i>thao tác so sánh</i>) <p>* HS thảo luận theo 4 nhóm; 2 nhóm thực hiện 1 câu hỏi gợi ý của GV.</p> <p>* Nhóm 1 trình bày kết quả thảo luận:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tả vách thành - Tả ghềnh Hát Loóng - Tả cái hút nước - Tả thác - Tả thạch thủy trận <p>Cụ thể : Cảnh đá dựng thành vách, những đoạn đá chẹt dòng sông như cái yết hầu; cảnh nước xô đá, đá xô sóng, sóng xô gió cuộn cuộn luồng gió gùn ghè; những hút nước sẵn sàng nhân chìm và đập tan chiếc thuyền nào lọt vào; những thạch trận, phòng tuyến sẵn sàng ẵm chết con thuyền và người lái đò;...</p> <p>* Nhóm 2 trình bày kết quả thảo luận:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tác giả vận dụng ngôn ngữ , kiến thức của các ngành, các bộ môn trong và ngoài nghệ thuật để làm nên hàng loạt so sánh liên tưởng, tưởng tượng kì lạ, bất ngờ. 	<p>minh:</p> <p>Trong đoạn văn <i>Còn xa lắm...</i>, Nguyễn Tuân sử dụng nhiều biện pháp tu từ về từ. Đó là :</p> <ul style="list-style-type: none"> - So sánh : <i>thác nghe như là oán trách gì, rồi lại như là van xin, rồi lại như là khiêu khích, giọng gằn mà chế nhạo..</i> - Nhân hoá: <i>oán trách , van xin, khiêu khích, giọng gằn mà chế nhạo.., rống lên , mai phục ,nhóm cả dậy ,ngổ ngược, hòn nào cũng nhún nhúm méo mó ...</i> <p>Tác dụng của hình thức nghệ thuật này là : gợi hình ảnh con sông Đà hùng vĩ, dữ dội. Không còn là con sông bình thường, Sông Đà như có linh hồn, đầy tâm địa, nham hiểm. Qua đó, ta thấy được phong cách nghệ thuật độc đáo</p>
--	--

-Chứng

Ngữ văn 12

- >Biểu tượng về sức mạnh dữ dội và vẻ đẹp hùng vĩ của thiên nhiên đất nước. *lạc vào một thế giới kì ảo.*
- >Bậc kì tài trong lĩnh vực sử dụng ngôn từ (sự phá cách mà ngoại trừ các tay bút thực sự tài hoa, không ai làm nổi)

c. Một con sông Đà trữ

tình:

- *Viết những câu văn mang dáng dấp mềm mại, yên ả, trải dài như chính dòng nước: con sông Đà tuôn dài như một áng tóc trữ tình,...*
- *Dùng công tạo ra một không khí mơ màng, khiến người đọc có cảm giác như được*

Ngữ văn 12

<p>của Nguyễn Tuân.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nguyễn Tuân đã sử dụng tổng hợp tri thức của nhiều ngành . Cụ thể : - âm nhạc : tả âm thanh tiếng thác : <i>nước réo gần mãi lại, réo to mãi lên...</i> - Hội hoạ : vẽ bộ mặt của Đà : <i>nhấn nhúm méo mó</i> - Quân sự: <i>mai phục</i> <p>Hiệu quả nghệ thuật của việc sử dụng đó là : thể hiện phong cách tài hoa, uyên bác của Nguyễn Tuân khi tả dòng sông Đà. Con sông được nhìn ở nhiều góc độ, trở nên sống động, mạnh mẽ, ấn tượng, thể hiện tình yêu thiên nhiên sâu đậm của nhà văn.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trong đoạn văn tả <i>thạch thủy trận</i> : + Ngôn ngữ bóng đá : đá xếp hàng <i>tiền vệ...</i> + Ngôn ngữ quân sự : đánh <i>vu hồi, đánh hồi lưng, pháo đài đá</i> <p>* Nhóm 3 trình bày kết quả thảo luận:</p> <p><i>-Tác giả viết những câu văn mang dáng dấp mềm mại, yên ả, trải dài</i></p> <ul style="list-style-type: none"> + Sông Đà nhìn từ trên cao + Sau chuyến đi dài ngày + Khi đi thuyền trên sông <p>Đà Cụ thể :</p> <ul style="list-style-type: none"> -Dòng chảy uốn lượn của con sông như mái tóc người thiếu nữ Tây Bắc diễm kiều (Câu văn "<i>Con Sông Đà tuôn dài tuôn dài như một áng tóc trữ tình, đầu tóc chân tóc ẩn hiện trong mây trời Tây Bắc bung nở hoa ban hoa gạo tháng hai và cuồn cuộn mù khói núi Mèo đốt nương xuân</i>" khá dài, chỉ có một dấu phẩy, đòi hỏi người đọc phải đọc một hơi. Bằng lối viết này, phải chăng tác giả muốn nói với người đọc rằng dù ông có nói đến cạn hơi cũng không hết những nỗi niềm cảm xúc mà con sông Đà đã gợi lên. ; nước sông Đà biến đổi theo mùa, mỗi mùa có một vẻ đẹp riêng; - Cảnh vật hai bên bờ sông Đà vừa hoang sơ nhuốm màu cổ tích, vừa trù phú, tràn trề nhựa sống <p>* Nhóm 4 trình bày kết quả thảo luận:</p> <ul style="list-style-type: none"> -Qua hình tượng sông Đà, Nguyễn Tuân thể hiện tình yêu mến thiết tha đối với thiên nhiên đất nước. với ông, thiên nhiên cũng là một tác phẩm nghệ thuật vô song của tạo hóa. -Cảm nhận và miêu tả sông Đà, Nguyễn Tuân 	<ul style="list-style-type: none"> + Con sông giống như một cô nhân lâu ngày gặp lại. + Nắng cũng “giòn tan” và cứ hoe hoe vàng mãi cái sắc Đường thi “yên hoa tam nguyệt” + Mũi thuyền lặng lẽ trôi trên dòng nước lững lờ như thương như nhớ. + Con hươu thơ ngộ trên áng cỏ sương như biết cất lên câu hỏi không lời. + Bờ sông hoang dại và hồn nhiên như một bờ tiền sử, phẳng phất nổi niềm cổ tích. ▲ Sự tài hoa đã đem lại cho áng văn những trang tuyệt bút. ▲ Tạo dựng nên cả một không gian trữ tình đủ sức khiến người đọc say đắm, ngất ngây.
---	---

Ngữ văn 12

<p>chứng tỏ sự tài hoa, uyên bác và lịch lãm. Hình tượng sông Đà làm phong nền cho sự xuất hiện và tôn vinh vẻ đẹp của người lao động</p>	
<p>Thao tác 1:</p> <p>* _____ Hướng dẫn HS tìm hiểu hình tượng người lái đò trong cuộc chiến đấu với con sông Đà hung bạo:</p> <p>* _____ Gọi HS đọc đoạn miêu tả 1 quãng thủy chiến ở mặt trận sông Đà.</p> <p>* _____ Tổ chức cho HS thảo luận câu 4 SGK: Phân tích hình tượng người lái đò trong cuộc chiến với con sông Đà hung bạo?</p> <p>GV bổ sung cho HS kiến thức liên quan để lai lịch và ngoại hình ông đò, tích hợp kiến thức Tiếng Việt (so sánh tu từ, từ láy, liệt kê, ...)</p> <p>+Bước vào cái tuổi 70, đầu tóc bạc trắng, thân hình ông lái đò vẫn đẹp như một pho tượng tạc bằng đá cẩm thạch. Nước da ánh lên chất sừng chất mun. Cánh tay rắn chắc trẻ tráng “Tay ông lêu nghêu như cái sào, chân ông lúc nào cũng khuỳnh khuỳnh như kẹp lấy một cuống lái tưởng tượng”</p> <p>+những dấu tích trên thân thể và mỗi dấu tích là một thành tích, một sự kiện lịch sử của cuộc đời ông lão đã thâm lặng lập lên. Trên ngực của ông nổi lên một số "củ nâu" thương tích trên "chiến trường Sông Đà" – một "thứ Huân chương lao động siêu hạng".</p> <p>GV tổ chức thảo luận nhóm</p> <p>Nhóm 1: Tìm những dẫn chứng tiêu biểu liên quan đến hình ảnh ông đò có vẻ đẹp là người giàu trải nghiệm?</p> <p>GV tích hợp kiến thức Tiếng Việt (so sánh tu từ, nhân hoá), ngôn ngữ quân sự (bình pháp, phục kích).</p> <p>GV chốt lại ý nghĩa: những dòng văn của</p>	<p>2. <u>Hình tượng người lái đò trong cuộc chiến</u> <u>đấu với con sông Đà hung</u> <u>g bạo:</u></p> <p>a/ Lai lịch và ngoại hình</p> <p>-Quê hương: <i>ngã tư sông sát tỉnh Lai Châu.</i> -Ngoại hình: <i>Tay ông lêu nghêu như cái sào, chân ông lúc nào cũng khuỳnh khuỳnh như kẹp lấy một cuống lái tưởng tượng.</i> → nghệ thuật so sánh, hệ thống từ láy gợi hình thể hiện tình cảm trân trọng của Nguyễn Tuân đối với người lao động. Chính nghề sông nước đã tạo ra vẻ đẹp ngoại hình như vậy.</p> <p>b/ Ông lái đò anh hùng</p> <p>- ông đò có vẻ đẹp là người giàu trải nghiệm</p>

<p>Nhóm 2: Tìm và phân tích dẫn chứng tiêu biểu diễn tả cuộc chiến giữa người và sông qua 3 vòng <i>trùng vi</i>?</p> <p>GV tích hợp kiến thức Tiếng Việt (so sánh tu từ, nhân hoá, tương phản, dùng hàng loạt động từ mạnh), ngôn ngữ thể thao (đô vật, đánh miếng đòn độc), quân sự(chiến thuật, trận địa).</p> <p>GV bình thêm: Cảnh vượt thác là bài ca chiến trận hào hùng. Nguyễn Tuân đã tung ra một đội quân ngôn ngữ thật hùng hậu, đa dạng, biến ảo thần kì với liên tục những phép tu từ vô cùng sinh động : so sánh ngầm , nhân hóa , cường điệu ... Câu chữ tuôn chảy ào ạt , điệp điệp trùng trùng tạo ra một bức tranh chiến trận hoành tráng về không gian, ấn tượng về hình ảnh hiểm nguy, gay cấn về tình huống... Kết hợp với phong cách sử dụng nhiều loại hình nghệ thuật, trong đoạn viết này Nguyễn Tuân đã cho thấy cách viết của ông như kịch bản phim và qua bàn tay đạo diễn, nó tạo ra sự sống động hồi hộp âu lo, thán phục...</p> <p>Nhóm 3: Tìm những dẫn chứng tiêu biểu liên quan đến hình ảnh ông đồ có vẻ đẹp của một tâm hồn nghệ sĩ?</p> <p>Nhóm 4: Hãy cắt nghĩa vì sao, trong con mắt của Nguyễn Tuân, thiên nhiên Tây Bắc quý như vàng nhưng con người Tây Bắc mới thật xứng đáng là <i>vàng mười</i> của đất nước ta?</p> <p>Hướng dẫn học sinh vận dụng phép so sánh <i>Người lái đò sông Đà</i> với <i>Chữ người tử tù</i> viết trước cách mạng ở phương diện khắc họa con người.</p> <p>GV tích hợp kiến thức làm văn (thao tác phân tích, bình luận, so sánh) để hướng dẫn HS phát hiện nét giống và khác nhau giữa nhân vật Huấn Cao và ông đồ.</p> <p>GV chốt lại: Anh hùng và nghệ sĩ là cái Đẹp ở ông đồ mà nhà văn đã tìm kiếm được, không cần phải đi tìm ở <i>một thời vang bóng</i> xa xôi (như nhân vật Huấn Cao) mà phát hiện cái đẹp ngay trong cuộc sống hiện tại, trong con người bình thường và trong cái nghề bình thường.</p>	<p>* 1 HS đọc, cả lớp theo dõi.</p>
--	-------------------------------------

Ngũ văn 12

- Ông đồ thông minh, dũng cảm
- + Tính chất cuộc chiến: không cân sức

* Sông

Đà:

* Con

người:

* Kết

quả:

- Nguyên nhân làm nên chiến thắng: sự ngoan cường, dũng cảm, tài trí, chí quyết tâm và nhất là kinh nghiệm đồ giang sông nước, lên thác xuống ghềnh.

*Nét độc đáo trong cách khắc
hoa: Tô đậm nét tài hoa nghệ sĩ.
Tạo tình huống đầy thử thách
để nhân vật bộc lộ phẩm chất.*

*Sử dụng ngôn ngữ miêu tả đầy cá tính, giàu
chất tạo hình.*

=> Khúc hùng ca ca ngợi con người, ca ngợi ý chí của con người, ca ngợi lao động vinh quang đã đưa con người tới thắng lợi trước sức mạnh tự

c/ Ông lái đò nghệ sĩ

- Ông đó là *tay lái ra hoa*

- Ông chọn lối sống bình dị

- Ông có đức tính khiêm tốn

☑ Đoạn viết về đêm hang đá tràn ngập chất trữ tình bên lửa cháy và có cả những câu chuyện đời

thường ở quá khứ ở phía trước nhưng tuyệt nhiên không có hồi ức về hiểm nguy mà tất cả đều lãng mạn ngọt ngào.

* Nhận

xét:

+ Thiên nhiên: **vàng**; con người lao động: **vàng mười** ☑ trong cảm xúc thâm mĩ của tác giả, con người đẹp hơn tất cả và quý giá hơn tất cả.

+ Con người được ví với khối vàng mười quý giá lại chỉ là những ông lái, nhà đò nghèo khổ, làm lụng âm thầm, giản dị, vô danh.

+ Những con người vô danh đó đã nhờ lao động, nhờ cuộc đấu tranh chinh phục thiên nhiên mà trở nên lớn lao, kì vĩ, hiện lên như đại diện của Con Người.

* Thảo luận theo nhóm nhỏ (2 HS) dựa trên sự gợi ý của GV và trình bày. Các nhóm khác bổ sung.

Đại diện nhóm 1 trả

lời:

-“trí nhớ ông được rèn luyện cao độ bằng cách

lấy mắt mà nhớ tỉ mỉ như đóng đanh vào lòng tất cả những luồng nước của tất cả những con thác hiểm trở. Sông Đà, đối với ông lái đò ấy, như một trường thiên anh hùng ca mà ông đã thuộc đến cả những cái chấm than chấm câu và những đoạn xuống dòng”.

- “ông lái đã nắm chắc được binh pháp của thần sông, thần đá. Ông đã thuộc qui luật phục kích của lũ đá”.

Đại diện nhóm 2 trả

lời:

+ Ở **trùng vi thứ nhất**, vừa vào trận, sóng nước,

đá sông hò la vang dậy, ủa vào bẻ gãy cán chèo vô khí, đá trái thúc vào bụng, vào hông thuyền. Nước như đô vật túm thắt lưng ông đò rồi đánh miếng đòn độc, đánh vào chỗ hiểm. Nhưng ông đò cố nén vết thương, hai chân vẫn kẹp chặt cuống lái, mặt méo bệch đi. Trên con thuyền sáu bơi chèo vẫn nghe rõ tiếng chỉ huy ngắn gọn và tinh táo của người cầm lái, ông đò thực là một chiến sĩ dũng cảm, rất bình tĩnh nén mọi đau đớn để chiến thắng kẻ thù.

+Sang **trùng vi thứ hai**, không một phút ngừng tay nghỉ mắt, ông đò thay đổi chiến thuật. Rất nham hiểm, xảo quyệt, **sông Đà tăng thêm cửa tử, bố trí cửa sinh lệch sang bên phải để đánh lừa ông lái. Như thú dữ, dòng thác hùm beo hồng hộc té mạnh. Bọn thủy quân xô ra định kéo thuyền vào tập đoàn cửa tử. Với khí thế cười đến cùng như cười hổ, nắm chặt bồm sóng, ông đò ghì cương bám chắc lấy luồng nước đúng, phóng nhanh vào cửa sinh mà lái miết một đường chéo.** Hành động của ông lão thành thạo, chính xác, dũng mãnh trong từng động tác, đúng là tay lái ra hoa, điêu luyện của người nghệ sĩ. Bằng trí dũng, nghị lực kiên cường, người lái đò đã đánh bại dòng thác hùm beo đang hồng hộc té mạnh.

+Trùng vi thứ ba ít cửa hơn, nhưng bên phải bên trái đều là cửa tử. Luồng sông ở ngay giữa bọn đá hậu vệ. **Như một lão tướng, dày dạn kinh nghiệm, dũng cảm, nhanh gọn, dứt khoát, ông đò bình tĩnh tiến vào trận địa, rồi**

Ngữ văn 12

thánh thần của dòng sông hùng dữ. Đó chính là những yếu tố làm nên chất vàng mười của nhân dân Tây Bắc và của những người lao động nói chung.

<p><i>bắt ngờ phóng thẳng, chọc thủng cửa giữa. Con thuyền như một mũi tên lao vút xuyên nhanh qua hơi nước, vừa xuyên vừa lái được, lượn được qua cổng đá cánh mở cánh khép. Thế là qua luồng chết, thế là hết cửa tử, ra đến cửa sinh,...</i> dòng sông vắn mình vào một bến cát có hang lạnh. Ông đồ uy nghi rạng rỡ trở về từ cõi chết. Ông đã chiến thắng thiên nhiên làm chủ cuộc đời. Cuối cùng thiên nhiên phải khuất phục dưới sự tài ba và lòng dũng cảm tuyệt vời của con người.</p> <p>Đại diện nhóm 3 trả lời:</p> <p>- <i>Đêm ấy nhà đồ đốt lửa trong hang đá, nướng ống cơm lam, và toàn bàn tán về cá anh vũ, cá dầm xanh ... Cũng chẳng thấy ai bàn thêm một lời nào về cuộc chiến thắng vừa qua</i> ". Ông đồ bộc lộ 2 phẩm chất của người nghệ sĩ: lối sống giản dị và đức tính khiêm tốn</p> <p>Đại diện nhóm 4 trả lời:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thiên nhiên: <i>vàng</i> vì sông Đà vừa có vẻ đẹp hùng vĩ, vừa có vẻ đẹp thơ mộng - Con người: <i>vàng mười</i> vì con người đẹp hơn tất cả, đẹp nhất từ trong lao động, trở thành anh hùng và nghệ sĩ. <p>HS trả lời:</p> <p>-Họ có nhiều nét khác nhau vì họ xuất hiện trong hai thời kỳ khác nhau của lịch sử đất nước. Song cả hai đều giống nhau ở chất nghệ sĩ, chất chiến sĩ về đẹp thẳng hoa của con người trong vị trí xã hội, trong công việc cụ thể khi làm người và một nét chung nữa, ông đồ cũng như ông Huân đều rạng ngời phong cách nghệ thuật Nguyễn Tuân: tài hoa, uyên bác đầy sáng tạo bắt ngờ trong dùng từ, viết câu và nồng ấm một tình yêu con người.</p> <p>-Hình ảnh ông lái đò cho thấy Nguyễn Tuân đã tìm được nhân vật mới: nhưng con người đáng trân trọng, ngợi ca, không thuộc tầng lớp đài các <i>vang bóng một thời</i> mà là những người lao động bình thường-chất <i>vàng mười của Tây Bắc</i>. Qua đây, nhà văn muốn phát biểu quan niệm: người anh hùng không chỉ có</p>	
Thao tác 1:	B. Nghệ thuật:

Ngữ văn 12

Hướng dẫn HS tổng kết bài

<p>học</p> <p>GV: Nêu thành công nghệ thuật và ý nghĩa văn bản của đoạn trích tùy bút? <i>Người lái đò sông Đà</i> ngợi ca điều gì? Qua tác phẩm, em có thể rút ra được điều gì về tác giả Nguyễn Tuân?</p> <p>* Tổng kết bài học theo những câu hỏi của GV</p>	<p>- Những ví von, so sánh, liên tưởng, tưởng tượng độc đáo, bất ngờ và rất thú vị.</p> <p>- Từ ngữ phong phú, sống động, giàu hình ảnh và có sức gợi cảm cao.</p> <p>- Câu văn đa dạng, nhiều tầng, giàu nhịp điệu, lúc thì hối hả, gân guốc, khi thì chậm rãi, trữ tình...</p> <p>C. Ý nghĩa văn bản:</p> <p>- Giới thiệu, khẳng định, ngợi ca vẻ đẹp của thiên nhiên và con người lao động ở miền Tây Bắc của Tổ quốc.</p> <p>- Thể hiện tình yêu mến, sự gắn bó thiết tha của Nguyễn Tuân đối với đất nước và con người Việt Nam.</p>
--	--

3. LUYỆN TẬP

Hoạt động của GV - HS	Kiến thức cần đạt
<p>GV giao nhiệm vụ:</p> <p>Câu hỏi 1: Thông tin nào về tập “Sông Đà” của <u>Nguyễn Tuân</u> là chưa chính xác?</p> <p>a. Tác phẩm được xuất bản vào năm 1960 và là kết quả của nhiều dịp Nguyễn Tuân đến với Tây Bắc trong kháng chiến chống Pháp và đặc biệt là chuyến đi thực 1958.</p> <p>b. Tác phẩm gồm 15 bài tùy bút và bài thơ ở dạng phác thảo.</p> <p>c. Tác phẩm chủ yếu hướng tới ngợi ca nhân dân Tây Bắc trong cuộc kháng chiến chống Pháp.</p> <p>d. Tác phẩm vừa mang yếu tố truyện, vừa thoải mái bàn bạc, nghị luận, triết luận..</p> <p>Câu hỏi 2: Dòng nào dưới đây chưa nói đúng đặc điểm ngôn ngữ nghệ thuật của tác phẩm <i>Sông Đà</i>?</p> <p>a. Ngôn ngữ đôi chỗ kiểu cách câu kì quá mức.</p> <p>b. Tinh tế, hiện đại, vừa trí tuệ lại vừa giàu cảm xúc thẩm mĩ.</p> <p>c. Vừa đậm màu sắc cổ điển, vừa rất giàu chất hội họa.</p> <p>d. Vừa đậm chất thơ, vừa giàu chất</p>	<p>ĐÁP ÁN</p> <p>[1]='c'</p> <p>[2]='c'</p> <p>[3]='b'</p> <p>[4]='b'</p> <p>[5]='d'</p>

Ngữ văn 12

tạo hình.

|

Ngữ văn 12

Câu hỏi 3: *Cảm hứng sáng tạo của tập tùy bút “Sông Đà” được khơi gợi chủ yếu từ hiện thực*

nào?
?

- a. Hiện thực cuộc kháng chiến hào hùng ở Tây Bắc.
- b. Thực tiễn xây dựng cuộc sống mới ở Tây Bắc.
- c. Hình ảnh con Sông Đà.
- d. Hình ảnh thiên nhiên Tây Bắc.

Câu hỏi 4: *Ý đồ nghệ thuật chủ yếu của Nguyễn Tuân qua tùy bút “Người lái đò Sông Đà”?*

- a. Tô đậm vẻ hung bạo dữ dội của thiên nhiên như một đe dọa nguy hiểm mà con người phải vượt qua.
- b. Thể hiện tình yêu thiên nhiên đất nước và sự tôn vinh người lao động.
- c. Thể hiện niềm cảm thông đối với người lao động bởi phải đối diện với thiên nhiên hung bạo.
- d. Khẳng định một tương lai tươi sáng của cuộc sống người lao động Tây Bắc.

Câu hỏi 5: *Trong tùy bút Người lái đò sông Đà, Nguyễn Tuân khẳng định tài nguyên quý nhất của Tây Bắc là gì?*

- a. Các mỏ quặng dưới lòng đất.
- b. Dòng nước Sông Đà.
- c. Các cánh rừng hai bên bờ sông.
- d. Con người bản địa và con người miền xuôi lên góp phần xây dựng Tây Bắc.

- HS thực hiện nhiệm vụ:
- HS báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ:

4. VẬN DỤNG

Hoạt động của GV - HS	Kiến thức cần đạt
GV giao nhiệm vụ: <i>(...) Con Sông Đà tuôn dài tuôn dài như một áng tóc trữ tình,</i>	1. Đoạn văn trên được viết theo phương thức miêu tả là chính. Tác dụng tạo nên hình ảnh một sông Đà với nhiều sắc vẻ độc đáo vào hai thời điểm là mùa xuân và mùa thu, giúp cho

Ngữ văn 12

<p><i>đầu tóc chân tóc ẩn hiện trong mây trời Tây Bắc bung nở hoa ban hoa gạo tháng hai và cuồn cuộn mù khói núi Mèo đốt nương xuân. Tôi đã nhìn say sưa làn mây mùa xuân bay trên Sông Đà, tôi đã xuyên qua đám mây mùa thu mà nhìn xuống dòng nước Sông Đà. Mùa xuân dòng xanh ngọc bích, chứ nước Sông Đà không xanh màu xanh canh hến của Sông Gâm, Sông Lô. Mùa thu nước Sông Đà lừ lừ chín đỏ như da mặt một người bầm đi vì rượu bữa, lừ lừ cái màu đỏ giận dữ ở một người bất mãn bực bội gì mỗi độ thu về (...)</i></p> <p>(Trích Tuỳ bút Sông Đà- Nguyễn Tuân)</p> <p>1. Đoạn văn trên được viết theo phương thức biểu đạt chính là gì? Phương thức đó có tác dụng gì trong việc thể hiện tư tưởng chủ đạo của đoạn trích ?</p> <p>2. Nêu nội dung chính của đoạn văn bản trên ?</p> <p>3. Câu văn <i>Con Sông Đà tuôn dài tuôn dài như một áng tóc trữ tình, đầu tóc chân tóc ẩn hiện trong mây trời Tây Bắc bung nở hoa ban hoa gạo tháng hai và cuồn cuộn mù khói núi Mèo đốt nương xuân</i> sử dụng biện pháp tu từ về từ như thế nào ? Việc phối thanh có gì đặc biệt ? Nêu hiệu quả nghệ thuật của phép tu từ và việc phối thanh đó ?</p> <p>4. Phân tích ngắn gọn ý nghĩa từ láy <i>lừ lừ</i> được sử dụng trong đoạn văn bản trên ?</p> <p>- HS thực hiện nhiệm vụ:</p> <p>- HS báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ:</p>	<p>tranh về dòng sông trở nên sống động và chân thật.</p> <p>2. Nội dung chính của đoạn văn bản trên: Miêu tả vẻ đẹp thơ mộng, trữ tình của sông Đà khi nhìn từ trên cao.</p> <p>3. Câu văn <i>Con Sông Đà tuôn dài tuôn dài như một áng tóc trữ tình, đầu tóc chân tóc ẩn hiện trong mây trời Tây Bắc bung nở hoa ban hoa gạo tháng hai và cuồn cuộn mù khói núi Mèo đốt nương xuân</i> :</p> <p>- Biện pháp tu từ so sánh : <i>Con Sông Đà tuôn dài tuôn dài như một áng tóc trữ tình</i></p> <p>- Phối thanh : đa số là thanh Bằng (B)</p> <p>Hiệu quả nghệ thuật: So sánh sông Đà với áng tóc trữ tình và phối thanh nhiều thanh bằng, Nguyễn Tuân đã gọi vẻ đẹp trữ tình, thơ mộng của dòng sông, tràn đầy sức sống của một thiếu nữ đang độ xuân thì, vừa kiều diễm, vừa hoang dại, man sơ. Qua đó, tác giả thể hiện cái nhìn yêu mến tha thiết về đẹp của thiên nhiên Việt Nam.</p> <p>4. Ý nghĩa từ láy được sử dụng trong đoạn văn bản : Từ láy <i>lừ lừ</i> mang sắc thái của một con người trầm mặc, tính cách tĩnh lặng, được nhà văn miêu tả như mặt một người đang bầm đi vì rượu bữa hay giận dữ, bực bội khi thu về. Cách dùng từ như vậy khiến dòng sông không chỉ là vật thể tĩnh lặng mà còn có sắc thái cảm xúc như con người.</p>
--	---

. 5, TÌM TÒI, MỞ RỘNG.

Hoạt động của GV - HS	Kiến thức cần đạt
<p>GV giao nhiệm vụ:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Vẽ bản đồ tư duy bài học + Qua hình tượng Huấn Cao và ông đồ, chỉ ra điểm thống nhất và đổi mới trong phong cách Nguyễn Tuân trước và sau CM tháng tám <p>-HS thực hiện nhiệm vụ:</p> <ul style="list-style-type: none"> - HS báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ: 	<ul style="list-style-type: none"> + Vẽ đúng bản đồ tư duy + Dựa vào tác phẩm, so sánh 2 nhân vật để phát hiện điểm giống và khác nhau trong phong cách.

+BẢN ĐỒ TƯ DUY:



TIẾT

48

CHỮA LỖI LẬP LUẬN TRONG VĂN NGHỊ LUẬN

Ngày soạn:

Ngày thực

hiện:

A. VẤN ĐỀ CẦN GIẢI QUYẾT

I. Tên bài học : Chữa lỗi lập luận trong văn nghị luận

II. Hình thức dạy học : DH trên lớp.

III. Chuẩn bị của giáo viên và học sinh

1. Giáo viên:

- Phương tiện, thiết bị:

+ SGK, SGV, Tư liệu Ngữ Văn 11, thiết kế bài học.

+ Máy tính, máy chiếu, loa...

- PPDH: Phát vấn, thuyết trình, nêu vấn đề, thảo luận nhóm, trò chơi

Ngữ văn 12

2. *Học sinh*: Sách giáo khoa, bài soạn.

B. NỘI DUNG BÀI HỌC

Nhận biết và sửa lỗi lập luận trong văn nghị luận

C. MỤC TIÊU BÀI HỌC

1. Kiến thức :

- a/ Nhận biết: Nhận ra lỗi trong quá trình lập luận trong văn nghị luận
- b/ Thông hiểu: Nguyên nhân của lỗi lập luận
- c/Vận dụng thấp: Vận dụng hiểu biết về lỗi lập luận để sửa câu sai
- d/Vận dụng cao:Viết bài cảm nghị luận với hành văn trong sáng, chặt chẽ.

2. Kỹ năng :

- a/ Biết làm: bài nghị luận, không mắc lỗi lập luận;
- b/ Thông thạo: các bước lập luận trong quá trình nghị luận.

3.Thái độ :

- a/ Hình thành thói quen: đọc hiểu văn bản , nhận diện chỗ sai và cách sửa trong quá trình lập luận;

- b/ Hình thành tính cách: tự tin khi diễn đạt trong quá trình lập luận;

- c/Hình thành nhân cách: có ý thức giữ gìn sự trong sáng của tiếng Việt.

4. Những năng lực cụ thể học sinh cần phát triển:

- Năng lực thu thập thông tin liên quan đến văn bản có mắc lỗi trong khi diễn đạt
- Năng lực hợp tác để cùng thực hiện nhiệm vụ học tập
- Năng lực giải quyết những tình huống đặt ra trong các văn bản
- Năng lực đọc - hiểu các văn bản nghị luận;
- Năng lực sử dụng ngôn ngữ, trình bày suy nghĩ, cảm nhận của cá nhân sao cho các

diễn đạt trôi chảy, trong sáng.

D. TIẾN TRÌNH TỔ CHỨC BÀI HỌC

1. KHỞI ĐỘNG (5 phút)

<i>Hoạt động của Thầy và trò</i>	<i>Chuẩn kiến thức kỹ năng cần đạt, năng lực cần phát triển</i>
<ul style="list-style-type: none"> - GV giao nhiệm vụ: GV hướng dẫn học sinh tìm hiểu bài học bằng cách chọn và bài làm của HS có mắc lỗi về diễn đạt để hướng dẫn các em sửa lỗi. - HS thực hiện nhiệm vụ: - HS báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ: <p>Từ đó, giáo viên giới thiệu Vào bài: Trong quá trình viết văn nghị luận, chúng ta thường mắc nhiều lỗi về cách nêu luận điểm, luận cứ và luận chứng. Bài học hôm nay chúng ta sẽ đi vào tìm hiểu các lỗi</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Nhận thức được nhiệm vụ cần giải quyết của bài học. - Tập trung cao và hợp tác tốt để giải quyết nhiệm vụ. - Có thái độ tích cực, hứng thú.

2. HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

Hoạt động của GV - HS	Kiến thức cần đạt

Ngũ văn 12

<p>Thao tác 1 - Tổ chức tìm hiểu và chữa lỗi liên quan đến việc nêu luận điểm.</p> <p>1. Tìm hiểu những đoạn văn SGK và cho biết việc nêu luận điểm mắc lỗi là gì ?</p> <p>2. GV hướng dẫn HS chữa lại những đoạn văn trên cho đúng.</p>	<p>I. Lỗi liên quan đến việc nêu luận điểm</p> <p>1. Bài tập 1</p> <p>Lỗi nêu luận điểm :</p> <p>a) Đoạn văn a : Việc nêu luận điểm chưa logic, phù hợp với luận cứ : luận điểm nêu ra “cảnh vật trong bài thơ thu điệu của Nguyễn Khuyến thật là vắng vẻ” không logic với luận cứ nêu ra : ngõ trúc quanh co, sóng nước gợn tí...</p> <p>b) Đoạn văn b : luận điểm nêu ra dài dòng, rườm rà, không rõ ràng : Luận điểm “Người làm trai thời xưa... để mở mày, mở mặt với thiên hạ” dài dòng, không nêu được trọng tâm của luận điểm.</p> <p>c) Đoạn văn c : Luận điểm không rõ ràng, chưa logic với luận cứ nêu ra : giữa luận điểm: “VHDG ra đời từ... phát triển” với luận cứ tiếp theo “Nhắc đến nó... cuộc sống” rời rạc không có sự thống nhất về nội dung và liên mạch về liên kết đoạn văn. Hành văn chưa mạch lạc, thống nhất.</p> <p>2. Bài tập 2</p> <p>- ở đoạn văn a nên thay từ “vắng vẻ” bằng một tính từ khác để phù hợp với các luận cứ (gần gũi, bình dị với cảnh làng quê Việt Nam)</p> <p>- ở đoạn văn b, luận điểm chỉ cần ngắn gọn “Người làm trai thời xưa luôn mang theo bên mình món nợ công danh”. Các luận điểm phần lớn có nội dung khái quát và phần lớn là câu chủ đề trong đoạn văn.</p> <p>- ở đoạn văn c, luận điểm cần sửa lại là : VHDG là kho tàng kinh nghiệm của cha ông được đúc kết từ xưa.</p>
<p>Thao tác 2 - Tổ chức tìm hiểu lỗi liên quan đến việc nêu luận cứ.</p> <p>1. HS chỉ ra lỗi nêu luận cứ ở ví dụ 1 và sửa lại cho đúng.</p> <p>2. HS chỉ lỗi nêu luận cứ ở ví dụ 2 và sửa chữa lại.</p> <p>3. HS tìm ra cái sai của việc nêu luận cứ và sửa chữa cho đúng.</p>	<p>II . Lỗi liên quan đến việc nêu luận cứ</p> <p><i>Bài tập 1</i></p> <p>- Lỗi nêu luận cứ : dẫn thơ sai, luận cứ đưa ra không chuẩn, chưa chính xác.</p> <p>III. Lỗi liên quan đến việc vận dụng các phương pháp luận</p> <p><i>Bài tập 1</i></p> <p>- Lỗi về phương pháp luận : luận cứ không phù hợp với luận điểm.(Văn bản không thống nhất, mang rõ đặc điểm “ râu ông nọ cắm cằm bà kia”</p> <p>(tham khảo đoạn văn mẫu)</p> <p><i>Bài tập 2</i></p> <p>- Lỗi : Luận cứ không phù hợp với luận điểm : các luận cứ đều nói về cái đói và những nhân vật gắn với cái đói nhưng luận điểm nêu ra lại là “Nam Cao về nông</p>
<p>Thao tác 1 - Tổ chức tìm hiểu lỗi liên quan đến việc vận dụng các phương pháp luận.</p> <p>1. GV yêu cầu HS phân tích lỗi về hương pháp luận và sửa chữa lại cho đúng.</p> <p>2. GV yêu cầu HS phân tích lỗi và sửa chữa đoạn.</p> <p>3. GV yêu cầu HS tìm lỗi của đoạn và sửa chữa đoạn văn.</p>	

	<p>vậy chỉ cần sửa lại luận điểm là : “Nam Cao viết nhiều về miếng ăn và cái đói”. Cách sửa là có thể viết lại luận điểm cho phù hợp với luận cứ, hoặc các luận cứ phải làm rõ ý của luận điểm để tạo nên tính thống nhất của một văn bản.</p> <p><i>Bài tập 3</i></p> <p>- Lỗi : luận điểm và luận cứ lộn xộn, không phù hợp.Hoạt động</p>
--	---

3.LUYỆN TẬP

Hoạt động của GV - HS	Kiến thức cần đạt
<p>GV giao nhiệm vụ:</p> <p>Câu hỏi 1: <i>Đoạn văn nào sau đây không phạm lỗi về lập luận?</i></p> <p>a. Lão Hạc có tình thương bao la. Lão thương con chó Vàng của lão: “ Tao ăn gì, mày cũng ăn cái ấy...Sau này tao chết, mày ở với ai?”. Lão thà chết chứ không tiêu vào số tiền của con trai và nhất định không bán nhà. Lão ăn củ chuối thay cơm và cuối cùng, khi không còn gì để ăn nữa, lão đã tự tử và chết một cách đau đớn, vật vã.</p> <p>b.Lão Hạc có tình thương bao la. Lão thương con chó Vàng của lão: “ Tao ăn gì, mày cũng ăn cái ấy...Sau này tao chết, mày ở với ai?”. Lão thà chết chứ không tiêu vào số tiền của con trai và nhất định không bán nhà.</p> <p>c.Lão Hạc có tình thương bao la. Lão thương con chó Vàng của lão: “ Tao ăn gì, mày cũng ăn cái ấy...Sau này tao chết, mày ở với ai?”. Lão thà chết chứ không tiêu vào số tiền của con trai và nhất định không bán nhà. Những việc làm ấy của lão đều xuất phát từ lòng thương con, muốn giữ vốn cho con.</p> <p>d.Lão Hạc có tình thương bao la. Lão thương con chó Vàng của lão: “ Tao ăn gì, mày cũng ăn cái ấy...Sau này tao chết, mày ở với ai?”. . Lão ăn củ chuối thay cơm và cuối cùng, khi không còn gì để ăn nữa, lão đã tự tử và chết một cách đau đớn, vật vã.</p> <p>Câu hỏi 2: <i>Đoạn văn nào sau đây không phạm lỗi về lập luận?</i></p> <p>a. Trước hết, ta thấy nàng Kiều là một con người sống lương thiện, có lòng nhân ái. Cuộc đời của nàng Kiều có tài, có sắc, con người có</p>	<p>Trả lời:</p> <p>[5]='c'</p> <p>[6]='b'</p>

Ngữ văn 12

trình, đa sầu đa cảm, có đạo đức. Đáng lẽ con người này phải được sống sung sướng

nhưng nàng Kiều đã ném trái tất cả nỗi khổ đau của người phụ nữ do xã hội cũ gây nên.

b. Tìm hiểu toàn diện các chức năng của văn học, chúng ta hoàn toàn tán thành với nhận định của nhà viết kịch Đức, Béc-tôn Brếch: “Tất cả mọi nghệ thuật đều phục vụ cho một nghệ thuật vĩ đại nhất là nghệ thuật sống trên trái đất”.

c. Hình tượng người nông dân trong văn học hiện thực phê phán có nét đẹp truyền thống. Nếu đặt họ bên những nhân vật phản diện như Nghị Lại, Nghị Quế thì hoàn toàn đối lập với bản chất kịch côm, nhố nhăng, tàn ác của bọn quan lại.

Chị Dậu không như Thúy Kiều hay Kiều Nguyệt Nga khi gặp hoạn nạn thì tìm vào cội pháp để hưởng chút bình an, mà chị đã đấu tranh để bảo vệ nhân phẩm.

d. Qua bài thơ, ta thấy được sự chiến thắng của phong trào Thơ mới thật là một thành tựu đáng quý vì trong vòng hơn mười năm nó đã đi hết một vòng đời của mình, vừa hình thành, phát triển, vừa suy yếu, tan rã.

- HS thực hiện nhiệm vụ:

- HS báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ:

4. VẬN DỤNG

Hoạt động của GV - HS	Kiến thức cần đạt
GV giao nhiệm vụ: Sửa lỗi lập luận câu văn sau: Tôi bị hai vết thương, một vết ở mắt, một vết ở bên xe. - HS thực hiện nhiệm vụ: - HS báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ:	- Lỗi không đồng vị ngữ - Sửa: Tôi bị hai vết thương, một vết ở mắt, một vết ở bàn tay.

5. TÌM TÒI, MỞ RỘNG.

Hoạt động của GV - HS	Kiến thức cần đạt

-HS thực hiện nhiệm vụ: Sưu tầm trên báo TUỔI TRẺ CUỐI, mục Quán mắc cỡ để tìm ra những lỗi lập luận; - HS báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ:	
--	--

TIẾT :49-50

AI ĐÃ ĐẶT TÊN CHO DÒNG SÔNG?

(Trích- Hoàng Phủ Ngọc Tường)

Ngày soạn:

Ngày thực

hiện:

A. VẤN ĐỀ CẦN GIẢI QUYẾT

I. Tên bài học : Ai đã đặt tên cho dòng sông

II. Hình thức dạy học : DH trên lớp.

III. Chuẩn bị của giáo viên và học sinh

1/Thầy

-Giáo án

-Phiếu bài tập, trả lời câu hỏi

-Tranh ảnh về nhà văn, hình ảnh, phim về *Sông Hương* ;

-Bảng phân công nhiệm vụ cho học sinh hoạt động trên lớp

-Bảng giao nhiệm vụ học tập cho học sinh ở nhà

2/Trò

-Đọc trước ngữ liệu trong SGK để trả lời câu hỏi tìm hiểu bài

-Các sản phẩm thực hiện nhiệm vụ học tập ở nhà (do giáo viên giao từ tiết trước)

-Đồ dùng học tập

B. NỘI DUNG BÀI HỌC

Những đặc sắc về nội dung và nghệ thuật của đoạn trích tác phẩm kí *Ai đã đặt tên cho dòng sông*- Nguyễn Tuân

Một số đặc điểm và sự đóng góp của thể loại kí Việt Nam từ sau Cách mạng tháng Tám 1945 đến hết thế kỉ XX.

C. MỤC TIÊU BÀI HỌC

1. Kiến thức :

a/ Nhận biết: HS nhận biết, nhớ được tên tác giả và hoàn cảnh ra đời của các tác phẩm.

b/ Thông hiểu: HS hiểu và lí giải được hoàn cảnh sáng tác có tác động và chi phối như thế nào tới nội dung tư tưởng của tác phẩm.

c/Vận dụng thấp: Khái quát được đặc điểm phong cách tác giả từ tác phẩm.

d/Vận dụng cao:

Ngữ văn 12

- Vận dụng hiểu biết về tác giả, hoàn cảnh ra đời của tác phẩm để phân tích giá trị nội dung, nghệ thuật của tác phẩm Bút kí.

2. Kỹ năng :

Ngữ văn 12

a/ Biết làm: bài nghị luận về một đoạn trích văn xuôi, về 1 ý kiến bàn về văn học; b/ Thông thạo: các bước làm bài nghị luận

3. Thái độ :

a/ Hình thành thói quen: đọc hiểu văn bản bút kí

b/ Hình thành tính cách: tự tin , sáng tạo khi tìm hiểu văn bản bút kí

c/Hình thành nhân cách:

-Biết nhận thức được ý nghĩa của kí hiện đại Việt Nam trong lịch sử văn học dân tộc

-Biết trân quý những giá trị văn hóa truyền thống mà kí hiện đại đem lại

-Có ý thức tìm tòi về thể loại, từ ngữ, hình ảnh trong kí hiện đại Việt Nam .

4. Những năng lực cụ thể học sinh cần phát triển:

- Năng lực thu thập thông tin liên quan đến kí hiện đại Việt Nam.

- Năng lực đọc – hiểu các tác phẩm kí hiện đại Việt Nam.

- Năng lực trình bày suy nghĩ, cảm nhận của cá nhân về kí văn học.

- Năng lực hợp tác khi trao đổi, thảo luận về thành tựu, hạn chế, những đặc điểm cơ bản, giá trị của những tác phẩm kí văn học .

- Năng lực phân tích, so sánh đặc điểm của các thể loại tùy bút-bút kí-hồi kí

- Năng lực tạo lập văn bản nghị luận.

D. TIẾN TRÌNH TỔ CHỨC BÀI HỌC

1. KHỞI ĐỘNG (5 phút)

<i>Hoạt động của Thầy và trò</i>	<i>Chuẩn kiến thức kỹ năng cần đạt, năng lực cần phát triển</i>
<ul style="list-style-type: none"> - GV giao nhiệm vụ: GV hướng dẫn học sinh tìm hiểu về bài bút kí bằng cách cho HS: <ul style="list-style-type: none"> - Xem chân dung nhà văn Hoàng Phủ Ngọc Tường - Xem một đoạn videoclip về Sông Hương - Nghe một đoạn bài hát <i>Dòng sông ai đã đặt tên</i>. - HS thực hiện nhiệm vụ: - HS báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ: <p>Từ đó, giáo viên giới thiệu <i>Vào bài: Rất nhiều người trong chúng ta khắc sâu hình ảnh quê hương bằng dòng sông với muôn màu vẻ khác nhau, nhất là các nhà thơ, nhà văn. Dòng sông trong tim Tế Hanh là hình ảnh Nước gương trong soi tóc những hàng tre..., trong Hoàng Cầm là Xanh xanh bãi mía bờ dâu... Một dòng sông vừa hung bạo vừa trữ tình và đẹp như một người đàn bà kiều diễm làm chúng ta không thể nào quên được Nguyễn Tuân –nhà văn nổi tiếng với thể tùy bút. Hoàng Phủ Ngọc Tường, người con của xứ Huế cũng có những cảm xúc vừa sâu lắng, mãnh liệt, vừa tha thiết, chân thành về dòng sông Hương quê hương ông qua bút kí “Ai đã đặt tên cho dòng sông?”. Chúng ta hãy cùng nhau tìm hiểu bút kí đó của Hoàng Phủ Ngọc Tường.</i></p>	<ul style="list-style-type: none"> - Nhận thức được nhiệm vụ cần giải quyết của bài học. - Tập trung cao và hợp tác tốt để giải quyết nhiệm vụ. - Có thái độ tích cực, hứng thú.

2. HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

Hoạt động của GV - HS	Kiến thức cần đạt

<p>* Thao tác</p> <p>1:</p> <p>Hướng dẫn HS tìm hiểu chung về tác giả và tác phẩm</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV gọi 1 HS đọc lại phần <i>Tiểu dẫn</i> và trình bày những nét chính về tác giả, tác phẩm <i>Ai đã đặt tên cho dòng sông</i> ? và vị trí đoạn trích. GV cũng nên khuyến khích HS trình bày những kiến thức về tác giả, tác phẩm mà các em đọc được ngoài SGK. <p>GV nhận mạnh:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nét đặc sắc trong phong cách nghệ thuật của HPNT: có sự kết hợp nhuần nhuyễn giữa chất trí tuệ và trữ tình, giữa nghị luận sắc bén với duy tả đa chiều được tổng hợp từ vốn kiến thức sâu rộng về nhiều lĩnh vực, lối viết hướng nội, xúc tích, mê đắm và tài hoa tạo cho thể loại bút kí một phong cách riêng, đem đến những đóng góp mới cho nền văn xuôi Việt Nam hiện đại - Trên lớp, GV kiểm tra việc đọc tác phẩm ở nhà của HS. Có thể tiến hành bằng cách yêu cầu HS cho biết bố cục đoạn trích, xác định thủy trình của dòng sông qua sự miêu tả của nhà văn và nêu cảm nhận của bản thân về đoạn văn mà anh (chị) thích nhất. - Sau khi gọi một số HS trình bày, GV chốt lại bố cục đoạn trích và các ý chính. <p>HS đọc và trình bày.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Cuộc đời của Hoàng Phủ Ngọc Tường gắn bó sâu sắc với xứ Huế (sinh ra tại thành phố Huế, học Đại học Huế, dạy học tại Trường Quốc học Huế, tham gia phong trào cách mạng tại Huế và trở thành một trí thức yêu nước, một chiến sĩ trong phong trào đấu tranh chống Mĩ — Nguy ở Thừa Thiên - Huế). - Hoàng Phủ Ngọc Tường là người có 	<p>I. TÌM HIỂU CHUNG</p> <p>1. Tác giả</p> <ul style="list-style-type: none"> - Hoàng Phủ Ngọc Tường là một trí thức yêu nước, là nhà văn gắn bó mật thiết với xứ Huế nên tâm hồn, tình cảm thấm đẫm văn hoá của mảnh đất này. - Chuyên về bút kí với đề tài khá rộng lớn, đó là cảnh sắc và con người khắp mọi miền đất nước nhất là những bài viết về Huế. - Nét đặc sắc trong phong cách nghệ thuật của HPNT <p>2. Tác phẩm:</p> <ul style="list-style-type: none"> - <i>Ai đã đặt tên cho dòng sông</i>? được viết tại Huế ngày 04/01/1981, in trong tập sách cùng tên (NXB Thuận Hoá 1986) - Bài kí gồm 3 phần, đoạn trích gồm phần thứ nhất và đoạn kết.
<p>* Thao tác 1 :</p> <p>Hướng dẫn HS đọc - hiểu văn bản</p> <ul style="list-style-type: none"> -GV yêu cầu HS đọc (đọc thầm) lại một lần nữa đoạn văn đầu tiên rồi tìm hiểu xem nhà văn đã miêu tả sông Hương ở thượng nguồn như thế nào. <p>* Thao tác 2 : Thảo luận nhóm</p>	<p>II. ĐỌC - HIỂU VĂN BẢN</p> <p>A/ Nội dung:</p> <p>1. Thủy trình của Hương giang:</p> <p>a) <i>Sông hương nơi khởi nguồn:</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - là “bản trường ca của rừng già” - là “cô gái Digan phóng khoáng và man dại” - là “người mẹ phù sa của một vùng văn hóa xứ sở” - “rầm rộ giữa bóng cây đại ngàn, mãnh liệt qua những ghềnh thác, cuộn xoáy như cơn lốc

Ngữ văn 12

<p>tính của con sông ?)</p> <p>Nhóm 2:</p> <p>-GV dẫn dắt và nêu câu hỏi : Nhà văn đã hình dung về sông Hương như thế nào khi nó còn ở “giữa cánh đồng Châu Hoá đầy hoa dại” ? Từ đó, hãy phát hiện điều thú vị trong cách cảm nhận của Hoàng Phủ Ngọc Tường về thuỷ trình của con sông khi nó bắt đầu về xuôi?</p> <p>-GV lưu ý HS phân tích những đặc sắc trong cách miêu tả của nhà văn qua nghệ thuật sử dụng từ ngữ, cách hành văn và các biện pháp nghệ thuật khác...</p> <p>Nhóm 3:</p> <p>-GV gợi ý thảo luận, tìm hiểu : Cuối cùng thì sông Hương cũng đã đến được thành phố thân yêu của mình. So với trước khi vào thành phố, sông Hương đã có thêm những vẻ đẹp mới, độc đáo và hiếm thấy ở các dòng sông khác trên thế giới. Ai có thể chứng minh điều đó qua việc phân tích các góc độ cảm nhận và miêu tả sông Hương của Hoàng Phủ Ngọc Tường ?</p> <p>Nhóm 4: <i>Vẻ đẹp của sông Hương trước khi từ biệt Huế thể hiện như thế nào?</i></p> <p>Đại diện nhóm 1 trả lời:</p> <p>- Sông Hương mang vẻ đẹp của một sức sống mãnh liệt, hoang dại, được thể hiện qua những so sánh và những hình ảnh đầy ấn tượng:</p> <p>- là “bản trường ca của rừng già” -> Nhấn mạnh Sức sống mãnh liệt, vừa hùng tráng vừa trữ tình, như bản trường ca bất tận của thiên nhiên;</p> <p>- là “cô gái Digan phóng khoáng và man dại” -> nhấn mạnh vẻ đẹp hoang dại nhưng tinh tú của dòng sông. Tác giả nhân hoá con sông khiến nó hiện lên như một con người có cá tính và tâm hồn;</p> <p>- là “người mẹ phù sa của một vùng văn hóa xứ sở” -> sông Hương như một đấng sáng tạo góp phần tạo nên, gìn giữ và bảo tồn văn hoá..</p>	<p>+ “râm rộ giữa bóng cây đại ngàn, mãnh liệt qua những ghềnh thác, cuộn xoáy như cơn lốc vào những đáy vực bí ẩn”.</p> <p>Đại diện nhóm 2 trả lời:</p> <p>- Dưới ngòi bút tài hoa của Hoàng Phủ Ngọc</p>
---	---

Ngữ văn 12

những đáy vực bí
ẩn”.

-> Sự tài hoa của ngòi bút HPNT: liên tưởng kì thú, ngôn từ gợi cảm, câu văn dài, chia làm nhiều vế liên tục gợi dậy dư vang của trường ca; thủ pháp điệp cấu trúc + động từ mạnh tạo âm hưởng mạnh mẽ của con sông giữa rừng già

b) Đến ngoại vi thành phố

Huế:

- sông Hương được ví “như người con gái đẹp nằm ngủ mơ màng” được “người tình mong đợi” đến đánh thức.

- Vẻ đẹp trầm mặc như triết lí, như cổ thi

- Nghệ

thuật:

-> Thủy trình của sông Hương khi bắt đầu về xuôi tựa “một cuộc tìm kiếm có ý thức” người tình nhân đích thực của một người con gái đẹp trong câu chuyện tình yêu lãng mạn nhuốm màu cổ tích, gắn với những thành quách, lăng tẩm của vua chúa thuở trước.

c) Đến giữa thành phố

Huế:

- Sông Hương gặp thành phố như đến với điểm hẹn tình yêu, nó như tìm được chính mình nên vui tươi và đặc biệt chậm rãi, êm dịu, mềm mại như một tiếng “vâng” không nói ra của tình yêu.

- Nó có những đường nét tinh tế: “uốn một cánh cung rất nhẹ sang cồn Hến”.

- “điệu chảy lặng tờ” của con sông khi ngang qua thành phố đẹp như “điệu slow tình cảm dành riêng cho Huế”.

- Phải rất hiểu sông Hương, tác giả mới cảm nhận thấm thía vẻ đẹp con sông lúc đêm sâu. Đó là lúc mà âm nhạc cổ điển Huế được sinh thành. Khi đó, trong không khí chùng lại của dòng sông nước ấy, sông Hương đã trở thành một người tài nữ đánh đàn lúc đêm khuya.

d) Trước khi từ biệt

Huế:

- Sông Hương giống như “người tình dịu dàng và chung thủy”.

- Con sông dùng dáng như “nàng Kiều trong đêm tình tự” trở lại tìm Kim Trọng để nói một lời thề trước lúc đi xa.

2. Dòng sông của lịch sử và thi

ca:

- Trong lịch sử, sông Hương mang vẻ đẹp của một bản hùng ca ghi dấu bao chiến công oanh liệt của dân tộc “...”.

- Trong đời thường, sông Hương mang vẻ đẹp

Ngữ văn 12

<p>Tường : + Sông Hương như người gái đẹp bừng tỉnh sau một giấc ngủ dài: vóc dáng mới, sức sống mới đầy khát khao và lãng mạn. - Nghệ thuật: + Lối hành văn uyển chuyển, ngôn ngữ đa dạng, giàu hình ảnh tg đã diễn tả một cách sinh động và hấp dẫn từng bước đi của sông Hương + Những câu văn giàu chất hoạ, giàu cảm xúc và liên tưởng.</p> <p>Đại diện nhóm 3 trả lời: + <i>Sông Hương — ”điệu slow tình cảm dành riêng cho Huế”</i> Miêu tả dòng sông giữa lòng thành phố, Hoàng Phủ Ngọc Tường chọn cho mình kênh tiếp cận là âm nhạc. Ở góc độ này, sông Hương chính là “điệu slow tình cảm dành riêng cho Huế”.</p> <p>Đại diện nhóm 4 trả lời: - Sông Hương giống như “người tình dịu dàng và chung thủy”. - Con sông dịu dàng như “nàng Kiều trong đêm tình tự” trở lại tìm Kim Trọng để nói một lời thề trước lúc đi xa.</p> <p>Thảo tác 3: GV: Trong lịch sử và trong đời thường, thi ca, sông Hương đã hiện lên với những vẻ đẹp đáng trân trọng và đáng mến. Nhà văn đã phát hiện và lí giải về những vẻ đẹp đó của Hương giang như thế nào ? - GV nêu vấn đề : Vì sao sông Hương lại có thể trở thành dòng sông thi ca, là nguồn cảm hứng bất tận cho người nghệ sĩ ?</p> <p>Thảo tác 4: ? Tác giả đã lí giải về tên của dòng sông như</p>	<p>thế nào? Cách lí giải ấy cho hiểu thêm điều gì về tính cách và tâm hồn người Huế?</p> <p>HS phát hiện và lí giải: => lịch sử: hùng tráng và đời thường: giản dị, sông Hương tự biết thích ứng với từng hoàn cảnh, không gian và thời gian khác nhau -> dòng sông trở nên mới mẻ trong cảm nhận của mọi người và có thêm vẻ đẹp mới - Sông Hương còn là dòng sông thi ca, là nguồn</p>
---	--

Ngữ văn 12

giản dị của “một người con gái dịu dàng của đất nước”.

- Sông Hương còn là dòng sông thi ca, là nguồn cảm hứng bất tận cho các văn nghệ sĩ.

**** Ai đã đặt tên cho dòng***

sông?

- Tên của dòng sông được lí giải bằng một huyền

thoại mỹ lệ: đó là chuyện về cư dân hai bên bờ sông nấu nước của trăm loài hoa đổ xuống dòng sông cho làn nước thơm tho mãi mãi. Huyền thoại về tên dòng sông đã nói lên khát vọng của con người ở đây muốn đem cái đẹp và tiếng thơm để xây đắp văn hoá, lịch sử, địa lý quê hương mình.

Ngữ văn 12

<p>cảm hứng bất tận cho các văn nghệ sĩ. Tác giả cho rằng có một dòng thi ca về sông Hương. Đó là dòng thơ không lặp lại mình:</p> <p>+ “Dòng sông trắng - lá cây xanh”(Chơi xuân-Tản Đà)</p> <p>+ “Như kiếm dựng trời xanh”(Trường giang như kiếm lập thanh thiên-Cao Bá Quát).</p> <p>+ “Con sông dùng dằng, con sông không chảy Sông chảy vào lòng nên Huế rất sâu”(Thơ của Thu Bồn)</p>	
<p>Thao tác</p> <p>1:</p> <p>-GV : Về phương diện nghệ thuật, những yếu tố nào đã làm nên vẻ đẹp và sự hấp dẫn của bài bút kí đặc sắc này ?</p> <p>-Từ đoạn văn anh (chị) hiểu thêm điều gì về thể loại bút kí ? Thể loại này có gì giống và khác với thể loại tùy bút ?</p> <p>(So sánh với tùy bút của Nguyễn Tuân)</p> <p>GV: Nêu ý nghĩa văn bản?</p> <p>GV : Tóm lại, một bài kí đặc sắc như vậy chỉ có thể là kết quả, là tổng hoà của những tình cảm và phẩm chất nào ở Hoàng Phủ Ngọc Tường ?</p> <p>HS đọc, phát hiện và lí giải .</p> <p>HS trả lời:</p> <p>- Văn phong tao nhã, hướng nội, tinh tế và tài hoa.</p> <p>- Sức liên tưởng kì diệu, sự hiểu biết phong phú về kiến thức địa lý, lịch sử, văn hoá nghệ thuật và những trải nghiệm của bản thân</p> <p>- Ngôn ngữ phong phú, giàu hình ảnh, giàu chất thơ, sử dụng nhiều phép tu từ như: So sánh, nhân hoá, ẩn dụ, ...</p> <p>- Có sự kết hợp hài hoà cảm xúc, trí tuệ, chủ quan và khách quan. Chủ quan là sự trải nghiệm của bản thân. Khách quan là đối tượng miêu tả - dòng sông Hương.</p>	<p>B. Nét đặc sắc của văn phong Hoàng Phủ Ngọc Tường (Nghệ thuật bài kí):</p> <p>- Thể loại bút kí</p> <p>- Văn phong tao nhã, hướng nội, tinh tế và tài hoa.</p> <p>- Sức liên tưởng kì diệu, sự hiểu biết phong phú về kiến thức địa lý, lịch sử, văn hoá nghệ thuật và những trải nghiệm của bản thân</p> <p>- Ngôn ngữ phong phú, giàu hình ảnh, giàu chất thơ, sử dụng nhiều phép tu từ như: So sánh, nhân hoá, ẩn dụ, ...</p> <p>- Có sự kết hợp hài hoà cảm xúc, trí tuệ, chủ quan và khách quan. Chủ quan là sự trải nghiệm của bản thân. Khách quan là đối tượng miêu tả - dòng sông Hương.</p> <p>C) Ý nghĩa văn bản:</p> <p>Thể hiện những phát hiện, khám phá sâu sắc và độc đáo về sông Hương; bộc lộ tình yêu tha thiết, sâu lắng và niềm tự hào lớn lao của nhà văn đối với dòng sông quê hương, với xứ Huế thân thương.</p>

3.LUYỆN TẬP

Hoạt động của GV - HS	Kiến thức cần đạt
<p>GV giao nhiệm vụ:</p> <p>Xét đến cùng, điều cốt lõi nào đã làm nên sức hấp dẫn của</p>	<p>(Đáp án : C)</p>

Ngữ văn 12

đoạn trích tác phẩm *Ai đã đặt tên cho dòng sông* ? của nhà văn

Hoàng Phủ Ngọc Tường ?

a/Vì tình yêu, sự gắn bó thiết tha và thái độ trân trọng của nhà văn đối với sông Hương, với nền văn hoá Huế.

b/Vì đặc điểm hết sức tự do, phóng khoáng và đậm màu sắc trữ tình của một bài bút kí văn học.

c/Vì *cái tôi* tài hoa, uyên bác, giàu tình cảm và trí tưởng tượng phong phú, độc đáo, iăng mạn của tác giả.

d/Vì sự hiểu biết tường tận, sâu rộng của nhà văn về sông Hương và cảnh sắc thiên nhiên cũng như con người xứ Huế.

- HS thực hiện nhiệm

vụ:

- HS báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ:

4.VẬN DỤNG

Hoạt động của GV - HS	Kiến thức cần đạt
<p>GV giao nhiệm vụ:</p> <p>- HS thực hiện nhiệm vụ:</p> <p><i>Có một dòng thi ca về sông Hương, và tôi hi vọng đã nhận xét một cách công bằng về nó khi nói rằng dòng sông ấy không bao giờ tự lặp lại mình trong cảm hứng của các nghệ sĩ. Mỗi nhà thơ đều có một khám phá riêng về nó: từ xanh biếc thường ngày, nó bỗng thay màu thực bất ngờ, “dòng sông trắng - lá cây xanh” trong cái nhìn <u>tinh tế</u> của Tân Đà, từ tha thiết mơ màng nó chợt nhiên hùng tráng lên “như kiếm dựng trời xanh” trong <u>khí phách</u> của Cao Bá Quát; từ <u>nội quan hoài vạn cổ</u> với bóng chiều băng lãng trong hồn thơ Bà Huyện Thanh Quan, nó đột khởi thành sức mạnh phục sinh của tâm hồn, trong thơ Tố Hữu.</i></p>	<p>1. Ý chính của văn bản: Tác giả ca ngợi sông Hương là dòng sông của thi ca, là nguồn cảm hứng bất tận cho các văn nghệ sĩ.</p> <p>2. Các từ ngữ gạch chân <u>tinh tế</u>, <u>khí phách</u>, <u>nội quan hoài vạn cổ</u>, <u>thấm thiết tình người</u> có hiệu quả diễn đạt : vừa ca ngợi sông Hương là nguồn cảm hứng của thi ca, đồng thời phát hiện ra phong cách nghệ thuật độc đáo của mỗi nhà thơ khi viết về sông Hương</p> <p>+ Bài tập viết đoạn văn:</p> <p>Viết đoạn văn ngắn trả lời câu hỏi <i>Ai đã đặt tên cho dòng sông?</i>...</p> <p>Trả lời :</p> <p>Câu hỏi <i>Ai đã đặt tên cho dòng sông?</i>...có ý nghĩa : không phải để hỏi nguồn gốc của một danh xưng địa lý thông thường mà là một sự nhấn mạnh, ẩn chứa niềm tự hào sâu sắc về dòng sông quê hương. Tác giả gợi mở cho người đọc những hướng trả lời khác nhau bằng trải nghiệm văn hóa của bản thân. Tên riêng của một dòng sông có thể do một cá nhân nào đó đặt ra, qua năm tháng, danh xưng của tác giả bị mai một, nó trở thành tài sản chung của cộng đồng, Tuy nhiên, cái tên đích thực của dòng sông phải là danh từ gắn</p>

Ngữ văn 12

Và ở đây, một lần nữa, sông Hương quả thực là Kiều rất Kiều, trong cái nhìn thấm thiết tình người của tác giả Từ Ấy.

hóa, tinh thần, chiều sâu lịch sử của một dân tộc. Ở khía cạnh này, chính những người dân bình thường – những người sáng tạo ra văn hóa, văn học, lịch sử là những người “ đã đặt tên cho dòng sông”.

Có một nhà thơ từ Hà Nội đã đến đây, tóc bạc trắng, lặng ngắm dòng sông, ném mẩu thuốc lá xuống chân cầu, hỏi với trời, với đất, một câu thật bâng khuâng: Ai đã đặt tên cho dòng sông?...

(Trích Bút kí Ai đã đặt tên cho dòng sông?...Hoàng Phủ Ngọc Tường)

Đọc văn bản trên và thực hiện các yêu cầu sau :

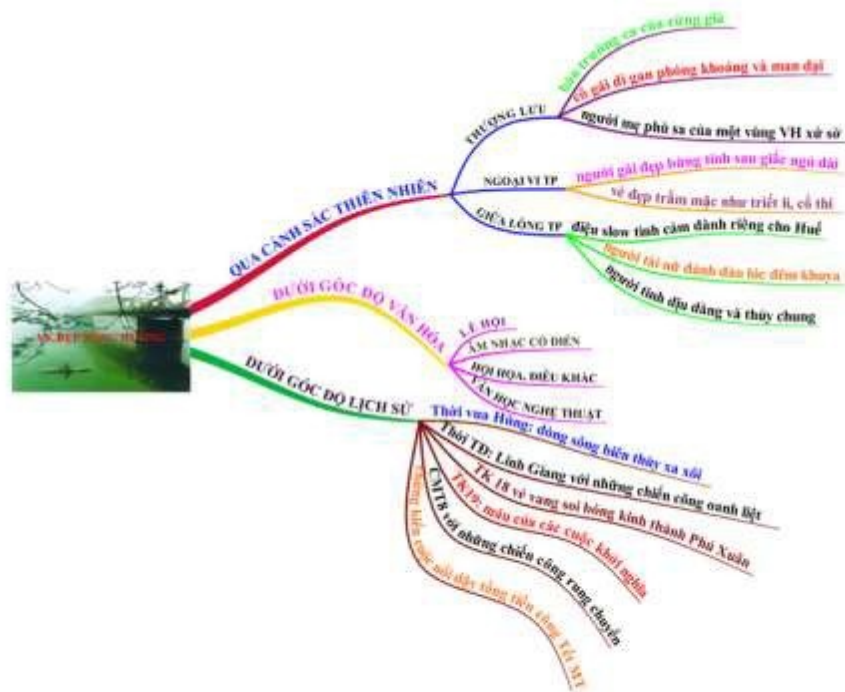
1. Nêu ý chính của văn bản
2. Các từ ngữ gạch chân tinh tế, khí phách, nổi quan hoài vạn cổ, thấm thiết tình người có hiệu quả diễn đạt như thế nào?.

- HS báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ:

5. TÌM TÒI, MỞ RỘNG.

Hoạt động của GV - HS	Kiến thức cần đạt
GV giao nhiệm vụ: + vẽ bản đồ tư duy + Tìm nghe bài hát Dòng sông ai đã đặt tên. Viết cảm nhận sau khi nghe bài hát -HS thực hiện nhiệm vụ: - HS báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ:	+ Vẽ đúng bản đồ tư duy + Tìm trên youtube. Cảm nhận chân thành, cảm xúc.

+BẢN ĐỒ TƯ DUY:



TIẾT : 49-50

ĐỌC THÊM: NHỮNG NGÀY ĐẦU CỦA NƯỚC VIỆT NAM MỚI

(Trích Những năm tháng không thể nào quên)

Võ Nguyên Giáp

Ngày soạn:

Ngày thực

hiên:

A. VẤN ĐỀ CẦN GIẢI QUYẾT

I. Tên bài học :

II. Hình thức dạy học : DH trên lớp.

III. Chuẩn bị của giáo viên và học sinh

1/Thầy

- Giáo án

-Phiếu bài tập, trả lời câu hỏi

-Hình ảnh , phim ảnh về cách mạng tháng Tám năm 1945.

-Bảng phân công nhiệm vụ cho học sinh hoạt động trên lớp

-Bảng giao nhiệm vụ học tập cho học sinh ở

nhà 2/Trò

-Đọc trước văn bản hồi kí;

-Các sản phẩm thực hiện nhiệm vụ học tập ở nhà (do giáo viên giao từ tiết trước)

-Đồ dùng học tập

B. NỘI DUNG BÀI HỌC

- Những khó khăn ban đầu của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa, những quyết sách đúng đắn và sáng suốt của Đảng, Chính phủ và Chủ tịch Hồ Chí Minh.

- Mỗi quan hệ khăng khít giữa đất nước và nhân dân, giữa lãnh tụ và quần chúng

Ngữ văn 12

- Cảm hứng tự hào, giọng văn chân thành , giản dị.

C. MỤC TIÊU BÀI HỌC

1. Kiến thức :

a/ Nhận biết: Cảm nhận được nỗ lực to lớn của Đảng, chính phủ Bác Hồ và nhân dân ta trong những ngày đầu sau Cách mạng tháng Tám để giữ vững nền độc lập, đem lại hạnh phúc cho nhân dân, khẳng định vị thế của nước Việt Nam mới.

b/ Thông hiểu: những dòng viết vừa khách quan vừa dạt dào cảm xúc, tái hiện chân thật những người thực việc thực, những sự kiện lịch sử quan trọng ở vào những thời điểm trọng đại, một giai đoạn đầy khó khăn và vinh quang của đất nước.

c/Vận dụng thấp: Vận dụng hiểu biết về tác giả, tác phẩm để đọc hiểu văn bản liên quan đến hồi kí.

d/Vận dụng cao:Viết bài cảm nhận riêng về hồi kí của Đại tướng Võ Nguyên Giáp.

2. Kỹ năng :

a/ Biết làm: bài nghị luận về một đoạn trích văn xuôi

b/ Thông thạo: các bước nghị luận về một đoạn trích văn xuôi

3.Thái độ :

a/ Hình thành thói quen: đọc hiểu văn bản hồi kí

b/ Hình thành tính cách: tự tin khi trình bày nội dung, nghệ thuật tác phẩm

c/Hình thành nhân cách: có tinh thần tự hào dân tộc, niềm tin vào cách mạng..

4. Những năng lực cụ thể học sinh cần phát triển:

-Năng lực thu thập thông tin liên quan đến văn bản

-Năng lực hợp tác để cùng thực hiện nhiệm vụ học tập

-Năng lực giải quyết những tình huống đặt ra trong các văn bản

-Năng lực đọc - hiểu các tác giả văn học

-Năng lực sử dụng ngôn ngữ, trình bày suy nghĩ, cảm nhận của cá nhân về tác giả Võ

Nguyên Giáp

D. TIẾN TRÌNH TỔ CHỨC BÀI HỌC

1. KHỞI ĐỘNG (5 phút)

<i>Hoạt động của Thầy và trò</i>	<i>Chuẩn kiến thức kỹ năng cần đạt, năng lực cần phát triển</i>
<ul style="list-style-type: none"> - GV giao nhiệm vụ: GV hướng dẫn học sinh tìm hiểu bài học bằng cách cho HS: <ul style="list-style-type: none"> - Xem chân dung Võ Nguyên Giáp - Xem một đoạn videoclip về cách mạng tháng Tám - HS thực hiện nhiệm vụ: - HS báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ: <p>Từ đó, giáo viên giới thiệu Vào bài: Đại tướng Võ Nguyên Giáp là nhà lãnh đạo kiệt xuất của cách mạng Việt Nam. Cuộc đời ông gắn liền với những năm tháng không thể nào quên của cách mạng. Đoạn trích “ Những ngày đầu của nước Việt Nam mới” trích trong tập hồi kí “</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Nhận thức được nhiệm vụ cần giải quyết của bài học. - Tập trung cao và hợp tác tốt để giải quyết nhiệm vụ. - Có thái độ tích cực, hứng thú.

2. HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

Hoạt động của GV - HS	Kiến thức cần đạt
<p>* Thao tác</p> <p>1:</p> <p>Hướng dẫn HS tìm hiểu chung về tác giả và tác phẩm</p> <ul style="list-style-type: none"> - Gọi hs đọc phần tiểu dẫn và thực hiện yêu cầu sau: đôi nét về VNG, kể tên những tập hồi kí của tác giả. - giới thiệu đôi nét về thể loại hồi kí - Tóm tắt nội dung của “NNTKTNQ” - Gọi học sinh đọc đoạn trích NNĐCNVNM và phân chia bố cục nêu nội dung của từng đoạn - Theo em điểm nhìn của tác giả là bối cảnh của Đất nước ta năm nào?, tình hình Đất nước lúc đó như thế nào? - HS đọc tiểu dẫn tóm tắt đôi nét về tác giả - Nghe GV thuyết giảng về thể loại hồi kí - Thực hành nhóm(2 người) về nội dung của tập hồi kí NNTKTNQ - Đọc đoạn trích NNĐCNVNM - Tìm hiểu bố cục(làm việc cá nhân) * Đoạn 1: Từ đầu -> ập vào miền bắc. Tư thế đứng hiên ngang của dân tộc thời chống Mĩ, hồi tưởng về giờ phút hiểm nghèo của đất nước việt nam mới. * Đoạn 2: Tiếp theo->thêm trầm trọng. Những <p>Thao tác 3 : Hướng dẫn học sinh tìm hiểu văn bản:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Câu hỏi 1 : Cảm nghĩ cụ thể của tác giả về 	<p>I/ Giới thiệu chung:</p> <p>1/ Tác giả:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Võ Nguyên Giáp sinh năm 1911, quê Quảng Bình. Là nhà lãnh đạo kiệt xuất của cách mạng việt nam, đảm đương nhiều chức trách quan trọng. - Các tác phẩm hồi kí: Những năm tháng không thể nào quên(1970), Chiến đấu trong vòng vây(1978), Điện Biên Phủ điểm hẹn lịch sử(1994),... <p>2/ Vài nét về tập hồi kí “TKTNQ”</p> <p>a)Thể loại hồi kí: +Ghi chép những gì xảy ra trong quá khứ trên cơ sở hồi tưởng</p> <ul style="list-style-type: none"> + Tác giả: nổi tiếng +Hình thức: tự kể hoặc có người khác ghi lại và thể hiện. + Nội dung: cuộc đời mình, những sự kiện lịch sử tiêu biểu, những biến động xã hội rộng lớn. + nghệ thuật: tính xác thực cao. <p>=> có giá trị văn học và xã hội, lịch sử.</p> <p>b) Nội dung của “NNTKTNQ”:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Hướng tới tái hiện những sự kiện trọng yếu, những biến cố có tính chất bước ngoặt trong lịch sử việt nam từ những ngày sục sôi trước cách mạng tháng tám đến những ngày gay go ác liệt của cuộc kháng chiến chống Mĩ cứu nước, khắc họa hình ảnh những con người tiêu biểu của thời đại. - Nhân vật : người bình thường vô danh và những người lãnh đạo đất nước <p>=> Tái hiện lịch sử ở những nét lớn, những bức tranh toàn cảnh, có sự đánh giá, bình luận ở tầm khái quát</p> <p>c) Đoạn trích “ Những ngày đầu của nước việt nam mới”</p> <p>II/TÌM HIỂU VĂN BẢN:</p> <p>1)Cảm nghĩ của tác giả:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Năm 1945 là thời kì làm mưa làm gió của chủ

Ngữ văn 12

<p>NNĐCNVN như thế nào? Được thể hiện bằng hình thức nghệ thuật gì?</p> <p>Câu hỏi 2 : NVNM vừa mới khai sinh đã phải đương đầu với bao khó khăn, nguy nan nào?</p> <p>- <u>Câu hỏi 3</u> : Để đưa Đất nước vượt qua những khó khăn nguy nan ấy Đảng và Chính phủ đã có những quyết sách đub\ngs dẫn và sáng suốt như thế nào?(những dẫn chứng cụ thể nào là tiêu biểu)</p> <p>- Câu hỏi 4 : Hình ảnh Bác Hồ được tác giả ghi lại trong đoạn trích này đã giúp em hiểu thêm gì về Bác trong những ngày mới khai sinh ra Nước VNDCCH?</p> <p>- Thảo luận nhóm câu hỏi 1</p> <p>- Trả lời theo yêu cầu</p> <p>- Thảo luận câu hỏi 2</p> <p>- Thảo luận câu hỏi 3</p> <p>- Trả lời cá nhân câu hỏi 4</p>	<p>nghĩa đế quốc gần hai chục vạn quân Tưởng từ mây ngả ập vào miền Bắc; còn bây giờ mọi cách tô son trát phấn của đế quốc Mỹ với bọn nguy quyền tay sai ở miền nam đều hoài công vô ích.</p> <p>- Năm 1945 nước Việt nam chưa có tên trên bản đồ thế giới, cả đồng dương chỉ mang tên Indo - China thuộc Pháp; còn bây giờ là nước Nước Việt nam dân chủ cộng hòa</p> <p>=> qua lối so sánh thể hiện tình cảm tự hào ngợi ca dân tộc tổ quốc</p> <p><u>2)HìnhảnhnướcViệtnam mới:</u></p> <p>a) Những khó khăn khi nước Việt nam mới ra đời:</p> <p>- Nhận định: “ nằm giữa bốn bể hùm sói, phải tự dốc mình đấu tranh dũng cảm, mưu trí, phải tìm mọi cách để sống còn”</p> <p>- cụ thể: * Đảng hoạt động bí mật, đảng viên công tác dưới danh nghĩa Việt minh. Chính quyền mới “ chưa được nước nào công nhận”</p> <p>* Kinh tế: ruộng đất vẫn trong tay địa chủ, bão lụt hạn hán liên miên, buôn bán với nước ngoài đình trệ, kho bạc chỉ còn có 1 triệu bạc rách.</p> <p>* Chính trị: nạn thất nghiệp tăng, nạn đói, dịch tả phát sinh và thực dân Pháp xâm lược</p> <p>=> khó khăn “ càng thêm trầm trọng”, là thách thức quá lớn đối với chính quyền cách mạng còn non trẻ</p> <p><u>b)Những quyết sách đúng đắn và sáng suốt của Đảngvàchínhphủ:</u></p> <p>- Củng cố và giữ vững chính quyền cách mạng</p> <p>- Giải tán chính quyền cũ, xây dựng bộ máy chính quyền mới, từ chính quyền cơ sở như HĐND, UB hành chính đến TW là quốc dân Đại hội, toàn dân đóng góp ý kiến cho dự án hiến pòhaps</p> <p>- Thi hành một số chính sách mới như : địa chủ phải giảm tô 25%, xóa nợ cho nông dân, tóa dân tăng cường học chữ quốc ngữ, học tập thi cử đều miễn phí, động viên tinh thần đóng góp trong nhân dân, lập quỹ độc lập, kêu gọi đồng bào hưởng ứng “tuần lễ vàng”</p> <p>=> Nội lực của Nước Việt Nam mới được nâng lên nhanh chóng.</p> <p>c) <u>HìnhảnhBácHồ-Người cầmláiconhtuỳềncáchmangvượtquasóngtogiólớn:</u></p> <p>- Toàn tâm, toàn ý vì dân, vì nước : “Ở Người,</p>
---	--

Ngũ văn 12

...trong tình
cảm”

- Chủ trương xây dựng mối quan hệ giữa những người làm việc trong bộ máy chính quyền mới với nhân dân.
- Đề ra 3 mục tiêu quan trọng : Diệt giặc đói, diệt

Ngữ văn 12

	<p>giặc dốt, diệt giặc ngoại xâm(dựa vào lực lượng và tinh thần của dân).</p> <p>- Lý tưởng và tấm lòng của Người được tác giả khái quát :</p> <p>+ Nước độc lập mà dân không được hưởng hạnh phúc thì độc lập không có nghĩa lý gì.</p> <p>+ Hạnh phúc cho dân đó là mục đích của việc giành lấy chính quyền và giữ vững chính quyền ấy.</p> <p>=> tác giả kết luận : “Đồng bào ta đã nhận thấy ở</p>
<p>Thao tác 1 : Tổng kết củng cố :</p> <p>- Qua đoạn trích em nhận xét gì về vai trò của Đảng và Bác Hồ đối với cvon thuyền CM Việt Nam</p> <p>- Nét đặc sắc của thể hồi kí từ đoạn trích HD 5 : Bài tập về nhà:</p> <p>- Tìm đọc thêm tập hồi kí NTNKTNQ</p> <p>- Thử so sánh hình ảnh Bác Hồ ở Tuyên ngôn độc lập và NNĐVNM</p> <p>- Rút ra giá trị về nội dung và nét đặc sắc nghệ thuật của đoạn trích</p> <p>- Rút ra ghi nhớ- Nghe hướng dẫn bài tập về nhà và chuẩn bị bài mới./.</p>	<p>III/ Tổng kết :</p> <p>1) Về nội dung : Những nỗ lực lớn của Đảng, các quyết sách kịp thời, thông minh và đầy hiệu quả. Lý tưởng và lòng yêu nước lớn lao của Bác.</p> <p>2) Về nghệ thuật : Diễm nhìn trần thuật của một người đại diện cho bộ máy lãnh đạo Đảng và Chính phủ, do đó các sự kiện được kể lại mang tính chất toàn cảnh, tổng thể, phát họa những nét lớn, tạo ấn tượng sâu sắc vớ nhiều người, làm cho tác phẩm này không phải là sách tự thuật về một cuộc đời mà gần như là cuốn biên niên sử của cả một dân tộc.</p>

3.LUYỆN TẬP

Hoạt động của GV - HS	Kiến thức cần đạt
<p>GV giao nhiệm vụ:</p> <p>Câu hỏi 1: Trong đoạn trích <i>Những ngày đầu của nước Việt Nam mới</i> , tác giả không nhắc đến khó khăn trên lĩnh vực nào dưới đây ?</p> <p>a. Kinh tế</p> <p>b. Chính trị</p> <p>c. Văn hoá</p> <p>d. Hoạt động ngoại giao.</p> <p>Câu hỏi 2: Chính phủ thành lập Quĩ độc lập vào ngày nào ?</p> <p>a. Ngày 2 tháng 9</p> <p>b. Ngày 4 tháng 9</p> <p>c. Ngày 10 tháng 9</p> <p>d. Cả ba đều sai.</p> <p>Câu hỏi 3: Ai là người được Hồ</p>	<p>ĐÁP ÁN</p> <p>[1]='c'</p> <p>[2]='b'</p> <p>[3]='d'</p> <p>[4]='c'</p> <p>[5]='a'</p>

Ngữ văn 12

Chí Minh nêu trong thư đề lấy
ví dụ về tư tưởng lấy dân làm

gốc ?

- a. Trần Hưng Đạo
- b. Nguyễn Trãi
- c. Nguyễn Bình Khiêm
- d. Gồm a và b

Câu hỏi 4: Dòng nào dưới đây
nêu nét đặc sắc về nghệ thuật
trong tác phẩm?

- a. Tác phẩm mang đậm dấu ấn cá nhân trong cách bình luận, đánh giá.
- b. Cách miêu tả các sự kiện linh hoạt, sinh động, lời cuốn người đọc
- c. trần thuật mọi sự kiện qua điểm nhìn mang tầm khái quát, phác hoạ những nét lớn, những cái gây ấn tượng sâu sắc với mọi người.
- d. Tác phẩm không mang màu sắc chủ quan trong trần thuật và đánh giá.

Câu hỏi 5: Quê hương của Võ Nguyên Giáp ở đâu?

- a. Quảng Bình
- b. Hà Nội
- c. Thừa Thiên
- d. Quảng Nam

- HS thực hiện nhiệm vụ:
- HS báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ:

4.VẬN DỤNG

Hoạt động của GV - HS	Kiến thức cần đạt
<p>GV giao nhiệm vụ: Đọc văn bản sau và trả lời các câu hỏi từ 1 đến 3:</p> <p><i>Ngày xưa, Trần Hưng Đạo khuyên vua chước giữ nước hay hơn cả là “lúc bình thời, khoan sức cho dân để kế sâu rễ, bền gốc”. Nguyễn Trãi chê Hồ Quý Ly để</i></p>	<p>Câu 1. Nhan đề: Lấy dân làm trọng/ Vì dân/ Tư tưởng “thân dân” của Hồ Chí Minh.</p> <p>Câu 2. Phần trích trình bày ý theo trình tự thời gian: ngày xưa – ngày nay.</p> <p>Câu 3. Tác giả đưa những nhân vật lịch sử như Trần Hưng Đạo, Nguyễn Trãi, Hồ Quý Ly vào đoạn văn thứ nhất nhằm làm nổi bật những điểm kế thừa và khác biệt với truyền thống tư tưởng “thân dân” của Hồ Chí Minh – được nói</p>

Ngữ văn 12

không biết lấy sức dân làm văn thứ hai.

trọng. Các đảng anh hùng dân tộc đều lập nên công lớn, đều rất coi trọng sức dân để giữ nước, chống giặc.

Ngày nay, Hồ Chủ Tịch kêu gọi: “Diệt giặc đói, diệt giặc dốt, diệt giặc ngoại xâm”. Người nói: phải “dựa vào lực lượng của dân, tinh thần của dân”. Khác với người xưa, Hồ Chủ Tịch chỉ rõ: Làm những việc đó là “để mưu cầu hạnh phúc cho dân”.

Câu 1. Đặt nhan đề cho phần trích trên?

Câu 2. Phần trích trình bày ý theo trình tự nào?

Câu 3. Tác giả đưa những nhân vật lịch sử như Trần Hưng Đạo, Nguyễn Trãi, Hồ Quý Ly vào đoạn văn thứ nhất để tạo hiệu quả lập luận như thế nào? Trả lời trong khoảng 4-6 dòng.

- HS thực hiện nhiệm vụ:

- HS báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ:

. TÌM TÒI, MỞ RỘNG.

Hoạt động của GV - HS	Kiến thức cần đạt
-----------------------	-------------------

Ngữ văn 12

<p>GV giao nhiệm vụ:</p> <ul style="list-style-type: none">- Tìm đọc toàn bộ Hồi kí- So sánh sự khác nhau giữa tùy bút-bút kí và hồi kí. <p>-HS thực hiện nhiệm vụ:</p> <ul style="list-style-type: none">- HS báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ:	<p>-Tìm đọc ở thư viện, mạng IE</p> <p>- Chỉ ra sự khác nhau giữa 3 thể loại:</p> <p>1. TÙY BÚT:</p> <ul style="list-style-type: none">- Nét nổi bật ở tùy bút là tính chủ quan, chất trữ tình rất đậm. <p>Nhân vật chính là “cái tôi” của nhà văn. Qua việc ghi chép những con người và sự kiện cụ thể, có thực, nhà văn chú trọng bộc lộ cảm xúc, suy tư và nhận thức, đánh giá của mình về con người và cuộc sống hiện tại.</p> <p>-Một số tùy bút tiêu biểu: <i>Sông Đà (Nguyễn Tuân); Đường</i></p>
--	--

	<p>dụng hư cấu vào việc phản ánh hiện thực.</p> <p>- Bút kí ghi lại những con người thực và sự việc mà nhà văn đã tìm hiểu nghiên cứu cùng với những cảm nghĩ của mình nhằm thể hiện một tư tưởng nào đó.</p> <p>4.HỒI KÍ:</p> <p>- Thuộc thể kí, kể lại những biến cố đã xảy ra trong quá khứ mà tác giả là người tham dự hoặc chứng kiến.</p> <p>- Về phương diện tư liệu, về tính xác thực và không có hư cấu, hồi kí gần với văn xuôi lịch sử...</p>
--	---

TIẾT THỨ: 51/Tuần: 17

ÔN TẬP PHẦN VĂN HỌC

Ngày soạn:

Ngày thực

hiện:

A. VẤN ĐỀ CẦN GIẢI QUYẾT

I. Tên bài học : Ôn tập phần văn học

II. Hình thức dạy học : DH trên lớp.

III. Chuẩn bị của giáo viên và học sinh

1/Thầy

- Giáo án

-Phiếu bài tập, trả lời câu hỏi

-Hình ảnh , phim ảnh về các tác giả, tác phẩm tiêu biểu

-Bảng phân công nhiệm vụ cho học sinh hoạt động trên lớp

-Bảng giao nhiệm vụ học tập cho học sinh ở

nhà 2/Trò

-Đọc lại các bài đọc hiểu đã học

-Các sản phẩm thực hiện nhiệm vụ học tập ở nhà (do giáo viên giao từ tiết trước)

-Đồ dùng học tập

B. NỘI DUNG BÀI HỌC

- Phong cách và các quan điểm nghệ thuật của các tác giả văn học đã học.

- Nội dung cơ bản, đặc sắc nghệ thuật của các tác phẩm văn học.

- Kiến thức về lí luận văn học ở hai phạm trù thể loại và phong cách văn học

C. MỤC TIÊU BÀI HỌC

1. Kiến thức :

a/ Nhận biết: Nắm được một cách hệ thống những kiến thức cơ bản về văn học Việt Nam và văn học nước ngoài trong chương trình Ngữ văn 12, tập I. Vận dụng linh hoạt và sáng tạo những kiến thức đó.

b/ Thông hiểu:Rèn luyện năng lực phân tích văn học theo từng cấp độ : sự kiện, tác giả, tác phẩm, hình tượng, ngôn ngữ văn học.

c/Vận dụng thấp:Trau dồi kĩ năng đọc-hiểu và viết văn nghị

Ngữ văn 12

luận. d/Vận dụng cao:Viết thu hoạch, hệ thống hoá kiến thức đã học.

2. Kỹ năng :

Ngữ văn 12

a/ Biết làm: bài nghị luận văn học

b/ Thông thạo: các bước hệ thống hoá kiến thức. 3. Thái độ :

a/ Hình thành thói quen: đọc hiểu văn bản về tác gia , tác phẩm văn học hiện

đại b/ Hình thành tính cách: tự tin khi trình bày một bài ôn tập

c/ Hình thành nhân cách: có tình yêu văn học

D. TIẾN TRÌNH TỔ CHỨC BÀI HỌC

1. KHỞI ĐỘNG (5 phút)

<i>Hoạt động của Thầy và trò</i>	<i>Chuẩn kiến thức kỹ năng cần đạt, năng lực cần phát</i>
<ul style="list-style-type: none">- GV giao nhiệm vụ: GV hướng dẫn học sinh tìm hiểu về bài học bằng cách cho HS:<ul style="list-style-type: none">- Xem chân dung một số nhà thơ, nhà văn đã học ở HKI- Xem một đoạn videoclip về kháng chiến chống Pháp, chống Mỹ- HS thực hiện nhiệm vụ:- HS báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ:<p>Từ đó, giáo viên giới thiệu <i>Vào bài</i>: Như vậy, các em đã học xong phần VHVN từ sau 1945 đến hết thế kỉ XX, trong đó nổi bật là văn chính luận và phân thơ. Hôm nay, chúng ta cùng ôn tập để hệ thống lại toàn bộ kiến thức đã học.</p>	<ul style="list-style-type: none">- Nhận thức được nhiệm vụ cần giải quyết của bài học.- Tập trung cao và hợp tác tốt để giải quyết nhiệm vụ.- Có thái độ tích cực, hứng thú.

2. HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

Hoạt động của GV - HS	Kiến thức cần đạt
<p>* Thao tác 1 : Hướng dẫn HS hệ thống hóa kiến thức HS hoạt động nhóm theo hướng dẫn của GV: + Nhóm 1: Thành tựu của văn học Việt Nam từ năm 1945 đến năm 1954.</p> <p>+ Nhóm 2: Thành tựu của văn học Việt Nam từ năm 1955 đến năm 1964. + Nhóm 3: Thành tựu của văn học Việt Nam từ năm 1965 đến năm 1975. Nhóm 4: Thành tựu của văn học Việt Nam từ năm 1975 đến hết thế kỉ XX.</p> <p>* HS đại diện nhóm trả lời, nhóm còn lại góp ý bổ sung + Nhóm 1: Chặng đường 1945 - 1954 - Văn học phản ánh được không khí hồ hởi vui sướng đặc biệt của nhân dân ta khi Đất Nước vừa giành được độc lập.</p>	<p>I. Nội dung ôn tập 1. Quá trình phát triển của văn học Việt Nam từ năm 1945 đến hết thế kỷ XX a) Chặng đường 1945 - 1954</p>

Ngữ văn 12

Từ cuối năm 1946, văn học tập trung phản ánh cuộc kháng chiến chống Pháp. Văn học gắn bó với đời sống cách mạng và kháng chiến, tập trung khám phá sức mạnh và phẩm chất tốt đẹp của quần chúng nhân dân, thể hiện ở niềm tự hào dân tộc và niềm tin vào tương lai tất thắng của cuộc kháng chiến.

+ Truyện ngắn và ký, tiêu biểu : Một lần tới thủ đô và Trận phố Ràng của Trần Đăng, Đôi mắt, Nhật ký ở rừng của Nam Cao, Làng của Kim Lân, Vùng mỏ của Võ Huy Tâm, Xung kích của Nguyễn Đình Thi, Đất nước đứng lên của Nguyên Ngọc.

+ Thơ ca : Cảnh khuya, Rằm tháng giêng, Lên núi của Hồ Chí Minh, Bên kia sông Đuống của Hoàng Cầm, Tây Tiến của Quang Dũng, Nhớ của Hồng Nguyên, Cá nước, Việt Bắc của Tố Hữu...

+ Kịch : Bắc Sơn của Nguyễn Huy Tưởng, Chị Hoà của Học Phi.

+ Nhóm 2:

Chặng đường 1955 - 1964

+ Văn xuôi mở rộng đề tài, bao quát nhiều vấn đề, phạm vi trong xã hội. Các tác phẩm tập trung khai thác đề tài kháng chiến chống Pháp và hiện thực đời sống trước cách mạng tiêu biểu : Tranh tối tranh sáng của Nguyễn Công Hoan Sống mãi với thủ đô của Nguyễn Huy Tưởng,... Viết về đề tài xây dựng CNXH : Sông Đà của Nguyễn Tuân, Bốn năm sau của Nguyễn Huy Tưởng,...

+ Thơ ca : Gió lộng của Tố Hữu, ánh sáng và phù sa của Chế Lan Viên...

+ Kịch : Ngọn lửa của Nguyễn Vũ, Chị Nhàn của Đào Hồng Cẩm...

+ Nhóm 3:

Chặng đường từ 1965 - 1975

- Chủ đề : Yêu nước, ca ngợi chủ nghĩa anh hùng tiêu biểu như “Người mẹ cầm súng” của Nguyễn Thị, “Rừng xà nu” của Nguyễn Trung Thành...

+ Truyện kí : Nguyễn Tuân, Nguyễn Thành Long,... khuynh hướng mở rộng và đào sâu hiện thực đồng thời bổ sung và tăng cường chất suy tư, chính luận như Ra trận, Máu và hoa của Tố Hữu, Hoa ngày thường, chim báo bão của Chế Lan Viên, Đầu súng trăng treo của Chính Hữu,... xuất hiện những đóng góp của một

Duật, Nguyễn

số nhà thơ trẻ thời chống Mĩ như Phạm Tiến

b) Chặng đường 1955 - 1964

c) Chặng đường từ 1965 - 1975

d) Chặng đường từ 1975 đến hết thế kỉ XX

Ngữ văn 12

<p>Khoa Điềm,...</p> <p>+ Nhóm</p> <p>4:</p> <p>Chặng đường từ 1975 đến hết thế kỉ XX</p> <p>+ Đổi mới thơ ca tiêu biểu như Chế Lan Viên.</p> <p>Hiện tượng mở rộng thơ ca sau năm 1975 là một trong những thành tựu nổi bật của thơ ca giai đoạn này : Những người đi tìm tới biển của Thanh Thảo, Đường tới thành phố của Hữu Thỉnh, Trường ca sư đoàn của Nguyễn Đức Mậu,...</p> <p>+ Một số cây bút bộc lộ ý thức muốn đổi mới cách viết mới về chiến tranh, cách tiếp nhận hiện thực đời sống : Đất trắng của Nguyễn Trọng Oánh,...</p> <p>Từ năm 1986, văn học gắn bó với cuộc sống hằng ngày. Phóng sự xuất hiện đề cập văn xuôi thực sự khởi sắc với tập truyện ngắn Chiếc thuyền ngoài xa, Cỏ lau của Nguyễn Minh Châu...</p> <p>- Từ sau năm 1975 kịch nói phát triển mạnh mẽ</p>	
<p>* Thao tác 1 :</p> <p>Hướng dẫn HS ôn lại 3 đặc điểm cơ bản.</p> <p>GV: Nêu đặc điểm cơ bản của văn học Việt Nam từ 1945 – 1975?</p> <p>* HS trả lời cá nhân</p> <p>a) Văn học vận động theo khuynh hướng cách mạng hoá, mang đậm tính dân tộc sâu sắc.</p> <p>Đây là một đặc điểm nói lên bản chất của văn học Việt Nam (1945 - 1975) văn học giai đoạn này thống nhất về nhiều mặt phụng sự kháng chiến và có tinh thần nhân dân sâu sắc.</p> <p>b) Văn học gắn bó mật thiết với vận mệnh chung của đất nước</p> <p>Văn học tập trung vào 2 đề tài chính đó là : Tổ quốc và chủ nghĩa xã hội</p> <p>Đây cũng là một đặc điểm cơ bản của văn học Việt Nam (1945 - 1975). Văn học giai đoạn này gắn bó với vận mệnh chung của Đất Nước của cộng đồng dân tộc. Đề tài bao trùm của văn học là Tổ Quốc và chủ nghĩa xã hội</p> <p>c) Văn học phản ánh hiện thực đời sống trong quá trình vận động và phát triển của cách mạng</p> <p>Kết hợp giữa khuynh hướng sử thi và khuynh hướng lãng mạn.</p>	<p>2. Đặc điểm cơ bản của văn học Việt Nam từ 1945 - 1975</p> <p>a) Văn học vận động theo khuynh hướng cách mạng hoá, mang đậm tính dân tộc sâu sắc.</p> <p>b) Văn học gắn bó mật thiết với vận mệnh chung của đất nước</p> <p>c) Văn học phản ánh hiện thực đời sống trong quá trình vận động và phát triển của cách mạng</p>

Ngữ văn 12

<p>Đây là một đặc điểm thể hiện khuynh hướng thẩm mỹ của văn học Việt Nam những năm 1945 - 1975. Văn học giai đoạn này mang đậm tính sử thi và chất lãng mạn, thấm đượm chất anh hùng ca, tạo nên vẻ đẹp riêng, mang đậm tính thời đại. Khuynh hướng sử thi và cảm hứng lãng mạn đã đáp ứng được yêu cầu phản ánh hiện thực đời sống trong quá trình vận động và phát triển của văn học giai đoạn</p>	
<p>* <u>Thao tác</u></p> <p><u>1:</u> Tổ chức ôn tập về quan điểm sáng tác văn học nghệ thuật của Nguyễn ái Quốc - Hồ Chí Minh? Chứng minh mối quan hệ có tính nhất quán của quan điểm sáng tác với sự nghiệp văn học của người</p> <p>* <i>HS trả lời cá nhân</i></p> <p>- Hồ Chí Minh coi nghệ thuật là thứ vũ khí chiến đấu lợi hại phụng sự cho sự nghiệp cách mạng : Quan điểm này bộc lộ rõ trong Tuyên ngôn nghệ thuật :</p> <p><i>Nay ở trong thơ nên có thép Nhà thơ cũng phải biết xung phong</i></p> <p>(Cảm tưởng đọc thiên gia thi)</p> <p>Sau này trong Thư gửi của hoạ sỹ nhân dịp triển lãm hội hoạ năm 1951 Người lại khẳng định</p> <p>: “Văn hoá nghệ thuật cũng là một mặt trận, anh chị em là chiến sỹ trên mặt trận ấy”.</p> <p>- Hồ Chí Minh luôn chú trọng tính chân thật và tính chân thật của văn chương, Người coi tính chân thật như một thước đo giá trị của văn chương nghệ thuật. Người nhắc nhở người nghệ sỹ “Nên chú ý phát huy cốt cách dân tộc và đề cao sự sáng tạo, chớ gò bó họ vào khuôn làm mất vẻ sáng tạo”.</p> <p>- Khi cầm bút, Hồ Chí Minh bao giờ cũng xuất phát từ mục đích, đối tượng tiếp nhận để quyết định nội dung và hình thức của tác phẩm văn học. người luôn tự đặt câu hỏi : “Viết cho ai?”(đối tượng) “Viết để làm gì ?”(mục đích). Sau đó mới quyết định “Viết cái gì ?”(nội dung) và viết “Như thế nào” (hình thức). Chính vì chú ý từ một cách toàn diện từ đối tượng</p>	<p>2. Quan điểm sáng tác văn học nghệ thuật của Nguyễn ái Quốc- Hồ Chí Minh.</p>

Ngữ văn 12

<p>với sự nghiệp văn học của Người :</p> <p>VD : Chẳng hạn truyện ngắn Vi hành được Người sáng tác vào đầu năm 1923 nhằm vạch trần tội ác của tên vua bù nhìn Khải Định trong chuyến đi Pháp nhục nhã của hắn, năm 1922 dự cuộc đấu xảo thuộc địa ở Macxây.</p> <p>Lấy việc tố cáo lật tẩy tính chất bù nhìn, tay sai dơ dáy của nhân vật nói trên làm mục đích, cho nên tinh thần châm biếm, đả kích đã trở thành linh hồn của tác phẩm. Tinh thần ấy thấm vào toàn bộ tác phẩm (từ giọng văn khắc hoạ hình tượng nhân vật, đến mọi chi tiết của tác phẩm).</p> <p>Tác phẩm được viết ra nhằm mục đích hướng tới độc giả người Pháp và những người biết tiếng Pháp cho nên phải viết bằng một bút pháp</p>	<p>HẾT TIẾT I</p>
<p>* Thao tác</p> <p>1 :</p> <p>Hướng dẫn HS ôn tập tác phẩm Tuyên ngôn</p> <p>Độc lập</p> <p>* Nhóm 1 : Câu 4-SGK</p> <p>Về mục đích và đối tượng của văn bản Tuyên ngôn độc lập (căn cứ vào hoàn cảnh cụ thể khi Hồ Chí Minh đọc Tuyên ngôn độc lập) ?</p> <p>- Phân tích nội dung và hình thức của tác phẩm để làm rõ Tuyên ngôn độc lập vừa là một áng văn chính luận mẫu mực, vừa là một áng văn chan chứa những tình cảm lớn ?</p> <p>* Nhóm 2 : câu 5 SGK</p> <p>5. Tổ chức ôn tập về thơ Tố Hữu</p> <p>- Vì sao nói Tố Hữu là nhà thơ trữ tình - chính trị. Phân tích khuynh hướng sử thi và cảm hứng lãng mạn trong thơ Tố Hữu.</p> <p>* Nhóm 3: câu 6-SGK</p> <p>6. Tổ chức ôn tập bài thơ Việt Bắc</p>	<p>4. Tuyên ngôn Độc lập</p> <p>a) Mục đích đối tượng của “Tuyên ngôn độc lập</p> <ul style="list-style-type: none"> - Mục đích - Đối tượng hướng đến của bản tuyên ngôn <p>b) Làm rõ Tuyên ngôn độc lập vừa là một áng văn chính luận mẫu mực vừa là một áng văn chan chứa tình cảm lớn.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tuyên ngôn độc lập là một áng văn chính luận mẫu mực - Tuyên ngôn độc lập còn là một áng văn xúc động lòng người. <p>5. Tố Hữu</p> <p>Tố Hữu là một trong số những nhà thơ lớn của nền thơ hiện đại Việt Nam. Tố Hữu là nhà thơ trữ tình - chính trị</p> <p>6. Bài thơ Việt Bắc</p> <p>Nghệ thuật biểu hiện của bài thơ Việt Bắc đậm đà bản sắc dân tộc.</p> <p>7. <i>Tây Tiến</i> của Quang Dũng</p>

chí” của Chính Hữu)

*** HS đại diện nhóm trả lời, nhóm còn lại góp ý bổ sung**

*** Nhóm 1**

a) Mục đích đối tượng của “Tuyên ngôn độc lập

- Mục đích

+ Khẳng định quyền lợi tự do độc lập của dân tộc Việt Nam

+ Cuộc tranh luận ngầm vạch trần luận điệu xảo quyệt của kẻ địch và dư luận quốc tế

- Đối tượng hướng đến của bản tuyên ngôn

+ Nhân dân thế giới

+ Đồng bào cả nước

+ Bọn đế quốc Anh, Mĩ, thực dân Pháp.

b) Làm rõ Tuyên ngôn độc lập vừa là một áng văn chính luận mẫu mực vừa là một áng văn chan chứa tình cảm lớn.

- Tuyên ngôn độc lập là một áng văn chính luận mẫu mực :

+ Lập luận chặt chẽ trong toàn bài :

Trích dẫn 2 văn bản tuyên ngôn của Pháp, Mĩ đồng thời suy rộng ra vấn đề độc lập dân tộc bên cạnh quyền con người và quyền công dân.

+ Luận điểm xác đáng có sức thuyết phục. Tố cáo sự chà đạp chân lí đó của thực dân ở Việt Nam, đặc biệt là lợi dụng lá cờ tự do, bình đẳng, bác ái. Lên án sự phản bội trắng trợn, đê hèn, vong ân bội nghĩa của chúng, khẳng định quyền tự chủ chính đáng của nhân dân Việt Nam.

+ Lời lẽ đanh thép, giọng văn hùng biện

Sức mạnh của lí lẽ chính là sự thật. Tác giả đã dùng hàng loạt thực tế lịch sử để chứng minh thực dân Pháp “đã không bảo hộ” được Việt Nam, thực dân Pháp đã phản bội Việt Nam, TD Pháp đã reo rất nhiều tội ác với nhân dân Việt Nam.

Dùng thực tế để khẳng định : Sự độc lập của Việt Nam phù hợp với lẽ phải và công lý và đạo lý.

- Tuyên ngôn độc lập còn là một áng văn xúc động lòng người. Chất văn của tác phẩm được bộc lộ qua tấm lòng của Bác đối với nước nhà, dân tộc gây xúc động sâu sắc tới người nghe. Đó là lòng yêu nước nồng nàn và lòng tự hào dân tộc mãnh liệt, khát vọng độc lập, tự do với ý thức quyết tâm giữ vững quyền tự do, độc lập ấy. Tất cả đã được thể

hiện trên từng câu chữ nhất là giọng văn vừa

Ngũ văn 12

thiết tha, vừa hùng hồn, danh

thép.

+ Ngôn ngữ chính xác, giàu sắc thái biểu cảm, từ ngữ chọn lọc súc tích. Dùng hàng loạt động từ chính xác giàu sắc thái biểu cảm, điệp từ, điệp ngữ có tính khẳng định nhấn mạnh.

*** Nhóm 2**

Tố Hữu là nhà thơ trữ tình - chính trị

- Tố Hữu là một thi sỹ - chiến sỹ, một kiểu mẫu nhà văn - chiến sỹ thời đại cách mạng.

- Thơ ông trước hết nhằm phục vụ cuộc đấu tranh cách mạng, cho những nhiệm vụ chính trị cơ bản của mỗi giai đoạn cách mạng.

- Tố Hữu đã đem đến cho dòng thơ cách mạng một tiếng nói trữ tình mới với những cảm xúc, tình cảm mang tính cụ thể, trực tiếp nói cái tôi cá thể bừng sáng và thức tỉnh sâu sắc lí tưởng cách mạng. Một cái tôi riêng tư có sự hoà hợp với cái chung - một con người ở giữa mọi người trong cuộc đời.

- Thơ Tố Hữu chủ yếu khai thác cảm hứng từ đời sống chính trị của Đất Nước, từ tình cảm chính trị của bản thân nhà thơ, ông là nhà thơ của lẽ sống lớn, tình cảm lớn, niềm vui lớn của con người cách mạng và cuộc sống cách mạng. ở những bài thơ hay nhất của Tố Hữu thường có sự kết hợp cả 3 chủ đề : Lẽ sống cách mạng, niềm vui lớn và ân tình cách mạng. Trong thơ Tố Hữu chủ yếu là cái tôi dân tộc và cách mạng.

- Thơ Tố Hữu cũng rất tiêu biểu cho cảm hứng lãng mạn. Đó là cảm hứng lãng mạn cách mạng. Thơ ông tập trung thể hiện vẻ đẹp lí tưởng của con người và cuộc sống mới, thể hiện niềm tin vững chắc vào tương lai tươi sáng của cách mạng, của Đất Nước, dấu hiện tại còn nhiều khó khăn, hi sinh gian khổ.

*** Nhóm 3**

Nghệ thuật biểu hiện của bài thơ Việt Bắc đậm đà bản sắc dân tộc

- Tố Hữu đã phát huy được nhiều thể mạnh của thể thơ lục bát truyền thống.

+ Cấu tứ : Là cấu tứ của ca dao với hai nhân vật trữ tình “ta” và “mình”, người ra đi và người ở lại hát đối đáp với nhau.

+ Nhà thơ rất chú ý sử dụng kiểu tiểu đối của ca dao, có tác dụng nhấn mạnh ý thơ, tạo ra nhịp thơ uyển chuyển cân xứng, hài hoà làm cho lời thơ dễ nhớ, dễ thuộc thấm sâu vào tâm tư :

- *Mình về rừng núi nhớ ai*

Ngữ văn 12

<p><i>Trám bụi để rụng, mẵng mai để già</i></p> <p>- Về ngôn ngữ thơ :</p> <p>Tổ Hữu chú trọng lời ăn tiếng nói của nhân dân rất giản dị, mộc mạc nhưng cũng rất sinh động để tái hiện lại một thời cách mạng và kháng chiến đầy gian khổ mà dạt dào tình nghĩa. Đó là : ngôn ngữ rất giàu hình ảnh cụ thể, ngôn ngữ rất giàu nhạc điệu, thơ Tổ Hữu sử dụng rất nhuần nhuyễn phép trùng điệp của ngôn ngữ dân gian.</p> <p>Tất cả tạo ra giọng điệu trữ tình nghe tha thiết, êm ái, ngọt ngào như âm hưởng lời ru đưa ta vào từng kỉ niệm và nghĩa tình thủy chung.</p> <p>* Nhóm 4</p> <p>Người lính hiện về trong hồi tưởng như một biểu tượng xa vời trong thời gian và không gian hoài niệm không dứt một nỗi nhớ thương mệnh mang (nhớ về, nhớ chơi vui....)</p> <p>- Người lính được miêu tả rất thực trong những sinh hoạt cụ thể hằng ngày, trong những bước đi nặng nhọc trên đường hành quân với những đói rét bệnh tật với những nét vẽ tiêu tụy về hình hài song vẫn phong phú trong đời sống tâm hồn với những khát vọng tuổi trẻ.</p> <p>Liên hệ so sánh với người lính trong Đồng chí để thấy được nét tương đồng của người lính vệ quốc.</p> <p>- Tác giả phát hiện ra vẻ đẹp trong đời sống tâm hồn của người lính.</p> <p>Nhạy cảm trước vẻ đẹp của thiên nhiên núi rừng với những cảnh sắc độc đáo rất tinh tế : (hùng vĩ, dữ dội, phi thường và duyên dáng trữ tình thơ mộng).</p> <p>+ Cháy bỏng khát vọng chiến công, Ôm ấp về giấc mơ đẹp về tình yêu tuổi trẻ.</p> <p>Vẻ đẹp tâm hồn của người lính : lãng mạn, đa tình. So sánh với người lính trong “đồng chí” (là nông dân chất phác, bình dị gắn bó với làng quê nghèo...) để làm nổi bật nét riêng tài hoà</p>	
<p>* Thao tác</p> <p>1:</p> <p>Hướng dẫn HS ôn tập về đề tài quê hương đất nước</p> <p>.</p> <p>* Nhóm</p> <p>1,3</p> <p>Những khám phá riêng của nhà thơ về đất</p>	<p>8. Đề tài quê hương đất nước qua Đất nước (Nguyễn Đình Thi), đoạn trích Đất nước trong trường ca Mặt đường khát vọng (Nguyễn Khoa Điềm)</p> <p>Khám phá riêng từ quê hương đất nước</p> <p>a) Nguyễn Đình Thi</p>

Ngữ văn 12

<p>Những khám phá riêng của nhà thơ về đất nước quê hương qua đoạn trích Đất nước trong trường ca Mặt đường khát vọng (Nguyễn Khoa Điềm)</p> <p>9. Tổ chức ôn tập bài thơ Sóng của Xuân Quỳnh.</p> <p>Phân tích hình tượng sóng trong bài thơ cùng tên của Xuân Quỳnh. Anh (chị) cảm nhận được gì về tâm hồn người phụ nữ trong tình yêu của bài thơ này?</p> <p>* HS đại diện nhóm trả lời, nhóm còn lại góp ý bổ sung</p> <p>* Nhóm 1,3 Khám phá riêng từ quê hương đất nước a) Nguyễn Đình Thi - Hình ảnh đất nước qua hai mùa thu (Mùa thu xưa : đẹp, buồn/ Mùa thu nay : đẹp, vui) - Đất nước hào hùng trong chiến đấu. - Đất nước vinh quang trong chiến thắng. Tóm lại, Nguyễn Đình Thi tự hào, ngợi ca đất nước vất vả đau thương, bất khuất, anh hùng trong chiến thắng chống Pháp.</p> <p>* Nhóm 2,4 Đất nước bắt nguồn từ những gì gần gũi nhất, thân thiết nhất và bình dị nhất trong đời sống vật chất và đời sống tâm linh của con người. - Đất nước được cảm nhận từ phương diện địa lí và lịch sử thời gian và không gian. - Đất nước là nơi thống nhất các yếu tố lịch sử, văn hoá, phong tục. - Từ sự cảm nhận ấy dẫn đến một thái độ đầy trách nhiệm ấy của mỗi cá nhân trong cộng đồng. Một sự cảm nhận riêng mang tầm thời đại. Tư tưởng đất nước của nhân dân. Tóm lại, Nguyễn Khoa Điềm thức tỉnh tuổi trẻ và mỗi người nhận biết về cội rễ và nguồn mạch chính của Đất Nước. Khám phá truyền thống "đất nước của nhân dân". Cảm xúc lắng sâu trong nhận thức và trách nhiệm, cảm xúc lắng sâu trong nhận thức và trách nhiệm, hình ảnh thơ được khơi nguồn trong ca dao thần thoại</p>	<p>nhân a) phân tích hình tượng sóng : - Sóng là hình ảnh ẩn dụ của người con gái đang yêu, là sự hoá thân, phân thân của cái tôi trữ tình của nhà thơ. Cùng với hình tượng sóng</p>
---	---

*** HS trả lời cá**

b) Nguyễn Khoa Điềm:

Nhận xét: Hai bài thơ ra đời trong hai thời điểm khác nhau, hai nhà thơ có tiếng nói thời đại khác nhau và họ đã có những bản thông điệp khác nhau về đất nước từ những góc nhìn văn hóa khác nhau. Nhưng điểm gặp gỡ và hội tụ là tình yêu quê hương đất nước và ý thức trách nhiệm phải giữ gìn, bảo vệ non sông đất nước.

9. Bài thơ Sóng của Xuân Quỳnh

a) Phân tích hình tượng sóng :

Ngữ văn 12

<p>bài thơ còn có một hình tượng nữa là em-cái tôi trữ tình của nhà thơ. “Em” và “Sóng” có lúc phân đôi để soi chiếu lại hoa nhập vào (để tạo nên sự âm vang cộng hưởng).</p> <p>- Hình tượng sóng trước hết được gọi ra từ âm hưởng dào dạt, nhịp nhàng của bài thơ. Đó là nhịp của những con sóng trên biển liên tiếp triền miên. Đó còn là nỗi lòng đang tràn ngập, đang khao khát tình yêu vô hạn, đang đồng điệu với sóng biển.</p> <p>- Qua hình tượng sóng, Xuân Quỳnh đã diễn tả vừa cụ thể vừa sinh động nhiều trạng thái tâm trạng những cung bậc tình cảm khác nhau trong trái tim của người phụ nữ đang rạo rức khao yêu đương.</p> <p>+ Mỗi trạng thái tâm hồn cụ thể của người phụ nữ đang yêu đều có thể tìm thấy sự tương đồng của nó với một khía cạnh, một đặc tính nào đó của cuộc sống.</p> <p>+ Dùng hình tượng sóng để biểu hiện cũng chưa đủ chưa hết, chưa thoả cái tôi trữ tình của nhà thơ nhiều khi trực tiếp nói lên tình cảm tha thiết mãnh liệt của mình.</p> <p>- Xuân Quỳnh đã mượn hình tượng sóng để nói và nghĩ về tình yêu.</p> <p>+ Đó là cuộc hành trình khởi đầu, là sự từ bỏ cái chật chội, nhỏ hẹp để tìm đến một tình yêu bao la rộng lớn và cuối cùng là khát vọng được sống hết mình trong tình yêu vĩnh viễn hoá tình yêu của mình.</p> <p>+ Những ý nghĩ này có vẻ tự do tản mạn nhưng từ chiều sâu của thi thứ vẫn có sự vận động nhất quán.</p> <p>b) Phát biểu cảm nhận của mình.</p> <p>- Qua hình tượng sóng và cả bài thơ, chúng ta có thể cảm nhận được vẻ đẹp tâm hồn của người phụ nữ trong tình yêu. Người phụ nữ ấy mạnh bạo chủ động bày tỏ những khát khao yêu đương mãnh liệt và những rung động rạo rức trong lòng mình.</p> <p>Tâm hồn phụ nữ giàu khao khát, không yên lặng. Đó là tâm hồn trong sáng thuỷ chung vô hạn.</p> <p>-> Quan niệm tình yêu như vậy rất gần gũi với mọi người có gốc rễ trong tâm hồn của dân tộc.</p>	<p>câu 12.</p>
--	----------------

- GV hướng dẫn HS về nhà thực hiện các

b) Phát biểu cảm nhận của mình.

Câu 12: Điểm thống nhất và khác biệt của phong cách nghệ thuật Nguyễn Tuân trước và sau Cách mạng tháng Tám 1945 qua truyện ngắn *Chữ người tử tù* và tùy bút *Người lái đò Sông Đà*:

- Những điểm thống nhất:

+ Có cảm hứng mãnh liệt trước những cảnh tượng độc đáo, tác động mạnh vào giác quan nghệ sĩ.

+ Tiếp cận thế giới thiên về phương diện thẩm mỹ, tiếp cận con người thiên về phương diện tài

Ngữ văn 12

<p>- So sánh <i>Chữ người tử tù</i> (Ngữ văn 11, tập Một) với <i>Người lái đò Sông Đà</i>, nhận xét những điểm thống nhất và khác biệt của phong cách nghệ thuật Nguyễn Tuân trước và sau Cách mạng tháng Tám năm 1945?</p> <p>+ GV lưu ý thêm cho HS vì sao lại có sự khác biệt đó trong phong cách sáng tác của Nguyễn Tuân.</p> <p>- Sau khi các nhóm trình bày, GV nhận xét và chốt ý.</p> <p>- GV hướng dẫn HS về nhà thực hiện các câu 10, 11.</p>	<p>hoa nghệ sĩ.</p> <p>+ Ngòi bút tài hoa, uyên bác.</p> <p>- Những điểm khác biệt:</p> <p>+ Nếu trong <i>Chữ người tử tù</i>, Nguyễn Tuân đi tìm cái đẹp trong quá khứ “vang bóng một thời”, thì trong <i>Người lái đò Sông Đà</i>, nhà văn đi tìm cái đẹp trong cuộc sống hiện tại.</p> <p>+ Trong <i>Chữ người tử tù</i>, Nguyễn Tuân đi tìm chất tài hoa nghệ sĩ ở tầng lớp những con người thực sự là những nghệ sĩ. Còn trong <i>Người lái đò Sông Đà</i>, ông đi tìm chất tài hoa nghệ sĩ trong đại chúng nhân dân. Cái đập mạnh vào giác quan nghệ sĩ của ông giờ đây là những thành tích của nhân dân trong lao động.</p>
--	--

3.LUYỆN TẬP

Hoạt động của GV - HS					Kiến thức cần đạt
<p>GV giao nhiệm vụ:</p> <p>Bảng thống kê các tác giả tác phẩm tiêu biểu của văn học Việt Nam từ năm 1945 đến hết thế kỷ</p>					<p>- Chọn kiến thức cơ bản để điền vào ô trống.</p>
	Văn xuôi	Thơ ca	Kịch		
Từ 1945 đến 1954					
Từ 1955 đến 1964					
Từ 1965 đến 1975					
Từ 1975 đến hết thế kỷ					

Ngữ văn 12

<ul style="list-style-type: none"> - HS thực hiện nhiệm vụ: - HS báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ: 	
--	--

4.VẬN DỤNG

Hoạt động của GV - HS	Kiến thức cần đạt															
<p>GV giao nhiệm vụ: thể lập bảng so sánh nét riêng của hình tượng người lính trong <i>Tây Tiến</i> của Quang Dũng và <i>Đồng chí</i> của Chính Hữu để ghi nhớ:</p> <table><tr><th></th><th>Tây Tiến</th><th>Đồng chí</th></tr><tr><td>Xuất thân</td><td>.....</td><td>.....</td></tr><tr><td>Bút pháp miêu tả</td><td>.....</td><td>.....</td></tr><tr><td>Khung cảnh</td><td>.....</td><td>.....</td></tr><tr><td>Tính chất hình tượng</td><td>.....</td><td>.....</td></tr></table>		Tây Tiến	Đồng chí	Xuất thân			Bút pháp miêu tả			Khung cảnh			Tính chất hình tượng			<p>- Chọn kiến thức cơ bản để điền vào ô trống.</p>
	Tây Tiến	Đồng chí														
Xuất thân																
Bút pháp miêu tả																
Khung cảnh																
Tính chất hình tượng																
<p>- HS thực hiện nhiệm vụ:</p> <p>- HS báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ:</p>																

TÌM TÒI, MỞ RỘNG.

Hoạt động của GV - HS	Kiến thức cần đạt
<p>GV giao nhiệm vụ:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thống kê những tác giả, tác phẩm đã học ở HKI - HS thực hiện nhiệm vụ: - HS báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ: 	<p>Thống kê chính xác, đầy đủ.</p>

TIẾT 52-52 : Bài viết số 4
Thi theo đề thi chung của Sở

TIẾT: 54

THỰC HÀNH CHỮA LỖI LẬP LUẬN TRONG VĂN NGHỊ LUẬN

Ngày soạn:

Ngày thực

hiện:

A. VẤN ĐỀ CẦN GIẢI QUYẾT

I. Tên bài học : Thực hành chữa lỗi lập luận trong văn nghị luận

II. Hình thức dạy học : DH trên lớp.

III. Chuẩn bị của giáo viên và học sinh

1. Giáo viên:

- Phương tiện, thiết bị:

+ SGK, SGV, Tư liệu Ngữ Văn 11, thiết kế bài học.

+ Máy tính, máy chiếu, loa...

- PPDH: Phát vấn, thuyết trình, nêu vấn đề, thảo luận nhóm, trò chơi

2. Học sinh: Sách giáo khoa, bài soạn.

B. NỘI DUNG BÀI HỌC

Thực hành chữa lỗi lập luận trong văn nghị luận

C. MỤC TIÊU BÀI HỌC

1. Kiến thức :

a/ Nhận biết: Nhận ra lỗi trong quá trình lập luận trong văn nghị

luận b/ Thông hiểu: Nguyên nhân của lỗi lập luận

c/Vận dụng thấp: Vận dụng hiểu biết về lỗi lập luận để sửa câu sai

d/Vận dụng cao:Viết bài cảm nghị luận với hành văn trong sáng, chặt chẽ.

2. Kỹ năng :

a/ Biết làm: bài nghị luận, không mắc lỗi lập luận;

b/ Thông thạo: các bước lập luận trong quá trình nghị luận.

3.Thái độ :

a/ Hình thành thói quen: đọc hiểu văn bản , nhận diện chỗ sai và cách sửa trong quá trình lập luận;

b/ Hình thành tính cách: tự tin khi diễn đạt trong quá trình lập luận;

c/Hình thành nhân cách: có ý thức giữ gìn sự trong sáng của tiếng Việt.

4. Những năng lực cụ thể học sinh cần phát triển:

-Năng lực thu thập thông tin liên quan đến văn bản có mắc lỗi trong khi diễn đạt

-Năng lực hợp tác để cùng thực hiện nhiệm vụ học tập

-Năng lực giải quyết những tình huống đặt ra trong các văn bản

-Năng lực đọc - hiểu các văn bản nghị luận;

-Năng lực sử dụng ngôn ngữ, trình bày suy nghĩ, cảm nhận của cá nhân sao cho các diễn đạt trôi chảy, trong sáng.

D. TIẾN TRÌNH TỔ CHỨC BÀI HỌC

1. KHỞI ĐỘNG (5 phút)

Hoạt động của Thầy và	trò
312	

*Chuẩn kiến thức kỹ năng
cần đạt, năng lực cần
phát triển*

Ngữ văn 12

<p>- GV giao nhiệm vụ: GV hướng dẫn học sinh tìm hiểu về bài học bằng cách cho HS làm bài trắc nghiệm:</p> <p><i>Đoạn văn sau phạm lỗi gì về lập luận?</i></p> <p>Qua bài thơ Tràng giang, nhà thơ Xuân Diệu đã khẳng định: “Tràng giang là bài thơ dọn đường cho lòng yêu giang sơn tổ quốc”, bởi vì bài thơ đã bộc lộ được tâm trạng cô đơn buồn tẻ của lớp thanh niên cũng như của tác giả.</p> <p>a. Luận điểm không rõ ràng. b. Luận cứ không chuẩn xác, không đáng tin cậy. c. Luận cứ và luận điểm không phù hợp nhau. d. Cả A, B và C.</p> <p>- HS thực hiện nhiệm vụ: - HS báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ: phương án c</p> <p>Từ đó, giáo viên giới thiệu <i>Vào bài</i>: Chúng ta đã có một tiết tìm hiểu bài Chữa lỗi lập luận trong văn nghị luận. Hôm nay, chúng ta tiếp tục thực hành bài học đó.</p>	<p>- Nhận thức được nhiệm vụ cần giải quyết của bài học.</p> <p>- Tập trung cao và hợp tác tốt để giải quyết nhiệm vụ.</p> <p>- Có thái độ tích cực, hứng thú.</p>
--	--

2. HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

Hoạt động của GV - HS	Kiến thức cần đạt
<p>* Thao tác 1:</p> <p>- GV yêu cầu một HS nhắc lại những lỗi lập luận thường gặp (đã tìm hiểu trong bài <i>Chữa lỗi lập luận trong văn nghị luận</i>).</p>	<p>I. Lỗi liên quan đến việc nêu luận điểm</p> <p>II . Lỗi liên quan đến việc nêu luận cứ</p> <p>III. Lỗi liên quan đến việc vận dụng các phương pháp luận</p>
<p>- GV hướng dẫn HS chia nhóm</p> <p>HS (hai bàn thành một nhóm) thảo luận phát hiện và phân tích các lỗi lập luận trong các đoạn văn và thực hành chữa lại đoạn văn để lập luận chặt chẽ, logic và có sức thuyết phục.</p> <p>+ Nhóm 1: phát hiện và phân tích các lỗi lập luận trong các đoạn văn a và chữa lỗi.</p>	<p>1. Đoạn văn a:</p> <p>- Lỗi lập luận: Ví dụ đưa ra không phù hợp với nội dung của câu trước đó, không làm toát lên được ý “tác động mạnh mẽ đến tâm hồn con người”.</p> <p>- Gợi ý sửa lỗi: <i>Giá trị quan trọng nhất của VHDG là giá trị nhận thức ... vừa tác động mạnh mẽ đến tâm hồn con người. Ví dụ như câu: “Thân em như tấm lụa đào – Phất phơ giữa chợ biết vào tay ai”. Câu ca dao cho người đọc thấy sự ý thức của người phụ nữ về vẻ đẹp, về giá trị của mình. Đồng thời, người đọc cũng thấy được nỗi đau về thân phận bị phụ thuộc và hạnh phúc bấp bênh ở họ. Họ đáng trân trọng và cũng đáng thương.</i></p> <p>2. Đoạn văn b:</p> <p>- Lỗi lập luận: Nội dung câu kết không phù hợp với các câu trên.</p> <p>- Sửa lỗi: bỏ đi câu</p>

Ngữ văn 12

<p>tích các lỗi lập luận trong các đoạn văn b và chữa lỗi.</p> <p>+ Nhóm 3: phát hiện và phân tích các lỗi lập luận trong các đoạn văn c và d rồi chữa lỗi.</p> <p>+ Nhóm 4: phát hiện và phân tích các lỗi lập luận trong các đoạn văn e và chữa lỗi.</p> <p>+ Nhóm 5: phát hiện và phân tích các lỗi lập luận trong các đoạn văn g và chữa lỗi.</p> <p>+ Nhóm 6: phát hiện và phân tích các lỗi lập luận trong các đoạn văn h và chữa lỗi.</p> <p>- Các nhóm thảo luận trên cơ sở mỗi thành viên đã soạn bài, thống nhất ý kiến, ghi vào bảng phụ trong thời gian 10 phút.</p> <p>- Sau khi thảo luận, GV mời từng đại diện các nhóm lên trình bày kết quả thảo luận; các nhóm khác có thể bổ sung ý kiến.</p> <p>- GV căn cứ vào kết quả trên bảng phụ của các nhóm và nhận xét, bổ sung (nếu cần).</p>	<p>- GV có thể cho điểm trực tiếp những nhóm làm việc tích cực và có kết quả tốt.</p> <p>- HS tự bổ sung vào bài soạn</p>
--	---

Ngữ văn 12

- Lỗi lập luận: Các câu văn diễn đạt ý rời rạc, không phù hợp với nhau, thiếu mạch lạc.
- Sửa lại: *Truyện ngắn “Vợ nhặt” của Kim Lân đã cho ta thấy sức mạnh của tình người trong hoàn cảnh khó khăn của cuộc sống. Trong cái đói gay gắt, họ đã biết nương tựa vào nhau, chia sẻ cho nhau. Đó chính là biểu hiện của giá trị nhân đạo trong tác phẩm.*

4. Đ

o
ạ
n

v
ã
n

d
:

- Lỗi lập luận: Câu 3 và 4 có nội dung không phù hợp với nhau.
- Sửa lỗi: *Nếu ai đã từng đi ra biển thì hẳn phải cảm nhận được vẻ đẹp kì diệu và sức mạnh của những con sóng miên man vô bờ. Những con sóng luôn biến đổi khôn lường, lúc thì êm ả dịu dàng, lúc lại sôi sục, dữ dội. Chính vì thế XQ đã ví tình yêu của mình như những con sóng để nói lên tình yêu của mình.*

5. Đ

o
ạ
n

v
ã
n

e:

- Lỗi lập luận: Câu chốt đầu đoạn đúng nhưng các câu sau không tập trung làm sáng rõ được, hơn nữa còn mắc lỗi khác ngoài lỗi lập luận.
- Sửa lỗi: *Lòng thương người của ND bao trùm lên toàn bộ tác phẩm “Truyện Kiều”. ND viết truyện thơ này như có “máu chảy trên đầu ngọn bút” (Mộng Liên Đường Chủ nhân). Đó chính là nỗi xót xa vô hạn trước kiếp hồng nhan bạc mệnh mà tiêu biểu là Thúy Kiều. Chính vì thế mà nhà thơ Tố Hữu đã khái quát rất đúng khi viết: “Tố Như ơi, lệ chảy quanh thân Kiều”.*

6. Đoạn văn g:

- Lỗi lập luận:

+ Câu trích dẫn đưa ra không phù hợp với ý kiến đưa ra: “Hình ảnh những thế hệ cây xà nu cũng gợi lên sự tiếp nối của thế hệ những người dân Xô Man” không phù hợp với trích dẫn: “Có những cây non vừa lớn...lông vũ”.

+ Có những câu tối nghĩa.

- Sửa lỗi: *Cây xà nu là một cây họ thông ..ở Tây Nguyên. Xà nu là loài cây gỗ quý và đặc biệt có sức sống rất mãnh liệt. Rừng xà nu là biểu tượng cho người dân Xô Man. Hình ảnh những thế hệ cây xà nu gợi lên sự nối tiếp của các thế hệ người dân nơi đây trong cuộc chiến không cân sức với kẻ thù hung bạo là đế quốc Mỹ.*

7. Đoạn văn h:

- Lỗi lập luận: Đưa ra những câu có ý nghĩa không ăn nhập với nhau: “Các tác phẩm VHDG đề hướng con người tới “chân, thiện, mỹ”. Không một ai là không biết đến truyện5 cổ tích “Tấm Cám”; ...
- Sửa lỗi: *Chính vì ra đời từ rất sớm và gắn liền với cuộc sống nhân dân lao động nên VHDG có giá trị trong việc bảo tồn và nuôi dưỡng tâm hồn nhân dân, hướng tới cái “chân, thiện, mỹ”. Qua nhiều tác phẩm, ta đều thấy nhân dân luôn luôn khát khao cho cái thiện thắng cái ác, ở hiền gặp lành. Không những thế, văn học dân gian còn có rất nhiều giá trị nghệ thuật đặc sắc trên các thể loại.*

của mình.	<i>Ta thử tìm hiểu điều ấy qua truyện cổ tích “Tấm Cám”.</i>
-----------	--

3.LUYỆN TẬP

Hoạt động của GV - HS	Kiến thức cần đạt
<p>GV giao nhiệm vụ:</p> <p>- HS thực hiện nhiệm vụ:</p> <p>Câu hỏi 1: Dòng nào dưới đây nêu không đúng yếu tố chính của lập luận trong bài văn nghị luận ?</p> <p>a. Luận đề b. Luận điểm c. Luận chứng d. Luận cứ</p> <p>Câu hỏi 2: Dòng nào dưới đây nêu đúng nhất cách hiểu về luận chứng?</p> <p>a. Là những ý kiến xác định của người viết về vấn đề được bàn luận b. Là việc vận dụng các phép suy luận logic, tổ chức kết hợp các lí lẽ, dẫn chứng để tăng thuyết phục cho luận điểm c. Là các tài liệu, các dẫn chứng được dùng làm cơ sở để thuyết minh cho luận điểm, d. Là những vấn đề triển khai từ luận điểm, góp phần sáng tỏ vấn đề được bàn luận</p> <p>Câu hỏi 3: Dòng nào dưới đây nêu không đúng những lỗi thường gặp trong lập luận của một bài văn nghị luận?</p> <p>a. Nêu luận điểm trùng lặp b. Đưa ra dẫn chứng không phù hợp c. Nêu luận cứ thiếu chính xác d. Lập luận mâu thuẫn</p> <p>Câu hỏi 4: Trong khi lập luận , cần chú ý điều gì ?</p> <p>a. Xác định rõ luận điểm cần trình bày b. Dùng các phương tiện ngôn ngữ phù hợp c. Chú ý tính logic, nhất quán của các luận điểm , luận cứ d. Cả 3 ý kiến trên đều đúng</p>	<p>TRẢ LỜI</p> <p>146</p> <p>[1]='a' [2]='c' [3]='b' [4]='d'</p>

Ngữ văn 12

- HS báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ:	
--	--

4.VẬN DỤNG

Hoạt động của GV - HS	Kiến thức cần đạt
GV giao nhiệm vụ: - HS thực hiện nhiệm vụ: - HS báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ:	

5. TÌM TÒI, MỞ RỘNG.

Hoạt động của GV - HS	Kiến thức cần đạt
GV giao nhiệm vụ: -HS thực hiện nhiệm vụ: - HS báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ:	